



Chim Việt Cảnh Nam

*Ngựa Hồ hí gió Bắc
Chim Việt làm tổ cảnh Nam*

<http://chimviet.free.fr>

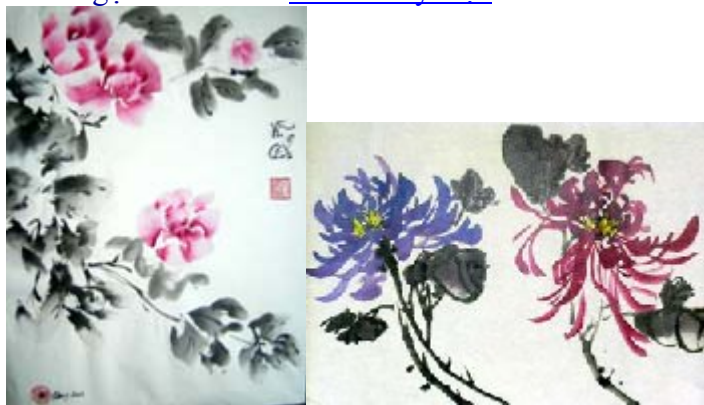
Số 31 / 14 - 05 - 2008

Quê Hương - Phong tục

. Nguyễn Dư : [Ba que xỏ lá](#)

Bạn có biết thằng ba que xỏ lá là ai không ? Không biết... thằng phải gió, thằng mắc dịch này à ? Nếu vậy thì mời bạn cùng đi... đào mả, bới gia phả nhà nó, xem nó là con cái nhà ai mà đốn mạt thế ! ... --->
[Ba que xỏ lá]

. Vũ Ngọc Cần : ---> [Tranh thủy mặc](#)



Truyện ngắn - Ký - Tạp văn

Quỳnh Chi :

Nhà Y ở trên đỉnh đồi xưa kia nhìn xuống một thung lũng thật lớn có tên là Nam Đại Cốc, nhưng nay đã mọc lên những khu nhà ở đông đúc trên đỉnh đồi lẫn ở dưới chân đồi. Từ ga đi vào nhà Y có hai cách. Hoặc ra khỏi nhà ga, cứ thế đi dọc theo đường rầy. Bên này đường rầy là đường nhựa rộng đủ hai giòng xe chạy ngược chiều, nhưng chỉ có một lề đường dành cho người đi bộ sát với hàng rào ngăn cách đường dành cho xe hơi với đường rầy. Đường rầy chạy càng đến gần nhà Y càng đi xuống dốc. Đường dành cho xe hơi thì đi dần lên đồi

cao, nên người ta mới phải làm hàng rào cản như trên đường đèo. Bên kia đường rầy là công viên rất rộng và có lẽ xưa kia cũng là một thung lũng mọc đầy rau cần, nên mới có tên là Seri ga ya hay Cần Cốc ... ---> [Hoa đào năm trước](#)

. Nguyễn Thị Chân Quỳnh :

"Mời các cụ ra xơi cơm. Cơm chín rồi."
(Tiếng nói từ xa) "Nó nói cái gì thế ? Lại ăn à ? Vừa mới ăn "gu-tê" (1) lúc 5 giờ đã đói đâu ? Để tí nữa ăn cũng được, đang nói giờ câu chuyện."
"Không được, phải ăn bây giờ, đến giờ ăn rồi."
"Ăn mà cũng phải đúng giờ à ? Tưởng đói lúc nào thì ăn lúc ấy ?" ... ---> [Bên kia vách \(Chuyên nghe qua vách\)](#)

. Hoàng Đức :

Tôi hoàn toàn mù tịt về xuất xứ của hai chữ "Già Dịch". Chẳng biết danh từ kép này do ông, bà nào "sáng chế" ra để miệt thị những đáng liến ông ít nhất cũng đến tuổi "ngũ thập tri thiên mệnh" chứ dưới năm mươi thì ai dám gọi là lão già.
Đây là tôi nói đến cái chữ "già" theo như quan niệm tuổi tác ngày nay chứ như thời xa xưa lúc nền y học đang còn phôi thai thì mấy ai sống thọ đến tuổi năm mươi. Chẳng thế mà trong sách truyện ngày xưa khi mô tả một người đàn ông ngũ tuần thì bao giờ cũng là: "một ông hay lão già trạc tuổi năm mươi" hay trang trọng hơn thì sẽ là "một lão trượng tuổi ngoài năm mươi" hoặc là trong các bài luận văn của học trò bậc tiểu học: "Nhà em có "nuôi" một ông nội tuổi năm mươi". ...---> [Già dịch](#)

. Hoài Ziang Duy :

Tôi không biết bắt đầu từ đâu cho một nỗi nhớ. Tôi không biết bắt đầu từ đâu nói lại cảm giác này. Đôi khi trong những đêm thức giấc lạnh lẽ, tôi nghĩ đến một cái chết thật dịu dàng, chưa biết thế nào, nắm núm người thân rồi cảm thấy sợ hãi. Điều này ở thời tuổi nhỏ, hay vài năm trước đây tôi chưa hề nghĩ tới. Phải chăng tuổi già đã đến hay chính tâm tư mình đã luống. Nó chợt đến chợt đi mơ hồ những lúc lòng trống không, không chút gợn đục sau giấc ngủ. Điều đó có nghĩa, khách không mời vẫn cứ thỉnh thoảng lững lững bước vô trong đời sống tĩnh lặng này... ---> [Nhân gian một chỗ](#)

. Huệ Thu :

Bài thơ hay vị tất đã là một bài thơ tề chỉnh . Ngày xưa các vị đại khoa thi xong, vua thường ban yến đãi tiệc . Các vị đỗ cao thường làm một bài thơ để lưu niệm. Như của các vị Trạng Nguyên, Bảng Nhãn hay Thám Hoa nhất định là phải đúng niêm luật nhưng chưa chắc là những bài thơ hay. Chứng cứ là cho đến ngày nay , loại thơ ấy còn mấy bài được truyền tụng. Trái lại những bài thơ hay nhất của Trung Hoa và Việt Nam chưa chắc là những bài thơ tề chỉnh, lại đôi khi còn không đúng niêm, đúng luật. ...---> [Về Hà Nội nhớ Bà Huyện Thanh Quan](#)

. Phạm Xuân Hy dịch

Chu Vị Hoàng tự là Bích Thân, hiệu là Trọng Du, người Kim Lăng, vốn dòng dõi thế gia đại tộc, nhưng đến đời Hoàng thì gia đình bắt đầu suy vi sa sút, trở thành bình dân . Nhưng Hoàng vẫn tự coi là con nhà gia thế, thường tỏ ra ngạo mạn, khinh đời.

Gặp lúc giặc cờ đỏ Hồng Tú Toàn nổi dậy phản loạn, vây hãm Kim Lăng, rồi biến nơi đó thành kinh đô, làm thành hang ổ của giặc, trong gần mười ba năm. ... :---> [Yêu vương tái thế \[PDF\]](#)

. Trần Hạ Tháp :

Từ lâu, lễ hội đền Hùng đã trở thành truyền thống dân tộc :

"Dù ai đi ngược, về xuôi..."

"Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba" ... :---> [Tìm ẩn số Tiên Rồng . . ? qua ngày giỗ Tổ Hùng Vương](#)

. T.H.Tháp :

Gã nằm xuống thoải mái. Cảm giác mát lạnh của ghế đá còn rịn hơi sương buổi sớm thu giúp gã chớp mắt ngay. Công viên thành phố không chỉ là bạn đời của những ai không nhà, các tên chích choác, kẻ sống ngoài vòng luật pháp... Đây cũng là nơi khá thân quen đối với người như gã. Ít ra đã hơn bốn tháng qua, từ khi gã rời một khách sạn năm sao trong thành phố. ... ---> [Người ngủ ghế công viên](#)

. Vô Quang Yển :

Vua Mang Rai sáng lập Chiang Mai, có nghĩa thành mới, năm 1296, để thay thế Chiang Rai làm kinh đô cho nước Lan Na Thái. Tục truyền một hôm đi săn, đàn chó mãi chạy đuổi hai con hoẵng dẫn đường lại đây. Tin là điềm lành, vua đặt tên Xaiyaphum có nghĩa là nơi thắng trận, cho xây một lâu đài, trung tâm của thành quách hình chữ nhật mà ông sẽ cho mở mang sau này. Để phòng thủ, ông cho đào hào bao bọc xung quanh những bức tường kiên cố... ---> [Chùa Doi Su Thep ở Chiang Mai bên Thái Lan](#)

. DTTM :

Ba trăm năm trước, tại làng Asami trong quận Ōnsen ở xứ Iyô có một người đàn ông tốt bụng tên là Tôkubê. Tôkubê là người giàu nhất vùng và là lý trưởng làng này. Tôkubê được vinh hoa phú quý đủ điều, chỉ hiếm một nỗi hiếm muộn, đã ngoại tứ tuần mà vẫn chưa sinh được mụn con nào. Buồn vì nỗi không con, Tôkubê cùng vợ thường hay đến cầu tự ở chùa Saihōji trong làng Asami thờ thần Fudô Myô Ô có tiếng rất linh thiêng. ---> [Cây anh đào của nhũ mẫu \(Ubazakura/ Koizumi Yakumo \) - Hoa anh đào ngày mười sáu \(Jiu-Roku-Zakura/Koizumi Yakumo \)](#)

. Nguyễn Nam Trân (Sa di Chōmei và Tu sĩ Kenkō)

(...) Vâng, mười thế kỷ đã trôi qua từ lúc cuốn Makura no Sōshi (Ghi Nhanh Bên Gối), tập tùy bút tối cổ, ra đời. Tám thế kỷ từ ngày có Hōjō-ki (Cảm Nghĩ Trong Am) và bảy thế kỷ từ khi người ta nhật nhạnh lại được bản thảo của Tsurezure-gusa (Buồn Buồn Phóng Bút) mà tác giả của nó chép trên những mảnh giấy dán tường hay sau những cuốn kinh. Tuy ngày nay chúng ta đã bước vào thời đại du hành vũ trụ, thông tin vi tính và kinh tế toàn cầu, thế nhưng những tình cảm yêu, thương, hờn, giận, ghét bỏ, đam mê, chắc vẫn không khác bao nhiêu so với người xưa, nếu không nói họ còn tinh tế và bén nhạy hơn chúng ta nhiều. Qua những trang tùy bút của hai nhà ẩn sĩ trung cổ Nhật Bản là sa di Chōmei và tu sĩ Kenkō sau đây (xin được giới thiệu Makura no Sōshi của nữ học sĩ Sei Shōnagon trong một dịp khác), chúng ta sẽ thấy hình bóng của con người muôn thuở nhưng đang thủ hai vai trên hai sân khấu khác mà thôi.

Đây là dấu ấn của hai tâm hồn cao đẹp - chứ không hẳn là hai bậc thánh hiền - để lại cho chúng ta. :---> [Hai Tùy Bút Cổ Điển Nhật Bản : Cảm Nghĩ Trong Am \(Hojoki\) & Buồn Buồn Phóng Bút \(Tsurezure-gusa\)](#)

. Nguyễn Nam Trân : Mười lăm truyện ngắn trong lòng bàn tay (Tenohira no shōsetsu)

Cái tên "truyện ngắn trong lòng bàn tay" đến từ tiếng Nhật "tenohira no shōsetsu" (chương tiểu thuyết) như cách gọi của hầu hết các nhà văn học sử. Đó là một thể loại tác phẩm văn học có đặc điểm là ngắn, ngắn đến nỗi có thể gói trọn trong lòng bàn tay. Thể loại này còn được nhà phê bình văn học Chiba Kameo (1878-1935), một người cổ vũ cho văn học đại chúng dưới thời Taishō (1912-26) gọi là "shōhen shōsetsu" (chương biên tiểu thuyết). Ngoài ra, nhà phê bình Hasegawa Izumi (sinh năm 1918), một người thân cận với Kawabata, đã chủ trương phải đọc là "tanagokoro shōsetsu" [1] tuy viết cùng ba chữ Hán "chương tiểu thuyết". Hasegawa kể lại mình vì thắc mắc nên đã hỏi ý kiến Kawabata và được chính nhà văn đồng ý về cách đọc này [2]. Khi dịch ra tiếng Việt, chúng tôi rất bối rối, không biết nên gọi "trong lòng bàn tay", "một gang tay" hay "trong gan bàn tay". Sau khi tham khảo cả lối hiểu của người Tây Phương (palm [3], paume), xin tạm giữ lối gọi "trong lòng bàn tay" cho giống mọi người. Có thể dịch là "truyện cực ngắn" nhưng làm như thế lại đánh mất cái tên rất gợi hình của nó... -> [Mười lăm truyện ngắn trong lòng bàn tay \(Tenohira no shōsetsu / Nguyên tác: Kawabata Yasunari \)](#)

. Nguyễn Nam Trân : Qua Trạm Fuda-No-Tsuji

Cùng với Yasuoka Shōtarō, Kojima Nobuo, Miura Shumon, Yoshiyuki Junnosuke... nhà văn Endō Shūsaku (Viễn Đẳng, Chu Tác, 1923-1996) thuộc thế hệ thứ ba sau chiến tranh, bắt đầu có tên tuổi trên văn đàn từ giữa thập niên 1950 và là một trong những nhà văn Nhật Bản cận đại được Âu Mỹ chú ý nhiều nhất. Ông đoạt tất cả các giải thưởng văn chương lớn ở Nhật từ Akutagawa, Noma, Shinchō đến Tanizaki.

Sinh ra ở Tôkyô nhưng theo gia đình sang Đại Liên thuộc Mãn Châu, Endō Shūsaku chỉ về nước sống với mẹ và anh ở Kobe năm 1933 khi cha mẹ ly hôn, rồi chịu phép rửa tội theo đạo Công Giáo, tên thánh là Paul. Từ đó, tôn giáo trở thành một ám ảnh suốt đời ông, thường làm cho ông bị xâu xé bởi con người Nhật Bản truyền thống và con chiên ngoan đạo cùng ngụ trong bản thân... -> [Qua Trạm Fuda-No-Tsuji \(Fuda-No-Tsuji, 1963 / Nguyên tác: Endō Shūsaku\)](#)

. Nguyễn Nam Trân : Bàn Chân Fumiko

Truyện ngắn dưới đây có thể gây sốc cho một số độc giả dù nội dung không có lấy một lời lẽ tục tằn. Khuyh hướng bái vật (fetischism) đặc biệt đối với bàn chân đàn bà (foot-fetischism) đã được nhắc đến trong Xâm Minh (Shisei, 1910), tác phẩm Tanizaki viết thời trẻ. Bàn Chân Fumiko (Fumiko no ashi, 1919) cũng miêu tả lệch lạc tính dục này trong bối cảnh xã hội Nhật Bản đầu thế kỷ trước. Chính vì đi ngược với văn học tái đạo thời Minh Trị, Tanizaki bị xem như một nhà văn ma giáo, bệnh hoạn, trụy lạc. Nhiều người đòi đốt tác phẩm của ông... -> [Bàn Chân Fumiko \(Fumiko no ashi, 1919/Nguyên tác: Tanizaki Jun.ichirô\)](#)

. Phạm Vũ Thịnh :

Hôm ấy, tôi vẫn còn vụng vát bởi cơn say đêm trước nên suốt cả buổi chiều không làm việc được. Tôi sống bằng nghề viết văn. Thật ra, hôm ấy cũng có công việc phải làm gấp, là viết bài văn kèm theo các bức hình chụp phong cảnh của một nhiếp-ảnh-gia nọ, nhưng đầu óc tôi đau nhức quá, không làm sao mà chui vào thế giới sống biến tời bời của các hình chụp ấy được. Công việc làm chung với người khác như thế thật hứng thú. Nhất là những việc làm chung với người nào sáng tạo được những thứ mình thích. Những lần như thế, tôi luôn luôn có cảm giác như là họ nhìn suốt được vào trong não của mình vậy. Như tôi đã hứa hẹn trước với họ từ lúc nào rồi. Hứa hẹn đâu từ thuở xa xưa kia. Thế nhưng hôm ấy thì tôi đành nằm dài suốt ngày trên giường, ngắm bầu trời trong vắt mùa thu. Vẽ trong suốt hoàn toàn đến vô tận, không hiểu sao, khiến tôi cảm thấy như bị phản bội gì đấy. ...: ---> [Hình xoắn ốc \(/Yoshimoto Banana\)](#)

. Phạm Vũ Thịnh :

Shiba Ryotaro (1923-1996) là tác gia bậc thầy trong văn học đại chúng Nhật Bản, tác giả của những bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng nhất ở Nhật. Ông ngưỡng mộ sử gia Trung quốc Tư Mã Thiên nên lấy bút hiệu Shiba Ryotaro (Tư Mã Liêu Thái Lang) hàm ý là một hậu sinh cách xa Tư Mã Thiên theo nghĩa thời gian, địa lý hay tài năng... :---> [Shiba Ryotaro - Tác gia Hiện đại Nhật Bản](#) / [Anh hùng \(Shiba Ryotaro\)](#)

Cổ Văn

Thơ cổ Trung Quốc

chuvuongmien/mai uyên/phonglữthảo phóng dịch :

ném chén biệt ly chỉ núi non

chưa xong điệu sáo biệt lên đường

bên hoa ngựa ngậm vàng hàm thiếc

người ngóng trên lầu lệ chứa chan

tuy rằng gió thổi qua ngàn liễu

tuyết trắng sông thông đỏ mấy vòm

chàng nhớ khinh cừu mang quá nặng

tháng năm gió lạnh ở tam biên ... : ---> [xuân biệt](#) (chương kiệt) - [Kim lữ Y](#) (đỗ thu nương) - [phỏng đoán thiên sơn đạo sĩ bất ngô](#) (lý bạch)

Quỳnh Chi phóng dịch :

Mây che sóng lạnh mặt hồ

Tiến người theo cánh buồm xa mỗi ngày

Thuyền hoa mấy độ trông vời

Nào hay man mác hoa trôi giữa giòng ... [Mộc Lan Hoa](#) (Lý Thương Ẩn) - [Hải đường](#) (Tô Đông Pha) -

[Liêu chi từ](#) (Lý Du) - [Dương liễu chi](#) (Bạch Cư Dị) - [Âm Tửu Thi](#) (Đào Uyên Minh) - [Ước khách](#) (Triệu

Sư Tú) - [Điền viên lạc](#) (Vương Duy) - [Du Sơn Tây Thôn](#) (Lục Du)

Dân tộc học, Văn hoá học, Lịch Sử

. Bùi Thụy Đào Nguyên :

Sinh ra dưới thời Minh Mạng, thuở nhỏ ông có tên là Chơn, từ năm Kỷ Mùi 1859 đổi là "Lịch" (Nguyễn Văn Lịch), và cũng từ tên Chơn ấy cộng với tính tình ngay thật, nên thầy dạy học của ông đặt tên hiệu cho ông là Trung Trực

Nguyên quán gốc Nguyễn Trung Trực ở xã Vĩnh Hội, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Ông nội là Nguyễn Văn Đạo, cha là Nguyễn Văn Phụng tức Thăng, mẹ là bà Lê Kim Hồng.

Sau khi hải quân Pháp nhiều lần bắn phá duyên hải Trung Bộ, gia đình ông phải phiêu bạt vào Nam,... :---

> [Nhìn lại cuộc khởi nghĩa của Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực](#)

. Nguyễn Cao Đức : [Thành Thái 1879 - 1889 – 1954 Vrai empereur , faux fou \[PDF \]](#) / [Trois jours de règne - Duc Đức - 1853-1883 \[PDF \]](#) / [Le généralissime Nguyễn Tri Phương, 1800-1873 \[PDF \]](#) / [Les forces armées vietnamiennes aux 18e et 19e siècles \[PDF \]](#)

. Lê Ngọc Hồ :

Rằng khi dòng sử về nguồn

Công lao dựng nước sự muôn khởi đầu

Bốn ngàn năm lẻ dài lâu

Ngàn sau mãi mãi đẹp câu trường tồn.

---> : Sử Việt Anh Hùng Ca : [2. Đức Quốc Tổ Hùng Vương , 10 tháng 3 Âm Lịch - 3. Gia Tài Đất Tổ - 4. Má hồng dựng nước - 5. Anh Thư Ho Triệu - 6. Ngô Quyền - 16. Hải chiến Việt - Hòa Lan \(1644\) - 10. Bình Mông Hùng Ca](#)

Văn học - Luận - Tư tưởng - Thời đại -Ngữ Văn

. Nguyễn Thị Chân Quỳnh :

Trước nhà Lý, sử sách chỉ chép rất sơ lược về quan chế Việt Nam : Thời Hùng Vương nước ta có các Quan Lang, Lạc hầu, Lạc tướng... ; thời Ngô Quyền đặt đủ trăm quan, dựng nghi lễ triều đình và định sắc áo mặc...

Kể từ nhà Tiền Lê, quan chế nước ta bắt đầu rập theo khuôn mẫu Trung quốc : "Năm 1006 Lê Long Đĩnh sửa quan chế theo nhà Tống". Tuy nhiên, An-Nam Chí Lược ghi rõ : "Nước ta từ nhà Đinh mới chịu tước phong vương của nhà Tống nhưng ở trong nước tự đặt danh hiệu, đặt quan có chức Chánh và Tiệp, tựa như phẩm, tòng". ---> : [Đại Lược Về Quan Chế](#)

. Đặng Tiến :

Bóng Chử tập thơ Lê Đạt từ ngày xuất bản, 1994, đến nay, đã gây nhiều dư vang và dư luận, một hiện tượng hiếm hoi trong lĩnh vực thơ, và đáng mừng vì chứng tỏ ngày nay còn có nhiều người lưu ý đến thi ca. Cuộc thảo luận, kéo dài non một năm nay, tuy chưa mở ra được những nẻo đường mới, chưa giải phóng những tiềm năng sáng tạo dồn nén trong thơ từ nhiều thập niên qua, trước một nền thi ca thế giới thường xuyên đổi mới, vẫn là một tiến bộ. Những giáo điều đang thay đổi, vẫn là giáo điều nhưng cũng có đổi thay.

Bóng Chử là một tác phẩm quan trọng tâm huyết của một tác gia đã làm thơ non nửa thế kỷ... ---> [Lê Đạt và Bóng Chử](#)

. Trần Kiêm Đoàn :

Mở đầu, mong người đọc vui lòng chớ vội nhả mặt vì những danh từ đao to búa lớn đem làm đề tài cho một bài viết nhỏ như bài này. Thật ra, người viết chỉ nhắc lại nguyên chữ, nguyên dòng đã được đặt tên cho một công trình du lịch đang được xây dựng trên đất nước Việt Nam sắp đến ngày hoàn mãn, khai trương.

Chúng tôi về Bình Dương ngày 13 tháng 4 năm 2008 với mục đích đến thăm một trung tâm du lịch đã được bằng dân thiên hạ trong cũng như ngoài nước nói đến khá nhiều. Khi còn ở California, tôi được nghe người ta thông tin rằng: "Đại Nam Quốc Tự rộng hơn cả quảng trường Thiên An Môn của Trung Hoa..." ... :---> ["Đại Nam Quốc Tự" trước nhu cầu văn hoá du lịch](#)

. Trần Kiêm Đoàn :

Mùa hè năm ngoái, tháng 5-2007, trong lần gặp thầy Lê Mạnh Thát với anh em cựu sinh viên Vạn Hạnh tại trung tâm Quảng Đức, thầy cho biết là sau 4 lần liên tiếp tổ chức Vesak tại Thái Lan, Hội Phật giáo Thế giới muốn luân phiên tổ chức Vesak tại các nước châu Á như Việt Nam, Hồng Kông, Đại Hàn, Nhật Bản. Thầy Lê Mạnh Thát vui vui nói rằng, thầy lo nếu tổ chức tại các nước khác, phương tiện của họ quá dồi dào và hiện đại, sợ khi đến mình không kham nổi nên "vớt" ngay cơ hội có Trung tâm Hội nghị Quốc gia mới xây, thầy nghĩ mượn hội trường chính phủ và được chấp thuận. Suốt một năm sau đó, việc tổ chức Vesak 2008 tại Việt Nam trở thành một đề tài nóng bỏng trong cũng như ngoài nước, nhất là trong hoàn cảnh chính trị, xã hội và tôn giáo Việt Nam đương đại... --->[Nhật ký Vesak 2008](#)

. BS Nguyễn Lưu Viên :

Đây là một bài rất thô sơ và khiêm tốn, viết theo nhãn quan đã bị méo mó vì nghề nghiệp của một y-sĩ, để cố gắng giúp phần nào, một số ít bạn đọc chưa biết gì về Phật Giáo, hiểu sơ sơ thôi, một vài điểm căn bản của tôn giáo ấy. : ---> [Tìm hiểu sơ vài điều căn bản của Phật Giáo \(hay Phật Giáo qua nhãn quan một Y sĩ\)](#)

Thơ

. Nguyễn Thế Tài :

ngước mặt nhìn trời, mùa xuân vuốt tóc
từ chốn thình không, rụng xuống dòng thơ
ẩn hiện đầu đây vài chữ hững hờ
buồn đọng lại bờ sông con nước đục ... ---> [Khai bút đầu xuân](#)

. Vũ Tiến Lập :

buổi sáng tháng ba
những cảm nghĩ thoáng qua
bông vút chạy như con ngựa mất dây cương
tôi giật ngược trở về hiện tại
chỉ thấy một cái nhìn băng quơ vụng dại ... ---> [buổi sáng tháng Ba](#) - [độc ẩm buổi trưa](#) - [mắt nếp](#) - [vô ký](#)

. Phan Khâm :

Hai ba lần lỗi hẹn
Chưa về tới điểm nghiêng
Con tàu nào rời bến
Nhỏ neo bờ nhân duyên
Hai ba lần lỗi hẹn ...---> [Điểm nghiêng](#)

. Tâm Minh Ngô Tằng Giao chuyển ngữ :

Bà già buồn bã, tả tơi
Thân còng chịu lạnh dưới trời ngày Đông.
Đường trơn ướt, tuyết vừa xong
Chân bà già yếu lần từng bước thôi
Ngã tư bà đứng chờ hoài
Cô đơn lẻ bóng không ai ngó ngang,
Dòng người qua lại rộn ràng
Đâu nhìn ánh mắt bà đang ngại ngùng ..---> [Me người nào đó \(somebody's mother / Mary Dow Brine \)](#)
- [Hai ngôi đền \(Two temples /Hattie Vose Hall \)](#)

. Lê Xuân Bích :

như vẫn chưa...
một chiều hiên khách
mưa đã kào ướt mộng trời buồn
ly chè xanh ngọt môi mười sáu

ngẫm mãi

không ra có giận hờn ... ---> [Chiều vu vơ](#) - [Lục bát đêm ngơ](#) - [Sóng điều tàn](#) - [Vùng đất lặng](#)

. Nghiêu Minh :

Trăng treo trên sáu dây thần

Mỗi âm là mỗi pháp thân em về

Bạc cung sáu khúc diệu đề

Bồng, trầm, say, tỉnh, thực, mê cõi nào ...---> [Lục huyền cầm](#) - [Tháng tư dương đào](#) - [Mùa giả ngôn](#) - -
[Thiền niệm trong Phục Sinh](#) - [Thiền ngã mạn](#)- [Mười Hai Tiểu Khúc Quanh Thư Phòng](#) - [Dòng Thơ Cuối Đường](#)

. Phan thị ngôn ngữ :

Phượng nào đỏ nẻo đường xưa

Phượng nào tím giữa lối vừa đi qua

Ngày xưa phượng đỏ quê nhà

Bây giờ phượng tím lối qua xưa người ...---> [Phượng tím](#) - [Hen hò](#) - [chia nửa](#) - [màu sim tím](#) - [tình tang](#) -
[muộn màng](#)

. m.loanhoasử :

công thành thân thoái

xưa phạmlãi công thành thân thoái

thương cho người án lại rơi đầu

kẻ thành người bại khác chi nhau?

ngũtửư vãnchúng bỏ tay chết ráo ...---> [công thành thân thoái](#) - [danh hảo](#) - [tình](#) - [thưót tha](#)

. Chu Vương Miện :

lúc ở trường học thiên trời địa đất

lúc ra đời học địa đất thiên trời

cũng quá may [được làm kiếp con người]

đi 2 chân mặt ngựa lên sáng rõ

từng lá me nguyênđụ ngày lá đỏ

lắmtắm áo ai nhuộm kín hoa vàng ---> [thiên trời địa đất](#) - [1 bát muối](#) - [đời dài dài](#)

. Vũ Quyên :

Đêm nghe tiếng Thạch Sùng tắc lưỡi

Nuối tiếc hoài một gia sản điêu linh

Vùng nhiệt đới vẫn âm ỉ tiếng thở

Âm ba đều ru vọng tiếng kệ kinh ...---> [Đêm nghe tiếng Thạch Sùng tắc lưỡi](#) - [Thu vàng đỏ lá che](#)
[nghiêng đầu hờ](#) - [Đôi mắt xưa](#)

. Thanh Thanh :

Thời-gian sống trong môi-trường "cái-tạo"

Có gì vui bằng lúc được thăm nuôi?

Lòng nhớ+lo canh-cánh mãi nung sôi,

Gặp mặt được mới thoả tình mong ngóng... ---> [Thăm nuôi](#)

. Quỳnh Chi :

Harusame ya

Kurenan to shite

Kyo mo ari

Mưa xuân mưa bụi mưa bay

Cuối ngày xuân muộn chiều rơi ngập ngừng ...---> [Mưa xuân](#) - [Tình lá](#) - [Gửi nắng](#) - [Đời nắng](#) - [Nắng](#)
[xưa](#) - [Tìm đâu màu nắng huy hoàng](#) - [Gió xuân](#) - [Ngày xuân](#) - [Đêm xuân 1](#).

*** [Đêm xuân 2](#) - [Mưa xuân 2](#) - [Trong sương](#) - [Cánh bướm mùa xuân](#) - [Đồng xuân](#) - [Cuối xuân](#) -
[Xuân muộn](#)

Ba que xỏ lá

Nguyễn Dư

Bạn có biết thằng *ba que xỏ lá* là ai không ? Không biết... thằng phải gió, thằng mắc dịch này à ? Nếu vậy thì mời bạn cùng đi... đào mả, bới gia phả nhà nó, xem nó là con cái nhà ai mà đồn mạt thế !

Ngược dòng thời gian, chúng ta tìm được dấu vết xa xưa của *ba que* trong bài *Phú tố tôm* của Trần Văn Nghĩa, một người sống dưới thời Minh Mạng (1820-1840). Tác giả kể tên nhiều trò cờ bạc, trong đó có *ba que* :

" Lạt nước ốc trò chơi vô vị : tam cúc, đồ mười, đầu linh, bầy kiệu, thấy đâu là về thanh tao ;

" Ngang càng cua lối ở bất bình : xa quay, chẵn lẻ, đòi mỏ, *ba que*, hết thấy những tuồng thô suất.

(Phong Châu, Nguyễn Văn Phú, *Phú Việt Nam cổ và kim*, Văn Hóa, 1960, tr. 215).

Thời Tự Đức, Trần Tấn (tức Cố Bang) nổi lên chống Pháp. Ông bị ốm và chết năm 1874. Có người làm bài *Về Cố Bang đánh Tây* :

(...)

Lính Tây, triều mang súng,

Kèn thổi " toét tò loe ",

Dưới cơn (cây) cờ *ba que*,

Quan Hồ Oai cuội ngựa (...)

(*Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỉ 19*, Văn Học, 1970, tr. 406).

Ít lâu sau *xỏ lá* mới xuất hiện. *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của (1895) đưa ra một trò chơi :

- *Xỏ lá* là cuộc chơi gian lận, cuộc gạt gẫm. Một người lấy giấy, lá dài xấp lại cùng vắn tròn, đổ người khác lấy chiếc đũa cắm vào giữa khoanh tròn, như chiếc đũa không mắc trong cuốn giấy thì phải thua tiền (nếu mắc thì ăn tiền). Quân xỏ lá là quân điểm đàng, lận mạt.

Xỏ lá gian lận, gạt gẫm ở chỗ nào ? Trò chơi như vậy mà đã bị xem là điểm đàng, lận mạt rồi à ? Chết ! Chết ! Nếu vậy thì *Đầu hồ* của vua quan là... điểm đàng hạng sang hay sao ?

Từ điển Génibrel (1898) gọi thắng *xỏ lá* là thắng mưu mẹo, lừa dối.

Tương truyền năm 1906, Nguyễn Khuyến bị loài mắt, bị Chu Mạnh Trinh chơi *xỏ*, tặng cho một chậu hoa trà, thứ hoa có sắc nhưng không có hương. Nguyễn Khuyến " Tà lại người cho hoa trà " bằng bài thơ " Sơn trà " trong đó có câu :

Tầm thường tể vũ kinh xuyên diệp
Tiêu sắt thần phong oán lạc đà
(Mưa nhỏ những kinh *phường xỏ lá*
Gió to luống sợ lúc rơi đà)

Hai câu thơ ý nói : Những trận gió to làm cho đài hoa rụng, ai cũng có thể biết được ; còn những hạt mưa nhỏ làm cho lá thủng, ít ai có thể trông thấy được, nên lại nguy hiểm hơn. (*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, Văn Học, 1971, tr. 138 và 408).

Sở Khanh, Bạc Hạnh bị Tản Đà vạch mặt:

Bộ *xỏ lá* trông đà lộn ruột,
Sức thơ đào nghĩ lại non gan.

Năm 1914, Phan Kế Bính biên soạn *Việt Nam phong tục*. Trong chương bàn về tính tình người Việt, ông chia đàn bà và đàn ông nước ta thành các hạng người: hiền phụ, lệnh phụ, xuân phụ và quân tử, thường nhân, tiểu nhân. Tiểu nhân là bọn tính tình gian xảo, phản trắc, (...), ăn trộm ăn cướp, *xỏ lá ba que*, đàng điểm, hoang toàng v.v.

Phan Kế Bính khai sinh thành ngữ *Xỏ lá ba que*, mở đường cho văn học sau này.

" Trời đất ôi ! Ngờ đâu con người thế, mà *xỏ lá ba que* !... (Phạm Duy Tồn, *Con người Sở Khanh*, Nam Phong, 1919).

Ngày nay, thành ngữ " *Xỏ lá ba que* " hay " *Ba que xỏ lá* " thường được dùng để chỉ chung bọn vô lại chuyên đi lừa người khác để kiếm lời (Nguyễn Lân), bọn xảo trá, điêu giả (Hoàng Phê), tụi gian lận (tricheurs), bất lương (malhonnêtes) (Gustave Hue), v.v....

Nguyễn Lân đi xa hơn, giải thích chi tiết :

- *Ba que xỏ lá* là một trò chơi ăn tiền trong đó kẻ chủ trò nắm trong tay một cái lá có xỏ một cái que, đồng thời chìa ra hai que khác. Ai rút được que xỏ lá là được cuộc, còn rút que không lá thì phải trả tiền. Nhưng kẻ chủ trò vẫn mưu mẹo khiến người chơi bao giờ cũng thua. Vì thế người ta gọi nó là thắng ba que xỏ lá, hoặc thắng ba que, hoặc thắng xỏ lá. (Nguyễn Lân, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Văn Hoá, 1989).

Tuy nhiên, trò chơi của Nguyễn Lân không đơn giản, không phải ai cũng hiểu được cách chơi. Nhà cái nắm trong tay một cái que xỏ vào lá, và hai cái que không. Nhà cái

chìa 3 đầu que ra cho người chơi rút. Nếu chỉ có vậy thì mưu mẹo bằng cách nào ? Nhà cái có tài thánh cũng không thể vừa nắm tay vừa tráo được cái que xỏ lá trước mặt người chơi. Thế mà người chơi bao giờ cũng thua thì... ma quái thật !

Không biết Phan Kế Bính, tác giả của *Xỏ lá ba que*, có biết trò chơi này không ?

Việt Nam tự điển của Hội Khai Trí Tiến Đức (1931) định nghĩa:

- *Ba que* là một cuộc đánh tiền bằng ba cái que của bọn keo hèn bày ra đánh ở đường ở chợ. Nghĩa bóng chỉ những người dối dả điên đảo.

- *Xỏ lá* là trò làm ra để lừa người ta mà kiếm tiền. Thường nói tắt là " xỏ " để trỏ người gian xảo lừa gạt, bịp bợm.

Ba que và *Xỏ lá* dối dả, lừa gạt bằng cách nào ? Không biết.

Góc gác hai thằng *ba que* và *xỏ lá* sao mà mù mờ thế. Hôm nay được ngày trời tạnh mây quang, mời bạn đi tìm cho ra hai thằng này.

Ba que

Génibrel(1898), Gustave Hue (1937) nói trống không *đánh ba que* hay *ba ngoe* là *jeu de baguettes* (trò chơi bằng que).

Trò chơi bằng que của ta thì có đánh khăng và đánh chuyền của trẻ con. Cả hai trò chơi đều không phải là " ba que ".

Người lớn có trò chơi dùng ba cái que. Đó là trò *Chạy que* của hội làng. Người ta dùng ba chiếc que xếp thành hình chữ H. Người tham dự trò chơi cầm hai chiếc que đặt song song của chữ H, cùng chạy đến đích. Ai đến trước mà chiếc que nằm ngang không rơi là thắng cuộc.

Chạy que vui nhộn. Người chơi phải nhanh chân, khéo tay. Người giật giải hoàn toàn không gạt gẫm, lừa dối gì ai. Giở trò " ba que " ở sân đình thì trời đánh thánh vật cho chết không kịp ngáp. *Chạy que* chắc chắn không dính dáng gì với *Ba que*.

Pierre Huard, Maurice Durand (*Connaissance du Vietnam*, EFEO, 1954, tr. 248) cho biết *Ba que* giống *Courte paille* (que ngắn) của Pháp.

Courte paille là trò chơi rút thăm. Lấy một bó que có số que bằng số người chơi. Bẻ một que cho ngắn hơn các que khác. Người chủ trò trộn lẫn các que, nắm một đầu bó que, chìa đầu kia ra cho mọi người rút thăm. Ai rút trúng cái que ngắn là thắng cuộc.



Số que của *Courte paille* tùy thuộc vào số người chơi, không bắt buộc phải là " ba que ". Dù sao thì *Courte paille* cũng không gian lận, không mang nghĩa xấu.

Ba quan

Năm 1884, bác sĩ Hocquard than phiền về đám bồi người Việt :

Ces boys au service des Européens sont, pour la plupart, de petits vauriens sur qui il faut avoir en tout temps l'oeil ouvert. Ils ne couchent pas à la maison, mais en ville, et leur plus grande occupation, une fois leur service fini, est de jouer aux cartes ou au *bacouën*.

(Hầu hết đám bồi của người Âu là bọn chẳng ra gì, cần phải cảnh giác, đề phòng chúng. Bọn chúng không ngủ ở nhà, chỉ ngủ ngoài đường. Mỗi bận tâm lớn nhất của chúng là chờ hết công việc để rủ nhau chơi bài, hay chơi *ba quen*).

Philippe Papin ghi chú rằng *bacouën* là *ba quan* (trois ligatures, ba quan tiền). (*Une campagne au Tonkin*, Arléa, 1999, tr. 55)

Ba quan (Ba quan tiền) chơi như sau :

- Ce jeu populaire consiste à renverser sur une natte, où sont tracées trois cases numérotées sur lesquelles les joueurs ont misé, un bol plein de haricots que l'on compte ensuite quatre par quatre à l'aide d'une baguette ; si, à la fin du décompte, il n'en reste plus un seul, le croupier gagne ; s'il en reste un, deux ou trois, c'est le nombre de haricots restant qui indique la case gagnante (qui rapporte trois fois la mise) (Pierre Huard, Maurice Durand, sđd).

(*Ba quan* là trò cờ bạc bình dân. Chiếu bạc có ba ô để các con bạc đặt tiền. Nhà cái đổ một bát đầy đậu xuống chiếu, rồi dùng một chiếc đũa đếm từng bốn hạt đậu một. Cuối cùng, nếu không còn hạt nào, thì nhà cái được. Nếu còn lại một, hai hay ba hạt thì ô số một, số hai hay số ba được. Tiền được gấp ba lần tiền đặt).

Giải thích như vậy chưa thỏa đáng. Bởi vì :

- 1) Trò chơi không bắt buộc phải đặt một quan tiền để được ăn thành ba quan.
- 2) Một quan tiền ngày xưa to lắm (Một quan là sáu trăm đồng, Chắt chịu tháng tháng cho chồng đi thi...). Mấy đũa nhỏ làm bồi cho Tây (năm 1884-1886) chắc chắn trong túi không có sẵn một (hay nhiều) quan tiền để đi đánh bạc.
- 3) Nhà cái đổ bát đậu xuống chiếu, rồi đếm. Như vậy thì kết quả các lần chơi sẽ giống nhau sao? Vô lí. Đúng ra thì nhà cái có một bát đậu để bên cạnh, mỗi lần chơi thì bốc ra một nắm để đếm.

Báo *L'Illustration* (1884) có một bài phóng sự ngắn về một sòng bạc *bakouan* (ba quan) tại Bắc kì. Emile Nolly gọi trò cờ bạc của đám lính tập là *bacouan* (ba quan) (*Hiên le maboul*, Calmann-Lévy, 1925).

Bộ bưu ảnh của Dieulefils (khoảng đầu thế kỉ 20) có tấm " Trẻ con chơi bakouan " (Do-Lam Chi Lan, *Chants et jeux traditionnels de l'enfance au Viêt Nam*, L'Harmattan, 2002, tr. 305). Tấm ảnh cho thấy *ba quan* chơi bằng mấy đồng tiền, gần giống như xóc đĩa. Trò chơi không có đậu, không dùng que để đếm. *Ba quan* của Dieulefils khác *ba quan* của Huard, Durand và Papin.

Ba quan không phải là ba quan tiền (trois ligatures). Nếu trò chơi có 3 cửa để đặt tiền thì *Ba quan* nên được hiểu là 3 cửa (quan nghĩa là cửa) chẳng ?

Ba quan là trò cờ bạc may rủi. Nhà cái không cần gian lận, cuối cùng vẫn được vì cách chơi có lợi cho nhà cái. *Ba quan* không phải là *ba que*. Tuy nhiên :

" Chưa bao giờ ở nước ta, chế độ học tập và khảo thí lại để ra nhiều bọn người vô tài vô hạnh đến thế. Đã đốt nát, chúng lại hay khoe chữ, đề thơ bừa bãi trên tường các đền chùa và Phạm Thái rất khinh ghét chúng ". Lại Ngọc Cang gọi bọn này là bọn *sinh đồ ba quan* (Lại Ngọc Cang, *Sơ kính tân trang*, Văn Hoá, 1960, tr. 37).

Ba quan là vô tài vô hạnh, đốt nát, khoe khoang. *Ba quan* có nghĩa xấu. Tiếc rằng các từ điển của ta không có từ này.

Bakouan của Dieulefils, hay *ba quan* của Huard, Durand khá công kênh, lịch kích (bát, đĩa, đĩa, đậu). Mấy bác lính tập của Nolly không thể mang theo trong mình được. Trò cờ bạc *bacouan* của các bác có thể là trò *ba quân*.

Ba quân

Người Pháp đưa bộ bài tây (bài ít xì) vào nước ta. Một số trò cờ bạc mới bắt đầu xuất hiện. Đặc biệt là trò *Ba quân*, có nơi gọi là *Ba lá*.

Ba lá là một cuộc đánh tiền, lấy *ba quân* bài tây đảo đi đảo lại, ai đặt tiền vào trúng quân ông lão thì được. Nghĩa bóng chỉ những đứa hèn hạ (*Việt Nam tự điển*, Khai Trí Tiến Đức). *Ba quân* hay *Ba lá* là *Bonneteau* của Pháp.

Ba quân hoàn toàn nhờ vào tài tráo bài của nhà cái và tài lừa phỉnh của cò mồi. Ai đã sống tại Sài gòn vào những năm 60 của thế kỉ trước chắc còn nhớ lẽ đường Lê Lợi, thứ bảy, chủ nhật nhan nhản tụi tráo bài. Ngô Tất Tố cho biết vào khoảng 1930 tại phố Hàng Ngang ngoài Hà Nội có cả đàn bà ngồi tráo bài. *Ba quân* là cờ gian bạc lận của bọn đầu đường xó chợ. *Ba quân* hội đủ những tính xấu như gian lận, xảo trá, bất lương, đi lừa người khác để kiếm lời. Nghĩa là... *ba quân* là *ba que*.

Người xưa tránh không chửi thẳng *ba quân* vì *ba quân* là quân đội của triều đình (Tam quân : Trung quân, Tả quân và Hữu quân). *Ba quân* được nói trại thành *ba que*. Tương tự như *tụ tam* nói trại thành *tổ tôm*, *tam kết* thành *tam cúc*...

Nói tóm lại, thẳng *Ba que* có gốc gác là trò cờ bạc *Ba quân* (*bonneteau*) của Pháp.

Lá cờ tam tài (ba màu xanh, trắng, đỏ) của Pháp bị gọi là cờ *ba que*. Cờ của bọn gian lận, tráo trở. Dùng trò cờ bạc của Pháp để chửi Pháp. Chơi chữ khá tế nhị.

(*Bacouën* của Hocquard có phải là *Ba quân* không?).

Xỏ lá

Nguyễn Khuyến muốn " Tà lại người cho hoa trà " bằng câu chửi *phường xỏ lá*. Có lẽ vì vậy mà trong bài " Sơn trà " ông phải gò ép cho những hạt mưa nhỏ *xuyên diệp*. Mưa nhỏ làm sao đâm thủng (xuyên) được lá cây (diệp) ? Xét về nghĩa thì *xuyên diệp* không xấu xa, đều cang như *phường xỏ lá* của tiếng Việt. Hai bài thơ của Nguyễn Khuyến không giúp chúng ta tìm hiểu được thằng xỏ lá.

Vào khoảng năm 1945, Huỳnh Thúc Kháng viết về *Cuộc khởi nghĩa Duy Tân (1916)*, có đoạn :

- Thế mà trừ một số ít - rất ít - đã hấp thụ học thuyết mới, xem cái ngôi " bù nhìn " đó không có giá trị gì (...).

Thường xuyên xưa nay mối lợi khiến cho người ta mờ trí khôn (lợi linh trí hôn), bọn thực dân Pháp mà các tay chính trị " xỏ lá " tự phụ là cao xảo cũng không khỏi vấp phải chỗ lằm to, ấy là tấn kịch " Đày vua cha Thành Thái mà lập con là vua Duy Tân lên thay "(...). (Vương Đình Quang, *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, Văn Học, 1965, tr. 173).

Huỳnh Thúc Kháng dùng kí hiệu " nháy nháy " để nhấn mạnh hai từ *bù nhìn* và *xỏ lá*. *Bù nhìn* là tiếng Pháp *épouvantail* được Việt hoá. Do đó, có thể suy đoán rằng *xỏ lá* có nhiều khả năng là tiếng Pháp được Việt hoá.

Từ điển *Robert* và *Larousse* của Pháp gọi tui đáng khinh (*méprisable*), đáng ghê tởm (*répugnant*) ; bất chính (*déloyal*), bọn bắt lương, gian dối (*malhonnête*) là *salaud* (xa lô). Thằng *xỏ lá* của ta có đủ mọi tính xấu của thằng *salaud* của Pháp.

Xỏ lá vừa có nghĩa vừa có âm của *salaud*. Rốt cuộc, thằng *salaud* sang thuộc địa kiếm chác, bị Việt hoá thành thằng *xỏ lá*.

Thời trước, mấy ông lính tây, mấy bà mẹ tây, nói tiếng tây... như gió. Thỉnh thoảng lại đem ra khoe " mợc (*merde*), xà lù (*salaud*), cô xoong (*cochon*) ". Xà lù là em ruột *xỏ lá*.

Hoá ra *Ba que xỏ lá* là hai thằng..." người Việt, gốc Pháp ".

Nguyễn Dư
(Lyon, 2/2008)

Hoa đào năm trước

Quỳnh Chi



Nhà Y ở trên đỉnh đồi xưa kia nhìn xuống một thung lũng thật lớn có tên là Nam Đại Cốc, nhưng nay đã mọc lên những khu nhà ở đông đúc trên đỉnh đồi lẫn ở dưới chân đồi. Từ ga đi vào nhà Y có hai cách. Hoặc ra khỏi nhà ga, cứ thế đi dọc theo đường rầy. Bên này đường rầy là đường nhựa rộng đủ hai giòng xe chạy ngược chiều nhau, nhưng chỉ có một lề đường dành cho người đi bộ sát với hàng rào ngăn cách đường dành cho xe hơi với đường rầy. Đường rầy chạy càng đến gần nhà Y càng đi xuống dốc. Đường dành cho xe hơi thì đi dần lên đồi cao, nên người ta mới phải làm hàng rào cản như trên đường đèo. Bên kia đường rầy là công viên rất rộng và có lẽ xưa kia cũng là một thung lũng mọc đầy rau cần, nên mới có tên là Seri ga ya hay Cần Cốc. Đi dọc theo đường rầy về nhà được ngắm cảnh bốn mùa trong công viên bên kia đường, mùa này có thể nhìn thấy những ngọn cây hoa anh đào hồng nhạt gần như trắng xóa. Chỉ có điều là vì chỉ có một lề đường duy nhất dành cho người đi bộ, nên khách bộ hành đi về hướng nào cũng phải đi cùng trên một vỉa hè.

Một cách thứ hai để đi về nhà, đó là khi vừa ra khỏi nhà ga vài chục thước liền rẽ sang bên trái, để đi theo con đường lớn, hai bên đường có nhiều cửa hàng, rồi tòa thị chính, các công sở. Con đường này có vỉa hè rộng rãi ở hai bên đường, trên vỉa hè có cả một hàng cây bạch quả cao vút, và giậu hoa đỗ quyên thấp ở dưới các gốc cây bạch quả. Xe buýt trong thành phố chạy trên đường này, nên khi chỉ đường cho xe tắc xi chỉ cần nói " Xin về đường xe buýt ". Xong vì trên đường còn có sở cứu hỏa, nên cũng có khi người tài xế tắc xi hỏi lại " À, Đường Sở cứu hỏa phải không ? ".

Trên Đường Sở cứu hỏa này, sau khi qua khỏi sở cứu hỏa một quãng, sắp đến gần nhà Y, có một hiệu bánh ngọt tên là hiệu Wakabado, viết chữ Hán là Nhược Diệp Đường, tức là Hiệu bánh Lá Non. Hiệu ở ngay ngã tư của con đường nhỏ hơn từ trong khu phố dân cư có tên là Nakamachi chạy ra cắt ngang đường xe buýt. Đối diện với Nhược Diệp Đường, có một tòa biệt thự rất lớn, có lẽ xưa kia là cơ ngơi của một phú nông hay hào nông trong vùng, mà ở góc vườn còn có một cây anh đào cổ thụ, cành lá vươn ra ngoài mặt đường. Hơn nữa trong vườn của tòa biệt thự ấy còn có bóng dáng của một cái cổng sơn son màu đỏ của các đền thờ thần đạo. Y đoán đó là đền thờ thần cây anh đào. Thế là tình cờ mà trước hiệu bánh Nhược Diệp Đường lại có một cây anh đào. Từ Sở cứu hỏa đi tới hay từ nhà Y đi ra đều trông thấy cành lá xum xuê của cây anh đào vươn ra che kín cả mặt đường. Một cây anh đào cổ thụ trước cửa một hiệu bánh Nhật, thật không có cảnh nào đẹp hữu tình đến thế.

Bởi vậy mỗi khi mời khách tới nhà chơi, Y thường chỉ cho khách đi theo cách thứ hai này, tuy rằng có thể xa hơn vài phút vì phải chờ đèn đường ở ngã tư gần tòa thị chính, một ngã tư lớn vì có Kamakura Kaidou (Nhai đạo Kamakura) cắt ngang đường xe buýt. Nhai đạo Kamakura là một con đường có từ thời đại Kamakura vào thế kỷ thứ 13, đi về thành phố Kamakura thơ mộng còn có tên gọi là một cổ đô thu nhỏ của Nhật bản. Ngày xưa hẳn đã có biết bao lữ khách vai đeo bị tay nải, đầu đội nón lá, mình khoác áo toại, đi theo nhai đạo này để tới Kamakura, nơi có phủ chúa Minamoto no Yoritomo, và dọc đường cách đó không xa có một quán nước bán trà bánh. Phải chăng đó chính là tiền thân của hiệu Nhược Diệp Đường dưới bóng cây anh đào nay đã gần ngàn tuổi.. Dĩ nhiên đây chỉ là những điều trong trí tưởng tượng của Y, đã phác họa ra khi đi tìm nhà và là một trong những lý do khiến Y muốn mua nhà ở đây.

Khi con còn bé, ngày ngày đi chợ Y thường đẩy chiếc xe chở con đi theo ngã hiệu bánh Nhược Diệp Đường có lẽ đường rộng rãi, đi qua cửa hiệu bánh. Mùa xuân đầu tiên được ngắm cây anh đào nở hoa, thật là hạnh phúc. Y rồi rít gọi chồng cùng đi ra chụp ảnh trước cửa hiệu bánh, với cây anh đào nở hoa phía sau lưng. Hiệu Nhược Diệp đường bán các loại bánh Nhật điển hình như mọi hiệu bánh Nhật khác, nhưng chồng Y thích bánh Yakushi-ike của hiệu này nhất. Đó là loại bánh monaka, có nhân đậu đựng trong một cái vỏ bánh mỏng giống như bánh kẹp. Tên Yakushi-ike hay Dược Sư Trì chính là tên một vườn hoa nổi tiếng của thành phố xưa kia là vườn thuốc của một người thầy thuốc, giữa vườn có một hồ nước rất rộng, cảnh đẹp hữu tình. Lâu lâu Y lại ghé Nhược Diệp Đường mua bánh Yakushi-ike cho chồng.



Ở đây cũng có các loại bánh khảo, bánh thạch, bánh trôi, bánh chay, bánh hấp, bánh đậu. Bánh khảo của Nhật làm bằng bột gạo và đường, được in thành những cái bánh nhỏ hình cánh hoa, chiếc lá, chỉ bé bằng cái kẹo, ngâm vào miệng liền tan ngay, rất dễ ăn. Bánh thạch thì nấu

bằng thạch với đường mạch nha, rất dẻo và khô ráo, cũng có hình dáng như những miếng pha lê trong suốt xinh xắn đủ màu. Bánh hấp gần giống như bánh bao nhưng có nhân đậu, bánh trôi không nhân ô đangô, bánh chay ôhagi bọc bằng nhân đậu đỏ chứ không không phải là nhân đậu xanh. Ngày mùng 5 tháng 5 lễ mừng con trai, Nhược Diệp Đường bán bánh kashiwa mochi bằng nếp có nhân đậu gói trong chiếc lá kashiwa ướp muối.

Các loại bánh Nhật nói chung, chỉ trừ bánh thạch và bánh khảo vừa kể, hầu hết làm bằng đậu trộn đường, đều ngọt quá là ngọt, hình như chất đậu càng làm cho vị ngọt của bánh tăng lên gấp bội, có vẻ ngọt hơn cả đường nguyên chất. Y còn nhớ mãi nét mặt nhăn nhó kêu "Ngọt quá" của bà Nakamura chủ nhà trọ cũ, mỗi khi có ai đem bánh đến biếu. Bà Nakamura thường chỉ ăn thử một cái, rồi đẩy cả hộp bánh về phía Y, ý muốn bảo Y ăn hết đi dùm bà. Nhưng Y cũng chỉ nhón lấy một cái rồi lắc đầu đẩy hộp bánh trả lại cho bà.

Khi con được ba tuổi bắt đầu đi mẫu giáo, cũng vào ngày khai giảng của vườn trẻ, Y mới biết ngoài bánh kashiwa mochi, có một loại bánh Nhật ngọt vừa phải thôi. Vào ngày nhập học này, vườn trẻ của con Y đã phát cho mỗi em bé mới đi vườn trẻ lần đầu một hộp bánh có hai chiếc, dường như làm bằng bột nếp, một cái màu trắng và một cái nhuộm màu hồng như cánh hoa hải đường. Đó là hai màu hồng bạch tượng trưng cho sự vui mừng của người Nhật. Thoạt nhìn tưởng chỉ là bánh dày vô vị, mà nào ngờ ăn thử thấy có vị ngọt giống hệt bánh dẻo trung thu, tiếng Nhật gọi là su-ama. Y nghe tên ngẫm nghĩ rồi tự nhủ "À, su-ama có lẽ có nghĩa là bánh nếp ngọt, mà là bánh suông không có nhân ở trong". Lâu nay cứ đến trung thu khi nào Y cũng đi mua bánh nướng ở phố Tàu Yokohama, nhưng không thể nào tìm đâu ra bánh dẻo. Nay biết được bánh su-ama này rồi, Y mừng quá vì từ nay Y chỉ cần mua bánh su-ama, cho vào khuôn bánh trung thu in ra là có bánh dẻo. Y còn nghĩ bụng khi nào sẽ muối trứng gà, và lấy lòng đỏ trứng muối làm nhân bánh dẻo nữa cho đẹp.

Con Y có vẻ thích bánh su-ama phát vào hôm lễ nhập học, nên từ đó thỉnh thoảng Y thường dắt con ra hiệu Nhược Diệp Đường mua bánh. Đạo này Nhược Diệp Đường lại dành ra một góc hiệu làm thành trà thất, ba mặt tường vách gỗ trang trí thật trang nhã na ná giống như trà thất dành để cử hành nghi thức trà đạo, tuy nhiên ở đây người ta để một bộ bàn ghế gỗ chứ không lát chiếu tatami như trong trà thất. Y thường mua một đĩa bánh su-ama cho con. Hiệu bánh sẽ bung ra một chiếc bánh xinh xắn đặt trên chiếc đĩa nhỏ, có chiếc nĩa để xắn bánh làm bằng một mảnh gỗ nhỏ, kèm theo một chén trà xanh. Trên bàn thế nào cũng có một bông hoa nhỏ cắm trong chiếc bình thấp nhỏ. Y chậm rãi uống trà hồi lâu chờ con ăn xong chiếc bánh. Cậu bé con cũng vừa cắn từng miếng bánh nhỏ ăn chậm rãi. Nhân viên hiệu bánh là mấy bà Nhật đứng tuổi, hay ông chủ còn trẻ của hiệu bánh thỉnh thoảng dòm vào phòng hỏi chuyện cậu bé con

-Bé thích bánh su-ama hả ? Bánh ngon không ?

Chủ nhân thực sự của Nhược Diệp Đường có lẽ đã ngoại lục tuần, có dáng dấp một người thợ cả khắc khổ. Trái lại người con trai trưởng được gọi là Wakadana- ông chủ còn trẻ - khoảng ba mươi tuổi, dáng người cao lớn mà hơi phốp pháp, khuôn mặt tròn xoe, khiến Y thường liên tưởng đến khuôn mặt búp bê kiều Nhật. Dường như anh ta mới cưới vợ chưa có con, nhưng có vẻ như rất thích trẻ con, thường hay ân cần với con Y, cậu bé khách hàng tí hon của hiệu bánh. Đôi khi anh còn tự ý tặng thêm cho cậu bé vài cái bánh su-hama xinh xinh nhỏ như cái kẹo hay đôi khi cả một cái bánh manju.

Mùa hè qua rồi sang thu, trời mát dần, Y thường đi qua hiệu Nhược Diệp Đường hơn, chờ xem hôm nào thì trước cửa hiệu có để một chiếc vại sành lớn cắm đầy hoa lau và hoa rindo thì biết hôm ấy đúng vào ngày rằm trung thu. Khách vào mua bánh trôi bày cỗ ngắm trăng đều được tặng hoa lau và hoa rindo, muốn lấy bao nhiêu cành tùy thích. Qua rằm trung thu sẽ đến tháng 11 có lễ Shichigosan, tức là lễ mừng những trẻ em đã lên ba, lên năm và lên bảy tuổi. Ngày ấy hiệu bánh thường bán những thanh kẹo kéo chiyoame đựng trong phong giấy rất trình trọng, kẹo này cho trẻ ăn để cầu cho được khỏe mạnh sống lâu, bởi chiyo là cách đọc chữ Thiên Đại.



Năm tháng trôi qua, mỗi mùa lại có một dịp lễ lạc để Y đến mua bánh cho con, thì lại được người chủ trẻ tuổi giải thích về từng loại kẹo bánh của hiệu. Không chỉ mua bánh cho con, Y cũng thích vào hiệu xem ngắm nghía những chiếc bánh làm bằng đậu tuyệt đẹp gọi là namagashi, là bánh ăn liền không để lâu được. Mỗi hiệu bánh có những namagashi riêng của hiệu, biểu lộ tài năng của người chủ hiệu. Ông chủ hiệu bánh nay đã lớn tuổi, theo lời wakadana tức người con trai kể lại thì lúc còn trẻ ông đã đến học ở một hiệu bánh tại cố đô Kyoto, và có học cả môn họa Nhật bản. Thảo nào mà mỗi chiếc bánh namagashi của Nhược Diệp Đường quả là một tác phẩm nghệ thuật, và mùa nào thức nấy. Vào tháng ba, khi những hoa anh đào còn chưa hé nở, Nhược Diệp Đường đã bày những chiếc bánh ứng hồng màu cánh hoa anh đào. Tuy nói mùa nào thức nấy, nhưng thật ra tháng ba hoa anh đào chưa nở mà hiệu Nhược Diệp Đường đã bày bán bánh hoa anh đào, là vì người sành điệu bao giờ cũng đón mùa sớm hơn người khác, tương tự như trai thanh gái lịch ở thủ đô vẫn thường khoác lên người những kiểu áo mới sớm hơn bất cứ ở thành phố nào trên toàn quốc. Sang tháng tư bánh có màu xanh của lá non vừa nhú trên cành. Tháng năm bánh có những sợi thạch trong suốt vắt ngang tượng trưng cho mùa mưa mai vũ trong tháng sáu sắp tới. Cứ thế, từng chiếc bánh thể hiện cho cảnh sắc bốn mùa xuân hạ thu đông, thực sự là những tác phẩm điêu khắc tí hon làm bằng bột và đường. Người thợ càng khéo tay và có tâm hồn nghệ sĩ thì chiếc bánh càng có vẻ đẹp thanh thoát. Wakadana của Nhược Diệp Đường đáng người cao lớn, bàn tay to rộng bản, thế mà những chiếc bánh của anh mới đẹp và thanh nhã làm sao. Ở những hiệu bánh trong siêu thị thường bày bán những chiếc bánh nặn hình hoa lá cũng rất khéo, cục nhìn ra cục, đào nhìn ra đào. Thế nhưng bánh của hiệu Nhược Diệp Đường không mang những hình dáng cụ thể như thế, mà chỉ có những màu sắc và dáng dấp tượng trưng cho cảnh sắc bốn mùa. Trên chiếc bánh ấy có thể đang có một đỉnh núi tuyết ứng hồng dưới ánh thái dương, một vầng mây nhạt bay ngang đỉnh núi, một hồ nước trong vắt mát rượi giữa buổi trưa hè. Nhìn chiếc bánh mà tưởng như có cả một rừng thu phong rực đỏ trước mặt, như nghe thấy tiếng lá khô vang lên xào xạc dưới gót chân nai.

Một mùa xuân nọ qua đầu tháng tư, khi những cánh hoa anh đào rơi lả tả thành từng bèo hoa trôi trên những giòng nước hay biến mọi ngã đường thành những chiếc thảm màu hồng nhạt, Y bắt gặp wakadana đang ngồi phác thảo từng cánh hoa trên cuốn tập vẽ của anh. Có lẽ vì biết

Y là người nước ngoài, anh không ngần ngại cho Y xem những ký họa khác trong cuốn tập vẽ ấy. Mỗi trang đều có những bức ký họa từ chân phương cho tới cách điệu, cho thấy được những ý tưởng độc sáng của anh. Thảo nào mà những chiếc bánh của anh khác hẳn với của những người thợ khác. Trong những trang vẽ hoa anh đào, Y thấy có cả hình chiếc cổng đỏ của ngôi đền thờ nhỏ dưới gốc cây anh đào trong vườn nhà bên kia. Bất giác anh chỉ vào chiếc cổng đền ấy mà bảo

-Đây là ngôi đền hộ mạng của hiệu bánh chúng tôi. Ông tổ của chúng tôi trước kia ở dưới chân núi Isehara cũng là khu suối nước nóng Tsurumaki-Onsen nổi tiếng, một ngày nọ đem bánh đến dọn trong tiệc trà của Trường Kiến Tự ở Kamakura, lúc trở về theo Nhai đạo Kamakura đến đây định rẽ vào Cồn Cốc xem rau cần, thì thấy nơi đây có cây anh đào đẹp quá, mới chọn địa điểm để mở hiệu bánh.

Y gật đầu tán đồng với câu nói này của anh ta, và được dịp kể lể về chuyện mình hay chỉ đường cho khách đến nhà chơi đi theo lối này qua gốc anh đào và qua cửa hiệu Nhược Diệp Đường.

Wakadana liền lịch sự cảm ơn Y đã quảng cáo cho hiệu bánh của anh, và hãnh diện chỉ cho Y xem tấm biển treo phía bên phải cửa hiệu có ghi giòng chữ " Ngự Dụng Quả Phổ " cho biết là bánh của Nhược Diệp Đường đã từng được dọn trong tiệc trà của hoàng gia.

Anh cũng cho Y biết vì có lúc túng quẩn nên dòng họ của anh đã bán bớt thửa đất bên kia dưới gốc cây anh đào cho người khác. Nhưng dù sao thì cây anh đào ấy vẫn còn mãi mãi ở đó, như hình với bóng trên mái của Nhược Diệp Đường

*
* *

Từ khi con lên tiểu học Y thường đưa con ra ga đi học sớm nên đã lâu ngày không còn đi theo ngã Nhược Diệp Đường, mà thường đi theo đường rầy cho mau. Y cũng không còn hay đi mua bánh ở Nhược Diệp Đường, vì con nay thích nhiều loại bánh kẹo khác chứ không chỉ còn thích su-ama nữa. Bánh Yakushi-ike ngon nhưng làm toàn bằng đậu và đường, Y cho là ngọt quá, khuyên chồng nên bớt ăn ngọt, vì vậy Y cũng không còn đi mua bánh, tuy biết rằng thỉnh thoảng chồng viện cớ đi dạo vẫn ra Nhược Diệp Đường tự tay mua về vài gói.

Một hôm Y thấy ông bà nhà hàng xóm khuôn về một thân gỗ khá lớn, như thể là một khúc cây vừa được cưa ra từ một gốc cây tươi nào đó. Y trầm trồ khen thân cây gì mà lớn thế, liền được bà hàng xóm giải thích :

-Ô thế bà không biết ư ? Cây anh đào ở trước Nhược Diệp Đường cành lá sum suê vươn ra che khuất cả đèn đường mà chủ nhà không chịu tỉa bớt, bởi cũng phải thuê xe cần cẩu cắt dùm, tốn kém. Vì vậy mà mấy hôm nay họ đốn đi rồi. Mọi người đang đến xin mỗi người một khúc thân cây ấy về để trong vườn, làm mặt bàn hay các thứ đấy.

Y nghe vậy, sững sốt chạy bỏ ra xem, thì hồi ôi chẳng còn thấy bóng dáng của cây anh đào đâu nữa. Như một phản xạ tự nhiên, Y lại vào hiệu Nhược Diệp Đường, có ý tìm ông chủ hiệu hay Wakadana để chia buồn, nhưng chẳng thấy bóng dáng anh ta đâu. Chỉ có mấy bà bán hàng, nghe Y tỏ ý ái ngại tiếc cây anh đào, họ kể lại đại khái rằng nếu được thì bên hiệu

Nhược Diệp Đường cũng muốn bỏ tiền ra cắt tỉa cành anh đào hàng năm để khỏi phải đốn cây, xong làm như thế thì e rằng mất mặt chủ nhà bên kia, nên không dám ngỏ lời.

Góc đường từ dạo mất cây anh đào nhìn trơ trụi lạ thường. May mà còn hàng cây bạch quả trên vỉa hè, và hàng giậu hoa đỗ quyên dưới thấp, nếu không thì hiệu Nhược Diệp Đường nằm trơ trụi chẳng có cỏ hoa. Y thầm nghĩ từ nay mỗi năm cứ đến mùa hoa anh đào có lẽ Wakadana sẽ phải sang bên công viên để ngắm hoa và tìm ý tưởng cho tác phẩm vào mùa hoa năm sau.



Thời gian lại trôi qua, con Y nay đã sắp vào đại học. Nhà nào có thí sinh thì suốt năm ấy mọi sinh hoạt như quay cuồng theo các kỳ thi thử chuẩn bị cho kỳ thi nhập học vào đầu năm tới, giữa mùa tuyết đổ. May sao con thi đỗ ngay, Y cảm động chợt nhớ ngày nào lần đầu tiên đưa con đi học mẫu giáo và hai chiếc bánh su-ama hồng bạch mừng nhập học, liền vội ra Nhược Diệp Đường mua bánh. Vẫn hiệu bánh mọi khi, nhưng các bà bán hàng quen thuộc hình như đã nghỉ việc, thay vào đó là mấy cô gái trẻ. Trà thất ở góc hiệu nay đã bị phá bỏ để thay vào đó một chiếc tủ mới. Trên mặt tủ kính còn có để một loạt hình ảnh cắt từ tạp chí, nhìn kỹ thì ra đó là bài báo giới thiệu Nhược Diệp Đường, có hình người ký giả chụp với chủ hiệu đội mũ màu trắng của người đầu bếp. Nét mặt người ấy không trẻ không già, không phải là Wakadana, cũng chẳng phải là ông chủ hiệu. Y đưa mắt vào sau tủ bánh chỗ quầy gói bánh, có ý tìm người quen. Rồi cuối cùng Y cũng không đủ kiên nhẫn, buột miệng hỏi thăm

-Wakadana và ông chủ có khỏe không ạ ?

Cô nhân viên vội vàng mời Wakadana ra, hóa ra đó là một người lạ.

Y không giấu được sự sửng sốt

-Ông là em của Wakadana trước đây à ?

Người đàn ông trẻ tuổi ngập ngừng đáp

-Không phải ạ, chúng tôi là chủ mới. Chủ cũ đã nhượng lại cho chúng tôi cửa hiệu này.

Y vội vàng xin lỗi và mua vội vài chiếc bánh đoạn nhanh chân rời hiệu bánh. Lòng buồn man mác, chẳng hiểu vì sao mà có sự thay ngôi đổi chủ như vậy.

Về sau Y mới hỏi những người hàng xóm quanh nhà và mới hay Wakadana qua đời rất đột ngột đã mấy năm qua, vì đứt mạch máu. Người vợ còn trẻ, và ông bố thì đã già, cả hai đều buồn rầu không còn đủ sức lực và ý chí truyền nghề lại cho đứa cháu trai đích tôn còn nhỏ. Và thế là họ đành nhượng cửa hiệu này cho một người thợ phụ, đồng ý nhượng luôn cả thương hiệu Nhược Diệp Đường gia truyền gần hai trăm năm qua.

Năm năm hoa anh đào lại nở trên khắp nẻo đường. Cứ đến mỗi mùa hoa nở, nhìn những cánh hoa rơi trên mặt nước trôi bồng bềnh về nẻo xa, Y lại ngậm ngùi nhớ đến cây anh đào không còn nữa, cùng với những người chủ cũ của Nhược Diệp Đường, kẻ mất người còn nhưng chẳng biết nay đã lưu lạc về đâu.

Quỳnh Chi
(23/5/2008)

Bên kia vách ***(Chuyện nghe qua vách)***

Nguyễn Thị Chân Quỳnh

"Mời các cụ ra xơi cơm. Cơm chín rồi."

(Tiếng nói từ xa) "Nó nói cái gì thế ? Lại ăn à ? Vừa mới ăn "gu-tê" (1) lúc 5 giờ đã đói đâu ? Để tí nữa ăn cũng được, đang nói dở câu chuyện."

"Không được, phải ăn bây giờ, đến giờ ăn rồi."

"Ăn mà cũng phải đúng giờ à ? Tưởng đói lúc nào thì ăn lúc ấy ?"

"Phải ăn bây giờ để còn kịp nghe tin tức lúc 8 giờ không thì muộn mất. Mời các cụ ra ăn thôi."

"Nào thì ra." (Tiếng dép đi lại gần) "Gớm, ăn mà cũng phải có giờ giấc ! Không đói cũng phải ăn !"

"Bác ơi, kệ nó nói gì thì nói, bác chưa đói không muốn ăn thì tội gì mà ăn ? Bác cứ thông thả, muộn thì đã sao ? Không xem "tê-lê" đã chết ai chưa ? Hôm nay không xem thì mai xem, mai không xem thì ngày kia, ngày kia không xem thì ngày kia, lo gì ? Cánh mình ngày rộng tháng dài, đi đâu mà vội ? Nó muốn xem thì cho nó ăn trước, ta nhẩn nha ăn sau."

"Con ăn trước thế nào được ? Để các cụ lại chê là vô phép vô tắc ấy à ? Rồi mai kia có ai lại chơi các cụ lại kể tội phải ăn sau, ăn đồ thừa, không chơi ! Với lại đằng nào con cũng phải đợi các cụ ăn xong để còn dọn dẹp, rửa bát."

"Không khiến !"

"Đã có chúng tôi dọn, cô không phải lo."

"Nhưng các cụ không biết chỗ để mỗi thứ. Các cụ mà dọn con muốn tìm cái gì cũng hết hơi. Lấy cái gì ở đâu phải xếp nguyên lại chỗ cũ, các cụ xếp lung tung con biết đâu mà tìm ? Như cái lọ hạt tiêu xưa nay con để ngay trước mắt, mở tủ ra là thấy, đằng này các cụ đem nhét nó vào tận cái xó tít bên trong là chỗ con xếp những thứ cả đời không đụng đến, làm con phải moi cả tủ ra mới tìm thấy lọ hạt tiêu."

"Đấy bác xem, rõ đồ vô ơn ! Minh thấy tủ nó bừa bộn, tủ té lau dọn, xếp lại gọn ghẽ, nó đã chẳng cảm ơn thì chớ lại còn trách mình làm nó mất thì giờ đi tìm lọ hạt tiêu ! Lọ hạt tiêu nó vẫn ở trong tủ chứ nó có mọc chân chạy đi đâu mà tìm hết hơi không ra ? Cái tủ bé bằng cái lỗ mũi mà "tìm hết hơi" không ra lọ hạt tiêu !"

"Cho mày cứ ăn trước rồi vào mà xem "tê-lê". Chúng tao ăn sau rồi chúng tao dọn, khắc đâu vào đấy." (Đổi giọng) "Nó làm như chỉ có nó mới biết ngăn nắp còn mình không biết thu dọn là cái gì cả." (Nói to) "Nói cho cô biết chúng tôi dọn đã mòn tay ra rồi, đừng tưởng ! Chúng tôi biết thu dọn từ khi chưa đẻ ra cô kia !"

"Thôi, thôi, con không cãi lý với các cụ nữa. Tối nay có phim trình thám, với cái anh thám tử bản bản mà các cụ thích vẫn khen ấy mà. Mời các cụ xơi đi rồi còn vào xem."

"Nào thì ăn chẳng nó lại giục toáy mãi lên." (Tiếng bát đĩa lách cách)

"Các cụ nếm thử món tây con nấu xem có ngon không ? Món này gọi là "endives au jambon", phải luộc "endives" rồi lấy "jambon" quấn quanh, nấu sốt đổ lên trên, rắc phó-mát rồi bỏ lò. Ngon lắm !"

" "Ăng-đi" là cái quái gì ?"

"Nó là cái rau trắng trắng, từng búp một ấy mà."

"Tưởng gì, sao không gọi là cái rau trắng trắng lại gọi là "ăng-đi ăng điếc" làm tao chẳng hiểu gì cả."

"Tên nó là "endives" thì phải gọi nó là "endives". Cụ nếm thử xem có ngon không ?"

"Nào thì nếm !" (Chép miệng) "Cũng được !"

" "Cũng được" là thế nào ? Ngon hẳn đi chứ lị ! Con nấu mà cụ uể oải nói "Cũng được" !"

"Tao bảo "Cũng được" là "Cũng được" !"

"Cơm tây có ra cái chết tiệt gì đâu, bác nhỉ ? Lúc nào cũng sốt với siếc !" (Đổi giọng) "Cái món này bận sau mày băm thịt ra nhồi vào trong rau ăn dễ ăn hơn, làm thế này vụng."

"Món của nó phải để thịt bọc ngoài, nhồi vào trong là không đúng kiểu."

"Cần gì phải đúng kiểu ? Cứ ăn ngon là được rồi. Nhồi thịt vào trong ăn ngon hơn."

"Cơm tây thiếu gì món nhồi thịt vào trong, nhưng món này bắt buộc phải để thịt bọc ngoài, rau ở trong thấm nước thịt mà không thấm nước sốt, ăn thanh hơn."

"Mày đã không thích sốt thì còn bày ra làm sốt làm gì ? Rồi lại phải quấn "giăm-bông" ở ngoài cho nó không thấm sốt ? Rõ rắc rối !"

"Sốt là để tưới lên thịt. Mỗi món nấu một khác, không phải lúc nào cũng nên nhồi thịt vào trong, hay rưới nước sốt lên trên." (Đổi giọng) "À, con nhờ các cụ xay "carottes", thái hành, nắm hộ con để con làm chả giò, các cụ đã làm hộ con chưa ?"

"Làm rồi !"

"Thế các cụ có nhớ để riêng từng thứ để con trộn lấy không ? Hay là các cụ lại trộn lung tung như kỳ trước con không thích. Con thích tự con trộn lấy theo kiểu của con ngon hơn. Các cụ đem vắt hết nước "carottes" đi, để gói hơn nhưng ăn không ngon, lại mất hết "vitamines". "

"Thưa cô chúng tôi đã làm đúng như cô dặn, để riêng thịt, riêng "cà-dốt". Thịt tao lại cẩn thận cho đủ mắm muối hộ rồi, cô muốn trộn kiểu nào thì cô trộn."

"Thế là chết con rồi ! Con đã dặn để con trộn vì các cụ cho mắm muối không đúng ý con, giờ các cụ lại đi cho sẵn mắm muối hộ thì con biết đằng nào mà lần ? Con nói để con trộn theo kiểu của con tức là để con cho mắm muối lấy, chứ còn trộn thì ai chẳng trộn như nhau, làm gì có kiểu trộn nào khác ?"

"Ai biết đâu ! Tại mày bảo mày muốn trộn theo kiểu riêng của mày chứ mày có bảo tao đừng cho mắm muối đâu ? Không cho để thịt thối ra à ?"

"Vì thế con vẫn nói là con thích hầu các cụ ông hơn hầu các cụ. Các cụ ông quen ngồi cho người ta hầu nên ngồi yên, không ngứa chân ngứa tay, táy máy làm giúp như các cụ. Mỗi bận mà các cụ làm giúp con cái gì là con phải chữa lại, mệt gấp đôi !"

"Này, muốn xem "tê-lê" thì ăn nhanh lên cho xong rồi còn vào mà xem, lải nhải như thế bao giờ ăn xong ?" (Chép miệng) "Ăn mà cũng phải đúng giờ giấc !"

"Vâng, mời bác xơi. Ấy, bên này chúng nó cứ như tổng thống tương lai cả một lũ bác ạ. Làm gì cũng phải có giờ giấc, chương trình. Ngày nghỉ chúng nó cũng có chương trình ! Lúc nào cũng vội, không biết vội để làm vương làm tướng gì ? Nó đến thăm mình mà mắt trước mắt sau là nó chạy, cảm bao giờ thấy chúng nó thông thả. Cần đến đưa nào mà không báo trước là không được. Lắm lúc muốn đi chỗ nọ chỗ kia, thăm người này người kia, nhưng tiếng tăm mình đã chả biết, phở xá lại không thuộc mà chúng nó thì có lúc nào là lúc có thì giờ để đưa mình đi ?"

(Ngạc nhiên) "Ở đây mấy chục năm rồi mà vẫn chưa thuộc đường cơ à ?"

"Thuộc thế nào nổi ? Tôi chỉ thuộc những chỗ gần gần, chỗ xa là phải nhờ chúng nó đưa đi. Bên này rộng lắm bác ơi, không như Hà-nội nhà mình đâu !"

"Đời sống bên này là thế, đường đất đã xa mà thì giờ lại không có, muốn làm hết mọi việc thì phải sắp đặt chương trình cho đỡ mất thì giờ. Như nhà này ở gần chợ Tàu quận 13 thì mai kia chúng nó đến thăm các cụ xong là tiện đường rẽ ra đi chợ. Không chạy thì hết giờ hiệu nó đóng cửa."

"Đây bác xem có phải chúng nó tử tế đến thăm mình đâu ? Chúng nó đến thăm để NHÂN TIỀN rẽ ra đi chợ Tàu !"

(Nói cùng một lúc) "Để thường người khác không có việc ? Người ta không chạy thì người ta chết hết cả đấy ?"

"Tại cụ không đi làm bên này nên không hiểu. Bên này phải làm cật lực chứ không lơ mơ, tà tà được đâu? Đi muộn mấy phút hay sơ xuất một tí là chủ nó kỳ kèo khó chịu lắm. Cuối tuần tiếng là được nghỉ hai ngày nhưng chủ nhật chỗ nào cũng đóng cửa, muốn mua bán gì đều

dồn hết vào ngày thứ bảy. Chủ nhật ở nhà thì lại phải dọn nhà, làm bếp và nghỉ dưỡng sức tuần sau đi làm. Nếu đi châu các cụ hay đi thăm bạn bè là hết chuyện nghỉ ngơi."

"Mày nói thế nào ấy, tao thấy ông Toàn ông ấy bảo con ông ấy nó đi làm ruộng lắm kia. Nó muốn đi cắt tóc gọi đầu lúc nào là nó cứ việc đi, chẳng ai nói năng gì cả. Làm gì có chuyện đi muộn có mấy phút mà cũng bị kỳ kèo. Mày bịa chuyện !"

"Trừ phi con ông ấy nó là chủ hay làm chủ sự thì mới tự do bỏ sở đi cắt tóc lúc nào cũng được. Mà ngay cả làm chủ sự cũng còn tùy công việc có cho đi mới được đi vì trên chủ sự lại còn có chủ nhất, chủ nhì kiểm soát, đâu mà đi dễ dàng thế ? Một phút của người ta là một phút nẩy ra tiền cả đấy, ai người ta cho tự do tung tẩy đi cắt tóc ? Ông Toàn ông ấy nói khoác."

"Láo ! Người ta là chỗ người nhón, ai có như mày mà thích nói khoác ? Nói khoác để làm gì ?"

"Cụ không tin con thì thôi. Con nói thật cụ lại không để lọt vào tai, còn ông Toàn loè thì cụ lại tin. Bụt chùa nhà xưa nay vẫn không thiêng mà !"

"Thế có láo không ?"

"Bác chấp nó làm gì ? Nó nói gì mình cứ bỏ ngoài tai là hơn."

(Yên lặng, tiếng đặt đĩa bát hơi mạnh) "Thôi ăn xong rồi. Vào xem "tê-lê" được rồi."

"Khoan đã, còn ăn "dessert" (2) mà. Hôm nay con mua được quả dứa này nhỏ nhưng ngon lắm, các cụ ăn đĩa này ngọt, đĩa kia để con trộn đường với rượu, hay các cụ không thích rượu thì con đem xào thịt."

"Nào "đét-xe". Này, tôi đồ cô biết quả dứa ngọt nhất ở chỗ nào ?"

"Ở phía đuôi, con còn lạ gì ? Con đã nếm thử mãi rồi, phía cuống bao giờ cũng chua hơn."

"Ừ, thế nhưng tại sao phía đuôi lại ngọt mà cuống lại không ngọt ?"

"Con chịu. Trời sinh ra thế."

"Thế là cô dốt. Để tôi nói cho cô nghe : Quả dứa nó cũng như cái túi mật, mật nặng nó rơi xuống dưới, bao nhiêu mật đều tụ ở dưới nên phần đuôi ngọt, trên không có mật nên chua."

"Có thật không ? Ấy, con lại quên không mời các cụ món phó-mát. Các cụ già cần ăn nhiều sữa với phó-mát cho bổ xương. Cụ muốn sữa dê, con không mua được nên mua phó-mát sữa dê thay vào. Con chắc các cụ không thích đâu nhưng ăn một lần cho biết mùi. "Con bò cười" (3) dễ ăn hơn."

"Mời bác nếm thử phó-mát sữa dê xem sao."

(Yên lặng)

"Không ngon ! Y như có cả một đàn dê chạy qua đây ! Ăn thế nào được ? Đem đồ đi !"

"Con đã bảo mà, có sai đâu ? Thôi, các cụ không ăn thì để đấy con ăn, đồ đi phí của." (Đổi giọng) "Lúc nãy cụ đổ con quả dưa ngọt nhất ở chỗ nào, bây giờ con đổ lại cụ nhé : Ở người thì chỗ nào ngọt nhất ?"

"Tao không biết. Chỗ nào ngọt nhất ?"

"Ở cái chân vì chân ở dưới. Cụ vừa bảo bao nhiêu mật ngọt đều tụ ở dưới thế thì cái chân ở dưới cùng phải ngọt nhất, còn cái lưỡi ở trên phải chua, có đúng thế không ?"

(Tất cả cùng cười)

"A, con này lão, nó bảo bác nói chua đấy bác ạ."

"Thôi ăn xong rồi, "đét-xe" cũng xong rồi, đi vào nghe tin tức."

(Tiếng dép lẹp kẹp xa dần)

"Ồ, cái "tê-lê" đi đâu mất rồi ?"

"Con đem sang phòng ngủ rồi. Ban nãy các cụ mãi nói chuyện nên không thấy con khiêng nó đi ngay trước mắt. Tại con thấy các cụ xem ở phòng khách phải ngồi, không được thoải mái. Ở phòng ngủ, các cụ có mệt thì ngả lưng vừa nằm vừa xem. Nào, mời các cụ sang đây."

(Tiếng giày dép lẹp kẹp đi sang phòng ngủ, tiếng "télé" chạy)

"Ồ, nó làm cái trò gì thế kia ? Tại sao thằng ấy lại quỳ xuống như muốn lạy cái con tre trẻ kia ?"

"Bà lão này nhà quê quá ! Nó đang chào đấy mà. Nó chào thế tức là sắp hết rồi bác ạ. Nó chào khán giả đấy mà."

"Không phải đâu cụ ơi, chào khán giả thì phải quay mặt ra phía mình chứ. Đây là truyện tình nổi tiếng của nước Anh, gọi là "Romeo và Juliet" (4). Thằng Romeo đang quỳ xuống để tỏ tình với con Juliet, không phải nó chào khán giả đâu."

"Thế à ? Tao lại cứ tưởng..."

"Ừ Ừ, Ừ Ừ... Thôi, không xem nữa ! Tắt máy đi !"

(Ngơ ngác) "Tại sao lại thôi không xem nữa ? Lại tắt máy đi ?"

"Nhảm nhí ! Cứ ôm lấy nhau mà hôn hôn hít hít ! Rõ dơ !"

(Cười) "Cái bà lão này mới sang đây có khác, bên này thế là chuyện thường bác ơi. Ày, cứ thế cả ngày, cả ở ngoài đường nữa chứ không phải chỉ ở trên "tê-lê" đâu. Cả ngày cứ hết khoác tay lại ôm nhau hôn. Chúng nó không biết lấy thế làm xấu hổ. Con giai con gái cứ cặp kè nhau chẳng phân biệt nam nữ gì cả. Rồi những ngữ này tưởng hay, lại cũng bắt chước cho mà xem !"

"Rõ dơ đáng dại hình !"

"Thôi, các cụ không thích xem nó hôn hít thì thôi, mình nghe tin tức ở đài khác. Các cụ có mệt thì nằm xuống cho thoải mái."

(Tiếng sột soạt)

"Sao cụ không ngồi yên trên giường lại tụt xuống đất làm gì ? Cứ giẫm thẳng xuống đất, nhà giải "moquette" sạch lắm, đi chân đất cũng không sao đâu, không cần phải nhón gót."

"Thế à ? Tao sợ giẫm đất bẩn chân lại phải đi rửa. Xê ra cho tao đi kiểm cái tắm xỉa răng."

"Nhà này làm gì có tắm ? Cụ chịu khó đánh răng vậy."

"Cứ mặc tao, tao kiểm khắc có tắm."

"Cụ đào đâu ra tắm mà kiểm ?"

"Tao kiểm cái bình hương là có tắm ngay chứ có khó gì ? Chân hương xỉa thay tắm cũng được. Chúng mày không biết biến báo, không có tắm là chịu chết !"

"Nhưng nhà này cả bình hương cũng không có thì làm gì có chân hương để cụ xỉa thay tắm ?"

(Ngạc nhiên) "Đến cái bình hương mà cũng không có à ? Thế mọi khi mày cúng giỗ thì cắm hương vào đâu ? Nhà gì mà lại đến cái bình hương cũng không có thì còn có cái gì ?"

"Con sang đây đi học, rồi đi làm, có bao giờ cúng giỗ mà có bình hương ? Cúng giỗ là phần các ông con trai. Xưa nay các cụ vẫn chê "con gái là con người ta", sao lại hỏi con chuyện cúng giỗ ? Phải hỏi các ông quý tử của các cụ chứ !"

"Đây bác, tôi có tắm đây. Đi đâu tôi cũng phải giặt mấy cái tắm trong túi. Đến nhà chúng nó rêu mãi thì nó đưa ra mấy cái tắm phải giặt bằng gỗ, chưa xỉa đã gãy, có ra cái chết tiệt gì ?"

"Các cụ ơi, có xỉa răng thì nhớ bôi vào khăn giấy, đừng vẩy ra nhà nhé. Nhà giải "moquette" vẩy nó dính chặt vào, máy hút bụi cũng không đi mà thuê giặt "moquette" mỗi lần cả ngàn quan là ít, tốn lắm !"

"Chúng tôi biết rồi, cô không phải dặn. Có mỗi cái tắm xỉa răng mà ngày nào, bữa nào cũng nheo nhéo, điếc cả tai !"

"Tại các cụ hay quên, cái gì cũng vứt xuống đất nên con phải nhắc."

"Tao vứt xuống đất bao giờ ?"

"Thì vừa rồi chính mắt con trông thấy cụ vẩy xuống đất nên con mới nhắc."

"Chỉ có mỗi một cái giặt răng !"

"Thế là chết con rồi ! "Mỗi một cái giặt răng" cũng không được vẩy xuống "moquette". Thà cụ vẩy lên bàn hay lên cả giường nữa con cũng không ngại. Giặt khăn bàn hay giặt giường dễ, "moquette" giặt khắp nhà, không bóc lên đem giặt được."

"Ồi giời ! Cái nhà hay là cái nợ ? Đến xỉa răng mà cũng không được !"

"Con có bảo không được xỉa răng đâu ? Con chỉ nhắc các cụ đừng vẩy ra "moquette" thôi."

(Tiếng "télé" đột nhiên to)

"Này, im mà nghe. Nó nói cái gì mà to thế ?"

"Cụ phải lặng yên thì con mới nghe hiểu mà dịch lại được chứ ?"

(Cười) "Thế thì còn nói chuyện gì nữa ! Tưởng cô biết hóa ra cô cũng "mắm-sốt" (5) ! Cô cũng chẳng biết gì hơn chúng tôi !"

"Thì con không biết nên mới phải nghe. Các cụ muốn hiểu thì đừng nói cùng một lúc với người trên đài thì con mới nghe rõ. Có hỏi thì đợi người ta nói xong hẵng hỏi."

"Không hiểu mới hỏi. Đợi người ta nói xong thì còn hỏi cái gì ?"

"Đấy, cụ lại nói lấp đi nữa rồi !"

"Tao có nói gì đâu ?"

"Suỵt ! Đừng nói nữa, để yên con nghe."

"Bác xem đấy, nó cứ đâm mình thùm thụp ! Thằng Yên cũng thế. Mình xem không hiểu mới hỏi, nó đã chẳng giảng cho mình hiểu lại còn đâm mình nữa !" (Đổi giọng) "Đấy, bây giờ nó thôi nói rồi đấy, cô giảng đi cho chúng tôi nghe."

"Bây giờ nó không nói thì con dịch cái gì ? Đúng cái lúc quan trọng nhất thì các cụ lại nói lấp đi ! Mà con có đâm cụ đâu ? Con đập nhẹ nhẹ để ra hiệu cụ đừng nói chứ đâm cụ để làm gì ?"

(Cười) "Chẳng qua là cô dốt thì có. Nghe không hiểu lại đổ tội cho người khác."

"Con nói thật đấy mà, tại các cụ nói lấp con không biết họ nói gì."

"Kìa, cái thằng kia lúc nãy mặc áo tơi, bây giờ lại mặc áo len ? Đúng, chính nó không sai. Sao nó lại mặc áo khác ?"

"Nó quảng cáo mẫu quần áo đấy mà. Lúc nãy mặc áo đi mưa, giờ mặc áo len. Cụ đợi rồi nó còn mặc nhiều kiểu áo khác nữa."

"Bên này thật vẽ chuyện. Cả đời tao cứ đánh cái áo cánh, đi đâu mặc thêm cái áo dài vào là tươm rồi. Bày vẽ kiểu nợ kiểu kia !"

"Đúng thế bác nhỉ ? Tôi có cái áo kếp may mấy chục năm nay rồi, ở nhà đi chơi đâu tôi mới mặc, bây giờ còn tốt nguyên, thế mà chúng nó chê ! Bên này cứ bịa ra một nợ một kia, thế mới ăn tiền. Các cậu thích theo một là phải bỏ tiền ra, có gì đâu ? Này, nhiều cái áo còn mới đão để, thế mà chúng nó đem đi cho, kêu hết một. Thật phí của !" (Đổi giọng) "Nhưng mà kê ra xứ Tây họ cũng có cái văn minh bác ạ. Họ nể trọng người già lắm, muốn làm gì thì làm, người già không bao giờ bị ở tù đâu !"

"Thật thế à ? Người già không bao giờ bị vào tù à ?"

"Không phải đâu cụ ơi, nói thế không đúng. Người già mà giết người thì cũng vào tù như thường."

(To giọng) "Mày nói láo ! Tao thấy ai cũng bảo người già bên này được đối đãi tử tế lắm, có nhân đạo lắm cơ, có tội cũng được tha không phải vào tù." (Cười) "Già cả mà ! Đây, người già như bác với tôi ở đây đi tàu xe không mất tiền, xem "tê-lê" không phải đóng thuế, người nào nghèo quá còn được lĩnh cả trợ cấp nữa. Lễ "No-en" được mời đi ăn tiệc, lại có cả hộp "xúc-cù-là" to tướng gửi đến tận nhà."

"Cái ấy thì có nhưng giết người thì vẫn ngồi tù. Mà cụ nói se sẽ chứ không có hàng xóm người ta kêu."

(Ngạc nhiên) "Minh nói ở nhà mình cơ mà ?"

"Ấy, cứ thế ! Chúng nó bên này cái gì cũng sợ ! Ăn cũng không dám ăn, sợ béo ! Nói cũng không dám nói, sợ hàng xóm !" (Nói to) "Tao ở nhà tao, tao nói, việc gì phải sợ ai ? Tao có mồm thì tao nói, tao có đi ăn trộm ăn cắp đâu mà phải nói se sẽ ?"

"Suýt ! Cụ nói nhỏ đủ nghe thì thôi không có hàng xóm họ kiện cho. Mình ở nhà mình thật nhưng ở chung cư, không có quyền làm ồn buổi tối. Bên này có luật lệ chứ không phải ai muốn làm gì thì làm. Người ta đi làm cả ngày mệt nhọc, đầu óc căng thẳng, tối phải để yên cho người ta tĩnh dưỡng. Mình nói to người ta không nghỉ được là mình có lỗi."

(Chép miệng) "Cái xứ này thật lắm cái lạ ! Ăn cũng phải ăn đúng giờ, làm thì phải có chương trình, đến ở nhà mình lại cũng không có quyền noi to, sợ hàng xóm mệt ! Tao thấy cụ Mai cụ ấy kể chuyện ban đêm khát nước, muốn uống hùm nước, gọi ông con dậy nhờ rót hộ chén nước thôi mà nó cứ cằn nhằn nào là ban đêm phải để cho nó nghỉ, nào là nó đã ngoài sáu mươi tuổi chứ có ít ỏi gì đâu mà bắt nó đêm nào cũng phải dậy rót nước ! Cái ấm nước để ngay đầu giường, có một chén nước thì cụ rót lấy cũng được can gì phải dựng nó dậy ? Rõ thật ông quý tử ! Rót cho mẹ có một chén nước mà cũng kêu ca !"

"Ông ấy mệt thật đấy cụ ạ. Đi làm bên này mệt lắm không như ở nhà đâu. Thứ nhất ông ấy đã ngoài sáu mươi, gần về hưu rồi, dậy đêm mệt là phải, ông ấy không nặn chuyện đâu."

"Rót có một chén nước thì làm gì mà mệt ? Ai bắt nó đi bỏ củi, gánh nước đâu mà kêu mệt ? Các người làm như chỉ bên này mới có người đi làm, còn người ta cả đời ăn không ngồi rồi, chỉ tay năm ngón chắc ?"

"Vẫn biết các cụ không ăn không ngồi rồi nhưng làm ở nhà khác, mệt là nghỉ, xong lại làm tiếp, còn ở đây mệt mấy cũng phải cầm đầu làm. Ngày xưa ở nhà các cụ còn có người giúp việc quét dọn, giặt rũ, có đi làm thì sở cũng ở gần. Ở đây có khi phải đi cả tiếng đồng hồ mới tới sở, làm việc lơ mơ là mất việc như chơi. Nhà mình mua chịu, trả góp, mất việc không có tiền trả thì nó bán nhà đi trừ nợ, lấy chỗ đâu mà ở ? Mất việc lấy gì mà sống ? Thế cho nên mới phải cầm đầu làm chứ ai chẳng thích thong thả ? Thời buổi này thất nghiệp đầy rẫy, mình là ngoại quốc sên ra là nó thải mình trước tiên."

(Tiếng chuông điện thoại)

"Này, nghe như có tiếng ai gọi cửa."

"Không phải, tiếng "tê-lê-phôn", a-lô, a-lô !"

"Đề con ra chứ cụ nói ở đây người ta có nghe thấy đâu ?" (Tiếng dép đi xa, giọng từ xa)

"Allo, Minh đây à ? ž; để hỏi các cụ đã." (Tiếng dép lại gần) "Con Minh nó hỏi ngày mai được nghỉ cuối tuần, các cụ có cần gì thì đề nó lên ?"

"Không cần gì cả ! Lên mà nó cứ vội vội vàng vàng như thế thì làm được cái gì ? Không cần !"

"Ấy, bác nói thế không được. Ngày mai nó được nghỉ thì cứ gọi nó lên đây, có việc thì mình sai, không có việc thì mình lại cho nó về, mất gì ? Nó đã tình nguyện đến mà bác lại cự tuyệt nó thì bận sau nó không đến nữa, thế là đại. Ở bên này mình cần nó chứ nó không cần mình. Lắm khi cần gọi nó hết hơi, khản cổ nó còn không đến nữa là. Đằng này nó tình nguyện mà bác lại xua nó đi là hỏng bét !" (Đổi giọng) "Cứ bảo nó lên đây, khắc có việc cho nó làm."

"Có thật không ? Không thì đề cho nó ở nhà nó nghỉ. Gọi là nghỉ chứ nó có ngồi không đâu ? Nào đi chợ, nào nấu ăn, nào dọn nhà, thiếu gì việc !"

"Nhà như thế việc gì phải dọn ? Gọn ghẽ chán ! Các cô các cậu cứ thích bắt chước Tây, nhà lúc nào cũng phải sạch bóng lên. Lau nhà, dọn nhà cả ngày, mất thì giờ, mệt là ở chỗ ấy ! Thế là cái tội cái nợ, là làm tội tở cho cái nhà. Nhà là để cho mình ở, ở thì nó phải bừa bộn, phải bẩn, sạch mãi thế nào được ? Cái nhà chứ có phải cái bàn thờ đâu ? Mà sạch để làm gì ? Tao hãy hỏi : Chúng mày sinh sạch, liệu chúng mày có sống lâu được hơn chúng tao không ? Các cậu giẫm phải cứt Tây mất rồi !"

"Không phải thế. Ở đây phải giao thiệp với ngoại quốc. Họ đến nhà mình thấy bừa bãi, luộm thuộm, bẩn thiu, họ khinh. Không phải khinh riêng chúng con mà là khinh cả nước Việt-Nam nhà mình. Sạch cũng là để giữ thể diện quốc gia nữa đấy cụ ạ. Với lại ở bẩn thấy ghê ghê là. Con đến nhà cụ, thấy gián bò con hết hồn. Sao con đã mua thuốc trừ gián mà cụ không xịt cho hết gián ?"

"Con gián nó bé bằng cái tí việc gì mà hết hồn ? Nó có giết được mày đâu ? Nó không làm gì mày, không giết mày, tại sao mày lại đòi giết nó ? Tao thích sống hòa bình với tất cả. Mình muốn sống tại sao lại muốn nó phải chết ?"

"Khôn nhưng nó bò lên bàn ăn, chui vào đồ ăn kinh lắm !"

"Việc gì mà kinh ? Hôm nọ tao nằm đọc sách có một cô gián bò từ chần lên tay tao rồi bò cả lên trang sách đang đọc, lại còn ngoe nguẩy hai cái râu nữa. Tao kệ nó, có sao đâu ?" (Đổi giọng) "À, này, nhớ bảo con Minh mang cái chần len lên cho bà lão này đắp."

"Thôi, không cần, chần đắp đủ rồi."

"Bác gàn lắm, cứ nghe tôi. Bảo nó mang chần lên, thích thì bác đắp mà chẳng thích thì lại cho nó mang về, có mất mát gì đâu mà sợ ?"

"Cụ nói thế không được. Có mất công nó chứ. Các cụ có định dùng thì mới bảo nó khiêng chần lên, không thì thôi chứ nó hỏng xe, phải đi "métro", bắt nó tha cái chần cồng kềnh đi cả

tiếng đồng hồ mới tới nơi mà không dừng lại bắt nó mang về, khổ nó. Các cụ không đi "métro" nên không biết cái khổ của những người đi "métro". Thôi, để con ra chứ bắt nó chờ từ nãy đến giờ." (Tiếng dép xa dần, giọng nhỏ ở xa) "Các cụ bảo cứ lên khắc có việc, nếu tiện thì mang cái chăn len lên nữa."

(Tiếng nói gần) "Tao ở đây từng ấy năm mà mày lại bảo tao không biết đi "mê-tô" ?"

"Cụ có đi "métro" rồi nhưng chỉ đi vào những giờ vắng người, không phải giờ người ta đi làm về chen chúc."

"Mày nói thế nào ấy. Thăng Yên nó bảo lái xe vào "Ba-li" mới là khổ, mỗi lần tìm chỗ đỗ xe phải lái quanh có khi cả nửa tiếng không có chỗ đỗ. Nó bảo hễ nó vào "Ba-li" là nó để xe ở ngoại ô rồi lấy "mê-tô" đi sướng hơn. Người ta đi xe người ta mới khổ, mày đi "mê-tô" việc gì mà mày khổ ?". (Đổi giọng) "Ngày tao còn ở nhà, thư nào mày viết về cũng kêu ở bên này thức ăn không ngon, thịt không ngon, rau không ngon, tao lộn cả ruột ! Tao sang đây có phải để ăn đâu ?"

(Cười) "Con có bảo cụ sang đây để ăn đâu ? Nhưng con biết cụ khó tính nên con báo trước để cụ sang đây khỏi thất vọng."

"Việc gì tao phải thất vọng ? Cho tao ăn cơm không hay ăn với tí muối tao ăn cũng được !"

"Thôi đi, con xin cụ ! Giỏi lắm cụ xơi được độ nửa bát cơm với muối. Đến con làm cơm tử tế, nấu món nọ món kia mà cụ còn chê lên chê xuống !"

"Thì tại thịt ở đây hôi hôi là, nuốt không trôi. Mày cầu kỳ nấu sôt với siếc khó ăn quá."

"Đây, con nói có sai đâu ? Cơm tây thì nó hay có sôt. Cụ sang đến cái xứ Tây này thì thỉnh thoảng cũng phải nếm cơm tây cho biết mùi vị chứ ? Nhưng các cụ lại không thích món lạ. Vịt nấu cam là món nổi tiếng của Tây thế mà các cụ lại chê không bằng vịt quay !"

"Tại mày làm không ngon thì tao chê. Cứ cho tao ăn rau muống luộc tao lại thích hơn, chẳng sôt với siếc gì cả ! Rau muống vừa ngon lại rẻ."

"Con lạy cụ, rau muống bên này mà rẻ ! Đắt như vàng đấy cụ ạ. Người ta phải chở máy bay sang chứ bên này làm gì có ? Cụ đòi rau muống, lần trước con phải chịu mua đắt, đem về thấy đầy trứng sâu bám vào lá đỏ lôm, con phải vặt hết lá vứt đi, luộc lên cụ lại chê là rau toàn cuống ! Rau già !"

"Thì tại rau già thật."

"Nhưng nó chỉ có thế thì làm thế nào được ?"

"Bác hơi đâu mà cãi với nó. Chúng nó bên này lắm mồm lắm miệng lắm, cứ y như thầy kiện cả một lũ ! Cái gì cũng lý sự chứ không phải như mình ngày xưa "gọi dạ bảo vâng" đâu. Ngày xưa mình hầu các cụ, bây giờ mình lại hầu chúng nó chứ không phải chúng nó hầu mình đâu ! Ấy thế mà cũng không xong ! Có lần nghe nó phàn nàn bận quá không có thì giờ làm cơm, phải ăn bánh mì pho-mát, tôi nghĩ thương hại nó, cầm cụ làm cơm, gọi nó đến ăn, nó có đến đâu !"

"Tại sao nó không đến ?"

"Nó kêu nó không có thì giờ ! Hừ, cơm mình đã làm, nó chỉ việc cấp miệng đến ăn, ăn xong lại cấp đít về, thế mà cũng không có thì giờ !"

"Khô lắm, cụ không hiểu. Con đã nói rõ thì giờ con đi từ nhà con đến nhà cụ, ăn với cụ bữa cơm rồi rửa dọn, lấy tàu xe về là hết ngày. Thà con làm cơm lấy ở nhà nhanh hơn."

"Mày rõ lắm giọng ! Vừa mới nói không có thì giờ làm cơm, bây giờ lại giọng "thà làm lấy". Nói thì lại bảo các cụ không hiểu ! Con Minh cũng thế, chúng mày nói như hệt nhau, như đúc một lò mà ra ! "Không hiểu" ! Trúng lại cứ đòi khôn hơn vịt !"

(Cười) "Thì chúng con chẳng cùng đúc trong một lò của các cụ mà ra là gì ?"

(Cười) "Mày phải "mét-xì" bà ấy mất công làm cơm cho mà ăn, không thì bà ấy còn hậm hực !"

(Cũng cười) "Ồ đây bác nói "mét-xì" thì được chứ nay mai bác sang Anh chơi mà nói "mét-xì" lại hỏng kiểu."

"Thế không nói "mét-xì" thì nói cái gì ?"

"Bác phải nói "thành kú !" (Cười) Ấy, sang đây là phải học cả tiếng Tây lẫn tiếng Anh mới được. Không biết tiếng người khô lắm, có miệng cứ như câm, đi đâu cũng phải nhờ chúng nó thông ngôn."

"Thế bây giờ cụ đã nói chuyện bằng tiếng tây với bà hàng xóm được chưa ?"

"Tao không biết nhiều nhưng tao cũng nói chuyện được."

"Thật thế à ? Cụ nói những gì ? Bà ấy có hiểu không ?"

"Tao gặp ban ngày thì tao nói "Bông-xua", chiều tối thì tao nói "Bông-xoa". Chỗ nào không biết thì tao chêm tiếng ta vào, bà ấy hiểu tất."

"Sao cụ biết bà ấy hiểu ?"

"Thì bà ấy cười cười tức là bà ấy hiểu. Bà ấy lại còn chào lại tao nữa, thân thiện ra phết đấy ! Nay, người ta tử tế lắm, lắm hôm thấy tao đi chợ về xách nặng là bà ấy cứ giằng lấy xách hộ."

"Thế còn tiếng Anh ngoài hai chữ "Thanh you", cụ có học được chữ nào khác không ?"

"Mới học được có hai chữ ấy thôi."

"Thế thì để con dậy cụ nhé ? "To sleep" là đi ngủ. Sắp đến giờ đi ngủ, các cụ học chữ ấy là vừa."

"Cái gì ? Mày nói cái gì là đi ngủ, nói lại tao nghe."

"Đi ngủ là "To sleep". "

" "Sì-líp" ? Thế ra là cái quần lót à ? Tao thềm vào học cái thứ tiếng nhảm nhí, thô tục ấy !"

(Cười) " "To sleep" khác với "slip". Tiếng Anh "To sleep" là đi ngủ, còn "slip" tiếng Pháp mới có nghĩa là cái quần lót. Hai chữ đọc khác nhau."

"Tao nghe nó cũng na ná như nhau. Thềm vào học những cái nhảm nhí ấy ! Mình là người lịch sự, tử tế, ai lại đi học cái thứ tiếng thô tục như thế ?"

(Cười) "Thôi, cụ không thích học tiếng Anh thì thôi. Thế còn mấy câu tiếng Pháp để đi chợ, con chép cho các cụ, các cụ đã thuộc chưa ?"

"Thuộc từ lâu rồi ! Dào ! Có mỗi một trang giấy làm gì mà không thuộc ? Cô làm như chúng tôi ngu dốt lắm ! Chẳng gì chúng tôi cũng để được ra cô ! Ấy, hôm qua tao đi mua sữa nhưng lại bỏ quên tờ giấy ở nhà, đi đường nghĩ mãi không ra sữa tiếng tây là gì ? Sau nhớ lại ngày xưa những hàng bán cà phê sữa buổi sáng ở nhà hay rao "Cà-phê ô lê" (6), tao biết chữ "cà-phê" không phải nghĩa là sữa, tao vào hỏi nó "ô-lê, ô-lê" thế là nó mang sữa ra." (Cười)

(Cũng cười) "Con chịu cụ !"

"Chứ sao ! Cô đã khảo tôi, giờ đến lượt tôi khảo lại cô nhé ? Cô có biết tiếng tây "Chào cụ" là gì không ?"

"Thì "Bonjour Monsieur" hay "Bonjour Madame" chứ gì ?"

(Cười) "Thế là cô không biết rồi ! Tôi nghe nói thế là tôi hiểu cô không biết. "Bông-xua ma-đam" là "Chào bà" chứ không phải "Chào cụ". "Chào cụ" khác."

"Tiếng tây làm gì có phân biệt "Chào bà" với "Chào cụ" ?"

"Thế tôi mới nói là cô dốt ! Cô đi học mà cô không biết gì cả ! "Chào cụ" người ta nói là "Bông-xua mê-mê" (7). Bà Nghĩa bà ấy dậy tao đấy. Các cậu đi học đỡ bằng nọ bằng kia rút cục tiếng tây vẫn dốt ! Không bằng bà Nghĩa !"

"Bên này rởm, cứ thích khoe tiếng tây ! Hôm nọ con Thu dẫn thằng con độ 7, 8 tuổi đến đây, hai mẹ con cứ giở tiếng tây ra nói nhặng xị cả lên? Ra điều ta biết nói tiếng tây !"

"Không phải đâu cụ ời. Tại thằng con không biết tiếng ta nên mẹ nó phải nói với nó bằng tiếng tây chứ có phải khoe đâu ? Bên này ai cũng nói tiếng tây thì có gì mà khoe ? Có khoe là khoe con nó biết nói tiếng ta kia !"

"Con nó là Việt-Nam tại sao lại không biết tiếng ta ?"

"Tại nó sinh đẻ ở bên này, chung quanh người ta toàn nói tiếng tây. Bố mẹ nó đi làm cả ngày, gửi con cho tây đảm giữ hộ nên nó biết tiếng tây. Đến chiều về bố mẹ còn phải cơm nước, dọn dẹp, không có thì giờ dậy nó tiếng ta nên cũng nói tiếng tây với nó cho nhanh. Có nhiều đứa lúc bé ở với cha mẹ thì nói được tiếng ta, đi học, nói tiếng tây với thầy, với bạn, về nhà không chịu nói tiếng ta nữa. Muốn cho con nói được tiếng ta thì bố mẹ ngày nào cũng phải uốn nắn. Con mà nói được tiếng ta là công của bố mẹ nhiều lắm. Dân Việt sang đây lớp đầu cho là học tiếng tây khó, sợ bắt con cái học hai thứ tiếng một lúc chúng nó sẽ học chậm nên chỉ dậy con tiếng tây, nghĩ là tiếng Việt dễ, sau này nó học lúc nào chẳng được ? Biết đâu sau

nó không chịu học nữa. Lớp sang sau rút kinh nghiệm, dậy cả hai thứ tiếng một lúc, chúng nó nói được như thường, nhiều đứa học còn giỏi hơn cả con Tây nữa."

"Này, tiếng tây với tiếng ta mãi. Cái anh thám tử bản bản đã ra kia rồi. Bác thích xem nó thì phải yên mà nghe."

"Ồ, cái thằng này làm cái gì mà hết giờ tay lại gãi đầu thế kia ?"

"Nó giả vờ đấy. Nó đang tìm cách bắt nọn hung thủ. Tại mình mãi nói chuyện nên nó bắt đầu phim từ lúc nào không biết."

"Nó nói cái gì thế ?"

"Đề yên thì con nghe mới biết nó nói gì."

"Đấy, nó lại đâm mình thùm thụp !"

"Tôi thích cái anh thám tử bản bản này. Giỏi ! Giỏi thật ! Chỉ phải cái tội bản bản là. Khiếp ! Sao không giặt cái áo tôi đi cho nó sạch sẽ một tí ?"

"Tại đầu óc anh ta để hết vào việc đi tìm hung phạm."

"Bên này chúng nó giết người như ngoé ấy bác ạ. Bố mẹ đi làm cả ngày không dậy dỗ con cái gì cả. Chúng nó đã không biết dậy con lại có phần sợ con, nể con hơn là nể bố mẹ ! Sợ con mà lại lấy làm văn minh ! Ở cái xứ này hồng, con cái mà thờ hơn thờ bố mẹ ! Con phán cái gì là bố mẹ tuân theo răm rắp ! Còn mình muốn đi thăm bà hàng xóm nằm nhà thương, bảo nó đưa đi nó cứ chối đây đây ! Nó bảo nó còn phải đưa con nó đi học ! Người ta là hàng xóm láng giềng, người ta ốm đau nằm nhà thương, mình cũng phải đi thăm người ta một tí mới ra người tử tế. Nhưng mình đã chẳng biết tiếng lại cũng không biết đường, chúng nó không dẫn đi là mình chịu chết ! Nói chứ chúng nó bên này ích kỷ lắm ! Này, bác cứ để ý mà xem, chúng nó vong bản hết ! Vào nhà chúng nó cảm thấy đứa nào để riêng một buồng bày cái bàn thờ cho tử tế đâu ! Chỉ thấy chúng nó chia buồng này cho vợ chồng nó, buồng kia cho con nó, còn bàn thờ thì chớ kể ! Không như mình, bàn thờ phải chọn cái buồng rộng nằm chính giữa nhà đâu !"

"Thì tại bên này chỗ ở còn không có, lấy đâu ra buồng riêng bày bàn thờ ?"

"Ấy đây, bác nghe có lọt tai không ? Chúng mày thế là vong bản con ạ. Làm người thì phải có cha mẹ, có tổ tiên. Uống nước thì phải nhớ nguồn."

"Con có nói không đâu ? Nhưng muốn có buồng riêng bày bàn thờ thì nhà phải rộng, nghĩa là phải có tiền mua nhà rộng mà chúng con đi làm, phần nhiều ba cọc ba đồng, lấy đâu ra tiền mua nhà rộng ? Có phải không có bàn thờ là chúng con quên các cụ đâu ? Đức thánh Khổng của các cụ còn dạy "nhập gia tùy tục" mà tục của Tây làm gì có bàn thờ ?" (Cười)

(Cũng cười) "Láo ! Đức thánh Khổng là đức thánh Khổng ! Làm gì có đức thánh Khổng của chúng tao ?"

"Tại con thấy hơi một tí là các cụ lại giờ đức thánh Khổng ra nên con chặn trước."

"Có lẽ có nghĩa vẫn hơn !"

"Con nói thật với cụ chứ cái anh Khổng Tử của các cụ anh ấy nói nhiều cái chương tai lắm. Chẳng hạn anh ấy bảo "Chiếu giải lịch không ngồi, miếng thịt thái không vuông vẫn không ăn". Ừ thì chiếu lịch giải lại cho ngay ngắn cũng không sao nhưng con hỏi cụ : Con gà nó chỉ có thể, làm thế nào để chặt cho miếng nào cũng vuông vẫn được ? "Không vuông không ăn" ! Bao nhiêu miếng vuông anh ấy xoi hết thì những miếng méo anh ấy để cho ai ăn ? Sao anh ấy khôn thế, vừa được ăn miếng ngon lại vừa thành người quân tử, ai chả muốn ?"

(Gắt) "Chúng mày chỉ hỗn ! Khổng Tử mà lại gọi bằng "anh" ! Người ta dậy thế là người ta nói bóng : Làm người lúc nào cũng phải cho ngay thẳng, không tà xiên, đã hiểu chưa ? Chúng mày ngu lắm, thế mà cũng đòi cấp sách đi học !"

(Cười) "Con trêu cụ đấy mà. Thế con hỏi đúng đắn nhé ? Đức thánh Khổng có bắt người ta nhắm mắt tuân lệnh cha mẹ mới kể là có hiếu đâu ? Tăng Sâm là học trò Khổng Tử một hôm bị cha say rượu đánh đến ngất đi. Lúc tỉnh dậy Sâm còn múa hát để cho cha yên lòng là mình không việc gì. Khổng Tử nghe chuyện liền cầm cửa Tăng Sâm. Sâm tự cho mình vô tội, nhờ bạn bè hỏi, Khổng Tử giảng rằng như thế không phải là hiếu mà là khuyến khích cha làm bậy. Nhờ cha quá tay đánh chết thì có phải khiến cha mang tội sát nhân không ?"

(Cười) "Chúng tao không phải con cháu Khổng Tử !"

(Cũng cười) "Sao các cụ khôn thế ? Toàn vơ vào những cái lợi cho mình ! Lúc muốn bắt con cháu tuân lệnh thì lôi Khổng Tử ra, lúc con chứng minh Khổng Tử không dậy thế thì các cụ lại chối không phải là con cháu Khổng Tử !"

(Cười) "Chúng tao không phải con cháu Khổng Tử vì rằng chúng tao là người Việt-Nam."

"Cụ mới sang thì đúng vẫn là người Việt-Nam nhưng còn cụ đây với con sang từ lâu thì không phải là Việt-Nam nữa."

"Không phải là người Việt-Nam thì là người gì ? Dễ thường là tây đầm chắc ?"

"Không phải tây đầm, tây đầm thì phải da trắng, mũi lõ. Người Việt sống lâu năm ở ngoại quốc thì người ta không gọi là Việt-Nam nữa mà lại gọi là Việt kiều. cụ ở đây lâu rồi cũng thành Việt kiều."

"Ồ đây thì có gì hay mà ở lâu ? Hết rét lại tuyết ! Đi ra ngoài đường phải mặc áo nặng chình chịch, về thì ngồi ru rú xó nhà cả ngày ! Chúng mày đi biệt từ sáng đến tối, tối về lo ăn, lo xem "tê-lê", có nói chuyện gì được đâu ?"

"Tại mình không biết tiếng, lại không biết đường chứ ở bên này cũng nhiều cái đáng xem bác ạ. Như đi xem lâu đài ở "Véc-say" (8) của cái ông vua "Mặt Giời" (9) này, đi xem "Găng ma-ga-gianh" cũng thích lắm, to mà đẹp lắm bác ạ. Ít nữa chúng nó nghỉ lễ "No-en" bác bảo chúng nó dẫn bác đi xem các cửa hiệu người ta bày đồ chơi, quần áo, phố xá treo đèn kết hoa đẹp lắm. Người đi cứ nườm nượp như đi xem hội." (Cười) "Nhưng mà chúng nó yếu như sên, chưa đi đã kêu mỏi với mệt !"

"Cụ ơi, có phải tại chúng con yếu như sên đâu ? Tại Paris có đến mấy cái "Grands Magasins", ngày cụ mới sang, con giắt cụ đi trong một ngày cả từng ấy cái là giỏi lắm đấy. Đi từ Samaritaine, Bon Marché rồi lấy "métro" đến Printemps, Lafayette, mỗi cái ba bốn tòa nhà, tòa nào cũng năm bảy tầng. Hồi ấy con là sinh viên mới có thì giờ và sức khỏe chứ bây giờ đi làm mệt, con chịu, đi chỗ nào thì đi một chỗ thôi. Đi một chỗ cũng đủ khurót rồi ! Thế mà ngày ấy cụ xem xong còn đòi con dẫn cụ giở lại Bon Marché ! Con thử hỏi cụ ở cái đất Paris này có ai đi được như thế không mà cụ chê con yếu như sên ?"

"Ừ, ở bên này xem ra đường xá có vẻ xa lắm, chẳng thế mà hôm nọ bà Lan đến chơi ngồi cả buổi không chịu về, còn nói ngồi cho bố công đi ! Người ta đi chơi thì cũng chỉ một chốc một nhát chứ có ai lại ngồi lì cả buổi ở nhà người ta, mọc rễ ra như thế ? Mất cả công cả việc !"

"Bên này đường xa, người ta đã cất công đến thì phải ngồi nói chuyện lâu lâu một tí chứ ai lại ngồi 15 phút chưa nóng chỗ đã về ? Về rồi biết bao giờ lại có dịp đi nữa ? Người ta thu xếp thì giờ đến chơi với mình như thế là quý lắm đấy. Paris rộng chứ có như Hà-nội nhà mình đâu !"

"Ai bảo thế ? Hà-nội bây giờ to lắm. Tao nhớ có cái phố... ý gì ấy, hình như phố Trần Hưng Đạo thì phải, dài dài là. Đi thăm ai ở phố ấy mà không biết số nhà là đành chịu chết, không tìm ra nhà ! Cái phố ấy dài lắm, dễ thường bằng từ nhà con Minh lên đây."

(Cười) "Cụ nói vậy. Paris có 20 quận, Hà-nội giỏi lắm bằng vài quận, có khi không bằng một quận nữa ! Nhà con Minh ở ngoại ô, từ nhà nó đến đây là giữa Paris xa lắm, cụ ví với phố Trần Hưng Đạo thế nào được !"

"Từ nhà nó lên đây lấy gì làm xa ? Tao thấy nó lái xe chỉ thoáng cái là đến nơi."

"Tại vì cụ ngồi trên xe không nhận ra chứ xa lắm." (Đổi giọng) "Thế hôm nay lúc con đi làm các cụ có bật "télé" lên mà xem xiếc không ?"

"Có bật lên nhưng nào có thấy xiếc ở đâu ?"

"Con đã dặn ở đài số 1 mà."

"Nào ai biết được đài nào là đài số 1 với đài số 2 ? Cứ bật lên, có cái gì xem cái ấy. Làm gì có xiếc ?"

"Thế là nhầm đài rồi. Sao cụ không vặn sang đài khác thử ?"

"Vặn đài khác làm gì ? Xem đài ấy cũng hay hay."

"Cụ thấy những gì mà khen "hay hay" ?"

"Tao xem nó quảng cáo."

"Xem quảng cáo thì có gì mà hay ? Quanh đi quẩn lại chỉ có chùng ấy chuyện."

"Vì thế tao mới thích xem. Tao hiểu hết không cần ai thông ngôn ! Tao lại còn giảng cả cho bà lão này nghe nữa."

"Thế là cả buổi các cụ chỉ xem quảng cáo thôi à ?"

"Không, cũng có lúc nó chiếu cái gì như đèn ma ấy. Có phải đèn ma không ? Đèn ma ai thế ?"

"Con có xem đâu mà biết ?"

"Thế ở sở cô không có "tê-lê" à ?"

"Không có. Mà dù có cũng chẳng ai cho xem. Mình đi làm lĩnh lương thì phải kéo cây giả nợ, ai người ta cho mình ngồi xem "tê-lê" ?"

"Mày đã bận thế sao sáng nay tao đang tắm lại còn gọi "tê-lê-phôn" về làm gì ? Tao vừa mới sát xà-phòng vào là "tê-lê-phôn" réo tứ tung ! Chạy vội ra tưởng có việc gì hóa ra chẳng có chuyện gì cả ! "Hỏi thăm" ! "

(Cười) "Đây là tại con nghe thiên hạ xui dại. Bà bạn đồng nghiệp bảo mẹ mới sang thì nên chốc chốc gọi về hỏi thăm cho cụ đỡ buồn. Con nghe cũng phải, lại nghĩ gọi sớm các cụ còn ngủ, gọi muộn thì vào giờ ăn nên tính gọi lúc 10 giờ là tốt nhất. Ai biết đâu giờ ấy cụ lại đi tắm ! Gọi cụ đã chẳng đỡ buồn lại còn kỳ kèo ! Nhưng cụ tắm thì cụ kia đâu, sao không nghe hộ ?"

"Bà ấy còn phải leo xuống bảy tầng thang để đổ rác cho cô. Xuống đến nơi lại không phải giờ, nó không cho đổ !"

"Con quên không dặn các cụ là chỉ từ 6 giờ chiều ở đây nó mới mở cửa ra sân cho đổ rác. Thế cụ lại phải mang rác lên à ?"

"May mà thằng "công-xéc" (10) nó tử tế, thấy tao già cả đứng tần ngần xách cái thùng rác nó mới lấy chìa khóa mở cửa cho tao ra sân đổ. Nó còn nói xì xồ những gì tao không hiểu. Tao chắc nó giao hẹn bạn sau không được thế nữa. Tao cười bảo "Ủầy me-xu". Nhà cô bảy tầng thang leo hết hơi, công đâu mà mang lên mang xuống ? Cầu thang thì dốc dốc là !"

"Thì tại đây là nhà lầu cổ, tầng nào cũng cao nên thang phải dốc."

"Nhà cô không có thang máy, lại không có cả cái ống đổ rác thông xuống như nhà con Minh."

"Nhà con Minh là nhà mới, đây là nhà cổ. Mà cụ đổ rác làm gì ? Con đã dặn để con về con đổ mà. Cụ leo thang nhỡ ngã thì sao ?"

"Tại tao thấy mày nhiều việc nên tao đỡ được cái nào hay cái ấy."

"Nhưng nhỡ cụ ngã thì sao ? Có phải nguy không ?"

"Tao đi cẩn thận việc gì mà ngã ? Mày chỉ nhiều chuyện !"

(Cười) "Kể ra con cũng nhiều chuyện thật. Tự dưng đi gọi "téléphone" về vân an làm các cụ bức mình. Hôm cụ chưa đến chơi đây, con sợ cụ con ngồi nhà buồn mới bịa chuyện nhờ cụ gọi "téléphone" hộ cho con Minh để cụ có chuyện làm trong lúc con đi vắng, cho đỡ buồn. Ai ngờ cụ đang ăn, bỗng dưng đứng dậy để gọi, sợ quên ! Con bối việc ra cho cụ làm đỡ buồn chứ có phải con không gọi được cho con Minh đâu ! Con biết ngay mình tính sai bét, từ hôm ấy con không bịa chuyện nhờ cụ cái gì nữa."

"Ồ, cái bà này làm gì mà ngoáy ngoáy tay thế ?"

(Cười) "Tôi trêu nó đấy mà. Bên này chúng nó trêu tôi cả ngày nên bây giờ tôi trêu lại nó. Khi nào chúng nó nhìn mình, lấy ngón tay trở ngoáy ngoáy vào thái dương như thế này là nó bảo mình gàn dở, nó gọi là "ga-ga, tốc tốc" !"

(Cười) "Cụ ấy báo thù con đấy, đang bảo con "gaga, toctoc" đấy."

(Cũng cười) "Dì cháu mày cứ như phùng tuồng cả một lũ ! Tưởng sang Tây sang Tàu học được cái gì hay, lại đi học làm phùng tuồng ! Ở nhà cứ tưởng là sang Tây sung sướng lắm ! Thấy chúng mày chụp ảnh gửi về đũa nào cũng có nhà cửa ô tô bánh chọc, ai biết đâu toàn là đi mua chịu ! Rồi phải è cổ đi làm trả nợ cả chục năm chưa hết. Ồm cũng không được nghỉ ! Biết thế này tao không sang !"

(Cười) "Cụ không sang thì không thành Việt kiều được."

"Thành Việt kiều thì quý hóa gì ? Thèm vào !"

(Cười) "Cụ "thèm vào" chứ có "thèm ra" đâu ?"

"Chỉ láo ! Thôi tắt máy rồi còn đi rửa ráy đi ngủ, mai dậy sớm."

"Dậy sớm để làm gì ? Mai cuối tuần con được nghỉ cơ mà."

"Cô được nghỉ nhưng chúng tôi không được nghỉ."

"Các cụ còn có việc gì làm mà không được nghỉ ?"

"Khỏi việc !"

"Việc gì cụ nói thử con nghe ?"

"Dậy rửa ráy xong còn đi đun sữa pha cà phê ăn sáng."

"Ăn sáng xong thì các cụ làm gì ?"

"Ăn sáng xong thì dọn dẹp, rửa bát đĩa."

"Rồi gì nữa ?"

"Rửa bát đĩa xong có việc gì thì làm, mà chẳng có thì ta xem "tê-lê", chán lại lên giường đi ngủ !"

"Lại đi ngủ thì lục đục dậy sớm làm gì ? "

"Đàn bà con gái không ai nằm ườn đến 8, 9 giờ sáng mới dậy !"

Con gái ngủ đến giờ thìn,
Mẹ chồng gọi dậy, rằng : "Min nhức đầu !"

"Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa" !"

"Cụ nói như Ăng-lê ấy, nó cũng bảo ngủ sớm, dậy sớm thì sẽ giàu có, lại còn thêm "khỏe mạnh với khôn ngoan" nữa" (11).

"Nó nói thế mà hay đấy."

"Cụ đã khen nó hay thì nên học tiếng của nó." (Cười) "Đi ngủ là "To sleep" cụ ạ."

"Nhảm nhí ! Không nói chuyện nữa !Tắt máy, tắt đèn đi ngủ !"

(Tiếng "télé" im bật, tiếng giày dép sột soạt, tiếng vặn máy nước xa xa, tiếng giạt nước cầu tiêu ào ào một lúc rồi yên lặng).

Châtenay-Malabry, tháng 1, 2002
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

1 - Gouter = ăn quà trưa, khoảng 5 giờ. Ở Pháp, đi làm về tối ăn muộn nên trưa phải ăn lót dạ cho đỡ đói.

2 - Dessert = ăn tráng miệng.

3 - "La vache qui rit" là nhãn hiệu một loại pho mát.

4 - "Romeo and Juliet", bi kịch nổi tiếng của Shakespeare, thế kỷ 16-17.

5 - "Même chose" = cũng thế, tiếng tây bồi gọi thành "mắm-sốt".

6 - Café au lait = cà phê sữa.

7 - Bonjour Mémé : một lời chào các bà già, thân thiện nhưng hơi suồng sã.

8 - Versailles.

9 - "Roi-Soleil" tức vua Louis XIV.

10 - Concierge = người canh cửa, trông coi một tòa nhà gồm nhiều căn hộ.

11 - "Early to bed, early to rise,
Make a man wealthy, healthy and wise".

Già dịch

Hoàng Đức

Tôi hoàn toàn mù tịt về xuất xứ của hai chữ "Già Dịch". Chẳng biết danh từ kép này do ông, bà nào "sáng chế" ra để miệt thị những đáng lièn ông ít nhất cũng đến tuổi "ngũ thập tri thiên mệnh" chứ dưới năm mươi thì ai dám gọi là lão già.

Đây là tôi nói đến cái chữ "già" theo như quan niệm tuổi tác ngày nay chứ như thời xa xưa lúc nền y học đang còn phôi thai thì mấy ai sống thọ đến tuổi năm mươi. Chẳng thế mà trong sách truyện ngày xưa khi mô tả một người đàn ông ngũ tuần thì bao giờ cũng là: "một ông hay lão già trạc tuổi năm mươi" hay trang trọng hơn thì sẽ là "một lão trượng tuổi ngoài năm mươi" hoặc là trong các bài luận văn của học trò bậc tiểu học: "Nhà em có "nuôi" một ông nội tuổi năm mươi".

Các vị vua chúa của ta và Tàu cũng thế, dù hưởng không biết bao nhiêu là của ngon vật lạ trên đời, phục dụng không biết bao nhiêu là phương thuốc thần diệu mà rốt cục cũng chẳng mấy vị sống quá năm mươi. Có lẽ vì ông vua nào cũng xài phương thuốc của vua Minh Mạng nước ta: "Nhất dạ lục giao sinh ngũ tử" nên sức lực chóng hao mòn và ông nào cũng muốn "thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt", nhả hết ga, tận hưởng lạc thú trên đời cùng tam cung lục viện nên ông vua nào cũng chóng già dù cố gắng kéo dài tuổi thọ bằng cách sai người đi tìm thiên niên hạ thủ ô hay thiên niên tuyết sâm hay linh chi thảo, các vị thuốc hiếm quý trong truyền thuyết. Thời xa xưa, tuổi thọ thật ngắn ngủi nên mới có câu "thất thập cổ lai hy". Bây giờ, với tiến bộ của y học, tuổi thọ của con người đã gia tăng quá sá quà sa, so với thời xưa. Chỉ cần lật báo hàng ngày, tờ mò đọc các cáo phó sẽ thấy ngay các cụ quy tiên đa số đều quá tuổi bảy mươi, thậm chí có vị còn vượt qua con số trăm năm trong cõi người ta. Phải dài giọng văn tự loạn bàn về "cái già sông sộc nó thì theo sau" như thế để thấy rằng bây giờ muốn gọi ai bằng ông già thì ít nhất người đó cũng đang đi trên đường số 7. Dĩ nhiên trong hạng tuổi này có cụ vẫn còn phong độ và nhất định bảo đối tượng đừng gọi anh bằng chú. Tôi có ông bạn tuổi đời 6 bó, thân thể còn tráng kiện, mặt mày phương phi, quắc thước, dáng dấp còn "ngon cơm" lắm, chỉ phải cái tội lười biếng không chịu làm đẹp, níu kéo tuổi xuân "bán nguyệt nhất kỳ đảo thẩm mỹ viện", nửa tháng một lần đến mỹ viện nhuộm tóc nên mới thoáng nhìn sơ qua, ai cũng biết là tuổi không còn "xoan" nữa. Lúc về thăm quê hương, một hôm, sau khi chễm chệ trên xích lô dạo chơi thành phố, nơi chôn nhau cắt rún, lão ta nhảy xuống xe, trong bụng nghĩ là phải "bo" cho anh chàng đạp xe một ít tiền xài chơi nên hỏi anh chàng bao nhiêu tiền cuộc xe vừa rồi. Anh chàng đạp xe kính cẩn thưa:

"Ôn cho bao nhiêu cũng được."

Dân Huế, chỉ dùng chữ "Ôn" để gọi các cụ già khú đế, gần đất xa trời vì thế ông bạn tôi lòng hậm hực, không vui và tiền "bo" bị giảm bớt khá nhiều theo như ông ta thuật lại cho tôi nghe. Phải chi anh chàng đạp xe xích lô bảo là "Anh cho em bao nhiêu cũng được" thì chắc chắn là có món tiền "bo" lớn rồi. Ông bạn tôi như vậy là đã lọt vào danh sách của những ông già dịch rồi đó, quý vị có biết không ?

Già, là bắt buộc, dù không thành văn tự, trên dưới 60 tuổi đời. Còn "dịch" thì thật là thiên hình vạn trạng vì trên đời có rất nhiều thứ dịch như dịch tả, dịch hạch, dịch cúm người và hiện nay là dịch cúm chim vv....Tôi dịch y chang chữ "bird flu", xin quý vị đừng xuyên tạc chữ chim nhé. Tiếng Việt Nam ta vốn giàu nên chỉ có một sự vật mà có thể dùng không biết bao nhiêu từ ngữ để diễn tả. Vậy để được mang danh là "già dịch" các lão già phải có những hành vi hay ngôn từ mang không nhiều thì ít tính chất "dịch" trong đó mới xứng đáng với hai chữ có tính cách miệt thị nhưng đôi lúc cũng là một lời mắng yêu, rất dễ thương và xúc động lòng già khiến cho "bần đạo thấy phơi phới trong lòng". Thử tưởng tượng được một kiểu nữ mắng: "cái anh già dịch này nữa..." kèm theo một cái nguýt mắt dài bằng một cây số thì dù bạn đang đi trên đường số 6, số 7 hay số 8, tôi chắc bạn cũng sẽ động lòng xuân mà nhoẽn miệng cười phô hàm răng trắng bóng đều đặn như hạt bắp Cồn xú Huế vì người già ở Mỹ ai cũng được quỹ an sinh xã hội tặng cho một hàm răng để cười với đời, cười thôi, chứ dùng răng này ăn không ngon bằng nhai với hai hàng nướu trần.

Thật khó xác định như thế nào thì gọi là "già dịch". Cũng những ngôn từ đó, những hành vi đó, nhưng xuất phát từ một thanh niên thì không bị buộc tội là "dịch". Trái lại nếu là một trưởng lão thì lại bị mắng là "già dịch". Đúng là không công bằng! Không còn gì là "kính lão đắc thọ" hết. Thời đại văn minh nên tôn ti trật tự trong xã hội bị đảo lộn từng pheo! Thôi thì cũng đành chịu vậy! Thông thường, theo ngấm cứu vừa sâu vừa rộng của tôi, (chứ không phải "sâu sát" như ngôn ngữ của mấy ông ngoài Bắc) hai chữ "già dịch" nhắm vào những ông già có hành động và ngôn từ mang tính chất trắng hoa, trai gái, bõm xom kiểu "ông thầy", những hành động và lời ăn tiếng nói liên quan đến vấn đề "sex" (nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc, mình qua xứ Mỹ nên xài tiếng Mỹ cho vui đời tỵ nạn) hay nôm na văn chương hoa lá cành là những vấn đề liên quan đến tình dục. Tỷ dụ như một anh già bảy mươi lò mò về Việt Nam nhờ mối mai, quăng tiền dollars ra để dụ dỗ gái tơ hay cưới vợ bé, vợ mọn thì chắc chắn một ngàn phần trăm sẽ bị gọi là "già dịch" không chạy trốn đi đâu nào được hết. Kể ra thì cũng khổ cho mấy ông già còn động lòng xuân, tuy tuổi già nhưng tâm hồn còn non trẻ. Ngày xưa, cụ Nguyễn Công Trứ gặp gái tơ trên cánh đồng trống đã khai báo lý lịch tuổi tác là: "Ngũ thập niên tiền nhị thập tam" đâu có nghe ai dám bảo cụ là "già dịch" đâu mà trái lại còn khen ông cụ có số đào hoa, bay bướm, phong lưu mã thượng.

Tuổi tuy già mà chưa cần đến các loại thuốc trợ lực như rượu thuốc ngấm tắc kè, rắn mối, rắn hổ mang, cóc nhái, ễnh ương hay hải cẩu bổ thận hoàn, sâm nhung, Viagra, Cialis, thì tại sao lại không cho mấy ông già này tiến thêm một bước nữa mà lại bắt mấy lão ta phải dậm chân tại chỗ chờ ngày thường xuyên thấy quả lắc đồng hồ ngày đêm miệt mài chỉ 6 giờ. Thế có phải là bất công không?

Thiếu gì trường hợp "Lão bạng sanh châu!" Nói thế thôi, chứ mấy ông cụ này chỉ hăng tiết vệt một đôi lúc thôi, chứ đa số chỉ đốt pháo xì, đạn được lép cả rồi nên vì vậy mới bị mắng là "già dịch". Các ông già này dù cho có xài hỗn hợp Viagra cộng thêm rượu thuốc Minh Mạng thì cũng không thể nào "nhất dạ lục giao sinh thất tử" được. Quý vị thường nghe "sinh ngũ tử" chứ chưa bao giờ nghe "sinh thất tử" vì quý vị quên rằng y học ngày nay tiến bộ vượt mức, nếu kết hợp Đông Tây y vào với nhau thì lục giao rất có thể sinh 7 nhóc con vì có một lần sinh đôi. Quý vị không tin tôi ư? Ngày nay, các người hiếm muộn đến gặp các bác sĩ chuyên khoa sẽ được họ đề nghị cho một cặp sinh đôi tức là "mua một biếu một" chỉ trả tiền cho một lần giúp thụ thai mà sinh được một cặp trai hay gái tùy thích. Thế thì có phải là lục giao sinh thất tử không nào?

Trên đây là một loại già dịch rất phổ thông đại chúng. Còn nhiều loại nữa vì chữ dịch mang rất nhiều biến thể. Tôi xin kể hầu quý vị một loại dịch khác:

Số là có hai ông già Việt Nam ngồi nhăm nháp trong một tiệm ăn, thấy cách đó mấy bàn một cô gái mắt xanh, tóc vàng đang ngồi xô lô. Hai ông bèn hứng chí phê bình văn nghệ, văn gừng vung vít bằng tiếng mẹ đẻ, bàn loạn lung tung về núi đồi sông lạch của thiếu nữ hơ hớ tuổi xuân. Một lát sau, thiếu nữ khi rời quán hàng, đi ngang chỗ hai ông già ngồi, đã đứng lại phán rằng:

"Hai bác ăn nói trây quá! Già không nên nết, đúng là già dịch!"

Hai lão già thiếu đường cắt mắt quăng cho chó gặm vì nãy giờ tưởng thiếu nữ là Mỹ chính gốc hay ít nhất cũng là Mẽ trắng ăn đậu quanh năm, ai dè cô ta là dân Việt Nam có 50% máu Mỹ.

Câu chuyện thật 100%, hai ông già này hiện đang chơi Tennis với người kể câu chuyện tiêu lâm tân thời này. Dân Việt Nam ta ở bên Tây, thuở chưa có ngày 30 tháng Tư, lúc mà dân Việt Nam ta chưa sinh sống nhiều ở ngoại quốc như ngày nay, thường cuối tuần hay tụ tập tại tiệm ăn để tha hồ văng tục vô tội vạ bằng tiếng mẹ đẻ để xả soupape, để vui đi ẩn ức tình dục và để ôn lại ngôn ngữ của quê hương sợ một ngày nào đó quên mất tiếng mẹ đẻ. Hai ông già dịch trong câu chuyện trên đây cũng đang xả soupape, không ngờ lại bị tổ trác, ngậm đắng nuốt cay, có miệng mà như ngậm hột thị chẳng nói năng gì được trước mặt cô gái mang hai giòng máu Việt Mỹ trong người mà máu cha mạnh hơn máu mẹ nên mới làm cho hai ông già mắc mớ.

Cũng là "già dịch" nhưng dễ thương hơn, tức là thành phần "trí thức" hơn, thường hay tụ họp nhau để ăn uống, tán láo và ôn lại những kỷ niệm thời xa xưa, tán gẫu của đào, lãng nhăng đủ ba mươi sáu thứ chuyện trên trần thế, nhắc lại chuyện xưa tích cũ đại loại như là:

"Tao mới gặp con XYZ, trời ơi, ngày xưa nó đẹp như thế, tau mê nó như điều đồ thế mà ngày nay tau không thể ngờ nhan sắc tàn phai thảm hại khiến tau phải tự bảo từ nay nhất định không muốn tìm gặp lại cố nhân nhan sắc một thời để khỏi phải ngậm ngùi tiếc thương."

Lão già phát ngôn như trên, cùng một trang lứa với tôi, lão ta ngậm ngùi vì vết thời gian hằn rõ nét trên gương mặt giai nhân nhưng lão ta quên nhìn mình trong gương để thấy rằng thời gian cũng đã không buông tha cho lão ta. Đúng là thấy người mà không ngẫm đến ta. Nhưng đây mới là cái dễ thương của ông bạn già, ông chỉ nghĩ đến tha nhân mà quên bản thân. Nhưng ông ta vẫn bị gán cho hai chữ "già dịch" nếu có người nghe được những phát ngôn của ông liên quan đến một vấn đề mà người ta không muốn cho những ông già tuổi ngoại lục tuần bàn loạn đến vì đã qua rồi cái thời vàng son tuổi ngọc mộng mơ. Thật là bất công không thể nào nói hết được! Tức chết đi được mà phải ngậm bồ hòn làm ngọt. Chẳng lẽ bây giờ về than thở với vợ ư? Đừng có chơi đại mà tâm sự với vợ về những chuyện này. Chắc chắn 100% là sẽ không được thông cảm mà trái lại còn bị quýt xéo kèm thêm một tiếng "hừ" kéo dài như còi xe lửa và sẽ vượt mặt không kịp với hai chữ "già dịch" tuôn ra ngay lúc đó.

Tôi tự hỏi tại sao chỉ có lũ đàn ông chúng tôi bị mắng "già dịch" mà các bà thì lại "bình an như người lành dưới thế" Hoạ hoẩn lắm mới nghe được 3 chữ: "bà già giết giặc", nhưng ý nghĩa miệt thị nhẹ nhàng hơn nhiều.

Riêng tôi, tôi chỉ thích được nghe mắng yêu, đặc sệt giọng Nam Kỳ Quốc: "Thật là cái anh dịch dzật gì đâu...!" Nghe ra âu yếm làm sao! Quý vị có đồng ý với tôi không? Nếu đồng ý thì cố gắng đi kiếm cho ra người có thể mắng bạn như thế cho lòng xuân phơi phới, thấy mình vẫn còn đường tương chao tức là còn nước, còn non, còn cô bán rượu anh còn say sưa.

Hoàng Đức

2008-01-12 18:28:11

Nhân Gian Một Chỗ

Hoài Ziang Duy

Tôi không biết bắt đầu từ đâu cho một nỗi nhớ. Tôi không biết bắt đầu từ đâu nói lại cảm giác này. Đôi khi trong những đêm thức giấc lặng lẽ, tôi nghĩ đến một cái chết thật dịu dàng, chưa biết thế nào, nắm níu người thân rồi cảm thấy sợ hãi. Điều này ở thời tuổi nhỏ, hay vài năm trước đây tôi chưa hề nghĩ tới. Phải chăng tuổi già đã đến hay chính tâm tư mình đã luống. Nó chợt đến chợt đi mơ hồ những lúc lòng trống không, không chút gọn đục sau giấc ngủ. Điều đó có nghĩa, khách không mời vẫn cứ thỉnh thoảng lừng lững bước vô trong đời sống tĩnh lặng này.

Hôm qua trên xa lộ 495 rẽ vào exit 6 như lệ thường. Khi trở ra đường chính, mở mắt nhìn cảnh vật tưởng như đang vào con đường làng, hai hàng cây rợp bóng ở buổi chiều xuống. Tôi không biết mình ở đâu, mơ hồ không phân biệt chốn nào. Chiếc xe vẫn giữ tốc độ, lướt qua cảnh trường đại học cũ, rồi nhận diện được, lạc đường. Tôi chợt hiểu mình đã thiếp, ngủ đi một thoáng lúc nào không hay trong lúc chiếc xe vẫn tề chỉnh chạy bình thường. Quá khứ như những tàn đống, như một giấc ngủ không hề có chuẩn bị. Nỗi nhớ thâm sâu một lúc nào đó cơ hồ sống lại.

Tôi nghĩ có thể mình trở lại chốn này lần cuối rồi thôi. Nơi này tuổi thơ tôi gắn liền ở đó. Nơi này mỗi ngày tôi có đời sống bên cha tôi. Ngôi trường được xây cất ở phần trước ngôi miếu Bảy Bà, nơi thờ phượng đã có hàng bao lâu không biết. Mùa hè vắng bóng trẻ nhỏ. Tôi đứng lặng một mình băng khuân khi nhớ về ngày cũ. Cái khoảng sân rộng lớn ở buổi đầu, mỗi năm vào mùa nước, những tấm ván nối liền bắt cầu cho học sinh vào đến sân Miếu. Tôi không hiểu sao ngôi miếu to lớn này lại nằm khiêm nhường, chấp nhận cho phần tiền đường và hai bên trở thành các lớp học phục vụ cho dân cư quanh vùng. Người dân ít đến đây cúng bái, đa số là dân nghèo sống chung quanh. Do vậy mà phần thu nhập tu bổ, tiếng thiêng liêng đồn xa không có, để thu hút bá tánh thập phương. Nhưng hàng bao lâu ngôi miếu vẫn ở vị thế đó. Tiếng chuông vẫn vọng ngân xa, cái không khí trầm mặc lặng lẽ cô quạnh như để chỉ sống cho chính mình.

Thuở nhỏ tôi theo cha đến trường. Cái cảnh gà trống nuôi con, con gà con như tôi chỉ biết ngồi trên nhìn xuống, những người bạn nhỏ lớn tuổi hơn tôi đang thu mình ở dưới, nhìn lên bảng phấn, giơ tay trả bài, cái thước bằng gỗ vào tay, đánh vào đít. Ngồi coi buồn chán, tôi trèo xuống chạy vào phía trong. Ở đó là thế giới của riêng tôi thu nhỏ lại. Cái chánh điện rộng lớn lạnh lẽo với nhang khói, mỗi ngày tôi đã nhìn lên biết bao lần. Miếu thờ bà Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Thánh Nương và Thiên Y Ana Thánh Nương cùng năm bà biểu tượng của Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Hai bên còn có hai cậu con theo hầu. Những người lập Miếu không phải là người địa phương, nghe đâu đã có từ cuối thế kỷ 17, do người dân Quảng Bình theo làn sóng xuôi Nam định cư lập nghiệp, hình ảnh thờ phượng chính từ di sản tín ngưỡng của người Chiêm Thành. Người dân ở đây có lẽ qua nhiều thế hệ cha ông, cái giọng miền Trung không còn nữa để phân biệt, họ sống hòa đồng, lần hồi trở thành người bản xứ. Không thấy sách vở nào ghi chép để tra cứu, chỉ biết đến ngày mừng bảy tháng bảy mưa ngâu là ngày hội cúng, tổ chức từ bang hội tề, chiềng trông lễ nghi, sắc phong thần, bài văn tế từ các bộ lão trong vùng, dân chúng đến cúng bái. Qua rồi những ngày ấy, các phòng học phía trước vẫn ê a

giọng đọc. Phía trong tiếng chuông ngân xa, nhang khói quyện tròn lơ lửng. Người gần gũi mỗi ngày trò chuyện phía trong với tôi, chính là vợ chồng ông Từ, bà Từ. Cái danh gọi người coi sóc nhang khói. Đời sống giản dị ở người sống theo chùa, miếu, yên phận với nổi bình yên ở chính mình nên trông ông bà già đi trước tuổi. Thế giới trẻ thơ tôi thu hẹp ở đó, quanh quần một mình. Tôi chỉ theo học cha tôi trên bàn viết, ngồi kề bên mỗi ngày. Tôi học theo cái lớp học cha tôi đang dạy, học theo bọn trẻ đàn anh ngồi ở dưới. Hình ảnh sân trường ngập nước, mấy mảnh ván làm cầu nổi, như một thứ cầu tre lắc lẻo cho bọn trẻ, cho tôi những thử thách bước vào cuộc đời. Tầm lòng tôi, tiếng chuông mỗi ngày, hình ảnh chánh điện phía trong, cái không khí tĩnh lặng, phải chăng ít nhiều đã gieo vào tâm trí mình nỗi lặng lẽ sau này.

Tôi bước lên mấy bậc thang, thế đất bây giờ đồ cao hơn trước. Phòng học đã có nhiều đổi thay. Chỗ này, cái ghế, vị trí này có thể là chỗ ngồi của cha tôi năm xưa. Tôi lướt nhìn chung quanh. Không ai để ý ít nhiều đến mình. Tôi trở ra bên hông cửa. Bây giờ đã thêm phòng thuốc từ thiện, với một vài khách đang đợi đến phiên mình. Người đàn ông đang bốc thuốc, tôi nhận được ngay. Cái khuôn mặt quen thuộc của anh Năm, lớn hơn tôi khoảng năm sáu tuổi..

Thấy tôi. Anh mừng lắm, ngưng khách anh hỏi ngay:

_ Đi đâu vậy? Chú mày hành nghề theo Tây y, có bao giờ uống thuốc này.

Tôi đáp cho đỡ ngượng:

_ Có đâu. Tôi biết anh mát tay mà. Chẳng qua đi ngang đây, ghé thăm chốn cũ. Anh biết chốn này, hồi xưa có khoảng thời gian ba tôi dạy học ở đây.

_ Biết chứ, tôi biết thầy mà. Mới đây mà đã mấy chục năm qua rồi.

Câu nói mở đầu khi người ta muốn ám chỉ thân tình ngày cũ.. Tôi hỏi thăm anh khi thấy miếng vải nhỏ màu đen anh cài trước ngực. Ai vậy? Vợ tôi mất rồi, mới đây thôi. Tôi nói chia buồn với anh... Vợ chồng lớn tuổi không con, một tay chị bán buôn gồng gánh cho anh yên phận làm cái nghề thầy thuốc này. Đã hơn bảy năm qua anh phục vụ cho người dân nghèo, không mang đến một lợi tức nào cho gia đình. Vợ anh nuôi anh. Anh làm cho bá tánh, lấy đức ở đời. Tôi phục anh lắm, những người thầy thuốc chỉ có tâm nguyện giúp đỡ người dân nghèo quanh vùng. Thuốc uống hết bệnh hay không, chắc cũng đỡ không bỏ bễ ngang cũng tốt cho bề dọc. Theo anh cái thuốc nam bị rẻ rúng, chính từ cái tính miễn phí, làm thấp đi cái giá trị ở người thầy thuốc. Ở đời mà. Cái gì có trả bằng tiền thì họ mới quý. Những loại lá cây cỏ, khi thì người đi miền núi anh nhờ hái dùm, khi thì chính anh tìm kiếm trong đời sống hàng ngày, được phơi khô, chế biến theo tính cách thủ công, để dành trong các học tủ. Với anh, cái nghề này, hầu như chỉ thực tập theo tính cách gia truyền hay truyền khẩu, thấy kết quả thì giữ đó mà theo, chỉ có bộ mạch lý thì anh theo học từ chính cha mình. Anh nói mạch là làn sóng của khí huyết, trong mỗi một mạch tức, đều có sự huyền bí của âm dương. Nếu người xét mạch mà tâm thần không lĩnh hội thì làm sao thấu được cái phảng phất đó. Hỏi anh thế nào để nghe hiểu. Anh cười cười nói. Dĩ ý hội, bất khả dĩ ngôn truyền. Nghĩa là tự mình nghe hiểu, khó mà giải thích. Anh nói về ngũ tạng lục phủ, vọng, vãn, vãn, thiết. Nào là trời nuôi người ta bằng năm khí, đất nuôi người bằng ngũ vị. Học làm thầy thuốc, trước hết hãy học để chữa mình, chữa cho người nhà mình trước đã. Tôi hỏi về phần chị thế nào. Anh cười buồn. Lục bát tông tâm mà. Mạng số, không làm gì hơn được. Cứu người chứ không cứu mạng được. Bao năm

qua anh đã yên phận làm chuyện theo ý anh, giờ thì không được rồi. Tôi hỏi sao lại không được. Anh cười buồn:

_ Chắc phải nghỉ thôi. Cứu người, giúp đời, nhưng không ai cứu đời sống, thực tế mình. Một thân một mình, dễ thật, nhưng không làm ra tiền làm sao mà sống được. Chỗ này đây cái gì cũng miễn phí.

Câu nói của anh, ý định ở anh làm tôi thấy ngỡ ngàng quá. Bài học thực tế ở cuộc sống cho thấy người ta mua danh, làm việc xã hội khi đã có đủ đầy, không vương bận gì khác, còn những người tâm thành đi nữa, muốn làm cũng không biết làm sao hơn. Thân còn chưa xong nói chi đến chuyện cứu rồi ở đời. Tôi nói an ủi:

_ Anh được tiếng là người thầy tốt, nhân đức.

_ Có tiếng tốt mà không tiền, làm sao có cơm ngày hai buổi.

_ Thế thì chỗ này.

Như hiểu ý tôi muốn ám chỉ gì. Anh chận lại:

_ Cui sóc ở đây bây giờ là ông Từ Con.

_ Ông Từ Con? Là thế nào, tôi hỏi lại.

Ông Từ Con, thật ra chính là con ông Từ. Cái ông năm xưa ở quãng thời ấu thơ là ông Từ cha. Bây giờ đến phần ông kế tục.

Người đàn ông, anh Năm đề cập đến, thật ra không ghê gớm như tôi tưởng. Dáng người gầy ốm, hiền hậu, mừng vui hơn, khi nghe tôi nói về một vài kỷ niệm ở thuở ấu thời tôi còn giữ được về ông bà Từ Cha. Anh nói với tôi. Kể ra chúng ta hiểu biết nhau như một gia đình đi. Nghe anh nói vậy, thật ra trong tâm trí có còn được bao điều để nhớ. Cái khoảng cách làm tôi thấy e dè bởi chính anh là người bộ đội phục viên trở về. Tôi không phải là người đứng chung hàng ngũ với anh. Thân phận chúng tôi khác nhau. Có chăng chỗ này nơi tình thân của cha tôi. Cái bàn, cái ghế, theo thời gian đã bao đổi thay. Tôi chỉ nhớ với chút tình ngày cũ, khác với lần đầu trở về nơi mộ người, tâm hồn tôi chùng xuống với nỗi thương tâm. Bao năm qua rồi tôi vẫn nhớ, vẫn tưởng được, hình ảnh người cha, một mình nơi tảng đá nhỏ dưới gốc cây sân nhà. Khi tôi ra đi, người ngồi đó. Suốt khoảng thời gian dài trong trại tập trung, mỗi sáng mỗi chiều, người ngồi đó ngóng trông ngày tôi trở về. Cuộc đời có biết bao nỗi chờ đời biệt tăm vô vọng, nhưng người ta vẫn sống với niềm tin mong manh qua ngày. Tôi còn nghị lực sống ở ngày trở về. Tôi muốn yên phận với đời sống mới, dẫu có buồn khó quên, cũng thế mà thôi. An ủi với chính mình, đời lên voi xuống chó mà. Lên voi thì chưa lên, chứ đạp cút voi thì suốt thời trẻ nhỏ tôi đã vui chơi đạp mỗi ngày.

Ngôi nhà tôi ở là một khu phố biệt lập cho công chức. Cùng dãy trong khu vực là ty túc miễn. Thời đó chưa có những loại xe tải hạng nặng. Voi được dùng như phương tiện chính để tải gỗ từ miền núi về. Ở bên hông sân ty túc miễn là chuồng voi có bốn con ở đó. Gọi là chuồng, thật ra đó là khoảng sân rộng nền cao, phía dưới thấp bao bọc bởi những cọc thép nhọn, để voi không thể bước ra ngoài được. Trẻ hàng xóm chúng tôi thường tụ tập chơi quanh đó, cho voi ăn mía, ăn bắp. Voi lớn con, sợ con sâu nhỏ lẫn trong thức ăn. Voi nặng, nên voi sợ đi chuyển

qua cầu bắt ngang sông. Cứ trông thái độ chần chừ dọ dẫm ở bước đầu, voi sợ sập cầu thật tội nghiệp. Voi hiền lành so với tấm thân bề tợng mồm meo những ngày đi miền núi về, để yên cho người nài tắm rửa, kỳ cọ bằng cái bàn chải xơ dừa. Voi đùa giỡn bằng cái vòi hút nước rồi phun lên thật cao. Voi ẵm con dùm một chút cho các bà mẹ có trẻ khó nuôi. Họ đưa vào, voi dùng vòi cuốn vào bụng ôm ấp một lúc rồi đưa ra trả. Họ tin làm vậy đứa trẻ sẽ khỏe mạnh như voi. Ở đây voi quen mặt chúng tôi. Câu chuyện về voi thời tuổi nhỏ tôi được nghe nhiều, từ người nài voi, có khi gọi là quản tượng. Bên điều thuốc rê se tròn, liếm nước miếng, quần bằng hai tay xoa vào nhau. Khói thuốc quện tròn, thổi đi. là lúc những khi người nài thoải mái nói về những hiểu biết trong nghề nghiệp mình cho chúng tôi nghe. Nói thật nói hơn. bọn trẻ chúng tôi làm sao biết được. chỉ có nước ngồi nghe, thật cảm phục. Ở rừng voi là con vật hung mãnh sống theo bầy. Khi bị tấn công, cả bầy xông tới phía trước cản phá. Khi một con bị chết đi, cả bầy quạt cho cây cối ngã, phủ lấp làm hố chôn, trước khi rống lên thảm thiết bỏ đi sau cả ngày quây quần ở đó. Người ta bắt voi bằng những hầm đào sâu, ngụy trang trên mặt đất, trên đường voi đi qua, thường là những con đi sau cùng, lạc bầy quanh quần kiếm ăn, lọt xuống hố không lên được, rồi dùng giây quấn từ chân voi nhà kéo lên áp tải đưa về. Lúc đầu voi rừng bỏ ăn, rống tiếng kêu thương lạc bầy. Lần hồi gần gũi bên voi nhà bầu bạn, thuần tánh nhập bọn. Người nài bảo. Chỉ có cùng loại mới trị lẫn nhau, như người mới sợ người, ma mới sợ ma, hiểu nhau mới biết cách ứng phó mua chuộc. Họ bảo đập cứt voi để không bị đau phong thấp sau này. Thời đó tôi không biết nhức mỏi phong thấp là gì, chỉ nghe nói sau này gót chân mìn trơn không bị nứt nẻ là làm theo, đập loi choi trên cái bã dơ kia, cũng may nó được thải ra từ con vật tượng trưng cho tình bạn hữu.

Năm tháng qua đi kỷ niệm một thời ấu thơ còn đó. Gặp ông Từ Con dĩ nhiên tôi có chút ngại ngùng. Nghĩ kỹ so với tuổi tác bây giờ theo thời gian. Ông bà không còn sống nữa, nhưng không hiểu sao tâm trạng tôi nghĩ ông bà vẫn còn đó, chôn này. Anh không phải là người tôi tìm kiếm trong kỷ niệm ngày cũ. Nhưng biết tôi là người có thời gian ở đây. Anh có vẻ thân quen hơn. Ông Từ Con nói với tôi, cái giọng miền nam có hơi hướng giọng Bắc:

_ Tôi trở về đây Ba má tôi đã mất cả rồi.

_ Tôi không hiểu sao anh trở thành ông Từ Con thế này.

_ Anh ngại cũng phải, khi tiếp thu tôi cũng đã lãnh đạo cơ quan. Bây giờ có tuổi tâm trạng lại khác. Một người hoạt động như tôi không vợ không con có gì phải cần thiết. Anh không hiểu được tôi, chính tôi tôi cũng nản với chính mình, những điều không thể nói được. Tôi có mấy con bò, miếng đất đằng sau bên kia sông. Tôi muốn họ nhường chỗ nào chả được, chẳng qua gần chỗ nơi mình ăn ở cho thuận tiện. Anh Năm đây, người thân tình của tôi, tôi muốn gần gũi bầu bạn, khi tôi bắt đầu thì anh lại muốn bỏ cuộc.

Tôi nhìn lấy ông Từ Con khi ngồi xuống đối diện. Cái bàn tròn, ly trà, hơi thuốc lá anh bập trên môi. Khuôn mặt xương, hai gò má cao. Tôi thấy gì ở người đàn ông đó. Ít khi người ta nhìn thẳng vào mặt nhau thế này. Anh vén áo, chỉ vào mấy vết sẹo ở bụng. Nó đây này. Tôi nghĩ cứ nghe anh ta nói. Mỗi người có một quãng đời riêng.. Tôi không hiểu sao anh thích kể lại vào lúc này, cho anh Năm nghe hiểu anh, hay cho chính anh, cái tâm tình dấu kín nhiều năm đã dần vật, lúc này chỉ còn một giọng nói ở anh, cuộc đời của một người con lưu lạc.

..Thuở nhỏ tôi là một đứa trẻ thế cô, bị hiếp đáp nhiều. Sau lần mổ ruột dư từ ông bác sĩ trưởng y tế, trong lòng tôi ông như một ân nhân, một người mà tôi hết lòng cảm phục, Tôi làm việc nhà cho ông, mọi chuyện vất vả từ ông sai bảo. Đôi lúc ông nhìn lấy tôi, khen tôi lanh

lệ trung hậu, thằng này có tương lai. Tương lai của tôi là như thế nào? Học hành thì không tới đâu, chỉ là thằng đi ở đợ. Gia đình vợ ông nghe nói ở Sài Gòn, ông chỉ về thăm nên tôi không biết mặt. Kể ra vậy cũng tiện, khỏi ai chia sẻ cái tình thân quen giữa ông và tôi lúc này. Ông hay nói với tôi về lý tưởng lập thân. Tôi không hiểu nhiều, đại khái lo cho cái chung trước, giúp đỡ bảo vệ giai cấp nghèo khổ. Tôi không đi chăn trâu, được gần gũi ông bác sĩ là tốt lắm rồi. Cho đến một đêm ông bảo tôi chúng ta phải đi thôi. Đi đâu hả. Tôi hỏi lại. Ông đáp ăn thân đi cứu nước, bỏ hết đi đừng hỏi nhiều từ từ sẽ hiểu sau. Có người đón chúng tôi chuyển đổi xe nhiều chặng, cuối cùng phải lội bộ vào rừng sâu. Cho đến lúc nghe tiếng pháo binh nổ đầu đầu, càng lúc càng xa khu vực dân cư, lúc này tôi mới hiểu là đang bỏ trốn. Muốn quay về cũng không được. Ông nói về là sẽ bị bắt bị tù. Sao vậy. Tôi hỏi. Ông nói chúng ta làm phải, cứu dân cứu nước họ không cho, chống đối là bị tù ngay. Ông bác sĩ là người có học, nói gì không đúng. Tôi đi theo ông từ đó. Tôi tập làm người lớn với mớ lý luận chính trị, tập làm người hùng với sa bàn trận miêng, trước khi đi cầm súng gài mìn. Phải nói là cơ khổ. Quanh năm chỉ là cái quần xà lỏn, lưng trần. Có bộ đồ thì cuộn lại giấu trong nóp chỉ để dành đi họp. Hồi đó họp hành thì tôi khoái lắm chửi đã cái miêng, càng chửi càng nghe hùng hồn. Ở ngoài tôi có chửi được ai bao giờ. Tự do là ở chỗ đó. Tôi có liên lạc với bà mẹ. Bà chỉ khóc, bảo tôi trở về. Lỡ rồi làm sao được, chỉ có nước đi tù. Ra ngoài tôi cũng phải đi lính. Đảng nào cũng rời xa gia đình. Ở đây tôi có sức khỏe. Họ bảo chịu khó vài năm, ngày hòa bình tới bản thân tôi sẽ có tất cả, chung cái chung của dân tộc. Cho đến sau này đôi lúc nghĩ lại, gác bỏ mọi chuyện cơ nghiệp ở đời. Tôi thấy mình có lỗi với mẹ cha. Nơi quê nhà, ông bà chỉ quanh quẩn nơi vùng đất này, tổ tiên mấy đời vào đây lập nghiệp. Tôi ít khi có dịp liên lạc gia đình, thêm nữa khối đễ phiền phức người ở ngoài. Tôi hoạt động thế nào bây giờ thì dài dòng lắm nói ra chẳng thú vị gì. Một lần, một lần.... Anh dừng lại hỏi tôi:

_ Trước có đi lính pháo binh không?

_ Không có. Tôi đáp.

_ Không lính này cũng lính kia, cứ trông cái tuổi này. Anh nhún vai.

Tôi có hơi khó chịu một chút. Mấy năm qua rồi ai hỏi gì, cứ nói hồi trước mình làm lính cho tiện. Còn gì để nói, muốn được yên thân thì cứ giả mù sa mưa là qua mọi chuyện. Anh muốn nói gì thì nói.

...Cái hôm đó. Tôi không biết có gì quan trọng mà mãi cứ cái hôm đó. Anh chân chờ nữa như muốn nói, nửa như muốn ngừng lại..

Chúng tôi ba người như người bạn cũ ghé qua thăm ông bạn trung úy pháo đội trưởng pháo binh. Thật ra ông ta là người hoạt động nội tuyến từ trước, nằm yên cho đến ngày hành sự. Cái bọn lính đâu biết gì. Cứ thấy ông thầy cho phép nhậu đãi khách phương xa, thì cứ theo lệnh làm theo. Chắc ăn hơn thì súng cá nhân thu lại, sẵn dịp nói là kiểm tra trước khi có đơn vị sửa chữa vũ khí đến ngày hôm sau. Cho đến lúc giữa chừng buổi tiệc, nội bắt xuất ngoại bắt nhập. Súng chúng tôi chìa ra uy hiếp. Cả bọn ngỡ ngác trước hành động của ông thầy pháo binh. Tất cả nằm úp mặt xuống, chỉ chừa hai tên ra khẩu nạp đạn quay nòng súng pháo 105 ly về hướng tiểu khu. Cùng với tiếng nổ phía ngoài, trong này chỉ cần một tràng ria ra là đủ làm sạch. Cái tên tà lợ miêng kêu van ông thầy. Nghe giọng điệu nó mà phát ghét. Tôi hùng hổ phạch ngực xông tới. Nó nhìn lấy tôi ngờ ngợ. Cái vết sẹo ở bụng phơi bày trước mặt, tôi nghe tiếng kêu. Trời ơi anh Phạch, em là Sẻo đây. Tôi chưa kịp định hồn. Nó là con người di ba của tôi, thì một tiếng nổ sau cùng từ họng súng của ông thầy. Cái đầu nó ngoẻo sang bên,

mắt trùng trùng trong cơn co giật. Sự việc bất ngờ quá. Cái loạt đạn đầu tiên chính tay tôi bắn cả bọn mà. Mọi việc phải nhanh gọn. Bắn vào tiểu khu một chốc thể nào cũng bị phát hiện, máy bay thể nào cũng lên quan sát. Kiểm tra xác hình như thiếu một thằng. Có thể nó lợi dụng lúc đi đại mà chuồn. Không kịp nữa rồi, khía hai tên sau cùng, phá hủy súng trước khi rút đi. Về tới căn cứ hậu cần ở Mo So, lần đầu tiên tôi nằm thao thức, hình ảnh thằng Sẻo chết tức tưởi như một ám ảnh khôn nguôi. Câu ca dao lúc nhỏ mẹ hát ru tôi còn nhớ. Chiều chiều lại nhớ chiều chiều. Trông về quê mẹ chín chiều ruột đau. Tôi không biết cái vết sẹo trong đôi mắt thằng Sẻo lúc này làm tôi đau hay cơn đau bao tử hành hạ mình. Mẹ tôi sẽ nghĩ thế nào?. Di tôi sẽ nghĩ thế nào, một mai khi biết có tôi. Cái nỗi đau, ám ảnh thật ra chỉ giữ trong lòng. Nói ra thì sai quan điểm, đối với địch thì ta phải dứt khoát, kết nối nó là thằng em mình. Trước đây tôi không vắn vương điều gì. Sau này theo thời gian có tuổi, sự đời lắng xuống làm mình nghĩ suy hơn về chuyện đã qua, nhất là chốn này khi tôi muốn tìm một chỗ yên thân trú nắng mưa, không gì tốt hơn quay về cảnh cũ ở thời tuổi nhỏ. Lần hồi tôi mới giác ngộ một điều, ai cũng có nhân tính làm người, chính hành động mình tôi biết, tôi cảm thấy khổ tâm, khi thỉnh thoảng nhìn thấy vợ thằng Sẻo, thấy con nó. Lúc đầu tôi thấy tội nghiệp, lần hồi tôi thấy thương. Có phải là tình yêu không? Tôi không nhận biết, nhưng xa thì nhớ, lại gần thấy vui vẻ hơn. Tôi không biết mở lời thế nào. Nó có trách tôi không? Tôi có cái lý của người chiến thắng. Sống ở đây cũng từ tình cảm. Có gì ngon nó kêu mình một tiếng.. Tôi không có làm gì nó hết nghe anh Năm, thấy vậy mà trong trắng, còn giữ quan điểm lập trường lắm đó. Tôi không dám nói sự thật. Tôi dám nói anh Năm nghe, bởi anh Năm là người lớn, chú em mày cũng từng thời lính tráng, dễ hiểu thời loạn ly, đâu thiếu cảnh bề bàng.

Anh dừng lại ở đó, hỏi tôi biết núi Mo So không? Có ở đó không? Tụi này gọi nó là Ma Thiên Lãnh. Cái núi lớn lắm, gần đó là núi Sơn Trà, mọc đầy cây trái thanh trà chín mọng. Rừng hoang, cây hoang, mặc sức mà hái bán, nhưng chốn này có ai dám vào. Núi thì là loại núi đá vôi, rất bén ở mấy bề cạnh đá, leo lên bám vào dễ bị cắt chảy máu.. Ở lòng trong núi, chao ôi đứng ở dưới ngó lên cao ngút đầu. Thạch nhũ lơ lửng buông thõng từ trên bám rớt xuống. Mấy cái hồ nước bên trong lạnh hơn nước đá. Rời chỗ này tao tiếc lắm, nó là căn cứ huấn luyện, là bệnh xá nghỉ chân, như một giang sơn riêng hùng vĩ. Địch bao vây cả năm trời không làm cách nào tiến vô được, bởi chung quanh bao phủ là thể đất lung, càng đi càng quây, sinh càng lún rồi chìm luôn. Cho đến lúc bị bao vây mấy nút chặn tiếp tế từ biển vào, không thực phẩm cuối cùng phải bỏ, mặc cho chúng tràn vào sau cuộc giao tranh. Thế mới biết, thắng tụi này chỉ cần chặn đường tiếp vận là xong, theo chi hành quân tìm diệt càn quét, chỉ đánh cái ngọn, mà đầu thấy gốc..Tao nghĩ vậy nói vậy, trong ruột dĩ nhiên phải rõ ràng hơn bên ngoài. Lý tưởng bây giờ đạt rồi, đường đi tưởng không đến đã đến. Tao ngồi một mình, cái trước đây không có bây giờ đã có, dĩ nhiên không thể nào buông.

Nghe anh kể tôi thấy buồn quá. Tôi không thích nhắc lại chuyện cũ, bởi đó là nỗi đau ghen uất. Nhưng thực tình mà nói, cho dầu thế nào, cái máu chiến chinh vẫn là gốc rễ bám chặt lấy con người mình. Đó là khoảng thời gian tôi đã lập thân. Tôi nhìn lấy ông Từ Con, nghĩ đến người đàn bà vướng víu trong tâm hồn anh. Kể ra anh cũng có mối tình muộn oan khiên sau cùng. Trái đất tròn, thật ra có duyên cũng dễ gặp. Cái núi Mo So mà anh nói..... Tôi nhìn lên trần nhà. Cái giọng ông Từ Con còn đó. Anh Năm ngồi đó chia sẻ cái tình yêu có nên không ở anh. Còn tôi cái cảm giác bồi hồi ngày cũ, cái tình yêu gái trai ở buổi đầu vẫn là nỗi nhớ khôn nguôi của một thời đã xa, tên gọi một người tình cũ, là Thiều, là nơi chốn lập lại trong nhật ký bằng những lãng mạn ở chính tâm tư mình.

Trời đêm mênh mông đặng đặc tối. Cả một màu đen bao phủ, mỗi gốc cây trần trụi nhô lên chỉ đủ cho một người ngồi, chung quanh là nước bủa vây. Gió từ biển thổi vào mát lạnh. Gần

tuần lễ nay ngày tiến đánh đêm ngồi ngủ như thế đó. Bước chân xuống là sinh lầy ngang tới bụng. Trước mặt là núi Mo So. Đạn pháo binh ầm ỉ bắn phá rớt vào. Cái miệng hang để đến chân núi, lại có thêm một hòn núi nhỏ chắn trước mặt che lấp. Làm thế nào để bắn đạn cầu vòng lọt giữa hai mặt núi mới là khó. Câu thơ nào đó. Anh rớt cho khéo nhé, kéo trúng lấy nhà em.. Đâu phải nhà em chốn này. Lúc đêm xuống lạnh lẽo, mắt nhìn trừng về phía trước, thêm một hơi thuốc cũng không dám hút. Hôm đầu tiên đổ xuống mặt trận. Từ con đường trải đá nhìn vào phía trong xa, cái mục tiêu là đó, bằng mọi giá phải chiếm cho bằng được, để đạn pháo của địch không bắn vào đây, không bắn phá vào công trường xi măng Hà Tiên chốn này. Mượn chỗ từ ủy ban hành chánh xã Dương Hòa, trải rộng phóng đồ hành quân, những dấu chấm bằng bút chì mở chỉ điểm mục tiêu. Em ngồi đằng xa ở chỗ bàn viết len lén nhìn. Hơn nửa năm nay, biết bao đơn vị thay đổi nhau thanh toán mục tiêu này. Nó vẫn còn đó, người dân ngao ngán ở những điều không chắc thắng được. Địa thế địa hình hoàn toàn bất lợi cho hướng tiến quân. Buổi cơm đơn sơ ăn vội. Buổi làm quen khi em cúi vào tay tôi mấy tờ báo văn nghệ. Anh cầm lấy có buồn thì lấy ra đọc. Tôi hơi bất chợt ở lần em dặn dĩ. Em muốn gởi gắm một điều gì? Không đâu, trận đánh ở đây dai dẳng quá. Em có thắng em ở trong đơn vị anh, may mắn hôm nay nó quay về chốn này được gặp, anh giúp dùm coi sóc nó. Em nói ít mong anh hiểu nhiều. Em sống ở đây em biết, khó lắm. Tôi nói mỗi người một số mệnh. Tôi tin điều đó, phó mặc cho trời, xá gì bản thân. Đừng sợ đừng nghĩ đến. Cái chết có kề cận, tin một điều không phải đến phiên mình. Hình như chưa phải đến phiên tôi thật. Lần nào kéo quân ra mặt lộ nhận tiếp tế thực phẩm đạn dược. Thiều cũng đến gởi gắm thằng em.. Khu vực ở đây nhỏ bé chỉ có mấy trục lộ chính, người ở đây hiền lành. Cái tình Thiều đối với tôi cũng mộc mạc dễ biết, không có cái kiểu cách, làm dáng. Thời gian ngắn ngủi gặp gỡ rồi đi, hứa hẹn gì. Để sau rồi tính.

Cả mấy ngày không giải quyết gì được, khi mà địch cố thủ từ núi, chung quanh là đồng nước mênh mông, càng vào sâu, lung sinh làm khó khăn di chuyển. Tiến tới đâu, chỗ trú quân chỉ là mỗi người một góc tràm co ro trong gió lạnh. Cho đến ngày thay đổi kế hoạch hành quân. Các nút chặn rải đều ngăn đường tiếp tế, cô lập từ biển vào. Sau cuộc họp, mỗi đại đội lấy ra hai người lính cảm tử trang bị mặt nạ ngửa hơi độc, súng cá nhân gọn nhẹ, tình nguyện mở đường xâm nhập vào núi trước làm đầu cầu. Trong số này có Sĩ, em Thiều xung phong. Tôi chỉ biết lặng lẽ, không ai biết trước điều gì sẽ xảy ra cho mỗi phận người, kể cả chính tôi..

Đêm tối. Khi những chiếc máy bay vận tải thả từng mảng lưới bung ra, hàng loạt phuy sáng rơi xuống. Rồi hàng loạt vỏ xe cao su trút xuống. Bốn chiếc trực thăng quàng quàng bắn róc kết tiếp theo. Cả ngọn núi bùng lên với lửa. Lửa thấp sáng mịt trời, lửa cháy lan ra theo từng hốc kẹt núi, mùi cao su khét lẹt mù mịt bốc lên. Khung trời gió lộng bây giờ chỉ còn có lửa, đêm yên tĩnh bùng lên với lửa. Không có tiếng súng lúc này. Cả đơn vị mang mặt nạ phòng thân nín lặng chờ đợi sự xâm nhập từ toán cảm tử quân. Khi có tiếng súng chống trả. Ở ngoài từ mỗi góc tràm, ba hướng tiến quân băng qua khoảng sinh nước ngang tới bụng tràn vào. Tiếng nổ ầm ỉ từ pháo binh yểm trợ, từ hướng phòng thủ của địch chống trả. Một người ngã, hai người ngã. Chúng tôi chấp nhận cái khoảng trống tro bụi bất lợi từ ngoài xông vào. Thừa mẹ Việt Nam, phút này đây không ai còn nghĩ đến bản thân mình nữa, chỉ có tình đồng đội, chỉ có chiến đấu cho sự sống còn đơn vị. Phải trái hai bên, dàn hàng ngang xông vào. Sống hay chết lúc này chỉ có một nghĩa như nhau. Màn đêm rực sáng từ đạn hỏa châu, rực sáng từ những ngọn lửa cháy bùng bùng.. Gió biển lồng lộng thổi. Tiếng rên của những người lính bị thương nằm rải rác ở đường tiến quân, ở chân núi. Tiếng la hét, tiếng đạn, tiếng pháo. Tiếng trực thăng phành phạch hạ cánh bốc thương binh ở phía sau, đèn pha rọi sáng một vùng. Giữa cảnh trời đêm thê lương, sinh nước phủ vây trong cảm giác lung chùng tiến thoái, chưa bao

giờ trong đời tôi cảm nhận được trận đánh hỏa công đầy nét hào hùng bi thương, nhưng không kém nào nùng này.

Cái chết đứng sững ở Sĩ làm tôi đau lòng không ít. Lưng tựa vào vách, quá gần để hai bên cùng nổ súng một lượt. Dĩ nhiên sau này tôi không dám gặp Thiều. Tôi biết tôi nợ nàng cái tình thân như cắt nắm rún chia lìa. Biết làm sao hơn. Ngọn cò trên đỉnh núi Mo So cắm lên. Pháo địch từ đó không còn bắn ra. Làng xóm đời sống dân chúng trở về êm ả. Thiều vẫn còn ở đó. Có thể mỗi ngày từ con lộ nhỏ nhìn vào ngọn núi sừng sững bên trong. Nàng nghĩ gì? Cái vết đau, niềm oán hận đổ lên tôi, nhen nhúm mối tình như bay mây đi trên đỉnh đầu nàng, trên rừng cây trái thanh trà rộ nở một màu vàng bội bạc. Cũng đành.

Cái vết sẹo của ông Từ Con. Niềm nhớ ở tôi không hên mà gặp, cùng dấy lên chung cùng một điểm hên. Bao năm qua rồi đời sống cũ một thời chiến chinh, nó tiềm ẩn lặng yên, chực chờ thức dậy khi có người đánh thức.

Có tiếng chân người đi vô cắt đứt giọng nói của ông Từ Con. Tôi nhìn lên, cái màu áo tím điểm mấy chấm bông, dáng người đàn bà có da thịt, khuôn mặt dễ nhìn.

_ Về ăn cơm nghe anh Từ. Mấy anh hợp ba miền hả?

_ Có đâu khách lâu ngày gặp. Chuyện cũ nhắc lại cho vui mà.

Anh Năm nhìn tôi ngẫm ra hiệu vợ thằng Sẻo trong chuyện vừa nhắc đến. Ông Từ Con lảng sang chuyện khác.

_ Đạo này mưa nắng bất thường, coi vậy mà thấy nhức mình nhức mẩy, bứt rứt.

Giọng anh Năm:

_ Nếu hư và thực đã biết rồi thì thanh nhiệt mát huyết trước đã.

Ông Từ Con nói với tôi:

_ Bả ở gần bên này. Trở về đôi lúc có họ hàng chăm sóc đỡ khổ.

Quay sang chị ta, anh kêu:

_ Em này, anh Năm tính nghỉ chỗ này rồi đó.

Tôi thấy giữa hai người hình như có sự mật thiết gần bó hơn câu chuyện vừa kể. Cái nhìn của chị về hướng ông Từ Con, đôi mắt đắm đuối như muốn nói bao điều chất chứa.

Chị hỏi:

_ Anh bỏ chỗ này làm sao sống?

_ Chứ trước đây tôi có sống từ chỗ này đâu. Ông Từ Con thì có phụ cấp nghỉ hưu, còn tôi giỏi lắm chỉ mấy cây trái của thập phương, thật tình mà nói, có chị mới mang qua đây nhiều thôi, chị có tâm thành vậy cũng tốt.

Chị an ủi:

_ Ưỡn thôi vậy cũng được, Chỗ này thanh tịnh thiếu anh lâu ngày thấy buồn.

_ Có rãnh qua đây cúng bái có anh Từ giúp chị một tay.

Giọng chị nũng nịu:

_ Mốc xì, ảnh làm được gì. Cứ đứng đó mà gõ chuông lấy đức.

Tôi xen vào:

_ Lúc này mà làm được việc thiện như anh Năm, anh Từ đây tôi thấy cảm phục. Chỉ tiếc cho anh Năm thầy giỏi mà không có đất thi thố.

Mắt chị ngời lên như hiểu ra điều gì, chị góp ý:

_ Bây giờ thời buổi khó khăn làm cái nghề không vốn, không phải dễ. Hay là thế này, theo tôi anh có thể làm cái nghề này, nhàn rồi mà sống được.

Anh Năm hình như thích thú thấy có người quan tâm đến mình. Anh hỏi tới:

_ Chị có kinh nghiệm ở người buôn bán giúp tôi thì hết ý rồi.

Ông Từ Con ngắt lời :

_ Nghề gì nói mẹ ra cho rồi, nói lòng vòng nóng cả ruột. Người ta đang cần, giúp được thì giúp.

Giọng chị:

_ Có tốn hao gì đâu mà nóng vội .

Tôi chờ nghe, biết đâu có thể học theo để có nghề kiếm sống. Ở đời cứ mãi bôn ba. đôi khi có những việc nhỏ mà mình không thấy.

_ Thì làm thầy cúng. Giọng chị nói tỉnh bơ.

Ông Từ Con như chưa hiểu. Anh Năm nín thinh. Giọng chị:

_ Anh chỉ cần sắm cái mõ, cái chuông, học thuộc kinh cầu siêu , cầu an, có đám mồi là có việc. Đâu hao tốn bao nhiêu, nó cũng không bó buộc mình nhiều. Anh vẫn sinh hoạt bình thường. trước đây anh làm nghề cứu người , bây giờ độ người là hợp lý. Người ta cũng phải trả tiền công cho anh. Ai bảo thời buổi này không cần? Thời nào không cần cái hình thức cứu nhân độ thế, không dạng này thì dạng khác thôi, Xét bên ngoài nhiều quá không tốt, thấy vậy mà không phải vậy.

Ông Từ Con hình như vừa cảm phục, vừa khó chịu ở ý chị đưa ra. Anh Năm như sợ mất lòng. Anh ậm ừ:

_ Có ý vậy cũng được, để coi.

Chị kéo ghế ngồi xuống quên hẳn chuyện kêu ông Từ Con về ăn cơm, vui vẻ với anh Năm:

_ Anh coi mạch lại dùm tôi coi.

_ Trong người chị thế nào vậy?

_ Đêm ngủ cứ nằm mơ hoài.

Chị vén áo đưa cổ tay ra. Cái cườm tay trắng trẻo. Tôi nghĩ chắc chị không vất vả bao nhiêu trong đời sống. Tôi phục chị thiệt, có chút nhan sắc mà vẫn ở vậy nuôi con.

Anh Năm tỉnh tâm một chút, nghe đi nghe lại :

_ Huyết hư sinh bồn chồn. Huyết ứ làm hỏa khí bốc lên nên buồn bực, ngủ hay mơ màng sợ hãi, hay chiêm bao là do trái tim có bệnh. Tâm sinh huyết . Can tàng huyết là thế đó.

Chị cãi:

_ Chắc tôi nóng trong mình thôi, chứ tim đâu thấy gì. Hôm nào có mỗi chạy hàng nhiều, mới cảm thấy mệt, ngồi nghỉ một chút là khỏe thôi

Anh Năm ậm ừ:

_ Chị uống nước lạnh nhiều cho nó mát trong người. Uống lúc sáng sớm lúc vừa thức dậy, nín thở uống một hơi, cho nó ép xuống đường ruột , giúp tiêu hóa tốt.

Chị hình như đồng ý với lời giải thích đó. Đến lúc này ông Từ Con mới giới thiệu tôi. Anh Năm nói tên ba tôi. Chị vui vẻ:

_ Em biết thầy chứ, lúc cái trường dời qua phía bên kia em có theo học. Mình chung xứ sở mà, lòng vòng trước sau cũng biết.

Tôi hỏi thăm gia cảnh chị. Không trả lời tôi, chị còn vương bận trong đầu mấy chuyện thuốc thang với anh Năm.

_ Anh Năm nè, không phải tôi chê mấy học thuốc của anh, thật ra mỗi lần tôi nhìn thấy nó, tôi phát sợ, phát nhớ từ chuyện năm xưa tôi đi nhận xác chồng. Cũng mấy cái thùng dài dài kéo ra từng ngăn để xác ướp lạnh. Nhìn thấy anh nhón lên coi mấy mặt thuốc. Nhớ cái cảm giác hồi hộp có phải là chồng không, rồi khóc trong nỗi đau đớn.

Ngừng lại một chút, chị nói. Mấy anh không biết lúc đó.. Nó tro tro bơ vơ đau khổ mọi bề. Có ai chia xẻ nỗi đau cho mình lúc này. Anh ấy chết không nhắm mắt, mà linh thiêng thật, khi tôi vượt mất cái tình chồng vợ an ủi ảnh phần nào nên mới đi yên. Lúc ấy tôi có mang thằng con bây giờ. Ai nấy nói nó còn nhỏ phá đi, còn lo cuộc đời mình nữa. Nhưng mà nghĩ tới ảnh tôi thấy tội nghiệp, nên nó mới còn đến ngày nay. Vợ chồng coi vậy có gần gũi được bao lâu. Mỗi người được cấp một căn nhà trong khu gia binh mà tôi có ở đâu.

Ông Từ Con nói:

_ Sao ngu vậy, có sẵn nhà cửa ở không tốn mà còn chê.

Chị nói:

_ Thấy thì thấy vậy, nhà nhiều mà đâu có bao nhiêu người chịu ở, bỏ không thôi, ai muốn làm gì thì làm, chứ theo sống thui thủi ở đó mà chờ lương nuôi à, lấy cái gì cho mai hậu, đâu ai chịu bỏ ruộng vườn mắm muối chỗ mình làm ra. Đứng núi này mà trông núi nọ cơ khổ.

Tôi thấy chị nói đúng. Đôi khi có những cái đu đầy đặn không đúng vào hoàn cảnh chỉ bằng thừa. Cái làng cái xóm cái tình thân , mơ hồ vậy mà khó dứt rời. Nhưng tôi không đủ nghị lực ở lại để sống cho chính gia đình mình.. Không riêng gì tôi, nói ra ai cũng có thể đổ thừa cho hoàn cảnh. Tất cả bỏ lại, kể cả mộ phần cha tôi làm thế nào mang đi được. Mưa trên trời đổ xuống chứ có bao giờ chảy ngược, đâu ai tránh được một lần nước đổ xối trên người mình.

Tôi xin phép ra về cùng lúc với anh Năm. Buổi trưa đúng Ngọ là lúc người ta cơm nước nghỉ ngơi, cái quyền tự do của mỗi gia đình ít ai dám phiền nhiễu. Đời sống ở đây nhỏ bé hiền hòa như một công thức không đổi. Không ai tiền ai, một nơi mà đến đi tùy ý tùy lòng. Một nơi mà tâm trạng mỗi người đến với bao điều muốn giải bày, quện tròn với nhang khói đức tin. Tôi đến chỉ muốn nhìn lại kỷ niệm, gặp lại ông bà Từ . Tôi đến để sống lại với cha tôi thời tuổi nhỏ. Trong thâm tâm tôi, biết đến khi nào, biết có được còn không cái cảm xúc bất ngờ dạt này. Nói tiếng ra về vậy mà khi ra cửa tôi lại đảo một vòng quanh quần phía sau. Mấy bụi cây kiềng, mấy bụi rau thơm, rau đắng mọc lẫn chen chân . Trời nắng gió thổi mát rượi, ước gì lúc này gôi đầu dưới bụi tre ngủ gục một giấc, có tiếng ru của ngọn cây bụi cỏ..

Hình như có tiếng động xô lệch bàn ghế.. Qua khung cửa lá sách. Một người đàn ông, một người đàn bà cuộn nhau ở thế đứng.. Cái màu áo tím có chấm mấy bông trắng. Cánh tay của người đàn ông đang đẩy một thân thể sát vào tường, Nàng níu kéo rồi ghì chặt xuống, giọng lạc đi :. Đùng mà.. Mới hôm qua đây bây giờ còn đòi nữa, để mai.... Không có tiếng của người đàn ông, Chỉ nghe tiếng thở, hai giọng thở.

Tôi bỏ đi, tự dưng ái ngại khi nhìn thấy. Có thể nào như thế được. Người ta dễ dàng quên mọi điều mọi sự, đánh đổi cái mất, được cái thực tế làm hạnh phúc bám víu, hay cả hai người đàn ông chỉ là hai sinh vật cần thiết. Không thể phê phán vào lúc này, ai cũng có quyền tự do sống cho lý trí mình. Tôi nhủ vậy. Mỗi người có một đời sống tâm tình riêng. Không ai phải làm theo những điều mình muốn nghĩ.. Cứ giả dụ sống bên nhau là để trả thù nhau mai hậu, hay gây thơ tương như không biết. Tuồng nhân gian chỉ như câu nói. Thấy vậy mà không phải vậy.

Chắc không từ hình ảnh đó, hay ở đó không có ai cả, chỉ là hình bóng từ trí tưởng mình. Chắc gì người đàn bà đó là vợ thằng Sẻ. Chắc gì ông Từ Con là con ông Từ. Không có tiếng chuông lúc này, có nghĩa không ai bận bịu từ tiếng tĩnh tâm, chỉ có mình thấy ở chính mình, một tâm tình gợn đục.

Tôi bước ra cửa trước. Cứ cho là không có gì xảy ra, lấy cái tôi của câu chuyện ra khỏi cái tôi của đời mình. Cái chất liệu nếu có chỉ như một màu vẽ đậm chét, một bức tranh treo trút ngược không hiểu là gì, để lòng thanh thản hơn. Chuyện có thật hay không thật, lúc thoáng qua, bỗng chốc đâu ai ngờ. Phải. Tôi không ngờ mình vẫn yên ổn ngồi đây trên chuyến xe lăn bánh lạc đường này. Tôi không nghĩ mình vẫn ngồi đây mỗi sáng, nhìn ra khung kính cửa, lòng trống không. Cha tôi cũng ngồi vậy đó, trên cái bọc xi măng dưới bóng cây mỗi ngày

mỗi buổi ngóng con về. Chim xa cảnh còn thương cây nhớ cội. Câu ca dao tiếp theo thôi đừng hát. Không có giọt nước mắt cho lần hạnh ngộ. Bóng chim tắm cá vẫn biến biệt cho đến ngày người nằm xuống.. Năm xưa người ngồi chốn cũ. Bây giờ tôi ngồi đây. Đâu ai chia xẻ, một hình ảnh hai cuộc đời chung cùng nỗi lặng.

HOÀI ZIANG DUY

Về Hà Nội nhớ Bà Huyện Thanh

Quan *

(Độc Thăng Long Hoài Cổ của Bà HTQ)

Huệ Thu

THĂNG LONG HOÀI CỔ

*Tạo hóa gây chi cuộc hý trường
Đến nay thấm thoát mấy tình sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh ấy người đây luống đoạn trường*

Đây là một bài thơ tề chỉnh hết sức tề chỉnh. Lại là một bài thơ hay .

Bài thơ hay vị tất đã là một bài thơ tề chỉnh . Ngày xưa các vị đại khoa thi xong, vua thường ban yến đãi tiệc . Các vị đỗ cao thường làm một bài thơ để lưu niệm. Như của các vị Trạng Nguyên, Bảng Nhãn hay Thám Hoa nhất định là phải đúng niêm luật nhưng chưa chắc là những bài thơ hay. Chứng cứ là cho đến ngày nay , loại thơ ấy còn mấy bài được truyền tụng. Trái lại những bài thơ hay nhất của Trung Hoa và Việt Nam chưa chắc là những bài thơ tề chỉnh, lại đôi khi còn không đúng niêm, đúng luật. Niêm luật giúp chúng ta làm thơ tề chỉnh, nhưng niêm luật chưa phải là thơ. Những cây bút "đại gia" thường vượt lên trên niêm luật. Bời thế mới có Bùi Giáng, và thơ Bùi Giáng mới được truyền tụng, tuy thơ của Bùi Giáng phần lớn là thơ của người điên. Vừa đây Nguyễn Văn Lục trong báo Tân Văn số ra mắt có viết một bài về Bùi Giáng mà theo tôi thật giá trị. Đó là một con người cam đảm , dám tin ở những điều mà mình cho là thật. Ngày xưa có một giai thoại, nhà văn Nghiêm Xuân Hồng là bộ trưởng chiêu hồi, Thanh Tâm tuyên là trung úy. Trong một tiệc rượu ông Nghiêm Xuân Hồng nửa đùa nửa thật hỏi Thanh Tâm Tuyên :

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mát quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

Mặt chữ điền thì vuông vắn như cái bánh chưng, đẹp gì mà đẹp . Thanh Tâm Tuyên nói ông hiểu thơ như vậy thì thật là giết người ta chứ còn gì nữa ! Hồng cười nói , thì ít ra anh cũng phải cắt nghĩa cho chúng tôi hiểu chứ ! Bấy giờ có một nhà thơ can rằng: anh Hồng chắc là hỏi đùa mà chơi vậy thôi . Thật ra thì đối với người Việt Nam thì cái gì vuông vức tròn trịa đều đẹp vì nó phúc hậu . Đây tác giả chỉ muốn nói thế thôi . Ngôn ngữ của thơ, không phải là ngôn ngữ của toán học .

Ai về ai có nhớ ai ; Ai cũng là tôi mà cũng là người tôi yêu. Toán thì không thể , hai với hai nhất định phải là bốn, nhất định, rõ ràng và minh bạch như vậy . Bài Hoàng Hạc Lâu được kể như bài thơ hay nhất của Trung Hoa, bài thơ ấy phá hết niêm luật :

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ

Mới câu đầu đã thất luật,

*Thử địa không du hoàng hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du*

Hai câu 3 và 4 không đối

*Tình duyên lịch lịch hán dương thụ
Phương thảo thê thê anh vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba nhân thượng xử nhân sầu*

Không có một chữ nào một câu nào cầu kỳ, giản dị như lời nói, hay ở chỗ nào ? Thật khó mà trả lời ! Thơ dễ mà cảm chứ không dễ phân tích. Người ta cảm được cái hay của thơ, cái hồn của thơ; như người ta đã cảm được lời nhạc của Văn Cao, của Trịnh Công Sơn . Nhiều lời của Trịnh Công Sơn nếu phân tích thì thật là tối nghĩa - gọi em cho nắng chết trên sông dài...- bảo cắt nghĩa thì không cắt nghĩa được , bảo cảm thì cảm được . Nguyễn Tất Nhiên có hai câu thơ mà tôi nghĩ Phạm Duy phải là tay thượng thặng mới nhìn ra : Ngồi trong lớp học đắp đôi tay ngà, hoặc: tưởng là hoa hậu, nhưng mà tiểu thơ ! Hai câu thơ ấy có thể là của một người điên, người điên thi sĩ . Những bài tiếng Thu, Đôi Mắt Người Sơn Tây, Tống Biệt Hành... những bài thơ hay chưa tề chỉnh . Vậy tề chỉnh chưa phải là điều kiện cần và đủ cho một bài thơ hay .

Trở về bài Thăng Long Thành Hoài Cổ :

Tạo hóa gây chi cuộc hý trường

Chúng ta cũng đã trải qua một cuộc hý trường : 30 tháng 4 1975, nên chúng ta cũng có chung nỗi ngậm ngùi với tác giả.

Đến hai câu thực thì :

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương*

Ngày xưa, xe ngựa của các bậc vương tôn đông đúc là thế . Bây giờ chỉ còn tro lại những cỏ khô mùa Thu. Đường cũ thì lâu đài vào lúc chạng vạng đã thê lương càng thêm thê lương

*Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương*

Đôi từng câu từng chữ, mà không có vẻ gì là đối cả . Thần tình là ở chỗ ấy, đôi mà không đối ! Đi qua Hà Nội nhớ đến người xưa, cảnh cũ lòng bất giác ngậm ngùi . Cho nên bài thơ, tình

thật thiết tha, ý thật sâu đậm , nó hay vì thật. Lời thơ trang nhã, ngôn ngữ của Bà Huyện Thanh Quan là ngôn ngữ của thi ca trường giả, rất thanh tao đài các . Những chữ trơ gan , chau mặt là những chữ thật thần, không phải muốn có là có được .

Độc thơ Đường, thú là thế . Ít câu, ít chữ mà ý tứ thật ngậm ngùi man mác...

*Ngàn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh ấy người đây luống đoạn trường.*

Bài Họa

LẠNH SA TRƯỜNG

bài 1

*Nghĩ xưa đêm xuống lạnh sa trường
Đâu lạnh riêng vì gió với sương
Đất mới buồn chung trời tỵ nạn
Lầu cao bóng lẻ buổi tà dương
Chẳng say đắm mấy sao tha thiết
Thêm nhớ nhung mà lại tiếc thương
Tôi chẳng giống như bà Huyện trước
Đèn thao thức mãi suốt canh trường*

bài 2

GIỮA CHIẾN TRƯỜNG

*Ai đã vùi thân giữa chiến trường
Bao lần trăng giải mịt mù sương
Cúi đầu ngó xuống tàn canh vắng
Ngửa mặt nhìn lên lạ bóng dương
Sóng chẳng giận ai mà phần nộ
Thơ không sao cả cũng bị thương
Cùng ai Thiên Cổ cùng tâm sự
Gửi lại ngàn sau nỗi đoạn trường*

Huệ Thu

* Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh. Bà sinh trưởng vào cuối triều Lê, đầu nhà Nguyễn. Bà là con của vị danh nho Nguyễn Lý (1755-1837) vốn là một cự thần nhà Lê.

YÊU NƯƠNG TÁI THẾ

宵娘再世

Nguyên tác : Tòng Ân Mạn Lục
Tác giả : Vương Thao
Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

*Một ngọn đèn xanh lửa đỏm, hắt hiu tranh sáng với loài ma,
Bao phen dặm cát bụi hồng, tất cả khêu cười cho lũ quỷ*

Liễu Tuyên Cư Sĩ BỒ TỪNG LINH

Chu Vị Hoàng tự là Bích Thần, hiệu là Trọng Du, người Kim Lăng, vốn dòng dõi thế gia đại tộc, nhưng đến đời Hoàng thì gia đình bắt đầu suy vi sa sút, trở thành bình dân. Nhưng Hoàng vẫn tự coi là con nhà gia thế, thường tỏ ra ngạo mạn, khinh đời.

Gặp lúc giặc cờ đỏ Hồng Tú Toàn nổi dậy phản loạn, vây hãm Kim Lăng, rồi biến nơi đó thành kinh đô, làm thành hang ổ của giặc, trong gần mười ba năm.

Ngôi nhà của gia đình Sinh, vốn rất to lớn rộng rãi, từng bị một viên tướng của Hồng Tú Toàn chiếm làm chỗ cư trú. Đến khi giặc bị quét sạch, quan quân tiến vào Kim Lăng, ngôi nhà cũ ấy lại trở thành chỗ ở của quan quân.

Bấy giờ, những người trong gia đình Sinh phải bỏ xứ phiêu linh tứ tán. Riêng chàng, một thân một mình, bôn đảo đến mãi vùng Trấn Nam xa xôi. Mười năm sau, khi Sinh trở về Kim Lăng, thì ngôi nhà bị bỏ hoang, không ai ở, cửa đóng then cài đã lâu, nên Sinh phải nhờ người cắt bỏ tạp thảo, gai góc, gạch ngói, quét dọn bụi bặm cho sạch sẽ, rồi thuê thợ tô vôi làm mới lại. Nhưng nhà rộng người thưa, cứ đêm đêm, thường thấy lân tinh đom đóm lập lòe, bay lên bay xuống. Từ những ngõ ngách tối tăm, hay những góc nhà vắng vẻ, luôn vắng nghe có tiếng chồn kêu cú hú, khiến gia nhân sợ hãi không ngủ yên được.

Nhưng riêng Sinh chẳng sợ hãi gì.

Một đêm, chàng vừa chợt tỉnh dậy, thình lình cảm thấy có người luồn tay vào trong chăn của mình, nghe giá băng lạnh lẽo, bừng mắt ra nhìn, té ra là một con a hoàn đi chân đất. Mặt mày nhem nhuốc, xấu xa, bèn quát đuổi đi:

- Tay lạnh như tay ma, dám đến mó vào người ta, ngươi không biết tự ngượng à?

Con a hoàn đỏ mặt, xấu hổ, lẳng lặng tự ý thoái lui, ra đến ngoài cửa, miệng khe khẽ lẩm bẩm:

- Đáng lẽ để cho cô ta tự đến, xem anh chàng có còn gồi cao ngủ yên không!

Sinh biết là bị ma trêu, tuy thế, cũng chẳng sợ gì.

Đứa a hoàn đi khỏi một lúc, Sinh thấy có người vén rèm bước vào, nói:

- Chồng con đứa nào, dám cả gan dọa nạt đứa tỳ nữ đại khờ nhà người ta vậy?

Sinh nhìn người mới đến. Thì ra là một nữ lang, tuổi khoảng mười bảy mười tám. Đôi lông mày vừa cong vừa đen, tú lệ như mày ngài. Mái tóc búi cao tròn ở trên đỉnh đầu, đẹp như chim phụng. Sinh tìm áo quần để mặc, tỉnh đứng dậy, thì nữ lang đã đến trước giường, cản lại, rồi ngồi ghé xuống bên cạnh, nói:

- Trời lạnh như thế này, chi bằng quần chăn, tựa gối, đối diện nhau mà tán gẫu!

Sinh hỏi:

- Nửa đêm khuya vắng, ngoài trời tuyết đỏ, sao nàng lại lặn lội giá rét mà đến đây?

Nữ lang mắt rơm rớm nước mắt, đáp:

-Vừa rồi cãi nhau với người dì,nên tức giận bỏ nhà ra đi.Bụng còn đang hoang mang ,lo không biết đêm nay ngủ chỗ nào,thì vừa lúc đi qua nhà chàng,thấy khe cửa còn leo lét ánh đèn ,biết là chàng chưa ngủ,nên vào quấy quả một chút.

Lại hỏi :

-Cái con a hoàn xấu xí vừa rồi có phải tay chân của nàng đấy không ?

Nữ lang trả lời :

-Đó là đứa đầu bếp,lo việc cơm nước cho người dì của thiếp đấy !

Khi hỏi đến tính danh,tịch quán , thì nữ lang tự giới :

-Thiếp họ Phùng,tự là Hương Lâm,người gốc Dương Châu,song thân đều đã qua đời cả rồi,vì thế phải đến sống nhờ ở nhà người dì.Tối qua người chú dượng xuống xóm Tầm Dương ,thiếp lấy lời phải khuyên bảo người dì,lại bị người dì lăng nhục, vì thế mà bỏ nhà ra đi .

Sinh gạn hỏi đầu đuôi.

Đáp :

-Truyện phòng the khuê các,chẳng kể cho chàng nghe làm gì !

Hai người lan man chuyện trò hồi lâu,rồi cùng bông lon hải hước.Lát sau,Sinh lần tay vào đôi gò bồng đảo của nàng,thấy trơn nhẵn,tròn trịa,đầy đặn,mà mềm mại khác hẳn những cô gái khác.Bèn đùa:

-Đây chính là ngọn đậu khấu mới nhú vào đầu tháng hai !

Nữ lang đỏ bừng mặt,như có vẻ không cảm được lòng.

Sinh lại bảo :

-Đêm nay khanh không có chỗ về,chi bằng ở lại đây ,cho ta khỏi cảnh gối lè chăn đơn,bớt cô tịch.

Nói rồi thay nàng cởi bỏ giày quần,yếm thắm,hài vớ.Nữ lang đẩy ra,không chịu.Sinh càng ghẹo thêm.Cuối cùng chàng nắm được chân nữ lang,thoát được đôi hài của nàng ra.Ngắm nghía ,thấy mũi hài nhỏ,nhọn như mũi trủy thủ,còn đế hài được làm bằng một thứ gỗ thơm,điêu khắc rất là tinh xảo,bên trong để mật sạ hương,mùi thơm nhuốm đầy tay,khiến Sinh tâm thần mê mẩn đến tiêu hồn.

Đêm đó,Sinh cùng nữ lang yén nỉ ,oanh non,tỉ tê tâm sự,tận tình mây mưa điên đảo,mặc cho trăng tà dòm ngó ngoài song cửa.Rồi gối đầu tay nhau mà ngủ,mãi cho đến lúc mặt trời đã lên cao lúc nào không biết.

Nữ lang dậy trước,đánh thức Sinh,nói:

-Gớm !Ngủ như chết,quên cả trời sáng.

Nói xong,lấy quần áo mặc vào người,hẹn Sinh buổi tối lại đến.Sinh không chịu,nắm vai nàng níu lại,không cho đi.Từ đấy,nữ lang ngụ hẳn tại nhà Sinh,trông nom cơm nước,thay Sinh mua bán chi thu.

Nghiêm nhiên như vợ chồng.

Sinh vốn chưa lấy vợ,bấy giờ bèn đặt một bữa tiệc thịnh soạn,mời khắp họ hàng,bè bạn đến dự,rồi bảo nữ lang ăn mặc hoa lệ rực rỡ,đi ra chào khách.Khách khứa ai cũng tấm tắc khen là kiều diễm,đẹp như tiên nữ.

Ăn ở được ít lâu,một hôm giữa nửa đêm,Sinh thấy nàng nức nở sụt sùi,lấy làm kinh ngạc,cật hỏi duyên cớ.

Nàng đáp :

-Hôm nay,thiếp đứng chơi ngoài cửa ,thì con nữ tì ngày hôm trước đi qua,nó thấy thiếp,đột nhiên tiến đến hỏi thăm ,báo cho thiếp là người dì của thiếp tìm thiếp đã lâu ,nay đã biết nơi chỗ thiếp ở rồi ,sớm chày thì cũng đến đây bắt về,thiếp sợ vì thế mà sinh ra kiện tụng lồi thối.

Sinh nói :

-Truyện đó không hề gì !Khanh không còn cha mẹ,thân do mình làm chủ,dù có ăn ở nhà người dì,nhưng đâu phải bà ấy đã nuôi khanh từ bé cho đến lớn đâu.Giả sử có kiện cáo,cũng chẳng hợp lý.Từ lúc khanh đến nhà ta,ta đã sớm lo liệu trước rồi.Có sẵn người mai mối làm

chứng,và giá thú làm bằng.Dầu người dì của khanh có một trăm lưỡi,cũng khó mà biện bác nổi.

Nữ lang nói :

-Tuy rằng như thế,nhưng sớm lánh đi thì hay hơn.Nay thiếp chỉ nhắc đến tên đi ấy mà lòng đã sợ,huống chi là gặp mặt.Thiếp có người chú làm quan ở Võ Xương,mình đến đó nương nhờ chẳng ?

Sinh vốn tính ham thích viễn du,nay nghe nàng nói thế, bèn nhận lời, rồi sửa soạn hành trang lập tức lên đường ngay.

Chùng đến Tô Châu,Sinh buộc thuyền đậu ở ngoài cửa Kim Sương Môn.Ban đêm,trên không trăng vừa mới mọc,sáng vàng vạc.Nữ lang dựa bên sông cửa,chăm chú nhìn về phía xa.Chỉ thấy mây nước tiếp liên , trên dưới một màu.Một chốc, có một chiếc thuyền lướt sóng thừa phong chèo đến,đậu sát gần thuyền của Sinh.Rồi có người đưa danh thiếp sang,muốn được gặp Sinh.Chàng thấy lạc khoản đề tên là “ Lý Trùng Quang”,bụng lấy làm lạ,vì chàng không hề quen biết gì người này,tại sao lại gửi danh thiếp cho chàng thế này.Sinh tính từ tạ.Nhưng khách đã ngang nhiên bước lên thuyền,đi thẳng vào trong khoang.Nữ lang vội vã lần vào phía sau.

Khách chấp tay hướng Sinh hành lễ.

Chàng thấy khách mình khoác áo da điều,đầu đội mũ da chồn,phục sức hết sức hoa lệ,sang trọng.Biết không phải người thường.Bèn mời ngồi cùng nhau đàm đạo.Khách tỏ ra người học rộng hiểu nhiều,khi bàn luận văn thơ thì dẫn cổ trưng kim,phân tích ngọn nguồn,càng khiến Sinh thêm bội phục sự uyên bác của khách.

Hai người truyện vãn mãi cho đến lúc đuốc tàn,trời gần sáng,khách mới từ giã ra về.

Ngày hôm sau,bỗng gió to mưa lớn,thuyền bè đều phải đậu lại,không đi được,Sinh bèn sang thuyền của khách đề đáp lễ.Khách thấy Sinh đến,tỏ ra rất mừng ,nói:

-Mưa to gió lớn như thế này,được huynh quá bộ đến chơi,thật cũng đỡ tịch mịch !

Rồi sai bày tiệc khoản đãi.Sinh thấy đồ ăn thức nhắm đều là những thứ sơn trân hải vị, lạ lùng,hiếm quý thấy trên đời.Trong lúc ăn,khách bỗng nhắc đến những sự hưng vong của các triều trước,miệng giảng tay khua,như đích thân mục kích sự trị loạn từ thời Ngũ Đại.

Rượu được vài tuần,khách truyền gọi bọn ca nữ ra hát làm vui trợ hứng,và bảo với Sinh rằng

-Rượu mà cứ uống tí tí thì không thú, và không phải là cách đãi bạn quý !

Khách nói xong,Sinh đã thấy một bọn ba bốn ca nữ đi ra.Cô nào cũng mắt xanh,răng trắng,đều thuộc loại hương sắc khuynh thành.Riêng cô đi cuối cùng,ôm đàn tì bà,thì diễm tuyệt hơn cả.Họ cùng nhau cất tiếng đồng ca.Thanh âm cao vút như hành vân lưu thủy.Lại có lúc ròn rã như tiếng xé lụa.Sau đó, thì chuyển sang độc tấu tì bà.Tiếng đàn du dương lên xuống,lúc trầm lúc bổng,bi ai quyến luyến,khiến người nghe cũng hi hu không cầm được lệ.

Khách bảo với Sinh :

-Đây là khúc “Niệm gia sơn phá **念家山破**”,nhắc lại truyện cũ mà nát ruột đau lòng !

Sinh hỏi :

-Đệ nghe nói khúc hát này do Nam Đường Hậu Chủ sáng tác,các ca nữ của huynh vì sao lại học được ?

Khách đáp :

-Đệ nói ra,e làm huynh sợ ! Đệ đây chính là Nam Đường Hậu Chủ Lý Dục.Tuy chết đã cả ngàn năm, mà hồn phách chưa tan,nên vẫn thường xuống rong chơi trần thế,cho tiêu hết mỗi hồn uất trong tim.

Rồi lấy tay chỉ vào người cơ thiếp ngồi cuối,giải thích :

-Cô này là cung nữ Lưu Châu,thiên tính rất thông minh,được đệ yêu quý lắm !

Rồi lại chỉ người cơ thiếp mặc áo tím,nói:

-Còn đây là Bảo Nghĩa Hoàng A Yêu, cùng bị bắt đưa về miền Bắc chung với đệ,rồi chết ở Đại Lương,đến nay nghĩ lại,lòng còn thương tiếc.

Sinh từ tế nhìn kỹ, thấy nàng có sắc đẹp kinh hồn. Cử chỉ lại phong lưu tao nhã. Dung mạo diễm lệ. Đôi mắt long lanh như tằm tằm hàm tiếu, đúng là một tuyệt thế giai nhân.

Sau đó, khác lại giới thiệu đến hai người cơ thiếp khác ngồi ở mé ngoài :

-Còn đây là Thu Thủy và Khánh Nô.

Lúc đó, Sinh nghe có tiếng ca nữ thổi bài “Thủy Long Ngâm”. Âm thanh bay bổng lên không trung, nghe thánh thót, du dương, tựa hồ như muốn làm trắng mờ mây động.

Khách nói :

-Đó chính là những giọt châu của nhà họ Kiều đây !

Sinh hỏi :

-Nghe đồn Lý huynh còn có người mỹ nữ sủng ái tên là Yêu Nương, nay ở đâu ?

Đáp :

-Nàng nay đã xuống cõi trần, làm vợ huynh để trả cái nghiệt duyên phong lưu năm trăm năm trước, nên dẫu là người yêu dẫu cũ của đệ, cũng không tiện gọi nàng ra đây, e nấy sinh đổ kỵ.

Sinh nghe lời khách nói thế, lòng cảm thấy ngượng nghịu, bất an. Nhưng khách đã cười, bảo :

-Giang sơn còn chẳng giữ nổi, huống hồ là những cơ thiếp ? Bất quá, Yêu Nương nay thuộc về huynh cũng chỉ là tạm thời, chứ không phải việc trường cửu. Xin huynh hãy yêu thương nàng, đừng để cho thời gian đẹp để trôi đi mất.

Nói xong, sai Lưu Châu rót rượu cho sinh, rồi tiếp :

-Mời huynh cạn hết chén này, xin mừng huynh đã được thiên cổ mỹ nhân, người đẹp ngàn năm cũ.

Sinh nâng chén uống một hơi cạn.

Lần lượt sau đó, từ Bảo Nghĩa trở xuống, các nàng cơ thiếp của Hậu Chủ, luân lưu rót rượu mời Sinh. Chàng đều không từ chối.

Sinh hỏi khách :

-Nghe đồn Bảo Nghĩa có tài thư pháp, đạt đến chỗ tuyệt diệu của họ Chung, họ Vương, chuyên lo việc văn phòng tứ bảo, chẳng hay đệ có thể thưởng thức cái tài đó của nàng chăng ?

Rồi lấy ra một tấm lụa mộc để Bảo Nghĩa viết chữ. Khách sai thị nữ mang nghiên mực, bút lông ra. Bảo Nghĩa ngồi đối diện với Sinh, vung tay múa bút, khoanh khắc chữ viết đầy trên bức lụa, sau đó dùng ấn ngọc in lên một nét son hồng tươi rói.

Sinh ngồi uống một mạch từ giờ Ngọ đến giờ Dậu, chùng cũng đã có vẻ hơi túy lúy, nhân sợ thất lễ, khước từ không uống thêm nữa.

Khách bèn bảo Lưu Châu ca tiễn hành. Tiếng ca êm ái dịu dàng, lời lời uyển chuyển, dư âm quán quýt xoay vần bất tuyệt.

Khách giải thích cho Sinh :

-Hai khúc hát này do Chiêu Huệ Hoàng Hậu sáng tác, tên gọi là "Yêu Túy Vũ " và "Hận Lai Tri ", may nhờ có Lưu Châu thuộc lòng, bằng không chỉ còn có trên thiên đình, đâu còn được lưu truyền chốn nhân gian nữa.

Nói xong, khách nắm tay Sinh để từ biệt, nói:

-Từ đây u, mình hai ngả, không biết bao giờ mới lại gặp lại nhau, xin huynh chớ đem chuyện này mà viết thành truyện, e làm người nghe kinh hãi;

Rồi sai người tiễn Sinh xuống thuyền, gửi theo hai cái rương để tặng Yêu Nương, lại dặn dò :

-Nhớ nói với Yêu Nương hãy phục thị huynh cho tử tế, đừng hoài niệm gì đến đệ nữa. Tặng vật trong hai rương này tuy nhỏ bé, nhưng đủ để sống suốt đời không hết.

Cả năm nàng cơ thiếp của khách cũng đều đem tặng vật ra cho, và ân cần gửi lời thăm hỏi đến Yêu Nương.

Lúc Sinh về đến thuyền của mình thì chiếc thuyền của khách cũng vội vã khởi hành. Má chèo rẽ sóng như phi. Chớp mắt không còn thấy hình tích chi nữa.

Sinh đem truyện kỳ dị vừa gặp tường tận thuật lại cho Yêu Nương nghe. Nàng cảm thấy mơ hồ như từ một kiếp xa xôi nào khác, lại còn trách Sinh đặt điều bịa chuyện để đánh lừa nàng.

Sinh bảo nàng :

-Lời nói còn có thể bịa được, chứ những tặng phẩm này đâu có thể ngẫu tạo ra được !
 Rồi mở rương ra coi. Thấy trân châu bảo vật chất đầy, chẳng biết gọi tên là gì.
 Sinh bèn đem một vài vật đến một tiệm kim hoàn ở cổng Ngô Môn bán được ngàn lạng.
 Lúc hai người đến Hán Khẩu, gặp dịp một viên kinh quan trong triều tìm mua một viên ngọc lớn, đã từng đến tận Quỳnh Đảo Tân Châu mà không mua được.
 Sinh đem ngọc ra cho coi. Viên kinh quan ngạc nhiên sững sốt khen thắm, liền bỏ năm vạn tiền ra mua. Tuy thế, tặng vật của khách cho Sinh cất dấu vẫn còn nhiều. Chàng đem một số tiền lớn đến Hán Khẩu thuê nhà cửa, và mở tiệm buôn bán ở nơi thị tứ kiếm lời. Sắp xếp nhà cửa xong xuôi, Sinh mới đến Võ xương để tìm người chủ của Yếu Nương, nhưng người chủ của nàng mấy hôm trước đó vì việc công đã đi Dự Chương rồi. Từ khi, Sinh bỏ nghiệp nho để làm thương mại, buôn bán lời một thành ba, trở nên giàu sang sung túc, ăn uống hưởng thụ ngang với bậc công hầu. Nữ tì, nam bộc thường đầy nhà. Sinh lại đem tiền đến Tô Châu mua bốn người tì nữ nữa, đều thuộc hạng nhan sắc diễm tuyệt về nhà nhờ nhạc sư truyền dạy ca hát, sáng chiều học thêm chữ nghĩa, nên được hiểu thêm về âm luật, kinh sử.
 Yếu Nương vốn biết chữ, nay lại biết ngâm thơ làm phú, cùng chàng xướng họa, khiến Sinh tâm mãn ý túc, tự nhủ :
 -Bây giờ ta mới thực hiện được nguyện ước ngày xưa, thật là không ngờ. Tuy thế, ngôi nhà cũ không thể không tu sửa, để sau này về già còn có chỗ an dưỡng.
 Rồi sai một người nô bộc tài giỏi mang tiền về Kim Lăng để sửa lại ngôi nhà cũ cho thật to lớn.
 Một hôm, Sinh đến ngao du ở Hoàng Hạc Lâu, đi mỗi chân, bèn ngồi xuống một hiên đá nghỉ ngơi, thấy trước mặt có một thiếu phụ quý phái, khoảng bốn chục tuổi, ngồi trong một chiếc kiệu đi tới. Thiếu phụ trông vừa xinh tươi vừa phong lưu văn nhã, đẹp chẳng kém chi nàng ái phi họ Từ của Lương Vũ đế. Đằng sau, lại có đám a hoàn theo hầu. Trong đó, Sinh thấy có cả đứa nữ tì xấu xí ngày trước. Nó dường như cũng nhận ra chàng, nên đến bên người thiếu phụ ghé tai thì thào mấy lời. Thiếu phụ tiến đến trước mặt Sinh, vén áo nghiêng mình thi lễ, nói :
 -Chàng là rể bên ngoại nhà ta, ngày trước lấy cháu gái ta, sao không cho người mai mối đến hỏi, nhà cửa ở đâu, ta có thể ghé thăm cho biết được chăng ?
 Sinh nghe hỏi, lòng cảm thấy ngượng ngùng, không biết trả lời ra sao, thì thiếu phụ đã sai bộc tòng mang kiệu đến, cùng Sinh đồng hành.
 Lại bảo với Sinh :
 -Tệ xá cũng gần đây thôi, xin mời chàng ghé thăm trước, sau này họ hàng qua lại, cũng dễ nhận ra cửa ngõ.
 Đi chừng hơn nửa dặm, thì phu kiệu dừng lại. Sinh thấy nhà cửa nguy nga. Rõ ra là thế gia đại tộc. Bên trong cửa có bốn năm người đàn ông đứng sẵn để chào đón khách, Sinh bước lên đại đường cùng thiếu phụ tương kiến. Chàng cung kính lấy hàng tiểu bối mà hành lễ. Thiếu phụ dẫn chàng vào trong nội thất, rồi sai tì nữ gọi người con gái là Tú Cô ra. Khoảnh khắc, nghe có tiếng bội ngọc leng keng. Rồi mùi sạ lan thơm lừng xông vào mũi. Một người con gái dáng đẹp như ngọc, tuổi khoảng hai tám, bước đến bên cạnh Sinh.
 Người thiếu phụ bảo :
 -Đây là con gái ta, hai người có thể gọi nhau bằng anh em cũng được !
 Sinh liếc mắt nhìn, thấy hoa nhường nguyệt thẹn, tuyệt thế giai nhân. Sau đây, thiếu phụ sai bày tiệc khoản đãi Sinh. Chàng được cả hai mẹ con song song bồi tọa, lần lượt rót rượu khuyến mời. Chàng cũng tận tình đánh chén no say.
 Người con gái đưa sóng mắt như nước hồ thu, liếc nhìn Sinh, rồi dùng những ngón tay thon nhỏ của nàng véo vào tai chàng nói đùa :
 -Này ! Rượu mời mà không uống thì tởm đổ rượu cho đấy .
 Sinh mỗi lúc mỗi cảm thấy thần hồn điên đảo, bất giác say mềm, rồi nằm gục xuống tràng kỷ. Mãi cho tới lúc trời tối lờ mờ mới tỉnh lại. Chàng thấy gió lạnh như kim châm, sương rơi đầy đất, bóng trăng chìm bên vách núi. Trong nội thất, cả người lẫn vật đều không thấy đâu,

còn chàng ,té ra đang nằm trên một nấm mồ hoang,mới biết là gặp ma,bèn thất thểu tập tễnh trở về nhà.

Chàng bước vào trong buồng tìm Yểu Nương,nhưng nàng cũng biến đâu mất,chỉ thấy trên bàn có một lá thư từ già.

Sinh buồn chán đến phát cuồng,xuống tóc ,bỏ đi vào núi đi tu.

Rốt cuộc,chẳng ai biết cuộc đời Sinh sau này ra sao cả.

Vài hàng về tác giả :

Vương Thao

王韜

Vương Thao (1828-1878) tự là Trọng Thao,hiệu là Thiên Nam Độn Tẩu,người Trường Châu tỉnh Giang Tô là học giả và nhà văn thời Thanh Mạt.Năm 18 tuổi ông đỗ tú tài,sau đó thi nhiều lần không đậu,ông bèn bỏ thi cử.Năm 22 tuổi ,cha ông qua đời,ông đến Thượng Hải làm trong Mạc Hải Thư Quán với một người Anh trong ba chục năm.Nhân thể được tiếp xúc rộng rãi với các tư tưởng Tây phương.Khi xảy ra cuộc nổi dậy của Thái Bình Thiên Quốc,ông từng nhiều lần viết thư cho nhà đương cuộc Thanh triều hiến phương lược « bình tặc ».Năm 1862,ông về Tô Châu thăm mẹ bệnh,rồi đổi tên là Hoàng Uyển,đề nghị với quân đội Thái Bình Thiên Quốc mượn thế lực ngoại quốc để mưu đồ trung nguyên .Khi quân Thanh chiếm Tô Châu,tìm được bức thư kiến nghị ấy của ông,ghép ông vào tội thông phi và ra lệnh bắt,may nhờ người Anh giúp ông trốn được ra Hương Cảng.Sau đó theo người Anh sang Anh Quốc,phiên dịch các thư tịch cổ điển,nhờ đó ông có cơ hội đi du lịch các nước Pháp,Anh, Nga,rồi trở về Hương Cảng làm chủ bút báo Tuần Hoàn Nhật Báo,đề xướng biến pháp,đi trước cả Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu cả chục năm.

Ông mất năm 1878,để lại một số tác phẩm như :

-Thao Viên Thi Văn Tập

-Độn Quật Lan Ngôn

-Tòng Ân Mạn Lục

-Tòng Ân Tỏa Thoại

Những truyện trong tác phẩm Tòng Ân Mạn Lục được viết theo thể tài chí quái,bằng lối văn ngôn như Liêu Trai Chí Dị,ca tụng những cuộc tình chung thủy, đề cao nam nữ tự do luyến ái,chỉ trích những tệ nạn hủ bại của lớp quan lại phong kiến đương thời.Văn pháp lưu loát,ngôn từ tế nhị,tình tiết cổ sự uyển chuyển khúc triết chen lẫn với nhiều bài thơ hay.

Một số truyện trong Tòng Ân Mạn Lục đã được chúng tôi dịch và in trong Hậu Liêu Trai và Thiếp Bạc Mệnh trước đây.

Vài hàng chú thích :

Yểu Nương

宵娘

Yểu Nương là tên của một nàng cung nữ được Nam Đường Hậu Chủ Lý Dục.Yểu Nương chẳng những có dáng người tha thướt,lại tài nhảy múa.Nàng dùng vải bó cho chân nhỏ bé và cong như cung trăng.Nam Đường Hậu Chủ Lý Dục làm một cái đài hoa sen bằng vàng,cao sáu tấc,trên đặt những báu vật,và các loại hoa đẹp để cho nàng múa,trông phiêu nhiên như tiên nữ,rất được Hậu Chủ yêu thương sủng ái,và dùng mấy chữ : "Tam thôn kim liên 三寸金蓮) để tán thưởng nàng.

Sau này, trong thi văn Trung Quốc thường dùng chữ "Kim Liên" để hình dung đôi bàn chân nhỏ của phụ nữ. Có thể nói tục bó chân của người đàn bà Trung Hoa bắt đầu từ Yêu Nương, rồi lan truyền ra dân gian, đời này sang đời khác, được sùng thượng đến nỗi người đàn bà nào không có bàn chân nhỏ, thì bị đàn ông chê ghét, có thể không lấy được chồng.

Hủ tục bó chân này phải chờ đến đời Khang Hy, năm 1664, mới ra lệnh cấm. Nhưng cấm lệnh của Khang Hy cũng chỉ áp dụng trong một thời gian ngắn, thì bị phe bảo thủ chống đối, nên năm 1668, Khang Hy theo lời tâu của Bộ Lễ rút lại lệnh cấm.

Đến cuộc cách mạng Tân Hợi, hủ tục bó chân của phụ nữ Trung Hoa mới thực sự bị tiêu diệt.

Kim Lăng

金陵

Nhà thơ Lý Bạch có hai bài thơ nổi tiếng nhắc đến Kim Lăng, ở hai hoàn cảnh khác nhau là Đăng Kim Lăng Phụng Hoàng Đài, và Kim Lăng Tử Tư Lưu Biệt.

Kim Lăng nay là thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô.

Theo tác giả Cô Vong Ngôn thì Kim Lăng bị đổi nhiều tên gọi khác nhau, theo từng triều đại. Thời Xuân Thu, Kim Lăng thuộc nước Ngô, thời Chiến Quốc thuộc nước Việt, sau thuộc nước Sở. Vì vua Sở Uy Vương dựng lăng chôn vàng để trấn yểm đất đó, nên mới gọi là Kim Lăng.

Đến đời Tần Thủy Hoàng thì đổi là Mật Lăng. Thời Tam Quốc, năm 212 CN Tôn Quyền xây cất Thạch Đầu Thành và đến năm 229 Quyền đóng đô ở đó mới đổi Kim Lăng là Kiến Nghiệp. Đời Tây Tấn, vì tị húy Tư Mã Nghiệp đổi Kiến Nghiệp là Kiến Khang. Các đời Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, và Nam Đường đều đóng đô ở đó. Đời Tùy là Tương Châu. Đời Tống là Kiến Khang Phủ. Đời Nguyên là Tập Khánh.

Đến Minh Thái Tổ lại đổi là Ứng Thiên Phủ.

Năm 1421 CN, Minh Thành Tổ rời đô đến Bắc Kinh, Ứng Thiên Phủ mới gọi là Nam Kinh.

Năm 1853 CN, Nam Kinh trở thành quốc đô của Hồng Tú Toàn và gọi là Thiên Kinh.

Năm 1927 Trung Hoa Dân Quốc thành lập, đến năm 1930 lại gọi là Nam Kinh Thị.

Hồng Tú Toàn

洪秀全

Nguyên tác viết là "Xích khấu chi loạn 赤寇之亂", vì vào thời điểm tác giả viết truyện này, Hồng Tú Toàn còn bị coi là giặc, và khi khởi nghĩa dùng màu cờ đỏ, nên tác giả dùng chữ XÍCH KHẨU để ám chỉ Hồng Tú Toàn, chứ chưa được coi là một nhà cách mạng như ngày nay.

Hồng Tú Toàn sinh năm 1814 mất năm 1864.

Ông là người Hoa Huyện tỉnh Quảng Đông, nguyên danh là Hòa Tú, rồi lại đổi là Nhân Khôn, và mãi đến khi lớn mới tự lấy tên là Tú Toàn.

Ngay từ hồi còn bé, Toàn là đứa trẻ hiếu học, nên rất được thân phụ thương yêu. Khoảng năm Tuyên Thống nhà Thanh, Toàn ra nhập "Bái Thượng Đế Hội", nhận Chu Cửu Đào làm sư phụ. Khi Cửu Đào mất, Toàn được đồ chúng đưa lên làm giáo chủ. Để thu hút và mê hoặc quần chúng, Toàn phao ngôn mình là con thứ hai của thượng đế, em của Chúa Giê Su.

Năm 1851, với sự phò tá của Dương Tú Thanh, và Thạch Đạt Khai, Toàn khởi nghĩa ở thôn Kim Điền, tỉnh Quảng Tây, rồi đem quân đánh chiếm châu Vĩnh An, kiến lập Thái Bình Thiên Quốc, và đem quân Bắc phạt, liên tiếp chiếm được nhiều tỉnh,

Năm 1853, Toàn công hạ Kim Lăng (tức Nam Kinh), tự xưng là Thiên Vương và đóng đô ở đây. Toàn ra lệnh đổi Dương Lịch, cải y phục, đề xướng tân học, phế bỏ tục bó chân của phụ nữ, phế bỏ xướng kỹ, cấm nha phiến. Quân triều đình nhiều phen bị Toàn đánh bại.

Nhưng về sau vì nội bộ lãnh đạo mâu thuẫn, các tướng đổ kỵ giết hại nhau, khiến lòng dân ly tán, Thái Bình Thiên Quốc, bị Tăng Quốc Phiên, và Tả Tôn Đường, những trọng thần của Thanh triều đánh bại.

Năm 1864, Thiên Kinh bị phá vỡ, Hồng Tú Toàn uống độc dược tự tử. Thái Bình Thiên Quốc bị diệt vong.

Tâm Dương

潯陽

Tầm Dương là tên một quận đời Đường, nay thuộc thị trấn Cửu Giang tỉnh Giang Tây. Thời Tùy đặt tên là Bồn Thành, sang đến nhà Đường mới cải là Tầm Dương. Nhà thơ Bạch Cư Di bị biếm làm Tư Mã Giang Châu, từng để lại dấu chân của mình ở địa danh này, qua bài thơ nổi tiếng « Tỳ Bà Hành 琵琶行 », mở đầu bằng câu : « Tầm Dương giang đầu dạ tống khách ». Sau này, khi Tống Giang, thủ lĩnh của 108 vị anh hùng Lương Sơn Bạc, bị đẩy đến Giang Châu, ngồi trên lầu uống rượu, ngắm mưa rơi trên sông Tầm Dương, say rồi phấn khích, đề phản thi mà bị bắt.

Nam Đường Hậu Chủ

南唐後主

Nam Đường (937-975) là một triều đại trong thời Ngũ Đại Thập Quốc (907 -975) do Lý Thắng kiến lập. Hậu Chủ của vương triều tên là Lý Dục, thường gọi là Lý Hậu Chủ, tự là Trùng Quang, hiệu là Liên Phong Cư Sĩ, sinh năm 937 CN, mất năm 978 CN

Năm 961 CN Lý Dục được phong làm Thái Tử, lên nối ngôi cha.

Là một ông vua tài hoa phong nhã, giỏi thơ văn, hội họa, âm luật, và đặc biệt về từ khúc. Trong suốt thời gian tại vị, Hậu Chủ không lo nhiều đến chính sự, mà chỉ chuyên chú vào những yến tiệc, ca vũ, vui đùa cùng bầy cung tần mỹ nữ.

Những câu chuyện diễm tình của Hậu Chủ với những giai nhân tri kỷ, cũng như những bài từ của ông được người đời đua nhau tường thuật truyền tụng. Đặc biệt là ông từng sủng ái nàng cung phi Kiều thị. Kiều thị là người rất thông minh, viết chữ rất đẹp, lại tôn thờ đạo Phật, Hậu Chủ tự tay viết "Kim Tự Tâm Kinh" để tặng nàng

Năm 975, Nam Đường bị Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dã diệt, Kim Lăng bị phá vỡ, Hậu Chủ bị bắt làm tù binh. Trước cảnh quốc phá gia tan, Hậu Chủ tuy đau đớn như đứt từng khúc ruột, nhưng vẫn không bỏ được "tật" phong lưu, vung bút viết một bài từ để đời, tả cảnh vong quốc, lời lẽ rất là thâm lương, đau đớn, đó là bài "Lâm Giang Tiên."

Hậu chủ bị đưa về Biện Kinh, hai năm sau thì bị Tống Thái Tông Triệu Khuông Nghĩa sai em là Triệu Đình Mỹ đánh thuốc độc chết.

Sau khi Hậu Chủ mất, Kiều thị đã viết lại "Kim Tự Tâm Kinh", chữ viết rất đẹp, đem dâng vào chùa Tướng Quốc để cầu phúc cho Hậu Chủ.

Lạc khoản

落款

Ký tên trên những thư tín, lễ phẩm, thư, họa thì gọi là lạc khoản

Ngũ Đại Thập Quốc

五代十國

Năm 907 CN, Chu Ôn diệt nhà Đường xưng đế, lấy quốc hiệu là Lương, sử gọi là Hậu Lương, chiếm một phần lớn phía Bắc nước Tàu, kế tục sau đó xuất hiện các nước như Hậu Đường, Hậu Hán, Hậu Chu, Hậu Tấn

sử gia gọi năm nước này là thời kỳ Ngũ Đại.

Đồng thời với năm nước này, ở phía nam nước Tàu cũng xuất hiện trước sau 10 nước là Ngô, Nam Đường, Ngô Việt, Sở, Mân, Nam Hán, Tiền Thục, Hậu Thục, Kinh Nam, Bắc Hán. Năm 979 CN, các nước này bị Triệu Khuông Dã tiêu diệt, kết thúc cục diện thời kỳ Ngũ Đại Thập Quốc.

Đậu khấu

荳蔻

Đậu khấu là một loại hương thảo, hoa nở vào mùa hè, mọc ở xứ nóng, rất đẹp, dùng làm thuốc được. Trong các văn thơ cổ điển, người dùng từ ngữ đậu khấu để tượng trưng người con gái còn trong trắng chưa lấy chồng.

Lương Vũ Đế

梁武帝

Sinh năm 464 CN mất năm 549 CN.

Lương Vũ Đế tên thật là Tiêu Diễn, người sáng lập nhà Lương thời Nam Triều, tự là Thúc Đạt, vốn là người đồng tộc của vua nhà Tiêu Tề, em họ Tiêu Đạo Thành, người Nam Lan Lăng (nay thuộc tỉnh Giang Châu, phía tây bắc Thường Châu). Tiêu Diễn từng làm quan nhà Tề, giữ chức Thứ Sử Ung Châu, trấn thủ Tương Dương. Nhân vua Tề vô đạo, giết người anh của Tiêu Diễn, Diễn khởi binh vây hãm Kiến Khang, lập Tiêu Bảo Dung làm Hòa Đế.

Diễn nắm chức Đại Tư Mã, và được phong Lương Vương.

Năm 502 CN, Diễn được nhường ngôi, lấy quốc hiệu là Lương, trọng dụng sĩ tộc, sửa sang văn giáo, nhờ vậy quốc thể được chấn hưng. Sau lại dốc lòng tín thờ Phật giáo, xây cất Đồng Thái Tự, ba lần vào đó tu.

Năm 547 CN, Tiêu Diễn tiếp thụ đầu hàng của Hầu Cảnh. Hai năm sau thì bị Hầu Cảnh dẫn binh vượt nam hạ, công phá thủ đô, Tiêu Diễn bị đói và bệnh mà chết.

Tiêu Diễn là người giỏi về văn hồi, âm luật, thư pháp.

(Dịch xong ngày 21-5-2004 lúc 12:42. Phạm xuân Hy)

Tìm ẩn số Tiên Rồng . . ? qua ngày giỗ Tổ Hùng Vương

Biên khảo : **Trần Hạ Tháp**

Từ lâu, lễ hội đền Hùng đã trở thành truyền thống dân tộc :

"Dù ai đi ngược, về xuôi..."

"Nhớ ngày giỗ Tổ mồng mười tháng ba"

Đã là con dân nước Việt, hiển nhiên không thể nào lãng quên ngày hết sức đặc biệt ấy. Như cuộc hẹn thường niên, ngày để tất cả chúng ta nghiêm cẩn, đem hết tấm lòng thành cùng hướng về cội nguồn, vùng phát tích uy linh...

Là một ngày kỳ diệu, bất chấp mọi biên giới - đang hoặc đã - tồn tại trong các dòng nguồn tâm thức Việt...Từ ý thức hệ, cho tới tôn giáo, địa phương, sắc tộc, giới tính, và ngay cả các giai cấp xã hội, thân phận sinh tồn...Hết thấy - dấu chỉ có hướng tâm về, hoặc bằng chính bước chân thật sự - đều tạm quên đi mỗi "cái tôi" riêng lẻ, mỗi thân thể thăng trầm để gặp nhau trong cuộc hành hương về cội nguồn dân tộc.

Trong không-thời-gian-vĩnh-cửu ấy, dù chỉ một ngày, ngay dưới chân anh linh chư Tổ : Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Âu Cơ và Thập bát thế Hùng Vương...Thêm lần nữa, bạn hãy nghe về huyền sử Rồng Tiên ? Vâng, mồng mười tháng ba. Những con số ngỡ như hết sức ngẫu nhiên ấy - thực ra - với tôi, chưa hẳn đã không ngầm nói lên điều cao sâu, huyền nhiệm...

Núi Nghĩa Lĩnh, nơi dường như để hậu duệ muôn đời sau biết choáng ngợp trước tầm cao của liệt tổ liệt tông. Là cơ hội để ai nấy đều cảm nhận sự thấp kém, cần hướng thượng của chính mình khi phải đến lúc quay lưng. Hạ sơn, bước thấp dần xuống núi...

Nếu chưa lần cảm nhận điều hiển nhiên ấy cũng có nghĩa, ta mất đi cơ hội để có thể soi lại và cải thiện những ý nghĩ sai lầm, rất có thể đã bắt nguồn từ tâm thức kiêu mạn. Vâng, Nghĩa Lĩnh thật sự là đền-đài-của-mọi-đền-đài trên tổ quốc. Là biểu tượng về đạo-đức-trước-hết-mọi-đạo-đức-Việt-Nam. Đạo lý cội nguồn Việt - trên hết - để kẻ đời sau thể hiện khi hành hương, đặt chân lên Nghĩa Lĩnh, phải chăng ? Là thật sự cúi đầu kính ngưỡng trước khí thiêng sông núi, trước anh linh chư Tổ từng hiển hiện mấy ngàn năm oanh liệt. Là nơi, cụ thể nhất để chúng ta hiểu thế nào là cảm xúc thực về hai tiếng "Ngàn thu".

Trước ý nghĩa vĩ đại của đền Hùng, không thái độ tôn vọng nào bằng chính sự im lặng thành khẩn trong mỗi tự thân hậu duệ. Là lúc tự nhìn rõ hơn, cái bóng chính ta - với gang tấc hữu hạn thế kia - cũng chỉ hân hạnh được nhập nhòa phút chốc bên sườn non vĩnh cửu. Lịch sử với những bước đi thăng trầm từng chuyển biến đến khôn lường, song khi ngược thời gian để tìm về nơi xuất phát, tất cả đều đồng quy nhất thể...Nhất thể trong ẩn số của Rồng Tiên.

Vâng, không mãi đắm chìm vào khói sương huyền sử để có thể - bạn cùng tôi - nhìn rõ hơn hai con số giản đơn..."Mồng mười tháng ba". Ngày giỗ Tổ Hùng Vương.

Lịch pháp và khâm thiên giám, hoặc các cơ quan có phần vụ tương đương - chuyên quan trắc thiên văn cần tượng, địa lý phong thủy - của nhiều triều đại lớn ở viễn đông (từ ngang nhà Châu trở xuống) đã cố định vào tháng đầu mỗi năm là tháng kiến dần. Và lần lượt, vì thế nguyệt kiến cho 12 tháng mỗi năm được lưu hành tuần tự :

Tháng giêng : kiến dần
Tháng hai : kiến mao
Tháng ba : kiến thìn
Tháng tư : kiến tỵ
Tháng năm : kiến ngọ
Tháng sáu : kiến mùi
Tháng bảy : kiến thân
Tháng tám : kiến dậu
Tháng chín : kiến tuất
Tháng mười : kiến hợi
Tháng (mười) một : kiến tí
Tháng chạp : kiến sửu

Giỗ Tổ tháng ba - tháng kiến Thìn. Tháng đã lấy hình tượng Rồng làm tiêu biểu. Linh vật tôn quý tối cao, một trong Thập nhị địa chi(mười hai con giáp...Cách nôm na, người bình dân thường gọi).

Địa chi hội ý trên mặt đất, nơi con người sinh ra để kết nên xã hội, nhân quần. Biểu tượng Rồng trong loài người còn có nghĩa vua hay hoàng đế. Vị quốc chủ đứng đầu một cõi để gìn giữ sơn hà, mở mang đất nước. Người bảo vệ tận tụy để xứng đáng được cai quản muôn dân.

Biểu tượng Rồng, tất yếu còn đi đôi "long đức". Để gánh vác thành công tất cả những trọng trách, bậc quốc chủ phải đích thật đem âu ca hoan lạc và rưới nhuần ơn mưa móc khắp nơi. Câu "Kiến long tại điền" hào từ trong quẻ thuần càn, tiêu chí phổ thông để đời sau khẳng định về "long đức" cơ bản nhất của một bậc quốc chủ...

Điền, là ruộng rẫy đất đai, cương thổ. Thứ vốn liếng tạo dựng nên bằng máu xương thế hệ, là sinh lực chủ chốt của đại bộ phận con dân dưới bóng của vị quốc chủ ấy. Hơn thế, đây còn là danh dự chung dân tộc. Là lý-lẽ-của-mọi-lý-lẽ để cuối cùng thần phục được nhân tâm.

Lạc Long Quân, người mở đất vĩ đại. Kẻ miệt mài đi tìm về phía biển. Nơi cuối cùng của trăm sông giao hội, đổ về. Nền nông nghiệp lúa nước hoặc ngay cả việc chài lưới đều tựu trung vào chữ "thủy". Chữ mà loài Rồng gắn bó.

Rồng, xứng danh và oanh liệt khi vẫy vùng trên mặt thủy...

Rồng, vì vậy không thể không hướng mình về biển cả mênh mông.

Nhiệm vụ hay "long đức" tiên quyết của bậc quốc chủ vĩ đại nhất dân tộc căn bản đã hoàn thành. Lạc Long Quân vị vua Rồng về phía biển, lên đường...Đây chính là mẫu mực đi trước, làm tin cho nòi giống Lạc Việt biết noi theo tiên tổ.

Ngày giỗ Tổ - mồng mười - còn mang ý nghĩa nào đặc biệt ?

Học thuật thiên văn cổ phương đông chia vòng hoàng đạo trên bầu trời tương ứng 28 chòm sao...Nhị thập bát tú : 1. Giốc, 2. Cang, 3. Đê, 4. Phòng, 5. Tâm, 6. Vĩ, 7. Cơ, 8. Đẩu, 9. Ngưu, 10. Nữ, 11. Hư, 12. Ngự, 13. Thất, 14. Bích, 15. Khuê, 16. Lâu, 17. Vị, 18. Mão, 19. Tật, 20. Chuỷ, 21. Sâm, 22. Tinh, 23. Quỷ, 24. Liễu, 25. Tinh, 26. Trương, 27. Dực, 28. Chẩn.

Chòm sao Nữ theo thứ tự, ứng vị trí thứ 10 ngay trên vòng Hoàng đạo. Đây là chòm sao trong Nhị thập bát tú mang thêm biểu tượng thứ hai hết sức đặc biệt - người nữ. Thông thường, sao Nữ cũng như 27 chòm sao khác, chỉ để biểu tượng các con vật như dơi, gà, khỉ, vượn...Đa số được đặt tên dựa theo phân hình dạng tương đối của chòm sao.

Thiên văn cổ, chuyên quan sát các hiện tượng của bầu trời. Các phân dã tương ứng dưới mặt đất, qua các chòm sao liên hệ là một trong bốn học thuật chính được kết hợp để các bậc đại trí dự báo lẽ thiên cơ (Dịch độn, Đẩu số, Thiên văn và Phong thủy). Sao Nữ hay "người nữ trên trời" hàm ý bậc Tiên nương, Tiên nữ.

Ngày mồng mười ở đây như một thông điệp ngầm mang các đức tính tuyệt vời một bà Tiên trong tâm tưởng trẻ thơ : hiền dịu, an lành và che chở, thương yêu. Là kẻ luôn hiện ra bên những nỗi lòng hăm hiu đầy ngang trái cuộc đời.

Bà tiên, tất nhiên không thể và không bao giờ hiện thân nơi đầy hạnh phúc, danh uy. Tiên luôn đứng về phía khổ đau và nước mắt. Đây là sứ giả đặc biệt dành cho những nơi còn cách xa công bằng và chân lý.

Âu Cơ, sự bỏ sung tuyệt hảo cho mặt luôn thiếu hụt của con người. Lòng nhân đạo hay là nghĩa đồng bào. Sự thiếu hụt ấy như một lẽ tất nhiên khi con người còn mãi mê "cái tôi", lo níu giữ đặc quyền đặc lợi của riêng mình. Một khi thụ hưởng nhấm chùng đã vượt quá công lao - thụ hưởng trên nhọc nhằn, tang thương kẻ khác - ấy là lúc lòng ích kỷ sẽ làm nên bất hạnh với đồng bào.

Bên cạnh Ròng, quyền và uy tối thượng. Dẫu là quyền uy thể hiện đích thực "long đức" của một bậc quốc chủ...Vẫn không thể thiếu Tiên để hoà điệu lẽ sống dân tộc. Vâng, đã tồn tại nam không thể nào thiếu nữ. Bên cạnh luật và lệnh của sức mạnh thể quyền, làm sao quên còn có đạo trời, tình người và máu thịt. Khi ba điều ấy không còn, đồng nghĩa với dân tộc mờ nhạt nghĩa Âu Cơ.

Nhưng tại sao ? Cuộc chia tay giữa quyền lực và tình người vẫn phải đã xảy ra "Ta, loài Ròng. Nàng, giống Tiên. Hai ta không cùng bên nhau mãi được". Vâng, nhất thiết đây không phải là cuộc ly thân đớn đau hay sự chia rẽ đầy nước mắt đầu tiên trong sử Việt. Có chăng, đây là bài học cổ xưa nhất mà Ròng và Tiên đem bản thân mình làm mẫu mực. "Hy sinh tự tư, tự lợi vì nghĩa lớn non sông". Là cuộc chia tay nhưng - không bao giờ - mang ngữ nghĩa chia lìa.

Ròng và Tiên. Luật lệnh và đạo trời, mỗi người một nhiệm vụ. Cuộc lên đường để cùng làm đẹp thêm tổ quốc. "Năm mươi con cùng cha xuống biển. Năm mươi con theo mẹ lên non". Đây không phải chia ly để lụi tàn. Đây là phân công, là hoà-tấu-khúc-của-Tiên- Ròng.

Núi, triệu cây rừng gom lại. Biển, trăm nước sông hợp nhất. Đi tìm ý nghĩa tối hậu cuộc chia tay giữa Âu Cơ và Lạc Long Quân, cũng có nghĩa sẽ bắt gặp lại "Mộc bản. Thủy nguyên" trong biểu tượng sau cùng. Chia tay, để đời sau gặp gỡ một nhà.

Ai hiểu được nghĩa lý "Đùm, bọc" và tại sao là "Trứng" ? Vâng, con số trăm nào khác gì trăm họ trong minh triết phương đông. Chùng ấy vừa đủ để ngụ ngôn quốc dân, bách tính. Sự hưng thịnh, đông đúc sẽ trở thành vô nghĩa khi "Đùm, bọc" không hiện hữu trong câu chuyện giống dòng. Phải chăng ? Kiến thức, cái nhìn trước hết khi mỗi "Trứng" nở thành con là khung trời Việt được ước lệ, được thu gọn qua "Đùm, bọc" kỳ diệu ấy.

"Nâng như nâng trứng. Hứng như hứng hoa". Huyền nghĩa vô cùng cao xa trong câu chuyện Rồng Tiên nhắc nhở bậc quốc chủ khi cai quản muôn dân. Dân cũng còn là "Trứng" mỏng...

Với đồng nghĩa "Con đỏ" trong Bình Ngô đại cáo, "Trứng" ở huyền sử Rồng Tiên kỳ diệu và tuyệt bút gấp nhiều lần chữ nghĩa Úc Trai Nguyễn Trãi. Vâng, Úc Trai luôn xứng đáng được kính trọng muôn phần. Là người đã - ở cả hai mặt, hiểu đủ và đánh đổi cuộc đời, sinh mạng ba dòng họ tru di - làm ý nghĩa cao xa nhất của huyền sử Rồng Tiên từ ngàn xưa, chói sáng...

Đã là huyền sử, huyền thoại...Ấn số, chỉ có thể - một cách tương đồng, khế hợp - soi tìm qua Huyền học phương đông. Thưa bạn, ta không thể cứ mở lớn mắt trước ánh mặt trời chói chang để mong nhìn thấy những gì dù ngay trước mắt ta...

(thành nội - Huế. 04/2008)

Trần Hạ Tháp

Người ngủ ghế công viên

Trần Hạ Tháp

1*

Gã nằm xuống thoải mái. Cảm giác mát lạnh của ghế đá còn rịn hơi sương buổi sớm thu giúp gã chớp mắt ngay. Công viên thành phố không chỉ là bạn đời của những ai không nhà, các tên chích choác, kẻ sống ngoài vòng luật pháp...Đây cũng là nơi khá thân quen đối với người như gã. Ít ra đã hơn bốn tháng qua, từ khi gã rời một khách sạn năm sao trong thành phố.

Thật ra thì gã không hề qua đêm ở đây. Gã đến công viên cùng lúc như những người yêu quý sức khỏe khác. Sau một đêm trường, họ thực hành mọi phương pháp thể dục. Gã vào đây chỉ để chớp mắt. Khoảng thời gian chừng nửa tiếng đồng hồ. Rồi thì mọi thứ tiếng động rầm rập bên tai khi thành phố vào giờ cao điểm sẽ buộc gã choàng dậy đúng lúc cần thiết. Gã còn phải đến quán cà phê cóc, cạnh ngay công viên này.

Đang là thứ bảy. Có một cặp vợ chồng đứng tuổi vừa chậm bước dần. Họ chạy lúc thúc bên nhau trên lối đi viên cỏ, y phục thể dục nghiêm chỉnh. Người vợ thở hì hục, nhìn chồng cười ra hiệu. Họ tìm một chỗ ngồi thông thả hít thở không khí trong lành.

- Ô kìa.. Anh.

Người vợ thót người kêu lên như thấy ma. Tiếng ngáy rõ to ngay sau lưng họ. Người chồng quan sát giây lâu, lắc đầu :

- Hình như...Không thể đâu. Em vẫn hay bị ám ảnh quá đáng.

Người vợ chưa hết lo, cẩn thận kiểm soát lại đế giày :

- Mau xem có chiếc kim tiêm nào đâm dính vào không ?

- Đã bảo là không. Vả lại đế như thế thì chả sợ gì. Ngay cả đinh cũng không ăn thua.

Người vợ bữ môi liếc xéo ra sau, nói thì thảo :

- Nhưng kiểu ấy thì ai dám bảo con người lương thiện. Thứ...màn trời chiếu đất.

Người chồng nheo một bên mắt hóm hỉnh :

- Cứ coi như ham chơi khuya về muộn. Một đêm bị vợ con chốt cửa. Hết đường...

Người vợ làm bộ trợn mắt, cố nín phì cười. Cả hai quên mất chung quanh. Tự nhiên họ bắt gặp lại hương nồng thời xuân sắc bên nhau.

- Coi kìa. Lại tờ quảng cáo chương trình. Không biết hay dở gì đi đâu cũng đụng. Nghe... lạ lùng.

Một áp-phích nhỏ ai dán ở gốc cây xà cừ gần nhất.

- Tờ của mình vẫn còn đây.

Người chồng vội lục túi lấy ra tờ giấy gấp nhỏ. Họ chụm đầu vào nhau bàn bạc, nói về một vở diễn nghệ thuật nào đó vào tuần sau, ở nhà hát hạng ba trong thành phố.

2*

Quá chín giờ rưỡi sáng ở một quán cà phê cóc bên cạnh công viên. Khách đông hơn hẳn mọi ngày. Có năm người đàn ông phục sức hết sức lập dị. Cuộc chuyện đang nóng lên, không còn ai muốn nghe người khác đầy đủ. Một kẻ thọc tay vào túi áo choàng, dẫn lên bàn một vật :

- Còn cái này của tao. Đưa nào phản đối nữa không ? Đây.

Bốn người còn lại cùng "Ồ" lên sảng khoái, ra vẻ lắng dịu một cách chóng vánh. Trên bàn là cái chai còn nguyên tem. Rượu được rót ra ngay lập tức. Các chuyện đầu đó vẫn chưa hề chịu nhường nhau, mặc nhiên coi như rơi vào quên lãng. Người mang kính cận chồm tới đập đập tay lên vai kẻ đối diện vừa lòi ra bảo bối :

- Thật ra...chả là gì. Trao đổi qua lại, không cứ ngồi đấy ngó vào mặt nhau mãi à. Có cái nóng sốt, cho nó vận hành không khí tí. Ba mươi đi ông nội. Xí xoá hay là phạt, đảng nào tao cũng cái phần trăm ấy. Sao ?

Người tóc dài kêu to :

- Để cho có sáng tạo mới lạ hơn, tao đề nghị...

Ông ta búng tay và vẩy một cái lên trời :

- Chạy bàn đâu ? Tao bảo.

- Có ngay em. Các huynh cần gì ?

- Để hoá giải bất đồng kỹ thuật của các huynh. Uống đại đi ! Mà có công phục vụ sáng đến giờ mà đã có gì vào bụng đâu.

Người chạy bàn thân nhiên, đã không lạ gì các quý ngài đang chén. Gã nâng cốc bằng cả hai tay làm một hơi. Năm vị khách vỗ tay rào rào. Trước khi trở về với đồng phin, cốc bên thau nước góc quán, gã tươi cười:

- Các huynh luôn sôi nổi. Mà đâu...Hôm qua chỉ ba vị thôi đấy.

- Có ồn ào mấy thì mà cứ vệt nghe sấm. Nguyên do đâu à ? Chúng tao đang tranh luận vì cái đĩa nào nhĩ. . ? À, một thằng vớ vẩn nào đó. Ra là thằng cóc chết...Nó cả gan quảng cáo cái này này. Hồn xược. Nhưng thôi, chuyện nghệ thuật đông tây kim cổ bao la lắm. Lo việc mà đi.

Người chạy bàn thấy đánh xoạch xuống một tờ giấy. Nó vừa được mở ra trước mắt mọi người, chưa ai đọc thì đã bị gấp lại, vẫn cứ đặt ngay trên bàn rượu. Tờ quảng cáo một show nghệ thuật. Vở diễn...

3*

Khách sạn năm sao. Ba giờ chiều trong một căn phòng đầy đủ tiện nghi. Cửa phòng tắm khép hờ. Tiếng một bài hát ngoại vọng ra. Bài "Woman in love".

- Ê, không được nhìn trộm nghe chưa. Bài hát một thời hoàng kim của "Nữ hoàng hoang dại" đây. Nghe và...đợi nhé.

Lão giám đốc dân chơi vội bỏ tờ Playboy số cũ rích xuống sàn trải thảm huyết dụ. Một chuỗi cười hềnh hếch, đính kèm cái sở học tiếng Anh cấp kỳ của lão :

- Gentleman...Anh bao giờ cũng là gentleman mà cưng. Ê, xưa nay người quân tử đều biết đạo kiên nhẫn để làm nên việc lớn. Đừng coi anh như mấy đứa tiểu nhân.

Lão ta nhếch môi y hệt mỗi khi hạ quyết tâm đầu tư vào một công cuộc làm ăn toát mồ hôi hột nào đó. Câu nhắc khéo tiếp theo chứng tỏ là dân chơi thứ thiệt :

- Đừng nói là anh mà ngay cả năm...ông tổng thống cũng biết phải chiều em thế nào cho đẹp. Có ông thọ nguyên "trăm tuổi" đấy cưng.

Một cái nhếch môi khác trong bồn tắm. Cô gái chân dài ngây thơ hơn với giọng ú hự trẻ nít :

- Thằng tây bạn đòi hỏi anh ? Êê, mà xong rồi còn đưa em đi một vòng shop-ping nữa đấy. Vốn làm ăn cứ quay vòng đều còn sắc đẹp thì là không đâu nhé. Nó..."One-way ticket", một đi không trở lại, mà anh ?

- Đã nói không thể lộ liễu cùng em nơi công cộng. Cần gì anh cho nấy. Em sắm được mà. Không cái gì khó kiếm cả. Tuyệt...Vả lại, còn bao nhiêu cuộc họp đang chờ. Cho anh sorry đi cưng.

Cô gái bắt đầu lấp ló ở cửa phòng tắm. Giọng hờn tủi :

- Không thèm sắm gì cả. Chỉ sắm những...thằng hơn anh.

- Ồ, superman làm gì có. Anh đã là gentleman ngoại hạng.

- Thằng tây bạn đòi anh đấy. Có mà. Có nhiều nhiều...

Lão giám đốc đầu hói bắt đầu "quáng gà" khi cánh cửa phòng tắm từ từ hé ra thân hình hoả diệm sơn bốc lửa. Một cái chân nồn nà thò ra với ngón chân duỗi kiểu vũ ba-lê sân khấu. Ngón chân đặt hờ chưa chịu chạm xuống mặt thảm. Giọng cười rúc rích khiến lão ta lụi tàn hồn phách :

- Bạn anh đủ lịch sự chưa ? Bảo ông ấy dìu em lên giường đi. Ê, trò chơi nghệ thuật. Vũ ba lê kiểu "thằng tây lót đường" biết không ? Mau mà anh...Mỏi lắm.

- Biết.... Quá biết đi chứ. Dân chơi mà. Có ngay nghệ thuật.

Giám đốc lật đặt, bật nắp sẫm-xô-nai khi nào cũng lè kè bên lưng. Lão cười tí mắt như trẻ con, bò ngay xuống thảm, đẩy "tráp bạc" lần tới...Đặt một tờ đô la xuống ngay dưới chỗ ngón chân của nàng, lão cẩn thận xoay cho chiều dọc của nó hướng về phía chiếc giường bát bảo. Luôn để hình "thăng tây" lên mặt trên. Tờ trăm đô la in hình một vị Tổng thống...

Lão đầu hói chìa bàn tay "Xin mời" để bàn chân cong cớn kia từ từ giẫm xuống. Bò...thụt lùi, lão ta chuẩn bị cho bước chân kế tiếp. Người đẹp hoạ diêm sơn khoan thai, bước chân luôn nhỏ nhẹ như bước của loài chim. Chân trước, nàng đặt xuống để chân sau từ từ đánh gập lại sau bờ mông vệ nữ. Ngực ưỡn, đầu người đẹp quay lui nhìn xuống bàn chân đang gập ấy. Tờ đô la được ngón chân giữ chặt, dính theo như có phép màu...

Khi cánh tay bên chân trụ quay lui, khoát một vòng kẹp lấy tờ giấy lót chân chỉ với hai ngón tay đuôi thẳng. Cánh tay còn lại đưa hai ngón lên môi. Nụ hôn gió ban xuống tên khán giả đào hoa. Bộ mặt lão ta đỏt ra, mạch máu muốn bùng vánh mỗi lần cái cận cảnh lộ lộ "áp dấu" ngay bon vào trán hói.

- Thủ tục trình duyệt. Ngạc nhiên chưa !

Người đẹp hoạ diêm sơn phá lên cười khanh khách nhìn xuống con mồi đang chịu...chết.

Giám đốc cười ngây ngô, hết sức phát âm một câu chuyên dụng nằm lòng "Oh. What the wonderful girl ! ". Ánh mắt lão đã bắt đầu hoá đại...

4*

Năm giờ chiều, ở sảnh đường khách sạn. Cô gái ấy xuất hiện trong trang phục mùa thu với ủng ngắn và áo choàng cúc hờ, kính cài ngược lên tóc đang nhỏ to chuyện trò với một nàng cát-sê chân dài khác :

- Sao ? Hấn chề ít chắc. Mà có bảo là khách sạn phụ cấp thất nghiệp ngang cơ bọn tây chứ. Tụi ấy cũng ba trăm đô mỗi tháng nhè.

- Ô, loại thông dịch viên "pháp sư" bao đủ tour Anh, Pháp, Đức cái gì không biết mà ? Hấn sống an phận nhún nhường. Giả chết đấy. Ê, tao thấy "lập trình" của mà...Nó nặng phần nghiệp ngã.

- Ô kê, tao đạo đức giả. Cái gì giả nhưng "đồ nghề" đừng giả nghe mà Nước mắt giang hồ đây à ? Tụi mà đạo đức...thật lấy đâu ra dzậy ? Cho đến khi chiều xuống...Là "xôi oản" giộng toàn silicon vào rồi thì chỉ đi với bọn nháy ảnh "Ba mươi sáu kiêu" mà sống ! Còn bao nhiêu thời gian mà ? Rồi sẽ cháy tàn đêm hiu hắt đó con. Chẳng có ai thương tao hơn chính tao.

- Nghe tao nói nhưng hấn bảo cũng đến lúc từ giả, không phải cần ai thương hại. Hấn ca cẩm, thông dịch viên nơi đây hoá ra chỉ chuyên dụng thứ ngôn ngữ "không tài nào đàn ông có nổi". Hấn chán. Hấn muốn tìm một công việc khác, không vì ai vất chanh bỏ vỏ. Hấn tự thú là đã quá dốt nát về cái chuyện phe cánh thập thò. "Thời của các quý vị cảm tình con chuột". Thế

đấy, hấn chỉ cười khan trước khi quay bước, cũng chẳng ngó ngang đến phong bì. Trả lại mày. Hết cách.

- Tao hiểu. Hấn không có ý hại ai. Người như hấn không bao giờ là "sát thủ". Hấn muốn đứng ra ngoài mọi tranh giành quyền và lợi phe cánh. Và thế, hấn đã tự mình khai tử. Sự chật chội môi trường sống bây giờ không còn chỗ cho những kẻ độc hành. Này nhé, căn cứ vào nhu cầu hưởng thụ "super thời thượng" so dịch vụ du lịch nguyên thủy "trắng" mà hấn chủ trương. Hấn đã thành vật cản thời đại - chính xác đấy - tao không nghĩ hấn nặn nhân ai cả. Dù sao từng sư phụ bọn mình, mới có chuyện tao đề nghị trợ cấp hấn đôi ba tháng. Dĩ nhiên khách sạn ô kê, khi mà tiền túi tao móc ra. Để thay hấn làm xếp thông dịch viên ở đây, gọi là có chút đền bù. Thế...

- Mượn danh nghĩa khách sạn chi vậy ?

- Nhanh, tránh vòng vo tam quốc. Xong chuyện.

- Mày đơn giản kinh hoàng. Chỉ có hai loại vật cản, vật không cản là xong. Kỳ quặc, trước kia mày bái phục hấn ? Xin lỗi, hơi tò mò.

- Tao non choẹt, cứ một thời tưởng nghệ thuật nào cũng ngồi trên đất hứa. Có điên ! Đã già từ sản diễn như già từ ảo mộng. Nghệ thuật nào thực tế hơn nghệ thuật kiếm sống mày ? Trong đó, ai method nấy. Ê, có đứa nào bảo đồng bạc không hề ban rung cảm ? Là tao đang tận tụy con đường của tao. Hấn học rộng tài cao nhưng quá buồn cười. Luôn ở trên mây, hấn mơ màng sáng tạo nghệ thuật. Ấy, cu li nghệ thuật có ngu ngốc cỡ như tao cũng chả đáng buồn cười. Hợp lý đấy. Tao chỉ làm cu li cho chính tao thôi. Nghệ sĩ là quái gì, bong bóng màu to rỗng.

- Oh, yes. Chỉ còn lại...Nghệ sĩ của nghệ thuật kiếm sống. Một nghệ thuật chưa bao giờ rời xa nhân loại. Tao nữa đấy. Đừng có gọi cu li quá mono nghe mày. Nghe thế nào ra stereo chút. Âm thanh nổi đi !

Phút im lặng. Thấp thoáng mơ màng trong mắt, cô gái hoài cảm :

- Bỏ vũ ba-lê. Theo một thời gào hát như điên. Tưởng nó đi tới đâu rồi nhé ? Hoá ra chính tao phải tự thấp lên ánh đèn sân khấu của riêng tao. Đấy, các đứa chân chỉ, ôm "thương hiệu" để chết thèm. Chúng đào ở đâu ra mỹ phẩm Hollywood, Mercedes và ngọc trai trung diện hờ mày ?

- Tiếng Anh và nhan sắc ! Chỉ có thế. Mất công làm người mẫu ít lâu ngộ ra ngay. Tao đá giò lái thằng chủ show đều cẳng. Ôi điều tàn, cứ lắm bé ngoan còn lần lượt "đưa đồ". Nào các bộ sưu tập mới lạ chi chi...Đ. m thằng ranh ma chuyên "sáng tạo" các thứ tào lao. Bộ sưu tập...háng đàn bà thì có. Hấn ăn chặn trình tiết, chuyển giao cái công nghệ ngành thịt người ra..."Gái gọi". Bây giờ tao có sạn trên đầu.

Người đẹp hỏa diệm sơn gật gù :

- Mày thì nhớ đời thằng "nghệ sĩ tạo mẫu" tởm lợm ấy. Sẽ có một ngày tàn cuộc giang hồ cho nó. Còn cái sự tao nhờ vả ấy à. Mày đã cất lực. Thằng quân tử tàu từ chối thiện chí của tao.

"Boa" luôn cho mày. Nhé. Để cứ thấy cuộc đời còn tươi đẹp. "To be or not to be. This is the question". Ngạc nhiên chưa !

Hai cô gái chân dài cười như điên. Cú chạm cốc whisky nảy lửa :

- Ô kê ngay. "Let ' s twist again". Nào, hiện hữu tràn be...

Hai cô gái trẻ đẹp đập bàn tay vào nhau thay lời từ giả. Người đẹp hoá diêm sơn bước ra khỏi sảnh đường khách sạn. Trước khi mở cánh cửa chiếc Mercedes 250 SL , cô gái còn hỏi vọng vào :

- Mày có biết hiện hữu làm gì không ? Lắm tài lo gì thất nghiệp.

- Bảo..."Chạy bàn một quán cà phê cóc". Tao chưa tin.

Cánh cửa dừng lại. Một chút ngập ngừng với câu nói mông lung :

- Đẳng nào cũng phải làm gì đó kiếm sống. Tội gì nhi ? Tự làm nghèo khổn mình đi, khi mà cuộc đời còn quá nhiều đứn chó mừ...lên voi. Theo thuyết Khắc kỷ của Diogène đập vỡ cái bình ấy à. Chi vậy ? Hay cứ phép "thắng lợi tinh thần" ông Lỗ Tấn. Mày thay tao tìm hiểu chút đi. Một lần cho nó...xong.

- Bây giờ thấy đi xế điếc. Chắc bắt đầu sa sút, cầm hơi.

5*

Thứ bảy tuần sau. Bảy giờ tối ở nhà hát hạng ba thành phố. Vé cầm tay, mọi người chuẩn bị vào cửa. Những tờ quảng cáo quen thuộc cứ vung vẩy giữa nhiều người. Đủ các lời tán dương hoặc những câu tục tĩu không ngớt tuôn ra...

Chuông reo. Mọi người chen lấn vào cửa. Dăm mười phút sau khi yên vị, ai nấy đều ngơ ngác nhìn nhau. Đèn vẫn không được tắt. Sân khấu hình như đang còn trong tình trạng lờn thôi chưa ổn định. Tiếng hú huýt của thiết bị âm thanh khi to khi nhỏ. Người ta liên tục điều chỉnh dây dợ, máy móc... Những cửa nờ ấy ngổn ngang chưa ai xếp đặt.

Trên sân khấu chính diện, nhiều kẻ đang chen lấn dòn cục quanh một cái thang cao ngồng. Người leo lên, kẻ kéo chân lờ xuống. Ai nấy đều vác mặt nhìn lên nóc sân khấu chả thiết gì nhiều thứ đang bị giày xéo, giẫm đạp ngay dưới chân mình. Tiếng hô hoán, gọi nhau rõ mồm một qua loa phóng thanh không sót chữ nào.

Thấp thoáng hai bên cánh gà sân khấu, đôi ba người cứ diềm nhiên soi gương thoa phấn, vẽ mặt. Họ làm điệu bộ vừa ướm thử các kiểu hoá trang. Ai đó khi cúi đầu như mặc niệm, khi đột ngột vỗ tay đồm độp, tươi cười. Có kẻ thấp thoáng xa xa không hiện rõ mặt mày tay cầm xấp giấy, ra hiệu người kia tới trước, kẻ khác lui ra...Hắn ta nhắc tuồng nhỏ giọng sau cánh gà. Các người khác lớn tiếng hơn, nhái theo y hệt không sót chữ nào.

Thời gian chết trên sân khấu kéo dài. Lời dẫn chương trình vắng bật.

Đầu đó cứ một loại âm thanh léo nhéo nhằm chán phát ra từ cát-sét quá lỗi thời. Nhiều cây mi-cờ-rô không sử dụng, bị lừa phứa xuống khỏi sân khấu, lỏng chổng ở ngay trước mặt hàng ghế hạng nhất.

Trong lúc ấy thì giàn đèn màu đang hoạt động cật lực. Đây là loại thiết bị hoàn hảo nhất chả cần chỉnh sửa gì thêm nữa. Liên tục đủ xanh, đỏ, tím, vàng thay nhau nhuộm màu sân khấu một cách loè loẹt.

Một người ở trần đầy mồ hôi. Gã ta, có lẽ là công nhân khuôn vác hậu trường ôm khệ nệ các thứ, ngấp ngóng dáo dạt nhìn xuống khán giả với vẻ nhọc mệt :

- Đông nhỉ ? Giúp nhau một tay đi chứ. Mãi cứ ngồi không khoẻ thế. Gã lại thở dài thườn thượt mà không hay biết mấy cây mi-cờ-rô đang phóng đại âm thanh chát chúa của mình :

- Không thấy gì hết à ? Có ai diễn thật đâu. Ngồi xem diễn giả để làm gì nào...Chịu luôn. Thật uổng phí bao nhiêu thời giờ.

Gã ho khan mãi vì hít nhầm những mảng bồ hóng bắn thiu từ trên cao rụng xuống liên hồi. Đột ngột, gã ta hét lên kinh hoàng vất bỏ đồ đạc, ôm đầu chui xuống gầm mấy cái bàn kê bên. Một số sà ngang mỗi một trên nóc rơi thọc xuống lập tức gãy nát.

Mọi người không hiểu sao cả, cứ trở mắt nhìn nhau y như ở trên mặt trăng. Đã hơn nửa tiếng đồng hồ từ khi vào rạp hát đến giờ. Năm ba vị bực dọc bỏ ghế đứng dậy ùng ùng bước ra "Giờ vào cửa có vấn đề". Ai đó nói với nhau để tự mình giải thích sự cố "Nhà hát không hề tôn trọng khán giả".

Tiếng nói chuyện, hỏi nhau râm ran...

Không còn ai đủ kiên nhẫn. Ban đầu, còn hơi nhỏ giọng nhưng sau đó người ta hét lớn. Họ đứng cả lên ghế ngồi để chỉ chỗ. Tiếng mặt ghế liên tục bị gập lại, mở ra đinh tai nhức óc.

Một vài vị hăm hăm nhảy phóc lên sân khấu bày tỏ thái độ. Họ tiến lại gần mấy người chỉnh sửa, xem những kẻ ấy trả lời ra sao :

- Ê, các ông bạn. Có phải nhà hát không đây ? Ai là người đang điều khiển đây nhỉ ? Chúng tôi chen lấn toát mồ hôi hột để vào ngồi xem các thứ quái quỷ này à ? Đây, ai cũng lặn lưng ra mà mua vé đây. Đóng tiền nghiêm chỉnh chứ không bớt xu nào. Có người bóp bụng nằn nì các thằng đều bán vé chợ đen nữa đó. Lý do gì ? Nói ngay đi chứ. Có phải là...còn lâu mới như chương trình quảng cáo hứa hẹn. Rồi ai chịu thiệt thì mặc bố nó phải không ? Đã vào cửa rồi thì ráng mà chịu. Nhà hát già cam giả điếc, vô trách nhiệm là xong. Hờ...?

Hình như tất cả vẫn lo việc của mình, chẳng ai thèm trả lời câu hỏi.

- Ô, nói làm gì. Coi kìa. Đây là những kẻ được thuê mướn. Họ coi như chẳng liên quan gì sất. Đến làm, nhà hát trả tiền công xong thì về. Họ đâu có cần...khỉ gì chúng ta đâu.

Mọi người dờ khóc dờ cười, nhìn nhau. Nhiều câu tục tĩu tuôn ra. Một thiểu số, xô vệt đám đông lặng lẽ đi ra. Đây là những kẻ bận việc hoặc không còn cảm hứng nào nữa. Phần lớn ở lại, không kiên nhẫn nhưng vì sợ mất tiền một cách đại đột.

- Cùng lắm thì đòi cho ra tiền vé lại thôi. Ngồi đến hết giờ mới về. Tụi mày cứ mong chúng ông bực tức bỏ đi chắc ? Ờ, đừng có hòng. Còn lâu mới ra khỏi cửa. Thử lường gạt. Đồ đều...

Có nhóm người nhân cơ hội lôi rượu ra tiệm nhiên bày cuộc với nhau trong góc. Họ bàn bạc thơ văn nghệ thuật sôi nổi như thường. Một kẻ gật gù rung đùi nói với người bên cạnh ra cái điều tri thức, nhìn xa hiểu rộng :

- Thế đấy. Cũng phải cảm thông cho nhà hát. Cứ kiên nhẫn chút rồi đầu sẽ vào đấy. Cái gì chứ khoa học kỹ thuật không đơn giản. Có là vấn đề tâm lý để khắc phục hoàn cảnh ngay được đâu. Đồng ý, là bỏ ra tiền mua vé thực đấy. Khó khăn là khó khăn chung. Chuyện "thường ngày ở huyện" lạ gì chứ.

Đột ngột một giọng nói vang lên từ máy phóng thanh. Ai đó chụp lấy mi-cô-rô vẫn đang đặt lỏng chỏng ngay trước mặt khán giả hàng ghế hạng nhất. Âm thanh dội lên trong lòng nhà hát :

- Cái này để làm gì đây ? Cũng là tiện ích sử dụng tính luôn vào tiền vé đã bỏ ra đấy. Trong lúc như thế này. Tại sao không ai dùng nhỉ. Có quên đi không ? Xin mời...

Khán giả thấy ngơ ngơ, im lặng phần nào. Một cha căng chú kiết nào đó lấy can đảm nhảy lên sân khấu, hét vào mi-cô-rô :

- Nhà hát phải trả lời. Nói đi. Chúng tôi có quyền yêu cầu.

Đám đông hô hoán tỏ ý tán đồng ngay nhưng hấn đã biến mất. Biết thế nhưng chẳng ai rục rịch, người nọ quay sang bảo người kia "Tội gì không nói. Tiền mua vé là cứ thu vào xoành xoạch. Có cho ai đồng nào không ?".

- Bảo ngay vào mặt thẳng giám đốc chó chết. Quân bố láo lợi dụng nhà hát để làm giàu đây mà. Một lần này thôi, đủ nhé...

- Báo cho mà biết. Không có khán giả thì lũ ma mãnh nhà hát ra ngoài nghĩa địa mà diễn. Chúng ông càng vất vả chen lấn thì chúng mày càng giàu. Chúng mày giàu rồi thì là chúng ông phải vào sọt rác chứ gì.

- Quỷ quái thật...Láo.

Tất cả những chào xáo, hô hoán này đều được khuếch đại, không ai không rõ. Có lẽ chẳng nói trực tiếp vào máy, âm thanh cũng đã đủ nghe rõ mồm một. Giàn mi-cô-rô quá gần, tự nhiên đã giúp cho điều ấy. Đột nhiên có người tiến ra, lôi hẳn một cây mi-cô-rô lên, đặt lên trên sân khấu :

- Vâng, nghệ thuật đang bị lợi dụng và trưng dụng đủ kiểu...Khán giả bình dân đã bị coi thường, dân phải chịu về bên thiệt. Trong khi ấy, sẵn sàng như một tiểu xảo đèn bù, các danh từ tốt đẹp nhất luôn để dành tôn vinh cho quý vị...Những kẻ đã cật lực lao động bỏ thì giờ, tiền bạc chỉ để muốn tìm thấy cảm xúc, tâm tư nói lên đích thực tiếng lòng mình.

Vâng, tâm tư khán giả đã không nhận đủ phản hồi chân chính. Quả ai nấy đều thăm tự hỏi, rằng nhà hát cần gì ở quý vị nữa không ? Ngoài số thu nhập để phục vụ cho nơi chốn đang nhân danh nghệ thuật, nhân danh quý vị.

Có không ít kẻ nhân danh ấy đã làm nên cơ nghiệp. Họ bây giờ chỉ chú tâm các diễn xuất trên nhiều sân khấu khác, giàu có hơn. Thực ra chúng ta chỉ là cái bàn đạp thuở ban đầu... Vì thế, họ đã rời xa sân khấu hôm nay. Phải chăng mong đợi chính đáng và thiết thực nhất của quý vị đã trở nên phá sản. Thưa quý vị... Tôi đang được hầu chuyện cùng những người thu nhập thấp, các khán giả một nhà hát hạng ba...

Giọng anh chàng ban nãy, trực tiếp trước mi-cờ-rô. Mọi người hả hê gật gù nhìn nhau tương đắc. Dấu hiệu sự đồng cảm của đám đông có thể đọc ngay trên nét mặt nhiều người. Đột ngột tiếng vỗ tay vang lên như sấm dậy. Lời nói bị gián đoạn, người ta chồm cả tới để cố xem mặt người đang đứng trước mi-cờ-rô. Có cặp vợ chồng trở mắt, níu vai nhau :

- Ôi, kìa anh...Đấy, cha nằm ở ghế đá công viên tuần trước.

Trong góc nhà hát. Mấy người đang chuyện nhau chai rượu bất ngờ đứng cả dậy ngơ ngác hỏi nhau "Có phải chú em chạy bàn đây không ? Tao thấy y chang". "Đúng hắc. Không nhầm vào đâu được".

Cô gái rất đẹp sang trọng ngồi ở ghế hạng nhất vội vã ra khỏi chỗ, cúi đầu bước nhanh về phía hành lang vệ sinh. Một cuộc điện đàm di động sau đó :

- Ngay nhà hát bình dân thành phố. Đúng, tao tìm ra rồi. Là hắc...Chắc chắn. Một cái gì đó ở đây thì phải...Tốt nhất mày đến ngay. Cứ "búng" cho thằng soát vé vào cửa một cái đi. Ô kê, tao đang ngồi ghế hạng nhất bên trái, ghế thứ chín...Yên chí, hắc đang nói như điên, không thấy gì đâu. Cần, đeo kính đen vào như tao cho chắc. Nhé...Cứ thế. See you again.

Trở vào ghế ngồi, cô gái đẹp càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy những người trên sân khấu lần lượt bước ra chào khán giả. Họ đều tươi cười, đầy thân thiện và trịnh trọng y như những diễn viên vừa biểu diễn xong tiết mục của mình. Có cả người đã ở trần khuôn vác. Không ai có thái độ thiếu nghiêm túc cả. Hoá ra...Họ đã diễn về những "nhân vật diễn viên".

Người đang đứng giới thiệu lần lượt tên của mỗi diễn viên, có giọng nói rất quen. Cô gái kín đáo đẩy gọng kính lên một chút để nhìn rõ hơn. " Đạo diễn là chính... hắc".

- Trân trọng cảm ơn quý vị...Vở diễn nhằm xoá đi sự cách biệt giữa diễn viên và khán giả. Không lẽ loi như khi phải ngồi trước các thiết bị nghe

nhìn - màn hình chẳng hạn - quý vị thấy đấy...Tất cả chúng ta, kể cả người im lặng nhất, đều là những "nhân vật". Vâng, những "nhân vật" của vở diễn hôm nay. Mặt khác, một cách đồng thời...Tất cả chúng ta đều là "diễn viên". Hoặc chính danh hoặc là "diễn viên" tự nhiên trong phút giây sôi nổi nhất vừa biểu hiện. Thưa quý vị, tất cả những gì đã nghe, đã thấy, đã diễn ra...Hết thảy đều đã góp nên toàn cục cho diễn xuất chung trong vở diễn hôm nay. Vở

diễn thể hiện nguyên bản thái độ, tình cảm và tâm tư quý vị...Các khán giả bình dân...

Thưa quý vị, tại đây sân khấu đã được cố tình mở rộng hơn, vượt ra khỏi không gian ước lệ thông thường. Vâng, mọi nơi đều là sân diễn...Không chỉ ở trên kia, nơi tấm màn được mở ra hoặc kéo lại...Sân khấu còn ở ngay chỗ quý vị đang ngồi. Đấy, với hàng mi-cờ-rô đã được tề nhị đặt xuống lúc ban đầu. Thực hay ảo ? Nghệ thuật hay chỉ là trò chơi hư cấu...?

Câu trả lời chắc sẽ còn vọng lên nhiều lần trong mỗi một chúng ta... "Nhân vật ? Hay diễn viên ? ?". Đúng thế - gã chạy bàn nói tiếp với một thái độ đầy trân trọng - Cũng là tên của vở diễn hôm nay...

Thưa quý vị. Như đã biết, hư cấu trong sáng tạo nghệ thuật thiên hình vạn trạng đến không cùng. Sẽ không còn phát triển nghệ thuật khi bên cạnh đó, tính sáng tạo đã bị xem như một thủ tục không mấy còn thiết yếu. Thông điệp tình người chắc chắn làm sinh mệnh cho mọi ngành nghệ thuật. Bởi lẽ, chỉ có tính sáng tạo của nó mới chứng minh nổi đâu là khác biệt có thực giữa con vật và con người. Tôi muốn nói đến tính sáng tạo của văn minh để phân biệt với quán tính, thói lặp lại là dấu vết từ bản năng mông muội.

Vâng, dùng sáng tạo nhất thiết con người không tiến tới văn minh... Một cách khác, không thể có văn minh khi thiếu vắng tính người. Hoặc đây chỉ là nền "văn minh ảo". Từ đó, để thấy rằng - sáng tạo nói chung, sáng tạo nghệ thuật nói riêng - nhất thiết là thước đo trình độ một nền văn minh, một quốc gia hoặc ngay cả một thời kỳ con người ghi dấu... Cần sáng tạo nữa không, hay chỉ nên lặp lại các giá trị đã vĩnh hằng ? Câu trả lời đồng nghĩa với văn minh.

Xin lỗi quý vị. Có thể quý vị vẫn chưa hết ngạc nhiên. Song các lời nói, thái độ, mọi tình cảm... của quý vị vừa rồi không hề trong một giấc mơ nào cả. Nó từ đáy lòng quý vị. Một trong nhiều điều mang ý nghĩa lớn lao của nhiệm vụ sáng tạo nghệ thuật, đây là tạo điều kiện để các cửa sổ tâm thức mở rộng hơn chứ không hề ngược lại. Vâng, tất nhiên phương diện tuyệt đối mà nói, vở diễn chắc rằng chưa dừng lại ở đây...

Một lần nữa, chân thành cảm ơn quý vị khán giả vẫn hết lòng vì nghệ thuật hôm nay. Vở diễn thành công hay chưa ? Không quan trọng. Song chắc chắn chính quý vị đã cảm xúc. Chỉ có sự sẻ chia thật tình mới đích thực làm nên ý nghĩa ấy. Quý vị, những khán giả bình dân lao động vốn thân quen với một nhà hát hạng ba. Tất nhiên, trong số đang hiện diện nơi đây đại đa số đều thu nhập thấp. Có kẻ chưa ổn định cuộc sống. Thậm chí người còn vất vả tìm việc để có thể qua ngày. Xin coi như cơ hội để gặp nhau, cùng chia sẻ nỗi lòng...

Tiếng vỗ tay lại nổi lên không ngớt.

6*

Chuông reo. Lần lượt khán giả ra khỏi cửa. Người ta vui cười nói với nhau những lời thanh thản. Ai nấy tự nhiên như gần gũi nhau hơn.

Khách sảnh nhà hát hạng ba khá chật chội. Một cái bàn kê giữa lối ra vào. Hai người đàn ông đeo kính đen đứng đó, bắt tay khán giả đi qua. Họ cứ mỉm một nụ cười lặng lẽ. Trên bàn, đặt một áp-phích nho nhỏ kê bằng tay. Hàng chữ chân phương, nắn nót đập vào mắt mọi người : "Được nhận toàn bộ tiền vé vào cửa vở diễn hôm nay, Hội người mù tỉnh nhà chân thành cảm ơn anh chị em nghệ sĩ và khán giả từ tâm".

Cặp vợ chồng đưa mắt nhìn nhau. Người đàn bà hỏi "Sao tờ quảng cáo không ghi gì nhỉ ? Nếu biết trước là việc từ thiện, mình chắc không bàn cãi suốt tuần rồi mới đi mua vé". Người chồng ra cách hiểu biết hơn, giải thích "Có lẽ để tôn trọng Hội người mù, đồng thời người ta không vay mượn danh nghĩa nào làm vốn nghệ thuật như một số thủ thuật hay thấy".

- Thế, người ta tặng hết tiền thu vé rồi lấy đâu... ?

Ông chồng ngần ngừ, hơi bối rối "Tất nhiên, họ phải có nghề nghiệp ổn định đâu...đó rồi chứ. Chắc thế. Nhưng mà nghệ sĩ chân chính thì thường là những vị nghèo xơ nghèo xác đấy".

Người vợ chột đôi giọng ăn năn "Em đã không phải với ông ấy. Có lần nói này nọ..."

- Ông đạo diễn chứ gì ? Đây, hôm gặp ngủ ở ghế đá công viên đã bảo là không phải xì ke. Cứ tưởng khi nào cũng y như mình nghĩ...Là làm to đấy. Không phải cứ mắt thấy...

Ông chồng nói, vừa quay lui như tìm sự đồng cảm với ai đó đi sau lưng mình đang cố ý lắng nghe câu chuyện. Ồ, hai cô gái trẻ rất đẹp đều đeo kính...đen ! Họ hình như xúc động, cúi mặt dìu nhau đi rất chậm.

Ông chồng nín bật, chột dạ. Người vợ trở mắt quay lui và vội vã dứt ra khỏi tay chồng. Bà ta chạy đến bên hai cô gái và dịu dàng nắm lấy tay họ :

- Không sao đâu. Hai em cứ nắm lấy tay chị đây. Nhé. Đi từ từ coi chừng vấp ngã.

Người chồng đứng ngẩn ra, sau đó lật đật nói với vợ mình :

- Anh gọi ngay chiếc xích lô đây. Em hỏi đi. Các cô ấy sẽ về đâu ?

Mọi người đưa mắt nhìn nhau thương hại "Ôi, tuổi thanh xuân thế kia. Hai con người bất hạnh". Có xuýt xoa nho nhỏ ai đấy đang thăm thì. Bỗng mọi người lại reo lên, nhường lối đi khi thấy những diễn viên lần lượt đi ra, đến bắt tay hai đại diện Hội người mù.

Một trong hai vị này từ tốn thốt lên :

- Chỉ nghe được phần âm thanh của vở diễn...Song, các bạn đừng ái ngại. Bằng tâm hồn, chúng tôi tự hiểu lấy phần còn lại.

Họ ghì lấy nhau trong tiếng hoan hô và hạnh phúc đồng cảm. Có khán giả vừa cười vừa quệt ngang nước mắt. Đại diện Hội người mù đề nghị gặp một người...

Gã nhét vội ổ bánh mì đang dở vào túi quần và tất tả chạy ra. Đang có

tranh thủ...sau cánh gà, gã vẫn cứ bị người ta tìm thấy rất nhanh. "Đạo diễn.

Ông ta đến kia kìa...Đấy !".

Mọi người đổ xô về một phía. Vài tay phóng viên vừa xuất hiện. Ánh flash lóe lên. "Xin đạo diễn vấn tất quan niệm nghệ thuật". Gã tươi cười với cái bụng ọc ạch :

- Đơn giản, thưa các bạn. Với nghệ thuật chân chính thì Tình Người đề chia sẻ chứ không phải là thứ phẩm vật để chúng ta ra sức vận dụng, tranh thủ nó nhằm biến thành lợi khí trang bị. Nói tóm lại Tình Người đề chia sẻ, để phát tán rộng rãi chứ không để bòn rút gom thu, quy về nơi duy nhất nào cả. Theo tôi, đây mới là điều nếu không chú ý chúng ta dễ trở thành nạn nhân ngay cả khi được tôn vinh nhiều nhất.

Hai vợ chồng tốt bụng đang chú ý lắng nghe giọng nói ở đằng kia. Bà vợ nhón chân lên cố nhìn. "Xa quá. Em không thấy gì cả". "Sáng nào cũng có ở ghế đá công viên. Ai thôi, mình thì còn lạ lòng gì nữa". Ông chồng bảo vợ.

Hai cô gái lặng yên, không nói một lời. Họ hình như đang thăm thía nỗi mệnh mông từ khoảng trống cuộc đời. Không ai ngẩng đầu lên cả, hai người cùng nhận ra chơ vơ bóng đổ dưới chân mình. Có lẽ lần đầu tiên trong đời, họ hiểu đích thực ý nghĩa sự sẻ chia trong nghệ thuật.

Đột ngột...Hai cô gái cắn môi, xô dạt cặp vợ chồng tốt bụng để cố đi nhanh khỏi sảnh đường nhà hát. Hai cái kính đen - như là loại mặt nạ tâm hồn trong trang phục riêng họ - rơi xuống giữa dòng người qua lại.

(Vườn đá, thành nội Huế - 2008)
Trần Hạ Tháp

(*) "Woman in love", "One-way ticket", "Let ' s twist again" : Những bản nhạc ngoại nổi tiếng.

(*) "To be or not to be. This is the question" : Hiện hữu hay không hiện hữu. Đây mới là vấn đề. (Câu nói trong một tác phẩm của Shakespeare)



Ảnh Võ Quang Yến

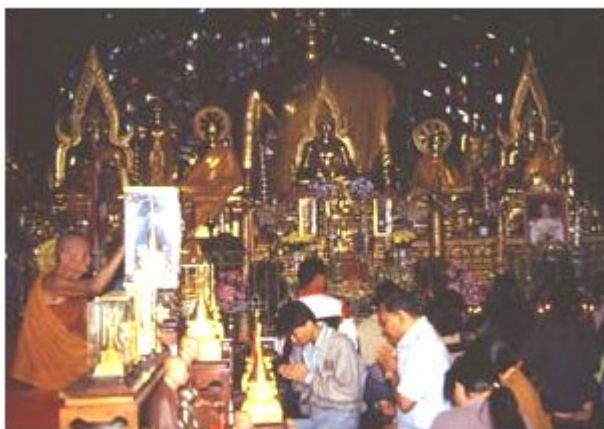
Chùa Doi Su Thep ở Chiang Mai bên Thái Lan

Võ Quang Yến

Chiang Mai hay Chiangmai tức Hoa hồng miền Bắc, là thành phố thứ nhì lớn nhất Thái Lan, nằm cách kinh đô Bangkok (bang : làng, kok : trái cây) hay Ratanakosin tức (Vọng Cát) 800 km, trên bờ sông Ping, một nhánh của sông Chao Phraya, giữa những ngọn núi cao nhất nước: Doi Ithanon (2590m), Doi Phahum Pok (2285m), Doi Chiang Dao (2195m). Tuy không hào nhoáng bằng Bangkok, Chiang Mai chiếm một vị trí chiến lược gần trên con đường Tô Lụa cũ, từ lâu là nơi gặp gỡ của nhiều khách lạ, làm thành một trọng điểm cho cuộc mở mang tiểu công nghệ như hàng lọng, nữ trang, chạm trổ.

Vua Mang Rai sáng lập Chiang Mai, có nghĩa thành mới, năm 1296, để thay thế Chiang Rai làm kinh đô cho nước Lan Na Thái. Tục truyền một hôm đi săn, đàn chó mãi chạy đuổi hai con hoẵng dẫn đường lại đây. Tin là điềm lành, vua đặt tên Xaiyaphum có nghĩa là nơi thắng trận, cho xây một lâu đài, trung tâm của thành quách hình chữ nhật mà ông sẽ cho mở mang sau này. Để phòng thủ, ông cho đào hào bao bọc xung quanh những bức tường kiên cố. Nếu dấu tích hố hào còn đó, tường vách thì đổ nát nhiều. Những tường này đã được Phra san Luang xây lại năm 1662 trước cuộc tấn công của vua Narai Ayutthaya, nhưng nhờ pháo binh mạnh Narai đã thành công chiếm được thành. Vào lúc suy đồi, thành này thường bị hoạc quân

Miến Điện hoặc quân Thái Ayutthaya chiếm đóng. Năm 1767, khi Ayutthaya thất thủ trước cuộc tấn công của quân Miến Điện, Chiang Mai bị bỏ rơi 15 năm (từ 1776 đến 1791) và Lampang trở thành kinh đô nước Lan Na Thái trong thời gian ấy. Nhưng từ năm 1774 vua Taksin đánh chiếm và Chiang Mai chính thức thuộc Xiêm La. Bắt đầu từ đây, Chiang Mai mở mang kinh tế, văn hóa và mau trở thành kinh đô thứ nhì ở miền bắc Xiêm La. Ở thành phố và xung quanh, một số chùa chiền chứng minh ảnh hưởng Phật giáo trong vùng. Chùa xưa nhất là **Wat Chiang Man**. Chính trong thời gian ở đây mà vua Chiang Meng Rai đốc suất cuộc xây dựng thành phố. Giữa chùa là một cái tháp *chedi* (Sanskrit : *caitya*, Pali : *cetya*, có nghĩa sùng bái) cao 26m, dưới chân bao quanh một viền diềm hình tượng voi. Trong chùa có hai hình tượng rất được tôn thờ là tượng Phra Satang Man bằng pha lê và hình chạm nổi tháp Phra Sila bằng cẩm thạch hình dung đức Phật và A Năn Đà đang thuần hóa con voi dữ Naiagini. Theo truyền thống, thường hình tượng này được đem đi rước cuối mùa khô để cầu mưa. Ngôi chùa thứ hai, **Wat Phra Singh**, xây năm 1345 theo kiến trúc đặc biệt miền bắc Thái Lan, nằm ngay trong thành phố. Chùa chứa pho tượng Tích Lan đưa từ Lan Xang về. Hơn một nửa thế kỷ sau mới thấy xây **Wat Chedi Luang**, năm 1401. Đặc điểm của chùa này là tháp *chedi* nhưng vào giữa thế kỷ 16 *chedi* bị đổ vỡ trong một cuộc động đất. Cũng hơn một nửa thế kỷ nữa mới có **Wat Ched Yot** được vua Tiloka (1447-1487) xây năm 1455, là nơi đã đón nhận Hội đồng Phật giáo năm 1477 để duyệt lại những văn tự trong bộ Tam tạng. Sau khi chết, thi hài của ông được hỏa táng ở chùa và tro được đặt trong một tháp cạnh chùa. **Wat Suan Dork**, có nghĩa là vườn hoa, tọa lạc về phía tây thành phố là một ngôi chùa được vua Lan Na xây vào thế kỷ 14 cho một vị tu sĩ rất được tôn kính từ Sukhothai lại, làm nhà ẩn cư mùa đông. Đặc biệt của chùa này là một đại sảnh phong chức *ubosot* rất lớn, hoàn toàn mở rộng ra ngoài khác với thường lệ đóng kín. Chùa có rất nhiều tháp *chedi* chứa đựng tro hỏa táng của các bậc đế vương Chiang Mai. Chùa cũng là trụ sở tu viện đại học Mahachulalongkorn Rajavidyalaya có tiếng ở Thái Lan. Cũng nên kể thêm chùa rừng **Wat U Mong** trong một hang động cạnh viện Đại học Chiang Mai. Trong chùa có một hình đức Phật ngồi nhin ăn nên trên các thân cây quanh chùa treo đầy những câu tục ngữ Phật giáo bằng tiếng Anh hay tiếng Thái.



Ảnh Võ Quang Yến

Ở Chiang Mai, chùa có tiếng nhất là **Wat Phrathat Doi Suthep**, thường được gọi tắt là chùa **Doi Thep**, tên ngọn núi trên ấy chùa được xây. Cách xa thành phố khoảng 15km, chùa tọa lạc trên một mảnh đồi cao thoáng, đứng trên nhìn xuống thành phố là cả một cảnh tượng hùng vĩ, bao la, cho nên chùa là một nơi rất linh thiêng cho người Thái. Không biết rõ chùa được xây từ lúc nào. Có thể bảo chùa được bắt đầu năm 1383 khi cái tháp *chedi* đầu tiên được dựng lên. Sau đây dần dần những miếu điện được thêm vào và năm 1935, một con đường dẫn lên chùa được tu sĩ Srivicahi cổ vũ dân

chúng bắt chắp giai cấp cùng nhau đắp ra trong vòng bốn tháng. Tương truyền tu sĩ Sumana Thera ở Sukhothai nằm mơ được phái đi Pang Cha tìm một thánh tích. Sumana Thera tìm ra ở Pang Cha một cái xương mà người đương thời tin là xương vai đức Phật. Thánh tích này rất linh thiêng, có khả năng thực hiện phép lạ màu nhiệm như di động, phân đôi, biến mất hay tự nhuộm một màu đỏ nhạt. Sumana Thera dâng thánh tích lên vua Sukhothai là Dharmaraja. Trước mặt vua, thánh tích không thực hiện một phép lạ nào và nhà vua nghi hoặc không

muốn giữ thánh tích làm gì. Vào lúc ấy, vua Nu Naone nước Lan Na nghe nói đến thánh tích bèn đến xin rước. Tu sĩ được phép vua Dharmaraja đem thánh tích về nơi ngày nay được gọi là Lamphun ở miền bắc Thái Lan. Về đến đây, cái xương tự động phân đôi ra hai : một cái mới tương đối nhỏ hơn cái cũ. Cái nhỏ được đem thờ ở **Wat Suan Dork** còn cái lớn thì được đặt trong một hương án trên lưng một con voi trắng và thả vào rừng, mặc cho tự do đi đâu cũng được. Voi hướng lên núi Doi Suthep, hồi ấy mang tên Doi Aoy Chang nghĩa là núi con voi bằng đường. Vua và bá quan im lặng theo sau một quãng xa để khỏi ảnh hưởng lên voi. Nó lên đến đỉnh núi, rống lên ba tiếng rồi ngã gục xuống chết. Vua Nu Naone tin là một báo ứng, cho đào một hố sâu hình chữ nhật tại chỗ ấy để chôn cái xương sắp trong một cái hộp bằng đá. Sau đấy, ông cho xây tháp *chedi* bao quanh có hành lang tu viện và một cầu thang không lồ. Bắt đầu từ đây, tháp trở nên nơi hành hương được ưa chọn của dân gian. Cứ xem lớp giấy vàng dày cộm dán lên thân tháp là hiểu được sự tôn trọng của những tín đồ lại đây cầu xin công đức, miễn tha tội lỗi và tiên đoán tương lai.

Từ Chiang Mai, khách đi xe hơi đến chân núi rồi có thể lấy tàu cáp hay leo 309 bậc thang để lên đến chùa. Những ngày lễ Phật, tín đồ chen nhau trên cầu thang để đạt đến một cây đa thiêng, dưới gốc có người bán hoa quả, đèn hương và những tờ giấy vàng. Muốn đạt đến cửa hành lang tháp, tín đồ phải đi ngang qua trước hai vị hộ pháp dữ tợn. Tín đồ bước lên vài bậc thang nữa là phải tháo giày ra, lại quỳ khấn trước tháp sau khi thắp hương đèn, đặt hoa quả lên bàn thờ. Những tờ giấy vàng, tín đồ có thể dán vào thân tháp, trên thân hình tượng con thú đúng với tuổi mình hay trên các thân Phật đặt trong bốn bàn thờ chân song ở bốn phương quanh tháp. Lễ xong, bây giờ tín đồ mới đi vào nhà khách *viharn*, bên trái cửa chính để chiêm ngưỡng bức tượng tuyệt đẹp đức Phật Phra Sri Suwanachdi tức là đức Phật tháp vàng. Ở đây, tín đồ cũng còn có thể khấn vái hay chuyện trò với vị tu sĩ đang rải nước phép ban phúc lành cho khách hành hương. Đối xứng với *viharn* này là một nhà khách *viharn* khác, nhỏ hơn là nơi tín đồ có thể xin xăm, một tục quán rất thịnh hành ở Á Đông. Sau đó, tín đồ tự do thông dong quanh hành lang để ngắm những tranh tường tương đối mới kể lại đời sống đức Phật và nhất là hàng tượng Phật phong cách Sukhothai và Chiang San.



Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến

Trong số những tượng Phật đã đi ngang qua Chiang Mai, có lẽ tượng Phật ngọc lục bảo là được nói đến nhiều nhất. Chuyện bắt đầu với vua Keu Na (1367-1387). Theo truyền thuyết, ông là nguyên do tháp **Chedi Luang**. Một hôm, một anh lái buôn từ Miến điện về, nằm ngủ dưới gốc cây đa. Ông thần cây đa, tức Keu Na, hiện vào báo mộng bảo anh ta phải lại gặp người con là vua Saen Muang Man đòi xây cho ông ta một cái tháp cao bằng đường bay con cu gáy, có thể thấy từ xa, như vậy ông sẽ được lên Thế giới Thần tiên Devaloka. Rủi cho ông ta, Saen Muang Man và sau này đưa con nối ngôi cũng chết sớm trước khi tháp được xây. Phải đợi đến vua Tiloka mới có tháp xây cao 85m và sau này một tượng Phật ngọc lục bảo được đưa vào thờ ở đây. Sự tích tượng Phật này cũng ly kỳ. Tương truyền năm 1434 tháp *chedi* chùa Wat Phra Kaeo ở Chiang Rai bị trúc đổ và rơi ra ngoài một tượng Phật bằng chất giả đá hoa sơn vàng. Sau đấy, tượng lại bị nứt và lần này hiện ra một viên đá màu lục trong suốt nên

người ta cho là ngọc lục bảo, thật ra là ngọc thạch, và đặt cho nó tên tượng Phra Kaeo Morakot. Vua Chiang Mai là Samfang Kaen muốn chiếm bức tượng, phái một đoàn voi đi thỉnh nhưng con voi mang tượng lầm đường hay cố ý không về Chiang Mai mà đi thẳng lên Lampang. Không muốn chống lại thiên mệnh, ông đành chịu để tượng ở Lampang. Tượng được thờ ở đây 34 năm. Năm 1468 vua Tiloka lại lấy đem về Chiang Mai, đặt trong tháp **Chedi Luang**. Năm 1551, vua Chiang Mai mất mà không có con trai. Ngôi vua được hiến cho hoàng tử Setthathirat, 15 tuổi, là cháu ngoại, con vua Lan Xang Phothisarath. Khi vua này chết, hoàng tử về nước nối ngôi (triều đại 1548-1571) và đem tượng về Luang Prabang. Theo một tài liệu khác, Setthathirat đã cho chạm một tượng Phật ngọc lục bảo theo mẫu tượng Khơ Me Phra Bang mà vua Fa Ngum đã đem từ Cao Mên về. Dù sao, năm 1562, bị vua Miến Điện Bayin Naung hăm dọa, Setthathirat rời bỏ Luang Prabang, dời triều về Vạn Tượng và mang tượng về đặt ở **Wat Phra Kaeo**. Năm 1778, tướng Chakri, sau này lên ngôi vua lấy hiệu Rama I, tức Phra Buddha Yodfa Chulaloke (1782-1809), chiếm đóng Vạn Tượng và lấy tượng đem về đặt trong **Wat Arun** ở Thunburi. Năm 1785 tượng được chuyển qua điện thờ hoàng cung **Wat Phra Kaeo** trong Đại Cung Wat Phra Si Ratana Satsadaram ở Bangkok, xây dựng ba năm trước nhân cuộc sáng lập kinh đô, trong mục đích phòng vệ vương quyền : tượng được xem như là biểu hiệu tôn giáo và tượng trưng cho triều đại Chakri. Năm 1856, vua Rama IV tức Mongkut (1851-1868) cho xây trước Thư viện Phra Mondop một nhà thờ để dời tượng qua đó vì chỗ cũ của nó dưới bộ Tam tạng không thích đáng, nhưng cuối cùng nhà thờ quá nhỏ để chứa nên tượng vẫn ở chỗ cũ cho đến ngày nay. Bề ngang 48cm, cao 60cm trong một toàn thể viên ngọc 75cm, trong tư thế đức Phật ngồi thiền, chân mặt đặt trên chân trái, tượng được tạc có lẽ vào thế kỷ 15, theo phong cách phái bắc Chiang Mai hay Chiang Saen : hình tượng Thái ít hình dung đức Phật trong tư thế này, trái lại tượng Phật ngọc lục bảo rất giống những tượng Phật ở Ấn Độ hay Tích Lan. Được đặt trong một lồng kính, trên một bệ vàng cao 11m, dưới một chiếc lọng vàng 9 tầng biểu tượng vương quyền vạn năng, tượng có ba bộ áo quần bằng vàng nam ngọc mà chỉ vua có quyền thay mặc tượng trong những buổi lễ tùy mùa : mùa hè áo mạ vàng nam kim cương, mùa đông áo giáp lưới vàng, mùa mưa áo bằng vàng trắng men xanh. Quanh chân tượng quây khăn những tín đồ gọi là mokhalas, ngón ngang những đồ cúng của những bậc vương tôn cũng như của quần chúng nhân dân lại chiêm ngưỡng. Để tỏ vẻ tôn kính như đối với những tượng thần khác, khách cấm không được chụp ảnh hình tượng.

Một tượng khác cũng di chuyển khá nhiều. Xuất xứ từ Tích Lan vào thế kỷ 2, tượng được đưa qua Xiêm cùng với một bộ Tam tạng vào thế kỷ 13. Khi ông hoàng Settathirat đem tượng Phật ngọc lục bảo về Lan Xang, ông cũng đem theo tượng Phật Tích Lan này. Nhờ những quân Xiêm trong quân đội Miến Điện, tượng được đem trở về Chiang Mai, thờ trong **Wat Phra Singh**. Tượng Phật ngọc lục bảo và tượng Phật Tích Lan được xem như là hình thức bản sắc Chiang Mai, đồng thời bảo lãnh sự tồn tại của bản sắc ấy, nhất là tượng Tích Lan hiện còn được thờ tại chỗ. Ngoài tiểu công nghệ được mở mang từ lâu, ngày nay Chiang Mai trở nên thịnh vượng nhờ du lịch. Song song, Chiang Mai cũng phát triển những công nghệ mới nhờ Thaksin Shinawatra. Đường sá từ đây được xây cất đủ mọi hướng, nối liền Chiang Mai với những tỉnh lân cận, góp phần nâng cao chất lượng du lịch. Nhân kỷ niệm 700 năm sáng lập, một dự án rộng lớn trùng tu, canh tân những đền, miếu, chùa chiền, di tích lịch sử càng làm cho Chiang Mai hấp dẫn hơn. Và Doi Su Thep từ đây cũng không bao giờ dập dùi giai nhân tài tử nhiều hơn.

(1997-2008) nhân Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2008

[[Trở Về](#)]



Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến



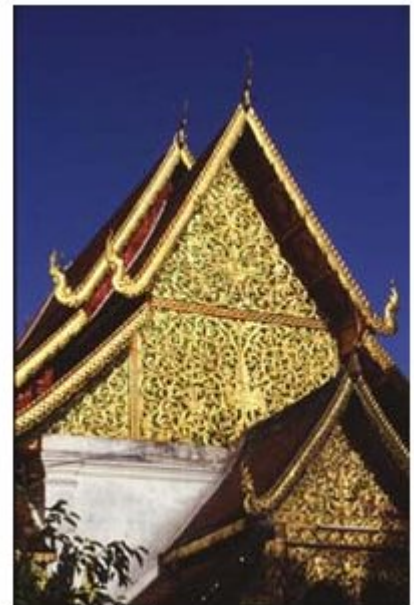
Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến

Cây anh đào của nữ mẫu

Nguyên tác : **Ubazakura**
của **Koizumi Yakumo** (1850-1904)
Người dịch : DTTM



Ba trăm năm trước, tại làng Asami trong quận Ōnsen ở xứ Iyô (1) có một người đàn ông tốt bụng tên là Tôkubê. Tôkubê là người giàu nhất vùng và là lý trưởng làng này. Tôkubê được vinh hoa phú quý đủ điều, chỉ hiếm một nỗi hiếm muộn, đã ngoại tứ tuần mà vẫn chưa sinh được mụn con nào. Buồn vì nỗi không con, Tôkubê cùng vợ thường hay đến cầu tự ở chùa Saihōji trong làng Asami thờ thần Fudō Myō Ō có tiếng rất linh thiêng.

Mãi rồi lời cầu xin của họ cũng động lòng thần thánh, vợ Tôkubê sinh hạ được một mụn con gái. Đứa bé gái rất đẹp xinh xắn đáng yêu, được đặt tên là Tsuyu. Vì người mẹ ít sữa nên họ bèn thuê một người vú em tên là Ô Sôđê để nuôi đứa bé.

Ô Tsuyu lớn lên thành một cô gái rất xinh đẹp, nhưng đến năm 15 tuổi bị bệnh rất nặng đến nỗi thầy thuốc cũng phải bó tay. Người vú là Ô Sôđê vẫn yêu thương Ô Tsuyu như con đẻ, bèn lên chùa Saihōji cầu khẩn. Ngày ngày Ô Sôđê lên chùa hết lòng khấn vái suốt hai mươi một ngày không thiếu một ngày nào. Ô Sôđê khấn đủ hai mươi một ngày thì Ô Tsuyu bỗng nhiên khỏi bệnh.

Mọi người ở nhà Tôkubê rất vui mừng. Tôkubê mời tất cả mọi chỗ quen biết đến mở tiệc ăn mừng thật linh đình. Thế nhưng vào buổi tối đang có tiệc mừng ấy, bà vú Ô Sôđê bỗng thấy hơi mệt trong người. Sáng ra Tôkubê cho mời ông lang y vẫn hay bắt mạch bốc thuốc cho Ô Sôđê đến, nào ngờ ông lang bảo rằng người bệnh sắp lâm chung.

Cả nhà Tôkubê hết sức buồn rầu, mọi người vây quanh giường Ô Sôđê để nhìn mặt lần cuối, nhưng Ô Sôđê nói với mọi người rằng

- Đã đến lúc này thì tôi cũng xin nói thật là tôi đã khẩn vái xin thần Fudô cho tôi được thể mạng cho Ô Tsuyu. Nay thần Fudô rất linh thiêng đã nghe lời cầu xin, cho tôi được toại nguyện. Vì vậy xin mọi người cũng đừng buồn rầu thương tiếc mà chi. Tôi chỉ có một điều xin mọi người giúp cho. Đó là tôi có khẩn với thần rằng nếu được toại nguyện thì tôi xin trồng trong cảnh chùa Saihoji một cây anh đào, để cúng dường tạ ơn thần. Nay tôi không thể nào tự mình trồng cây được. Xin hãy thay tôi làm tròn lời hứa ấy. Được chết thay cho Ô Tsuyu là tôi thỏa lòng sung sướng lắm rồi ..Xin vĩnh biệt ...

Làm lễ tang chôn cất Ô Sôđê xong xuôi, vợ chồng Tôkubê bèn cho người tìm một cây anh đào còn non đẹp nhất trong những cây anh đào mà họ có thể tìm được, đem trồng trong sân chùa Saihōji. Cây anh đào lớn dần, cành lá xum xuê. Sang năm sau, đến ngày giỗ Ô Sôđê, nhằm vào ngày mười sáu tháng hai, cây anh đào ấy nở hoa rất đẹp. Và rồi suốt hai trăm năm mươi bốn năm sau (2), năm nào cũng cứ đến sau đêm rằm tháng hai, cây anh đào ấy lại nở hoa. Đó là những cánh hoa màu trắng ứng hồng nhạt giống như đầu vú của người đàn bà. Người đời gọi đó là cây anh đào của nữ mẫu.

Tokyo, Mùa hoa anh đào 2/4/2008

Nguyên tác : **Ubazakura**
của **Koizumi Yakumo** (1850 - 1904)
Người dịch : **DTTM**



Chú thích:

(1) Xứ Iyô nay là tỉnh Êhimê ở miền tây nam Nhật Bản

(2) Truyện Ubazakura của **Koizumi Yakumo** (June 27, 1850-September 26, 1904), trong tập truyện Kwaidan do BOSTON AND NEW YORK HOUGHTON MIFFLIN COMPANY xuất bản năm 1904, được viết theo truyền thuyết về cây anh đào Ubazakura trong chùa Đại Bảo Tự (thờ Đức Phật Dược Sư Như Lai) ở thành phố Matsuyama tỉnh Êhimê. Cây anh đào này cao 5 mét, vòng ôm nơi gốc cây tới 2,8 mét, đã được đưa vào danh sách Di sản thiên nhiên của Nhật bản vào năm 1962.

Hoa anh đào ngày mười sáu

Nguyên tác : **JIU-ROKU-ZAKURA**

của **Koizumi Yakumo** (1850-1904)

Người dịch : **DTTM**



Ở quận Wake trong xứ Iyô có một cây anh đào cổ thụ được người đời gọi là " Cây anh đào ngày mười sáu ". Hàng năm cứ đến ngày mười sáu tháng giêng âm lịch là cây anh đào ấy nở hoa, và hoa chỉ nở một ngày hôm ấy rồi tàn ngay. Vì vậy thường thì phải đợi đến mùa xuân hoa anh đào mới nở, thế nhưng cây anh đào ấy lại nở hoa vào giữa mùa đông giá lạnh. Cây anh đào nở hoa vào ngày mười sáu chẳng phải cho đời hoa- hay ít nhất thì vốn không phải là như thế- mà vì linh hồn của một người đàn ông đã nhập vào cây.

Đó là một người vũ sĩ xứ Iyô. Cây anh đào này mọc trong vườn nhà người vũ sĩ ấy, và trước đây vẫn nở hoa như mọi cây anh đào khác (vào khoảng cuối tháng ba hay đầu tháng tư). Ngày bé người vũ sĩ ấy đã từng chơi đùa dưới gốc cây này, và trong hơn một trăm năm qua, tổ tiên ông bà cha mẹ vũ sĩ đã từng treo lên cành cây những mảnh giấy màu tươi đẹp ghi những câu thơ ngâm vịnh ca ngợi mùa hoa. Thế rồi nay đến lượt vũ sĩ già đi. Các con của vũ sĩ đều đã chết trước, vũ sĩ chẳng còn gì thương tiếc để lại đời này ngoài cây anh đào. Thế mà một mùa hè nọ, cây anh đào ấy bỗng héo úa dần.

Người vũ sĩ già hết lời than khóc thương cây. Láng giềng thân thiết bèn tìm lời an ủi, tìm cho ông cụ một cây anh đào còn non thật đẹp, đem trồng trong vườn cho ông. Ông cụ cảm tạ mọi người và tỏ vẻ vui mừng. Thế nhưng trong thâm tâm thì hết sức đau buồn. Vì ông thương yêu cây anh đào cổ thụ của mình nhất đời, không thể có cây anh đào nào khác thay thế được.

Thế rồi, một ý nghĩ nảy ra trong đầu ông cụ già. Ông đã nghĩ ra một cách không chừng cứu sống được cây anh đào cổ thụ đang chết héo lần hồi. Đó là vào ngày mười sáu tháng giêng.

Ông cụ một mình đi ra vườn, cúi lạy cây anh đào già cỗi đang héo tàn, rồi bảo cây :

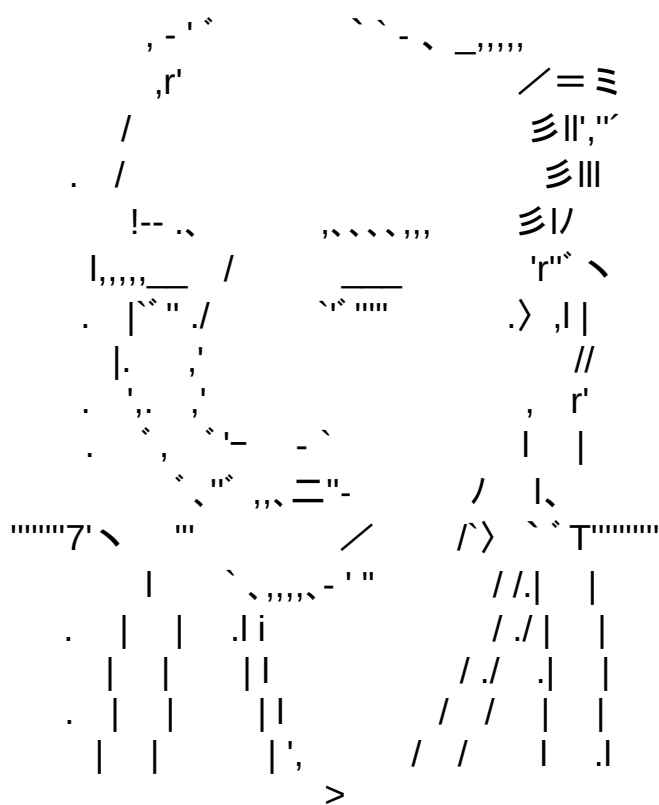
-Này, ta van mày, mày hãy nở cho ta xem một lần nữa đi. Ta sẽ chết thay cho mày.

(Là vì người ta tin rằng thần thánh có phép làm cho linh hồn của người có thể nhập vào người khác, các loài động vật, hay cả cây cối thực vật. Tiếng Nhật gọi là "migawari ni tatsu", hay có nghĩa là "thế mạng")

Đoạn ông cụ trải vải trắng và các thứ dưới gốc cây, rồi quỳ lên tám vải ấy mà mổ bụng tự sát (kirihara) theo cách của các vũ sĩ. Từ đó linh hồn của vũ sĩ đã nhập vào cây anh đào để làm

cho cây nở hoa vào cùng một lúc.

Và mãi cho đến ngày nay, cứ đến ngày mười sáu tháng giêng đang mùa tuyết rơi, cây anh đào ấy lại nở hoa .



Tokyo, Mùa hoa anh đào 2/4/2008

Nguyên tác : JIU-ROKU-ZAKURA
của **Koizumi Yakumo** (1850-1904)

Người dịch : **DTTM**

Mười lăm truyện ngắn trong lòng bàn tay

(Tenohira no shôsetsu)

Những nàng Mona Lisa cười nụ

Nguyên tác: Kawabata Yasunari (1899-1972)

Dịch: Nguyễn Nam Trân

Minh họa: Yorimitsu Takashi



KAWABATA Yasunari
(1899-1972)

Dẫn Nhập Của Người Dịch

Cái tên "truyện ngắn trong lòng bàn tay" đến từ tiếng Nhật "tenohira no shôsetsu" (chương tiểu thuyết) như cách gọi của hầu hết các nhà văn học sử. Đó là một thể loại tác phẩm văn học có đặc điểm là ngắn, ngắn đến nỗi có thể gói trọn trong lòng bàn tay. Thể loại này còn được nhà phê bình văn học Chiba Kameo (1878-1935), một người cổ vũ cho văn học đại chúng dưới thời Taishô (1912-26) gọi là "shôhen shôsetsu" (chương biên tiểu thuyết). Ngoài ra, nhà phê bình Hasegawa Izumi (sinh năm 1918), một người thân cận với Kawabata, đã chủ trương phải đọc là "tanagokoro shôsetsu" [1] tuy viết cùng ba chữ Hán "chương tiểu thuyết". Hasegawa kể lại mình vì thắc mắc nên đã hỏi ý kiến Kawabata và được chính nhà văn đồng ý về cách đọc này [2]. Khi dịch ra tiếng Việt, chúng tôi rất bối rối, không biết nên gọi "trong lòng bàn tay", "một gang tay" hay "trong gan bàn tay". Sau khi tham khảo cả lối hiểu của người Tây Phương (palm [3], paume), xin tạm giữ lối gọi "trong lòng bàn tay" cho giống mọi người. Có thể dịch là "truyện cực ngắn" nhưng làm như thế lại đánh mất cái tên rất gợi hình của nó.

Trước Kawabata và đồng thời với ông, đã có nhiều người viết những truyện rất ngắn từ một vài hàng đến mười hàng hay một hai trang. Tiêu biểu nhất - về độ ngắn mà thôi - từ xưa đã có những công án hay truyện thiền (Vô Môn Quan, Bích Nham Lục hay Sa Thạch Tập). Một

thoại của Vô Môn Quan (tác phẩm Trung Quốc đời Tống nhưng đã đến Nhật rất sớm, giữa thế kỷ 13) vốn vẹn có vài giòong (ví dụ thoại "Triệu Châu cầu tử" dài đúng có ba hàng). Những mẫu truyện của Natsume Sôseki (1867-1916) trong Yume Juuya (Mười Đêm Mộng Mị, 1908) tuy âm đậm và huyền bí hơn nhưng cũng rất ngắn, rất thơ, gần với tác phẩm đến sau của Kawabata. Thân thể đàn bà (Nyôtai) của Akutagawa Ryuunosuke (1892-1927) cũng ngắn gọn, thâm trầm. Một tác giả Mỹ đồng niên đại với Kawabata là E. Hemingway (1899-1961) đã để lại những truyện cực ngắn như Up to Michigan, thu được trong lòng bàn tay.

Tuy nhiên điều quan trọng cần nêu ra đây là hành trình đi vào "truyện ngắn trong lòng bàn tay" của Kawabata không phải là một hành trình đơn độc. Ông chỉ là một người trong nhóm bút trẻ của tờ Bungei Jidai (Văn Nghệ Thời Đại) đã cùng nhau đăng trong số báo tháng 2 năm Taishô 14 (1925) một loạt truyện cực ngắn chỉ có từ mười đến vài mươi giòong. Tên tuổi các cây bút trẻ cùng chí hướng đã thể nghiệm hay chú ý về mặt lý luận của loại tiểu thuyết cực ngắn thời đó nay còn được nhắc tới là hai người bạn của Kawabata: Yokomitsu Riichi (1898-1947) và Nakagawa Yoichi (1897-1994)... cũng như những người ít được biết đến hơn như Kon Tôkô, Okada Saburô, Takeno Fujinosuke, Suga Tadao, Kamiya Kiichi, Suzuki Ganjirô, Ishihama Kinsaku vv...Đặc biệt Nakagawa và Okada rất năng nổ trong việc khai triển và định hướng cho thể loại văn học này.

Tuy nhiên, Kawabata mới là người nổi bật hơn cả trong lãnh vực truyện ngắn trong lòng bàn tay. Ông sáng tác nhiều nhất và đã tạo một văn phong đặc biệt cho nó [4]. Ngày nay, khi nói đến thể loại văn học này, người ta hầu như chỉ biết có ông. Với ông, truyện ngắn trong lòng bàn tay không còn là một thứ phác thảo (croquis) mà nhà văn ghi lại để chuẩn bị cho một tác phẩm lớn sắp viết. Nó đã trở thành một thể loại văn học với những nét đặc thù. Có khi, ông còn ký thác cho nó một nhiệm vụ đặc biệt như khi thay vì khai triển, lại đúc kết một tiểu thuyết khá dài (Xứ tuyết, Yukiguni, 1935-47) thành một truyện ngắn trong lòng bàn tay (Ghi chép về xứ tuyết, Yukigunishô, 1972).

Có thể nói truyện ngắn trong lòng bàn tay của Kawabata đứng giữa biên giới của thơ, tùy bút, hồi ký và truyện ngắn. Nhiều khi ta thấy ông như người kể lại những gì xảy ra trong một giấc mơ. Thay vì làm thơ, ông lồng khung những bài thơ định viết trong tác phẩm văn xuôi. Thể loại văn chương này thích hợp với bản tính ông, một con người mơ mộng, tinh tế và nhạy cảm. Thêm vào đó, khuynh hướng mới duy tâm lý [5] trong văn học mà ông là một người chủ trương ở Nhật cũng phù hợp với lối hành văn và nội dung của các tác phẩm ấy.

Theo lời giải thích của Yoshimura Teiji [6] thì sở dĩ Kawabata viết loại truyện ngắn này là muốn "thể hiện cái hồn thơ nơi mình hồi còn trẻ" mà về sau ông có lần xem như là "một sai lầm" và nhiều khi "đâm ra tự ghét mình" (?). Không hiểu thái độ đó bắt nguồn từ một lý do thâm kín nào hay chẳng qua là một phản tỉnh về mặt kỹ thuật, nhưng các đứa con tinh thần của ông không vì những nhận định tiêu cực của người sinh thành ra nó mà kém được độc giả yêu chuộng.

Tuy nhiên phải nói rằng chỉ trong giai đoạn trước 1926, ông mới viết nhiều thể loại này (36 truyện), sau đó ít đi và có khi lại gián đoạn không viết nó trong một khoảng thời gian dài. Thời kỳ 1944-50 rồi 1960-64, ông có vẻ sung sức hơn so với các giai đoạn khác. Thời kỳ trước tương ứng với thời điểm sáng tác Tiếng trên ngàn (Yama no oto, 1954) và Ngàn cánh hạc (Senbazuru, 1952), thời kỳ sau là lúc ông viết Người đẹp ngủ say (Nemureru Bijô, 1961), Cổ đô (Koto, 1962) và Cánh tay (Kataude, 1965).

Hasegawa Izumi [7] thu thập được 147 truyện ngắn trong lòng bàn tay mà Kawabata đã cho đăng tải suốt thời gian từ 1921 đến 1972, nghĩa là trên nửa thế kỷ. Đầu tiên là truyện mang tên Dầu (Abura) đăng trên tạp chí Shinshichô tháng 7 năm 1921. Ghi chép về xứ tuyết (Yukiguni-shô), truyện ngắn trong lòng bàn tay cuối cùng đã đăng trên tạp chí Sunday ngày 13 tháng 8 năm 1972. Có thể Kawabata viết với một số lượng lớn hơn nữa nhưng không đem đăng, nhiều khi còn gạt bỏ những truyện đã đăng trên báo ra ngoài tuyển tập. Với 147 truyện trong lòng bàn tay, chắc Hasegawa là người thu lượm được nhiều nhất. Toàn tập 37 quyển của Kawabata do nhà xuất bản Shinchô Bunko ấn hành chỉ gom được 122 truyện và cho cả vào quyển thứ nhất. Cũng cần nói thêm rằng tuyển tập văn chương đầu tay của Kawabata được in ra đã là một tập truyện ngắn trong lòng bàn tay, nhan đề Điểm tô tình cảm (Kanjô sôshoku), gồm 36 truyện đăng trong Bungei Jidai số tháng 7 năm 1926.

Về mặt phân loại nội dung, nếu chúng ta đồng ý với Yoshimura Teiji [8] thì truyện ngắn trong lòng bàn tay của Kawabata [9] có thể chia ra thành nhiều chùm mang đặc điểm khác nhau:

1) Chùm truyện có tính cách tự thuật với những truyện liên quan đến hoàn cảnh mồ côi cha mẹ và cuộc sống bên cạnh người ông mù lòa như Hốt cốt (Hone hiroi, 1949), **Hướng nắng**[10] (Hinata, 1923), **Mẹ** (Haha, 1926), Hai mươi năm (Nijuunen, 1925) ...

2) Chùm truyện có tính cách tự thuật liên quan đến mối tình đầu như **Món đồ dễ vỡ** (Yowaki Utsuwa, 1924), Người con gái đi về phía lửa (Hi ni yuku kanojo, 1924), **Chiếc dù đi mưa**[11] (Amagasa, 1932), Cái cửa và sinh nở (Nokogiri to shussan, 1924), Cái hương của tác phẩm đầu tay (Shojosaku no tatari, 1927), Tấm ảnh [12] (Shashin, 1924)...

3) Chùm truyện lấy bối cảnh miền Izu thơ mộng với các bến cảng, suối nước nóng nơi đó có những nàng con gái tươi tắn, đầy sinh lực, biết vượt khó khăn trong cuộc sống. Ví dụ **Tóc** (Kami, 1924), Nàng o-Shin tâm bồ tát (O-Shin Jizô, 1925), **Bến cảng** (Minato, 1924), Chiếc giày mùa hạ (Natsu no Kutsu, 1926), Chiếc nhẫn (Yubiwa, 1924), Mùa đông gần kề (Fuyu chikashi, 1926), Kẻ trộm quả dâu lá bạc [13] (Gumi nusutto), Lời nguyện cầu của người trinh nữ (Shojo ni inori, 1926), Người đẹp trên lưng ngựa (Uma bijin), Kami imasu (Có ông trời, 1926), Đôi mắt mẹ [14] (Haha no me, 1928), Ghênh đá trơn trượt (Suberi iwa, 1925) Tòa lâu đài (Gyokudai, 1925), **Cám ơn** (Arigatô, 1925), Biển (Umi, 1925), Cô tiểu thư ở Suruga (Suruga reijô, 1927) ...

4) Chùm truyện với bối cảnh của xóm bình dân Asakusa nơi còn đọng cái duyên thâm của Edo lịch sử. Phần này tuy không nhiều nhưng có thể kể đến Xương ngôn viên người Nhật (Nihonjin anna, 1929), Con gà và cô đào hát (Tori to Odoriko, 1930), Oshiroi to gasolin (Phấn và dầu xăng), Ông chồng bị trối (Shibarareta Otto, 1930)...

5) Chùm truyện giống như những bức ảnh bắt chụp quang cảnh thời thời hậu chiến, nói đến những thể nghiệm tâm lý trong sinh hoạt bản thân và con đường đi về cõi người già như trong Người đàn ông không cười (Warawanu otoko, 1929), Con thuyền lá tre (Sasabune, 1950), Hoa mơ hồng (Kôbai, 1948), Quả trứng (Tamago, 1950)...

6) Chùm truyện mô tả thế giới huyền ảo của những giấc mơ. Chiếc xe tang (Reikyuusha, 1926), **Lũ cá vàng trên sân thượng** (Okujô no Kingyo, 1926), Chết chung vì tình (Shinjuu, 1926), Vượt qua cái chết (Fuji, 1963) là những ví dụ.

Mười lăm truyện sau đây trích dịch từ nguyên tác theo bản bỏ túi Tenohira no Shôsetsu do nhà xuất bản Shinchô Bunko thực hiện năm 1971, tái bản lần thứ 25 vào năm 1983. Tập này chỉ có 111 truyện. Nếu muốn dịch trọn vẹn 147 truyện, phải tìm thêm nguyên tác bên ngoài. Cách đánh số truyện dịch từ 1 đến 147 tuân theo thứ tự thời gian xếp đặt rất công phu bởi Hasegawa Izumi.

Nói về nghệ thuật viết đoản thiên, chúng ta biết ở phương tây có những tên tuổi lớn như Guy de Maupassant, Anton Tchekhov, thế nhưng theo Yoshimura Teiji [\[15\]](#), người đáng kể hơn cả trong lãnh vực truyện ngắn có tính cách tâm linh [\[16\]](#) hay tâm lý là L'Isle-Adam [\[17\]](#). Ông là một nhà văn Pháp thế kỷ 19, xuất thân quý tộc, sống phóng đãng, vượt khỏi thế tình, từng được các thi nhân từ Baudelaire, Mallarmé đến Verlaine kính nể. Chính ông mới là người đã để lại dấu ấn trong các tác phẩm của Mishima và nhất là chùm truyện ngắn trong lòng bàn tay của Kawabata. Điều đó có thể thấy được qua Tà dương (Rakujitsu, 1925) hay Tiếng chân con người (Ningen no ashioto), hai tác phẩm với âm hưởng của thơ siêu thực và là những tác phẩm sắc sảo, tươi mới, vạch được những gì mang ý nghĩa độc đáo, chưa ai khám phá ra nơi tâm hồn con người.

Xin thú thực là công việc dịch thuật từ nguyên tác đòi hỏi một khả năng ngôn ngữ cao mà bản thân người dịch chưa đạt được, không kể sự khó khăn khi muốn truyền đạt cái tinh tế trong lối hành văn ngắn, gọn, hàm súc của Kawabata. Chưa nói đến việc có người còn cho rằng những truyện ngắn trong lòng bàn tay của Kawabata tự chúng đã mơ hồ và bí ẩn như nụ cười của người đẹp Mona Lisa. Nó làm cho vai trò tham gia của độc giả trong việc thưởng thức tác phẩm của Kawabata rất đáng kể.

Vào Truyện

(4) HƯỚNG NẮNG (Hinata)



Mùa thu năm hăm tư tuổi, tôi gặp một người con gái [\[18\]](#) ở quán trọ ven biển. Thuở đó, hai đứa chỉ mới chớm yêu.

Đột nhiên cô gái ngẩng thẳng đầu, lấy vạt áo *kimono* đưa lên che khuôn mặt.

Nhắc thấy cử chỉ của nàng, tôi mới nghĩ ôi thôi mình lại để lộ thói quen khó thương đó ra rồi. Gương mặt đang ngượng nghịu của tôi lúc đó trông thật thảm hại.

-Chắc tại anh nhìn em chòng chọc?

-Ừ, cũng có đấy, nhưng đâu sao anh!

Tiếng nói của người con gái nghe êm ái. Cách cô trả lời cũng đáng yêu thành ra tôi cũng bớt ngượng.

-Có phiền gì em không hở?

-Không. Em nói với anh đâu có sao mà. Thật, không sao đâu anh!

Cô gái buông tay áo xuống, có vẻ như đang cố gắng phớt tỉnh để có thể tiếp nhận cái nhìn của tôi. Tôi bèn lảng tránh đôi mắt nàng và nhìn về hướng biển.

Từ lâu, tôi có thói quen nhìn chòng chọc vào người đối diện và thường làm cho họ phải bối rối. Thường thường tôi vẫn nghĩ mình phải sửa cái tánh đó đi nhưng lại đâm ra khổ sở vì như thế sẽ không còn dịp được nhìn chăm chú những người thân thuộc. Ngoài ra, mỗi khi nhận thấy mình đang giở cái thói xấu ấy ra thì cảm thấy tự chán ghét đến cùng cực.

Khi còn thơ ấu, mất cả cha lẫn mẹ và nhà cửa, phải sống nương dựa vào người khác, không biết có phải vì hay nhìn vào mặt họ để thăm dò thái độ hay không mà tôi đã trở thành như thế. Nhiều khi tôi cố tìm hiểu không biết tự bao giờ mình đã sinh tật đó, có phải từ lúc mình được đem gửi nuôi ở nhà người khác hay cả trước thời điểm ấy nữa, thực sự bây giờ tôi không còn nhớ gì cả.

Lúc đó, bãi cát ven biển mà tôi đang dựa mặt ngấm để khỏi phải nhìn đăm đăm vào mặt người con gái, đang tràn trề ánh nắng của một ngày thu. Hướng có nắng soi bất chợt làm sống lại trong tôi một kỷ niệm đã chôn vùi trong tâm khảm.

Từ khi cha mẹ qua đời, tôi sống thui thủi với người ông gần mười năm trời trong một ngôi nhà ở vùng quê. Ông tôi mù. Suốt thời gian đó, cụ vẫn ngồi cùng một chỗ trong cùng một căn phòng, trước cái lò than hồng giữa nhà, mặt nhìn về hướng đông. Đôi khi cụ ngúc ngắc và quay đầu về hướng nam nhưng không hề ngoảnh qua hướng bắc. Đôi lúc, nhận ra thói quen của cụ là chỉ nhìn về một bên thôi, tôi đâm ra hết sức thắc mắc. Nhiều khi ngồi suốt buổi trước mặt cụ, tôi cứ chòng chọc để xem có lần nào cụ day mặt về hướng bắc hay không. Thế nhưng ông tôi cứ mỗi năm phút lại quay một lần về bên tay phải như một anh người máy điều khiển bằng điện. Việc cụ chỉ quay mặt sang phía nam không những làm tôi hơi buồn và còn cảm thấy kỳ dị. Phía nam là hướng nắng soi. Tôi mới suy ra rằng phía nam là cái hướng duy nhất mà người mù có thể cảm thấy sự sáng sủa, dịu dàng và ấm áp.

Hôm nay nhìn ra biển, tôi mới nhớ ra câu chuyện liên quan tới hướng nắng tưởng đã quên từ lâu.

Hồi đó, khi mắt tôi vẫn không rời ông tôi, trong lòng vẫn thầm mong cụ quay đầu về hướng bắc cho. Bởi vì từ dạo cụ mù, nhiều khi tôi hay nhìn chòng chọc vào mặt cụ. Việc đó tạo cho tôi thói quen nhìn mặt người khác cùng một kiểu. Nhờ nhớ lại chuyện cũ, tôi mới hiểu ra. Cái

tật xấu đó đã bắt đầu từ thời còn sống một nhà với ông tôi. Nó không là dấu tích của sự hèn yếu của cái thời sống mà phải sẵn đón ý người. Tôi cảm thấy an tâm hơn và đâm ra thương cảm vì biết hoàn cảnh nào đã làm cho mình sinh ra chứng tật như thế. Nghĩ đến đó, lòng tôi như trào dâng một niềm vui hân hoan. Nhất là trong lúc này, vì tình cảm đối với cô gái, tôi muốn sửa soạn tấm lòng tôi sao cho thật trong sáng và đẹp đẽ.

Người con gái lại nói:

-Em quen tính anh rồi đó chứ. Nhưng em còn hơi mắc cỡ.

Nghe tiếng nàng nói, tôi hiểu như người trước mặt mình đang bảo bây giờ anh có quay lại nhìn thẳng em cũng được rồi. Chắc này giờ, nàng cứ nghĩ rằng cái nhìn của tôi là một cử chỉ xoi mói vụng về.

Tôi nhìn nàng với đôi mắt tươi sáng. Nàng hơi thẹn để hồng đôi má rồi ném về tôi một cái nhìn tinh nghịch. Thờng, nàng nói

-Mặt của em thì từ rày về sau, mỗi ngày mỗi đêm anh nhìn nó hoài, sẽ hết lạ lẫm thôi mà. Em không lo đâu!

Tôi cười. Có cảm tưởng như tình cảm giữa hai đứa mới đó đã gần bó thêm nhiều. Tôi bỗng thềm ra bãi cát ngoài kia để đón ánh nắng soi, đem theo cả kỷ niệm về ông tôi lẫn kỷ niệm về người con gái.

(Dịch xong ngày 17/05/2008)

(6) MÓN ĐỒ DỄ VỠ [19](Yowaki Utsuwa, 1924)

Ngã tư đường phố có tiệm bán đồ cổ ngoạn. Một pho tượng Quan Thế Âm bằng sứ được đặt đứng trên vệ đường bên cạnh tiệm. Chiều cao của nó cỡ cô bé mười hai tuổi. Mỗi khi một chuyến xe điện chạy qua, làn da lạnh lẽo trên thân tượng Quan Thế Âm cũng rung nhẹ cùng một nhịp với lớp kính gắn trên cánh cửa. Lần nào có dịp đi ngang trước tiệm, thần kinh tôi cũng căng thẳng đến đau nhói vì lo lắng không biết tượng sẽ đổ xuống khi nào. Và sau đây những gì tôi đã thấy trong một giấc mơ:

Thân hình của Quan Thế Âm nghiêng đứng ngay trước mặt tôi, như chực đổ. Cánh tay dài, đầy đặn và trắng muốt của pho tượng đang buông thõng chột dĩa dĩa vươn ra, vút lấy cổ tôi. Cái ròn rợn khi tiếp xúc với cánh tay của một vật vô tri vô giác đang hành động như vật sống, và cảm giác giá buốt khi men sứ chạm vào da thịt làm tôi chột nháy thụt lùi.

Pho tượng đổ xuống mặt đường vỡ tan tành, không gây một tiếng động.

Có người con gái đến nhặt những mảnh vỡ đó.

Nàng khép nép ngồi xuống, vội vã lượm hết những mảnh sứ vỡ lấp lánh bên vệ đường. Ngạc nhiên vì sự xuất hiện của nàng, tôi chực mở miệng mong tìm một lời nào để biện bạch thì lúc đó chột mở mắt thức dậy.

Từ lúc pho tượng Quan Thế Âm ngã xuống cho đến lúc ấy, mọi sự đã xảy ra như trong chớp mắt.

Tôi thử tìm cách đoán ý nghĩa giấc mộng này.

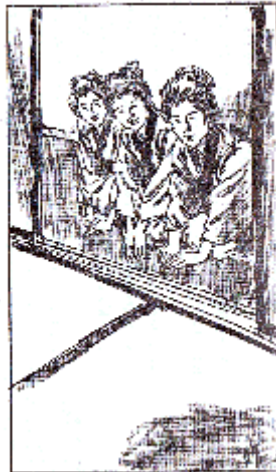
"Các ngươi hãy đối xử nhẹ nhàng với người vợ như thể họ là vật dễ vỡ". Câu nói trên thấy chép trong Kinh Thánh [20], lúc sau này hay ám ảnh tâm trí tôi. Mấy chữ "món đồ dễ vỡ" làm tôi liên tưởng đến pho tượng bằng sứ kia. Và "món đồ dễ vỡ" đó cũng lại là người con gái hiện ra trong giấc mơ nữa.

Những người con gái giống như món đồ rất dễ vỡ. Chỉ một việc yêu thương ai thôi, ở một ý nghĩa nào đó, đã làm các cô ấy ngã nhào. Tôi từng suy nghĩ như vậy.

Rồi bây giờ trong giấc mộng của tôi, chẳng phải tôi vừa thấy người con gái hỏi hỏi thu nhặt những mảnh vỡ rơi ra sau khi nàng ngã xuống đó sao?

(Dịch ngày 12/05/2008)

(12) TÓC (Kami, 1924)



Người con gái nghĩ mình phải đi bới tóc.

Câu chuyện xảy ra ở một thôn nhỏ nằm sâu trong hốc núi.

Cô đi đến nhà người thợ bới tóc và ngạc nhiên khi thấy các cô gái trong thôn đều tụ tập ở đây.

Đêm hôm đó, khi mớ tóc rẽ hai bên như quả đào coi không được đẹp của cô đã được bới lại gọn gàng, một trung đội lính ghé qua làng. Công sở trong thôn chỉ định cho họ tản ra các nhà dân để trú qua đêm. Nhà nào cũng được lính vào ở. Dân làng có dịp tiếp khách là chuyện hiếm hoi. Có lẽ vì thế, cô gái nào cũng muốn chải gỡ tóc tại.

Dĩ nhiên không có gì xảy ra giữa các cô và đám lính. Sáng hôm sau trung đội đã rời thôn, vượt qua bên kia rặng núi.

Thế nhưng cô thợ bới tóc đã mệt nhoài, cô thầm nghĩ trong vòng bốn ngày kể từ hôm nay chắc mình sẽ được rảnh rỗi. Buổi sáng, cảm thấy khỏe khoắn sau những giờ làm lụng mệt nhọc, cô đóng đưa trên chiếc xe ngựa, cũng theo chân đoàn lính, vượt qua núi đi gặp người đàn ông cô yêu.

Khi đến một thôn làng lớn hơn bên kia rặng núi, người thợ bói tóc ở đó nói với cô:

-Mình mừng quá. Gặp được bạn hôm nay thật đúng lúc. Phụ một tay với nghe!

Nơi đây, các cô gái làng cũng đã tụ tập để làm tóc.

Cô lại rẽ trái dào và bói tóc lên cho họ suốt ngày, mãi đến chiều tối mới đến được cái mỏ nhỏ khai thác bạc trong thôn nơi người yêu của cô đang làm việc. Nhìn thấy anh, cô nói ngay:

-Em nghĩ nếu cứ theo chân mấy ông lính hoài hoài, chắc em giàu to!

-Cứ bám theo chúng nó đi! Đừng có đùa! Thích ba thằng ka-ki mặt non choẹt đó hả? Bộ khùng sao?

Người đàn ông đưa tay đập vào đầu cô thợ bói tóc một cái.

Cả thân hình mệt mỏi rã rời của người con gái như đón lấy một tình cảm ngọt ngào làm mình đỡ dần, cô đưa mắt lườm anh ta.

Đoàn lính xuống núi hình như để hành quân. Tiếng kèn trong trẻo tràn đầy sinh lực vang vang trong bóng tối chiều thôn.

(Dịch ngày 12/05/2008)

(13) ĐÔI CHIM HOÀNG YẾN (Kanariya, 1924)

Thưa bà,

Tôi buộc lòng phải phá lời giao ước để một lần nữa gửi thư cho bà.

Đôi chim hoàng yến bà tặng hồi năm ngoái, tôi không có thể nuôi được nữa. Gần đây, tôi đã để cho vợ tôi một tay chăm sóc. Công việc duy nhất của tôi chỉ là đứng ngắm. Mỗi lần nhìn chúng, lòng tôi chạnh nhớ đến bà.

Bà có lần nói thế này, nhớ không?

-Anh là trai có vợ. Em là gái có chồng. Thôi mình chia tay nhau nhé! Phải chi anh chưa vợ! Đôi chim hoàng yến này, xin giữ lấy làm kỷ niệm về em. Này anh xem, chúng nó là một cặp vợ chồng đấy. Thật ra, một người buôn chim nào đã tự tiện bắt một con trống và một con mái ở đâu đó rồi đem nhốt chúng vào chung một lồng. Hai con hoàng yến làm sao hiểu chuyện. Dầu vậy, khi nhìn đôi chim này, hãy nhớ đến em nghe anh. Đem những con vật sống làm quà kỷ niệm, nghĩ cho cùng, cũng hơi ngược đời. Thế nhưng nhờ vậy mà kỷ niệm của hai đứa mình lúc nào cũng sống động. Đôi chim hoàng yến ngày nào đó sẽ chết đi thôi. Cũng vậy, kỷ niệm về mối tình hai đứa chúng mình đang giữ trong tim cũng sẽ chết như đôi chim. Lúc ngày đó đến, mình cứ để mặc cho nó chết, anh nhé!

Hai con hoàng yến này có vẻ sắp chết tới nơi. Bởi vì người nuôi chúng đã không còn nữa. Một anh họa sĩ nghèo lại biếng nhác như tôi không thể nuôi nổi đôi chim mảnh mai thế này. Tôi xin thưa thật: vợ tôi, người từ trước đến nay chăm sóc đôi chim, vừa qua đời. Đã mất vợ,

còn sắp mất cả đôi chim hoàng yến, trời ạ! Nhưng bà ơi, nghĩ mà xem! Có phải người đã giúp tôi gìn giữ được kỷ niệm của bà đối với tôi chính là vợ của tôi không?

Tôi đã nghĩ đến việc phóng sinh hai con hoàng yến. Thế nhưng tôi nhận thấy rằng từ khi vợ tôi mất đi, đôi chim nhỏ này yếu hẳn, xơ lông rũ cánh. Tệ hơn nữa, chúng chưa bao giờ biết khùng trời rộng. Ở trong khu rừng nhỏ gần chốn đô hội như nơi đây, chắc làm gì có lấy một con chim bạn để đôi vợ chồng chim có thể họp đàn bay theo. Nếu chúng bay mỗi con mỗi hướng thì trước sau gì, vì lẻ bạn, hai con sẽ lần lượt chết cả. Tuy bà có lần cho biết là một gã hàng bán chim nào đó đã bắt chim trống và chim mái mỗi con một nơi rồi tự tiện đem nhốt chúng vào một cái lồng chung đầy thối.

Nói thế chứ tôi không đành đem chúng bán cho cửa hàng buôn chim đâu. Bởi vì chúng là đôi chim tôi đã nhận từ bà. Tôi cũng không muốn đem chúng trả lại bà. Bởi vì chúng là đôi chim vợ tôi từng nuôi nấng. Hơn nữa, có lẽ làm như thế tôi lại quấy rầy bà vì có khi bà đâu còn nhớ gì đến chim hoàng yến này kia.

Tôi xin phép trình bày thêm lần nữa. Chính nhờ có vợ tôi mà đôi chim hoàng yến - và cũng là kỷ niệm về bà - sống sót đến ngày nay. Vì vậy, thưa bà, tôi muốn cho đôi chim được chết theo vợ tôi. Để tôi đỡ phải sống mãi trong kỷ niệm. Tại sao đến nay tôi vẫn được phép yêu một người như bà, nếu chẳng phải là nhờ tôi có một người vợ như vợ tôi ư? Vợ tôi là người đã giúp tôi quên hết những nỗi thống khổ trong cuộc sống hàng ngày và nàng đã cố ý không nhìn vào phần nửa cuộc đời khác của tôi. Nếu không có vợ tôi, thì khi đứng trước một người đàn bà như bà, tôi sẽ chỉ biết lảng đi chỗ khác hay không dám ngược nhìn.

Thưa bà, chắc bà cũng bằng lòng cho tôi giết đôi chim hoàng yến và đem chúng ra chôn ngoài mộ của vợ tôi, có phải không bà?

(Dịch ngày 18/05/2008)

(14) BẾN CẢNG (Minato, 1924)



Cảng này là một bến đỗ thật thú vị.

Có những người đàn bà chồng con đang hoang và các cô thiếu nữ đến quán trọ. Thế rồi lúc nào quán có khách, một nàng trong đám sẽ nán lại qua đêm. Từ lúc khách thức dậy buổi sáng

cho đến bữa cơm trưa hay đi khi tản bộ, lúc nào nàng ta cũng ở cạnh bên chàng. Trông họ không khác đôi vợ chồng mới cưới.

Thế mà khi khách rủ qua chơi ở một cái quán vùng bên nơi có suối nước nóng, nàng chỉ khẽ nghiêng đầu ra chiều bán khoán. Còn như khách đề nghị mượn nhà trên bến để ở thì, nếu là con gái chưa chồng, thường thường nàng sẽ vui vẻ nhận lời.

-Em bằng lòng làm vợ anh miễn là thời gian ăn ở với nhau không lâu. Độ nửa năm hoặc một năm là cùng.

Lúc khách vội vã đóng hành lý đón con thuyền tảng sáng để lên đường, người con gái phụ giúp chàng thu xếp, bảo:

-Này anh! Viết hộ em bức thư có được không?

-Thư hở ? Sao lại viết vào lúc này ?

-Vì bây giờ em đâu còn là vợ anh nữa! Cho nên có viết đã sao! Khi anh ở đây lúc nào em cũng chẳng ở bên anh là gì! Em chưa hề làm gì, nghĩ gì quấy cả. Thế nhưng giờ đây em đâu còn là vợ anh, phải không nào?

-Ừ nhỉ! Ra là thế!

Nói xong, khách thảo hộ nàng lá thư để gửi cho một người đàn ông. Hình như người đó từng sống chung với nàng khoảng nửa tháng trời trong quán trọ này.

-Liệu mai sau em có viết thư gửi cho anh không đấy? Vào một buổi sáng khi người đàn ông nào đó cũng sửa soạn lên đường như anh hôm nay. Lúc mà em không còn là vợ của anh ta nữa?

(Dịch ngày 11/05/2008)

(28) CÁM ƠN (Arigatô)

Năm nay hồng sai quả nên cảnh mùa thu trong núi thật đẹp.

Trên mỏm tí phía nam bán đảo, có một bến cảng.

Từ trên gác hai của căn nhà dành cho hành khách ngồi chờ, nơi mấy phong bánh kẹo rẻ tiền được bày thành hàng, có một người tài xế trong bộ quần áo màu vàng với cổ áo viền tím bước xuống. Bên ngoài là một chiếc xe đồ cỡ lớn chạy theo chuyển, cắm phấp phới một lá cờ hiệu cũng màu tím.

Bà mẹ của cô gái đứng dậy để bỏ mấy miếng bánh vào trong phong giấy, đóng lại thành gói, hướng về phía anh tài xế đang cột lại giày giầy cho thẳng thớm, nói:

-Hôm nay tới lượt chú em chạy hở? Được rồi! Chú Cám Ơn ời, nếu con nhỏ này được chú chở đi thì phước phần của nó lớn lắm. Điềm hên đó ghen!

Người tài xế nhìn cô gái trẻ đang đứng bên cạnh mẹ, không nói gì.

-Cứ kéo tới kéo lui thì bao giờ mới xong. Với lại mùa đông sắp đến nơi rồi. Đợi đến mùa đông mới gửi con nhỏ này đi thì tội nghiệp nó quá. Bề gì cũng phải ra đi thì lúc trời còn đẹp cho nó đi luôn. Tui dứt khoát kỳ này đi với nó đó chứ!

Người tài xế gật đầu nhưng vẫn không nói gì. Anh ta bước như lính bước về phía chiếc xe, sửa ghế đệm ở buồng lái lại cho ngay ngắn.

-Dì ơi, leo lên ngồi sát phía trước đi. Ngồi đằng trước, xe ít vòng hơn. Đi đường xa mà!

Bà mẹ đó định đem đưa con gái của mình đi bán cho người ta ở một làng có đường xe lửa cách đó hơn sáu mươi cây số [\[21\]](#) về hướng bắc.

Chao qua chao lại theo con đường núi, đưa con gái nhìn thẳng ra đằng trước, mắt bị chói vì những tia nắng chiếu qua bờ vai của anh tài xế. Bộ quần áo màu vàng in vào trong mắt nó như một thế giới đang dần dần mở rộng. Hai bên bờ vai anh ta, những quả núi đang xẻ đôi và chạy giạt lùi. Chiếc xe hơi phải vượt qua hai ngọn đèo cao.

Xe hơi đuổi kịp một chuyến xe khách do ngựa kéo. Xe ngựa bèn tấp lại bên vệ đường.

-Cám ơn!

Người tài xế cất giọng nghe rõ ràng, vừa nói vừa cúi đầu liên tục như con chim gõ kiến, rồi rít.

Chiếc xe ngựa chở gỗ súc đi ngược chiều. Xe ngựa tấp lại ven đường

-Cám ơn!

Gặp chiếc xe chở hàng.

-Cám ơn!

Chiếc xe kéo.

-Cám ơn!

Con ngựa.

-Cám ơn!

Trong vòng mười phút, dù đã vượt qua ba mươi chiếc xe, anh ta vẫn tiếp tục thừa gửi hàng hoàng. Làm như có chạy thật nhanh ba bốn trăm cây số, anh ta vẫn không hề thay đổi tư thế ngồi ngay ngắn. Thấy anh ta tự nhiên và đơn sơ như một thân cây tùng mọc thẳng đứng.

Ra khỏi bến cảng hồi ba giờ hơn, bây giờ mới giữa đường, chiếc xe đã phải bật đèn lên. Mỗi lần gặp một con ngựa, anh ta lại tắt đèn đằng trước cho nó khỏi chói. Lúc đó lại:

-Cám ơn!

-Cám ơn!

-Cám ơn!

Anh ta là người tài xế mà suốt đoạn đường mười lăm dặm được nhiều lời khen ngợi nhất trong đám ngựa, xe ngựa, xe hàng.

Khi bóng đêm trùm xuống quảng trường chỗ bến xe đậu trong làng, thân thể đứa con gái như chao đảo, nó cảm thấy hai chân bủn rủn. Ngơ ngẩn nắm lấy tay mẹ.

-Đợi tao cái coi!

Vừa dứt lời, bà mẹ đã vội chạy đuổi theo bác tài.

-Nè, con gái tui nó nói nó thương chú đó. Tui xin chú mà. Tôi chấp hai tay lạy chú đó. Bề gì kể từ ngày mai nó chỉ là đồ để mua vui cho những người không quen không biết. Thiệt mà. Máy cô con nhà tử tế ở xóm nào cũng chỉ cần leo lên xe chú một đoạn đường thôi đều thành như vậy hết.

Ngày hôm sau khi trời hừng sáng, người tài xế ra khỏi nhà trọ dựng sớ sài bằng gỗ và bước đi như lính, băng qua quảng trường. Hai mẹ con người đàn bà lúp xúp chạy theo sau. Từ trong nhà kho, chiếc xe đồ cỡ lớn sơn màu đỏ tiến ra, phấp phới lá cờ màu tím, đợi chuyển xe lửa đầu tiên trong ngày.

Đứa con gái lên xe đầu tiên, cọ xát hai môi mím vào nhau, tay vân vê lớp da màu đen bọc trên chỗ ngồi ở buồng lái. Người mẹ chập hai ống tay ngăn cái lạnh buổi sáng.

-Sao, tính sao đây? Lại đưa em này về, phải không? Hồi sáng, tui vừa bị con nhỏ khóc cho một trận, còn bị dì mắng nhiếc nữa.... Tui tử tế với nó thành ra sai lầm. Muốn tui đem em nó về cũng được, nhưng chỉ giữ giùm dì đến mùa xuân thôi. Từ giờ, trời trở lạnh, bắt nó phải đi thì quá sức tội nghiệp. Thôi để tui ráng cho một thời gian. Nhưng khi trời tốt trở lại, tôi không giữ nó thêm được đâu nghe!

Chuyến xe lửa đầu tiên thả xuống ba người khách cho chiếc xe đồ.

Anh tài xế sửa lại tấm nệm trên chỗ ngồi trong buồng lái cho thẳng thớm. Đứa con gái nhìn cái lưng ảm cúng trước mặt, mắt bị chói vì những tia nắng. Gió sớm mùa thu thổi lướt qua hai bên bờ vai anh tài.

Xe đuổi kịp chiếc xe ngựa kéo. Xe ngựa tấp vào bên đường.

-Cám ơn!

Gặp xe chở hàng.

-Cám ơn!

Con ngựa.

-Cám ơn!

-Cám ơn!

-Cám ơn!

Anh ta lòng tràn đầy sự biết ơn suốt sáu mươi cây số đồng ruộng núi rừng cho đến lúc trở về bến cảng nằm ở tí phía nam bán đảo.

Năm nay hồng lại sai quả, cảnh mùa thu trong núi trông thật đẹp.

(Dịch xong ngày 17/05/2008)

(33) MẸ (Haha, 1926)



I - Nhật Ký Người Chồng

Đêm nay tôi cưới vợ về,

Khi ôm nàng trong tay - tôi cảm thấy cái mềm mại đàn bà.

Mẹ tôi cũng từng là một người con gái.

Nước mắt đầm đìa, tôi ngỏ với người vợ mới,

Hãy trở thành một bà mẹ hiền nghe em!

Hãy trở thành một bà mẹ hiền nghe em!

Bởi vì anh chưa bao giờ biết mẹ của anh [\[22\]](#).

II- Khi người chồng lâm bệnh.

Trời âm đến độ chắc đã đủ cho chim én quay về. Từ bên sân nhà hàng xóm, những cánh hoa mộc lan rụng xuống, bay lướt đi như những con thuyền trắng. Bên trong cửa kính, người vợ đang dùng cồn lau thân thể chồng mình. Người chồng gầy guộc đến trơ xương sườn, trên những chỗ lõm đó, mồ hôi rịn ra khi ngủ đã đọng lại thành cái ghét.

-Anh trông giống như là...gì nhỉ, anh và căn bệnh của anh, cả hai như muốn chết chung vì tình!

-Dám lắm đó! Bệnh phổi mà em [23].Vi trùng nó đục hết vùng quanh tim, làm gì chẳng thấy thế.

-Phải rồi, vì trùng nó còn gần gũi với trái tim anh hơn cả em nữa. Khi anh vừa lâm bệnh, trước tiên em thấy anh trở nên vô cùng ích kỷ. Anh đã trêu người đóng bít cánh cửa mà em có thể đi qua để vào bên trong tìm đến với anh. Nếu như chân anh mà bước được, nhất định là anh đã xua em qua một bên và bỏ nhà ra đi rồi.

-Nếu đúng như vậy thì tại anh không muốn một cuộc gyven sinh vì tình tay ba trong đó có anh, em và lũ vi trùng.

-Nếu cả ba có phải chết chung cũng được. Em không muốn thờ ơ nhìn cảnh anh đang cùng căn bệnh của anh rủ nhau chết chung. Dầu ba anh đã lây bệnh cho má anh, anh không lây bệnh cho em đâu. Không nhất thiết là cha mẹ và con cái phải chịu chung một số phận, anh à!

-Đã đành như vậy. Mãi đến khi mắc bệnh, anh có bao giờ biết rằng căn bệnh phát ra nơi anh cũng là bệnh của cha mẹ anh đâu. Thế nhưng bây giờ thì rõ ràng anh cũng mắc cùng một bệnh.

-Đâu có sao. Anh cứ lây cho em đi, lây cũng được mà. Như vậy em không bị anh cho em không được gần gũi anh.

-Em nên nghĩ cho con chúng mình.

-Con, con thì sao...?

-Em không hiểu tâm trạng của anh gì hết. Má bên em hãy còn mạnh, sao em không chịu nghĩ cho bà.

-Anh sao cứ gánh hết thiệt thòi cho mình, lúc nào cũng cam chịu. Nếu anh nói như vậy, em hận lắm, muốn giết má luôn đó. Em muốn nuốt mấy con vi trùng. Để em nuốt, nuốt hết cho coi.

Người vợ vừa gào khóc, vừa phóng tới, nhắm đôi môi chồng. Người chồng chụp lấy cổ áo vợ mình.

-Cho em nuốt! Cho em nuốt mà!

Người chồng đem hết sức tàn của tám thân gầy trơ xương ghì lấy thân hình người vợ đang vùng vẫy chống trả. Bộ ngực trắng nõn đầy đặn phơi ra. Người chồng thổ một nhúm máu lên trên đôi vú no tròn đó rồi ngã lăn:

-Đ...., đ...., đừng để con bú sữa em, em nhé!

III- Khi người vợ lâm bệnh.

-Má ơi, má, má ơi!

-Má đây con. Má còn sống mà.

-Má!

Đứa bé lại chạy va vào cánh cửa phòng người bệnh. Thế là nó khóc òa.

-Chớ cho nó vào. Đừng cho con vào!

-Em sao mà lạnh nhạt !

Người vợ nhắm mắt lại như giận lẫy vì nói không ai nghe rồi thả đầu mình xuống mặt gối.

-Hồi xưa anh cũng như đứa nhỏ này, đâu được ai cho vào phòng bệnh thăm mẹ đâu. Cứ phải đứng ngoài cửa khóc hoài đó chứ!

-Số phận hai cha con giống nhau, hử anh!

-Số phận, số phận cái gì em. Anh có chết cũng van em đừng nhắc lại tiếng đó.

Anh ghét cay ghét đắng nó.

Ở một góc nhà, đứa bé đang khóc. Người đi tuần đêm đang đi qua, tay đánh mõ gõ để làm hiệu. Tiếng rao nghe như thể ai lấy thanh sắt đập chan chát vào lớp nước đá nhều xuống động trên cái máng tre.

-Anh đâu còn nhớ kỷ niệm gì về mẹ của anh nhỉ?

-Đúng rồi.

-Anh mới lên ba hồi má mất? [\[24\]](#)

-Ừ, anh mới có ba tuổi.

-Đứa bé này [\[25\]](#) cũng mới lên ba!

-Thế nhưng khi anh có tuổi hơn thì sẽ có lúc anh bất chợt nhớ ra khuôn mặt của mẹ anh không chừng.

-Nếu anh đã được dịp thấy mặt má lúc má mất thế nào có ngày anh cũng nhớ ra thôi.

-Không, em! Anh chỉ nhớ lúc mình va người phải cánh cửa buồng thôi. Nếu anh được tự do vào thăm bệnh mẹ thì ngược lại, nhất định bây giờ anh chưa chắc đã nhớ mãi may gì về mẹ anh đâu.

Người vợ sụp mí mắt xuống một hồi. Sau đó mới cất tiếng:

-Sinh giữa thời đại không còn lòng tin tôn giáo, chúng mình thật thiếu may mắn. Thời buổi này, đâu còn ai tin có kiếp sau!

-Em này, bây giờ đúng là thời đại mà người chết đi là kẻ bất hạnh nhất. Rồi một mai sẽ có một thời đại ngộ đạo [\[26\]](#), lúc mà người chết cũng tìm được hạnh phúc.

-Đúng như anh nói!

Rồi trong lòng người vợ hiện ra biết bao nhiêu là kỷ niệm về những lần mình cùng chồng mình đi du lịch phương xa. Nàng cảm thấy những phong cảnh xinh đẹp lần lượt chập chờn hiện ra trong đầu nhưng rồi như chợt tỉnh, nàng nắm lấy tay chồng, lặng lẽ nói:

-Này anh, em.....Được làm vợ anh, em rất hạnh phúc, anh ạ! Em không bao giờ oán hận vì mình bị lây bệnh đầu anh. Anh tin lời em chứ!

-Anh tin em mà.

-Nếu thế, khi nào con mình lớn lên, anh cũng dựng vợ gả chồng cho nó nghe anh!

-Anh hiểu ý em.

-Trước khi cưới em, anh đã đau khổ nhiều rồi, phải không? Chính anh cũng mắc phải cùng một chứng bệnh như cha mẹ mình, lại lây cả bệnh ấy cho vợ, sinh được đứa con cũng sợ nó mang bệnh ấy. Dù vậy, cuộc hôn nhân này đã đem lại hạnh phúc cho em. Thế là đủ. Do đó anh không cần phải bắt con mình ném sự đau khổ và buồn rầu vô ích vì khiến nó nghĩ rằng việc kết hôn đối với nó là điều không nên. Anh hãy để cho con vui hưởng cuộc sống vợ chồng. Đó là ý nguyện cuối cùng của em đó.

IV- Nhật ký của người chồng.

Đêm nay con gái tôi không ngủ,

Khi ôm nó trong tay - tôi cảm thấy cái mềm mại đàn bà.

Mẹ chúng ta cũng từng là một người con gái.

Nước mắt đầm đìa, tôi ngỏ với đứa con thơ,

Hãy trở thành một bà mẹ hiền nghe con!

Hãy trở thành một bà mẹ hiền nghe con!

Bởi vì cha con ta [\[27\]](#) chưa bao giờ biết về mẹ của mình.

(Dịch ngày 20/05/2008)

(34) LẬP TRƯỜNG NGƯỜI CON (Kodomo no tachiba, 1926)

Thật tình bà mẹ của anh chàng hơi chậm hiểu.

-Bác ơi, mẹ buộc cháu phải lập gia đình nhưng cháu đã hứa hôn với một người khác trước đó rồi.

Nếu Tazuko đem chuyện đó để hỏi ý kiến bà ta là bởi vì người yêu trong câu chuyện mà nàng đã hứa hôn trước không ai khác hơn là con trai của bà. Bà ta hình như cũng đã thấy giữa hai

nhân vật đó có cái gì trùng hợp với nhau. Thế mà bà cứ nói năng ào ào, làm ra vẻ như chuyện đó không dính dáng tới mình. Mà lại còn nói kiểu này nữa chứ:

-Chuyện như vậy có gì cháu phải bối rối. Dầu phải bỏ nhà ra đi, cháu cứ theo tiếng gọi của con tim mà cưới anh ấy đi. Bác lấy kinh nghiệm bản thân mà khuyên cháu đấy. Hồi xưa, bác cũng gặp cảnh giống như cháu bây giờ, bác vì lầm lẫn trong sự lựa chọn nên phải chịu khổ suốt ba mươi năm nay. Đời của bác từ đó mới ra nông nổi này.

Nghe nói như thế, Tazuko cứ đinh ninh một cách sai lầm rằng bà mẹ anh chàng đã đồng tình với mối tình của hai người và âm thầm đứng về phía họ. Đôi má nhuộm hồng, nàng tươi tắn hỏi:

-Nếu nói như vậy thì chắc bác cho phép anh Ichirô nhà bác được tự do trong việc kết hôn của anh, có phải không ạ?

-Dĩ nhiên là thế rồi!

Tazuko vui mừng, vui vẻ, phấn khởi trên đường về. Sau khi tình cờ nghe kể lại câu chuyện, anh chàng bèn chạy đuổi theo cô gái, viết một lá thư đề từ hôn. Anh ta bảo: "Em cứ nghe lời ép buộc của cha mẹ mà lấy chồng đi". Thế nhưng, có câu như sau thì ngay đến anh cũng chẳng dám viết ra:

(-Và xin em hãy sinh ra một đứa con được nuôi dạy đàng hoàng như anh)

(Dịch ngày 20/05/2008)

(46) LŨ CÁ VÀNG TRÊN SÂN THƯỢNG (Okujô no kingyo, 1926)

Bên gối chỗ đầu giường của Chiyoko có bày một tấm gương lớn.

Mỗi buổi tối khi nàng xỏ tóc ra và ép má lên mặt gối trắng, lúc nào cũng nằm lặng lẽ ngắm chiếc gương đó. Bao giờ cũng vậy, nàng thấy hiện ra trên mặt kính độ ba bốn chục con cá vàng với chiếc đầu hình sư tử, trông chúng giống như những đóa hoa giả màu đỏ đang trầm mình trong vại nước. Có những đêm vàng trắng cũng đến in bóng bên cạnh lũ cá vàng.

Thế nhưng vàng trắng không vượt qua khỏi khung cửa sổ để chiếu lên mặt kính. Thay vào đó, cái bóng trắng rơi vào bên trong bồn nước khu vườn trên sân thượng lại lọt được vào mắt Chiyoko. Tấm kính là một màn bạc huyền ảo. Vì để nhìn cảnh vật cho được rõ ràng, tinh thần nàng đã bị hao mòn như cây kim của một máy quay đĩa hát. Do đó, nàng không đủ sức để rời khỏi chiếc giường ngủ và càng ngày càng cần cỗi đi trong niềm u uất. Chỉ có mái tóc huyền xỏa trên mặt gối trắng vẫn còn sót lại như chứng cứ của một tuổi trẻ đầy sức sống.

Một đêm, có một con kiến sư tử [28] từ từ bò lên bờ thành tấm kiếng bằng gỗ đào hoa tâm [29]. Chiyoko bèn bật dậy, gõ thật mạnh vào cánh cửa buồng ngủ của cha nàng:

-Bố, bố, bố ơi bố!

Nàng đưa nắm tay trắng xanh ra nắm lấy cánh tay áo người cha, kéo nhau chạy lên khu vườn trên sân thượng. Một con cá vàng đầu sư tử, đang ngửa cái bụng chứa như chứa một vật gì quái lạ, nổi lềnh bềnh chết trong bồn nước.

-Bố ơi, con xin lỗi bố nhé! Bố tha cho con với! Ủa, bố không tha thứ con sao? Con có ngủ đâu. Con vẫn nằm gác chùng chùng nó đấy chứ

Người cha lặng thinh, đưa mắt nhìn quanh sáu cái bồn nước sắp bên nhau như những tấm áo quan dành cho người chết. Ông bắt đầu nuôi loại cá vàng đầu sư tử [30] này từ khi từ Bắc Kinh trở về nước.

Trong một khoảng thời gian dài, ông sống với một người vợ bé ở Bắc Kinh. Chiyoko là đứa con gái của bà ta.

Ông về Nhật năm Chiyoko mười sáu. Giữa mùa đông. Trong căn phòng kiểu Nhật cổ kính, ông đặt bừa bãi mấy cái bàn cái ghế đem từ Trung Quốc về. Cô chị cùng cha khác mẹ dựa lưng trên chiếc ghế. Chiyoko ngồi trên tấm chiếu trải trước mặt, ngược mắt lên nhìn chị.

-Chị sắp sửa về làm dâu nhà người ta nên không thành vấn đề chứ còn Chiyoko, nói cho mà biết, em thật ra không phải là con ruột của bố! Không biết từ đâu lạc tới đây lại bắt mẹ chị nuôi. Đừng bao giờ quên cái chuyện đó nghe.

Chiyoko kinh hoàng, gục đầu xuống thì bà chị đã đưa hai bàn chân đặt trên vai nàng. Cô ta đưa mu bàn chân nâng cằm Chiyoko để bắt nàng nhìn lên về phía mình. Nàng bụm chân chị và khóc. Trong khi nàng còn đang ôm như thế, bà chị đã lùa hai bàn chân của mình vào ngực áo kimono của em.

-Ôi chao! Ấm quá. Cởi hộ đôi tất rồi sưởi chân cho người ta đi!

Chiyoko vừa khóc, vừa cởi tất khỏi chân chị rồi đặt đôi chân lạnh lẽo lên hai bầu vú của mình và áp nó.

Sau đó ít lâu, ngôi nhà Nhật kiểu cổ đã được sửa chữa thành nhà lối Tây Phương. Người cha bày sáu cái bồn nước trong khu vườn trên sân thượng và nuôi cá vàng. Từ sáng đến chiều ông ta cứ leo lên ở mãi trên đó. Ông mời các nhà chuyên môn cá vàng từ khắp nơi trong nước đến, lại mang cá vàng đi dự triển lãm ở những chỗ thật xa hàng mấy trăm cây số.

Không biết từ dạo nào, công việc chăm sóc cá vàng đã chuyển qua tay Chiyoko. Những tháng ngày trôi qua trong buồn tẻ, cô không biết làm chuyện gì khác ngoài nằm ngấm ngấm nhá lưỡi cá vàng.

Mẹ của cô từ khi trở về Nhật và dọn nhà ra ở riêng thì cùng lúc, mắc phải chứng điên loạn. Đến khi tỉnh táo lại đôi chút, bà đâm ra hắc ám, không nói không rằng. Tuy những đường nét trên khuôn mặt vẫn còn đẹp không thua gì thời ở Bắc Kinh nhưng nước da đã xuống sắc thật nhanh, nó xám xịt trông dễ sợ.

Trong số những chàng trai trẻ đi lại quen biết với bố của Chiyoko, không thiếu gì anh đề ý và muốn thành người yêu của cô. Nhiều lúc, cô nói với họ:

-Bắt hộ em mấy con rận nước [31] đem tới đây. Để em cho cá vàng nó ăn!

-Thứ đó ở đâu có?

-Cứ kiếm chung quanh mấy cái rãnh cái đìa thì ra thôi.

Thế nhưng từng đêm cứ mãi chăm chú nhìn tấm kính, nàng cần cỗi đi trong u uất. Đã hai mươi sáu tuổi rồi.

Khi người cha chết, phong bì đựng tờ di chúc được mở ra xem. Trong đó ông bố ghi rằng Chiyoko không phải con mình.

Nàng đi về phòng và khóc. Khi nhìn vào tấm kính vẫn đặt bên gối bỗng thét lên và chạy bay về phía khu vườn trên sân thượng.

Nàng thấy mẹ nàng với khuôn mặt xám xịt - chẳng hiểu tự lúc nào và ở đâu tìm đến - đang đứng bên cạnh bồn cá. Má bà phồng lên, miệng đầy ắp những con cá vàng đầu sư tử. Một cái đuôi to còn treo lủng lẳng ngoài cửa miệng như chiếc lưỡi thè ra. Không biết rằng con gái đang nhìn mình, bà mẹ vẫn tiếp tục nhóp nhép nhai cá.

-Ôi, bố ơi!

Vừa kêu lên, Chiyoko vừa đánh vào người mẹ. Bà ta ngã xuống nền gạch hoa. Miệng vẫn ngậm đầy cá vàng và lăn ra chết.

Đến lúc này, Chiyoko mới hoàn toàn được giải phóng khỏi cha lẫn mẹ. Nàng đẹp đẽ tươi trẻ trở lại với phong độ xưa và bắt đầu hành trình vào một cuộc đời hạnh phúc.

(Dịch ngày 19/05/2008)

(47) MÓNG TAY BUỔI SÁNG (Asa no tsume, 1926)

Có cô gái nghèo mướn một căn gác hai tồi tàn để trọ. Và nàng chờ đợi ngày làm đám cưới với người yêu của mình. Thế nhưng cứ mỗi đêm lại có một người đàn ông khác nhau đến nhà nàng. Căn nhà âm u. không ánh nắng mai. Nàng thường đi đôi dép gỗ đàn ông đã cùn, ra giặt giũ ngoài sân sau.

Đêm đến, đàn ông người nào cũng như người nấy, đều nói y một câu:

-Trời đất, không có màn à?

-Xin lỗi. Thôi để em thức suốt đêm đuổi muỗi cho anh. Đừng trách em tội nghiệp.

Nàng ngượng ngập châm lửa vào thỏi hương vòng xua muỗi màu xanh. Sau khi đèn đuốc tắt ngấm, cô gái cứ ngồi ngắm đóm lửa bé li ti trên vòng hương và nhớ lại những ngày thơ ấu của mình. Thế rồi, cô không ngừng phát qua phát lại cánh quạt trên thân thể người đàn ông. Cô tiếp tục mơ màng thấy mình đang quạt.

Trời đã vào thu.

Khác với ngày thường, một ông già đã ghé qua căn gác trọ tồi tàn ấy.

-Không treo màn sao?

-Xin lỗi. Thôi để em thức suốt đêm đuổi muỗi cho ông. Đừng trách em tội nghiệp.

-Vậy à? Thôi chờ đây chút nghe!

Nói xong, ông ta đứng dậy. Cô gái sụp xuống van nài:

-Em sẽ đuổi muỗi đến sáng mai mà. Em không ngủ phút nào đâu!

-Biết rồi! Tôi đi một chốc về ngay.

Ông già bước xuống thang gác và đi mất. Vẫn chong đèn điện, cô gái đốt hương xua muỗi. Một mình ở chỗ quá sáng như thế này, cô không tài nào nhớ lại thời thơ ấu của mình.

Khoảng một giờ sau, ông già đã trở về. Cô gái bật người ngồi dậy.

-Này, hay quá, nhà cô có móc để treo!

Ông già treo hộ cô cái màn muỗi trắng mới tinh khô trong căn phòng nghèo nàn. Cô gái vào bên trong, nói chân màn cho rộng, vừa đi vừa sờ soạng để cảm thấy cái mát rượi của chiếc màn, lòng vui rộn ràng.

-Biết thế nào ông cũng trở lại nên em vẫn chong đèn chờ. Em muốn cứ để điện sáng trưng như thế mà ngắm cái màn trắng mới.

Thế nhưng vì mấy tháng rồi không bao giờ được tròn giấc cho nên cô lăn ra ngủ vùi ngay. Cô không biết cả chuyện ông già đã bỏ ra về từ buổi sáng.

-Này, này, này, em!

Tiếng anh chàng người yêu làm cô thức giấc.

-Rất cuộc mai này mình làm đám cưới được rồi đó em. Ôi dào, cái màn đâu mà đẹp quá. Nhìn nó thôi đủ thấy khoái.

Nói xong, anh ta gỡ cả cái màn ra khỏi móc. Rồi anh lôi cô gái từ trong màn ra, nâng cô cao và đem đặt giữa đỉnh màn.

-Em ngồi lên trên cái màn này đi. Bộ em không thấy giống như đóa hoa sen nở thật lớn sao? Nó làm cả căn phòng giờ đây trở thành thanh khiết cũng như... em vậy.

Khi da thịt chạm vào lớp vải tuyền mới trắng toát, cô thấy mình như một cô dâu mới.

-Thôi để em đi cắt móng chân.

Cô ngồi lên trên tấm màn trắng toát và ngây thơ cắt mấy cái móng chân dài vì đã bỏ quên từ lâu ngày [\[32\]](#).

(Dịch ngày 18/05/2008)

(53) HOA HUỆ (Yuri, 1927)



Thời Yuriko (Huệ) còn ở bậc tiểu học. Cô bé nghĩ thầm:

-Tôi nghiệp bạn Umeko (Mơ) quá đi mất. Viết thì dùng mẩu bút chì ngắn hơn ngón tay cái, lại còn phải đeo cái cặp sách cũ ông anh để lại.

Thế rồi, để làm giống y người bạn thân yêu nhất của mình, Yuriko lấy cái cưa nhỏ xiu đính theo con dao học trò, cưa cây bút chì dài thành nhiều khúc con con. Vì cô bé không có một ông anh nên khóc và nằng nặc đòi cha mẹ mua cho bằng được chiếc cặp sách con trai.

Đến khi lên trường nữ trung học. Cô bé lại nghĩ thầm:

-Bạn Matsuko (Tùng) xinh ơi là xinh. Dái tai với mấy ngón tay bị bỏng vì sương giá, màu cứ đỏ hồng, trông dễ thương ghê.

Thế rồi, để làm giống y người bạn thân yêu nhất của mình, cô dầm tay thật lâu trong nước lạnh chậu rửa mặt, thoa nước lên mang tai rồi cứ như thế đi đến trường trong cơn gió ban mai lạnh buốt.

Tốt nghiệp xong, cô đi lấy chồng. Khỏi phải nói, Yuriko yêu chồng đắm đuối. Thế rồi, muốn bắt chước cho giống cung cách con người mình yêu dấu nhất đời ấy, cô cắt tóc ngắn, cố tình đeo kính cận thị thật nặng, nuôi lông mép, bập bẹ ổng ểu như bọn thủy thủ, khi gọi chồng thì cứ "Ê! ê!". Cô đi đứng mạnh bạo và còn định xung phong vào lục quân. Điều ngạc nhiên là ông chồng không tán thành bất cứ điều gì cô thích làm. Ngay cả việc cô mặc quần lót dài kiểu đàn ông như chồng cũng bị quở trách. Mặt anh ta còn khó dăm dăm khi thấy cô bỏ dôi phần thoa son để không có gì khác mình. Vì lý do đó, tình yêu của Yuriko đối với chồng bị cản trở, cô mất hết tự do hành động. Như cây bị cắt mất búp non, nó dần dần héo úa. Cô nghĩ:

-Người đâu mà chán mớ ! Sao chồng mình lại không cho phép mình làm giống y như anh ấy nhỉ? Mình và người mình yêu sao phải cứ khác nhau? Buồn quá đi thôi!

Thế rồi Yuriko đâm ra yêu thượng đế. Nàng khấn nguyện:

-Thượng đế ơi, xin ngài cho con xem mặt. Hãy làm một điều gì để con được trông thấy ngài. Con muốn có hình ảnh giống như thượng đế con yêu. Con muốn làm y những việc ngài làm.

Tiếng của thượng đế từ thình không vọng xuống đồng dục:

-Người phải trở thành đóa hoa huệ như tên người vậy. Phải giống hoa huệ, vì hoa huệ không yêu ai riêng rẽ hết. Phải giống hoa huệ vì hoa huệ yêu tất cả mọi loài.

-Xin vâng!

Yuriko trả lời một cách đơn sơ, thành thực.

Và như thế, Yuriko biến thành một đóa hoa huệ.

(Dịch ngày 11/05/2008)

(100) CHIẾC DÙ ĐI MƯA[33](Amagasa, 1932)



Tuy không đến nỗi ướt nhưng trận mưa xuân giống như sương mù cứ làm cho da thịt âm ẩm dầm dấp. Thiếu nữ chạy ra đến mặt tiền mới nhắc thấy cái dù của cậu con trai.

-A, mưa ta ơi!

Thiếu niên bung chiếc dù đi mưa ra, không phải để che mưa nhưng để che sự lúng túng của mình khi đi ngang người con gái đang ngồi ở đầu cửa tiệm.

Tuy không nói một lời nhưng cậu ta lại chìa chiếc dù ra để che thân hình người con gái. Thiếu nữ chỉ nghiêng một bên vai vào bên trong chiếc dù. Thiếu niên không ghé sát lại phía thiếu nữ và tựa hồ bảo cô hãy vào luôn kéo ướt. Thiếu nữ cũng muốn đưa một bàn tay ra để cùng nhau nắm cán dù nhưng rốt cuộc cô mình như đang cố tình trốn khỏi vòm dù.

Hai người vào trong một hiệu chụp ảnh. Người cha của cậu con trai là công chức cao cấp, vừa được bổ nhiệm về một vùng xa. Đây là tấm ảnh kỷ niệm ngày chia tay của hai người.

-Mời cô cậu vào ngồi xuống đây cho tôi chụp.

Bác phó nhòm chỉ cái trường kỷ và bảo họ ngồi bên cạnh nhau nhưng cả hai đều không sao làm được. Thiếu niên ra đứng sau lưng thiếu nữ, và để tạo ra cảm tưởng thân thể của họ gần

gửi với nhau ở một điểm nào đó, bác ta bảo thiếu niên phải cho một ngón của bàn tay cậu đang nắm thành trường kỷ đụng phốt vào tấm áo khoác cô gái. Đây là lần đầu tiên bàn tay cậu chạm vào người con gái.

Từ đây suốt đời mỗi khi nhìn tấm ảnh này chắc mình sẽ nhớ mãi hơi ấm thân thể nàng!

-Cho chụp thêm tấm nữa nhé! Cảnh lúc hai người ngồi bên nhau, lấy nửa thân bên trên thật gần.

Thiếu niên chỉ biết gật đầu.

-Còn tóc em?

Cô gái se sẽ nói. Bất ngờ cô ngược lên nhìn anh con trai, hơi hồng đôi má, có một niềm vui tươi sáng long lanh trong ánh mắt. Như một đứa trẻ con, không biết e dè, cô ù ù té chạy vào trong phòng trang điểm.

Khi thiếu nữ ngồi ở đằng trước cửa tiệm, vừa thấy thiếu niên đi đến, cô đã vội vàng bước ra, quên mất là mình chưa sửa lại mái tóc. Đầu tóc của cô lúc đó hãy còn rối tinh như người vừa cởi cái mũ đi bơi, làm này giờ cô cứ mãi bận tâm về nó. Thế nhưng cô thuộc loại con gái ra trước mặt anh con trai là đã thẹn thùng còn nói chỉ dám làm bộ vén tóc bối lên và trang điểm. Còn cậu kia trong bụng cũng nghĩ nếu mình bảo cô ấy chải tóc đi thì khác nào cười vào mũi người ta.

Dáng điệu trẻ trung của cô bé khi chạy vào phòng trang điểm cũng làm cho thiếu niên vui lây. Sau khi đã tỏ ra vui tươi như vậy, như thể đang làm một hành động tự nhiên, họ ngồi ghé sát lại với nhau trên chiếc trường kỷ.

Khi sắp sửa bước ra khỏi hiệu ảnh, thiếu niên đi tìm chiếc dù. Bất ngờ nhìn ra, cậu mới biết cô bé đã đi ra trước và đang đứng ngoài mặt tiền, nắm chiếc dù trên tay. Khi thấy người con trai nhìn mình, cô mới để ý ra rằng mình đang cầm chiếc dù của người ta. Thế rồi, cô ngạc nhiên tự hỏi phải chăng trong lúc vô tình mình đã có một hành động cho cậu ta thấy mình như thể đã thuộc về cậu ấy rồi.

Thiếu niên không nói với cô nổi một câu như thôi, cứ cầm cây dù ấy đi. Mà thiếu nữ cũng không làm sao trả lại được cho thiếu niên cây dù ấy. Thế nhưng khác với lúc trên đường đi đến tiệm ảnh, trên đường về, cô cậu bất chợt đã trở thành hai người lớn, họ sóng đôi bên nhau như cặp vợ chồng.

Chuyện về cây dù đi mưa thật ra chỉ có chừng đó.

(Dịch ngày 18/05/2008)

(104) TRANG ĐIỂM (Kesô, 1932)

Cánh cửa phòng vệ sinh của nhà tôi ngó đầu mặt với căn buồng vệ sinh của nhà quán Yanaka [\[34\]](#).

Khoảng cách giữa hai khu nhà vệ sinh là một bãi đất trống dùng làm nơi đổ rác cho nhà quán. Người ta đem những bó hoa hay vòng hoa đi phúng dùng xong vứt ra đây.

Mùa thu, trong khu nghĩa địa của nhà quán, côn trùng đã kêu ran dù lúc đó mới khoảng giữa tháng chín. Như để cho họ xem một chuyện lạ, tôi quàng vai vợ tôi và dắt theo cô em vợ, đi qua khu hành lang hơi vắng lạnh. Lúc đó trời đã vào đêm. Đến cuối hành lang, khi vừa mở cánh cửa nhà vệ sinh thì mùi hương hoa cúc đã xông lên nức mũi. Hơi ngạc nhiên, hai chị em cô vợ tôi đến ghé mặt sát vào cửa sổ chỗ bồn rửa mặt. Cả một vùng bên ngoài cửa sổ ngập tràn một loại hoa cúc trắng đang độ nở. Có đến khoảng mười hai vòng hoa cúc trắng dựng thành hàng bên cạnh nhau. Đây là những vòng hoa còn lại sau buổi lễ tang hôm nay. Vợ tôi vươn tay ra làm như chọc ngắt một đóa, vừa bảo rằng cũng đến mấy năm nay nàng mới thấy người ta đem đến một lần nhiều hoa cúc đến thế. Tôi bật đèn điện lên. Dưới ánh đèn lấp lánh những tấm giấy màu bạc người ta dùng để bọc những vòng hoa ấy. Những khi làm việc qua đêm, đôi lúc tôi có dịp ngửi thấy mùi hoa cúc, khi vào nhà vệ sinh. Mỗi lần có dịp hít được mùi hương của hoa cúc, tôi có cảm tưởng cái mệt một đêm thức trắng của mình cũng tan biến cùng với làn hương. Cuối cùng, trong ánh nắng sớm hôm sau, màu trắng của hoa cúc càng trắng hơn, lớp giấy bạc lại bắt đầu ánh lên. Thế rồi trong lúc đang thỏa mãn nhu cầu, tôi chợt nhận ra có một con chim hoàng yến bắt chợt đậu lên trên một chòm cúc trắng. Chắc đây là một con chim vừa được phóng sinh, quá mệt mỏi nên quên mất đường về tiệm bán chim rồi.

Cái cảnh hoa bày như thế nói ra thì có vẻ đẹp đấy nhưng tôi còn thấy cả cảnh những đóa hoa dùng trong tang lễ dần dần úa nâu ở bên ngoài cửa sổ nhà vệ sinh. Nhằm đúng vào thời điểm đầu tháng ba khi đang viết những dòng chữ này, tôi được thấy một vòng hoa với những đóa hoa hồng và những cánh hoa chuông đang héo úa dần dần, và tôi có thể nhận xét hoa đã dần dần đổi màu như thế nào trong khoảng thời gian năm sáu hôm.

Thế nhưng chỉ theo dõi về hoa như loài thực vật thôi thì còn được.

Từ cánh cửa sổ của nhà quán nơi hành lễ, tôi còn phải nhìn thấy cả những đóa hoa biết nói. Phần lớn họ là đàn bà trẻ. Không biết tại sao, ít khi tôi thấy đàn ông ra vào nơi đó. Còn mấy bà lão, càng dùng lại thật lâu trong nhà vệ sinh của nhà quán và giở kính ra soi, họ càng bớt giống đàn bà. Các cô các bà trẻ hầu hết đứng lại ở đó một hồi và sửa soạn trang điểm. Khi thấy những người đàn bà mặc trang phục trang điểm trong nhà vệ sinh của nhà quán - như kẻ những nét son đậm lên môi - tôi thấy môi họ giống những đôi môi vừa liếm máu xác chết và sợ hãi đến co rúm cả người. Tất cả bọn họ đều trang điểm một cách bình thản. Có thể họ tin tưởng rằng không có ai thấy mình đang làm gì nhưng cái ý nghĩ tội lỗi đang len lút làm một cái gì xấu xa đã lộ ra trên con người họ.

Tôi không nghĩ rằng mình thích ngắm cảnh trang điểm ghê rợn như thế. Tuy nhiên vì hai cánh cửa sổ suốt năm cứ đầu mặt vào nhau, tất nhiên nhiều khi cũng có những sự trùng hợp không may xảy ra. Và mỗi lần, tôi lại phải vội vàng nhìn qua chỗ khác. Hình ảnh những người đàn bà thấy trong buồng vệ sinh của ngôi nhà quán lại hiện ra trong trí tôi mỗi lần có dịp chứng kiến những người đàn bà trang điểm ở đầu đường hay trong phòng khách. Điều này rõ ràng làm tôi bằng lòng. Tôi đã có lần nghĩ nên viết thư gửi cho những người đàn bà tôi yêu để nhắn với họ rằng dù có phải đi dự lễ tang ở nhà quán Yanaka thì nhớ chớ vào trong nhà vệ sinh. Lý do là tôi không muốn họ nhập bọn với những người con gái yêu ma.

Thế nhưng, đây là câu chuyện vừa xảy ra hôm qua.

Tôi thấy trong căn nhà vệ sinh của nhà quán, có một thiếu nữ tuổi độ mười bảy mười tám đang cầm chiếc khăn trắng chấm nước mắt. Hình như càng chấm bao nhiêu, nước mắt càng tuôn trào bấy nhiêu, không sao ngăn được. Hai vai rung lên, tiếng nấc nghẹn ngào. Hình như nàng không sao giữ được nỗi buồn đang dâng trào, và phải tựa người vào thành tường nhà vệ sinh để cho khỏi ngã. Không còn đủ sức để lau hai gò má, nàng để mặc cho giọt lệ chan hòa.

Không phải chỉ có một mình nàng là người lên đến đây trang điểm đâu. Chắc hẳn nàng chỉ lên đến đây để khóc đấy thôi.

Giữa khi tôi đang cảm thấy nhờ có trường hợp của nàng mà bao ý tưởng xấu tôi đã gắn chặt vào những nàng con gái tôi thấy từ cánh cửa sổ này dần dần được quét sạch đi, thì chính lúc đó, một điều tôi không hề dự đoán đã xảy ra! Nàng con gái rút ra một tấm kính bé, hướng về nó, thoáng nở một nụ cười rồi thoăn thoắt bước ra khỏi căn nhà vệ sinh. Tôi sửng sốt như vừa bị dội một gáo nước lạnh, thiếu điều định kêu lên thành tiếng.

Đối với tôi, đó là một nụ cười khó mà hiểu nổi.

(Dịch xong ngày 17/05/2008)

(118) QUÊ NHÀ (Sato, 1944)



Ngày Kinuko trở về nhà cha mẹ lần đầu, nàng hỏi tường chuyện xưa khi chị dâu nàng cũng về thăm quê chị ấy.

Người chị dâu sinh ra trong một thôn làng trên núi, nơi có lệ *dangogui* tức ăn cháo bánh trôi vào tối ngày bằm một tháng giêng. Đó là tập tục cho gọi những người con gái của làng đi lấy chồng xa về nhà, đãi họ ăn bánh trôi bột gạo ninh trong cháo đậu đỏ. Có thể là dấu vết của món cháo đậu đỏ *azukigayu* có tự ngày xưa.

-Trời đổ tuyết nhiều thế này mà cũng đi à?

Mẹ nàng vừa nhìn theo tiễn chân cô con dâu đang dịu đưa con trên lưng mà trong bụng không khỏi khó chịu.

-Chả biết có gì vui thú không! Chứ có con có cái rồi đó mà tâm tính vẫn như con nít không bằng..... Chị dâu mà không chịu làm quen với cuộc sống của cái gia đình này thì phiền lắm.

Kinuko trả lời:

-Má cứ nói! Mai mốt có đi lấy chồng thì con vẫn thương cái nhà mình chứ! Nếu con không thấy nhà mình có gì vui để mà về thì chắc má cũng đâm ra nhớ con, phải không má?

Vì chiến tranh, trong thôn vắng đàn ông, cô dâu của bà phải đi theo làm việc đồng áng với đội canh tác bằng sức ngựa [35] hết nơi này đến nơi khác. Phần Kinuko, đi lấy chồng ngoài tỉnh, tuy thân thể có đỡ cực nhọc nhưng nàng cũng buồn vì cảm thấy thiếu vắng một cái gì. Bây giờ khi mừng tượng hình ảnh người chị dâu đang bước thấp bước cao, gắng sức đi trên con đường núi tuyết rơi tằm tã cho chóng đến nhà cha mẹ, thì nàng có lúc như muốn cất tiếng cổ vũ "Gắng lên chị ơi!".

Thế rồi bốn năm sau, đến lượt Kinuko cũng về thăm quê. Tiếng bà chị dâu lục đục trong bếp làm nàng thức giấc. Nhìn vách núi lán sát vào bức tường trắng của nhà hàng xóm, nàng nhớ lại những kỷ niệm thời con gái. Nàng ra trước bàn thờ Phật, khấn với linh hồn người cha quá cố : "Con bây giờ có hạnh phúc rồi, ba!" và để nước mắt lặng lẽ đoanh tròn. Khi nàng đi gọi chồng dậy, thì chàng vẫn nằm trong chăn, đưa mắt nhìn quanh căn nhà cổ kính:

-A, má nó được về nhà cũ của mình rồi đây này!

Trước giờ ăn sáng, mẹ nàng đã gọt cho bao nhiêu là lê là táo, bà đẩy mâm ra đằng trước rồi nói với anh con rể ăn đã hết nổi:

-Anh xơi thật nhiều đi cho bổ những khi còn nhỏ!

Và mắng mấy đứa cháu hấu đói muốn ăn ngay. Anh chồng bây giờ đã đóng vai ông dượng, bị bọn ba đứa cháu vừa trai vừa gái vây quanh. Nhìn khung cảnh êm đềm đó, lòng Kinuko chột vui lạ lùng.

Mẹ Kinuko đã bế đứa bé con của cô qua phía trước nhà. Bà đang khoe cháu ngoại với xóm giềng:

-Con của Kinuko bây giờ bụ bẫm thế này đây! Ra đây mà xem nào!

Kinuko nhìn theo dáng của người chị dâu đang đi lấy bức thư của người chồng gửi từ chiến trường về cho nàng cùng xem. Bỗng nhiên nàng nhận ra mớ tuổi của người chị dâu và cái gánh nặng đè trên vai bà từ khi hoàn toàn trở thành một bộ phận của gia đình mình và nàng không khỏi giật mình.

(Dịch xong ngày 20/05/2008)

NƯỚC (Mizu, 1944)

Khi nàng từ trong nước qua lấy chồng thì chẳng bao lâu, anh chồng bị đày đi làm ở đài khí tượng trên ngọn Hưng An Lĩnh [36]. Điều cô vợ ngạc nhiên hơn cả là để có một bình xăng

đựng nước ngọt phải trả mất bảy *sen*. Nước vừa đục lại vừa bẩn. Khi nghĩ rằng phải dùng dùng nó để đánh răng, vo gạo, nàng thấy nghẹn ngào. Thế rồi trong chỉ trong vòng có nửa năm, vải trải giường cũng như quần áo lót đều ngả một màu vàng. Chưa hết đâu, năm đó, kể từ đầu tháng chạp, đáy giếng hình như cũng đông cứng. Có một anh phu không biết khuôn ở đâu về được những tảng nước đá. Mất nhiều thời giờ thật nhưng đôi khi nhờ tảng nước đá ấy mà có thể đun nước tắm. Giờ đây nàng không dám đòi hỏi cái gì xa xỉ hơn. Có gì sung sướng hơn là được nước nóng làm ấm lại cả thịt da hầu như đã tê dại. Bây giờ thì đã xa xôi quá rồi nhưng người vợ nhớ lại như trong một giấc mơ cảnh đi tắm lúc nàng còn ở quê nhà: trong tay cầm một chiếc khăn lau thật trắng, để cho bàn chân bàn tay thon thả của mình chìm trong làn nước nóng ngập tới bờ vai.

-Cô ơi, xin lỗi, có còn dư chút nước nào không, cho tôi một ít với!

Bà hàng xóm mang cái vại bằng đất nhỏ xíu đến nơi.

Lâu ngày mới có dịp chùi rửa nồi niêu nên tôi lỡ tay xài hết nước rồi.

Không còn tí nước thừa, nàng mới chia cho bà ta một ít nước trà vừa đun.

Bà láng giềng mới bảo:

-Mong sao cho trời sớm sang xuân để mà có nước giặt giũ tung tóe cho thỏa thích! Nội chuyện có miếng nước để mà tạt một cái cũng hả hê rồi.

Đó là ước mơ của một người đàn bà từng sống ở quê hương Nhật Bản, nơi mà lúc nào nước cũng trong vắt và tràn trề. Nàng nôn nao đợi đến lúc tuyết tan để có nước. Lúc đó có lẽ thích thật vì khi đem đổ nước trong bồn rửa mặt đi, thấy nó thấm thật nhanh vào lòng đất. Và từ chỗ đó, hoa bồ công anh sẽ đâm chồi mọc lên trước tiên.

Khi nàng mời người đàn bà láng giềng vào tắm thì chuyến xe lửa đi về miền bắc [37] cũng vừa đến từ dưới thung lũng. Đây là giờ tin tức để nghe tình hình chiến sự ở phương nam.

-Rộng quá thể!

Từ trong bồn tắm ấm áp, người đàn bà láng giềng cất tiếng. Thật vậy, từ đài khí tượng trên ngọn Hung An Lãnh, nơi chồng cô làm việc cho đến khung trời của biển nam [38] xa xôi. Nước Nhật bây giờ là thế đó [39].

Khi nàng bước ra khỏi khu cư trú cho gia đình công chức thì đợt sương mù len giữa cành lá của những cây tùng đã tản mát ra trông giống như những cánh anh đào đang rơi rụng. Người vợ trẻ ngẩng đầu nhìn lên bầu trời xanh ngắt, cái màu gợi nhớ mặt biển quê hương.

(Dịch ngày 20/05/2008)

HẾT

[1] - ta= âm cổ của te=tay; na=âm cổ của no= của. gokoro =âm đục của kokoro=lòng. Như thế tanagokoro nghĩa là "lòng bàn tay", cũng như tenohira hay tenoura.

[2] - Xem Khảo Luận về Kawabata (Kawabata Ronkô, 1991) của Hasegawa Izumi, Meiji Shôin xuất bản, trang 481.

[3] - Palm-of-the-hand Stories như Lane Dunlop và J. Martin Holman (Tuttle Publishing, Tokyo, 1988) đã dùng. Palm = the inner surface of the hand between the wrist and fingers. (Oxford)

[4] - Nhà phê bình Hasegawa Izumi dùng chữ "cổ kim độc bộ" (kokondoppo) để nhấn mạnh vai trò quan trọng của Kawabata trong việc phát triển thể loại văn chương này.

[5] - Khuynh hướng gọi là Shin-Shinri-ha (Neo- Psychologism) chịu ảnh hưởng của tâm phân học, chủ trương miêu tả và giải thích một cách chủ quan những vùng sâu kín trong tâm lý con người như bản năng, tiềm thức... Ở Anh có James Joyce, Virginia. Wolf, Pháp có Marcel Proust. Nhật có Itô Sei, Kawabata Yasunari, Yokomitsu Riichi và Hori Tatsuo (theo từ điển Kôjien). Những nhà văn học sử khác lại đặt Kawabata vào nhóm Shin-Kankaku-ha (Neo-sensualism) với Nakagawa Yoichi, Kataoka Teppei, Yokomitsu Riichi và những người chủ trương tạp chí Bungei Jidai. Dầu sao, hai phái nói trên đều chủ trương duy mỹ và vị nghệ thuật.

[6] - Xem lời bạt của ông trong Truyện Ngắn Trong Lòng Bàn Tay (Tenohira no Shôsetsu), Shinchô Bunko xuất bản, 1971, tái bản lần thứ 25 vào năm 1983, trang 485.

[7] - Xem sách đã dẫn, trang 486-498.

[8] - Xem sách đã dẫn, trang 497-498.

[9] - Nhiều truyện trước đây đã được các dịch giả Nhật Chiêu, Hoàng Long giới thiệu với độc giả Việt Nam.

[10] - In đậm là những chuyện được dịch lần này.

[11] - Sẽ dùng lại trong Lửa phương nam (Nanpô no hi).

[12] - Sẽ được làm sống lại trong Thủy tiên (Suisen). Xem bản dịch của Quỳnh Chi.

[13] - Tạm dịch từ chữ Gumi (Alaeagnus commutata = silverberry), một loại dâu lá bạc, cành nâu đỏ, thường thấy ở Bắc Mỹ.

[14] - Xem bản dịch của Quỳnh Chi.

[15] - Sách đã dẫn, trang 498-499.

[16] - Spritual, spriritualistic.

[17] - Auguste de Villiers de l'Isle-Adam (1838-1889).

[18] - Người con gái Kawabata nhắc đến ở đây là Itô Hatsuko tức nàng Chiyo, mối tình đầu khác phái của ông. Về mối tình đồng tính đầu tiên, ông có nhắc lại trong một tác phẩm khác.

[19] - J.Martin Holam dịch là Phái Yếu (The Weaker Vessel)

[20] - Người dịch chưa tìm ra nguồn của câu nói này.

[21] - Nguyên văn 15 ri (lý). Mỗi ri dài 3, 9273 km.

[22] - Đoàn thiên này mang tính cách tự truyện vì cha (1901), mẹ (1902) bà (1906) em gái (1909) và ông (1914) của Kawabata lần lượt qua đời cách nhau không lâu. Có thể cha mẹ của ông chết vì lây bệnh cho nhau.

[23] - Bệnh lao phổi là lưỡi liềm của tử thần khó tránh trong bối cảnh những năm trước thế chiến thứ hai.

[24] - Năm mẹ mất (1902), Kawabata mới lên ba vì ông sinh năm 1899..

[25] - J. Martin Holman (sách đã dẫn) dịch là một đứa con trai nhưng như thế thì không phù hợp với đoạn cuối của nguyên tác, nói rõ "đứa bé này" là một cô con gái (waga musume).

[26] - Tác giả dùng chữ chie (trí huệ, trí tuệ), xin dịch theo nghĩa ngộ đạo hay liễu ngộ của nhà Phật gần gũi với tâm tình người Nhật hơn là nghĩa trí tuệ (sophia) trong triết học Tây Phương.

[27] - Nguyên văn Ware, một chữ có thể hiểu theo số ít lẫn số nhiều.

[28] - Nguyên văn usubakagero: (ant-lion = kiến sư tử)

[29] - Nguyên văn: mahoganii (mahogany).

[30] - Nguyên văn ranchuu (lan trùng, lan chú) một giống cá vàng dị tướng, thân nhỏ, lưng tròn, không có vây, đầu đầy cục thịt trông như bướu.

[31] - Nguyên văn mijinko =daphnia, water-flea.

[32] - Ông già có phải là một ông tiên đã ghé qua căn gác trọ nghèo để cứu vớt nàng và hành động cắt móng chân cũng như là hành động "rửa chân" (ashiarai) nghĩa là từ bỏ quá khứ giang hồ để sống một cuộc đời mới?

[33] - Ngoài dù dùng để đội đi mưa, ở Nhật còn có dù đi nắng và dù dùng để chỉ trỏ.

[34] - Chính ra là một cỡ sờ dùng cả vào việc cử hành tang lễ chứ không riêng gì làm nơi quán xác chết..

[35] - Nguyên văn Ido Bakôtai, đoàn lưu động sử dụng sức ngựa để canh tác, một tổ chức trong thời chiến ở Nhật.

[36] - Tên một ngọn núi lớn ở Mãn Châu.

[37] - Nguyên văn kitaguni, vùng thảo nguyên lạnh lẽo miền bắc, ở đây chỉ miền bắc Mãn Châu..

[38] - Âm chỉ các đảo Nam Thái Bình Dương.

[\[39\]](#)- Tâm tình "ái quốc" tuy kín đáo nhưng quá nồng nhiệt của Kawabata vào thời điểm 1944.

Qua Trạm Fuda-No-Tsuji

(Fuda-No-Tsuji, 1963 [\[1\]](#))

Nguyên tác: Endô Shuusaku

Dịch: Nguyễn Nam Trân



Endô Shuusaku (1923-1996)
trong thư phòng ở Tamagawa-gakuen, tháng 12 năm 1970

Dẫn Nhập Của Người Dịch

Cùng với Yasuoka Shôtarô, Kojima Nobuo, Miura Shumon, Yoshiyuki Junnosuke... nhà văn Endô Shuusaku (Viễn Đăng, Chu Tác, 1923-1996) thuộc thế hệ thứ ba sau chiến tranh, bắt đầu có tên tuổi trên văn đàn từ giữa thập niên 1950 và là một trong những nhà văn Nhật Bản cận đại được Âu Mỹ chú ý nhiều nhất. Ông đoạt tất cả các giải thưởng văn chương lớn ở Nhật từ Akutagawa, Noma, Shinchô đến Tanizaki.

Sinh ra ở Tôkyô nhưng theo gia đình sang Đại Liên thuộc Mãn Châu, Endô Shuusaku chỉ về nước sống với mẹ và anh ở Kobe năm 1933 khi cha mẹ ly hôn, rồi chịu phép rửa tội theo đạo Công Giáo, tên thánh là Paul. Từ đó, tôn giáo trở thành một ám ảnh suốt đời ông, thường làm cho ông bị xâu xé bởi con người Nhật Bản truyền thống và con chiên ngoan đạo cùng ngụ trong bản thân. Năm 1945, ông vào học văn chương Pháp ở Đại Học Keiô, yêu thích F. Mauriac và G. Bernanos và các nhà văn công giáo đương thời. Giai đoạn này, ông đăng nhiều bài nghị luận trên tờ *Mita Bungaku* (Mita là địa danh khuôn viên trường Keiô, sau trở thành tên một trường phái văn học). Ông có sang Pháp du học ở Đại Học Lyon (về sau ông đề cập quãng đời này trong *Ryuugaku* "Du học" và các truyện ngắn khác), du lịch và hành hương nhiều nơi ở Âu Châu và Trung Đông. Đoạt giải Akutagawa với *Shiroi Hito* "Người trắng" (1955). Sau đó ông viết *Umi to dokusô* "Biển và rong độc" (1958) nói về những thí nghiệm sinh vật trên lính Mỹ bị Nhật bắt trong chiến tranh. Liên quan đến tín ngưỡng thì có những tác

phẩm quan trọng như *Chinmoku* " Lặng thinh " (1966), *Shikai no hotori* " Bên bờ Biển Chết " (1973), *Yesu no shôgai* " Đời chúa Giê-su " (1973), *Samurai* (1980) . *Chinmoku* nói về thái độ của một tín hữu trong thời cấm đạo, không biết phải tử đạo hay bội đạo để sống còn. Cuối đời, ông viết *Fukai Kawa* " Deep River " hay " Sông Sâu", một trầm tư có tính tôn giáo về sự chết. Ông còn có tác phẩm hài hước như tập tùy bút *Korian* (Hồ Ly Am) và các tập tiểu luận khác. Ngoài ra, Shuusaku được biết đến như là người của sân khấu và điện ảnh nữa .

Truyện ngắn *Fuda no Tsuji* (1963) dưới đây trích từ một trong ba tập thu thập các truyện ngắn của ông, của toàn tập gồm 15 quyển do Shinchô xuất bản. Nhân vật " Chuột Nhắt " trong tác phẩm này có cái gì gợi nhớ đến Á Q., Khổng Ất Kỷ của Lỗ Tấn hay Chí Phèo của Nam Cao. Thế nhưng kẻ bị vùi dập khinh khi như một loài sâu bọ đó lại có thể đem đến niềm hy vọng cho đồng loại qua một hành động cao cả và để vào phút cuối cùng của cuộc đời, " Chuột Nhắt " đã được nâng mặt làm người, khỏi phải mang cái tiếng " sống trong sự hèn nhát và khi chết được chôn chung một lỗ với sự hèn nhát ".

*

Vào Truyện

Mỗi lần leo lên xe điện đường trong thành phố Tôkyô, cứ y như rằng gã đàn ông ấy lại nhớ đến thiên tùy bút của Kafuu [2] đọc hồi còn sinh viên. Trong tác phẩm đó, Kafuu kể lại kinh nghiệm của mình khi vừa quan sát đám hành khách lên xuống chiếc xe điện già nua từ một trạm ven đường cho đến trạm cuối cùng, vừa thử tưởng tượng ra cuộc đời của từng người khách. Ngày nay, dù từ lâu gã đã chia tay với cái thế giới của sách vở, thế nhưng mỗi lần leo lên xe điện đường, không hiểu vì sao mẩu tùy bút ấy của nhà văn ấy bao giờ cũng hiện về trong trí nhớ.

Đó là buổi xế trưa một ngày thu, trời đang mưa. Ngả lưng trên chiếc ghế cứng nhắc của toa xe điện, gã đi về hướng Ginza, trung tâm thành phố.

Phải bao nhiêu năm rồi ấy nhỉ, gã mới đi họp hội đồng song để gặp lại mấy đứa bạn cùng lớp một thời đã quây quần bên nhau chung một dãy bàn. Thật tình mà nói, mặc bộ đồ tây nhàu nát và đi đôi giày tàn tạ như bây giờ ra trình diện chúng bạn là điều gã rất ngại ngùng nhưng hôm qua, khi một đứa trong bọn điện thoại đến sở làm, gã vì yếu lòng, đã lí nhí lên tiếng nhận lời có mặt mất rồi.

Toa xe hầm hập một cái mùi quặng đủ thứ, từ mùi ẩm ướt của những chiếc dù, mùi bùn tanh lẫn mùi mồ hôi người. Gã đàn ông vừa quan sát lũ người đi làm và đám học sinh trung học, những người giống như gã nghĩ là chả có gì đặc biệt, và tuy không học đòi bắt chước Kafuu, gã thử hình dung ra cuộc sống của bọn người này. Anh chàng trung niên đứng ngay trước mặt gã trong chiếc áo vét mà ông tay đã sờn kia biết đâu chẳng là một nhân viên chào hàng ngành bảo hiểm. Có thể anh ta đang sống trong căn nhà nhỏ ngoại ô, đi làm xong về đến nhà là đã phải ngồi đối mặt với bà vợ, cau có nhai miếng cơm chiều, xong bữa lại nằm lăn ra lẳng lẳng nghe ra-đi-ô. Gã có cảm tưởng những chi tiết một ngày sinh hoạt của người đàn ông trung niên này đang hiện ra trước mắt. Ngồi xế qua một bên là cô con gái mang cái băng quanh cần

cổ. Cô ta có lẽ mắc chứng viêm khí quản cho nên tận bây giờ mỗi ngày vẫn còn phải nhằn nại ngồi như con bò chân chì trong phòng đợi của một bệnh viện tối tăm nào đó.

Khi tưởng tượng ra những cảnh đời như vậy, đương nhiên gã đàn ông thực tình ngán ngẫm cho người trong cuộc. Gã có lần nhủ thầm: "Ôi chao, ngày ngày cứ sống như thế thì chán thật!" nhưng trong lúc này, mặc một bộ quần áo cũ nhàu nát trên đường đi dự buổi họp mặt bạn đồng song, gã mới thấy nhận xét kia như đang quay ngược lại để áp dụng cho trường hợp của mình.

Từ khung cửa sổ cầu bần của toa xe, phố xá hiện ra sau màn mưa. Cảnh tượng những con đường nhầy nhụa bùn đất được đào xới lên để xây đường cao tốc và những ngôi nhà bị đập vỡ, như đưa khu phố trở lại giữa thời chiến tranh. Trên hàng cột giằng thép dơ dáy, thấy dán đủ thứ loại quảng cáo từ *oden* [3] hiệu Kibun đến máy truyền hình Sanyo.

Một thanh niên mặc áo đi mưa bằng cao-su hợp chất đang sửa chữa chiếc xe tải ngừng lại bên vệ đường. Xưa giờ, gã đàn ông trên xe điện chúa ghét những ngôi nhà bần thiêu, những con đường bần thiêu và bầu trời mưa gió. Gã không thể nào nghĩ rằng có một vật gì nối kết mình với thế giới bên ngoài cho được.

- Fuda no Tsuji. Thưa quý khách, đã đến trạm Fuda no Tsuji.

Khi nghe cái giọng mệt mỏi của người soát vé vọng lên từ sau lưng đám hành khách, gã đàn ông này giờ hững hờ nhìn khung khách phố phường trải ra dưới màu trời đã về chiều, chỉ nhận ra có cái trạm xăng và vài bin-đỉnh nhỏ nhỏ với gò đất đen và lùm cây bao chung quanh chúng. Đằng sau gò đất là một khu chung cư hạng sang màu trắng, gã còn nhớ ngay trên khu mộ địa nhỏ bé nằm dưới chân nó, người ta có trồng một cây long não [4]. Dù chỉ trong một khoảnh khắc thôi, từ chiếc xe điện đường cũ kỹ, gã lại có dịp nhìn qua khung cửa sổ về hướng gò đất và khu mộ địa, nơi mà hai mươi một năm về trước, cũng một ngày mưa như thế này, gã đã có mặt ở đó .

*

Hôm ấy, gã đang đi quanh dưới chân gò với ông thầy dòng người ngoại quốc có biệt danh là "Chuột Nhắt" [5], cả hai đều run rẩy trong mưa lạnh. Thân hình gầy yếu như gập đôi, "Chuột Nhắt" đang cố gắng đi mà giống như là bò lên con đường ngập đầy cỏ gai. Ông ta vụng về thật, ngay cách cầm dù cho gọn cũng không rành. Cái khuôn mặt chuột nhắt bé choắt [6] chứng cứ của bản tính nhát nhúa, giống hệt hồn danh người ta đặt cho ông, lúc đó đã ướt nhẹp nước mưa.

- Đợi một chút coi, cái cha này ...!

Ra một góc giữa đám cỏ gai, gã đàn ông nấp nửa thân người sau chiếc dù đi mưa, trút hết tất cả những gì chất chứa đầy bụng đái tự nãy giờ, lén đưa mắt trông chừng ông thầy dòng. Hai ống chân gầy guộc xỏ trong cái quần đã dính đầy bùn, ông ta cứ hấp tấp đi tới trước, trông chẳng khác một con chuột nhắt.

- Anh Inoue ơi, xóm Kodenma nằm phía nào vậy?

Cuối cùng, khi đã đặt chân trên đầu mỏm đất, ông thầy dòng mới hỏi. Gã đàn ông nghe tiếng của ông ta lẫn vào trong tiếng mưa và những trận gió tối.

- Chắc là đầu đằng kia! Phía Nihonbashi đó!

Inoue trả lời một cách miễn cưỡng.

- Nhờ anh lên chỗ này xem hộ. Từ đây mình có thấy được nó không?

Nói cái gì vậy kia, gã đàn ông tắc lưỡi, mặt lộ vẻ bức mình dù chỉ vì một cái có không đáng, rồi men con đường mòn leo lên gò.

"Chuột Nhắt" là ông thầy dòng người ngoại quốc hiện giúp việc tại Đại Học G. [7] ở Yotsuya, nơi gã đàn ông theo học. Thầy dòng không phải là linh mục nên ông ta chỉ có quyền tham gia vào công việc trong trường hay chạy vặt cho nhà dòng.

Dĩ nhiên "Chuột Nhắt" không phải tên thật của ông ta. Nghe đồn tên thật của ông là Baflosky hay là Biflosky gì đấy, người Đức gốc Do Thái, một cái tên khó khăn, nếu muốn phát âm, thiếu điều rằng phải cắn nhầm lưỡi, nên bọn sinh viên trong trường này không bao giờ gọi đến. Lúc gã đàn ông, sau mấy lần thi nhập học các nơi khác không đỗ, tìm được cách vào ghi danh ở cái đại học nhà chung này, thì từ lâu bọn học trò đã tặng cho ông thầy dòng cái hỗn danh "Chuột Nhắt" kia rồi. Không chỉ riêng hình dáng bên ngoài, cả tính tình ông ta cũng có gì hèn yếu. Mỗi khi ông ta chường cái mặt chuột nhỏ choắt trắng trẻo ra chỗ cửa sổ văn phòng để trao cho ai cái thẻ sinh viên hay giấy chứng nhận đang theo học thì cái dáng điệu của ông họ thấy ông giống hệt con chuột nhắt nhúa đang thò đầu ra khỏi cửa hang mình.

"Chuột Nhắt" bị bọn học trò hiếp đáp như thế không chỉ vì cái tính sợ sệt của ông thôi đâu. Khi chiến tranh đến hồi khốc liệt, những người ngoại quốc sống trên đất Nhật, kể cả công dân của các quốc gia đồng minh như Đức, đều trở thành đối tượng của sự hiềm nghi. Đặc biệt một đại học do tổ chức tôn giáo như Hội Truyền Giáo Cơ Đốc đứng ra kinh doanh thì hình như luôn luôn bị cảnh sát và quân đội tìm đủ cách kiểm soát. Nhiều khi học sinh còn gặp cả mặt vụ [8] trong khuôn viên nhà trường đang theo dõi những hoạt động nhà chung. Trước khi gã đàn ông nhập học một năm, có xảy ra sự kiện đền thần đạo Yasukuni [9] và đã thành vấn đề. Các báo chí đều đăng tải chuyện các sinh viên có tín ngưỡng riêng đã từ chối lệnh của Bộ Giáo Dục bắt buộc mọi người phải đến đó lạy chào vào những ngày thiên hoàng ban chiếu chỉ.

Một năm sau khi biến cố ấy xảy ra, có một viên trung tá mới từ chiến trường ở miền bắc Trung Quốc trở về, được gửi đến Đại Học G. với tư cách ủy viên quân sự nhà trường.[10]

Những buổi sáng mùa đông, khí trời lạnh sắc như một sợi giây cung căng thẳng, đám sinh viên vẫn thấy viên sĩ quan cưỡi ngựa nhong nhong qua lại bên bờ hào Yotsuya. Đã mang trong người sự bức bối của anh chàng nhà quê lần đầu tiên thấy cảnh tỉnh thành, viên trung tá lại càng muốn phô trương sức mạnh của mình trong cái trường có quá nhiều linh mục ngoại quốc này. Dận trong đôi ủng đánh bóng kỹ lưỡng lên nước một màu đồng sáng loáng, trung tá thường cột ngựa lại trước cửa trường, rồi với cái mặt đỏ bao quanh bằng hàm râu quai nón, ông ta nghiêm nghị đón nhận những cái cúi chào của đám sinh viên. Bọn học trò đang hút thuốc hay đứng choán cả hành lang và trước lớp học, cứ mỗi lần nghe tiếng đôi ủng da cồm

cột tiến gần đều đưa mắt nhìn nhau thật nhanh, dụi điếu thuốc vút đi và chạy trốn vào trong lớp.

Không chỉ có bọn sinh viên khiếp sợ trung tá. Nhiều khi giữa giờ học, người ta vẫn nghe tiếng ủa ủa từ phía ngoài hành lang dần dần đến gần. Mấy vị linh mục giáo sư ngẩng đầu lên khỏi trang sách giáo khoa và tỏ ra khó chịu. Và khi tiếng cọt kẹt của đôi ủng da bước ngang qua rồi xa xa dần, các vị ấy vẫn ngóng tai theo, và một hôm, trong đám giáo sư ngoại quốc ấy có một vị thì thầm như nguyên rủa:

- Đồ mất dạy! [\[11\]](#)

Có một câu chuyện bây giờ vẫn làm gã đàn ông rùng mình. Đó là một ngày trời mây mù, nhằm lúc thiên hoàng hạ chiếu. Hôm đó, như qui định, cả đám học sinh đều tụ tập ở cái sân con trong trường để nghe một người đọc chiếu chỉ và cùng chào quốc kỳ. Lá cờ in hình mặt trời mọc màu úa nhạt treo ử rử dưới bầu trời nặng mây.

- Nghiêm chào!.....

- Tan hàng!

Khi hiệu lệnh ấy vừa được hô lên thì đột nhiên viên trung tá ngăn đám giáo chức đang lục đục chuẩn bị di động. Ông ta leo lên khán đài và trong một lúc lâu, ném những tia nhìn nghiêm khắc xuống đám sinh viên phía dưới. Tuy thấy dáng điệu ấy khôi hài giống như một đứa con nít đang muốn ra tay xem thử sức mình đến đâu nhưng chẳng một ai dám cất tiếng cười hay huýt sáo trước cảnh tượng đó.

- Này, chúng mày.....

Trung tá có cái tật là khi hăng tiết lên thường nói lắp.

-là một lũ khố...khốn nạn. Không chỉ chúng mày thôi....mà cả đại học, cả tụi ngoại quốc kia...cả bọn nhân viên đề....đều thôi nát hết!

Lúc đó, gã đàn ông có đưa mắt thử nhìn đám giáo chức đang đứng trên khán đài, người nào người nấy không căng thẳng thì cũng đực mặt ra. Trên bầu trời phủ đầy mây như mớ bông gòn cũ, có tiếng ỉ ầm như tiếng nổ của động cơ máy bay. Một trận gió lốc quét qua một góc sân trường cuốn lên rác rưởi vào trong đám bụi vàng. Thế nhưng mọi người đều nín thinh trước những lời tuyên bố hằn học, vô lễ.

Trong đám sinh viên cũng có kẻ từng xử sự y hệt lời lẽ của viên trung tá. Xử sự giống ông ta có nghĩa là trong quá khứ, họ cũng cố tình miệt thị và chống đối những linh mục giáo sư người ngoại quốc và các thầy dòng nhân viên nhà trường. Thế rồi, với cái bầu không khí như thế, khuôn mặt "chuột nhắt" của cái con người vẫn thập thò cái đầu bên cánh cửa sổ nhỏ để trao những thứ thẻ sinh viên hay giấy chứng minh tông học càng lúc càng chuyển sang màu tái mét vì sống trong khiếp sợ.

Giữa đám linh mục và thầy dòng người ngoại quốc thân hình to lớn, "Chuột Nhắt" thấp bé một cách đặc biệt. Ngay cả khi đem so sánh với đám sinh viên gầy nhom vì sống thiếu thốn trong hoàn cảnh chiến tranh thì cái khổ người đầu cổ tay chân, tất tất đều nhỏ bé của ông, vẫn

đập vào mắt người ta. Không những thân thể thấp bé mà nhân vì động tác và cách diễn tả của ông có phần nào giống Harold Lloyd [12], một danh hề ngày xưa, ông đã trở thành một cái đích để đám sinh viên thiếu suy nghĩ cười cợt. Chúng không ngừng kể đi kể lại cho nhau một loạt những mẩu chuyện chứng minh cái tính nhút nhát yếu đuối của ông ta.

Có thể đưa câu chuyện như sau để làm ví dụ. Mới năm ngoài thôi, một anh sinh viên lớ ngớ làm sao mà rơi từ lớp học trên lầu ba xuống đất. Hình như trong lúc đùa nghịch với bạn bè, anh tựa vào cánh cửa sổ lắp kính, chẳng ngờ khung cửa bị long ra. Khi anh ta đụng phải mặt đất, người chung quanh chạy bay đến nơi thì anh ta đã ngất rồi, tay và chân ghim đầy những miếng kính vỡ. Sau khi họ đem băng ca tới khiêng anh ta đi, đám học sinh có mặt tại chỗ mới nhận ra "Chuột Nhắt" mặt tái mét, đang tựa người vào cái cột giầy thép cho khỏi ngã. Hình như chỉ cần nhìn mặt mũi đầy thương tích và bết máu của nạn nhân là ông thầy dòng đã hoa cả mắt.

Thêm một vụ này nữa, do cậu con ông y sĩ nhà trường kể lại cho đám sinh viên. Số là cũng cách đây một năm, "Chuột Nhắt" mắc phải chứng viêm màng bụng rất nặng phải nhập viện. Ông thầy dòng của chúng ta không tin nhiệm thầy thuốc người Nhật, khóc lóc van xin cha bề trên gọi một ông bác sĩ ngoại quốc tới bằng được.

- Đừng để tôi chết. Tôi sợ chết lắm!

Người sốt cao, mồ hôi đổ như tắm, "Chuột Nhắt" chẳng chút hờ thẹn và bất chấp người khác đàm tiếu, cứ ỉ ôi kêu khóc với tất cả, từ mấy người y tá đến bọn sinh viên tới thăm. Bên giường bệnh "Chuột Nhắt" có chung tấm ảnh chụp mẹ và em gái mình. Trong phòng đầy một mùi hăng nồng như phó mát, mùi đặc biệt toát ra từ thân thể những người da trắng. Thế nhưng điều làm bọn sinh viên cười thích thú nhất là câu chuyện bộ phận sinh dục của "Chuột Nhắt" mà cậu con viên y sĩ trong trường kể lại đã trông thấy tận mắt. Cậu ta tiết lộ:

- Con cò thẳng chả.....chỉ bé bằng hạt đậu!

Không những thân thể bốc lên một mùi hăng nồng như phó mát, sợ chết đến nỗi kêu khóc như con nít, nay còn thêm cái tội có bộ phận sinh dục không lớn hơn hạt đậu! Câu chuyện này không những làm cho đám sinh viên cười cợt mà còn khiến chúng đâm ra khinh miệt ông thầy dòng ấy nữa. Huống chi trong giai đoạn có chiến tranh với dân da trắng nên lắm khi, bọn sinh viên bày nhiều trò dã man để đày đọa con chuột nhắt nhất nhúa đó.

Gã đàn ông được dịp tiếp xúc với "Chuột Nhắt" một buổi chiều ở vào thời điểm như thế.

Chiều hôm ấy, đã tan học rồi mà gã vẫn còn nấn ná lại trường nhưng không hẳn vì có công chuyện gì đặc biệt. Trong phòng học bụi bặm chẳng còn một bóng sinh viên, gã tựa cằm lơ đãng ngắm bầu trời đỏ bầm ở bên ngoài cùng mặt nước dưới hào và những mái nhà dân đang sẫm màu dần theo bóng chiều.

Giữa khi đang lơ đãng như thế bỗng gã nghe tiếng ủng da cồm cộp từ phía hành lang xa vọng tới. Lúc đầu gã không chú ý vì đâu ngờ lại có tiếng ủng da trong một giờ muộn màng như thế này, nhưng khi ý thức được tiếng động đó một cách rõ ràng thì, tựa một hành động phản xạ, gã vội chạy ra ngoài hành lang như muốn thoát khỏi căn phòng.

- Này, đứng lại cái coi. Sao chú mày vô phép không chào ta!

Gã luống cuống đứng nghiêm nghe ông ủy viên quân sự trách mắng cái tội thất lễ, hỏi tên hỏi tuổi xong còn ra lệnh cho hắn phải lập lại lời hiểu dụ trong chiếu chỉ thiên hoàng đã ban ra.

Gã đàn ông áp ứng. Gã quên mất mình đã được dặn dò trong những giờ tập huấn là phải luôn luôn thuộc nằm lòng những lời hiểu dụ này. Để chữa thẹn, hắn hơi phác một nụ cười nhẹ trên khuôn mặt và đây là điều lẽ ra hắn không nên làm.

- Đồ khi quân phạm thượng!

Gã lãnh ngay nguyên một quả đấm như búa bổ vào giữa mặt. Đưa tay trái lên để che mặt thì cánh tay ấy lại ăn thêm một quả khác. Và nếu như lúc đó cái người mang tên "Chuột Nhắt" kia không tình cờ bước vào phòng thì gã còn được thưởng thêm mấy đấm nữa.

"Chuột Nhắt" bước vào đây không phải với chủ tâm giải cứu gã. Chẳng qua đôi khi có dịp mở cửa văn phòng nằm ở cuối hành lang, đưa cái mặt hề Harold Lloyd nhìn vào mà thôi. Ông thầy dòng cứ đứng khựng như chôn chân, đôi mắt sọc sọc chăm chăm nhìn một dòng máu mỏng như tơ rịn xuống từ má gã đàn ông và cái khuôn mặt đỏ thẫm của viên trung tá.

Nếu vào một dịp khác, người sĩ quan ủy viên quân sự hắn đã bỏ đi rồi nhưng hiện giờ thì cặp mắt của ông ta chạm phải đôi mắt kinh ngạc của thầy dòng đang nhìn mình. Có lẽ chỉ cần đối tượng trước mắt là một người da trắng là đủ làm bùng nổ cái mặc cảm cố hữu đặc biệt của người Nhật nơi ông. La hét hai ba tiếng gì đó mà không ai hiểu muốn nói gì, ông ta đưa tay chụp mạnh người thầy dòng mang tên "Chuột Nhắt" và đẩy dúi ra ngoài hành lang.

- Cá...cái giáo dục của bọn mày cũng như của cái trường này sai lầm từ căn bản, biết chưa?

Sau khi tiếng ủa của trung tá xa dần, gã đàn ông lấy tay đưa lên chùi máu trên mép và nhổ nước bọt ra ngoài cửa sổ. Nhổ xong, gã quay đầu nhìn lại thì ở một góc hành lang bây giờ đã tối đen, "Chuột Nhắt" vẫn đứng như trời trồng ở đó. Đưa mắt lảng đi chỗ khác, gã đàn ông bước ra ngoài.

Với cái không khí căng thẳng như thế, trong đám các linh mục ngoại quốc và nhân viên nhà trường, cũng có kẻ cố gắng muốn làm một cái gì để giữ cho truyền thống của học đường được tiếp tục. Chẳng hạn một tháng một lần, các sinh viên khoa sử đứng ra chủ trì những cuộc họp của Nhóm Nghiên Cứu Ki Tô Giáo, tổ chức trong một căn phòng đọc sách nhỏ của thư viện nhà trường. Việc này có thể xem như là một hành động đề kháng âm thầm đối với bầu không khí thời ấy.

Tuy gã đàn ông hoàn toàn không có hứng thú gì đối với đạo Ki-Tô nhưng vì muốn thoát ra khỏi cái bầu không khí sát phạt nặng nề để được dễ thở đôi chút nên cũng có đến họp với nhóm, được đâu một lần. Hôm đó, ông giáo sư trẻ tuổi người Nhật của khoa sử đang nói chuyên về một di tích đạo Ki-Tô ở Tôkyô. Gã đứng lơ đãng đằng sau một nhóm sinh viên có đến khoảng ba mươi người và dĩ nhiên nội dung ông giáo phát biểu chẳng có gì lôi cuốn gã. Không những thế, khi nhìn đám sinh viên đang chăm chú ghi ghi chép chép vào tập vở và mấy linh mục ngoại quốc tóc bạc nghiêm trang ngồi nghe, gã còn cảm thấy hơi hận không hiểu tại sao đã dẫn xác đến cái chỗ không ăn nhập gì với mình để làm gì.

Chuyện ông giáo kể hẳn không hiểu rõ cho lắm nhưng hình như ở cái nơi gọi là Fuda no Tsuji [13] mà ông ta nhắc tới, dưới thời Tướng Quân Iemitsu [14], đã xảy ra cuộc hành hình năm mươi người tín đồ đạo Ki-Tô.

Năm Genna thứ năm (1619) [15], quan binh đi tróc nã nhận được tin mật báo có những tín đồ Thiên Chúa đang ẩn nấp trong thành Edo, bèn tìm bắt và tống tất cả bọn vào nhà ngục ở xóm Kodenma [16]. Hai tháng sau, những người bị giam giữ này, kể cả hai linh mục ngoại quốc, bị bắt trói dẫn từ Muromachi qua các xóm Kyôbashi, Hamamatsuchô, Mita [17], rồi lôi ra bãi hành hình ở Fuda no Tsuji. Ở đó, họ bị cột vào năm mươi cái cọc để đợi thiêu sống.

Gã đàn ông bây giờ vẫn nhớ lõm bõm vài chi tiết của câu chuyện đó. Một trong những điều được kể lại là đời sống trong tù thời ấy mà ông giáo sư trẻ đã đọc cho nghe, trích dẫn từ văn kiện cũ do một nhân chứng đương thời, tu sĩ San Francesco.

Hồi đó, nhà ngục Kodenma chia làm bốn khu. Trần thì thấp, người ta chỉ đục thông mỗi cái lỗ đủ cho cái đĩa đưa cơm nên hầu như không có lấy một chút ánh sáng. Khi vừa đến trước cửa ngục thì ngoại trừ manh khó dưới hạ bộ, tín đồ đã bị tước đoạt tất cả từ quần áo, đồ vật tùy thân cho đến râu chuối mân côi [18] để cầu kinh mà họ trân trọng còn hơn bản mệnh. Và bọn ngục lại cứ như thế xô đẩy và tống tất cả vào bên trong.

Căn nhà lao hẹp và tối như hủ nút, ở đó lũ tù nhân đều ngồi hay quì như chồng chất bên nhau. Khi những người tín đồ vừa mới đặt chân vào chưa yên chỗ thì họ đã va phải những cái thân hình ốm yếu xương xẩu ấy. Cùng lúc, một cái mùi thối tha khủng khiếp bốc lên mũi họ.

Mỗi căn phòng trong nhà lao chiều sâu chỉ có khoảng mười mét, bề rộng không hơn bốn mét, tù nhân bị bắt phải ngồi dàn ra thành ba hàng. Tù hàng thứ nhất và hàng thứ ba đầu mặt nhìn nhau trong khi hàng thứ hai ngồi xen kẽ ở giữa. Dù ngồi hay quì, họ đang ở trong tình cảnh bị nén lại gần như cơm nắm cá, chẳng cách chi đứng lên được. Tay chân cũng không tài nào duỗi ra. Chảy rịn mặc tình bò qua bò lại trên thân người tù bây giờ chỉ quần độc mỗi manh khó.

Vì thân hình không cử động được nên tù nhân, kể cả những con bệnh nằm ở phía trong, cứ như thế mà đi tiểu đi đại vương vãi ra đấy. Khi chân ướt chân ráo vào tới nhà lao mà đám con chiên đã cảm thấy mùi xú uế chính là vì lý do ấy. Mỗi ngày một bận, cơm nước được cho vào qua cái lỗ bé xíu đầy bằng nắp gỗ. Cơm chưa tới nơi đã bị những kẻ có sức lực đoạt lấy ăn trước. Nước thì chỉ cho có hai lần một ngày nhưng với cái nóng không chịu nổi của nhà tù và cái ngọt nhạt vì nhân số quá đông, tù nhân cứ phải luôn miệng xin nước hoặc thè cái lưỡi khờ nê ra một cách vô vọng.

Ngoài cửa ngục, không kể bọn lính canh gác còn có hai mươi bốn người cai ngục luôn miệng quát tháo, đi tuần tra. Mỗi khi bên trong ngục có gì xôn xao ồn ào, những anh cai ngục này sẽ leo lên bên trên và đổ những đồ xú uế vào. Chính vì bị xối lên người bằng những vật ô uế như thế mà thân thể tù nhân trông bẩn thỉu đến độ không còn phân biệt được ai với ai nữa. Dĩ nhiên không ngày nào lại không có người chết. Đôi khi có những xác chết bị bỏ đó hàng bảy tám hôm. Mùi xác chết dần dần thối rữa quện lại với mùi cứt đá làm đám tín đồ khổ sở vô cùng.

Buổi chiều tối, khi ông giáo trẻ trung bức thư tu sĩ San Francesco viết ra như một bằng chứng để trình bày về cuộc sống của nhà tù xóm Kodenma thì trong căn phòng đọc sách, có những

tiếng thở dài hay tiếng thở hắt nổi lên, và thân thể mọi người động đậy lao xao như từng con sóng nhỏ. Chiến tranh dần dần trở nên khốc liệt, đường phố cũng tối tăm, lương thực mỗi ngày không còn no đủ, thế nhưng Tôkyô bây giờ nếu đem so sánh với Edo thuở đó thì vẫn còn khá hơn nhiều.

Cũng giống như những sinh viên khác, gã đàn ông khi nghe kể lại câu chuyện, có cảm tưởng sự kiện tàn bạo cũng như cảnh tượng thê thảm đó chẳng khác nào một khúc phim câm. Họ thấy những chi tiết đó không có gì quan hệ với cuộc sống của bọn mình và đã hoàn toàn thuộc về một thời đại xa xưa.

Trong đám tín đồ bị tống vào ngục có hai linh mục Tây Ban Nha và một *samurai* tên Hara Mondo. Mondo thuộc họ Hara, một gia đình dòng dõi đất Chiba, ông ta từng là cận vệ của Tướng Quân Iemitsu. Thế nhưng dù người chung quanh đã thuyết phục và cảnh cáo, ông ta vẫn không chịu bỏ đạo Ki-Tô.

Sau khi Hara bị bắt hai lần, họ cắt đứt nhượng chân và khắc ấn có dấu thập tự lên mặt rồi tống giam ông vào ngục Kodenma.

Lúc nghe chuyện nói về mấy người tuân đạo, gã đàn ông có cảm tưởng mình là người đang đứng giữa một trận mưa, trông dỗi về xa nơi họ đứng, một ngọn đồi có nắng dọi. Không phải vì những người có đức tin này thuộc về một thời đại đã xa xôi trong quá khứ. Họ thật sự là những người có niềm tin vững chãi và sức mạnh nội tâm mà một kẻ bản chất vô thần như gã không tài nào hiểu được. Nhưng người ta cũng có thể bảo rằng động cơ thúc đẩy họ là sự cuồng tín nữa. Tuy vậy, khi nghe ông giáo dạy sử kể lại những giây phút cuối cùng của đám tín đồ, không biết tại sao gã bỗng đau lòng liên tưởng đến câu chuyện mới xảy ra vài đêm trước, khi mình bị viên trung tá hành hung trong cái hành lang vắng lạnh đó. Gã hãy còn nhớ thật rõ ràng cái cảnh mình cảm tức chạy ra khỏi phòng, đưa cánh tay trái lên che lấy mặt.

Trước khi buổi họp chấm dứt, gã đàn ông chợt bắt gặp mình đang nán lại trong một góc phòng đọc sách cùng "Chuột Nhắt" và một đám sinh viên khác. Gã nhớ lại hôm trước, "Chuột Nhắt" cũng bị hạ nhục, đứng một chỗ như trời trồng cho đến khi viên trung tá túm lấy bộ áo nhà dòng, lôi xềnh xệch ra ngoài. Gã thấy việc ông thầy dòng còn đến chường mặt ngồi đây, xem như không hề có chuyện gì, thật buồn cười và có gì giống như hành vi của một con chuột thực. Không, không phải buồn cười, phải nói là nguy thiện thì đúng hơn. Cảm tưởng của gã về sự nguy thiện của ông ta bắt đầu từ lúc nhận ra thái độ của "Chuột Nhắt" lúc nhập viện, đến mùi hôi hám giống như phở mát tanh phát ối cũng như cái của quí chỉ lớn bằng hạt đậu của ông ta, cả ba như hòa nhập vào nhau.

Cuộc họp tan, gã đàn ông vừa nén một cái ngáp, vừa lẩn vào trong mùi người chua ngòm của đám đông học sinh đi xuống cầu thang thì đằng sau lưng, với đôi mắt sụp mí núp sau mục kính, "Chuột Nhắt" bước đến sánh vai với gã:

- Này , Fuda no Tsuji là chỗ nào vậy anh?

- Fuda no Tsuji?

- Anh không nghe chuyện về Fuda no Tsuji vừa kể xong à?

Gã đàn ông băng quơ nhớ lại chuyện năm mươi người tuần đạo bị hành hình ở Fuda no Tsuji mới được nhắc đến trong buổi diễn giảng. Thế nhưng gã không hài lòng cho lắm khi thấy thay vì chọn một trong những sinh viên khác để mà hỏi, "Chuột Nhắt" lại đến ngỏ lời với gã. Có lẽ cái cha này vì nghĩ mình cũng là nạn nhân như hắc đêm hôm trước nên mới coi như đồng bọn của hắc đây! Hoặc giả hắc muốn đem sự yếu đuối của bản thân ra bày tỏ cho mình hồng lấy lòng? Nghĩ đến đó, đang đến lưng chừng mấy bậc thang, gã bỗng dừng chân lại và dăm dăm nhìn vào mặt "Chuột Nhắt".

- Vâng, Fuda no Tsuji thì tôi cũng có biết!

- Nếu thế, anh hướng dẫn tôi đến Fuda no Tsuji nhé?

- À, cái đó...

Gã đàn ông bị du vào thế kẹt, miệng ấp úng.

Dù vậy, một buổi chiều trời mưa, hai người cũng đã lên đường về phía Fuda no Tsuji. Xuống trạm xe, cuộc bộ theo hướng Shinagawa một hồi thì họ gặp một ngôi chùa tên là Chifukuji [19], nó nằm cùng một dãy với mấy hiệu bán thuốc lá và tiệm rau quả. Một chỗ trong chùa này ngày xưa là bãi hành hình, đó là điều "Chuột Nhắt" đã được ông giáo trẻ dạy sử ở buổi diễn giảng kể cho nghe.

Phía sâu trong khuôn viên chùa Chifukuji có mấy nấm mộ, ở cuối dãy mộ là một gò đất màu đen, cỏ gai mọc um tùm. Phía dốc dẫn lên đầu gò, xen vào giữa đám sắn dây bò lan là hai cây cọ cùng một cây long não có đã lâu đời, cành tỏa rộng. Thêm vào đó, phía bên trên hãy còn khu rừng con um tùm những sồi và tầm ma còn sót lại như dấu tích duy nhất của một thời xưa.

Trong màn mưa sương, gã đàn ông và "Chuột Nhắt", hai người cùng giương dù đứng trên gò. Bầu trời trên kia cũng như những ngôi nhà và đường phố đã bắt đầu bị sương mù của buổi chiều cùng với đêm đen bao vây một lượt. Những ống khói của các cơ xưởng phía bên Shinagawa còn làm cảnh vật nhòe nhoẹt thêm ra.

- Thế thì xóm Kodenma là chỗ đằng kia sao?

- Chắc thế!

Dĩ nhiên trong lớp sương mù dày như thế này, nhất định không thể biết xóm Kodenma nằm ở hướng nào nhưng gã đàn ông vì cảm thấy bức mình nên cứ nói đại cho xong chuyện.

Hồi đó, đám tín đồ bị kéo đi vòng vòng từ xóm Kodenma qua các khu Shimbashi, Mita...mỗi người đều bị bắt phải đeo trên vai một tấm biển [20] ghi tên tuổi họ. Nào là Kakuzaemon, Yusaku, Kudayuu, Shinshichirô, Kisaburô...toàn là tên của người dân rất bình thường, có thể tìm ra bất cứ nơi nào trong thành phố Edo. Thế nhưng ở cuối đoàn tín đồ đó, có một người được đặt trên lưng con ngựa không yên, đó là Hara Mondo [21] .

Trên pháp trường, năm mươi chiếc cọc đã được cắm sẵn. Dưới mỗi chiếc cọc, những bó củi chất đống. Người đi xem nhiều đã tụ tập không xiết kể, kẻ mở com hộp ra ăn, người nhâm nhi trà nóng trong lúc đợi xem hành hình.

Đột nhiên trong đám tù nhân có một người đàn ông, khi vừa thấy quang cảnh pháp trường, đã bắt đầu khóc toáng lên, xin được phép bỏ đạo. Tức thì hắn được cởi trói lập tức và phóng thích ngay tại chỗ.

Sau khi trói đám tín đồ vào cọc, kẻ chấp pháp đi một vòng để châm lửa. Hôm đó trời có gió nên lửa mượn sức gió bùng lên ngay, rồi lửa và khói trùm kín ngay đám người đang bị trói vào cọc. Hai giáo sĩ Tây Ban Nha chết trước tiên, sau đó là Hara Mondo, trong khi còn tưởng ông ta đang quơ tay như đang ôm lấy một vật gì trên người thì đầu đã xụi xuống một bên vai.

Lúc đang đứng trên bãi hành hình, gã đàn ông có cảm tưởng hình ảnh của khúc phim cũ mấy hôm trước bây giờ lại như đang được diễn lại bên gót chân mình và điều đó không khỏi làm gã thấy trời đất quay cuồng. Gã không thể nào gạt ra khỏi lòng mình cái tình cảm cho rằng thế giới của đám người tín đồ tuần đạo này là một cõi trời nào đó thật xa xôi, không có chút liên hệ gì với thế giới gã đang sống. Hành vi phải nói là siêu nhân của họ chỉ có những người mạnh mẽ, đã được tuyển chọn mới hoàn thành được. Cuộc sống của họ không cùng một kích thước, không cùng một thế giới đối với cuộc sống của gã.

Lúc ấy, gã đàn ông mới đưa mắt nhìn qua khuôn mặt ướt đầm của "Chuột Nhắt" như dò xét. Gã hầu như có thể tưởng tượng ra điều ông thầy dòng này đang suy nghĩ. Mình chỉ là một sinh viên bình thường chứ không phải tín đồ Thiên Chúa cho nên những người tuần đạo này đối với mình chỉ là kẻ thuộc về một thế giới nào khác. Riêng người mang cái tên "Chuột Nhắt", tuy tính khí giống như loài chuột thật đi nữa, một khi đã lặn lội đến cái nước Nhật này để làm thầy dòng thì ít nhất ông ta cũng phải biết so sánh đức tin của người ngoại quốc tử đạo với cái tính nhát nhúa ươn hèn của mình mà cảm thấy muôn vàn hổ thẹn chứ! (Thế nhưng coi bộ ông sao không khá chút nào. Tôi đã không ra gì mà ông còn tệ hại quá mức!).

Gã đàn ông cứ suy diễn từ cách hành xử của mình là đủ thấy được những hạn chế nơi "Chuột Nhắt". Kẻ đã hèn thì lúc nào cũng hèn thôi. Làm sao có thể trở thành Hara Mondo hay những con người can đảm và cương nghị như đám tín đồ cùng tuần đạo cùng với ông ta. Cả gã và "Chuột Nhắt", đêm hôm đó trong hành lang, đã mặc cho viên trung tá hành hung mà không đủ sức chạy trốn nữa là! Cả hai cùng thuộc về một giống người, không cần đợi cho thân xác bị khủng bố, cuộc sống tinh thần đã bị tước đoạt hết ý nghĩa rồi. Gã hay "Chuột Nhắt" cũng vậy thôi, họ là hạng mà trước khi đặt chân đến di tích pháp trường này, chắc chắn sẵn sàng dẫm chân lên ảnh Chúa [\[22\]](#) hay dẫm lên bất cứ một vật gì.

- Ông còn gia đình bên nước ông không?

Lần đầu tiên gã mới tỏ ra muốn tìm hiểu về cuộc đời của "Chuột Nhắt" cho nên khi câu hỏi vừa buột ra khỏi miệng mình, gã thấy ông thầy dòng hầu như người trong mơ chợt tỉnh giấc, quay người ngạc nhiên:

- Hả?

- Bên Đức ông còn bà con, thân nhân?

- Có, mẹ và em gái tôi sống ở Kohl.

- Cái gì đưa đẩy ông thành thầy dòng vậy?

Tay vẫn cầm dù, "Chuột Nhắt" làm thỉnh trước câu hỏi của gã. Tuy mưa tạnh rồi nhưng khu vực chung quanh hai người đã chìm hẳn vào trong bóng tối. Gã đàn ông cẩn thận từng bước cho khỏi trượt, đi khỏi gò đất vừa mới leo lên khi này và xuống mặt đường.

Thế rồi từ ngày đó, dầu gặp nhau ở trường, gã cũng chẳng có cơ hội trao đổi với "Chuột Nhắt". Chiến tranh ngày một khốc liệt, Nhật đến giai đoạn bắt đầu chịu những trận dội bom. Thay vì đến trường nghe giảng, sinh viên mỗi ngày phải đi làm việc ở các cơ xưởng dưới Kawasaki [\[23\]](#). Vùng Yotsuya chung quanh nhà trường bị cháy, gã đàn ông cũng chẳng để ý đến việc "Chuột Nhắt" không biết đã mất dạng khỏi văn phòng sinh viên vụ của đại học từ thời điểm nào! Có tin cho hay ông ta bị gửi về bên Đức và gã quên bẵng đi cả việc mình cùng ông ta từng leo lên cái gò ở Fuda no Tsuji.

*

Khi xe điện đường đã qua khỏi trạm Fuda no Tsuji, trong một thoáng, gã nhớ lại chuyện xảy ra hai mươi một năm về trước. Nhớ là nhớ vậy chứ trong lòng không thấy có một chút hoài cảm.

Xuống xe ở ga Shinbashi, trong màn mưa chen lẫn ánh đèn nê-ông, những chiếc ô tô buýt và tắc xi chạy bần cả bần lên. Chỗ họp mặt của nhóm bạn đồng song là một tiệm ăn tên Fuugetsu. Khi đến đây, gã mới cảm thấy hôm nay nếu mình ở nhà thì chắc hay hơn. Bộ đồ tây nhàu nát của gã ướt đầm nước mưa trông càng thảm thương, trong khi đám bạn bè có lẽ đến bằng tắc-xi, đầu tóc vẫn rẽ ngôi ngay ngắn, lại diện cả khăn mùi xoa ló trên ngực áo khoác. Cũng có người vỗ vai gã ra điều xúc động vì đã lâu ngày không gặp, thế nhưng khi nhận được một cử chỉ như vậy, lòng gã chỉ nặng trĩu vì có cảm tưởng người ta đang tội nghiệp gì mình.

Gã đàn ông ngồi trong góc cái bàn ăn hẹp và dài, vừa nghĩ tiếp nếu mình không tới chắc lại hay hơn, vừa im lặng nhấp tách trà đỏ. Trên bàn ăn, bọn bạn bè kể lể cho nhau công việc làm ăn buôn bán, tin tức dạo sau này, trao đổi danh thiếp... Thế rồi câu chuyện chuyển qua đề tài tin tức đồn đại chung quanh những người hôm nay vắng mặt cũng như kỷ niệm về các ông thầy cũ. Gã hơi ganh tị đưa mắt nhìn đám bạn bè chung quanh đang ra sức móc nối lại một cách giả tạo những tình cảm cũ.

- Thăng Sayama giờ ra sao?
- Nghe nói ở dưới tỉnh Mie. Làm nghề chở hàng đường biển.
- Ủi chà, chở hàng đường biển à?
- Có nhớ ông giáo tên Roku không?
- Có, có chứ! Vẫn đi dạy đó nghe.

Trong lòng gã bỗng dâng lên một tình cảm khó chịu khi thăm nghĩ không hiểu vì có gì bọn họ bây giờ lại làm bộ thiết tha đến ngôi trường cũ một cách lạ lùng như vậy. Gã thì chẳng thiết tha đến cái quái gì cả mà cũng chẳng có cảm xúc nào đối với bất cứ một ai trong nhóm bạn học ngày xưa.

- "Chuột Nhắt" thế nào? Nhớ không? Trước làm ở văn phòng đây!

Chỉ có lúc đó gã đàn ông mới ngừng nhấp trà và ngẩng đầu lên khỏi cái tách, lắng tai nghe. Hơn một phân nửa người trong nhóm vẫn còn nhớ "Chuột Nhắt" là ai. Khi một kẻ trong nhóm vừa cười vừa miêu tả khuôn mặt và dáng điệu của ông thầy dòng nhất nhúa ấy thì họ đã lau nhau:

- A, a, cái cha đó à?

- Nếu là cha đó.....thì tôi có nghe một câu chuyện lạ lắm!

Người vừa nói ra là Mukai, một anh học trò cũ được giữ lại làm giáo sư trong trường. Anh ta kể rằng sau khi trở về Đức, vì là gốc Do Thái, "Chuột Nhắt" đã bị bắt và tống vào trại tập trung. Chỗ ấy có tên là Dachau, một nơi gần biên giới Ba Lan. Thế rồi biệt vô âm tín.

- Có điều gần đây hình như ông Bita đã đọc được một bài báo viết ở bên đó nói như thế này...

Ông Bita là một linh mục ngoại quốc, giáo sư dạy Luật trong trường. Linh mục đã đọc trong một tờ báo bên nước đó kể lại rằng ở Dachau, có một người thầy dòng đứng ra chịu chết thế cho một người bạn đồng tù. Khi một người Do Thái cũng bị giam chung một trại với ông bị phạt phải bỏ đói cho đến chết, ông thầy dòng này xin được lãnh án thay và sau đó đã chết.

- Họ nói ông đó đã có thời đến Nhật truyền giáo nữa kia!

- Không lẽ "Chuột Nhắt"?

- Chẳng hiểu nữa. Hình như bài báo không ghi chép tên tuổi. Ông Bita chỉ nói...

- Sao lại có thể là "Chuột Nhắt" được! Cứ xem tính tình hắn thì biết...Vớ lại, thằng chả có tới Nhật truyền giáo hồi nào đâu!

Trong một lúc khá lâu, nhóm bạn bè đó nhắc cho nhau nghe cảnh "Chuột Nhắt" sợ hãi đến nỗi xây xẩm mặt mày, chuyện cái bộ phận đàn ông lớn không hơn hạt đậu của ông thầy dòng, rồi cười nói oang oang. Họ cười anh chàng "Chuột Nhắt" với gương mặt giống vua hề Harold Lloyd, vẫn hay nhô đầu ra khỏi ô cửa phòng học vụ tối tăm để trao cho sinh viên mấy tấm thẻ sinh viên và tem phiếu giảm giá. Cũng là anh chàng "Chuột Nhắt" lúc nào cũng bước hấp tấp đi lòng vòng trong khuôn viên đại học, miệng luôn luôn nở một nụ cười cầu tài. Bọn sinh viên tốt nghiệp có mái tóc rẽ đường ngôi thật ngay ngắn và những chiếc mũ soa nhô lên khỏi ve áo, sau khi hát xong bài ca hiệu đoàn của trường cũ, cuối cùng đã giải tán.

Cuộc họp tan xong, kẻ trước người sau bắt tắc-xi, hướng về phía một quán rượu ngoài phố Ginza để nhậu tiếp đợt hai. Gã đàn ông một mình leo lên xe điện đường ra về giữa cơn mưa. Chiếc xe điện vẫn như hồi chiều nghĩa là hàm hập một thứ mùi ẩm ướt quện đủ mùi dù đi mưa, mùi bùn đất và hơi người. Gã đàn ông vừa ngắm đám hành khách trong xe, cũng như gã, những con người không có gì đặc sắc, rồi gã lại bắt chước Kafuu để tưởng tượng ra cuộc đời bọn họ. Anh chàng ngồi ngay trước mặt gã đang móc ra cây bút chì hý hoáy viết cái gì đó trên tờ báo chuyên cá độ đua xe đập mở bánh ra trước mặt. Cô gái đi học lớp đêm về ngủ gà ngủ gật, cuốn từ điển Anh văn *Reader's Crown* nằm trên đầu gối. Cả đám hành khách trong toa với gã nào có khác chi, họ đang sống một cuộc đời tẻ nhạt, chắc chắn là sống trong sự hèn nhát và khi chết cũng sẽ được chôn chung một lỗ với sự hèn nhát. Thế nhưng, khi xe chạy

ngang qua trạm Fuda no Tsuji, gã đàn ông đưa mấy ngón tay lên chùi cánh cửa sổ đã nhòe vì nước mưa, dí đầu sát vào đó như muốn nhìn cho rõ phong cảnh bên ngoài.

Đằng sau ánh đèn tù mù của những ngôi nhà và tiệm quán, màu đen của gò đất như nổi hẳn lên. Cái trại Dachau nơi "Chuột Nhắt" bị giam cầm, nó ra sao ấy nhỉ? Mấy năm về trước, gã đã có dịp xem vài cuộn phim thời sự về các trại tập trung nên cũng rõ về quang cảnh những nơi này. Nó không khác bao nhiêu so với nhà ngục xóm Kodenma, nơi đám tín đồ Ki-Tô giáo ngày xưa đã bị tổng giam. Nếu "Chuột Nhắt" đã từng sống ở một nơi như thế thật thì điều đó đáng làm cho gã phải kinh ngạc. Thế rồi, gã nghĩ, nếu đúng như người ta kể, "Chuột Nhắt" đã vì bạn đồng tù và vì tình yêu thương chịu chết thay người, thì nó không phải chuyện xa xưa mãi tận thời Edo mà là một sự kiện mới đây và ảnh hưởng thấm thía tới tâm tình của chính gã trong lúc này. Ai và cái gì đã thay đổi được thái độ của "Chuột Nhắt"? Ai và cái gì đã nâng "Chuột Nhắt" lên đến một tầm cỡ như thế? Gã đàn ông lắc đầu, hết ngấm cô gái đang ngủ gà ngủ gật trên chiếc ghế đằng trước mặt đến nhìn anh thanh niên đang cúi mũi vào tờ báo cá độ đua xe đạp. Gã thầm nghĩ, giữa đám hành khách như vậy, vâng đúng thế, trong đám đông bình thường này, chắc hẳn có một người với khuôn mặt khôi hài giống Harold Lloyd, mặc cái quần bùn bê bết lên tới đầu gối, đang ngồi đó rung đùi [24]. Đó là "Chuột Nhắt".

(Dịch xong tại Tokyo ngày 13/06/2008)

[1] Văn bản:

- Fuda no Tsuji trong Endô Shusaku Văn Học Toàn Tập quyển 6, tr. 169-177, tháng 10 1999, Shinchô xuất bản. Nguyên tác Nhật ngữ.

- Fuda no Tsuji, Van C. Gesel dịch sang Anh văn trong Stained Glass Elegies, Stories by Shusaku Endo, 1984, New Directions Paperbook, London, UK.

[2] - Nagai Kafuu (1879-1959), nhà văn sở trường về tiểu thuyết và tùy bút với văn phong duy mỹ, từng sống nhiều năm ở Âu Mỹ, nổi tiếng trên văn đàn từ cuối đời Meiji (1868-1912). Nhan đề tùy bút của Kafuu ông nhắc đến ở đây có thể là Bài Hát Fukakawa (Fukakawa no Uta, 1909).

[3] - Món nhậu bình dân gồm đậu phụ, trứng, củ cải trắng, chả bột cá... ninh trong nước dùng.

[4] - Nguyên văn kusunoki (camphor tree), một loại cây đến từ miền Nam, cao khoảng 20m, toàn thân có hương thơm, tháng 5 ra hoa trắng pha vàng. Thường được trồng ven đường.

[5] - Nguyên tác *nezumi*, con chuột.

[6] - Nguyên văn *hatsuka-nezumi* hay *nankin-nezumi*, tên một giống chuột. Thường chỉ chuột nhắt trong nhà.

[7] - Có thể là Sophia University (Jôchi Daigaku) nơi Shusaku đã theo học dự bị đại học năm 1942.

[8] - Nguyên văn kempei (hiền binh) nhưng trong bối cảnh Nhật Bản trước thế chiến, không phải hiền binh (cảnh sát tư pháp hay quân cảnh) thuần túy mà có nghĩa là mật vụ chính trị.

[9] - Tỉnh Quốc Thần Xã, đến thờ chiến sĩ trận vong của Nhật. Sự tồn tại của nó đã tạo ra nhiều phức tạp và tranh cãi chính trị cho đến cả ngày nay.

[10] - Chế độ haizoku shôkô (phối thuộc tướng hiệu) thời chiến ở Nhật, đặt sĩ quan quân đội trong nhà trường.

[11] - Nguyên văn tiếng Pháp: Paysan! (Đồ nhà quê!).

[12] - Harold Lloyd, 1893-1971, tài tử hài hước điện ảnh Mỹ thời phim câm.

[13] - Fuda = mộc giản, bảng bố cáo. Tsuji = ngã tư đường. Một địa danh vẫn còn trong thành phố Tôkyô.

[14] - Tokugawa Iemitsu (Đức Xuyên Gia Quang, 1604-1651) tướng quân đời thứ ba của dòng họ, người đã bố cáo chính lệnh bế quan tỏa quốc và trong 28 năm cai trị, xây dựng được nền tảng vững vàng cho Mạc Phủ Tokugawa.

[15] - Niên hiệu Nguyên Hòa (1615-1624).

[16] - Tức xóm Ngựa Trạm.

[17] - Tất cả những địa danh này nay đều nằm ở trung tâm Tôkyô.

[18] - Nguyên văn *rosario*

[19] - Trí Phúc Tự

[20] - Cũng gọi là fuda như trong Fuda no Tsuji.

[21] - Đây không hẳn là một đặc quyền dành cho tội phạm xuất thân từ đẳng cấp *samurai*. Có thể vì Hara đã bị cắt mất nhượng chân, không thể đi đứng bình thường.

[22] - Nguyên văn *fumie* tức là ảnh Đức Mẹ Maria, thập tự giá khắc lên gỗ, đồng vv..., các thánh tích mà giáo đồ bắt buộc phải dẫm lên để chứng minh ý chí bội đạo. Fumi =dẫm bằng chân, chà đạp; e =tranh ảnh. Chính quyền Tokugawa đã tổ chức những buổi như vậy trong những ngày đầu xuân khoảng thời gian từ 1628 đến 1857.

[23] - Thành phố kỹ nghệ ở ngoại ô, nằm giữa Tôkyô và Yokohama.

[24] - Nguyên văn *binpô-yusuri* = rung đùi. Người Nhật cũng xem đây là một cái tướng bần vì thích nhàn, không thể làm việc gì to tát được.

Bàn Chân Fumiko

(Fumiko no ashi, 1919)[\[1\]](#)

Nguyên tác: Tanizaki Jun.ichirô (1886-1965)
Dịch: Nguyễn Nam Trân



Tanizaki Jun.ichirô (1886-1965)

Dẫn Nhập Của Người Dịch

Truyện ngắn dưới đây có thể gây sốc cho một số độc giả dù nội dung không có lấy một lời lẽ tục tằn. Khuynh hướng bái vật (fetischism) đặc biệt đối với bàn chân đàn bà (foot-fetischism) đã được nhắc đến trong *Xâm Minh* (Shisei, 1910), tác phẩm Tanizaki viết thời trẻ. *Bàn Chân Fumiko* (Fumiko no ashi, 1919) cũng miêu tả lệch lạc tính dục này trong bối cảnh xã hội Nhật Bản đầu thế kỷ trước. Chính vì đi ngược với văn học tải đạo thời Minh Trị, Tanizaki bị xem như một nhà văn ma giáo, bệnh hoạn, trụy lạc. Nhiều người đòi đốt tác phẩm của ông.

Các nhà phê bình đã đặt giả thuyết về ảnh hưởng của quyển *Bệnh Lý Tính Dục* (Psychopathia Sexualis) - sách do Richard von Krafft-Ebing trước tác mà Tanizaki được đọc khoảng năm 1908 - đối với truyện ngắn này. Cũng cần nhắc thêm là từ 1905, Sigmund Freud đã bàn về khuynh hướng bái vật trong trừ tác kinh điển bằng tiếng Đức của mình, *Ba Tiểu Luận Về Lý Thuyết Tính Dục*. Người thầy thuốc thành Wien còn khai triển đề tài nói trên trong những công trình nghiên cứu khác vào khoảng năm 1927. Phải chăng khuynh hướng bái vật về bàn chân đã bắt nguồn từ tình yêu bị ức chế của đứa con đối với mẹ mình như các nhà tâm lý học theo trường phái này cố gắng giải thích?

Đặc điểm của Tanizaki trong Bàn Chân Fumiko là ông chỉ chuyên chú vào khía cạnh nghệ thuật của hiện tượng tâm lý bái vật và mỹ hóa nó một cách tài hoa, trang nhã. Không phải vì đưa những đề tài cấm kỵ lên mặt giấy mà ông trở thành một nhà văn lớn. Không có nó, ông cũng đã vĩ đại rồi.

Đâu là lý do khiến Tanizaki có khuynh hướng phơi bày những mảng tối trong tâm hồn con người? Ông muốn tìm về thiên đường ấu thơ đã mất bên bà mẹ yêu dấu, người từng đánh thức những cảm xúc phái tính đầu đời của mình? Ông cố ý nói lên sự cô đơn của con người khi ngoại giới bao la chỉ còn ngưng đọng trong một vật thể nhỏ con? Hay là ông muốn mượn sự trụy lạc làm nơi ẩn náu để đề kháng xã hội ngụy thiện và công thức đương thời?

Trước khi những lệch lạc tính dục kể cả khuynh hướng bái vật được trình bày trong văn chương Âu Châu thời trung cổ và cận đại mà Marquis de Sade (1740-1814) là một tác giả tiên phong tên tuổi, sách vở Á châu đã từng nhắc tới Nam Đường Hậu Chủ, Tây Môn Khánh...các nhân vật đặc biệt sùng bái bàn chân người đẹp. Trong văn chương Trung Quốc và Việt Nam, không thiếu gì những cách diễn đạt văn học ca ngợi bàn chân như "bộ bộ sinh liên hoa", "tam thốn kim liên", "sen vàng lừng thừng", "khói biếc hài thương nữ"...

Nhân vì tính dục cũng còn là một vấn đề nóng bỏng của thời đại chúng ta và là trọng tâm khám phá của các nhà văn trẻ, việc phải lỏp bụi thời gian thử đọc lại Bàn Chân Fumiko, ra đời cách đây gần một thế kỷ để thưởng thức lối hành văn kể chuyện lôi cuốn và sức tưởng tượng phong phú của Tanizaki, tự nó chắc cũng có một ý nghĩa nào đó.

*

Vào Truyện

Thưa thầy,

Mong thầy tha tội đường đột của một anh học trò mặt trắng như em, chưa từng hân hạnh gặp thầy một lần mà đã dám cầm bút viết thư. Dẫu biết bận trăm công ngàn việc nhưng xin thầy hãy bỏ chút thời giờ quý báu để đọc từ đầu đến cuối câu chuyện sắp kể ra đây. Em mạn phép thưa trước điều đó.

Có thể thầy nghĩ rằng khi mở miệng nói như vậy, em tỏ ra hợm hĩnh, nhưng thật tình trong tận đáy lòng, em vẫn nghĩ rằng câu chuyện em định kể ra, đối với thầy, không thể nào hoàn toàn vô vị. Nhược bằng thầy cho là nó có đôi chút giá trị tư liệu để khơi nguồn cảm hứng cho một tác phẩm mai sau của mình thì em cũng không thấy có gì cản trở. Ngược lại, việc đó còn làm em vô cùng vinh hạnh. Thú thật với thầy, vì em hằng mong sao cho câu chuyện này được thầy dựng thành tiểu thuyết nên mới viết lá thư này để bày tỏ lòng kỳ vọng của em. Ngoài thầy, nhà văn xưa nay em hết sức ngưỡng mộ, có lẽ không một ai hiểu được tâm lý vô cùng đau khổ và kỳ lạ của nhân vật chính trong câu chuyện. Người duy nhất có thể rủ lòng thương cảm đối với nhân vật đó chỉ là thầy chứ không ai khác.....YU nghĩ này là động cơ đầu tiên thôi thúc em viết thư cho thầy, thế nhưng, chỉ cần thầy chấp nhận nghe em kể chuyện, em cũng đã mười phần mãn nguyện chứ đừng nói chỉ việc thầy nghe lời thỉnh cầu của em mà sử dụng nó như tư liệu viết văn.

Có thể sự thôi thúc của em sẽ gây bức bối, làm thầy không vui, nhưng chỉ cần thầy chịu nghe em mà đặt bút viết về nó thì, em trộm nghĩ, người đóng vai chính trong câu chuyện này nhất định sẽ hết sức hài lòng. Dù sao đi nữa, dưới con mắt của một người mà em đánh giá là có sức tưởng tượng dồi dào, giàu kinh nghiệm sống như thầy, em không tin rằng những tình tiết trong câu chuyện lại chẳng đáng cho thầy đảo mắt qua một lần. Em là một thanh niên không rành viết lách nên khó trình bày câu chuyện khéo léo hơn người khác, nhưng xin thưa một lần nữa, dám mong thầy chịu khó để ý đọc nó cho đến hàng chữ cuối.

Nhân vật chính của câu chuyện giờ đây đã qua đời. Ông ta tên Tsukakoshi, thuộc một gia đình sống bằng nghề cầm đồ có cửa hiệu ở xóm Muramatsu trong khu Nihonbashi tự đời Edo. Ông Tsukakoshi mà em đang nói tới, nếu tính từ tổ tiên trở xuống là đời thứ mười. Ông ta mới vừa chết cách đây có hai tháng, vào ngày 18 tháng 2 năm nay, ở cái tuổi 63. Thật ra, sau khi bệnh tiểu đường mà ông mắc phải từ hồi 40 tuổi và có thời làm cho ông béo núc nác như một tay đô vật, khoảng năm sáu năm trở lại, đã đi kèm với chứng lao phổi, khiến cho ông lần lần gầy rạc, một hai năm trước khi chết người chỉ còn hơn mỗi que tăm. Đến khi dọn về nhà nghỉ mát ở Shichiri-ga-hama gần Kamakura được một thời gian, chứng lao phổi dần dần trở nặng, vượt cả bệnh tiểu đường và kết liễu đời ông. Thời xuống dưới Kamakura ở, ông coi như đã về nghỉ hưu, nhường cửa tiệm cầm đồ cho anh con nuôi ở rể là Kakujirô cai quản. Do đó, người trong nhà vẫn gọi là ông là "cụ hưu" thế này, "cụ hưu" thế nọ. Em cũng bắt chước họ mà gọi ông ta bằng cái tên đó. Mỗi giây liên lạc giữa "cụ hưu" và gia đình nhà gốc trên Tôkyô vô cùng xấu, cho nên từ lúc người bệnh hấp hối cho đến phút lâm chung, bên giường chỉ có mỗi một mình Hatsuko, con gái độc nhất của "cụ hưu" và cũng là vợ của anh con nuôi ở rể tên Kakujirô. Gia đình Tsukakoshi vốn là nhà có cự đất Edo, nội thành phố Tôkyô thôi ít nhất phải có năm sáu cửa hiệu lớn của bà con thân thích trong họ. Thế mà trong thời gian cụ ta nằm bệnh, ít có khi nào thấy ai xuống thăm, còn tang lễ cũng chỉ được cử hành cực kỳ đơn giản và trong sự buồn thảm.

Chính vì lý do đó, những người biết rành mạch tình cảnh lúc trước và sau khi ông cụ sắp mất chỉ có bà sai vặt tên gọi O-Sada, lúc đó được cắt tới chăm nom bên giường và Fumiko [2], cô hầu non của cụ. Tính thêm cả em nữa, vốn vẹn cũng chỉ có ba người. Đến đây, xin thầy cho phép cắt ngang câu chuyện một chút để nói về sự liên hệ giữa ông cụ và em cũng như cảnh ngộ cá nhân em. Năm nay em vừa mới 25 tuổi, sinh viên trường mỹ thuật, quê ở quận Akumi thuộc tỉnh Yamagata. Vì gia đình em và gia đình Tsukakoshi có liên hệ họ hàng xa cho nên ngày em cất bước lên Tôkyô, vì không chỗ nương tựa, vừa đặt chân tới ga Ueno, là em đã bọc bức thư gửi gắm của ba em trong người, tìm ngay đến tiệm cầm đồ của cụ trong khu Muramatsu. Lúc đó cụ hưu vẫn còn coi sóc cửa hàng nên rốt cuộc cụ trở thành người chăm sóc cho em mọi thứ. Cũng vì lý do đó nên về sau, em thường ghé qua xóm Muramatsu mỗi năm vài ba lần thăm cụ. Thế nhưng sự giao hảo của cụ và em có được sự thân mật đặc biệt vượt qua giới hạn một liên hệ ơn nghĩa là điều mới bắt đầu cách đây không lâu.....khoảng từ một năm hay nửa năm thôi. Em chỉ muốn thầy hiểu cho rằng ngoài nhân vật đóng vai chính, ông cụ về hưu, còn có một nhân vật nữ không kém phần quan trọng là Fumiko, cô hầu non vừa mới nói, và sau nữa là bản thân em, cả ba đều liên hệ sâu xa với nội dung câu chuyện. Nhất là em không hề đóng vai một kẻ đứng bên lề. Để rồi thầy sẽ thấy, có lẽ em còn giữ một vai tưởng trọng yếu trong đó nữa. Hơn thế, trong khi phân tích tâm lý ông cụ, có thể cùng lúc em cũng đang mổ xẻ chính tâm lý của mình.

Lý do nào làm ông cụ và em trở thành thân thiết à? Nói đúng ra, phải hỏi đâu là duyên do khiến em bắt đầu tiến đến gần cụ cơ! Chuyện nên được mào đầu bằng câu trả lời cho thắc mắc này. Một đứa con trai sinh trưởng nơi quê mùa hẻo lánh trên Yamagata như em và một người sinh ra trong gia đình cổ cựu một khu phố làm ăn buôn bán đất kẻ chợ Edo như cụ, phải nói là hoàn toàn không có điểm chung nào, từ tính nết, học vấn cho đến phong cách. Em là cậu học trò trẻ tuổi nhà quê lên tỉnh, vì ngưỡng mộ văn chương mỹ thuật Âu Tây nên chỉ sống với ước mơ mình sẽ trở thành một họa sĩ hội họa Tây phương. Cụ hưu ngược lại, không những là dân Edo mà còn là dân Edo chính cống, sống theo truyền thống và tập quán sót lại từ thời mạc phủ Tokugawa. Em xin thừa là nơi cụ có một chút gì hơi điệu hạnh, cho mình sành sỏi, thái độ thường gặp nơi mấy người già ở khu phố buôn bán trong thành. Ai có thấy cũng phải nhìn nhận cụ và em là hai mẫu người hoàn toàn khác biệt, lời ăn tiếng nói không thể nào hợp nhau. Sờ dĩ hai bên trở thành thân thiết là vì em đã tìm đến với cụ. Về phía cụ hưu thì bị người trong gia đình lẫn thân quyến ghét bỏ xa lánh, cho nên khi được em đôi lúc đến thăm, tuy em chỉ là bà con xa nhưng bao giờ cũng biết kính cẩn một điều thưa, hai điều bẩm, không lẽ cụ lại không mừng rỡ. Đặc biệt lúc sắp mất, ngoài người thiếp Fumiko thì không nói, hễ em mà không đến nhà thương thăm viếng mỗi ngày là cụ giận. Tuy vậy, nếu từ phía em không đi bước đầu để tiếp cận, chắc cụ sẽ không thể nào trở nên thân tình như thế. Những ai không rõ chuyện cứ tưởng rằng em vì cảm cảnh cụ bị bà con họ hàng bỏ rơi, sinh lòng tội nghiệp nên hay lui tới thăm nom. Người nào có lòng tốt giải thích như vậy, em xin hết sức cảm ơn nhưng nói kiểu đó chỉ tỏ làm em phải thẹn đỏ mặt. Động cơ khiến em đến gần với cụ không hề cao cả như vậy. Nói trắng ra, cái cơ làm em đến gặp cụ hưu không phải là vì cụ mà vì Fumiko, người thiếp trẻ của cụ đấy! Dĩ nhiên không phải em tìm gặp nàng để thỏa mãn một ước muốn sâu kín gì, lại nữa, cho dầu ước muốn đó trôi lên, em cũng ý thức ngay rằng cái thân một thằng học trò nhà quê như mình thì dễ gì với tới người đó. Thế nhưng cứ mỗi lần hình bóng của Fumiko lướt qua trước mắt, em đã cảm thấy say sưa đến mức độ đứng ngồi không yên như cả mười ngày trời chưa được gặp nàng. Vì lý do đó mà em hết tìm có này đến kể nọ, có khi không có công chuyện gì cũng tìm cách dẫn xác tới nhà ông cụ.

*

Sờ dĩ họ hàng ruồng rẫy cụ hưu cũng chỉ vì cụ đã bị cô Fumiko đó, một *geisha* xóm Yanashibashi quyến rũ, đến độ rước cô ấy về nhà. Chuyện xảy ra đúng vào khoảng tháng chạp cách đây hai năm, cụ hưu 60 tuổi, còn Fumiko hồi đầu năm vừa tròn 16, mới thành nghề. Chính ra hình như chuyện chơi bời phóng đãng của cụ cũng đã thành vấn đề từ trước nhưng người trong thân tộc nghĩ rằng từ thời trai trẻ cụ bay bướm rồi cho nên đến lúc đó, họ vẫn chưa rầy rà chi. Họ mong rằng đã đến cái tuổi lục tuần, mai một thể nào cụ chẳng phải ngừng. Em nghe người ta nói lại thì cụ đã lấy vợ hồi 20 tuổi, ba lần cải giá, đến năm 35 thì đã ly hôn với bà thứ ba. Kể từ đó cụ sống độc thân luôn (và Hatsuko, cô con gái độc nhất là kết quả cuộc hôn nhân giữa cụ và người vợ đầu tiên). Việc cụ thay đổi vợ nhiều lần như thế, không thể chỉ giải thích bằng cái tính phóng đãng, mà còn phải đưa ra thêm một nguyên nhân bí mật, đó là tật xấu đời trong đời sống tình dục của cụ, điều mà mãi đến gần đây chẳng mấy ai ngờ vực. Không chỉ trước mặt vợ nhà, ngay đối với những cô đầu cụ mua, cụ luôn luôn tỏ ra tính khí thất thường. Lúc tưởng cụ đã gặp người hợp nhãn, chưa đầy tháng sau, đã thấy cụ chán ngấy cô ta và đuổi theo người đàn bà khác. Hơn nữa, cái hơi lạ ở nơi một người đàn ông gọi là trắng hoa như cụ, không bao giờ thấy có một người đàn bà nào tỏ ra say mê cụ cả. Chỉ có cụ tìm đến với họ trước và yêu thương họ nồng nhiệt. Phần các nàng, nếu có trao thân cũng vì muốn nhắm vào gia sản cụ thôi. Chưa thấy ai đem tình yêu chân thành để báo đáp tấm lòng của cụ. Cụ quả là dân kẻ chợ Edo thật sự, một người đàn ông đúng nghĩa, hết sức sành sỏi,

làm người ta sẵn sàng bỏ qua cho thái độ huênh hoang. Đáng lý ra, không sớm thì muộn, phải có nàng nào đó gắn bó sâu đậm với cụ mới đúng, nhưng lạ lùng thay, bản thân cụ cứ bị các cô gái cho rơi hoặc lừa gạt. Thêm vào đó, như đã nói, cụ là người tính khí thất thường, dù có mê một ai trong một thời gian, bản thân cụ lại không đủ sức để tiến xa hơn với họ.

- Ngừ nhà ông ta, đánh chết cũng không chừa cái tính bê bối. Cứ cho ông ấy chạy theo các cô đi nhưng cuối cùng phải biết thân mà ăn ở với một người thôi chứ!....Có lẽ cưới hẳn một cô hầu thì may ra mới hết lông bông!

Đó là những câu mà đám người họ hàng nhà cụ vẫn bàn tán với nhau.

Ấy thế, cuối cùng, Fumiko lại là trường hợp ngoại lệ. Cụ hưu quen biết nàng vào dịp hè cách đây hai năm nhưng tình cảm từ ấy vẫn bồng cháy chứ không hề nguội đi chút nào. Không những vậy, cùng với thời gian, cụ càng mê một nàng hơn mà thôi. Thế rồi, vào tháng 11 năm nay, khi cô ta chấm dứt thời gian học việc như một *hangyoku* và trở thành *ippon*^[3] được phép hành nghề *geisha* thì cụ nhà ta đã lo liệu cho cả mọi thứ chi tiêu, ngay trả lại món tiền thế chân cần thiết để một cô đầu được phép ra riêng. Rốt cuộc, không bằng lòng với bao nhiêu đó, cụ đã đem nàng về đặt trong cửa hàng ở phố Muramatsu như hầu chẳng ra hầu, vợ không ra vợ. Mặc dầu cụ hưu nhiệt tình đến mức đó nhưng giống như mọi lần, không có gì chứng tỏ Fumiko yêu thương cụ cả. Dễ hiểu thôi, hai bên chênh lệch nhau những bốn mươi tuổi, trừ phi ngu ngốc hoặc điên khùng, không ai đi yêu một ông già cỡ tuổi cụ. Nàng có ngoan ngoãn nghe lời cụ chẳng nữa thì cũng vì nghĩ ông lão chẳng còn sống bao lâu và mắt nàng đã dán chặt vào mớ tài sản, chứ tuyệt không thể có lý do nào khác.

Lần đầu tiên em gặp được người đàn bà lạ lùng bí ẩn ấy trong căn nhà ở xóm Muramatsu là đúng đầu năm ngoái, vào dịp ghé qua chúc Tết cụ hưu. Em được đưa vào ngôi nhà đằng sau cửa tiệm cầm đồ, cách với tiệm bằng một cánh cửa lưới sắt. Cũng như mọi hôm, cụ hưu ở trong căn buồng sâu tận cuối nhà.

- Ôi dào, cậu Uno đấy à! (Thực ra, tên em là Unokichi nhưng không biết ông cụ đã quen xén bớt mất phần sau từ hồi nào. Em có ác cảm với cách gọi này vì nó giống như người ta gọi người làm công). Nào, nào, vào đây chơi cái đã!

Coi bộ cụ đã uống nhiều rượu. Mặt đỏ kè tận mang tai. Đang ở trong nhà mà cụ quần chần lên và rúc vào dưới bàn *kotatsu* ^[4] để tìm hơi ấm. Cụ chào đón như thế với cái giọng đơn đả của người dân kẻ chợ đất Edo làm em liên tưởng đến mồm mép dẻo quẹo của mấy ông thầy kể chuyện tếu *rakugo*^[5]. Chính lúc đó em mới nhận ra kẻ đang ngồi đối diện với cụ và cũng dựa vào cái *kotatsu* là một người đàn bà mình ngờ ngờ chưa hề được gặp. Khi em bước vào phòng khách thì người đàn bà đó đang chống cùi chỏ trên mặt bàn và hai đầu gối để lệch qua một bên, chỉ có khuôn mặt và phần trên thân mình quay về hướng em. Khi em nói "đầu" và "mình" xoay về phía em là bởi vì lúc đó hai phần đó như là biệt lập, mỗi phần trong đôi mắt em đều đem đến cái ấn tượng là nó có một vẻ đẹp riêng. Nói gọn hơn, lúc đó em không hề có cảm tưởng là chỉ có nguyên một "thân hình" đang xoay lại phía em mà thôi. Có thể tóm tắt là khuôn mặt sáng láng thanh tú và vóc người mảnh mai mềm mại lần lượt xô về phía em những cơn sóng nhỏ, hết đợt này tới đợt khác. Và sau khi truyền đến nơi này rồi, những làn sóng đó vẫn còn lay động dịu dặt trên những các cơ thể, ví dụ như đi từ chiếc cổ dài qua khe hở chiếc *kimono* có hoa văn để xuống đôi vai và lăn tăn đọng lại ở đấy. Tất cả như gieo một ấn tượng về vẻ đẹp mỹ miều và nhục cảm nơi người con gái. Một trong những nguyên nhân khiến em suy nghĩ như vậy có lẽ là ảnh hưởng của quần áo nàng mặc. Nếu đem so sánh với cách ăn

mặc thời trang màu sắc chói chang bây giờ thì cách ăn mặc của nàng, *kimono* nhã nhặn với hoa văn *tôzan*[\[6\]](#) cổ hơi lớn và vạt lại quá dài, hầu như không còn đúng điệu nữa.

Cụ huu cứ tỉnh như không, đưa mắt nhìn nàng và em một hồi rồi nói:

- Cậu Unokichi đây. Bà con xa với tôi, hiện là sinh viên trường mỹ thuật. Ba cậu dưới quê có gửi gắm thành thử tôi cũng cố giúp cậu ấy đến đâu hay đến đâu...

Rồi cụ him híp mắt, nở một nụ cười hơi khó hiểu. Như thế, tuy đã làm tròn phận sự giới thiệu cô ta với em nhưng thật ra cụ không có câu nào giúp cho em biết người con gái ấy là ai.

- Em tên Fumi. Mời thầy ngồi chơi!

Người con gái như e thẹn, lúng búng mấy tiếng trong miệng rồi cúi đầu chào. Em cũng vui vẻ cúi đầu đáp lễ nhưng không khỏi có một tình cảm kỳ lạ như mình đang bị hồ ly tinh dụ dỗ.

- Người này ắt là cô hầu non của ông ta!

Em chắc mẫm trong bụng như thế và nhìn trộm nét mặt cụ huu, dưới lỗ mũi đỏ hần hai nếp nhăn to như khắc vào, đồ xuống cái miệng rộng toác mang cái tên dị dạng *gamaguchi* "hàm ếch" [\[7\]](#) vẫn không ghìm nổi một nụ cười gây khó chịu. Thế nhưng bên trong tiếng cười ấy, ta có thể suy đoán nó hàm chứa một khẳng định:

- Đúng như cậu đoán, cô này là người thiếp của tôi. Tôi mới đưa về đây chưa được bao lâu!

Không những thế, em nhận ra ngay cô là người rất đổi được cụ huu yêu dấu.

Chẳng hiểu đâu là nguyên do chứ khó lòng nói cô là một người hoa nhường nguyệt thẹn. Sở dĩ ông cụ yêu, phải chăng vì cô có ở đâu đó trên khuôn mặt và trong vóc dáng những nét phù hợp với mỹ cảm của người dân kẻ chợ như cụ thôi. Nghĩ đến đây, em mới suy ra cái nụ cười của ông cụ như có nghĩa là: "Sao, cậu thấy tôi đào ra được một em ngon lành chưa!". Em cảm thấy trong thái độ của cụ ngầm chứa sự đắc ý như thế. Một cô hầu mà mặc chiếc áo *kimono* khổ dài, có mái tóc đen ánh mượt mà như nước sơn, tóc lại búi theo kiểu *tsubushishimada* [\[8\]](#) như thế thì không hợp tình hợp cảnh. Dáng dấp đó chỉ tạo cho cô cái vẻ của một *geisha* đang ra tiếp khách. Thế nhưng cô phải lên khung như thế với cái cổ với hoa văn *tôzan* nghĩa là theo đúng sở thích tinh tế của một người ăn chơi sành sỏi đất Edo thì mới vừa ý cụ, và cái nhận xét của em lúc đó, rồi thầy sẽ thấy, đã được kiểm chứng không bao lâu sau.

Nếu so sánh giữa đàn bà Nhật và ngoại quốc thì em yêu chuộng vẻ đẹp phụ nữ nước ngoài hơn nhưng em cũng chẳng có lý do gì mà ghét bỏ một người đẹp hầu như đầy đủ tiêu chuẩn để thỏa mãn sở thích của dân Edo. Dĩ nhiên, không phải sự toàn bích mà là một vài khuyết điểm trên đường môi nét mũi của cô gái mới tạo ra một ấn tượng tuyệt vời về sự hài hòa và thanh tao. Để cho người đàn bà có thể toát ra được một vẻ đẹp như thế, cô ta phải có một vài chỗ bất toàn, dĩ nhiên chỉ ở mức độ cần thiết.

Khuôn mặt cô ta tròn và cân đối như quả trứng nhưng thon lại phía dưới cằm để tạo một hình trái xoan, đôi má tuy có hơi hõm vào nhưng không hề đem đến cho khuôn mặt ấn tượng cứng rắn, bởi vì, khi cô nàng thốt ra một lời nào, cử động của làn môi như dâng lên từng cơn sóng nhỏ tiếp nối nhau về phía đôi má, gợi ra một cảm tưởng dịu dàng và vun vén.

Đường nét vàng trán cũng gọn gàng dù tóc mọc không đến độ cân đối để có thể ví nó với hình dáng đỉnh núi Fuji [9]. Hai món tóc tỏa ra hai bên trán, mặt cũng như trái, có vài chỗ hơi thừa và cao tuy rằng sau đó lại phủ xuống vừa vặn ở ngang tầm đuôi mắt. Đôi chỗ đường nét không hoàn toàn thẳng thớm này tuy có làm cho mái tóc không đúng hình thù ngọn Fuji nhưng giúp vàng trán được thoáng hơn. Như thế, giữa màu tóc đen nhánh, một phần của vàng trán trắng phau len vào và như được tô lên bằng một màu xanh mờ mờ. Nó không chỉ đem đến cho vàng trán, chính ra là hẹp, những biểu hiện đa dạng cũng như sự bình yên thanh thản khó lòng diễn tả mà còn làm tôn màu đen của mái tóc.

Cặp lông mày dày hình vòng cung, nhưng may mắn là khác với trường hợp mái tóc viền quanh trán, nó hung hung và thừa hơn nên không tạo ra một vẻ nghiêm khắc. Mũi nàng cao và thanh, trông thật xinh nhưng vẫn không được hoàn hảo. Hai bên thành mũi hơi mong, chỗ đường cong chạy từ lông mày xuống thấy thô thô, và phần trên hai cánh mũi lại phồng lên, nhun nhủn, làm liên tưởng đến thịt hai bắp chân. Thế nhưng, theo em nghĩ, đem gán một cánh mũi hoàn hảo như tượng điêu khắc lên khuôn mặt này sẽ làm cho nó có một vẻ lạnh lùng. Mũi tròn trĩnh như hòn bi [10] thì không nên có nhưng một đầu mũi tròn đầy sẽ gợi ra được cái gì phúc hậu, đáng yêu.

Tiếp theo là cái miệng. (Cứ đem kể từng chi tiết một trên khuôn mặt với một lối viết vụng về như thế này, chắc em đã làm bận mắt thầy. Thế nhưng nếu em không trình bày rõ ràng về hình thù khuôn mặt của cô gái thì lòng em không yên. Em muốn cho thầy biết đầy đủ về nét đẹp và cái duyên dáng của người con gái đó. Vì lý do trên, dù có bức mình xin thầy cảm phiền thầy chịu khó cho).

Khuôn mặt nàng thon lại như một quả trứng thất đáy. Bên trên cằm là một cái miệng nhỏ xinh xắn trông vừa khéo, và chỗ dễ thương rất là con gái đất Edo hơn cả là cái môi dưới hơi trề ra một tí [11]. Vâng, đúng thế, nếu cái môi dưới này lại thụt vào như người thường thì nó sẽ làm cho nàng có dáng nghiêm nghị hơn nhưng có lẽ sẽ làm mất đi vẻ kêu gọi và tinh ranh. Nhưng nói đến tinh ranh thì phải nhìn nhận là tất cả sự tinh ranh nằm trong đôi mắt. Hai con ngươi màu đen, lấp lánh như lưu ly mở thật to, nằm giữa đôi lông trắng ánh màu xanh xà cừ. Đôi ngươi như đang ranh mãnh chui xuống nằm dưới đáy sâu của một làn nước trong vắt tắm trong những tia sáng xuyên qua, tựa hồ những con cá nhanh thoăn thoắt đang làm bộ nằm bất động để nghỉ ngơi vây kỳ. Giống như những cọng rong che chở thân cá, riềm mi viền quanh đôi mắt dài đến nổi, khi nàng nhắm mắt, như thể phủ gần đến phân nửa gò má. Em chưa từng thấy ai có cặp lông mi vừa đẹp vừa dài đến thế, nhiều khi tự hỏi dài như thế thì nó có làm vướng mắt nàng lúc nhìn hay không. Mỗi lúc mắt nàng mở ra, em không còn phân biệt được đâu là mi đâu là tròng đen, như thể con ngươi đã ra khỏi vị trí của nó để hợp lại thành một với riềm mi.

Nước da của nàng làm tôn cái đẹp của đôi mi và đôi mắt. Nàng chỉ trang điểm sơ sài, một điều hiếm có đối với những cô gái thời đó (nhất là một người từng có quá khứ *geisha*). Không hề đập vào mắt, màu trắng ngà chứ không hồng hào của làn da toát ra một làn ánh sáng mờ ảo như thấy trong mơ. Chỉ có đôi mắt đen nháy lộ ra rõ ràng, sinh động như con cánh cam đang bò trên tấm giấy trắng. Em không hề thèm dẹt quá đáng về vẻ đẹp của cô gái này. Tình thực là cảm thấy thế nào em cứ nguyên như thế trình bày lại thôi.

Nếu như mọi lần thì cuộc đi chúc Tết của em đã phải đến giờ chấm dứt rồi nhưng em có cảm tưởng như vừa mới bắt được vật gì quý báu, ngày hôm đó đã ngồi lì suốt từ sáng đến hai ba giờ chiều, vừa ăn cơm trưa vừa ra sức tiếp chuyện cụ hưu. Được người đẹp chuốc chén, cụ hưu đã say nhưng em nhớ hôm đó mình cũng ngà ngà.

*

- Này cậu Uno, xin lỗi cậu chứ tôi chưa từng được xem tranh của cậu bao giờ nhưng nghe đâu cậu học vẽ tranh kiểu Tây. Thứ chân dung bằng sơn dầu đó mà, chắc cậu khá thành thạo đấy chứ nhỉ?

Cụ hưu bất chợt đặt câu hỏi đó. Em nghĩ trong người cụ, lúc ấy rượu đã thấm đậm.

Bằng một giọng trêu mến nhưng có phần giả lả, O-Fumi-san [\[12\]](#), vươn nhẹ cái gáy ra khỏi cổ áo dài, quay về phía tôi và chìa đôi môi trẻ ra như làm điệu, nói:

- Có lẽ khá thạo thôi à? Ông này già thật ăn nói không biết điều. Thầy giận cho ông biết thân đi!

- Tôi nói có lẽ khá thạo, có ý gì cười cợt cậu Uno đâu. Mấy người thừa hiểu tôi là loại người cổ lỗ sĩ, đâu biết thưởng thức xấu đẹp!

- Khéo nói ghê chưa! Đã không biết gì sao lại lên tiếng.

O-Fumi san, người dám trả lời đốp chát với cụ hưu như vậy chỉ là một cô bé đầu năm nay mới vừa 17 tuổi. Trước mỗi lời cô trách móc, cụ hưu chỉ biết tìm cách chống chế, bên đuôi mắt và trên khóe miệng cụ phảng phất một nụ cười như dấu hiệu của một niềm hạnh phúc. Cụ còn tỏ vẻ muốn phô trương thật lộ liễu sự hân hoan ấy và điều này ngược lại đã làm cho chính em dâm ra mắc cỡ. Đôi lúc, cụ bảo:

- Ái chà, trả lời sao đây ta? Lại thua con nhỏ này keo nũa rồi!

Rồi sau đó làm bộ đưa tay gãi đầu, ra chiều hết sức sợ sệt. Nhìn quang cảnh đó, em biết cụ đã trở thành một đối tượng hết sức thích hợp để O-Fumi-san mặc tình vo tròn bóp méo, có thể bảo chẳng ai còn phân biệt một ông già như cụ với đứa bé sơ sinh. Tính tuổi tác ba người đang ở trong gian buồng này thì lúc đó cụ hưu 61, em 19 còn O-Fumi-san, như vừa nói, mới có 17 và là người trẻ nhất. Thế nhưng, theo lời ăn tiếng nói mà xét thì có thể nói là thứ tự hoàn toàn đảo ngược. Khi đứng trước mặt O-Fumi-san thì cả cụ hưu lẫn em đều có cảm tưởng là bị đối xử như con nít không bằng.

Còn chưa hết ngạc nhiên khi nghe cụ hưu đem chuyện hội họa Tây Phương ra bàn ở đây, em mới vỡ lẽ là cụ muốn đặt em vẽ cho O-Fumi-san một bức chân dung bằng sơn dầu.

- Không biết loại tranh nào đẹp hơn tranh nào nhưng có lẽ sơn dầu thì sát sự thật hơn tranh Nhật chứ cậu nhỉ!

Cụ hưu nói như thế, hẳn có ý muốn cậy em vẽ o-Fumi-san làm sao càng hiện thực càng tốt. Em không biết mình có vẽ đúng ý của cụ không để có thể đáp lại lòng trông đợi ấy. Tuy nhiên trong bụng em nghĩ đây là một cơ hội tốt để mình có thể gần gũi với cô gái và ý nghĩ đó khiến

em không còn chần chờ gì mà không nhận lời đề nghị. Và cứ thế, từ đó mỗi tuần em đến nhà cụ hưu độ hai lần để O-Fumi-san ngồi làm mẫu cho em làm công việc đó.

Trong xóm buôn bán bình dân ở Tôkyô này, hầu hết những căn nhà cổ của thương nhân, gọi là *akindoya*, thường cất theo một kiểu giống nhau, nghĩa là có một lối đi hẹp dẫn vào những căn phòng khá rộng, nhưng càng đi sâu vào bên trong thì ánh sáng càng lúc càng yếu, đến nỗi giữa ban ngày mà ta có cảm tưởng mình đang ở trong hang động. Căn nhà dòng họ Tsukakoshi cũng không ngoài thông lệ ấy. Căn phòng của cụ hưu, nằm mãi bên trong, đặc biệt tù mù. Chỉ cần thời tiết xấu một chút thì mới hơn ba giờ chiều trời đã tối om, không còn đủ ánh sáng đọc báo. Nhất là vào dịp Tết Nguyên Đán là lúc ngày hãy còn ngắn, mỗi lần em ở trường về vòng ngang qua đó, khi ở ngoài đường trời hãy còn sáng nhưng vào đến trong nhà cụ hưu thì đã tối hẳn. Ngồi vẽ tranh sơn dầu trong tình trạng như vậy thật là phi lý. Ánh sáng cần thiết để dựa vào đó mà vẽ tranh chỉ vón vện vài vệt nắng đến từ cái sân trong rộng chừng 5 *tsubo* [13] nằm trước căn phòng. Đó là thứ nắng nhợt nhạt buồn bã mà mặt trời chiều mùa đông bỏ lại trước khi ra đi, phản chiếu vào bên trong nhà một cách hờ hững. Khuôn mặt thon thon như một hạt dưa, O-Fumi-san ngồi lặng yên trong bóng tối, hai vai buông xuôi và cánh cổ dài vươn ra ngoài cổ áo, là một hình ảnh dễ thương đến độ thần kinh em phải ngất ngây, choáng váng. Nó khiến em nhiều lúc muốn ngưng vẽ để có thể lặng người chiêm ngưỡng những đường nét da thịt thơm tho trắng ngần phản chiếu mờ mờ chút ánh sáng yếu ớt đó.

Đến khi em thật sự bắt tay vào việc, cụ hưu nhận ra cần phải gắn một bóng điện 60 oát và kèm thêm cái đèn chạy bằng khí đốt. Cả hai làm sáng hẳn căn phòng nhưng lại chói cả mắt em. Điều kiện làm việc đã được cụ cung cấp quá đầy đủ, bây giờ em mới bước qua giai đoạn khó khăn là xếp đặt vị trí cho người mẫu phải ngồi thế nào. Bởi vì từ lúc đầu cụ hưu muốn em thực hiện một bức chân dung cho nên khi em định vẽ bức họa bán thân hay tương tự thôi thì cụ đã lên tiếng:

- Cậu Uno ơi, tôi thấy nếu để cô ấy ngồi mà vẽ y nguyên theo đó thì chẳng có gì hay ho cả. Thế cậu có cho phép tôi nhờ cậu vẽ theo kiểu thấy trên bức ảnh này không?

Cụ ta lục từ trong đáy cái tủ nhỏ ra một tập sách truyện bằng tranh cũ rách cũ re. Cụ lật cái trang có in bức tranh minh họa truyện Inaka Genji [14] của Tanehiko [15] cho em xem. Nếu em nhớ không lầm, đó là tranh của Kunisada [16]. Trong bức mộc bản ấy có một nàng con gái trẻ với đường nét của O-Fumi-san, kiểu người đẹp đúng theo quan điểm thẩm mỹ của họa sư. Chân trần lộ bộ từ trên con đường quê xa tắp đến nơi, cô gái đang định ghé vào một ngôi chùa cỏ bỏ hoang. Vì muốn bước vào trong nên cô tạm ngồi lại bên hành lang, lấy một tấm khăn phủ nhẹ bunn đất lấm đôi chân của mình. Nửa phần trên thân hình nghiêng hẳn về bên trái như chực ngã, cô chỉ còn dựa được vào mỗi một cánh tay mảnh khảnh. Bàn chân trái buông thõng xuống từ hành lang, đầu ngón chân chấm lên mặt đất, còn chân phải hơi gập cong lại, và cô đang ta dùng bàn tay phải để phủi bunn dính vào gan bàn chân. Tư thế này đòi hỏi người mẫu phải hết sức khéo léo, nó còn chứng tỏ các bậc đại sư tranh *ukiyo* [17] ngày xưa có khả năng nhận xét nhạy bén biết chừng nào về những nét biến hóa kiều mị trong động thái của người phụ nữ.



Họa sư Utagawa Kunisada (1786-1864)
(ảnh Wikipedia)

Cái gây ấn tượng cho em nhất là họa sư đã giữ được sự quân bình và tinh tế trong cách trình bày vẻ mềm mại của tấm thân người đẹp thay vì sự vụng về có thể thấy khi nàng ở trong tư thế khó khăn này, lúc mà cả tứ chi phải uốn éo một cách phức tạp. Như em đã nhắc đến ở trên, ngực của người đẹp trong tranh nghiêng hẳn về bên trái còn chân phải gập lại trong một tư thế dễ làm mất thăng bằng, chỉ cần kéo nhẹ cánh tay đang chống trên mặt đất là có thể làm nàng ngã. Để tránh nguy cơ này, tất cả những cơ bắp trên tấm thân thanh nhã đều căng ra như một sợi thép để cho mọi bộ phận cơ thể kết hợp lại thành một dáng điệu tuyệt đẹp. Ví dụ như lòng bàn tay trái của nàng, lúc đó, để nâng đỡ cái vai, đã xòe ra và chống lên trên mặt sàn hành lang, năm đầu ngón tay như đang co giắt. Cũng vậy, bàn chân trái không cắm hờ xuống đất nhưng rõ ràng là nàng gia sức thật nhiều lên đó nên ngón chân cái cong lại như hình mỏ chim.

Một động tác của người đẹp được họa sư miêu tả linh diệu nhất là sự liên hệ giữa bàn chân phải đang gập lại, chìa ra phía ngoài và bàn tay phải phẩy bừa trên đó. Một tư thế như thế hẳn là cần thiết; bởi vì bàn chân phải đang bị bàn tay phải giữ lấy, bắt buộc uốn theo nó, chỉ cần bàn tay ấy buông ra là bàn chân sẽ va mạnh xuống nền đất. Do đó, bàn tay phải nắm chặt lấy bàn chân trong khi nàng vẫn lau chùi cho nó được. Em không khỏi khâm phục tài năng và sự khéo léo có một không hai của họa sĩ *ukiyo-e* bậc thầy này. Đáng lý chỉ cần giữ lấy bàn chân và nâng nó lên bằng cách nắm lấy nhượng chân hay bắt lấy cổ chân mà thôi, họa sư đã khéo léo len bàn tay cô gái vào giữa hai ngón chân, ngón thứ ba và thứ tư, để có thể nâng bàn chân mà chỉ cần sức của hai ngón tay. Những ngón chân như tìm cách thoát ra khỏi hai ngón tay nhỏ nhỏ xinh xinh này và đầu gối của người đẹp trong tranh đang co lại, run rẩy vì mọi cố gắng của nó không đem lại kết quả mong muốn.



Ukiyoe của Kunisada vẽ cảnh xóm làng chơi Yoshiwara (1818)
(Ảnh Wikipedia)

Thưa thầy, mong rằng những điều em viết ra đây có thể giúp thầy hiểu được phần nào quang cảnh em đang cố gắng mô tả. Một bức tranh vẽ một cô gái đẹp đang đứng thẳng, mắt nhìn về xa xôi, chân tay buông thõng như cành liễu rũ hay nằm duỗi dài ra một cách thần thờ, có thể làm cho người xem thương cảm đấy; thế nhưng thể hiện được như ở đây những đường cong lượn sóng và căng thẳng như chiếc roi mà không làm giảm đi vẻ đẹp đặc biệt đó, chắc chắn là cả một thử thách khó khăn. Bức họa vừa mềm mại vừa rắn rỏi, vừa căng thẳng vừa tinh tế, vừa mạnh mẽ vừa yếu ớt. Xúc động gây ra bởi nỗ lực muốn diễn tả cái đáng yêu của nó có thể so sánh với cái nghị lực sinh ra từ tuyệt vọng giúp con chim oanh cố gắng tiếp tục hót trong khi cổ họng đã đau xé.

Thực ra, để lột được nét đẹp của tư thế này, phải vẽ được sự sống tiềm ẩn trong từng bắp thịt của mỗi đầu ngón tay, ngón chân. Không thể biết là họa sư có cố tình sử dụng một bút pháp thậm xưng khi tạo ra tư thế khó thực hiện này hay không nhưng sao em chẳng thấy có gì giả tạo. Muốn biểu lộ cái nhục cảm của tư thế này thì vóc dáng người trong tranh phải mảnh mai, uyển chuyển và xinh xắn. Nếu vẽ một người mặt vừa xấu, chân ngắn, cổ núc nác thì đâu có ai thèm nhìn. Nhất định là lúc sửa soạn vẽ bức tranh này, Kunisada đã có dịp chứng kiến tận mắt một mỹ nhân đang ở trong tư thế tương tự, vì bị lôi cuốn bởi vẻ đẹp của nó nên đưa vào trong tác phẩm. Nếu không, làm gì chỉ cần dựa vào sự tưởng tượng mà thôi, ông lại có thể miêu tả một cách hiện thực như thế được.

Em đã tốn bao nhiêu nước bọt để thưa là không thể nào theo đúng ý cụ nghĩa là dựa theo chi tiết trên tấm mộc bản mà vẽ hình o-Fumi-san bằng sơn dầu. Dù muốn thử lửa đi chăng nữa, với trình độ kỹ thuật còn non kém của mình, em không có cách nào vươn tới nghệ thuật của Kunisada thấy trong bức mộc bản. Tiếng là không biết gì về hội họa Tây Phương nhưng khi đặt điều kiện làm việc như thế với em, kể ra cụ đã đòi hỏi hơi quá đáng. Trong đầu, cụ có thể nghĩ rằng ngay cả tranh mộc bản hai màu đen trắng mà đã đẹp và sống động như thế, thì bây giờ thử hỏi với một người mẫu bằng xương bằng thịt, có khó gì mà không vẽ cho đẹp hơn khi sử dụng kỹ thuật sơn dầu!

Em lẽ phép từ tạ, nhắc cụ năm lần bảy lượt là nếu muốn đạt kết quả như thế bằng lối tranh sơn dầu, phải là người có thiên khiếu, tài năng và kinh nghiệm vẽ tranh như họa sư mộc bản Kunisada chứ không phải là anh họa sĩ quèn, chưa nắm được bí quyết của người xưa, như em. Nói cách này, cụ cũng chẳng chịu nghe. Cụ lại cho khênh ra giữa nhà một cái chõng bằng tre, loại chõng thường đặt trong vườn để ngồi hóng mát mùa hè. Cụ bảo O-Fumi-san ngồi lên đó và van nài em dù đẹp xấu, hay dở, mặc lòng (vì mình không có óc thẩm mỹ) cứ vẽ cho cụ cái cảnh nàng đang phỉ chân, chỉ làm sao cho nó giống giống tranh mẫu cụ đưa ra là đủ thỏa mãn. Cứ làm thử đi, cụ bảo, nói vô phép chứ tốn bao nhiêu tôi cũng trả.

Cụ hừ cừ lập đi lập lại, cúi đầu nhờ vả em cho kỳ được:

-Thôi mà, đừng nói vậy tội nghiệp. Nhờ cậu giúp cho một lần đi!.....

Không biết cụ đùa hay thực lòng chứ lối ăn nói dẻo quẹo, dai nhách như thế, em có muốn cắt lời cũng không được. Đồng thời, cái miệng toang toác có hồn danh "hàm ếch" nở một nụ cười cầu tài trông thật khó ưa. Ngày thường, cụ thực thà, giản dị và biết điều nhưng không dè hôm nay lần đầu tiên em mới thấy từ bên trong lộ ra cái tính ngoan cố đó. Thái độ đeo dính như đĩa, quần quít chân người ta, đối với em, đúng là một phát hiện không ngờ. Gương mặt cụ lúc này trông thật lạ lùng. Cách ăn nói vẫn giống ngày thường, thái độ không có gì thay đổi so với mọi lần nhưng ánh mắt cụ không biết từ lúc nào đã hoàn toàn đổi khác. Miệng vẫn nói chuyện với em đầy nhưng mắt lại nhìn đắm đắm vào một vật gì khác bên ngoài, trông mắt đầy tia máu và đồng tử như đang bị hút sâu vào trong hố mắt, nhìn vào có thể nghĩ cụ hừ đang có một sự chuyển biến tinh thần đột ngột vốn là một triệu chứng của điên loạn. Trông thần mắt cụ, thấy ngay nó có chôn dấu một cái gì dị thường. Bằng trực giác, em đột nhiên thấy được đằng sau cách nhìn của cụ cái lý do để cho bà con họ hàng sinh lòng oán ghét. Cùng một lúc, em cảm thấy có một chấn động gây ớn lạnh chạy khắp châu thân.

Trực giác của em đã được xác nhận là đúng qua thái độ lúc đó của O-Fumi-san. Khi thấy ánh mắt của cụ hừ thay đổi, nàng bỗng sa sầm nét mặt như muốn nói: "Lại nữa rồi!". Hơi chau mày, nàng khe khẽ chặc lưỡi "Suýt!" để lưu ý, rồi giống như bà mẹ đang trách mắng đứa con nghịch, nàng nói:

- Sao vậy ông? Thầy Uno đã nói không được, ông còn nài ép làm chi, thử hỏi có đi đến đâu không? Tui chưa thấy ai cứng đầu như ông. Trước hết, tui sẽ không chịu làm cái việc kỳ cục vô duyên là ngồi lên cái chõng ngoài vườn mà ông đem đặt ở giữa nhà đâu. Không, không, ngàn lần không!

Vừa nói, nàng vừa trừng mắt nhìn ông già. Cụ ta mới van xin lay lục, nịnh nọt đủ điều để nàng nguôi cơn giận và chịu ngồi lên chõng phỉ chân. (Dĩ nhiên trong lúc làm đủ màu mè để thuyết phục nàng, miệng cụ vẫn cười đơn đả, chỉ có đôi mắt là càng ngày càng đánh lại và hằn lên những tia máu). Quên bằng địa vị của mình, lúc đó em cảm thấy không khỏi đồng tình với thái độ của O-Fumi-san. Lý do là họa sư Kunisada vì tình cờ bắt gặp cô gái đang làm động tác phỉ chân nên mới đưa hình ảnh đó vào trong tranh chứ bị áp đặt phải ngồi xuống theo một tư thế nào đó thì quả là một việc khó khăn cho người mẫu. Chưa chắc cô ta có thể ngồi yên lâu hơn ba phút. Dù nói thế, một người bản chất ngang ngược và ích kỷ như O-Fumi-san đã chấp nhận đòi hỏi của cụ hừ một cách khá dễ dàng, bởi vì trong khi nói ra rằng em chả em chả, cô đã đến ngồi lên chiếc chõng. Tôi thầm nghĩ hành động này phải có một lý do sâu xa nào đó. Giả sử O-Fumi-san kiên quyết từ chối đến cùng, nói sao cũng không nghe, biết đâu những triệu chứng cuồng điên trong cặp mắt của ông cụ lại không hiện ra rõ rệt hơn khắp khuôn mặt rồi

biến thành những cử chỉ hay lời nói không kiểm soát nổi khi cơn điên bộc phát! Có lẽ vì sợ điều đó xảy ra cho nên O-Fumi-san chịu khuất phục chăng? Ít nhất đó cũng là cách suy luận của riêng em.

- Tội nghiệp thầy Uno quá đi thôi. Cái ông này khủng đở thầy, em không kèm ông nổi! Thôi thì thầy có vẽ được hay không cũng không sao, cứ giả đồ cho ông yên, nghe thầy!

O-Fumi-san đang ngồi trên cái chõng, đạo diễn em làm như thế. Lời của nàng cũng phù hợp với những điều em đang nghĩ trong bụng.

- Thế à, vậy để tôi thử vẽ xem.

Không biết làm gì khác, em quay về phía giá vẽ dù trong lòng không có chút quyết tâm nào sẽ làm công việc đó một cách nghiêm túc. Em chỉ nghe theo lời O-Fumi-san để tránh làm trái ý ông cụ thôi.

*

Rốt cuộc, O-Fumi-san đã làm như lời cụ hưu dặn. Bắt chước người đàn bà trong quyển truyện, cô chống bàn tay trái lên cái chõng, chân phải hơi gập cong, dùng bàn tay phải nắm lấy đầu bàn chân đưa lên, trông không khác tư thế thấy trong tranh chút nào cả. Kể ra thì có vẻ giả dối nhưng phải thừa là lúc ấy, sự kinh ngạc của em thật khó lòng diễn tả cho rốt ráo. Lúc O-Fumi-san vừa ngồi xuống cái chõng tre để bắt chước dáng điệu của nhân vật trong tranh thì có thể nói là nàng chợt đã hóa thân thành người đẹp của Kunisada hay gần như thực tướng của người ấy. Mới rồi, em có nói phải có thân hình thật mảnh mai, uyển chuyển, tươi tắn mới ngồi được gọn gàng với cái tư thế đó. Chưa bao giờ mấy hình dung từ này lại có thể thích hợp hơn để miêu tả sự mềm mại xinh đẹp của thân thể O-Fumi-san. Nếu không dựa vào dáng vẻ tuyệt vời của nàng thì không tài nào làm sống lại người đẹp trong bức tranh mộc bản ấy một cách hoàn hảo. Khi hầy còn hành nghề *geisha*, hình như nàng nổi tiếng là người múa giỏi, bây giờ thấy nàng mới hiểu tiếng đồn thật không sai. Nếu chẳng phải thế, hỏi làm sao nàng có thể chuyển động thân thể với chừng ấy mềm dẻo và dễ dàng để có thể bắt chước y nguyên tư thế của người trong tranh, một điều khó khăn mà người mẫu bình thường không thể nào làm được. Trong một hồi lâu, em như người bị hớp hồn, say sưa hết ngắm người trong tranh rồi người thật ngoài đời, ngắm đi ngắm lại không biết bao nhiêu lần, hết biết phân biệt đâu là tranh đâu là O-Fumi-san. Đúng như vậy, càng nhìn càng ngắm, càng không nhận thức được có sự khác nhau giữa hai bên. Thân thể O-Fumi-san, thân thể người trong tranh, cánh tay trái O-Fumi-san, cánh tay trái người trong tranh, những đầu ngón chân trái O-Fumi-san, những đầu ngón chân trái người trong tranh....em cứ kiểm điểm từng chút một như vậy và nhận ra ở cùng một bộ phận, nơi hai người, bên nào cũng tiềm ẩn một sức sống và một sự căng thẳng như nhau.

Em xin phép lưu ý thầy một lần nữa là những đường cong thân hình của O-Fumi-san sinh động và gợi cảm đến mức độ nào. Cho dầu một người mẫu bình thường biết học đòi bắt chước tư thế của người trong tranh đi nữa, cũng không thể nào làm được như O-Fumi-san, nghĩa là vượt lên cả sự bắt chước. Nàng thể hiện được cái đẹp của đường nét da thịt trên thân thể trong từng chi tiết. Ngoài nàng chắc không ai có thể làm nổi. Em còn đi đến chỗ muốn nghĩ rằng không phải O-Fumi-san bắt chước người đẹp trong tranh mà chính người đẹp trong tranh đã đi bắt chước O-Fumi-san. Nếu có bảo Kunisada đã dùng O-Fumi-san làm người mẫu cho bức họa của ông ta chắc cũng không ngoa.

Nhưng vì có gì giữa chừng ấy tranh ảnh minh họa cuốn truyện, cụ hưu lại chọn tấm này cho O-Fumi-san? Tại sao tư thế của người đẹp trong bức tranh ấy lại lôi cuốn cụ đến mức đó? Nhân vì lòng ham muốn của cụ hưu bộc lộ quá mạnh mẽ khiến em bất giác để ý điều đó. Dĩ nhiên với kiểu ngồi như thế này, những đường nét yêu kiều diễm lệ của O-Fumi-san sẽ được phô bày ra rõ rệt hơn là tư thế bình thường. Thế nhưng chỉ có lý do ấy thôi thì không giải thích được thái độ mê đắm, cuồng nhiệt, cũng như cặp mắt lóe lên ánh lửa điên rồ của ông cụ. Em bắt đầu nghi ngờ là đằng sau "ánh mắt" ấy chất chứa một sự bí mật và tưởng tượng ra là cái dáng ngồi của người mẫu có yếu tố gì đặc biệt thu hút tâm hồn ông. Kiểu ngồi thường không thể cho thấy phần đặc biệt của cái đẹp nhục thể ví dụ như cử động của đôi chân trần thoáng hé dưới vạt *kimono* và đường cong đồ dài từ bắp chân xuống phía những chiếc móng. Vì từ bé, em là người luôn luôn có một khoái cảm dị thường trước vẻ đẹp nhịp nhàng của bàn chân các nàng con gái trẻ nên tâm thần đã mê mẩn ngay giây phút nhìn thấy những đường cong đẹp đến nỗi nung trên đôi chân trần của O-Fumi-san. Ông chân thẳng thơm phảng phất như được tỉ mỉ chuốt ra từ lõi gỗ trắng, càng đi về phía nhượng chân càng nhỏ nhắn, thật lại thật gọn. Cổ chân tiếp tục thoải mái đổ dốc đến hàng ngón chân đều đặn, nhỏ dần dần, suốt từ ngón cái đến ngón út. Sự hài hòa này còn rõ ràng hơn cả đường nét trên khuôn mặt O-Fumi-san. Em không dám nói trên đời này không có "khuôn mặt" nào sánh được với khuôn mặt của nàng nhưng đôi "bàn chân" với hình thể gọn ghẽ, đẹp đẽ như chân nàng thì xưa giờ em chưa từng thấy. Thứ bàn chân mà gan chân bèn bết, ngón sắp không đều, cách nhau xa tạo thành kẽ hở khó coi, sẽ để lại nơi ta một cảm giác khó chịu như lúc phải nhìn một khuôn mặt xấu xí. Thế nhưng gan bàn chân của O-Fumi-san no đầy đến thích mắt, mấy ngón chân xếp đều và châu vào như hình chữ *m*, hàng lõi đều đặn như một đường răng khéo tròn. Mấy đầu ngón chân như thể có ai dùng kéo để tia ra từ một củ *shinko* [\[18\]](#) thì mới đẹp đẽ, ngay ngắn và gọn gàng như thế chứ. Còn những cái móng chân hồng ở mút đầu ngón nữa chứ, biết lấy gì để so sánh! Em muốn ví chúng với những quân cờ vậy nhưng chúng lại bé hơn, bóng láng hơn và diễm lệ hơn quân cờ cơ. Trừ phi một người thợ thật khéo tay, biết dát mỏng và đánh bóng vỏ xà cừ của loại sò lấy ngọc trai, đem hết tâm trí mài giũa từng cái một rồi gắp chúng bằng những chiếc kẹp nhỏ, ghim vào đầu củ *shinko* thì may ra đạt được kết quả tương tự. Mỗi lần được chiêm ngưỡng vẻ đẹp như vậy, em mới thấy Đấng Tạo Hóa quả thật bất công khi tạo ra sự khác nhau giữa người với người. Đối với người ta và muông thú, móng tay móng chân được "mọc ra". Thế nhưng nơi bàn chân của o-Fumi-san, phải nói chúng đã được "cắn vào". Đúng như vậy thật vì mỗi ngón chân của nàng từ khi sinh ra như đã được đính thêm một viên ngọc quý. Nếu đem gỡ chúng từ tay chân của nàng ra để xâu thành chuỗi thì nó đáng gọi là chuỗi ngọc của nữ hoàng.



Tanizaki bên cạnh Matsuko, người vợ thứ ba,
cũng là nguồn cảm hứng vô tận của ông.

Hai bàn chân ấy, cho dù có bước lơ đãng trên mặt đất hay đặt một cách hững hờ lên mặt tấm *tatami* cũng đã đủ gợi ra cảm xúc mỹ thuật như khi ta đứng trước của một công trình kiến trúc tôn nghiêm. Đó là chưa nói đến phần bên trái của thân hình nàng, có lẽ vì bị ảnh hưởng của cái tư thế mà nửa thân người phía trên hơi mất thăng bằng vì ngả qua một bên, nên duỗi thẳng về phía dưới, làm toàn thân như chịu đựng sức nặng tụ lại ở một điểm tức là chỗ đầu ngón chân cái tiếp giáp với mặt đất. Vì vậy lớp da trên mu bàn chân, không những căng thẳng từ gót đến đầu năm ngón chân, còn cho ta cảm tưởng đang co thắt lại, diễn tả sự run rẩy, sợ hãi trước một điều gì. (Nói về một bàn chân mà phải dùng những từ ngữ như là "diễn tả" có thể khó lọt tai nhưng em tin rằng, một bàn chân cũng có thể khả năng diễn tả như một khuôn mặt. Theo em, chỉ cần xem bàn chân thôi, ta cũng đủ biết đó là loại đàn bà đa tình hay là những con người tàn nhẫn). Bàn chân trái này làm em liên tưởng đến một con chim nhỏ đang cảm thấy bị uy hiếp nên phồng ngực hít cho đầy không khí và đập cánh chực bay. Mu bàn chân của nàng rướn lên theo hình vòng cung khoe ra những thớ thịt mềm mại, mảnh dẻ, gọn gàng bên trong. Nếu nhìn từ gan chân, ta sẽ thấy năm ngón chân quặp lại, xếp hàng cạnh nhau như những con sò nhỏ. Bàn chân thứ hai được tay mặt của nàng kéo lên khỏi mặt đất chỉ vài mươi phân, có một lối diễn tả khác. Nếu bảo bàn chân đó "đang cười" chắc sẽ làm một người thông thường vô cùng ngỡ ngàng. Đến thầy hán cũng phải lắc đầu cho là kỳ quái mà thôi! Thế nhưng ngoài lối nói "bàn chân đang cười", em không tìm ra chữ nào để mệnh danh cho thích hợp.

Về hình thái thì ngón út và áp út như treo giữa không trung, còn ba ngón còn lại rời rạc, tạo ra những kẽ hở giữa chúng và vặn vẹo như thể làm duyên. Đúng như thế, khi ta thọc lét ai thì trong lòng bàn chân người đó, từ gót cho đến mấy ngón, thường thấy có hiện tượng này. Vì điều đó xảy ra trong khi chọc cười bằng cách cù chân, dù có gọi là "bàn chân đang cười" thì cũng chẳng có gì quá đáng. Em vừa nói là bàn chân biết làm duyên. Nhượng chân và các ngón cong vòng theo hai hướng đối nghịch, tạo nên một chỗ hõm ở chính giữa, toàn thể bàn chân trông giống con tôm bện bằng rơm dùng trang trí vào dịp Tết nhất. Em thấy tư thế này dù ai nhìn cũng phải công nhận là lẳng lơ và kêu gọi. Nếu không phải là người giỏi nghề múa như O-Fumi-san để có những động tác mềm mại và nhuần nhuyễn thì không thể nào uốn được bàn chân một cách gợi tình như thế được. Ta có cảm tưởng đây là động tác một điệu vũ khi người đàn bà tình tứ và yêu kiều đang để thân hình mình uốn éo mê hoặc.

Còn một chi tiết khác không thể bỏ qua nữa là gót chân tròn đầy của nàng. Nơi những người đàn bà bình thường, giữa nhượng chân và gót chân bao giờ cũng có một khúc gãy, thế mà điều này không thấy tí ti nào nơi O-Fumi-san. Em đi qua đi lại nhiều lần sau lưng nàng dù không có lý do đặc biệt, cốt chỉ để ngắm nghía cho thật trọn vẹn nét đẹp của gót chân vì không thể nhìn rõ ràng nếu đứng đằng trước. Tuy cái nhìn của em kín đáo nhưng vẻ đẹp bàn chân bắt gặp đã để lại ấn tượng sâu đậm trong đầu óc. Em tự hỏi xương thịt đã được cấu tạo như thế nào để có một gót chân êm ái, tròn trịa và mịn màng đến như thế! Từ khi O-Fumi-san sinh ra cho đến năm mười bảy tuổi, có lẽ gót chân nàng chưa bao giờ phải dẫm lên những vật gì cứng rắn hơn là mặt nệm hay mặt chiếu. Em còn nghĩ là trước một bàn chân yêu kiều như thế, thà mình hy sinh một kiếp đàn ông để làm cái gót dính sát vào bàn chân ấy, chắc còn được hạnh phúc hơn nhiều. Nếu không được như thế thì cũng muốn hóa thân thành tấm chiếu để nàng dẫm bước lên trên. Nếu so sánh xem sinh mạng của em và gót chân của O-Fumi-san xem cái nào quý hơn thì em xin trả lời đó là gót chân của nàng. Nếu vì cái gót chân ấy thì dù phải chết em cũng cam đành.

Hai bàn chân bên mặt và bên trái của O-Fumi-san đều đẹp như nhau, làm sao tìm ra được một cô chị với cô em tài mao song toàn đến thế. Và cũng như hai chị em, không phải chúng đẹp mỗi người một vẻ và đang tranh đua hương sắc đó sao?

Tuy đã cao hứng dùng hết lời lẽ để phô trương cái đẹp của đôi chân O-Fumi-san nhưng trước khi dứt lời, xin thầy cho em bàn thêm một điều nữa thôi. Đó là màu sắc của làn da đang bao bọc lấy đôi chân. Cho dù hình thù một bàn chân có hoàn chỉnh đến đâu, nếu nước da xấu thì không thể nào nói là đẹp được. Em nghĩ O-Fumi-san phải hết sức tự hào về đôi chân của mình và những khi nàng bước chân vào phòng tắm, đã chú ý đến nó không thua gì khuôn mặt. Dù sao, mới nhìn đã biết ngay là làn da này phải được kỳ cạo chăm sóc kỹ lưỡng suốt năm mới được trắng trẻo ngọc ngà, tươi tắn và bóng láng như thế. Không chỉ thế thôi, vì thực tình mà nói, chưa chắc loại ngà nào có được cái màu trắng thần bí linh thiêng của làn da bàn chân O-Fumi-san. Trừ phi thử rót vào bên trong lớp ngà đó dòng máu ấm của một người con gái trẻ hay một thứ chất lỏng nào có tính thần bí tương tự thì may ra mới tạo được màu sắc kỳ dị mong muốn. Nếu nói về màu trắng của đôi chân thì không chỉ toàn một màu trắng, bởi lẽ vùng chung quanh gót và móng chân của nàng đượm một màu hồng thắm như cánh tường vi, chúng quanh lại viền thêm màu hồng nhạt, chúng làm em liên tưởng những quả dâu hồng rười rười sữa tươi, món ăn mùa hè. Màu hồng chất quả ngọt hòa với màu trắng sữa, cái màu ấy như đang tuôn theo từng đường cong trên bàn chân O-Fumi-san. Không biết điều em nghi ngờ có quá đáng hay không nhưng biết đâu nàng chấp nhận làm người mẫu trong tư thế khó khăn này chẳng qua là để phô trương đôi bàn chân tuyệt đẹp của mình?

Nếu nói về tâm tình của em đối với bàn chân của một người khác phái thì - chỉ cần đứng trước bàn chân của người đàn bà đẹp - là trong lòng em đã dậy lên một tình cảm ngưỡng mộ không sao kìm hãm nổi. Tâm lý đó giống như sự sùng bái thần linh. Tác dụng tâm lý bàn chân gọi lên đã tiềm tàng trong nơi sâu thẳm nào đó của lòng em. Trong tâm hồn thơ dại của đứa con nít, em vẫn hiểu được đó là tình cảm bệnh hoạn và đã cố gắng mọi cách để dấu diếm nó trước mặt người khác. Thế nhưng việc khám phá ra rằng không phải chỉ có mỗi mình mình mang một tâm trạng hầu như điên rồ ấy, và biết rằng những tín đồ của tôn giáo bái vật lấy bàn chân của người khác phái làm đối tượng, hạng người phải được gọi là *Foot-Fetischist* [19] hãy còn đầy dẫy trong xã hội...là điều em mới đọc qua sách vở từ độ sau này thôi [20]. Kể từ ngày đó em vẫn nghĩ rằng ít nhất mình phải có một người đồng đạo nào ở đâu đó không xa nên đã âm thầm tìm gặp cho bằng được. Thế nhưng chưa gì thì giờ đây đã có cụ hru Tsukakoshi hiện ra nhập bọn với em. Cụ hru là người chưa từng đọc những tác phẩm về tâm lý học mới ra đời,

chắc chắn chẳng hiểu những từ chuyên môn như *Foot-Fetischism* là gì và cũng không thể nào ngờ trong cõi đời này, mình lại có thể có nhiều bầu bạn đến thế. Có lẽ giống như cách nghĩ của em hồi còn nhỏ, cụ cũng tin rằng mình là người duy nhất đã vướng vào thói tật xấu xa gớm ghiếc ấy. Một người trẻ như em còn có thể tha thứ được chứ cụ hưu đây vốn là ăn chơi dân lối đời ở cái đất Edo thanh lịch mà còn mang một nỗi trạng bệnh hoạn của con người hiện đại như thế thì cụ không khác gì một kẻ sinh ra nhằm thế kỷ. "Tại sao một người thanh lịch như ta mà lại vướng vào cái bệnh quái gở này?" Phải chăng đó là câu hỏi nhiều khi cụ đã cau mày tự đặt ra, và không khỏi lo lắng nếu có ai biết được thì khôn. Nếu em không là nạn nhân đang chia chung một vận hạn với cụ hưu và nếu từ buổi đó em không nhìn cụ với một tia nhìn dò xét thì có lẽ cụ sẽ giữ sự bí mật của mình ở tận đáy lòng rồi. Bởi vì tự phút đầu, em đã nghi ngờ có gì không ổn ngấm ngấm trong thái độ của ông già và theo dõi cụ, lại từng chứng kiến kiểu nhìn lăm lét như kẻ cắp của cụ về phía bàn chân của O-Fumi-san, em mới nói như khơi gợi:

- Xin lỗi cụ chứ hình dáng bàn chân cô đây đẹp hết chỗ nói. Cháu đã quen nhìn người mẫu phụ nữ ở trường mỹ thuật rồi nhưng chưa thấy bàn chân nào xinh đẹp, hoàn hảo đến mức này cả.

Vừa dứt lời, em đã thấy mặt của ông cụ ửng đỏ và đôi tròng mắt long lanh một cách dị thường, miệng nở một nụ cười khinh khỉnh như muốn che dấu cái thâm ý cực kỳ xấu xa của mình. Do đó, em đành phải đứng ra tích cực giải thích là đường nét bàn chân quan trọng đến mức nào đối với sắc đẹp nhục thể của người phụ nữ, và việc tôn thờ một bàn chân đẹp cũng chỉ là chuyện thế gian thường tình mà thôi. Nghe thế, cụ mới dần dần an tâm trở lại và từ từ để lộ cái đuôi ra.

- Này, cụ hưu ạ! Hồi này cháu có phản đối gợi ý của cụ thật nhưng bây giờ mới biết khi đòi hỏi cô đây phải ngồi làm mẫu với tư thế trong tranh thì quả là cụ có lý chứ chẳng chơi. Tư thế này giúp cô bộc lộ không sót một nét đẹp của bàn chân. Cụ cứ nói mình chẳng biết tí gì về hội họa thì không đúng chút nào ạ!

- Ấy chết. Xin cảm ơn. Cậu Unokichi đánh giá như thế thì tôi hết sức sung sướng. Mà này, chuyện bên Tây tôi không biết ra sao chứ đàn bà Nhật từ xưa vẫn tự hào là có bàn chân đẹp. Cậu cứ xem, các cô *geisha* thời Mạc Phủ, mùa đông cũng không chịu mang *tabi* bởi vì cố ý khoe bàn chân đẹp. Đó là cái nét phong lưu các nàng phải có để nuông chiều khách. Ngày nay các cô *geisha* khi ra tiếp khách lại đi tất *tabi*, so với thời xưa, thật chả ra làm sao. Hơn nữa, các cô bây giờ đâu có ai được một bàn chân đẹp, cho nên mới hiểu tại sao cho dù được van nài, họ cũng từ chối không cởi *tabi* ra. Nhưng riêng O-Fumi vì có đôi chân thật đẹp, đúng là một ngoại lệ, nên tôi cứ nhất quyết đòi hỏi cô ấy lúc nào cũng chớ có mang gì trên đó cả.

Nói đến đây, cụ hưu hắt cằm lên xuống, gật gù ra chiều mãn nguyện.

- Nếu cậu Unokichi hiểu được bụng dạ tôi thì tôi không biết nói gì hơn. Dù cậu không vẽ bức chân dung ấy được như ý muốn, chẳng hề hấn gì cả. Cho nên, cậu ạ, nếu chỗ nào rắc rối, cậu cứ phiên phiên. Chỉ xin cậu vẽ thật tỉ mỉ phần bàn chân cho tôi !

Rốt cuộc, ông cụ đã thừa thế nói ra những gì em đã dự tưởng. Trong khi bao người khác chỉ cần vẽ mặt - một điều có thể gọi là đương nhiên - thì cụ ta lại muốn vẽ đôi chân. Chuyện cụ ta mắc cùng một chứng bệnh như em thì chỉ cần nhìn qua chứng cứ này cũng quá rõ.

Kể từ hôm đó, hầu như không ngày nào em không ghé qua chỗ của cụ. Ngay lúc ở nhà trường, hình ảnh bàn chân O-Fumi-san vẫn cứ lúc ẩn lúc hiện trước mắt, đến nỗi em không mớ tay vào được công việc gì cả. Nói như thế không có nghĩa là mỗi khi đến nhà cụ em đã dồn hết tâm lực cho cái việc cụ nhờ đâu. Nói về bức tranh thì em cứ vẽ vờ dối dá cho qua, chỉ cùng với cụ hưu hết giờ này đến giờ khác ngắm nghía nét đẹp bàn chân O-Fumi-san rồi trầm trồ, tấm tắc. Cô nàng hình như cũng biết tông thói tật của cụ hưu nên đôi lúc tuy để lộ ra ngoài vẻ mặt không vui nhưng vẫn chịu khó làm người mẫu, nói chung là chỉ ngồi im lặng mặc cho em và cụ trao đổi câu chuyện. Tuy gọi là người mẫu nhưng cô ta không phải làm mẫu cho người khác vẽ mà chỉ là một cái cớ. Cô được bày ra đó để hai cặp mắt mê mẩn sắp hóa khùng của cụ già và chàng trai phóng lên trên đó những tia nhìn đắm đuối. Nếu đặt mình vào hoàn cảnh đương sự thì mới thấy cô phải chịu đựng những tia nhìn hết sức khó chịu. Làm mẫu mà lại trở thành đối tượng để tôn thờ nên vị trí của cô thật khó xử. Đến mức này em mới thấy rõ là sinh ra với đôi bàn chân đẹp là đã vướng vào điều phiền não. Một người đàn bà bình thường dĩ nhiên mạnh tay từ chối công việc gần gũi như thế, nhưng, vốn tính ranh mãnh, O-Fumi-san biết giả tảng ngây thơ chiều ý ông cụ. Cô ta trở thành món đồ chơi của người đàn ông thật đấy, nhưng vì chỉ cần đưa đôi chân trần ra cho xem và được tôn thờ là đã đem đến niềm vui tốt cùng cho ông cụ, cho nên đối với cô, điều đó đâu phải công việc nhọc nhằn gì!

Dần dần khi quan hệ giữa ông cụ và em càng gần bó, ông mới lộ thói tật của mình nhiều hơn. Phần em vì bản chất hiếu kỳ, cũng tìm mọi cách đốc thúc để ông cụ bày tỏ thêm. Để thực hiện mục đích đó, em cũng phải cho cụ thấy nơi em cũng có những khuynh hướng khó được người đời chấp nhận. Có điều là em tìm cách làm cho quá quắt hoặc tô vẽ thật xấu xa khi kể lại những kinh nghiệm cá nhân với ý định giúp ông cụ trút bỏ hết mọi ngượng ngùng. Khi nghĩ lại, em nghĩ rằng động cơ hướng dẫn hành động của mình hồi đó không chỉ vì muốn biết bí mật người khác nhưng hẳn phải có một sự thèm thuồng thích đào bới tận đáy sâu tâm lý chính con người mình. Có thể là, khi đóng vai trò bạn đồng chí hướng với cụ hưu, em muốn dò thấu cái khoảng tối tăm đó qua sự chia sẻ cùng một định mệnh với cụ. Khi em mở rộng lòng mình, cụ đã đón nhận với tất cả sự đồng cảm và kể lể cho em không chút che giấu tất cả kinh nghiệm bản thân, từ ngày còn thơ cho đến lúc bước vào tuổi lục tuần. Nó còn kỳ cục, xấu xa, độc đáo và phong phú hơn cả những gì đã xảy ra cho em nữa. Em không muốn thuật lại làm chi những điều cụ thổ lộ ở đây vì sẽ làm cho thầy chán ngấy lỗ tai. Tuy nhiên, nếu chỉ đưa ra một bằng chứng về hành vi kỳ quái của cụ mà thôi thì thừa thật, không phải đây là lần đầu tiên cái chõng tre được cụ cho đem đặt giữa căn phòng. Cụ đã nhiều lần khóa trái cửa nẻo, đặt O-Fumi-san lên cái chõng đó và đóng trò như một con chó, đùa nghịch bàn chân của nàng. Cụ khẳng định rằng với cái trò chơi ấy, cụ còn tìm ra một niềm khoái lạc to tát hơn là khi được nàng xem như ông chủ.

Đúng vào tháng ba năm nay, cụ hưu mới chính thức làm xong thủ tục hưu trí nghĩa là trao trọn tiệm cầm đồ cho vợ chồng con gái và dọn về ngôi biệt thự ở Shichiri-ga-hama. Lý do đưa ra bề ngoài là theo lời khuyên của thầy thuốc, hai chứng tiểu đường là lao phổi đã đến lúc trầm trọng, cụ cần đổi gió, thế nhưng tình thực là cụ ra riêng để hú hí với O-Fumi-san cho thỏa thích và tránh được con mắt dòm ngó của người đời. Tuy vậy, từ khi dọn nhà, sức khỏe của cụ xuống cấp thấy rõ thành thử lý do gọi là bề ngoài đó đã trở thành lý do thực sự. Bệnh tật không làm thay đổi cái tính bú rống bình: tuy bị tiểu đường, cụ vẫn tiêu thụ một lượng sake đáng kể cho nên sức khỏe cụ có suy sụp cũng là điều không đáng ngạc nhiên. Ngoài ra, cái đáng lo là chứng ho lao lại tiến nhanh hơn cả bệnh tiểu đường. Cứ chiều đến thì cụ lại sốt khoảng bốn tám, chín. Người đã gầy sắn, bây giờ cụ rạc ra thấy rõ. Chưa được mười lăm hôm, cụ xuống sắc đến nỗi không ai còn nhận ra. Cụ không còn có thể vui đùa quậy phá với

O-Fumi-san được nữa rồi. Trong ngôi biệt thự đầu lưng vào sườn núi, nơi từ đó có thể nhìn ra cảnh biển tuyệt đẹp trước mặt, có một gian hướng ra phía nam có nắng và rộng mười tấm *tatami* đặc biệt dành cho chủ nhân. Cụ hưu suốt ngày gói đầu nằm dài xuống sàn, nhìn ra ngoài hàng hiên sáng sủa, không hề di động, ngoại trừ ba bữa cơm trong ngày. Đôi khi sau một trận thổ huyết, cụ lại ngửa khuôn mặt nhợt nhạt lên phía trần nhà, cặp mắt nhắm nghiền như thầy chết. Có bác sĩ S. từ bệnh viện X. ở Kamakura đến chẩn mạch cho cụ hai hôm một lần.

- Cụ nhà ta không khá! Nếu sốt không hạ, coi bộ chẳng còn bao lâu...Giỏi lắm, kéo được thêm một năm nữa là cùng.

Đó là những lời bác sĩ nói với cô hầu non như để nhắc nhở. Tình hình sức khỏe càng tuột dốc, cụ càng đâm ra khó ở. Mỗi bữa cơm, cụ đều chê là món ăn không vừa miệng, và đổ lỗi lên đầu O-Sada, người đàn bà giúp việc.

- Làm sao tôi nuốt được cái món nhạt nhẽo như thế này, hử? Bộ chị tưởng tôi ốm rồi khinh thường tôi đấy phỏng?

Với cái giọng khàn đặc, cụ than vãn, cụ văng tục. Lúc thì nhiều muối nên mặn quá, khi thì bỏ lăm *mirin* [21] thành quá ngọt, ra về ta đây ăn uống sành sỏi, cụ trách móc đủ điều. Nhân vì từ lúc ngã bệnh, miệng cụ không còn phân biệt được các vị nữa cho nên cứ đưa thức nào ra, dù ngon cách mấy, cụ cũng không thỏa mãn. Mỗi lần như thế, cụ lại cáu kỉnh, không ngớt chĩa mũi dùi hạch sách O-Sada.

- Sao lại cứ ăn nói vô lý như thế hử ông?....Cơm không ngon đâu có phải lỗi của O-Sada! Tại miệng ông ăn hết biết mùi vị gì nữa rồi. Đau ốm không biết thân mà còn nói hành nói tỏi! Thôi, O-Sada ơi, chị cứ mặc kệ. Ông ấy chê, cho ông ấy nhịn!

Mỗi khi cụ hưu dám dặng là O-Fumi-san mắng át giọng như thế. Bị cô ấy kê tử đứng, cụ mới chịu im cho. Cụ sụp mắt xuống và thu người lại chẳng khác nào con sên bị người ta ném muối lên người. Lúc ấy mới thấy O-Fumi-san chẳng khác nào ông thầy dạy mãnh thú đang trị một con cạp hay sư tử, khiến cho người đứng bên cạnh nhìn vào không khỏi khiếp sợ.

Cái ông già bản tính khó chiều đến thế mà không biết tự lúc nào đã phải bó tay chịu phép dưới quyền uy của O-Fumi-san. Đạo đó, đôi khi cô ta không biết bỏ nhà đi đâu, khi thì nửa buổi, khi thì trọn ngày, để mặc con bệnh nằm nhà:

- Hôm nay tôi phải lên Tôkyô, có mấy thứ mua sắm!

O-Fumi-san buông thông một câu như thể đang nói một mình, chẳng đợi cụ hưu ừ hử gì cả, đã hấp tấp sửa soạn rồi đi cái vù. Trông cách ăn mặc và son phấn của cô nàng thật diêm dúa, không thích hợp với việc ra chợ mua sắm tí nào. Hành động ngoại tình của O-Fumi-san hết sức trắng trợn, như thể cô chẳng kiêng nể ai cả (Đúng vậy, phải nói đó là một hành động ngoại tình chứ không dùng được chữ nào khác. Bởi vì khi cụ hưu mới qua đời chẳng bao lâu, với mớ tài sản kếch xù vừa lọt vào tay mình, cô đã kết hôn với gã T., nguyên kép hát. Có lẽ từ dạo cụ còn đó, cô nàng đã lén lút gặp gỡ anh chàng). Sở dĩ gia đình quyền thuộc không ai dám nói một câu bởi vì từ lâu họ đã ngán ngấm cái tính si mê đến bệnh hoạn của ông cụ. Phần cụ hưu, người đang ở trong tình cảnh không biết chết sống ngày nào, nếu có bị cô hầu non bạc bẽo hành hạ hay phản bội cũng là việc có thể đoán trước được. Bà con của cụ nghĩ rằng cụ chỉ

đang gặt hái những gì cụ đã gieo ra mà thôi. Mặt khác, nếu ta đặt mình vào địa vị của cô hầu non, hãy còn quá đẹp và quá trẻ, mà bị bắt buộc chầu chực ngày này qua ngày khác bên cạnh một cái thầy sòng dờ chết dờ để nhìn mãi cái màu không thay đổi của mặt biển, thì mới thông cảm cho nỗi bức dọc của cô ta. Từ buổi đầu, cô đã chẳng có một chút cảm tình nào với cụ, cái gì vợ vệt được thì cô vợ vệt hết cả rồi, cụ hưu lại đang lâm bệnh nặng và bị thân bằng quyến thuộc bỏ rơi nên cô nàng mới nghĩ không lý gì chờ đợi lâu la, đây đã đến lúc cho người sắp chết thấy được tình cảm thật của mình.

O-Fumi-san biến mất như thế ít nhất năm ngày một lần. Người bệnh tỏ ra hết sức bức dọc mỗi lần cô ta vắng nhà. Trong khi một câu nói của cô gái đủ làm cho cụ hiền lành ngoan ngoãn như một chú mèo thì chỉ cần cô ấy đi khuất là cơn thịnh nộ của cụ bùng bùng đổ lên đầu chị người làm. Đang hùng hăng hồ hồ nhưng hễ nghe tiếng guốc *geta* báo hiệu O-Fumi-san sắp về là cụ giả vờ nhắm mắt ngủ và ngưng tất cả những hành động phản kháng. Thái độ tiền hậu bất nhất của cụ trông hài hước đến nỗi O-Sada cũng không khỏi tức cười.

Ngoại trừ O-Fumi-san, trong ngôi biệt thự còn có thêm ba người khác nữa: chị giúp việc O-Sada, em dâu và một anh đàn ông phụ trách tắm rửa cho cụ. Nhân vì O-Fumi-san khôn còn ngó ngang gì đến ông cụ, O-Sada phải kiêm luôn cả nhiệm vụ y tá. Tuy bác sĩ nhiều lần thôi thúc cụ đặt một người y tá chuyên nghiệp bên cạnh nhưng cụ nhất nhất từ chối. Có lẽ dù đã liệt giường, nhắc người lên không nổi, nhưng cụ không bao giờ muốn những hành vi bí mật của mình bị tiết lộ. Chắc cụ cho rằng sự hiện diện của người y tá nào đó có thể làm cụ hết thoải mái trong khi đi tìm khoái lạc. Chỉ có ba người chia sẻ với cụ bí mật ấy: O-Fumi-san, chủ nhân của đôi bàn chân xinh đẹp, em và chị giúp việc O-Sada.

Từ khi cụ hưu dọn về sống ở Kamakura, em thường xuyên lui tới thăm viếng, chỉ vì đôi chân của O-Fumi-san, chứ không phải bản thân nàng, đã khiến em nhung nhớ vô cùng. Phần nàng, vì không thể kiếm có bộ nhà đi mãi được, cũng như cần người nói chuyện cho đỡ chán, đã tiếp nhận em với tất cả sự thân ái. Từ dạo đó, em thường trốn học và xuống ở lì suốt hai ba hôm liền dưới Kamakura. Tuy nhiên, cái người còn mong đợi một cách nồng nhiệt những chuyến thăm viếng của em hơn cả O-Fumi-san, chính là cụ hưu. Đó chỉ là chuyện tự nhiên thôi. Bởi vì làm sao cụ có thể thỏa mãn hết dục vọng của mình nếu không được em tiếp sức? Đối với một người đã liệt giường liệt chiếu như cụ thì sự có mặt của em cũng quan trọng như O-Fumi-san vậy. Nhất là khi cụ, vì nằm mãi trên giường nên lưng đã lở loét và không còn đủ sức lết ra tới nhà vệ sinh. Cụ hết giả làm chó để đùa nghịch được nữa rồi, chỉ còn biết thò ra chiêm ngưỡng đôi chân của O-Fumi-san mà không biết phải hành động như thế nào. Cụ xin cô hầu non ngồi lên chiếc chõng tre mà cụ đã cho dọn đến cạnh đầu giường và bắt em đóng vai con chó trong khi cụ mê mải nhìn tán tuồng xảy ra trước mắt. Em tưởng tượng ra những lúc như thế, ông cụ phải chịu một sự xúc động ghê gớm, có hại cho sức khỏe đã suy nhược của cụ. Riêng em cũng phải thú thực có cảm thấy một sự thỏa thích trong khi đóng vai con chó. Do đó, em đã vui lòng chấp nhận lời yêu cầu của cụ. Nhiều lúc, không để cụ phải nhờ, em đã tự ý bày ra lắm trò điên loạn. Trong khi viết những dòng chữ này, những hình ảnh ấy như hãy còn nhảy múa sống động trước mắt em. Ôi chao, cái cảm giác em nhận ra khi bàn chân của O-Fumi-san lướt trên mặt em làm lòng ngực em tràn trề hạnh phúc. Em, người được nàng đưa chân dẫm lên còn có điểm phúc hơn cả cụ hưu, lúc ấy chỉ biết say đắm chong mắt ra nhìn. Tóm lại, em đã thay thế cụ hưu để tán tụng bàn chân của O-Fumi-san, trình bày trước mắt cụ bao nhiêu là quang cảnh thần tiên, tạo cho cụ dịp được thờ phượng nó. Còn O-Fumi-san, khi thấy hai người đàn ông lăng xăng quẩn quít bên đôi bàn chân mình như trước món đồ chơi, có lẽ cười chúng em là một lũ đã hóa khùng rồi cũng không chừng.

Cái khuynh hướng lệch lạc cuồng bạo của cụ hưu, được trợ lực bằng sự đồng lõa có một không hai của em, trở thành mãnh liệt theo đà tàn phá của chứng lao phổi ngày một trầm trọng. Em không thể bảo mình hoàn toàn trong trắng bởi vì chính em đã bày trò đưa đẩy ông lão đáng thương kia xuống đáy vực này. Thế nhưng giờ đây, cụ ta không chỉ bằng lòng đóng vai trò một người xem sông mà còn đòi hỏi em phải để cụ tự tay đung vào đôi bàn chân của cô hầu non, điều mà cụ xem như là một quyền lợi

- O-Fumi-san ơi, tôi sắp hết số rồi. Em có thể nào đưa bàn chân dẫm lên mặt tôi một ít lâu không. Được như vậy thì có xuống suối vàng, tôi cũng không còn gì ân hận...

Trong khi đờm dãi còn mắc nghẹn trong cổ họng và giữa tiếng thở khò khè đứt quãng, cụ hưu thì thảo cầu xin. Nghe thế, O-Fumi-san cau đôi mày liễu, khuôn mặt nàng đau khổ như người vừa đạp phải một con giun đất, rồi chẳng nói chẳng rằng, cô lấy gan bàn chân mềm mại của mình đặt lên khuôn mặt tái mét của con bệnh. Dưới bàn chân mỹ miều, tràn đầy sinh lực, con bệnh với khuôn mặt đã lạc thần và gầy gò bất động, như đang chìm đắm trong một niềm ngưỡng mộ vô biên. Ông cụ giống tảng băng sắp sửa tan thành nước dưới ánh sáng mặt trời ban mai, tràn đầy sự biết ơn vì đã đạt được hạnh phúc tột cùng, người duỗi ra nhẹ nhàng tưởng chừng sắp sửa bước vào giấc ngủ vĩnh viễn. Đôi khi, vẫn trong cùng một tư thế, ông cụ lại đưa hai bàn tay khăng khiu lên khỏi đầu để thử sờ vào đôi chân của O-Fumi-san.

Đúng như lời tiên đoán của bác sĩ, kể từ đầu tháng hai năm nay, bệnh tình cụ hưu đã bước vào giai đoạn nguy kịch. Thế nhưng cụ vẫn còn tương đối tỉnh táo, đôi khi như chợt nhớ ra, thường hay đòi hỏi bàn chân của người thiếp yêu. Cho dù hết còn thiết gì đến ăn uống thế nhưng khi O-Fumi-san tắm một chút sữa bò hay miếng xúp vào một mảnh vải đưa lên miệng cụ và dùng mấy ngón chân để giữ miếng vải đó là thấy cụ cứ mút lấy nó một cách tham lam như người bị nhịn đói quá lâu. Đầu tiên, cách thức này được cụ khám phá ra, rồi khi bệnh trở nặng, nó đã thành một thói quen. Nếu có ai từ chối cho cụ ăn kiểu này, cụ bướng bỉnh không chịu đựng vào món khác. Ngay cả O-Fumi-san, khi cho cụ ăn cũng chỉ được phép dùng chân chứ không được dùng tay.

Hôm cụ lâm chung, cả O-Fumi-san và em đều túc trực bên giường từ buổi sáng. Đến ba giờ chiều thì bác sĩ có mặt, chích cho cụ một mũi dầu long não rồi về. Cụ hưu lên tiếng:

-Thế là hết! Tôi sắp tắt hơi rồi. ...O-Fumi, O-Fumi ơi, em cứ để nguyên bàn chân ở đó cho tới khi tôi nhắm mắt, nghe em! Tôi muốn được chết với bàn chân của em dẫm lên mặt!...

Hơi của cụ yếu ớt tưởng chừng nghe không rõ nhưng mỗi chữ đều phát âm rành mạch. O-Fumi-san thì vẫn giữ thái độ cố hữu, không nói không rằng, gương mặt kiêu kỳ, còn bàn chân thì đã đặt lên khuôn mặt con bệnh. Từ lúc đó cho đến khoảng năm giờ rưỡi chiều là lúc ông cụ trút linh hồn, trong suốt hai tiếng rưỡi đồng hồ, cô cứ phải đứng dẫm liên tiếp nên đã mỏi chân, đành ngồi xuống cái chõng tre, thế rồi, hết chân phải sang chân trái, thay phiên nhau mà dẫm. Cụ hưu trước sau chỉ gật đầu và se sẽ nói có một lời:

-Cảm ơn em

Thế nhưng O-Fumi-san chỉ lặng thinh, không chút phản ứng. Không biết có phải là em tưởng tượng quá mức hay sao mà lúc đó thấy nơi khoe miệng nàng phảng phất một nụ cười nhạt như muốn nói: "Đành vậy chớ sao! Ông ta chẳng còn bao lâu, thôi thì mình ráng chịu đựng thêm chút nữa!".

Ba mươi phút trước giờ ông cụ ra đi vĩnh viễn, Hatsuko, cô con gái của cụ đã tất tả chạy từ cửa tiệm ở Nihonbashi đến nơi, và dĩ nhiên là cô ta phải chứng kiến cái quang cảnh vừa lạ lùng, vừa nực cười, nói chung là quái đản này. Thay vì buồn thương trước phút lâm chung của cha già, cô chỉ thấy khiếp sợ dựng cả tóc gáy, mặt cúi gằm cứng nhắc, không nỡ đưa mắt nhìn. Tuy nhiên O-Fumi-san trước sau vẫn đứng đưng, như muốn nói rằng vì được nhờ nên cô bắt buộc phải làm và tiếp tục đặt bàn chân của mình giữa khoảng đôi mày của cụ hưu. Phải ở trong địa vị của Hatsuko thì mới rõ cô ta khổ tâm biết là chừng nào, thế nhưng O-Fumi-san thì vẫn là O-Fumi-san, có lẽ tình cảm thù địch của nàng đối với gia đình ông cụ đã khiến cho nàng cố ý giữ thái độ như thế để trêu ngươi tất cả bọn họ. Tuy vậy, thái độ cứng cỏi ấy lại có một kết quả không chờ đợi là đem lại cho con bệnh một nguồn an ủi không gì to lớn hơn. Chính nhờ O-Fumi-san xử sự như vậy mà ông cụ đã nhắm mắt ra đi trong niềm hoan lạc. Trong khi cái chết gần kề, cụ đã được bàn chân của người đẹp như một chòm mây tím [22] buông xuống từ trời cao để tiếp dẫn linh hồn.

*

Thưa thầy,

Đến đây em xin phép chấm dứt câu chuyện ông lão Tsukakoshi. Bắt đầu em chỉ muốn thông tin sơ qua cho thầy thôi, rốt cuộc đã viết vòng vo kéo ra dài dòng đến thế này. Em hết sức hối hận vì mình không biết thu vén câu chuyện nên đã làm thầy mất bao nhiêu thời giờ quý báu. Thế nhưng câu chuyện về cụ hưu mà em vừa thuật ra ở trên, chắc cũng có điểm nào đó đáng cho thầy để mắt tới, phải không ạ? Ví dụ câu chuyện muốn cho ta thấy rằng tính tình con người ở đời vốn bắt nguồn từ những cội rễ rất sâu xa. Lối hành văn của em hãy còn vụng về nhưng em tin chắc rằng, nếu được thầy ra tay sửa chữa những chỗ khiếm khuyết, em nghĩ bản văn này có thể dùng làm chất liệu để thực hiện một truyện ngắn, đó thầy.

Đến đây em xin dừng lời và kính chúc thầy đạt nhiều thành quả trên trường văn trận bút.

Một ngày tháng 5 năm thứ 8 đời Taishô

Trình dưới án thư nhà văn Tanizaki.

Noda Unokichi kính bút.

(Dịch xong ở Tokyo ngày 6 tháng 6 năm 2008)

[1] - Văn Bản:

1) Tanizaki Jun.ichirô, 1981, *Fumiko no ashi*, trong Toàn Tập Tanizaki Jun.ichirô, quyển thứ 6, trang 357-393, Chuô Kôron, Tôkyô xuất bản, tái bản lần thứ nhất năm 1992. Nguyên tác Nhật ngữ.

2) Lévy-Faire d'Acier, Madeleine, 1986, *Le Pied de Fumiko*, dịch sang Pháp văn từ Fumiko no ashi, đăng trong Tanizaki Oeuvres, Tome I, trang 431-458, Gallimard xuất bản, 1997. Bản tham chiếu.

[2] - Để ý đến lối chơi chữ của Tanizaki: Fu (Phú). Mi (Mỹ). Ko (Tử), chỉ người con gái đẹp. Ngoài ra danh động từ Fumi đến từ động từ Fumu có nghĩa là dẫm lên, đi lên trên, chà đạp.

[3] - *Hangyoku* nhận phân nửa tiền thù lao trong khi *ippon* lấy nguyên.

[4] - Bàn có phủ chăn bông dưới mặt bàn, bên dưới thường có lỗ khoét trên nền nhà đặt lò sưởi. Ngày nay, *kotatsu* không cần khoét lỗ nữa vì gắn lò sưởi điện

[5] - Truyện tếu bình dân với kết luận không ngờ. Nội dung châm biếm hoặc khôi hài, thường là do những người chuyên nghiệp gọi là *rakugoka* trình diễn.

[6] - Áo dệt kiểu bình thường bằng sợi vải thường, nhã nhặn, không kiểu cách.

[7] - Thật ra phải dịch "miệng cóc" nhưng lối ví von này hơi xa lạ với độc giả Việt Nam.

[8] - Một kiểu búi tóc của *geisha* hay đào hát, thành hình cũ hành tây đẹp ở đằng sau đầu, bắt nguồn từ kiểu búi tên là *shimadamage*. Kiểu *shimadamage* tương truyền do kép tuồng Kabuki tên Shimada Mankichi đề xướng trong năm Kan'ei (1624-44).

[9] - Nguyên văn *Fujigata*: hình núi Fuji, có nghĩa là cái trán tròn trịa cân đối với một vết lõm ở giữa, giống như đỉnh ngọn núi lửa Fuji, tựa một cánh quạt xòe đặt ngược.

[10] - Nguyên văn *dangobana* : mũi tròn như viên bánh bột gạo.

[11] - Nguyên tác *ukeguchi* (miệng hứng), môi dưới hơi trề ra như hứng đồ vật. Đặc biệt Tanizaki cũng có cặp môi như thế này (xem chân dung ở đầu truyện, chụp năm 1964, một năm trước khi ông mất).

[12] - O-Fumi san là tiếng gọi Fumiko khi ở vị trí còn giữ khoảng cách, trong khi Fumi và Fumiko là tiếng tự xưng, cũng là tiếng gọi trong chỗ thân tình hay do một người ở vai vế trên. Cả ba cùng một nghĩa.

[13] - Đơn vị đo diện tích đất cát của Nhật, ước chừng 3,306m²,

[14] - Nguyên văn Nise Murasaki Inaka Genji (*Truyện anh Genji nhà quê* do bà Murasaki giả mạo soạn), tiểu thuyết phong lưu miệt vườn nhái theo tác phẩm cổ điển của nữ quan Murasaki Shikibu thời Heian.

[15] - Ryuutei Tanehiko (1783-1842), tiểu thuyết gia bình dân cuối đời Edo.

[16] - Nhà danh họa thời Edo, Utagawa Kunisada (1786-1864), có nhiều kiệt tác.

[17] - Tranh lối Nhật miêu tả thiên hình vạn trạng nếp sinh hoạt trong xã hội bình dân.

[18] - Chính ra phải viết là *shinkô* (âm o dài), dưa muối xổi bằng củ cải, màu rất trắng.

[19] - Nguyên văn tiếng Anh.

[20] - Có thể Tanizaki ám chỉ tác phẩm của Richard von Krafft-Ebing.

[21] - Một loại rượu ngọt cất từ nếp hay gạo, dùng để gia vị khi nấu ăn.

[22] - Tín ngưỡng Phật giáo của giới bình dân Nhật Bản cho rằng tu hành được vãng sanh thì lúc lâm chung sẽ được Phật tổ cho một đám mây lạnh màu tím đến rước về cõi Tây Phương.

Hình xoắn ốc

*

Yoshimoto Banana

*

Phạm Vũ Thịnh dịch



Hôm ấy, tôi vẫn còn vág vát bởi cơn say đêm trước nên suốt cả buổi chiều không làm việc được.

Tôi sống bằng nghề viết văn. Thật ra, hôm ấy cũng có công việc phải làm gấp, là viết bài văn kèm theo các bức hình chụp phong cảnh của một nhiếp-ảnh-gia nọ, nhưng đầu óc tôi đau nhức quá, không làm sao mà chui vào thế giới sóng biển toì bởi của các hình chụp ấy được.

Công việc làm chung với người khác như thế thật hứng thú. Nhất là những việc làm chung với người nào sáng tạo được những thứ mình thích. Những lần như thế, tôi luôn luôn có cảm giác như là họ nhìn suốt được vào trong não của mình vậy. Như tôi đã hứa hẹn trước với họ từ lúc nào rồi. Hứa hẹn đầu từ thuở xa xưa kia.

Thế nhưng hôm ấy thì tôi đành nằm dài suốt ngày trên giường, ngắm bầu trời trong vát mùa thu. Vẽ trong suốt hoàn toàn đến vô tận, không hiểu sao, khiến tôi cảm thấy như bị phản bội gì đấy.

Tôi lại khổ sở vì tiếng đàn vĩ cầm vụng về đưa trẻ lảng giềng đang tập luyện. Những âm sắc thô tạp chảy tràn rịn thấm khắp cả khoảng không-trung xanh trong phản chiếu trong lòng tôi. Càng vụng về, càng thô kệch, lại càng quần quít vào màu xanh mơn mơn mà tôi nhắm mắt lại cũng vẫn thấy rõ ràng.

Nhắm mắt lại mà nghe thì chồng lên hình ảnh khung trời trong xanh ấy, tôi nhớ lại hàng lông mi của một người đàn bà. Người ấy lúc nào không tìm ra lời thì hay vừa nói "*Nghĩa là...*" hay "*À...*", vừa nhắm mắt lại; trên mí mắt màu trắng, viền lông mi đột nhiên nổi đậm hẳn lên, và lông mày hơi nhú lại, khiến tôi có cảm giác đặc thù là tôi hiểu được hoàn toàn tâm tính của nàng: vừa gắng trầm tĩnh vừa bồn chồn lo lắng.

Lúc hiểu ra thế thì tôi luôn luôn khiếp sợ. Tim như sắp ngừng đập. Bởi từ trước đến nay, một khi hiểu ra mất rồi thì chưa lần nào, chuyện đời lại diễn tiến thuận lợi cả.

Lại nữa, không hiểu sao tôi càng sợ lúc nàng nhắm mắt lại một hồi như thế. Lo sợ hoang mang một hồi, cuối cùng (nói thế chứ cũng chỉ trong một khoảng ngắn thôi) nàng mở to mắt ra, trở ngược lại thành sáng láng, và nói, chẳng hạn: "*Hiểu ra được là điều tuyệt vời!*". Tôi nghĩ nàng là người đơn thuần, nhưng không ghét được. Mà sự đơn thuần ấy lại là đức hạnh nữa. Phân tích như thế, tôi lại thâm hổ thẹn vì mình thì không có chút đức hạnh nào cả.

Hẹn gặp nàng đêm nay đây, nhưng tôi cảm thấy hơi phiền toái. Bởi dạo gần đây, nàng lúc nào cũng như muốn nói với tôi điều gì đấy.

"9 giờ tối, ở tiệm mọi khi ấy nhé."

Hẹn nhau như thế, nhưng tiệm ấy thì 8 giờ tối đã đóng cửa rồi; mà lời nói ấy cũng có vẻ làm điệu làm bộ quá!

Tôi gọi điện thoại để bỏ hẹn, nhưng chỉ có tiếng máy nhận chuyển lời lặp đi lặp lại rằng nàng đi vắng. Tôi hoàn toàn chẳng biết dạo này lúc không đi làm thì nàng ở đâu hay làm gì.

Không làm sao hơn, tôi đành đi đến chỗ hẹn.

Góc phố tối không một bóng người, chỉ có gió thu chiếm trọn. Quẹo qua đường này đường khác cũng chỉ thấy ánh trăng chiếu xuống đêm buồn. Trong không khí trong veo, thời gian ngưng đọng lạ lùng. Gió mát cuốn đi những ý nghĩ không có lối thoát, tụ đọng thành bóng tối thung lũng giữa những toà bin-đỉnh.

Đúng là tiệm ấy đã đóng cửa rồi. Trước tiệm chẳng thấy nàng đâu. Đây là một tiệm tạp hoá bán đồ ngoại quốc, phía trước là quán cà-phê có khung kính.

Tôi thích những thứ mà lẫn ranh phân định giữa chúng tan chảy vào nhau như thế. Đêm và ngày, nước cốt trên đĩa, tạp hoá tràn l้น qua cà-phê,... Ảnh hưởng từ tình yêu nàng đấy. Nàng giống như ánh trăng đêm. Ánh sáng trắng mờ như sắp tắt từ các thang màu xanh nhạt.

Tôi đến gần, dòm vào bậc thang dẫn lên cửa tiệm, cũng chẳng thấy nàng đâu.

Nhưng nghe có tiếng gọi tôi. Âm vang có hơi ùng đục, kỳ dị. Cảm thấy như nàng đang ở trên mây nơi thiên đàng gọi với xuống tôi nơi trần gian này.

Tôi nhìn lên thì hiểu ra là, từ phía trong tiệm tối om, sau lưng là đám bàn ghế màu trắng nổi nhờ nhờ, nàng gọi tôi qua khung kính. Nàng cười, vẫy tay gọi, và từ bên trong, mở cửa cho tôi.

"Làm sao mà vào trong ấy được thế?" Tôi hỏi.

"Nhờ được chủ tiệm cho mượn chìa khoá đấy chứ." Nàng nói.

Bước vào trong thì thấy căn tiệm mờ tối, nhiều đồ vật la liệt như trong viện bảo tàng, tiếng chân bước, tiếng nói vang vọng to lớn dị thường, không có vẻ gì là căn tiệm mà chúng tôi vẫn thường hẹn hò chờ nhau ở đấy. Chúng tôi như hai vong linh lạc từ ban ngày đến, ngồi vào bàn

đôi mắt nhau. Nàng lấy chai nước ngọt từ tủ lạnh trong tiệm, rót vào cốc úp trên bồn rửa chén bát.

- "Tự tiện dùng của người ta như thế cũng được sao?" Tôi hỏi.

- "Được chứ, chủ tiệm đã cho phép rồi mà." Nàng đáp từ phía bên kia quầy.

- "Bật đèn lên không được sao?" Tôi hỏi, vì không an tâm trong bóng tối u ám như thế này.

- "Không được đâu. Khách người ta đòi vào theo."

- "Thế cứ ở trong tối như thế này mãi sao?"

- "Thế mới vui chứ!". Nàng nói, và như một cô hầu bàn, mang đến cốc nước ngọt đặt trên khay.

- "Không có bia à?"

- "Chứ anh còn say từ tối hôm qua kia mà!"

- "Sao em biết?". Tôi ngạc nhiên. - "Anh nói cho em biết rồi sao?"

- "Anh nhấn vào máy ghi điện thoại như thế mà." Nàng cười khúc khích.

Tôi an tâm. - "Đến tối rồi, chắc không sao đâu."

- "Vậy thì được." Nàng nói, và bước đến tủ lạnh lấy bia cho tôi.

Có vẻ gì bất thường sao đâu. Nàng tươi cười còn nhiều hơn ngày thường nữa, và tiếng gót giày của nàng vang vọng lớn như đi xa dần ra. Tôi linh cảm sắp có điều gì không hay xảy ra. Mà bia uống trong bóng tối cũng chẳng thấy ngon lành gì. Cứ như là đang uống ở Bắc cực loáng ánh sáng vàng và rờn rợn lạnh. Vì chỗ rượu còn sót lại trong người và bóng tối nhờ nhờ như trên cung trăng ấy mà cảm giác say rượu lan khắp người tôi ngay.

- "Tuần sau em đi dự một khoá học đấy." Nàng nói.

- "Khoá gì thế?" Tôi hỏi.

- "Trong đám bạn em, có cô đang khổ tâm vì nhiều thứ chuyện, mới tìm ra khoá học ấy, nhưng bảo là kịch liệt lắm, nên nhờ em đi cùng đấy."

- "Kịch liệt lắm à?"

- "Nghe đâu, sẽ tẩy sạch trong não đấy. Không phải là loại khai phát năng lực hay toạ thiền suy tưởng thường nghe nói, mà là tẩy sạch hoàn toàn đến trống không kia đấy. Và làm lại được nữa kia. Không chừng quên được tất cả mọi chuyện, quên hết những chuyện không *cần thiết* đối với mình. Nghe hứng thú quá chứ nhỉ?"

- "Hứng thú gì đâu. Cần thiết hay không thì ai quyết định được chứ?"

- "Thì đặt cược thế đấy chứ. Chắc thế. Không chừng quên tuốt được tất cả mọi chuyện mà lâu nay mình cứ ngỡ là quan trọng cho mình lắm."

- "Nghĩa là những chuyện mình quyến luyến, gắn bó lắm?"

- "Có vẻ không chỉ thế thôi đâu. Em đoán là bạn em bị bệnh tâm thần do cú sốc từ chuyện ly dị, nên muốn tìm cách quên đi, nhưng em nghĩ có lẽ cô ấy sẽ không quên đi được đâu."

- "Thế thì đừng đi!" Tôi nói.

- "Nhưng mà, em đâu có thể để cho bạn em đi một mình được. Mà cũng đã chịu nghe cô ấy thổ lộ tâm sự rồi." Nàng nói. - "Vả lại, em cũng muốn biết. Chứ không đi thì làm sao hiểu được là tốt hay không tốt?"

- "Không tốt đâu, những thứ như thế. Quên hết mọi chuyện thì làm sao mà tốt cho được?"

- "Quên đi là chuyện không nên sao? Ngay cả những gì mình ghét cũng không nên quên à?"

- "Phải tự mình quyết định cho mình chứ."

- "Không sao đâu, nghĩa là..." Nàng nhắm mắt lại để chọn lời nói. Rồi mở mắt ra, nói tiếp. - "À, mà ít nhất thì những gì về anh thì em sẽ không quên đâu."

- "Làm sao biết được là sẽ không quên?"

- "Biết được chứ, đừng lo." Nàng tươi cười nói, nhưng sâu kín nơi đáy lòng, nàng hiểu nỗi bất an của một con người khác trong chính mình. Đến như nghe rõ được nỗi bất an ấy nữa kia. - "Em muốn quên chính mình lúc nghĩ đến chuyện muốn quên mất đi tất cả những gì về anh."

Tôi nghe đau đớn vì lời nói ấy, không còn muốn thuyết phục nàng nữa.

- "Chuyện hai đứa mình từ trước đến nay, tất cả mọi việc đều bị quên mất đi không chừng." Nàng nói.

Tôi cười lớn: - "Chuyện ngàn năm mà quên tuốt cả được sao?"

Nàng cũng cười theo. Lúc nàng nói lời ấy, âm vang sâu đậm của giọng nói tươi vui khiến tôi có cảm giác là nàng nói thật. Cả ngàn năm kia à?

- "Quên cả lần đầu tiên đi chơi xa với nhau sao?"

- "Lúc đó mới 19 tuổi gì đấy thôi nhỉ."

- "Đúng rồi, lần ấy đã qua đêm nơi quán trọ, bị bà người làm tai quái trong quán bảo là *cô vợ trẻ quá nhỉ* đấy."

- "Mà hai đứa mình, tuổi có khác nhau mấy đâu." Tôi nói.

- "Bởi anh trông già hơn tuổi đấy..... Phòng rộng quá, mà trần nhà tối quá, làm em sợ."

- "Nhưng mà, nửa đêm ra vườn thì trời sao đẹp quá chứ."

- "Đúng vào mùa hè, mùi cỏ thơm..."

- "Tóc em thật ngắn..."

- "Thế rồi mình trải nệm bên nhau, ngủ."

- "Ừm."

- "Anh kể chuyện ghê rợn quá, em hết dám đi tắm suối nước nóng một mình."

- "Đi cả hai đây thôi."

- "Rồi đã ôm nhau ở phòng tắm ngoài trời đấy nhỉ."

- "Ừm, cứ như là đang ở trong rừng ấy."

- "Trời đầy sao tuyệt đẹp..... A, nhớ quá!"

- "Thế thì giống như là chết đi ấy nhỉ."

- "Gì kia?"

- "Quên hết mọi chuyện đi ấy mà."

- "Đừng nói nữa, làm em buồn quá đi mất."

- "Thế thì có giống như người ta làm trong phim *Bay vút qua tổ chim cú-cu* (*One flew over the cuckoo's nest*) không nhỉ?"

- "Phẫu thuật não thùy ấy à? Có lẽ không giống thế đâu." Nàng nhắm mắt lại. - "Chỉ quên đi chuyện gì không cần thiết mà thôi, chắc thế."

- "Chuyện anh ấy à?"

- "Không, nhưng mà em cũng chẳng hiểu chuyện gì là chuyện không cần thiết."

- "Hay mình ra ngoài đi. Ở đây im vắng quá, làm mình sa vào tâm cảm nặng nề."

- "Tiếng nói như bị cuốn hút vào, làm chuyện gì nói ra nghe cũng có vẻ quan trọng quá đáng. Này anh, mình đi xem quanh đây đi."

Hai đứa đi xem một vòng trong tiệm. Rất nhiều hàng hoá ngoại quốc bày la liệt trên rất nhiều ngăn tủ. Những chồng cốc, từng chiếc cốc chiếu sáng như những lăng kính chồng chất lên nhau, trông như tăng giá trị hẳn lên so với ban ngày.

Chúng tôi ra khỏi tiệm, khoá cửa cẩn thận như vừa ra khỏi phòng của mình. Bước ra ngoài, tức thì nghe gió đêm thổi đến, đồng thời cảm thấy thời gian cũng bắt đầu chuyển động.

- "Đi uống chút gì đi nhé."

- "Được lắm."

Đột nhiên, tâm tình mình cũng nhẹ hẫng đi.

- "Chắc chắn là em sẽ bằng đủ mọi cách tìm ra được chuyện về anh, thế nào rồi cũng nhớ lại được." Đang bước đi, nàng đột ngột nói như thế. - "Cho dù có quên mất đi nữa."

- "Nhớ lại được tất cả mọi chuyện sao?"

- "Chứ đã cùng anh đi xem đủ thứ, cùng ăn chung đủ món rồi kia mà. Cho nên, phong cảnh nào trên đời này cũng có hình bóng của anh cả. Như lúc đã đi ngang qua thấy em bé sơ sinh. Như lúc thấy những hoa văn tươi đẹp trong lòng đĩa dưới lớp thịt cá nóc trong suốt. Như cảnh pháo hoa trong đêm hè. Như cảnh trăng nấp sau mây trong trời chiều trên biển. Như lúc đập nhầm chân ai dưới gầm bàn, mình nói xin lỗi. Như lúc được ai đẩy từ té nhật giúp món đồ lên, mình nói cảm ơn. Như lúc nhìn thấy ông cụ bước loạng quạng như người sắp chết đến nơi. Hay những con chó, con mèo mình đã thấy trong thành phố. Những cảnh sắc mình đã nhìn thấy từ trên cao xuống. Những lúc ra khỏi tàu điện ngầm, gió tạt hơi nóng vào mặt mình. Lúc điện thoại reo nửa đêm,... Cả khi yêu thương người nào khác, nhìn hàng lông mày người ấy thì chắc chắn cũng sẽ có lại hình bóng ấy."

- "Như một sinh thể sống động thế à?"

- "Không..." Nàng lại nhắm mắt. Rồi mở mắt ra, hướng thẳng mắt như thủy tinh về phía tôi. - "Không đâu. Đó là tâm cảnh của em kia."

- "Ra thế. Tình yêu của em là như thế đấy." Tôi nói, có chút ngạc nhiên.

Đúng lúc ấy... Thoạt đầu, tôi chẳng hiểu chuyện gì đã xảy ra. Cứ như là sét đánh, tôi cảm thấy thân mình chao đi theo lẫn sáng và tiếng động lạ thường. Ngay trên toà bin-đỉnh ở góc phố trước mặt bỗng sáng rực, lửa phụt lên, cùng với tiếng ầm nặng nề, những mảnh thủy tinh vỡ rơi lả tả như trong phim chiếu chậm.

Chỉ vài giây sau, từ mọi xó xỉnh của khu phố đang yên ngủ, người ta ào ào tuôn ra làm náo động cả lên. Từ xa, có tiếng còi hú của xe cảnh sát, xe chữa lửa tiến lại.

- "Bom nổ!" Tôi nói, hưng phấn.

- "Chỉ có chúng mình trông thấy!... Không biết có ai bị thương không?"

- "Không đâu. Bin-đỉnh đó tắt đèn tối thui, chẳng thấy ai qua đây cả mà. Chắc là nghịch phá gì đấy thôi."

- "Nếu thế thì không sao... Mà đẹp quá. Nói nghe chướng tai, nhưng trông cứ như là pháo hoa ấy."

- "Đáng nể thật."

- "Thật đấy!" Nàng vẫn còn ngược nhìn lên bầu trời.

Nhìn khuôn mặt trông nghiêng ấy, tôi thầm nghĩ: Tình yêu của tôi có phần khác với em.

Như lúc em nhắm mắt lại đấy. Đúng vào lúc ấy, trung tâm của vũ trụ tập trung vào em. Hình dáng em nhỏ bé vô cùng, khiến phong cảnh sau lưng em to rộng vô hạn. Lấy em làm tâm điểm, phong cảnh ấy nhanh chóng toả rộng ra với tốc độ kinh hồn. Phong cảnh ấy bành trướng đến tất cả mọi thứ tôi đã nhìn thấy từ trước đến nay, đến những chòm sao, đến tận không gian vũ trụ bao la thăm thẳm tối tăm, là giới hạn cùng cực từ đây có thể nhìn thấy trái đất màu xanh này.

Tận đáy lòng, tôi vui mừng vô hạn trước cảnh sắc sắc trắng tuyết ấy.

Rồi em mở mắt ra, tức thì quang cảnh ấy hoàn toàn tiêu tán mất. Tôi thầm muốn em bắn khoả nhắm mắt lại một lần nữa.

Hai đũa suy tưởng khác hẳn nhau như thế, nhưng chúng tôi vẫn là đôi nam nữ của thời thái-cổ. Mô hình tấm lòng yêu thương của Adam và Eve đấy. Trong mọi cặp nam nữ yêu thương nhau, tất cả người nữ đều có khuynh hướng biến thiên như thế, và tất cả người nam đều có giây phút ngưng đọng như thế. Cùng song song phản chiếu vào nhau đến vĩnh viễn theo hình xoắn ốc vô tận.

Như mô hình DNA, như vũ trụ to rộng.

Đúng lúc ấy, kỳ diệu thay, nàng quay nhìn tôi, mỉm cười nói, như một lời giải đáp.

-"Ôi, thật là đẹp tuyệt vời. Hẳn là em suốt đời không quên được."

Phạm Vũ Thịnh dịch
Sydney 06-2007

Ghi chú của người dịch :

Truyện thứ ba trong tập "Thần Lăn - Tokage - Lizard", dịch từ nguyên tác tiếng Nhật "Rasen" trong bản bỏ túi do nhà Shinchô Bunko tái bản lần thứ 13 năm 2002.

Shiba Ryotaro

Tác gia Hiện đại Nhật Bản

*

Phạm Vũ Thịnh



Shiba Ryotaro (1923-1996) là tác gia bậc thầy trong văn học đại chúng Nhật Bản, tác giả của những bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng nhất ở Nhật. Ông ngưỡng mộ sử gia Trung quốc Tư Mã Thiên nên lấy bút hiệu Shiba Ryotaro (*Tư Mã Liêu Thái Lang*) hàm ý là một hậu sinh cách xa Tư Mã Thiên theo nghĩa thời gian, địa lý hay tài năng.

Shiba Ryotaro tên thật là Fukuda Tei-ichi, sinh năm 1923 ở Osaka, con thứ của một chủ nhà thuốc. Năm 1940, ông vào học khoa Ngôn ngữ Mông Cổ ở Đại học Ngoại ngữ Osaka (*đọc Sử Ký của Tư Mã Thiên vào thời kỳ này*). Năm 1943, bị trưng binh, sang Mãn Châu học trường huấn luyện quân sự và trấn đóng với chức tiểu đội trưởng. Năm 1945, trở về Nhật, đóng ở tỉnh Niigata rồi Tochigi.

Từ năm 22 tuổi, bắt đầu viết văn dưới hình thức thư cho chính mình. Sau Thế chiến, vào làm ký giả cho tờ Shin Sekai rồi Nhật báo Sankei, ở đây đã có nhiều bài viết xuất sắc, và thăng lên các chức vụ cao cấp.

Năm 1955 xuất bản "Meigen Zuihitsu - Sarari-man" (*Tùy bút danh ngôn cho các tư chức*) với tên thật. Bút hiệu Shiba Ryotaro bắt đầu được dùng từ tác phẩm "Perusha no genjutsushi" (*Nhà ảo thuật xứ Ba Tư*) năm 1956 được giải thưởng Kodan Club, mở đầu giai đoạn được độc giả yêu chuộng tán thưởng. Cùng năm đó, đã sáng lập tạp chí văn học "Kindai setsuwa" (*Cận đại thuyết thoại*).

Năm 1959, xuất bản "Fukuro no shiro" (*Thành quách của chim cú*) được Giải Naoki, giải thưởng Văn học cao quý nhất chung cho các thể loại văn học của Nhật Bản. Hai năm sau, ông nghỉ việc ở toà soạn Nhật báo Sankei, trở thành tác gia chuyên nghiệp.

Thoạt đầu, ông đã viết những tiểu thuyết truyền kỳ và thử viết cả truyện trinh thám nữa, nhưng từ năm 1962, các bộ truyện "Ryoma ga yuku" (*Long Mã lên đường*), "Moeyo ken" (*Kiểm ơi, cháy lên*) đã được nhiệt liệt hoan nghênh, mở đầu sự nghiệp lớn của một tác gia truyện lịch sử bậc nhất Nhật Bản.

Năm 1966, được giải Kikuchi Kan; 1972, được giải Yoshikawa Eiji với trường thiên "Yo ni sumu hibi" (*Những ngày sống trên đời*); 1976, được giải thưởng của Viện Nghệ thuật Nhật Bản; 1981, trở thành hội viên của Viện Nghệ thuật Nhật Bản; 1991, được vinh danh là người có công lao văn hoá đối với quốc gia; 1993 được Huân chương Văn hoá.

Năm 1996, chết vì vỡ động mạch ở bụng, hưởng dương 73 năm. Lễ truy điệu ông đã có 3 ngàn người tham gia, và ông được truy tặng hàm Tòng Tam phẩm. Năm 1997, giải thưởng văn học Shiba Ryotaro được thiết lập, rồi năm 2001, viện bảo tàng Shiba Ryotaro được khánh thành.

Số in tất cả các tác phẩm của ông ở Nhật Bản đã đạt mức vài trăm triệu cuốn.

Nhiều tác phẩm trường thiên của ông: "Kunitori monogatari" (*Chuyện cướp nước*), "Ryoma ga yuku" (*Long Mã lên đường*), "Moeyo ken" (*Kiểm ơi, cháy lên*), "Saka no ue no kumo" (*Mây trên đường dốc*),... đã được thực hiện thành những bộ phim lớn như loại phim-bộ Taiga Drama (*Đại Hà Drama - phim kịch tràng giang, cần nhiều tiền quay và giờ chiếu*) trình chiếu trên đài Truyền hình Quốc gia Nhật Bản NHK. Ông còn viết nhiều tiểu luận về lịch sử địa dư được yêu thích, trong đó có bộ sách những tiểu luận du ký "Kaido wo yuku" (*Đi trên đường cái quan*) đồ sộ, ghi lại những tư liệu, cảm nghĩ, nhận định về các nơi ông đã đến thăm ở Nhật Bản và nước ngoài.

Ông là một tác gia có sức sáng tác mạnh, đọc nhiều hiểu rộng, có quan sát và suy luận tinh tế, đã đưa ra nhiều quan điểm mới có tính thuyết phục về những sự kiện lịch sử Nhật Bản, đặc biệt là các giai đoạn loạn lạc, chuyển biến kinh thiên động địa như thời Chiến quốc, cuối thời Mạc phủ, hay thời Minh Trị Duy Tân.

Trọng tâm của phần lớn các tác phẩm của ông là những anh hùng thời loạn, tự lập thân từ cảnh ngộ khốn cùng, có cá tính mạnh mẽ, đầu óc sắc bén và hành động cách mệnh. Ông mô tả những nhân vật anh hùng ấy với lòng ngưỡng mộ lẫn yêu mến thân cận, truyền nhiễm sang độc giả. Ông chuộng lối dùng sự kiện để mô tả nhân vật chứ không tập trung trình bày tâm lý hay cá tính. Chi tiết chính sử luôn luôn kèm theo những giai thoại dân gian, truyền thuyết, cả những kinh nghiệm và kiến giải sử quan của tác giả giúp cho tác phẩm thêm sống động. Lắm lúc, những chi tiết bên lề hay sự việc xảy ra trong thời hiện đại có dính dáng ít nhiều đến nhân vật hay con cháu của họ cũng được đưa vào, như để giữ sự liên lạc giữa lịch sử và hiện thực. Các địa phương, các dữ kiện địa lý được ông điều tra nghiên cứu thật kỹ để dùng làm bối cảnh rất thuyết phục cho câu chuyện ông kể.

Có thể nói Shiba Ryotaro có sắc thái học giả đậm đà hơn là nhà tư tưởng, bởi ông chuộng việc khảo chứng sự thật lịch sử bằng tư liệu, di tích, di vật, kiến văn, hơn là lý thuyết hay quan niệm về lịch sử. Bất bình với lập trường của Nhật Bản trong Thế chiến thứ hai, ông thiên về chủ nghĩa hợp-lý-hoá đối lập với những xu hướng giải thích lịch sử ra dáng triết học theo chủ nghĩa thần bí mà ông cho là phi luận lý và bất hợp lý. Vì thế mà ông ưa chuộng những nhân vật thể hiện được chủ nghĩa hợp-lý-hoá ấy, chẳng hạn trong tác phẩm "Moeyo ken" (*Kiểm ơi, cháy lên*), tuy cùng là đầu não của Shinsengumi (*đội võ trang truy diệt chí sĩ Càn Vương cuối*

thời *Mạc Phủ*) cả, nhưng nhân vật chủ tướng Kondo Isami đến cuối đời vẫn còn băn khoăn về sự lựa chọn giữa tư tưởng Cần Vương (*phò Thiên hoàng*) và Tá Mạc (*phò Mạc Phủ Tokugawa*), không được Shiba Ryotaro chú trọng bằng nhân vật phó tướng Hijikata Toshizo là người có đầu óc thực dụng triệt để.

Trong một cuộc phỏng vấn của đài ti-vi NHK, ông cho biết thời trẻ đã thấy tình trạng Nhật Bản chiến bại mà mang nghi vấn tại sao người Nhật Bản lại trở nên kém khôn ngoan như thế, hẳn là ngày xưa phải khôn ngoan hơn, do đó từ năm 22 tuổi (1945), đã bắt đầu viết văn dưới hình thức thư cho chính mình, trong cố gắng tìm hiểu bản chất của người Nhật Bản từ những sự kiện và nhân vật lịch sử, từ đó mới có các tác phẩm "Ryoma ga yuku" (*Long Mã lên đường*), về thời động loạn dẫn đến Minh Trị Duy Tân, hay "Saka no ue no kumo" (*Mây trên đường dốc*) về chiến tranh Nga Nhật,...

Trước Shiba Ryotaro, tiểu thuyết lịch sử Nhật Bản phần nhiều nhắm vào mục đích mua vui cho độc giả bằng cách cường điệu những chi tiết ly kỳ thậm chí huyền thoại hoá. Shiba Ryotaro đặc biệt chú trọng việc khảo chứng, dùng sử liệu khả tín yểm trợ để tiểu thuyết lịch sử của ông có thể được cả giới độc giả trí thức Nhật Bản tin cậy mà thưởng lãm. Ông được biết là tác gia điều nghiên dẫn dụng một số tư liệu lớn lao cho mỗi tác phẩm của mình. Tác phẩm của ông, nhất là các bộ phim ti-vi tràn giang trên đài NHK, đã khiến độc giả, khán giả ưa chuộng và tin tưởng đến mức dễ đồng lòng với lối giải thích lịch sử nay đã nổi tiếng là "*sử quan Shiba*". Và mặc dù Shiba Ryotaro đã khẳng định tác phẩm của mình là "tiểu thuyết", nhưng nhiều chi tiết truyền thuyết trong tác phẩm của ông lắm khi cũng được độc giả tin tưởng như sự thực lịch sử, là điều mà các nhà phê bình lên án, nhưng cũng phần nào cho thấy mức độ thành công của Shiba Ryotaro là một tác gia tiểu thuyết lịch sử.

Shiba Ryotaro là tác gia được giới doanh gia Nhật Bản hâm mộ nhất; họ tìm thấy trong tác phẩm của ông sự khích lệ, động viên tinh thần, và nhiều chiến thuật chiến lược có thể áp dụng vào kinh doanh.

Ông là người có tài biện thuyết, thường được mời đến các buổi đàm thoại, hội thảo văn học, lịch sử. Lòng ham mê thu tập tư liệu của ông đã trở thành huyền thoại. Người ta đồn khi nào Shiba Ryotaro tìm kiếm tư liệu về đề tài gì thì sách cũ về đề tài đó biến mất hết từ các nhà sách cũ. Có lần ông đã mang xe tải nhỏ đến tiệm sách cũ, vào trong tiệm lục lọi, đọc loạn lên rồi chất đóng lên xe tải mà mua về.

Shiba Ryotaro đã xuất bản hàng trăm tác phẩm, trong đó vài chục tác phẩm đã được quay thành phim-bộ ti-vi và phim chiếu ngoài rạp.

"Ryoma ga yuku" (*Long Mã lên đường*) là tác phẩm nổi tiếng nhất của Shiba Ryotaro, viết về con người và cuộc đời của nhà cách mệnh Sakamoto Ryoma (*Long Mã*), một trong những chí sĩ đã mở ra kỷ nguyên Duy Tân, trong bối cảnh cuối thời *Mạc Phủ Tokugawa*, áp lực của các nước ngoài khuấy động xã hội và thể chế chính trị của Nhật Bản, khiến nảy sinh hai khối tư tưởng và thế lực Cần Vương *Nhưong Di* (*phò Thiên hoàng đánh đuổi người ngoại quốc*) đối lập với Tá Mạc (*phò Mạc Phủ Tokugawa nhân nhượng ngoại quốc*). Ryoma đã là một sĩ phu của phiên trấn Tosa, chuyển từ việc lập thân bằng kiếm thuật sang việc sáng lập tập đoàn mậu dịch tổng hợp Kaientai, qua chuyện kinh doanh mà liên kết các phiên trấn Satsuma, Choshu, Tosa,... xây dựng thành liên minh Cần Vương, cuối cùng đánh đổ *Mạc Phủ*, chấm dứt gần 300 năm cai trị của nhà *Tokugawa*, mở đường cho Minh Trị Thiên hoàng bắt đầu công cuộc Duy Tân. Ryoma đã sớm nhận thức được là phải bỏ ý hướng đánh đuổi người ngoại quốc mà mở

cửa du nhập học vấn, kỹ thuật Tây phương vào Nhật Bản. Ông dâng "Thuyền trung bát sách" (*8 kế sách nghĩ từ trong thuyền*) làm nền tảng cho các cải cách chính trị kinh tế thời Minh Trị Duy Tân. Tư tưởng Cần Vương của Ryoma còn hàm ý "vạn dân bình đẳng", dưới Thiên hoàng chỉ có thần dân, không còn sự phân chia giai cấp "sĩ nông công thương" ngặt nghèo thời trước nữa.

"Moeyo ken" (*Kiểm ơi, cháy lên*) là chuyện đời của Hijikata Toshizo, phó tướng của Shinsengumi là đội võ trang do Mạc Phủ chiêu mộ các võ sĩ mất chủ tướng (*ronin*) mà lập ra để truy lùng tiêu diệt các chí sĩ Cần Vương mượn cớ đánh đuổi người ngoại quốc để mưu đồ đánh đổ Mạc Phủ, thực tế là đã khuấy động kinh đô Kyoto. Về sau, Mạc Phủ yếu thế phải giao trả chính quyền lại cho triều đình, rồi bị thảo phạt, quân Mạc Phủ thua trận, phải chạy về Edo. Chiến tranh giữa quân triều đình thảo phạt và quân cự gia thần của Mạc Phủ bùng nổ khắp vùng phía đông Nhật Bản, Kondo Isami, chủ tướng của Shinsengumi đầu hàng và bị xử tử; phó tướng Hijikata Toshizo lưu lạc theo bại binh phe Mạc Phủ lên Hokkaido tiếp tục kháng chiến rồi tử trận ở đây.

"Yo ni sumu hibi" (*Những ngày sống trên đời*) viết về thầy trò Yoshida Shoin và Takasugi Shinsaku. Yoshida Shoin là một trong những nhà trí thức nổi danh nhất cuối thời Mạc Phủ, đã mở trường dạy binh học và chính trị, đào tạo nhiều chí sĩ sau này đã góp sức hữu hiệu vào việc đánh đổ Mạc Phủ và đổi mới nước Nhật. Takasugi Shinsaku là học trò cưng của Yoshida Shoin, đã cải tiến quân đội phiên trấn Choshu trong liên minh Cần Vương đánh đổ Mạc Phủ, và khởi đầu việc lập các lực lượng võ trang từ những người chí nguyện không thuộc giai cấp võ sĩ. (*Ito Hirobumi 4 lần làm Thủ tướng Nhật Bản, cũng là học trò của Yoshida Shoin*).

"Kashin" (*Thần hoa*) là chuyện đời của Omura Masujiro (*Murata Zoroku*), con của một thầy lang vườn ở Suo, phiên trấn Choshu, đã theo đuổi y học Hà Lan, sau này vừa dạy kiến thức Tây phương vừa xây dựng, cải tiến binh bị của phiên trấn Uwajima, rồi trở thành phiên sĩ (*sĩ phu, võ sĩ có chức vị*) của phiên trấn Choshu, làm cố vấn cải cách binh bị theo kiểu Tây phương. Thời Minh Trị, làm đến chức Thứ trưởng Bộ Hải-Lục quân, ông được xem là người khai sáng quân đội hiện đại Nhật Bản.

"Kunitori monogatari" (*Chuyện cướp nước*) thuật chuyện thời Chiến quốc, Nhật Bản loạn lạc vì nạn các sứ quân tranh đoạt lãnh thổ, Saito Dosan lập thân từ một nhà sư chuyên sang buôn dầu rồi cướp chính quyền xứ Mino, thành Lãnh Chúa một phiên trấn lớn. Sau này con rể của ông là Oda Nobunaga đã thực hiện được giai đoạn đầu của việc thống nhất Nhật Bản, chấm dứt thời Chiến quốc của các sứ quân.

"Saka no ue no kumo" (*Mây trên đường dốc*) là chuyện lớp người trẻ Nhật Bản thời Minh Trị Duy Tân đã ý thức được nghĩa vụ xây dựng quốc gia đồng thời xây dựng chính mình, trong hoàn cảnh lịch sử cam go khi nền tảng quốc gia cũ đã đổ vỡ hoàn toàn. Với khí phách của những người tiên phong khai phát, họ đã can đảm và dũng cảm đối đầu với mọi khó khăn để khai thông những đường tiến mới, cải cách hải quân, kỵ binh, văn học nghệ thuật hiện đại, đặt nền tảng mới xây dựng một quốc gia Nhật Bản tân tiến. Chiến tranh Nga-Nhật chiếm một phần quan trọng trong tác phẩm, như thực chứng cho thành quả của công cuộc Duy Tân. Những quan điểm của tác giả trình bày trong tác phẩm này (*sử quan Shiba*) rằng chiến tranh Nga-Nhật thực chất là chiến tranh tự vệ của Nhật Bản; trong trận tấn công Lữ Thuận, sở dĩ quân Nhật thiệt hại nặng đến như thế là vì tướng chỉ huy và các tham mưu bất tài,..... đã gây nhiều tranh cãi trong giới nghiên cứu lịch sử.

.....

Nhiều tác phẩm của Shiba Ryotaro đã được dịch và yêu thích ở Hàn quốc, Trung quốc. Một số tác phẩm của Shiba Ryotaro đã được dịch ra tiếng Anh, trong đó có "Drunk as a Lord: Samurai Stories" (2001), "Kukai the Universal: Scenes from His Life" (2003), "The Last Shogun: The Life of Tokugawa Yoshinobu" (2004), "The Tatar Whirlwind: A Novel of Seventeenth-Century East Asia" (2007),...

Shiba Ryotaro để lại cho đời một số lượng đồ sộ những tác phẩm dài hơi, xây dựng công phu, vừa có giá trị tư liệu lịch sử vừa có giá trị nghệ thuật, lẫn giải trí, xứng đáng là tác gia hạng nhất của Nhật Bản về tiểu thuyết lịch sử.

Phạm Vũ Thịnh
Sydney 03-2008

Tham khảo :

^[1] Shiba Ryotaro - Wikipedia : bản tiếng Nhật

<http://ja.wikipedia.org/wiki/%E5%8F%B8%E9%A6%AC%E9%81%BC%E5%A4%AA%E9%83%8E>

^[2] Ryotaro Shiba - Wikipedia : bản tiếng Anh : http://en.wikipedia.org/wiki/Ryotaro_Shiba

^[3] Shiba Ryotaro Dokuhon : Gendai sakka kenkyukai (Hội nghiên cứu tác gia hiện đại - bản Shiba Ryotaro), Tokuma Bunko xuất bản 1996.

^[4] Shiba Ryotaro ni aitai (Muốn gặp Shiba Ryotaro - chương trình của đài NHK) :

<http://www.youtube.com/watch?v=x1YdaTMJvNo>

^[5] Saka no ue no kumo - Wikipedia :

<http://ja.wikipedia.org/wiki/%E5%9D%82%E3%81%AE%E4%B8%8A%E3%81%AE%E9%9B%B2>

* * *

Anh hùng
Shiba Ryotaro
Phạm Vũ Thịnh dịch

Nghe người ta bảo thời bây giờ, nếu muốn theo đường học vấn ở Edo^[1] thì đến học ở trường của thầy Koga Sakei là tốt nhất, Suzuki Torataro đã từ đất Tsu phiên trấn Ise vào học ở đây năm 16 tuổi, niên hiệu Ansei thứ 6 (1860).

Torataro là người sau này mê Thiền rồi bỏ thế tục, không xuất gia nhưng đã học Thiền theo sư So-en ở chùa Enkaku xứ Kamakura và sư Bokurai chùa Kennin ở Kyoto, lấy danh hiệu cư sĩ là Mu-in (*Vô ẩn*). Cuối đời, sống ở lô đất số 39 xóm Otsu, thành phố Tsu thuộc tỉnh Mie, đến năm Minh Trị thứ 32 (1899) thì mất. Câu chuyện sắp kể ra đây dựa vào nhiều chỗ trong di cảo của cư sĩ Mu-in này.

Thầy Koga Sakei ấy là một vị quan xuất thân nho sĩ, và là cháu nội của nhân vật lịch sử nổi tiếng Koga Seiri (1750-1817, *học giả Nho học*). Trong đám nhà nho, ông là một người hiếm hoi học cả Lan học^[2] ít nhiều, do đó đã lãnh chức Viện trưởng Viện điều nghiên sách sử trong Phủ Chúa Tokugawa (*Mạc Phủ*). Quan nhà nho mà lại có mắt nhìn rõ thời thế, lúc bấy giờ, trong khi tư tưởng Jo-i (*Nhương Di, đánh đuổi kẻ man di mọi rợ là người Tây phương*) đang là cao trào thời đại, ông đã nhiệt thành cổ xúch "ba nhiệm vụ phải làm ngay" là:

-Nước ta hiện nay thì việc binh bị phải dùng súng ống chứ không còn gì khác,

-Việc kinh tài thì phải dựa vào mậu dịch với nước ngoài chứ không còn gì khác,

-Đất nước có biển bao quanh thì phải nhờ vào tàu thuyền mà hành động chứ không còn gì khác.

Ông mở trường, đặt tên là Kyukeisha (*Cửu kính xá*). Lớp người trẻ có chí ở khắp các phiên trấn ngưỡng mộ danh tiếng của ông, tranh nhau mà nhập học. Cậu Mu-in 16 tuổi cũng là một người trong đám đó. Trường tư này được lập ngay trong tư dinh của Koga, diện tích trường ốc chừng 160 mét vuông.

Thầy dạy là gia thần của Phủ Chúa, lại giữ chức Viện trưởng Viện điều nghiên sách sử nữa, nên 10 ngày mới có một lớp giảng của thầy. Do đó, các buổi đọc sách luân phiên thì trường trảng chỉ dẫn, và học trò mới thì bám theo học trò cũ mà học hỏi. Các buổi đọc sách chung, học trò ngồi vào chỗ nhất định, bên cạnh Mu-in luôn luôn là một người lớn tuổi cỡ 30, làm học trò e có phần trẻ quá.

Dung mạo anh ta khiến người ta thoáng thấy phải lấy làm thắc mắc chẳng biết là người như thế nào. Lông mày trông giống như lông măng màu nâu trà, trông mắt lồi ra ngoài, đáy con ngươi sáng loáng. Có lẽ là thứ mà sách tướng viết là "*mắt có màu kỳ dị*". Mắt to nhưng thỉnh thoảng nhú lại nhỏ xíu tương như đang ngủ. Đến sau cuộc Minh Trị Duy Tân, Mu-in mới nghĩ ra là có thể anh ta bị cận thị không chừng. Mũi to, lỗ mũi thấy thật sâu, miệng cũng rộng hết cỡ nhưng không lắm lời. Nói tóm lại, khuôn mặt có vẻ áp đảo người nhìn đấy.

Người đàn ông này ít nói. Thấy anh ta có dị tướng như thế nên vừa vào học, Mu-in đã xưng tên họ mình, định hỏi về thân thế anh ta ngay.

-"Tôi người xứ Seishu, tên là Suzuki Torataro, hiệu là Mu-in. Xin gọi cho là Mu-in thì tôi vui mừng lắm".

Nghe vậy, anh kia chăm chú nhìn mặt Mu-in rồi bật cười. Lúc anh cười thì khuôn mặt trông có vẻ trẻ con dễ thương khác hẳn với tuổi tác.

-"Cậu Mu-in kia à!".

Có vẻ mới 16 tuổi mà đã xưng là *Vô ẩn* thì tức cười thật. Nhưng anh ta có vẻ khoái lỗi chào hỏi ấy, nên nói:

-"Còn ta là Soryokutsu đây. Tên tục là Kawai Tsugunosuke, xuất thân từ phiên trấn Nagaoka vùng Echigo".

Vào học được vài ngày, Mu-in dần dần hiểu thêm được về nhân vật này. Anh ta đường đường là *phiên sĩ (sĩ phu, võ sĩ có chức vị)* của phiên trấn Nagaoka, phiên trấn nhỏ nên bổng lộc cũng ít, nhưng thuộc dòng dõi một nhà võ sĩ lâu đời. Có vẻ là nhà giàu, tuy là học trò nhưng áo quần sang trọng, hai thanh kiếm dài ngắn cũng chẳng phải là thứ thô tạp. Tuy là thân võ sĩ làm việc ở xứ nhà, nhưng trước đây cũng đã là môn sinh của các danh sư Saito Setsudo, Sakuma Zozan, và đã có thời vào học ở trường Kyukeisha này rồi, nên là môn sinh trở lại học, hơn là mặt mới. Thành tích học vấn thì quá tệ! Không phải là học dốt, nhưng có vẻ chỉ chú tâm nhiệt thành vào môn học nào mình thích mà thôi.

Thật là người kỳ lạ. Mu-in nghĩ thế khi trường ra đề làm thơ. Mọi môn sinh phải làm thơ theo đề chỉ định đấy, nhưng anh chàng Kawai Tsugunosuke đáng tuổi chú bác của Mu-in đã quay sang nói:

-"Cậu Mu-in này, ta đái cậu 16 xu khoai nướng, cậu làm hộ ta bài thơ này đi!"

Mu-in sững sốt. Chứ chẳng phải đến trường là để học làm thơ làm văn đó sao? Vả lại, Mu-in chỉ là cậu học trò 16 tuổi, thơ thì mới ra sức học cho thuộc mấy cuốn sơ đẳng như "Thi ngữ túy kim" (*Lời thơ vàng vụn*) hay "Ấu học tiện lãm" (*Bản ghi sẵn cho các em học*) đây thôi.

-"Tôi làm hộ không được đâu. Trước nhất, thứ thơ non nớt của tôi mà xưng dối là thơ của anh Kawai, thầy biết được thì là chuyện đáng xấu hổ cho anh đấy. Khoai nướng thì cảm ơn lắm, nhưng tôi phải từ chối thôi".

-"Cậu khờ quá!". Ông học trò ở tuổi chú bác này nháy mắt bảo. -"Cứ về chuyện thơ với văn cho rợn rợn thế, chứ thơ văn có dở đi nữa, cũng chẳng dính dáng gì đến giá trị của con người cả. Đại loại, những kẻ theo đòi Hán học gì đấy, mà cả thế gian này nữa, đều cứ nhập tâm rằng thơ văn giỏi là đủ thành học giả đáng kính nể rồi. Suy nghĩ như thế mà làm chuyện lớn trong thiên hạ được hay sao?"

Có vẻ anh chàng học trò dở này có định nghĩa hơi khác đời về chuyện học vấn rồi. Chẳng làm sao hơn, Mu-in đành làm thơ giúp cho anh ta.

Có lần thấy Mu-in vừa bận rộn lật tìm trong bản chú thích vừa đọc cuốn Tam Quốc Chí, chàng học trò dở cảm thán:

-"Cậu còn nhỏ mà cũng gắng đọc sách kiểu ấy, không thấy chán sao chứ? Thật đáng nể!".

Và vì nề phục quá nên hỏi tiếp:

- "Vì lý do gì mà cậu đọc sách ấy thế?"

- "Vì thích thú đấy mà". Mu-in thành thực đáp. Nghe thế, Kawai nói:

- "Nếu vì thích thú mà đọc sách, thì chi bằng đi xem diễn kịch hay đi nghe kể chuyện cười còn thích thú hơn nhiều".

Anh này nói lạ! Mu-in nghĩ thế. Nhưng gặp nhau mỗi ngày, riết rồi Mu-in dần dần bị thu hút bởi anh chàng học trò dở này, cuối cùng, đã chịu phục mà tôn anh ta làm "thầy". Ở trường này, môn sinh chọn trong lứa đàn anh ra một người hướng dẫn trực tiếp thay thầy. Mu-in là học trò ưu tú hạng nhất trong đám môn sinh nhỏ tuổi của trường, nhưng Mu-in đã chọn anh chàng học trò dở lớn tuổi này làm "thầy" hướng dẫn trực tiếp mất! Ông thầy này lại còn là người viết chữ xấu cùng cực, đến nỗi cả trường đều biết: "*Kawai không phải viết chữ, mà là khắc chữ đó!*". Quả thật, Mu-in cũng đã thấy Kawai khổ nhọc lắm khi viết chữ, trông thật giống một ông thợ mộc-bản cặm cùi khắc chữ lên bảng gỗ. Vậy mà lại hay viết chữ, và có thói quen hay sao chép lại các cuốn sách.

Quan niệm về học vấn của anh ta là: *học vấn phải là thứ tạo nên sức mạnh hành động cho mình mới được.*

Có lần trên đầu anh ta có chỗ sưng lớn, rất đau đớn mỗi khi cử động. Mu-in khuyên:

- "Hay là anh nghỉ học ít buổi ở nhà trị bệnh cho xong đi!".

- "Ta muốn thử thách chuyện học vấn của mình đấy mà!",

ra cái điều chuyện đấu tranh với sự đau đớn từ mụn nhọt ấy là học vấn của mình vậy. Còn chuyện giải thuyết chi li về thơ văn, kinh điển thì chẳng phải là học vấn!

Có vẻ anh ta say mê chủ nghĩa hành động của phái "Dương Minh học" (*học theo Vương Dương Minh, thuyết Tri hành hợp nhất*), cùng một khuynh hướng tư tưởng với Oshio Heihachiro trong biến cố Tenpo-no-ran (*Loạn Thiên Bảo 1841-43*). Thời bấy giờ, Chu-tử-học là lối học chính quy trong nước, chủ trương trước hết phải tìm hiểu tận tường về lý thuyết rồi mới có thể chuyển sang hành động, do đó, hành động không được trọng bằng tri thức. Ngược lại, tư tưởng Nho học của Vương Dương Minh là: Hiểu biết và hành động là một! Tri thức phải là năng lượng hành động mới được, học vấn chính là để đào tạo chính mình là chủ thể của hành động. Lời dạy của Vương Dương Minh đã lưu truyền rộng rãi đến thành như lời nói bình thường rằng: - "*Phá giặc trong núi thì dễ, phá giặc trong lòng mình mới khó*".

Có lẽ anh chàng người xứ Echigo này coi việc đấu tranh với nỗi đau đớn từ mụn nhọt trên người cũng đúng là học vấn theo thuyết của Vương Dương Minh rồi. Người xứ Echigo bao giờ cũng có lối suy nghĩ độc đáo về chuyện đời.

Trưởng tràng ở trường này là một ông Odagiri gì đấy. Mặt coi có vẻ hào phóng sẵn sàng đãi người khác, nhưng đến lúc trả tiền thì mằm mò hoài trong túi, không để gì mà rút tiền ra. Một hôm, môn sinh 8 người, có cả Kawai và Mu-in, cùng đi xem hoa mai nở ở Ginsekai phía trước phố Shinjuku, rồi vào uống rượu ở quán ăn nhỏ gần đấy. Đến lúc trả tiền, Odagiri lục lọi trong túi một hồi rồi nói:

- "Ừa, chỉ còn hai tiền vàng chẵn thôi! Ai có tiền lẻ sẵn thì trả hộ đi".

Kawai liền nói: - "Thế thì tớ trả cho", rồi gọi cô phục vụ đến chi trả, xong mới nói: - "Nhưng mà, phần của Odagiri thì cậu tự trả lấy đi!". Nói xong, anh dẫn cả bọn về mất, chỉ để Odagiri ở lại đó. Có vẻ đây cũng là cách phán đoán ứng xử theo Dương Minh học đấy.

Càng ngày Mu-in càng hứng thú tìm hiểu về Kawai, may mắn lại làm quen được với một người cùng xứ với Kawai, nên hỏi cặn kẽ thêm. Người kia cho biết: - "Một tên khủng đấy thôi". Nhà ở lô đất số 1 xóm Naga gần thành Nagaoka, bước qua cổng là thấy hai cội tùng cổ thụ bề thế. Anh ta trưởng thành ở đấy. Ông cha ngán ngẫm cho cậu con duy nhất tương thừa sinh da trắng trời gà không chặt, mà lại lười học, nên từ năm cậu 9 tuổi đã bắt tập võ nghệ. Học cỡi ngựa với Miura Jibuhei, học kiếm thuật với Kito Rokuzaemon, đều là những vị thầy tài giỏi danh lừng phiên trấn.

Kawai Tsugunosuke thì khi lớn lên cũng vẫn khinh thị rằng: "Bắn cung, cỡi ngựa, đánh kiếm, đánh thương, những thứ đó chỉ là loại kỹ năng bậc thấp của người võ sĩ mà thôi", nên ngay từ đầu đã chẳng thêm học theo lẽ lối thầy chỉ vẽ, mà nhất định làm theo cách của mình. Thầy dạy cỡi ngựa có mắng thì cãi là "Ngựa thì chỉ cần cỡi chạy được là đủ rồi", còn đối với Kito dạy kiếm thì điều cốt mà bảo là "Kiếm thì chỉ cần chém được là quá đủ".

Chẳng qua là người có tính cách chiều theo các thói tật của mình quá mạnh; những lý lẽ ấy hay quan niệm về học vấn cũng vậy, đều được nghĩ ra để biện minh với chính mình đó thôi.

Về sau, Mu-in còn đến viếng phiên trấn Nagaoka, gặp những người quen biết Tsugunosuke, hỏi thăm nhiều chuyện nữa, mà ai cũng nói:

- "Ông ấy, cho đến tuổi trung niên thì chẳng có chuyện gì cả. Chúng tôi cũng chẳng đặc biệt quan tâm đến ông ấy"

Mu-in đã đến thăm cả nhà Kawai nữa. Gặp người cha là Shiroemon, người mẹ Tei, và người vợ Suga, để hỏi chuyện thì biết là năm 18 tuổi, Tsugunosuke đã lập đàn tế theo nghi thức Nho giáo ở trước sân nhà, cắt cổ gà nhỏ huyết mà thề nguyện gì đấy bằng những lời quyết liệt.

Kết cuộc, năm Mu-in 16 tuổi, ở trường Kyukeisha ấy, đã tiếp xúc với Tsugunosuke hiệu là Soryokutsu chỉ trong 6 tháng. Đến tháng 6 năm đó, Tsugunosuke bảo:

- "Ở phiên trấn Matsuyama đất Bitchu có một nhân vật ta rất hâm mộ".

rồi nghỉ học mà đi mất.

Trong đời, chưa có lúc nào Mu-in cảm thấy buồn như hồi đó. Lúc chia tay, Mu-in hỏi Tsugunosuke hai điều.

- "Ở trường này, thầy Kawai đã thu hoạch được những gì?"

- "Ta đã đọc được một kỳ thư".

Một hôm, Tsugunosuke lục lọi trong kho sách của trường Kyukeisha, tìm ra một bộ sách 12 cuốn, ngay cả đề sách cũng hầu như chẳng học giả nào biết, đó là "Tập sách của ông Lý

Trung Đình" . Càng đọc, anh ta càng vui mừng đến như điên cuồng, rồi đã bỏ công sao chép trọn bộ trong 10 tháng trọ học ở trường.

Lý Trung Đình là danh thần cuối đời Tống. Những năm cuối đời vua Huy Tông, rợ Kim xâm lược, triều đình bàn tính xin hoà. Nhưng Lý Trung Đình khẳng khái giữ thuyết chủ chiến, thống thiết tâu lên vua rằng chịu hoà mà đầu hàng thì sẽ đưa đến mất nước. Đời vua Cao Tông, ông đã thi thố tài năng hiển hách trong cương vị một nhà hành chính và cả trong chức vụ tư lệnh quân đội đã chiến nữa.

Tsugunosuke thấy mình đang sống trong tình thế náo động cuối thời Mạc Phủ, nên lòng cũng đã quyết rằng: "Cuộc đời ta cũng phải như Lý Trung Đình mới được!".

Người đàn ông này chỉ đọc sách nào hợp với khí chất của mình mà thôi, nhưng có vẻ không có sách nào khiến anh ta cảm động đến như bộ sách ấy cả.

Mu-in còn hỏi thêm:

- "Sau này thì tôi nên học theo vị nào ở trường này?"

- "Tsuchida Shohei thì tốt nhất". Tsugunosuke đáp.

Mu-in sững sốt.

Tsuchida là người còn học dở gấp mấy lần Tsugunosuke nữa, sắp 30 tuổi rồi mà sách chữ Hán còn đọc chưa được nữa là! Anh ta là người xứ Dewa, đã rời Kyoto năm 25 tuổi, theo học Fujimoto Tesseki về sau này là thủ lĩnh của nhóm Tenchugumi (*nhóm võ trang Cần Vương cực đoan*), nghe đâu anh ta đã bị Tesseki mắng cho là ngu dốt, mới bắt đầu chịu đọc sách.

Tsugunosuke đi khỏi Edo rồi, Mu-in tìm đến Tsuchida, cúi đầu xin hướng dẫn. Khiến Tsuchida sững sốt:

- "Kawai thật là kẻ quái dị. Cùng học ở trường này nhưng chưa hề nói chuyện với nhau lần nào, vậy mà Kawai bảo như thế thật sao? Nhưng mà, tớ đã chu du thiên hạ các nơi, thấy được đủ loại nhân vật rồi, thế nhưng, người đến như Kawai thì chưa từng thấy bao giờ. Tớ đã thấy ông ấy đánh cờ tướng một lần. Đánh cờ mà hào khoái được đến như ông ấy thì quả thật là chưa từng thấy".

Tsuchida kể rằng lúc đánh cờ, Tsugunosuke hầu như chẳng để mắt gì đến chuyện thắng bại, ngón tay cứ thoăn thoắt di chuyển quân cờ, vậy mà vẫn thắng được nhanh chóng.

- "Không chừng là người anh hùng trăm năm mới có được một người đấy. Thế nhưng, phiên trấn Nagaoka của ông ấy thì chỉ có 74 ngàn hộ ^[3] ...". Tsuchida suy nghĩ một hồi. - "Quy mô nhỏ quá! Phiên trấn nhỏ mà lại có một nhân vật tầm cỡ đến như thế thì là vận may hay rủi, chỉ có Trời mới biết được".

Tsuchida nói, nghe cứ như là lời sấm đoán trước tương lai. Về sau, Kawai Tsugunosuke đã tạo ra biến động lớn lao đến mức đảo lộn trời đất ở địa phương Hokuetsu, còn Tsuchida Shohei thì không có dịp chứng kiến để xác nhận lời dự đoán ấy, vì đã tham gia vào biến cố Tsukuba-no-ran, lưu lạc chiến đấu ở nhiều nơi, cuối cùng đã chạy đến phiên trấn Nakamura vùng Iwaki mưu đồ tái khởi nhưng đã bị bắt và xử chém vì tội ủng hộ Mạc Phủ.

Nói gì đi nữa, Kawai cũng là người kỳ dị đấy. Anh ta nghĩ gì, định làm gì, Mu-in chẳng làm sao đoán ra được. Thời còn học ở trường Kyukeisha, sở thích của Kawai chỉ là đến xóm Yoshiwara mua gái, và lớn đầu rồi mà thích chơi trò kéo gối thi. Đó là trò hai bên dùng ba ngón tay kẹp hai đầu của cái tráp gối đầu hình hộp mà kéo xem ai giữ được, thế thôi. À, còn trò nhìn đèn sáp nữa chứ. Thắp đèn sáp lên, mở mắt nhìn không chớp vào đèn sáp ấy, ai chớp mắt trước là thua. Nhiệt tâm vào những trò con nít như thế. Mà hai trò ấy, trò nào Kawai cũng thắng tất cả các môn sinh trong trường. Đến nổi tiếng khắp trường rằng Kawai nhìn mặt trời cũng chẳng chớp mắt nữa.

Trong thời gian trọ học, Kawai có lần thỉnh lĩnh thu dọn án thư, đèn lồng, cho sách vở, chăn mền vào hành lý, ra đi. Mọi người kinh ngạc hỏi:

"Anh bỏ trường mà đi đây à?"

Kawai đáp: "À, cũng tương tự thế".

Về sau mới rõ ra rằng năm ấy là Ansei thứ 6 (1860), do vấn đề phê chuẩn hiệp ước bất bình đẳng với ngoại quốc mà quan hệ đối ngoại căng thẳng. Mạc Phủ ra lệnh cho các phiên trấn chư hầu chia nhau canh giữ vùng duyên hải gần Edo. Phiên trấn Nagaoka phải phái quân đến canh giữ cảng Yokohama, và Kawai được cử làm đội trưởng đội quân ấy. Vì vậy mà Kawai phải tạm thời bỏ học. Nhưng chỉ vài ngày sau, chẳng hiểu sao lại thấy xách sách vở, chăn mền, đèn lồng, án thư,... trở lại trường.

"Sao thế anh?" Mu-in hỏi.

Kawai im lặng không đáp. Sau này, Mu-in hỏi chuyện các môn sinh cùng xứ Nagaoka với Kawai mới biết được sự tình. Khi nhận được lệnh làm đội trưởng đội quân canh giữ cảng Yokohama, Kawai đã nói với quan Gia lão ^[4] trú nhậm ở Edo rằng:

"Đã gọi là đội trưởng đội quân canh giữ cảng Yokohama, thì không khác gì phải ra chiến trường rồi. Vậy thì đội trưởng ắt là được giao toàn quyền sinh sát đấy chứ?"

Kawai muốn xác nhận như thế, khiến quan Gia lão kinh ngạc. Thấy ông ngần ngừ, Kawai nói:

"Vậy thì, xin miễn cho"

rồi trở về trường.

Vài ngày sau, lại được gọi vào dinh trú nhậm của phiên trấn ở Edo. Đến nơi thì quan Gia lão bảo:

"Lời anh yêu cầu là đúng lắm. Vậy thì ta cho toàn quyền sinh sát đối với đội viên, anh nhận làm đội trưởng đi"

Kawai nhận lời. Cỡi ngựa, dẫn quân sĩ rời dinh phiên trấn ở xóm Atago. Ra đến trước lầu xanh Dozo Sagami ở Shinagawa, Kawai xuống ngựa, đưa cương ngựa cho phu ngựa giữ, rồi bảo mọi người:

- "Ta được giao cho toàn quyền điều khiển đội quân này. Vì vậy, ta truyền lệnh khởi đi Yokohama nữa. Ai muốn trở về Edo thì về. Còn ta vào lầu xanh này, ai muốn đi cùng thì theo ta".

Nói xong, quay lưng đi thẳng vào lầu xanh ấy thật. Sáng hôm sau, về lại trường Kyukeisha thì thấy có sứ giả của phiên trấn xanh mặt chờ sẵn ở đó rồi. Kawai nạt lớn:

- "Ta đã được giao cho toàn quyền sinh sát rồi kia mà. Giải tán quân sĩ hay không là quyền tự do của ta!"

Có vẻ anh chàng này có cái lý của anh ấy, chủ ý muốn điều cốt chính sách của Mạc Phủ bên trên phiên trấn nữa.

- "Bọn ngoại quốc chỉ mới hăm dọa thôi chứ chẳng muốn gây ra chiến tranh. Địch không có ý muốn đánh, mà phía mình chỉ mới nghe tiếng gió thổi chim kêu đã run lên, phái ngay binh lính ra trấn giữ Yokohama, thì còn gì là uy nghiêm của quốc gia nữa!"

Cuối cùng, Kawai cũng đã bỏ học ở trường Kyukeisha, đi Bitchu, đến thăm và nhập môn Yamada Hokoku là học giả chủ trương thực học, có tham gia vào chính quyền của phiên trấn Matsuyama vùng Bitchu. Hokoku tên thật là Yamada Yasugoro, vang danh thiên hạ là nhà cải cách thể chế phiên trấn. Xuất thân là con nhà nông, thời niên thiếu đã nổi tiếng khắp nơi về tài học, được Lãnh Chúa Itakura tước Suo-no-kami cấp học bổng du học Kyoto, Edo, về sau nhậm chức Giám học ở trường của phiên trấn, rồi thăng lên chức quan lo về tài chính, rồi Chương quản Địa phương, Nhiếp chính, và đã làm giàu cho tài chính của phiên trấn.

Lúc Kawai tìm đến thì Hokoku làm chức vụ nhiếp chính nhưng không ở trong dinh cơ gần thành mà ra ở đất dinh điền Nagase thuộc làng Nishikata, để chỉ huy đám võ sĩ cấp thấp trong công tác khai khẩn. Kawai cùng ở đấy học và làm việc chung hơn một năm. Hầu như chẳng đọc cuốn sách nào. Một ngày nọ, Hokoku hỏi, có vẻ ngán ngẫm:

- "Sao cậu không đọc sách?"

Kawai im lặng một hồi, rồi đáp:

- "Thưa, tôi đến để học cách thầy làm việc".

Về sau này, Kawai làm quan Nhiếp chính ở phiên trấn Nagaoka, đã chuyển biến nền tài chính thâm thủng của phiên trấn Nagaoka thành giàu có, giúp phiên trấn cỡ nhỏ này vũ trang hoàn bị đến như quá mức như vậy được, có lẽ phần lớn cũng nhờ vào những gì đã học hỏi được trong thời kỳ tập việc với Hokoku.

Tổng cộng 3 năm ở lại đất Bitchu, Kawai đã đến xem và học hỏi ở các phiên trấn phía tây như Choshu, Saga,... đã sớm trở thành những xứ có nền công nghiệp hiện đại. Như Choshu là cỡ phiên trấn chừng 30 vạn hộ, mà bây giờ đã thu hoạch trên 100 vạn hộ rồi. So với các phiên trấn phía tây ấy thì các phiên trấn ở Hokuriku, Kanto, Tohoku,... phía đông vẫn còn giữ nông nghiệp làm trung tâm kinh tế y nguyên như cũ từ thời Chiến quốc, nên tài chính của các phiên trấn này càng năm càng suy thoái, nay đã xuống đến mức chẳng còn sức để làm gì được nữa cả. Sự cách biệt giàu nghèo giữa các phiên trấn phía tây và phía đông như thế đã hiện rõ trong mắt Kawai Tsugunosuke lúc đi tham quan các nơi, đến nỗi Kawai phải kinh ngạc vì sao cùng

một nước Nhật Bản mà lại có thể khác nhau đến như thế được! Kawai nghĩ hẳn là sẽ có ngày sự giàu có của các phiên trấn hùng mạnh phía tây sẽ lấn áp các vùng phía đông và phía bắc dưới hình thức võ lực cho mà xem.

Kawai còn đi tiếp đến Nagasaki, thuê người thông ngôn, thường đến thăm các nhà của người ngoại quốc ở đây để hỏi về tình hình các nước. Những cảm tưởng thu hoạch được trong lần chu du các xứ phía tây ấy, Kawai đã viết cho người anh vợ đang ở gần thành Nagaoka là Nagino Kahee (*là anh của Suga, vợ Kawai*) như sau:

-Tình thế thiên hạ như thế này thì sớm muộn gì cũng sẽ xảy ra biến động to lớn, không tránh được. Hiện nay, tình hình thế giới không khác gì thời Chiến quốc ^[5]. Những nước ngoài như nước Nga đã nảy ra Đại đế Peter chẳng hạn, đang có uy thế khủng khiếp đến không thể tưởng tượng nổi, do đó chuyện Nhật Bản đòi đánh đuổi người ngoại quốc như lỗi Nhượng Di ấy là hành vi ngu xuẩn.

-Quan hệ giữa Kyoto (*Thiên hoàng*) và Edo (*Mạc Phủ*) cũng thật đáng lo buồn. Đã thấy bọn hai phiên trấn Satsuma và Choshu len vào giữa với mục đích tư lợi cho phiên trấn họ mà có hành động ly gián, sàm tấu lên Thiên hoàng. Phía Kanto cũng không nên mắc mưu bọn ấy mà đối ứng một cách khinh xuất.

-Thiên nghi khai quốc là xu hướng tất yếu rồi. Trong tình thế ấy thì chẳng còn ý nghĩa gì chuyện phân biệt công khanh của Thiên hoàng với võ sĩ của Mạc Phủ nữa. Phải trên dưới đồng một lòng mà gắng sức làm cho nước giàu binh mạnh. Phía Kanto cứ tin tưởng rằng Phủ Chúa Tokugawa sẽ đời đời cai trị thiên hạ được mãi thì là lỗi suy nghĩ thiên cận cùng cực, thật đáng buồn.

-Phiên trấn Nagaoka thì nói gì đi nữa cũng chỉ là một phiên trấn nhỏ, chẳng thể nào có sức để kéo đại thế của thiên hạ theo được. Từ đây, chỉ có thể chinh đồn chinh quyền phiên trấn, nuôi dưỡng thực lực, nhận thức tình thế cho đúng, cố gắng tránh sai lầm to lớn, chứ không còn kế sách nào khác.

Đầu mùa hè năm Manen nguyên niên (1860), Kawai thôi học ở nhà Yamada Hokoku. Nghe đâu sau đó, Hokoku đã nói với người khác rằng: -"Người như vậy mà ở phiên trấn nhỏ như Nagaoka thì chẳng hiểu là phiên trấn ấy được lợi hay bất lợi", rồi lắc đầu với vẻ mặt khó hiểu.

Trở lại Edo, Kawai lại vào học trường Kyukeisha lần thứ ba. Cũng chẳng có vẻ gì là ham học. Có hôm cứ ru rú trong phòng riêng, gói đầu lên tráp sách bọc da, suốt ngày lẩn qua lật lại. Khiến Mu-in lo lắng, mới hỏi:

-"Anh không trở về nhà ở Nagaoka sao?"

Bởi Mu-in nghĩ mà thương cho người vợ của Kawai ở nhà. Kawai lẩn đầu trên gối là tráp sách bọc da ấy, nhìn Mu-in chòng chọc mà nói:

-"Bé con không hiểu được đâu".

Ở trường cũng có người bảo là:

-"Nghĩ thân làm vợ của Kawai thật là tội nghiệp!".

Cũng có người kể:

-"Nghe đâu khi ra đi, anh chàng Kawai ấy đã bảo vợ: ta lên Edo tí đây. Người vợ hỏi: Edo thì cách Nagaoka bao xa?. Kawai nói: có gì đâu, cứ đi ngược sông Shinano là đến Edo rồi, khi nào muốn gặp thì cứ lên đây là được. Vì vậy, người vợ cứ đình ninh như thế mà an lòng một cách ngây thơ lạ lùng. Thật tội nghiệp!"

và tỏ vẻ vì nghĩa mà giận Kawai.

Có lần Mu-in được bạn học trong trường rủ đi xem hoa diên vĩ (*iris*) ở Horigi. Nghe đồn là danh thắng ở Edo đấy nên Mu-in định đi xem cho biết. Thấy Mu-in sửa soạn áo quần sắp sửa đi, Kawai từ trong phòng nhìn Mu-in chăm chú mà nói:

-"Xem về thì cho biết ra sao nhé".

Mu-in ra đi theo bạn. Nhưng phương hướng đường sá thì không quen. Trên đường về, Mu-in bị dắt vào khu chơi bời Yoshiwara, lúi vào nhà chứa mà không biết.

-"Đây là chỗ gì vậy?"

Mu-in hỏi thì cả bọn cười ngất. Chúng bạn bảo đây là "bất dạ thành" (*thành không có đêm*) vang danh thiên hạ đấy.

-"Cậu thì chưa *khai bút* chứ gì, phải không nào? Lúc như thế này thì phải ngoan ngoãn nghe theo lời đàn anh mới được đấy".

Mu-in mới 17 tuổi, sợ quá. Nỗi sợ hãi ngây thơ của tuổi trẻ đây, nhưng một phần cũng vì lo sợ không biết người hướng dẫn là Kawai sẽ nói gì nếu biết được là anh đã đến chỗ ác ôn thế này. Mu-in quyết liệt từ chối mà bỏ về. Lập tức vào phòng Kawai báo cáo. Kawai gạt gù:

-"Thế thì tốt lắm. Ta thấy bọn này gồm những đứa xấu thì đã định cản cậu đừng đi, thế nhưng nghĩ lại cậu cũng đã 17 tuổi rồi, nên làm thỉnh đây. Ta mới mua sẵn nhiều bánh bao lắm, ăn đi"

rồi cho luôn cả bao bánh.

Mu-in được Kawai khen ngợi thì cảm động đến muốn rơi nước mắt. Anh tin rằng người như Kawai hẳn là không đến những chỗ ác ôn như thế.

Nhưng vài ngày sau, Mu-in nghe người ta nói:

-"Không ai đi chơi nhà thổ nhiều bằng Kawai cả".

Mu-in nổi giận, nhân thể còn lại 2, 3 chiếc bánh bao nhận được mấy ngày trước, bèn xách tới trả lại. Kawai vẫn gồi đầu lên tráp sách bằng da ấy, chẳng lộ vẻ gì là ngạc nhiên hay lúng túng cả.

Kawai có bộ não lạ lùng. Có vẻ là đã đoán trước được sự việc sẽ xảy ra, giống như đoán được nước cờ tướng (*Nhật Bản*) vậy. Như chuyện Mu-in đi xem hoa diên vĩ xong thì sẽ như thế nào, ghé lại xóm chơi bời Yoshiwara thì chắc chắn sẽ bỏ về, đoán như thế nên Kawai mới

mua bánh bao để sẵn. Mà cả đến việc Mu-in nghe lời đồn, tức mình mà trả bánh lại, có vẻ Kawai cũng đoán được trước nữa.

Kawai chẳng lộ vẻ gì, chỉ vươn tay đón lấy bánh bao cho vào miệng, chậm chậm nhai kỹ, nuốt xuống họng, rồi nhồm người, bật khoá lưỡi liềm, giờ nắp trap lấy ra một cuốn tập nhỏ.

"Sách gì thế?"

"Sách ghi chi tiết xóm Yoshiwara đây".

Mu-in cầm cuốn tập giở ra xem. Thấy in rõ ràng chi tiết giá cả và bình phẩm về từng cô trong số ba ngàn 8 trăm 15 gái làng chơi trong xóm Yoshiwara ấy.

"Dấu hiệu này là gì thế?"

Mu-in chỉ vào các dấu hiệu bằng mực đỏ mà Kawai đã ghi phía trên tên của các cô.

"Các cô mà ta đã mua đấy".

Đáng ngạc nhiên là bằng vào các dấu hiệu ấy thì hẳn là Kawai đã mua dân từ tất cả các cô nổi tiếng ở Yoshiwara rồi, không chừa cô nào.

Dấu hiệu thì có ba loại: hình tam giác, vòng tròn đơn và vòng tròn kép. Có dấu hiệu đã bị xoá đi. Mu-in hỏi về ý nghĩa của các dấu hiệu ấy thì Kawai chỉ mỉm cười nhẹ mà không giải thích rõ ràng. Chỉ nói:

"Đã mua như thế rồi đấy. Đối với đàn ông, các cô có dấu vòng tròn kép đó chẳng phải là thứ địch thủ dễ thắng. Ta đã thường cho rằng chỉ có những tên đàn ông yếu đuối về tình cảm mới mê say đàn bà mà thôi. Nhưng thật chẳng phải thế. Có thể những tên đàn ông yếu kém thì mê say các cô cỡ dấu hiệu tam giác hay vòng tròn đơn ấy thôi. Còn bậc anh hùng hào kiệt thì mê đắm các cô có dấu vòng tròn kép ấy. Bảo là mê đắm, nhưng chẳng phải vì các cô khéo chiều chuộng, nâng áo khoác vào người cho mình hay vỗ lưng âu yếm mình gì đâu. Cái tình của các cô này có chút hơi hướm gì đấy không thể gọi tên là gì được, thế mà cả lòng lim dạ sắt của người đàn ông phải tan chảy vào đấy lúc nào không hay. Mà bậc anh hùng hào kiệt thì lại càng dễ đắm đuối hơn người thường nữa..."

"....."

"Vì thế nên ta đã thử xem cho biết. Và cuối cùng đã đi đến tận chỗ không còn đi thêm được nữa, thì hiểu ra rằng đàn bà là quý lắm đấy. Đến có thể làm tim mình run lên được. Cả đến bây giờ, ta cũng nghĩ như thế".

Màu mắt Kawai chợt biến đổi. Có lẽ chàng ta đang tưởng nhớ tha thiết đến một cô nào có dấu vòng tròn kép ấy rồi.

"Từ đó, ta ngừng hẳn. Ta là kẻ trù liệu trước đại khái cuộc đời của mình mà sống theo đó. Quả thật nhà ta lãnh bổng lộc không bao nhiêu, phiên trấn của ta chỉ là một phiên trấn nhỏ, nhưng cũng chính vì nhỏ nên phiên trấn sẽ có ngày cần đến ta. Và quả thật, đằng nào cũng chỉ sống được một đời, thì lòng lim dạ sắt có tan chảy vì đàn bà đi nữa, cũng có thể là điều thú vị.

Tuy nhiên, con người không thể sống hai cách sống cùng lúc được. Ta phải sống cho đúng với sự trù liệu trước của mình đó thôi".

Sự trù liệu mà Kawai nói đó hẳn là cố gắng xây dựng cốt cách người anh hùng trong con người của anh ta. Giống như lời thơ mà Kawai đã làm:

"Thập thất thiên thệ phù quốc nghĩ"

(17 tuổi, ta thề với trời sẽ mưu tính chuyện giúp nước)

Anh chàng này có lẽ đang tiếp tục cố gắng suy tính nhiều phương cách để đạt tới mục đích ấy.

Không bao lâu sau, Kawai Tsugunosuke trở về quê hương là phiên trấn Nagaoka vùng Echigo. Qua năm sau, Bunkyo thứ nhì (1862), ngày 24 tháng 8, Lãnh Chúa là Makino Tadayuki được lệnh nhậm chức Đại lý cho Mạc Phủ ở kinh đô Kyoto. Tadayuki rời Nagaoka ngày 15 tháng 9, đến dinh của phiên trấn ở phường Nijo, Kyoto ngày 29.

Kawai lưu lại Nagaoka. Một ngày nọ, không hiểu là đã nghe được gì trong thành mà vội vã về nhà gọi vợ:

- "Suga ơi, dọn cơm ra!"

Suga lập tức dọn cơm nước, và hỏi chồng:

- "Lần này, anh đi đâu đấy ạ?"

- "Em hiểu được thế à!"

Đang và cơm, Tsugunosuke chợt ngưng đũa.

Suga im lặng mỉm cười. Sống với chồng lâu ngày thì chỉ cần nhìn dáng điệu chồng cũng hiểu ra được.

- "Đi lên kinh đô đây". Tsugunosuke đáp rồi tiếp tục và cơm.

Suga cười khỏ sở, đi chuẩn bị hành lý cho chồng ngay. Từ năm 16 tuổi rời nhà Nagino vào làm dâu nhà này đến giờ, chưa có lúc nào thấy chồng ở yên trong nhà được đến một năm. Tuồng như Suga vào làm vợ Tsugunosuke chỉ để sửa soạn hành lý cho chồng mà thôi vậy.

Tsugunosuke đến Kyoto, vừa vào đến dinh cơ của phiên trấn, đã xin vào gặp quan Đại lý ngay. Tsugunosuke thưa lên rằng quan Đại lý nên từ chức ngay mà về xứ thì hơn.

- "Chức Đại lý này, lúc Mạc Phủ còn có uy quyền thì chẳng nói làm gì, chứ tình thế đã như thế này, thì chẳng còn ích lợi gì nữa cả. Hiện nay, các phiên trấn mạnh là Satsuma và Choshu cử binh canh giữ các cửa hoàng cung, mượn oai triều đình mà chẳng coi Mạc Phủ ra gì, còn trong kinh đô thì bọn võ sĩ mất chủ tướng tha hồ tung hoành coi như chẳng có các sở cảnh sát. Trong thời thế này, muốn trị an kinh đô thì phải có uy thế binh bị của một phiên trấn cỡ một triệu hộ kia. Chứ phiên trấn nhà giới lắm cũng chỉ ở mức 74 ngàn hộ thì thấy rõ trước mắt là sẽ sa lầy mà chẳng làm nên chuyện gì cả."

- "Ăn nói vô lễ quá!".

Quan tham chính Mima Yasuemon ngồi bên cạnh đánh cây quạt vào đầu gối mà mắng.

Nhưng Tsugunosuke không thèm để ý. Yasuemon lại càng nạt lớn hơn.

Tsugunosuke quay nhìn, ra vẻ như mới chợt để ý có Yasuemon ngồi đấy, rồi lắc đầu nhẹ mà nói:

- "Chẳng lẽ ngài nghĩ rằng nạt nộ người ta thì lay chuyển được thời thế sao chứ?"

Tsugunosuke lập tức bỏ về phiên trấn.

Quan Đại lý cũng nghĩ ý kiến của Tsugunosuke là đúng nên tháng 7 năm sau đã từ nhiệm mà trở về Nagaoka. Nhưng Mạc Phủ vẫn cất nhắc Tadayuki lên chức quan Lão Trung ^[6]. Nghe tin ấy, Tsugunosuke đang ăn bữa trưa liền vất đũa, nói:

- "Thật là điên khùng!"

Suga nhật đũa lên, hỏi:

- "Anh lại sắp đi xa nữa à?"

- "Không, ta lên thành đây".

Vào yết kiến Lãnh Chúa, Tsugunosuke lại thưa:

- "Lúc này, thân làm Lãnh Chúa một phiên trấn nhỏ thì chẳng nên nhận chức quan Lão Trung gì đấy của Mạc Phủ. Thế nào cũng xin từ tạ đi cho".

Ý kiến của Tsugunosuke là thời thế này, việc gắng sức làm sao cho xứ giàu binh mạnh trong phiên trấn của mình mới là việc khẩn cấp nhất. Chứ làm chức quan Lão Trung gì đấy đi nữa, lúc này Mạc Phủ đã đến hồi không còn cựa quậy gì được nữa rồi, thì chỉ tốn công quỹ của phiên trấn vào việc vô ích mà thôi.

- "Nhưng ta đã nhận lãnh rồi mà".

Tadayuki đáp, rồi cho Tsugunosuke đi ra, nhưng ấn tượng mãnh liệt từ gã đàn ông tướng tá kỳ dị ấy vẫn còn lưu lại rất lâu. Tadayuki nhậm chức xong, liền ra lệnh cho Tsugunosuke theo lên làm việc ở Edo, đề bạt cho làm chức vụ Hành khiển cho cả phiên trấn lẫn Mạc Phủ. Việc đề bạt như thế thật hiếm có.

Tsugunosuke vui vẻ lên Edo làm việc, lần này lấy cương vị công vụ mà khuyên Lãnh Chúa từ nhiệm, mỗi ngày vào yết kiến lại thuyết phục như thế. Hàm ý của Tsugunosuke vẫn là: ngày nay Mạc Phủ đã đến lúc không còn sức sống nữa rồi, có giúp vào cũng vô ích thôi. Trong khi đó, việc quan trọng cần kíp là làm sao cho phiên trấn Nagaoka sớm được xứ giàu binh mạnh. Được như thế thì cũng là giúp cho cả nước Nhật Bản vậy.

Cuối cùng, Tadayuki đã chấp nhận ý kiến của Tsugunosuke mà xin từ nhiệm vì lý do bệnh hoạn.

Nhưng Mạc Phủ đoán được rằng đây là bệnh giả, nên cho Lãnh Chúa Makino Sadaaki của phiên trấn Kasama vùng Joshu, là phiên trấn vệ tinh của Nagaoka, đến dinh Lão Trung ở Tatsunokuchi để viếng bệnh mà thuyết phục Tadayuki bỏ chuyện từ nhiệm. Tadayuki đành phải ngồi nghe thuyết phục, bên cạnh có Tsugunosuke.

Tsugunosuke thì lúc nghị luận, chẳng cần biết ai là ai cả, nhiệt liệt phản luận, đến mức mắng cả vào mặt Lãnh Chúa Makino Sadaaki tước Hầu đất Kasama ấy. Vì vậy Tsugunosuke bị đuổi ra ngoài, tức thì sau đó đã viết biểu xin từ chức mà trở về Nagaoka, chấm dứt 5 tháng làm việc ở Edo.

Suga ra cửa đón ông chồng tiến thoái quá ư bận rộn này. Đêm đó, cha Tsugunosuke là Shiroemon ái ngại nói với vợ là Tei:

- "Con dâu Suga nhà mình thật là tội nghiệp!".

Bởi chồng cứ rời nhà ra đi lúc nào chẳng biết. Nghĩ lại từ lúc hai người lấy nhau, Suga 16 tuổi, Tsugunosuke 23 tuổi, đến nay, chưa có lúc nào Tsugunosuke an vị ở nhà quá 6 tháng.

- "Cứ như thế thì làm sao mà có thời gian để có con cái gì được chứ!". Đã có người trong đám thuộc hạ của Lãnh Chúa nói lên như thế. Mà thật, hai người chưa có lấy một đứa con.

Shiroemon cười khò sở:

- "Con dâu nhà mình lấy phải thằng chồng như thế thì chịu khổ nạn đã đành, mà cả Lãnh Chúa cũng phải chịu thêm gánh nặng này nữa. Bao nhiêu lần lãnh chức này chức nọ rồi mà chức nào cũng từ nhiệm ngay thôi. Cả đời, định làm gì chẳng biết nữa!"

Nói vậy chứ chẳng phải là ông bất mãn về con mình.

- "Tsugunosuke là người có chủ trương quá mạnh về chuyện phiên trấn Nagaoka này phải như thế nào. Người như thế không thể làm một viên quan nhỏ trong phiên trấn được đâu. Trên mình mà có một người cấp trên thì thế nào cũng xung đột. Tsugunosuke thì chỉ có thể làm chức quan Gia lão cao nhất trong phiên trấn mà thôi".

Lời Shiroemon nghe ra như tự trào. Bởi nhà Kawai xưa nay chẳng phải là nhà làm quan cao. Đừng nói chi đến chức quan Gia lão cao nhất, ngay cả chức quan Gia lão thường đi nữa, cũng chưa có ai trong gia hệ này đạt tới cả. Có lẽ rồi Tsugunosuke cuối cùng cũng chỉ là thứ con mồ côi trong đám thuộc hạ của Lãnh Chúa mà thôi.

- "Vậy cũng xong".

Shiroemon nửa như chịu thua số mệnh về chuyện có được đứa con kỳ lạ này.

Nhà Kawai tuy lãnh bổng lộc ít, nhưng cũng đã được cấp đất phong, và từ đời tổ tiên đã mua sẵn nhiều ruộng đất. Cho dù không có chức vụ gì đi nữa, cũng có gia sản đủ để sống tự lập thoải mái.

- "Cứ để mặc nó muốn gì làm nấy thôi!"

Từ ngày trên Edo trở về, Tsugunosuke đâm ra mê mải chuyện tập bắn súng mỗi ngày. Người này thì ngày trước đã gõ cửa Sakuma Zomon mà học về súng pháo Tây phương, đã có đầy đủ kiến thức rồi, nhưng loại súng ống đó thì khó mà vào tay được ở xứ Nagaoka. Vì vậy, Tsugunosuke đã cho chế tạo khẩu súng có dây mồi lửa bắn đạn 10 mon (*chừng 40 g*), vác lên vai đến bãi tập bắn của phiên trấn mà tập luyện, cuối cùng bia bắn xa cỡ 90 mét thì không trật phát nào.

- "Tây phương có thứ súng gắn lưỡi lê, nếu ta mà chỉ huy được một đội quân chừng ngàn người cầm súng gắn lưỡi lê ấy thì bất cứ địch quân kiên cố đến đâu cũng phá được".

Tsugunosuke nói như thế với mọi người, và không chỉ nói, mà còn tưởng tượng hình dáng mình đang chỉ huy đội quân ấy, và làm cả thơ nữa:

"Kiếm súng thiên binh phá kiên trận"

(Ngàn binh trời cầm súng gắn lưỡi lê phá tan địch trận kiên cố)

Lời thơ ấy, Tsugunosuke bắt một người giỏi viết chữ trong phiên trấn viết và lồng khung đẹp để mà treo trong thư phòng. Mỗi ngày ngắm nghía mà mộng tưởng hình dáng mình đang chỉ huy đội bộ binh vũ trang theo kiểu Tây phương, trong khói súng mịt mù!

Tsugunosuke bước đi trong các xóm quanh thành, lưng không đeo kiếm mà lại có vẻ đặc ý lắm. Người nào chặn hỏi thì được dịp trình bày thuyết của mình rằng:

- "Võ sĩ thời nay không cần đeo kiếm nữa. Kiếm thì dùng gì được trong chiến tranh từ đây về sau?"

và nói thêm:

- "Người ta còn bảo võ sĩ phải giỏi cung tên nữa. Chừng nào còn nói như thế thì chưa ngóc đầu lên được. Từ nay về sau, chỉ có những người biết cách dùng súng ống đạn dược, biết thuật hàng hải thì mới đáng được gọi là võ sĩ mà thôi".

Chẳng bao lâu sau, Lãnh Chúa Tadayuki từ chức Lão Trung trở về Nagaoka, liền cho gọi Tsugunosuke vào để hỏi phiên trấn này nên có phương châm như thế nào. Tadayuki đã nghe đồn về lời thơ khẩu khí *"Kiếm súng thiên binh phá kiên trận"* rồi nên đoán trước là Tsugunosuke sẽ khuyên "phải trang bị binh sĩ phiên trấn theo lối Tây phương", thế nhưng Tsugunosuke lại thưa:

- "Trước hết, cần làm giàu cho nền tài chính của phiên trấn. Mọi việc khác thì khi nào có vàng trong tay hẵng nghĩ đến. Thiển nghĩ ngoài việc ấy ra, mọi kế sách khác đều vô ích trong lúc này".

Phiên trấn Nagaoka công xưng là cỡ 74 ngàn hộ, nhưng thực tế thu hoạch được đến 20 vạn hộ. Thế nhưng, tiêu phí vô bờ quá nhiều, đến nỗi nợ nần chồng chất như núi, nền tài chính của phiên trấn bị sa lầy không làm gì được cả. Lãnh Chúa bèn hỏi tiếp Tsugunosuke về chuyện tài chính. Tsugunosuke thưa chuyện thật dài dòng, tỉ mỉ.

Vài ngày sau, Tsugunosuke được cất nhắc lên chức quan trọng yếu là Chương quản Địa phương. Lập tức, Tsugunosuke hạ lệnh cho tất cả các quan quản lý ở các địa phương phải

nghiêm cấm tham nhũng, không được nhận hối lộ từ các làng xã. Tsugunosuke thực thi nhiều cải cách về kinh tế tài chính và hành chính, trong đó có cả việc bãi chức một số quan lại địa phương đã móc nối với các nhà thầu gạo để đục khoét gạo nộp thuế của dân.

Lãnh Chúa quá đỗi vui mừng về tài năng hành chính có phần bất ngờ của Tsugunosuke nên qua năm sau, Keio thứ 2 (1866), đã cho Tsugunosuke kiêm cả Chương quản Thủ phủ Edo ngoài chức Chương quản Địa phương, rồi năm tiếp đó, cho kiêm luôn chức vụ cố vấn thâm niên của Lãnh Chúa. Do tay của Tsugunosuke, nền tài chính của phiên trấn được phục hồi nhanh chóng như phép lạ, không chỉ trả sạch được tất cả các món nợ cũ, mà đến cuối năm Keio thứ 3 (1867), trong kho bạc của phiên trấn đã có 99.960 lạng vàng dư dưng, là số vàng mà ban Kế toán của phiên trấn Nagaoka chưa từng được thấy bao giờ.

Ngày trước, Tsugunosuke có lần đã nói:

- "Ta là võ sĩ đây, nhưng về việc kinh tài vẫn muốn thành một kẻ có khả năng như người quản lý hiệu buôn Echigo kia".

và thực tế, Tsugunosuke đã đến trú ngụ nhà Yamada Hokoku ở phiên trấn Matsuyama vùng Bitchu cũng để học hỏi việc kinh tài ấy. Những điều học được quả thật đã đem lại kết quả tuyệt vời.

Lãnh Chúa Tadayuki đã vui mừng khôn xiết nên tháng tư năm sau, Keio thứ tư, cũng nhằm vào Minh Trị nguyên niên (1868), đã phong cho Tsugunosuke, người đã tạo ra 99.960 lạng vàng dư dưng ấy, chức quan Gia lão, rồi ngay tháng sau, tháng tư nhuận, đã thăng cấp thành quan Nhiếp chính tức là Gia lão hạng nhất của phiên trấn.

Tính từ ngày Tsugunosuke nhậm chức Chương quản Địa phương, chỉ chừng 4 năm mà đã thăng đến chức quan cao nhất, thì quả là sự thăng tiến dị thường.

Người vợ là Suga vui mừng nói với mọi người:

- "Dạo này ông ấy không còn đi xa qua các xứ khác nữa, nên cũng đỡ cho tôi lắm".

Tsugunosuke dần dần trở thành nhà độc tài ở phiên trấn Nagaoka. Suga thì vui mừng vì ông chồng ở nhà chứ không còn đi xa nữa, nhưng phiên trấn Nagaoka 74 ngàn hộ thì từ khoảnh khắc ấy, đã chọn cho mình một định mệnh bất tương.

*

Kawai Tsugunosuke nắm chính quyền phiên trấn Nagaoka vào tháng tư nhuận năm Keio thứ tư, nhưng ngay từ đầu năm, khoảng Tết năm đó, đã xảy ra trận giao tranh ở Toba-Fushimi vùng kinh đô, khiến quân chủ lực của Mạc Phủ thua chạy về Edo; đến tháng 2, Thiên hoàng hạ sắc lệnh thảo phạt nhà Tokugawa; tháng 3, Đông chinh Đại Tổng đốc tư lệnh quan quân triều đình đã vào thành Sunpu; tháng 4, tiếp thu thành Edo, rồi đến tháng tư nhuận thì tên hiệu thần-thánh-hoá của Toyotomi Hideyoshi là Hokoku Daimyojin (*Phong quốc đại minh thần*) bị phế bỏ suốt gần 300 năm Mạc Phủ Tokugawa, đã được phục hồi.

Nhưng Tsugunosuke không nghĩ là thời thế đã thay đổi. Tsugunosuke là một nhà tư tưởng về chính trị giỏi, nhưng có điều không phải là nhà cách mệnh. Bởi lẽ, người đàn ông có thể nói là

nhạy cảm nhất đối với thời thế là Tsugunosuke lại không hề nghĩ đến khái niệm chính trị "xây dựng quốc gia thống nhất lấy trung tâm là triều đình ở Kyoto". Tsugunosuke lại nghĩ biến động này chỉ là "âm mưu của liên minh hai phiên trấn Satsuma và Choshu" mà thôi. Sự thực, thời thế đã đến như thế này cũng quả là do hai phiên trấn Satsuma và Choshu đã tận lực thực hiện âm mưu mà ra, thế nhưng âm mưu đó không phải là loại âm mưu của thời Chiến quốc mà Tokugawa Ieyasu đã dùng để diệt nhà Toyotomi Hideyoshi để giành chức *Shogun* (Tướng quân). Âm mưu thời này chẳng phải để đưa nhà Shimazu (*phiên trấn Satsuma*) hay nhà Mori (*phiên trấn Choshu*) lên làm Chúa - *Shogun*, mà là để xây dựng một quốc gia thống nhất mới.

Tsugunosuke đã không hiểu điều đó. Mà cũng chẳng có gì đáng trách. Bởi ngay cả Saigo Kichinosuke (*Saigo Takamori 1828 - 1877, một trong những nhân vật lịch sử nổi tiếng nhất cuối thời Mạc Phủ đầu thời Minh Trị*), người chỉ đạo phiên trấn Satsuma, một trong hai phiên trấn thế lực nhất trong khối phò triều đình ở kinh đô Kyoto (*đối lập với khối phò chính quyền Mạc Phủ ở Edo*) cuối thời Mạc Phủ này, ngay trước giờ ký mật ước liên kết hai phiên trấn Satsuma và Choshu, cũng vẫn chưa dứt được ý nghĩ ngờ rằng "Phiên trấn Choshu chẳng phải là nhắm đến chuyện lập Mori lên làm Shogun đó sao?". Xem thế thì người ở địa phương Hokuetsu là Tsugunosuke có quả quyết điều đó mãnh liệt như thế cũng phải nói là chuyện đương nhiên đó thôi.

Lại nữa, phiên trấn Nagaoka không chỉ là danh môn đời đời là gia thần của Mạc Phủ Tokugawa, mà ông tổ nhà Makino ấy là Yasunari đã là một trong 17 đại tướng thân tín của Tokugawa; đời con là Tadanori, tức là ông nội của Lãnh Chúa hiện thời, đã là tướng giữ thành Ushikubo của phiên trấn Mikawa là đất khởi nghiệp của nhà Tokugawa nữa. Tự nhiên là rất nhiều phiên sĩ của phiên trấn Nagaoka là hậu duệ của những võ sĩ cùng quê Mikawa với nhà Tokugawa, đến có thể nói là phiên trấn Nagaoka được cai trị bởi một tập đoàn võ sĩ gốc Mikawa đó. Trí não Tsugunosuke do đó cũng bị hạn chế bởi hoàn cảnh như thế. Giá như người đàn ông này mà sinh ra ở phiên trấn Satsuma hay Choshu, Tosa, thì có khi đã làm được chuyện chuyển đổi cả thiên hạ còn hơn Saigo, Katsura, Sakamoto không chừng.

Từ khi nghe tin Đông chinh Đại Tổng đốc thống suất quan quân triều đình rời kinh đô, Tsugunosuke đã trở thành năng động dị thường đến nỗi được gọi là người "mọc cánh sau lưng". Tsugunosuke bảo: "nếu cảng Yokohama lọt vào tay liên quân Satsuma-Choshu thì chuyện giành thiên hạ chấm dứt mất", nên vội vàng đi cả ngày lẫn đêm không ngừng nghỉ đến Yokohama để tom góp súng đạn vũ khí Tây phương trước khi quan quân triều đình tiến đến phía đông.

Đương thời, Yokohama đầy những người ngoại quốc đến bán vũ khí, từ các nước lợi dụng nội loạn ở Nhật Bản, đặc biệt các nhà buôn nước Anh là nhiều và có thế lực nhất, hơn nữa, công sứ quán Anh quốc còn ngầm chỉ thị kiếm khách giàu có từ các phiên trấn phía tây Nhật Bản mà dẫn đầu là Satsuma, Choshu và Tosa. Còn bán vũ khí cho các phiên trấn ở Kanto, Tohoku chủ yếu là Edward Schnell, một nhà buôn quốc tịch Hà Lan gốc Thụy Sĩ.

Tsugunosuke bước vào văn phòng của Schnell bên cạnh Khách sạn Anh quốc. Vẫn chẳng mang kiếm đeo lưng.

- "Tôi là Kawai Tsugunosuke ở phiên trấn Nagaoka".

Tsugunosuke đưa danh thiếp cho người Nhật hầu phòng. Rồi được đưa vào phòng tiếp khách. Vốn là người ưa điều nghiên nên trước khi đến đây, Tsugunosuke đã tra cứu đầy đủ về nhân

vật Schnell này. Rằng Schnell đúng là dân Hà Lan rành các thói xấu của quan lại Nhật Bản; nổi tiếng về chuyện giỏi đút lót các quan lo việc thu mua của các phiên trấn, để bán hàng được giá cao vượt bậc; và khó chơi nhất là có thói hễ gặp khách hàng ngay thơ là kiếm cách bán tháo các thứ súng cũ lỗi thời. Nạn nhân loại này là các phiên trấn phía đông hay phía bắc, chỉ trừ vài phiên trấn miền nam, phần đông đã mua nhầm thứ súng Goebel mà lục quân Âu Mỹ đều phế bỏ, không còn nước nào dùng nữa. Khổ là các viên chức thu mua của các phiên trấn này đều chẳng có kiến thức bao nhiêu về binh khí tân tiến, nên dễ thỏa nguyện, cứ nghĩ là mua được "súng Tây phương" là đủ để biện minh khi về lại phiên trấn nhà. Thế nhưng kiểu súng Goebel này thì chỉ có khác ở chỗ bộ phận phát hỏa dùng đá lửa thay vì dây dẫn hoả, chứ vẫn nạp đạn đằng đầu, và phía trong nòng súng thì vẫn trơn tuột, chẳng hơn gì loại súng điều thương Tanegashima cổ hủ cả. Vì vậy thao tác phát hỏa rất là mất thì giờ, súng Goebel chờ cho nổ được một phát thì những kiểu súng khác mới hơn đã bắn được mười phát rồi. Tsugunosuke hiểu được chính sự khác biệt này đã là yếu tố quyết định thắng bại trong trận Toba-Fushimi giữa quân Satsuma-Choshu và quân Aizu.

Schnell bước vào phòng. Người đàn ông này biết nói tiếng Nhật. Thêm nữa, đã điều nghiên trước rất kỹ về người khách đến gặp là Kawai: nhân vật như thế nào, tình hình của phiên trấn Nagaoka ra sao, có khả năng chi trả hay không,..., do đó đã biết rằng người khách đang đứng trước mặt mình, lông mày màu nâu này là "thủ tướng" của phiên trấn Nagaoka. Và Schnell căng thẳng lắm vì "thủ tướng" ấy đích thân tìm đến để mua súng.

- "Tôi muốn xem các mẫu súng".

Tsugunosuke nói, không cả mỉm cười nữa.

Schnell lập tức ra lệnh cho người làm bày ra các súng mẫu. Quả nhiên, ông ta không ngu dại đến nỗi bày kiểu súng Goebel ra trước mặt Tsugunosuke. Trước tiên, Schnell trình bày kiểu súng Minier mà quan quân triều đình và liên quân Satsuma-Choshu sử dụng, và nói:

- "Xạ trình súng này rất xa".

- "Tôi biết". Tsugunosuke đáp.

Sau đó, Schnell trình bày các kiểu súng Enfield, Schneiden, Sharps, Shaspo, Spencer,... Schnell hăm hờ khuyến dụ mua súng Sharps chế tạo ở Mỹ. Nòng súng ngắn, dễ thao tác, độ chính xác cao, nạp đạn ở cuối nòng súng,...

- "Loại súng này hẳn là giá rẻ rồi". Tsugunosuke nói.

Schnell vội nói: - "Không đâu, giá cao đấy, chẳng phải là thứ rẻ đâu!".

Tsugunosuke tức thì lấy ống mực và giấy mang theo sẵn, vẽ ra địa đồ đại lục Mỹ châu, rồi hỏi:

- "Đây là bản đồ nước nào, ông biết chứ?"

- "Thưa, nước Mỹ". Schnell đáp, có vẻ bị khí phách của Tsugunosuke áp đảo.

- "Đúng rồi. Theo niên hiệu của chúng tôi mà nói thì năm Bunkyo nguyên niên (1861), ở nước này đã xảy ra nội loạn là Chiến tranh Nam Bắc. Nay thì sắp sửa chấm dứt rồi. Những vũ khí

đã chế tạo ra trở nên dư thừa quá, vì vậy mới tràn ra nước ngoài. Cả thế giới đâu cũng thấy bán vô số. Vậy mà ông cũng nói là giá cao được sao?"

Schnell làm thinh.

"Hơn nữa, tôi không thích kiểu súng Mỹ này. Nòng súng ngắn quá. Có lẽ ở xứ họ, súng này được dùng cho kỵ binh. Nhưng trong trường hợp đánh cận chiến thì súng phải làm phận sự của thương kích, mà chiến thuật dùng thương kích của Nhật Bản thì xưa nay vẫn là nhất thế giới đấy. Cho nên, súng nòng dài thì tốt hơn. Tôi chọn súng Minier".

Đó là loại súng chế tạo ở Anh mà liên quân Satsuma-Choshu sử dụng, ở Anh thì chính thức không còn dùng trong quân đội nữa nên giá rẻ. Tsugunosuke hứa sẽ mua hàng loạt loại súng ấy. Dự định là sẽ trao cho tất cả các nhà võ sĩ trong phiên trấn, từ võ sĩ cao cấp nhất cho đến bộ tốt, mỗi nhà một khẩu.

Thêm vào đó, Tsugunosuke còn nói đến súng Enfield. Cũng chế ở Anh quốc, là loại Minier cải biến, nạp đạn ở cuối nòng súng, vì là kiểu mới nên giá cao hơn. Mà số lượng có sẵn ở các cảng Yokohama, Thượng Hải, hay Hongkong cũng chẳng bao nhiêu.

"Lấy cả loại súng ấy nữa".

Tsugunosuke nói số lượng muốn mua. Định dùng loại súng này để trang bị giống như bộ binh của Pháp. Hẳn là sẽ phát huy được uy lực trong các trận đánh quy mô nhỏ.

Tsugunosuke ra giá, ngã ngũ xong liền trao tiền đặt cọc do người tháp tùng mang theo sẵn. Việc mua bán vũ khí thời bấy giờ ở Yokohama đều dùng tiền mặt cả.

"Số tiền còn thiếu thì sẽ trao ngay khi nhận được hàng. Hải cảng chỉ định là nơi nào?"

"Thưa, Niigata".

"Được rồi. Chính tôi sẽ đến đây nhận hàng. Ở hải cảng ấy, mong sẽ gặp ông hoặc là người đại lý của ông".

Schnell bắt tay Tsugunosuke, nói rằng: đến Nhật Bản và Trung quốc lâu nay mới gặp được một "thương nhân" đúng điệu. Theo cách nói của Schnell, "thương nhân" hàm ý tán dương cao quý nhất.

Tsugunosuke còn đặt thêm bốn cỗ đại bác nữa. Schnell thấy người "thủ tướng" của phiên trấn Nagaoka này đặt mua lượng vũ khí còn nhiều hơn cả các phiên trấn hùng mạnh nhất ở phía bắc, phía đông bắc Nhật Bản, thì hiểu được rằng đúng như tiếng tăm bao lâu nay, đây là một phiên trấn tuy nhỏ nhưng giàu có; đồng thời Schnell hiểu được chỗ đặc sắc trong con người của Tsugunosuke, nên nắm chặt bàn tay Tsugunosuke mà nói:

"Trong cuộc chuẩn bị chiến tranh của quý phiên trấn, tôi sẽ xin hết lòng giúp sức".

"Không phải chuẩn bị chiến tranh đâu, chỉ là việc cải cách chế độ binh bị. Tôi chỉ muốn thay đủ số thương kích đang dùng trong phiên trấn bằng súng Minier đó thôi".

Tsugunosuke đáp, với vẻ mặt bình thản như chẳng có gì đáng kể, nhưng Schnell chỉ dang rộng hai tay ra mà cười, không nói gì thêm. Schnell là kẻ đã bước đi giữa khói thuốc súng khắp các miền đất Á Châu rồi, nếu không có năng lực đánh hơi trước được mùi thuốc súng đây đó thì chẳng làm nghề buôn súng này được.

Tsugunosuke lập tức trở về Nagaoka. Không bao lâu sau, thuyền của Schnell cập bến Niigata. Thuyền loại *schooner* có nhiều cột buồm dọc, trọng tải 400 tấn, tên là chiếc Kaganokami, giương cờ Hà Lan. Rồi 2 tháng sau, cũng chiếc Kaganokami này lại cập bến Niigata, rộn ràng bốc dỡ lên bờ những súng ống, đại bác, đạn dược và các thứ phụ tùng. Sau đó, hầu như cứ cách tháng lại thấy chiếc tàu này cập bến. Schnell không chỉ bán cho phiên trấn Nagaoka, mà còn dùng cảng Niigata này làm căn cứ để bán vũ khí cho các phiên trấn ở phía đông bắc nữa.

Cảng Yokohama thì chẳng bao lâu đã bị quan quân triều đình bao vây. Nhưng các xứ phía bắc và đông bắc thì chỉ cần đến Niigata là mua được vũ khí từ Schnell nên cũng chẳng bị khó khăn gì. Phiên trấn Aizu đã trả cho Schnell 7.200 đô la, Yonezawa trả 56.250, Shonai trả 52.131,... nhưng hẳn là phiên trấn nhỏ nhất trong bọn là Nagaoka đã trả cho Schnell nhiều nhất rồi.

Để có tiền mua vũ khí như thế, Tsugunosuke đã thực thi chính sách thu thuế và tiết giảm kinh phí thật hiệu quả, ngoài ra còn phát huy khả năng kinh tài đến mức thiên tài nữa, khiến cho giới kinh doanh quanh thành Nagaoka phải thán phục mà kháo nhau rằng:

- "Ngài Kawai làm vũ sĩ thật là uổng phí!"

Sau khi Mạc Phủ trả lại chính quyền cho triều đình, các chư hầu rời bỏ Edo, Tsugunosuke lúc đó mới bán hết gia bảo đồ đạc trong dinh cơ nhà Lãnh Chúa Makino ở Edo cho người ngoại quốc ở Yokohama, thu được vài vạn lạng vàng; và cho chở gạo trong kho của phiên trấn Nagaoka lên bán được giá ở Hakodate; thêm vào đó, để ý thấy giữa Edo và Niigata, một lạng vàng có giá khác nhau đến 3 tiền, nên đã mua 2 vạn lạng vàng, cho thuyền chở lên Niigata bán cho các nhà buôn chuyên đổi tiền trên đó để lấy được món lời lớn, đến như phiên trấn Nagaoka trở thành nhà thầu đổi tiền vậy.

Tất cả các món lời thu được đều dùng vào việc mua vũ khí cả. Và tất cả vũ khí mua được là từ Schnell. Chiếc thuyền Kaganokami chạy bằng hơi nước của Schnell bận rộn đi tới đi lui giữa Yokohama và Niigata đến như máy tàu bị đốt hoài sắp cháy tiêu đến nơi.

Trong số vũ khí được bốc dỡ lên bờ cho phiên trấn Nagaoka, có cả một thứ tối tân đáng kinh ngạc. Đó là khẩu đại bác bắn nhanh chế tạo ở Mỹ, loại binh khí xuất hiện vào cuối cuộc Chiến tranh Nam Bắc Mỹ, một khẩu loại tối tân này có uy lực bằng cả 20 khẩu đại bác loại cũ, đương thời ở toàn Nhật Bản chỉ có 3 khẩu, đều do tay Schnell bán vào cả. Trong đó, Tsugunosuke đã mua 2 khẩu, mỗi khẩu 5 ngàn lạng vàng. Đến lúc này thì giấc mộng "*Kiểm súng thiên binh phá kiên trận*" của Kawai Tsugunosuke đã thực hiện được ở quy mô gấp trăm lần rồi.

Tsugunosuke mê man trong chuyện trang bị cho quân đội phiên trấn. Ngày xưa, chàng thư sinh Tsugunosuke có thuyết trang bị binh lính để chống ngoại quốc, nhưng bây giờ, đã chuyển qua đối phó với địch thủ trong nước. Cũng giống như tay chơi cờ bạc. Đối với tay chơi cờ bạc thì cờ bạc tự nó là mục đích rồi, còn đối thủ là ai thì cũng chẳng sao cả. Đối với chính trị gia, một khi đã mê say chuyện trang bị quân đội rồi thì địch là ai đi nữa cũng chẳng sao cả, chính

việc trang bị binh lính tự nó là đối tượng của nhiệt tình chính trị, riết rồi cứ thế mà sa lầy đắm đuối trong việc tăng cường võ trang đến không thể dừng lại được nữa. Tsugunosuke đã tin rằng việc tăng cường võ trang quân đội phiên trấn chính là "nhiệm vụ giúp nước" đối với Lãnh Chúa của Nagaoka.

Ngay sau khi triều đình ban sắc lệnh thảo phạt nhà Tokugawa, Tsugunosuke đã tức thì đặt được phiên trấn Nagaoka vào thể chế sẵn sàng chiến đấu. Có thể nói đây là một khả năng có tính cách mệnh. Quân đội phiên trấn Nagaoka được cải tạo theo cơ cấu ba binh chủng: bộ binh, kỵ binh và pháo binh kiểu Tây phương, đồng thời Tsugunosuke thực thi chính sách binh quân mức lương bổng của quân sĩ. Chế độ binh bị truyền thống đã dựa trên quy tắc thời Chiến quốc định rằng nhiệm vụ quân dịch được bù đắp bằng 100 hộc, nhưng đổi qua binh chế Tây phương thì không còn như thế nữa, mà chuyển thành quy định người lãnh bổng lộc trên 100 hộc thì bị giảm bổng, trong khi người lãnh dưới 100 hộc thì được tăng bổng. Chẳng hạn, người lãnh 2 ngàn hộc thì giảm còn 500 hộc khi thi hành quân dịch, còn người lãnh 20 hộc được tăng thành 50 hộc. Chính sách binh quân hoá lương bổng binh sĩ như thế đã giúp tăng cường sự đoàn kết trong quân đội.

Từ trước, Tsugunosuke đã thiết lập sở Binh học ở xóm Tono gần thành để đào tạo sĩ quan theo kiểu Tây phương, lập bãi thao luyện quân sĩ ở xóm Nakashima phía tây của thành, chọn lọc con cháu của võ sĩ thuộc hạ Lãnh Chúa, sung vào 8 đại đội, bắt tập luyện thật gặt gao các kỹ thuật xạ kích, hành động cá nhân, tập hợp, phân tán, tiền sát, đóng quân giữa trời, đánh trận lúc hừng sáng, đánh ban đêm,... Lập ra đội vận lương, bắt các hiệu bánh quanh thành chế ra loại bánh mì để mang đi.

Thuộc hạ của Lãnh Chúa không hiểu rõ tại sao lại phải gắng chịu đựng những cải cách và huấn luyện gặt gao đến mức như thế, nhưng tin tưởng vào Tsugunosuke mà phục tùng y lệnh. Có người còn tâm phục đến nỗi khen Tsugunosuke là "Kenshin tái sinh". Mà quả thật, đất trời vùng Hokuetsu này 300 năm trước đã có danh tướng Uesugi Kenshin, rồi ngày nay lại có Kawai Tsugunosuke. Hai nhân vật này có nhiều điểm chung kỳ dị đáng ngạc nhiên.

Kenshin là người đã thề với thần thánh và Thiên tử là suốt đời dứt bỏ chuyện nữ sắc, bù lại chỉ xin được luôn luôn thắng trận. Và thực tế, đã lao vào chiến đấu không phải vì tham vọng chiếm đoạt lãnh thổ, mà có thể nói là đã chiến đấu vì ý hướng ham muốn nghệ thuật (*quân sự*), và đã luôn luôn thắng trận. Kenshin là người xem chiến đấu là nghệ thuật hoặc là tôn giáo. Chắc chắn cũng đã có điểm tương tự như thế trong khí chất của Tsugunosuke. Nói gì đi nữa, đất trời vùng Hokuetsu này, 300 năm sau Kenshin, đã lại sản sinh ra được một tập đoàn quân sự tinh xảo tuyệt vời, tuy quy mô có nhỏ hơn. Và đã xây dựng được chỉ trong thời gian ngắn 4 năm.

*

Quan Tổng đốc đạo quân bình định của triều đình theo ngả Hokuriku đã vào thành Takada ngày 7 tháng 3 năm Keio thứ tư (1868). Đến tháng tư nhuận, khi Tsugunosuke trở thành quan Gia lão cao nhất của Nagaoka, thì trên toàn vùng Echigo đã có quân phiên trấn Aizu, đội quân xung phong của bộ đội Mạc Phủ cũ, và binh lính phiên trấn Kuwana xâm nhập và xung đột với quan quân triều đình trên nhiều mặt trận ở các nơi. Vùng Echigo, ngoài một phần là lãnh địa của nhà Tokugawa, còn chia ra thành 11 phiên trấn. Lớn nhất là phiên trấn Takada cỡ 15 vạn hộc của Lãnh Chúa Sakakibara, tiếp đó là phiên trấn Shibata 10 vạn hộc của nhà Mizoguchi, phiên trấn lớn thứ ba là Nagaoka, sau đó là phiên trấn Murakami 95 ngàn hộc của

nhà Naito, còn lại là các phiên trấn nhỏ chỉ từ 1 vạn cho đến 3 vạn hộ mà thôi. Phiên trấn Takada đã sớm ngã theo quan quân triều đình, các phiên trấn nhỏ hơn cũng đã hòa theo đó rồi, toàn cõi Hokuriku chỉ còn một phiên trấn chưa giương ngọn cờ nào rõ ràng, đó là Nagaoka, lại là phiên trấn duy nhất có quân đội võ trang theo kiểu Tây phương.

Tsugunosuke vẫn luôn luôn xem đạo quân của Tổng đốc bình định theo ngã Hokuriku thực chất chỉ là bọn liên quân Satsuma-Choshu giả dạng quân triều đình đó thôi, nên 8 giờ sáng ngày 17 tháng 4, đã triệu tập toàn thể võ sĩ trong phiên trấn Nagaoka, dưới sự chứng giám của Lãnh Chúa, để huấn thị cho mọi người thấu triệt chủ trương của mình. Tsugunosuke giải thích rằng liên minh Satsuma-Choshu là "gian thần đã sàm tấu với Thiên hoàng để hãm hại Mạc Phủ", do đó "phiên trấn chúng ta dù nhỏ nhưng vẫn dựng ngọn cờ đầu của phiên trấn chính nghĩa, cố thủ nền độc lập, báo đáp ân điển 300 năm của nhà Tokugawa, đặt sự tồn vong của phiên trấn vào mệnh Trời". Nhưng mặt khác, vẫn không thuận theo lời thúc hối gia nhập vào liên minh Ouetsu của phiên trấn Aizu để cùng chiến đấu chống quan quân triều đình, mà chỉ muốn giữ vững lập trường trung lập.

Điểm này đã bộc lộ giới hạn của Tsugunosuke. Trí óc minh triết của Tsugunosuke quả thật là thích hợp với việc phân tích thời thế, nhưng cuối cùng cũng chỉ ngừng lại ở đấy. Trong khi bộ phận đầu não của liên minh Satsuma-Choshu muốn thay đổi thể chế cho hợp với tình thế mới, thì phiên trấn Aizu chỉ muốn quay lại chính thể có trung tâm là Mạc Phủ Tokugawa. Cả hai bên đều đi từ lý tưởng quốc gia cả, còn Tsugunosuke thì chỉ chú tâm đến phiên trấn Nagaoka của mình, mà ông đã nhiệt tâm mê mải võ trang binh bị cho. Quan niệm về thế giới của Tsugunosuke đã thu hẹp vào việc dựng phiên trấn Nagaoka này lên thành ngọn cờ chính nghĩa duy nhất và cuối cùng trong nước Nhật, truy điệu sự sụp đổ của Mạc Phủ Tokugawa.

Phiên trấn Nagaoka đã tái sinh do bàn tay xây dựng độc sáng của Tsugunosuke về binh bị cũng như hành chính, chính trị; phiên trấn Nagaoka đổi mới chính là tác phẩm độc đáo của ông. Tsugunosuke đã yêu thích cùng cực tác phẩm riêng của mình. Chính vì vậy mà tuy thấy như cùng có chủ trương Tá Mạc (*phò Mạc Phủ Tokugawa*) với phiên trấn Aizu, nhưng khi phiên sĩ của Aizu là Sagawa Kanpee đem quân đến thành Nagaoka định bắt ép phải gia nhập liên minh Ouetsu kháng chiến, thì Tsugunosuke đã trả lời rằng:

- "Nếu thật tâm muốn chiếm thành Nagaoka, chỉ cần đem quân mạnh từ Aizu-Kuwana đến thì thân được thành như cơm bữa, chứ có khó gì đâu, xin cứ dùng võ lực mà chiếm thành, khỏi phải khách sáo".

Rốt cuộc, phía Aizu đành phải chấp nhận lập trường trung lập của Nagaoka mà rút quân về. Sau này, Sagawa Kanpee đã nói về cuộc đàm phán này với người cùng phiên trấn Aizu rằng:

- "Tsugunosuke là người có lối nói chuyện khó có ai dám sơ hở".

Lúc bấy giờ, đội trưởng đội xung kích của quân Mạc Phủ là Furuya Sakuzaemon đã thống suất 400 bộ tốt xâm nhập thành Niigata, khuấy động bên trong thành. Tsugunosuke dẫn một bộ hạ, cỡi ngựa đến Niigata, vào phố thì thấy một đám bộ binh Mạc Phủ say rượu đang đập phá cửa chống mưa của một hiệu buôn lớn, định cướp của. Tsugunosuke từ trên mình ngựa trợn mắt trừng trừng, bọn kia thấy mắt nhìn dữ dội như vậy đâm khiếp hãi mà chạy tứ tán mất. Tsugunosuke cứ thế vào đến lữ quán Kushiya, cho gọi đội trưởng quân Mạc Phủ cũ là Furuya đến mà nói, như ra lệnh rằng:

- "Hãy tập trung binh lính ở xóm Tera, đừng cho vào trong thành"

Furuya thuận thảo làm theo lời.

Đến tháng tư nhuận, các trận đánh giữa quan quân triều đình với quân dưới trướng phiên trấn Aizu dần dần tăng phần ác liệt khắp các nơi trên đất Echigo, và chiến trường lan rộng gần đến phiên trấn Nagaoka. Dưới danh nghĩa "*chỉ là việc canh giữ bên trong phiên trấn mà thôi*", Tsugunosuke phải đi khắp bốn phía của lãnh thổ phiên trấn, các đội quân mà Tsugunosuke đã gây dựng và chỉ vào đây những món tiền khổng lồ. Trước hết, đặt bộ tư lệnh dã chiến ở làng Setsuya bên ngoài thành, tự mình làm tổng chỉ huy trấn đóng ở đây. Trận địa trong thành thì có quan Gia lão Yamamoto Tatewaki làm đội trưởng một đại đội có hai khẩu đại bác. Biên giới phía nam là trận địa cảnh bị có một đại đội cùng 8 cỗ đại bác. Làng Kusauju có 2 đại đội và 3 cỗ đại bác, làng Zao cũng 2 đại đội và 3 cỗ đại bác. Ngoài ra còn có quân du kích gồm 3 đại đội và 3 cỗ đại bác. Trong số các cỗ trọng pháo này, ngoài khẩu đại bác bắn nhanh chế ở Mỹ như đã nói đến, còn có 3 khẩu đại bác bắn nhanh chế ở Pháp, đều là thứ đại bác có độ chính xác cao hơn đại bác của quan quân triều đình, trong đó có hai khẩu nạp đạn phía sau đáng gọi là đạt đến tiêu chuẩn quốc tế cao nhất thời bấy giờ.

So với hỏa lực đến mức này thì quân phiên trấn Aizu chẳng kể làm gì, ngay cả quân triều đình cũng còn kém xa. Có lẽ quân đội phiên trấn Nagaoka của Tsugunosuke thì về trang bị lực quân đã đạt đến mức cao nhất trên thế giới vào thời đó rồi.

Tsugunosuke có lẽ đã thành tâm tin tưởng rằng với trang bị binh lực như thế này, có thể cố thủ ở vùng Hokuetsu, trở thành thế lực đứng giữa điều đình cho cuộc xung đột đông tây; mà nếu gặp thời thế thuận lợi, còn có thể hô hào nghĩa sĩ khắp thiên hạ khởi nghĩa để tiêu diệt bọn gian thần Satsuma-Choshu kia nữa.

Mà không, cũng có thể Tsugunosuke đã không tin tưởng như thế. Nếu Tsugunosuke chỉ là một tư nhân bình thường, thì đầu óc sắc bén đến như thế, hẳn là đã thấy thời thế biến chuyển mà hiểu rằng không còn cách gì xoay ngược lại được nữa, thế nhưng "sức mạnh võ trang" mà bản thân Tsugunosuke đã nuôi dưỡng gây dựng lên đã ban phát ra những mệnh lệnh khác hẳn với những gì đầu óc cá nhân Tsugunosuke suy xét. Đó là sức mạnh khẳng định "làm được!". Khẩu đại bác bắn nhanh chế ở Mỹ đã khiến Tsugunosuke tin là "làm được!". Khẩu đại bác lắp đạn phía sau chế ở Pháp đã khiến Tsugunosuke tự tin là "làm được!" như thế. Võ khí đã trở thành đầu não của Tsugunosuke mất rồi.

Tsugunosuke nghĩ: Ngày xưa, Kenshin đã cố thủ ở đất Hokuetsu này để xem chừng động tĩnh trong thiên hạ, vậy mà có sức kiềm chế khiến cho Takeda ở Kai và Oda ở Owari đều không thể chiếm trọn thiên hạ một cách dễ dàng được. Mà lúc bấy giờ, Kenshin làm gì có được hỏa lực đến mức như mình đang có?

Suốt tháng tư nhuận, Nagaoka giữ vững lập trường võ trang trung lập được vô sự. Trong khoảng thời gian đó, quan quân triều đình mặc kệ Tsugunosuke suy tính gì, đã bắt đầu chiến thuật bao vây, chia quân làm hai đạo mà hành động. Một đạo là bộ binh 1500 người với 2 cỗ đại bác do Iwamura Sei-ichiro (*Takatoshi*) chỉ huy. Nhiệm vụ của đạo quân này là trước nhất chiếm thành Koidejima của phiên trấn Aizu, tiến đến Ojiya, vượt sông Shinano, chiếm Enokitoge rồi tấn công thành Nagaoka. Đạo thứ hai do Miyoshi Guntaro chỉ huy gồm bộ binh 2500 người và 6 cỗ đại bác, cùng hai quan Tham mưu là Kuroda Ryosuke (*Kiyotaka*, sau này thành Thủ tướng thứ hai của Nhật Bản 1888-89 thời Minh Trị) và Yamagata Kyosuke (*Aritomo*, sau

này hai lần làm Thủ tướng 1889-1891 và 1898-1900 thời Minh Trị) tiến theo đường biển chiếm Niigata. Ngày 21 tháng tư nhuận, hai đạo quân triều đình xuất phát từ Takada. Nửa đường, đạo quân theo đường biển đã đánh bại quân thuộc phiên trấn Aizu, rồi ngày 28 chiếm đóng thành Kashiwazaki; còn đạo quân theo đường núi do Iwamura chỉ huy thì một ngày trước đó đã chiếm được Ojiya cách 6 dặm (khoảng 24 km) phía bắc thành Nagaoka.

Phía Tsugunosuke cũng đã có quyết tâm sẵn sàng. Ngày 1 tháng 5, Tsugunosuke cho sứ giả đến bản doanh quân triều đình ở Ojiya, thưa rằng quan Nhiếp chính Kawai Tsugunosuke xin gặp vì có điều muốn thỉnh nguyện. Quan quân chấp thuận. Qua ngày sau, Tsugunosuke dẫn một bộ hạ thân tín cùng một phiên sĩ, lên kiệu rời thành Nagaoka. Trong bụng đã có kế sách rồi. Sẽ thuyết phục quan quân về cái hại của việc thảo phạt nhà Tokugawa, và hứa sẽ đứng ra làm trung gian giúp quân triều đình và quân Aizu điều đình với nhau. Chẳng hiểu được Tsugunosuke có thật sự tin rằng phiên trấn Nagaoka chỉ cỡ 74 ngàn hộ mà chen được vào giữa làm trung gian điều đình cho hai thế lực lớn đang hàm hè tóm thu thiên hạ này hay không?

Bản doanh của quân triều đình đóng ngay ở căn cứ cũ của quân Aizu ở Ojiya, tư lệnh là tướng Iwamura Sei-ichiro, 23 tuổi, xuất thân là phiên sĩ của phiên trấn Tosa. Sau cuộc Duy Tân, đã kinh lịch các chức Tỉnh trưởng Saga, Tỉnh trưởng Kagoshima, Bộ trưởng Nông Thương, tuy chẳng phải là người có tài năng gì xuất chúng.

Tsugunosuke tạm dừng ở bờ sông Shinano, thay sang bộ lễ phục bằng vải trên kiệu, rồi đến chùa Jigen là nơi quan quân triều đình đã chỉ định. Iwamura cùng vài người sĩ quan tùy tùng ra nghênh tiếp. Tsugunosuke nhìn Iwamura thấy chỉ là một cậu trai trẻ thì trong bụng có phần khinh thường. Tsugunosuke lại càng tin chắc rằng: cuộc đại loạn lần này càng ngày càng lộ rõ ra là bọn con nít của ba phiên trấn Satsuma-Choshu-Tosa mượn cớ phù lập một vị vua còn thơ ấu để rải binh khuấy động thiên hạ chơi mà thôi.

Về sau, Iwamura thuật lại rằng: -"Kawai đánh tiếng là có điều muốn thỉnh nguyện mà đến, nhưng thái độ thì ngạo nghễ, lời nói có giọng cật vấn về chuyện to lớn bao trùm thiên hạ".

Mà lúc bấy giờ, Iwamura cũng quả thật chỉ là một cậu nhỏ. Đương thời, nếu là người có ít nhiều kiến thức về tình hình các phiên trấn thì hẳn đã biết đất Hokuetsu này có danh sĩ là Kawai Tsugunosuke, thế nhưng cậu nhỏ xuất thân từ chốn thôn làng hẻo lánh ở phiên trấn Tosa ấy hoàn toàn chẳng biết gì về đối thủ cả. Nên đã hống hách ra uy quan quân triều đình.

Kết cuộc, điều Kawai muốn nói là: *Xin tạm thời ngưng tấn công. Được như thế thì phiên trấn Nagaoka sẽ thống nhất được ý kiến mọi người thành chủ trương của toàn phiên trấn, đồng thời sẽ thuyết phục liên minh Aizu-Kuwana để có được một kết quả hoà bình tốt đẹp cho mọi phía.* Để làm được như vậy, Tsugunosuke ra điều kiện: Hãy ngừng cuộc chinh phạt nhà Tokugawa (Mạc Phủ cũ). Chứ nếu không thì không thể tránh được loạn lạc ở khắp vùng phía đông Nhật Bản.

Phía Iwamura làm thỉnh. Chỉ nghĩ rằng quan Gia lão nhà quê này hẳn là đang nổi cơn điên khùng với những lời lẽ như thế. Mà quả thật, nếu Tsugunosuke thật lòng định thỉnh nguyện như thế thì đúng là đã nổi điên rồi. Trong văn thư thỉnh nguyện ấy đã có lời lẽ như thế này: "*Chĩa mũi giáo vào nhà Tokugawa là đại ác vô đạo!*". Cứ như là khiêu chiến vậy! Hơn nữa, còn bảo Iwamura chuyển thư ấy lên quan Tổng Đốc chinh phạt là đại diện của triều đình ở Kyoto nữa!

- "Tù khước!". Iwamura trả lại thỉnh nguyện thư.

Tsugunosuke vẫn còn nhắc lại ý muốn tận lực làm trung gian điều đình cho hai bên, vì vậy xin tạm chờ cho vài ngày. Iwamura nghĩ rằng thỉnh nguyện kiểu câu giờ như thế chỉ là mưu kế để phiên trấn Nagaoka kịp chuẩn bị chiến đấu đó thôi.

- "Dù gì đi nữa, quý phiên trấn cũng đã không phụng lệnh triều đình. Vậy thì chỉ còn cách giải quyết bằng binh mã mà thôi".

Iwamura đã đơn phương chấm dứt cuộc hội đàm sau chừng 30 phút, đứng lên bỏ đi mất. Đối với Iwamura thì đã chẳng có điều kiện gì có thể chấp nhận được cả. Lời thỉnh nguyện của Tsugunosuke đầy những công kích đối với quan quân triều đình, và điều hài hước là quan Gia lão của một phiên trấn nhỏ sắp sửa bị tấn công mà lại đề nghị "*để tôi đứng ra giúp điều đình với phiên trấn Aizu*". Rõ ràng là quan Gia lão nhà quê này cố tình điều cợt quan quân triều đình rồi. Có vẻ tự tin quá trớn vào trang bị quân đội hoàn bị nhất Nhật Bản phía sau lưng mình. Ngay cả trong thỉnh nguyện thư cũng đã có câu rằng: nếu quan quân triều đình không nghe theo lời thỉnh nguyện này thì "*sẽ chịu thiệt hại to lớn*", hàm ý đe dọa võ lực.

Cuộc hội đàm đổ vỡ, Tsugunosuke trở về trận địa của mình. Nửa đường đã cười mà nói:

- "Quan quân triều đình là bọn ngu xuẩn! Sao không bắt trời ta lại ngay tại đây chứ?"

Trong lòng Tsugunosuke lúc ấy hẳn là đã rộ lên hưng phấn vì chiến tranh, bất chấp thắng hay bại.

Trở về thành, Tsugunosuke tổng hợp ý kiến trong phiên trấn, gửi thông điệp đến các đội quân gia thần của Mạc Phủ Tokugawa là Aizu và Kuwana, tuyên bố cùng nhau chiến đấu, rồi đưa gia đình cha con Lãnh Chúa di tản khỏi thành Nagaoka, và ngày 4 tháng 5, tiến quân chiến đấu.

Đã đến mùa mưa. Hai bên giao chiến trong mưa ở các nơi, phần lớn thì liên quân Nagaoka-Aizu chiến thắng, đánh bật quan quân triều đình về căn cứ ở Enoki-toge. Rồi ngày 11 đã chiếm được căn cứ địch ở Enoki-toge, ngày 13 đại phá quân triều đình ở trận Asahigawa, giết quan tư lệnh Tokiyama Chokuhachi.

Từ phía Kashiwazaki, quan Tham mưu Yamagata Kyosuke phải vội vã tìm đến, trực tiếp chỉ huy tác chiến. Đại bác của quân triều đình đã phải bắn đến 150 phát mỗi ngày, binh sĩ tận lực chiến đấu, nhưng thế thua vẫn không lật ngược lại được.

- "Tại sao lại không bắt giữ Kawai ngay trong cuộc hội đàm ở chùa Jigen ấy chứ?"

Yamagata lại quở mắng Iwamura như thế vào khoảng này. Tướng tá quân triều đình lúc này đã bắt đầu hiểu ra rằng đang phải chiến đấu với một địch thủ có thiên tài về quân sự. Một sĩ quan của quân triều đình là Nikaido Yasunori đã ghi lại như sau:

- "Tsugunosuke vốn là kẻ sĩ cương nghị, chuyên quyền, áp đảo đồng僚. Phiên trấn Nagaoka nương nhờ vào Tsugunosuke, chỉ một người này mà thôi. Nếu bắt giữ được Tsugunosuke thì chắc chắn là đã chiếm được thành Nagaoka mà không phải mất một người lính nào rồi. Vậy mà đã thả con cọp ấy về rừng mất!".

Trong hồi ký của chính quan Tham mưu Yamagata Kyosuke, sau này viết về cuộc chiến ở Hokuetsu này cũng có đoạn như sau đây:

- "Thắng thì đắc ý, tự hào về mình; bại thì mất khí lực, lo sợ đủ điều, là chuyện hầu như không thể tránh được trong bất cứ quân đội nào. Cá nhân ta đã dựa vào việc đội kỵ binh (*của phiên trấn Choshu*) vốn đã có ít nhiều kiến thức, nên ngăn cản được quân sĩ bại trận không đến nỗi mất hết khí lực, nhưng các binh sĩ còn lại thì phần đông đã sinh lòng khiếp hãi, đến nỗi ngay cả đội trưởng của quân sĩ Satsuma cũng đã bảo rằng tạm thời rút lui khỏi mặt trận này là đắc sách nhất".

Tsugunosuke đi vòng vòng thị sát trận địa của quân mình mỗi ngày. Binh lính của phiên trấn tất cả đều mặc áo ống tay suông đuột bằng vải màu xanh dưới áo khoác ngắn, quần ống thụng, trên lưng áo có dấu hiệu hình cái thang 5 bậc. Chỉ có Tsugunosuke mặc một lớp áo màu xanh nhạt, quần ngắn, đi guốc gỗ, mưa thì cầm cây dù. Khẩu đại bác bắn nhanh chế ở Mỹ đã nói đến trước đây được cho theo đội quân trấn thủ trận địa phía nam thành Nagaoka dưới sự chỉ huy của Yamamoto Taito. Tsugunosuke mỗi ngày đến bên cạnh cỗ pháo này, sờ tay vào như chào hỏi nó, hoặc tự mình thao tác thử. Cỗ đại bác này hình thù dị thường, có đến 6 họng súng, người ta gọi là "Gatling gun", có lẽ dịch là "súng đại bác máy" thì sát nghĩa nhất.

Tsugunosuke bảo pháo thủ: - "Đề ta bắn thử một phát xem sao nhé". Vừa nói đùa như thế, Tsugunosuke vừa lấy ngón tay cào sạch mấy vết bùn bám trên đuôi súng. Lối chăm sóc âu yếm như tuồng đã phát khởi chiến tranh chỉ vì muốn dùng thử cỗ súng đặc biệt này không bằng!

- "Có gì đâu, quan quân triều đình sắp sửa phải chạy trốn ngay đây thôi!"

Theo tính toán của Tsugunosuke, chỉ cần đánh lui được quan quân triều đình ở Hokuetsu này thì các Lãnh Chúa gia thần thân tín của Mạc Phủ Tokugawa trước đây đã quay lưng bỏ chạy khi thấy quân triều đình đến, nay sẽ phản khởi mà trở mũi giáo chống lại triều đình. Người khác nghe vậy thì có lẽ cho là ảo vọng chẳng thực tế chút nào, thế nhưng đối với Tsugunosuke lúc bấy giờ thì đã là yếu tố chiến lược trọng yếu nhất. *Phiên trấn ta có pháo binh hùng hậu vô địch ở toàn vùng phía bắc Nhật Bản*, đó là nguồn gốc của mọi suy nghĩ tự tin của Tsugunosuke, từ đó phát sinh ra đủ thứ hy vọng. Nếu người bạn Mu-in ở trường Kyukeisha ngày trước mà nghe thế, ắt hẳn không thể nào tin nổi rằng Tsugunosuke đã mất thăng bằng trí não đến mức như thế được. Tất nhiên, bản thân Tsugunosuke thì không nghĩ rằng mình đã thay đổi. Giống như Napoleon, mà Tsugunosuke đã học được ở Kyukeisha, đã nghĩ đến chuyện chinh phục toàn thế giới từ khi có được đội pháo binh mạnh vô địch, bụng Tsugunosuke lúc bấy giờ hẳn là đã đầy những 27 cỗ đại bác kiểu tối tân nằm chật trong đó rồi. Tất cả các cỗ đại bác trong bụng Tsugunosuke đã suy tính tiền đồ của phiên trấn Nagaoka đó. Đưa tới địch một thư thỉnh nguyện đầy những lời lẽ dọa nạt ấy là đám các cỗ đại bác này, mà đánh bại quan quân triều đình phải trốn chạy đúng như dự tính, cũng là do các cỗ đại bác này đây.

Thế nhưng, một mặt, đạo quân triều đình theo đường biển do phiên sĩ Choshu là Miyoshi Guntaro chỉ huy đã tiếp tục tiến quân đúng dự định, ngày 15 đã vào được thành Izumozaki. Yamagata định dùng bộ đội ấy để phản công Nagaoka, nên cấp tốc đến gặp Miyoshi để bàn tính. Kế sách này đã lập được kỳ công bất ngờ.

Sáng sớm ngày 19, rũi cho phía Nagaoka là sương mù dày đặc phủ đầy lưu vực sông Shinano. Khi quân Nagaoka chột để ý đến thì trong sương mù đã đột ngột xuất hiện quan quân triều

đình đến cả 2 ngàn người, rồi tiếp đó là đội quân thứ hai sang sông. Bộ đội Nagaoka canh giữ mặt này bị đánh bất ngờ, thua chạy trốn vào thành. Quân triều đình đuổi theo, đột nhập vào dưới thành từ ba mặt, tấn công với binh lực hùng hậu.

Tsugunosuke thống suất đội quân của Yamamoto Taito ra trận, tự mình thao tác khẩu đại bác bắn nhanh, từ 6 họng súng ấy rải đạn cà-nông về phía địch, nhưng rồi cũng bị trúng đạn nát vai bên trái. Tsugunosuke đành phải tạm thời trở vào thành Nagaoka, nhưng đội quân chủ lực lại đang đóng ngoài thành, nên trong thành không đủ sức cố thủ, phải tập hợp bại binh chạy khỏi thành, rút về Tochio. Tức thì, quan quân triều đình phóng hoả đốt khắp các xóm quanh thành, cháy đỏ thành một khối lửa, lửa cháy lan vào lều các trong thành, không bao lâu tất cả thành quách Nagaoka đều chìm trong biển lửa.

Thành Nagaoka mất, nhưng Kawai Tsugunosuke chưa chết, đó là điều được nêu lên để cổ vũ quân sĩ. Và lại, quân Nagaoka vẫn còn đủ võ khí đã chiến. Kawai trở thành con quỷ chiến đấu đơn độc. Định đem tất cả tài trí của phiên sĩ đất Nagaoka đánh cược vào một trận chiến không thu được lợi lộc gì. Thành bị chiếm ngày 19, Tsugunosuke chạy thoát đến Tochio ngày 20, nhưng ngày 21 đã chỉ huy các đội quân Nagaoka tiến đến Kamo, ở đó, triệu tập các tướng trong toàn quân, mở hội nghị tác chiến; đến ngày 2 tháng 6, bắt đầu tấn công, đánh đuổi quân triều đình, liên tiếp phá đổ các lũy phòng thủ mà Yamagata đã cho dựng lên ở các cửa Yasuda, Hondo, Nakanoshima, công phá bản doanh của quân triều đình ở Imacho, phá cửa Ote mà vào thành.

Trận đánh ở Imacho này, Tsugunosuke đã cho đại bác bao vây, từ ba phía nã đạn xối xả vào, nên nhà cửa trong xóm đã do tay chính quân phiên trấn mình mà trúng đạn đại bác nổ cháy tan nát, bên đường la liệt những xác đàn ông đàn bà lẫn lóc, óc não tung toé, banh bụng đổ ruột gan ra ngoài; tán loạn khắp nơi những xác thường dân thiếu tay chân hay đầu cổ. Thấy rõ uy lực của các cỗ đại bác kiểu mới ấy thật sự kinh khủng đến mức như thế nào.

Tsugunosuke tiến quân đuổi quân triều đình đến tả ngạn sông Kariyada, tiếp tục nã đạn đại bác giết địch gần như tuyệt diệt, xong tạm thời trở lại bản doanh đã chiến ở Tochio cho quân nghỉ ngơi, rồi đến ngày 19 tháng 7 lại bắt đầu hành quân, chọn trong quân phiên trấn Nagaoka ra mười tiểu đội lập thành bộ đội tập kích ban đêm. Tsugunosuke tự mình chỉ huy bộ đội này rời Tochio ngày 24, ban đêm tiến đến vùng đất đầm lầy tục gọi là Hatcho-oki phía đông bắc thành Nagaoka, đánh úp quân phòng vệ mà vào thẳng xóm ở chân thành, rồi ngày hôm sau, 25, kịch chiến đánh đuổi quân triều đình mà thu hồi được thành Nagaoka.

Thế nhưng, cuộc chiến đấu này đã khiến Tsugunosuke bị trúng đạn nát chân trái từ đầu gối xuống, không thể tiếp tục chỉ huy chiến đấu được nữa. Vì vậy, sĩ khí quân Nagaoka suy thoái nhanh chóng, ngày 29, thành Nagaoka lại bị quan quân triều đình chiếm lại, Tsugunosuke phải được khiên trên ván gỗ chạy trốn. Sau đó, chạy đến Aizu, ngày 16 tháng 8, Tsugunosuke chết vì vết thương làm độc. Sự đề kháng của phiên trấn Nagaoka chấm dứt theo cái chết của Tsugunosuke.

Ngày trước, có người bạn của Tsugunosuke là Koyama Ryo-un thấy chính sách cải cách chính trị phiên trấn Nagaoka quá ép uổng, đã lo ngại là Tsugunosuke có thể bị ám sát, nên cảnh cáo như thế, thì Tsugunosuke cười mà bảo:

- "Có thể bị ném vào vũng bùn hai ba lần, chứ võ sĩ trong thành thì chẳng có người nào có đủ khí phách để ám sát tở cả. Nếu có được người nào như thế thì phiên trấn này cũng vui nhộn biết mấy!"

Năm Minh Trị thứ hai (1869), chính phủ mới đã báo thù Tsugunosuke bằng sắc lệnh "Dứt bỏ mãi mãi họ tên nhà kẻ chủ mưu phản loạn là Kawai Tsugunosuke".

Mãi đến năm Minh Trị thứ 16 (1883) mới ban ân điển cho phục hồi nhà Kawai.

Khi thành Nagaoka bị hạ, vợ Tsugunosuke là Suga cùng cha mẹ chồng chạy nạn về làng Muramatsu thuộc huyện Koshi cách thành chừng 2 dặm (*khoảng 8 km*) về phía nam, sau đó năm Minh Trị thứ hai, được cho phép trở lại xóm cũ gần thành Nagaoka, đã cháy rụi đến không còn vết tích thời trước nữa. Lúc đó, đã đem hài cốt của Tsugunosuke từ chùa Kenpuku ở Wakamatsu phiên trấn Aizu về cải táng ở chùa Eiryo thuộc hệ chùa Bodai (*Bồ đề*) ở Nagaoka. Danh hiệu pháp giới là *Trung Lương Viện Điện Hiền Đạo Nghĩa Liễu Cư Sĩ*. Từ khi bia mộ dựng xong, người ta không ngừng đến lấy roi đánh vào bia ấy. Phần lớn là di tộc của những người đã chết trong chiến tranh. Người vợ của Tsugunosuke không thể chịu đựng mà sống nổi ở Nagaoka nên đã nhờ họ hàng giúp dời lên sống ở Sapporo (*Hokkaido*), đến năm Minh Trị thứ 27 (1894) thì mất ở đây.

Bia mộ của Tsugunosuke ở chùa Eiryo sau đó đã nhiều lần bị người ta đập nát. Người bạn Mu-in cho đến cuối đời đã thỉnh thoảng đến viếng chùa Eiryo, hề thấy bia mộ Tsugunosuke bị đập phá thì cho sửa lại, mà nói:

- "Chẳng phải tội ở người ấy. Đối với người ấy thì phiên trấn quá nhỏ mà thành ra như thế".

Có vẻ anh hùng là thứ mà Trời đặt sai chỗ sai thời thì gây hại đến mức kinh khủng như thiên tai.

(Tập chí Bungeishunju - *Văn nghệ Xuân Thu*, số Đặc biệt tháng 12 năm 1963)

Phạm Vũ Thịnh dịch
Sydney 03-2008

t4phamvu@hotmail.com

Chú thích:

[1] Edo : trung tâm cai trị của Phủ Chúa Tokugawa, bây giờ là Tokyo.

[2] Lan học : *Rangaku*, học theo Hà Lan là nước được phép buôn bán với Nhật thời bấy giờ.

[3] Hộc : *Koku*, đơn vị đo lường, khi dùng để tính tổng lộc của võ sĩ, hay lực kinh tế của phiên trấn thì khoảng 150 kí gạo,

khi dùng để tính dung tích thuyền bè thì khoảng 180 lít.

[4] Gia lão : *Karo*, cấp quan cao nhất giúp Lãnh Chúa cai trị phiên trấn.

[5] Thời Chiến quốc : 1467-1568, các sứ quân cát cứ các nơi đánh nhau hỗn loạn, cho đến khi Oda Nobunaga, Toyotomi Hideyoshi và Tokugawa Ieyasu tiếp nhau hoàn thành cuộc thống nhất, mở ra thời Phủ Chúa Tokugawa.

[6] Lão trung : Roju, cấp quan cao nhất trong chính quyền Mạc Phủ (*Phủ Chúa*) Tokugawa.

Ghi chú của người dịch:

Truyện ngắn "Eiyuji" (Anh hùng nhi) của Shiba Ryotaro, được dịch từ nguyên tác là truyện thứ 1 trong tập truyện "Bajo shonen sugu" (Thiếu niên cỡi ngựa chạy qua), bản bỏ túi, do nhà Shincho Bunko tái bản lần thứ 24 tháng 5 năm 1987.

Shiba Ryotaro còn viết một truyện dài về nhân vật Kawai Tsugunosuke đăng từng kỳ trên nhật báo Mainichi từ năm 1966 đến 1968, sau này xuất bản thành bộ truyện "Toge" (Đèo núi).

Chuyện đời Kawai Tsugunosuke đã được quay thành phim bộ ti-vi với tài tử Nakamura Kanzaburo thủ vai chính, năm 2005.



Kawai Tsugunosuke 1827-1868

Đỗ Thu Nương

Kim lữ Y

金 勸 勸 花 莫
縷 君 君 開 待 杜
衣 莫 惜 堪 無 秋
惜 取 折 花 娘
金 少 直 惜
縷 年 須 折
衣 時 折 枝

*khuyến quân mạc tích kim lữ y
khuyến quân tích thủ thiếu niên thì
hoa khai kham chiết trực tu chiết
mạc đãi vô hoa tích chiết chi*

đỗ thu nương

*xin anh đừng tiếc nhung y
xin anh hãy tiếc xuân thì chóng qua
phù dung hương sắc mặn mà
anh không sớm bỏ e hoa lại tàn*

bản dịch của maiuyễn/phonglữthảo

*áo nhung vàng không tiếc
cố giữ trọn tuổi xuân
hoa nở dơ tay hái
ngân ngại hoa úa tàn
một đời người quá ngắn
đừng để tình dở dang*

bản dịch của Chuvuongmiện



Mộc Lan Hoa

*Động Đình ba lãnh hiểu xâm vân,
Nhật nhật chinh phàm tống viễn nhân.*

*Kỷ độ mộc lan chu thượng vọng,
Bất tri nguyên thị thử hoa thân.*

Lý Thương Ẩn

Hoa mộc lan

*Mây che sóng lạnh mặt hồ
Tiễn người theo cánh bướm xa mỗi ngày
Thuyền hoa mấy độ trôi vờ
Nào hay man mác hoa trôi giữa giòng
Quỳnh Chi phóng dịch (16/5/2008)*



Hải đường

*Đông phong miểu miểu phẩm sùng
quang*

*Hương vụ không mộng nguyệt chuyển
lang*

*Chỉ khứng dạ thâm hoa thụ khứ
Cố thiêu cao chúc chiếu hồng trang*

Tô Đông Pha

Hoa hải đường

*Gió xuân nhẹ dưới ngàn sao
Một trời hương ngát trắng vào thềm
khuya
Sợ hoa ngủ thiếp trong mơ
Khêu đèn soi tỏ sắc hoa diễm kiều*

Quỳnh Chi phỏng dịch (16/5/2008)



Liễu chi từ

*Phong tình tiệm lão kiến xuân tu ,
Đáo xử tiêu hồn cảm cữu du .
Đa tạ trường điều tự tương thức ,
Cường thù yên tuệ phát nhân đầu*

Lý Du

Liễu chi từ

*Chạnh buồn trước cảnh xuân tươi
Nhớ bao kỷ niệm một thời tuổi xuân
Đường như liễu cũng hiểu lòng
Dịu dàng phơ phất buông trên tóc mình*

Quỳnh Chi phỏng dịch (20/5/2007)



Dương liễu chi

*Nhân ngôn liễu diệp tự sầu my ,
 Canh hữu sầu tràng tự liễu ti .
 Liễu ti vân đoạn tràng khiên đoạn ,
 Bĩ thử ứng vô tục đặc kỳ .*

Bạch Cư Dị

Cảnh liễu

*Liễu cong một nét mi buồn
 Thướt tha dương liễu vẫn vương nỗi niềm
 Bể cảnh dứt mối tơ duyên
 Mong gì nổi lại liền cảnh liễu xưa*

Quỳnh Chi phóng dịch (20/5/2007)



Ấm Tử Thi (Kỳ ngũ)

*Kết lư tại nhân cảnh
Nhi vô xa mã huyên
Vấn quân hà năng nhĩ ?
Tâm viễn địa tự thiên
Thái cục đông ly hạ
Du nhiên kiến nam sơn
Sơn khí nhật tịch giai
Phi điều tương dữ hoàn
Thử trung hữu chân ý
Dục biện dĩ vong ngôn.*

Đào Uyên Minh

***Thơ uống rượu
(Bài số 5)***

*Làm nhà giữa chốn đông người
Mà không nghe tiếng bên ngoài ngựa xe
Hỏi "Răng mà được như ri ?"
-Thì đừng để ý nghĩ suy bận lòng
Hái cúc chân rào phía đông
Thong dong ngắm núi chập chùng hướng nam
Chiều rơi núi tỏa sương lam
Chim bay về tổ từng đàn trên cây
Cảnh này đúng ý mình đây
Bỗng quên lời... chẳng giải bày được chi*

Quỳnh Chi phỏng dịch (15/5/2008)



Ước khách

*Hoàng mai thời tiết gia gia vũ
Thanh thảo trì đường xử xử oa*

*Hữu ước bất lai quá dạ bán
Nhàn xao kỳ tử lạc đăng hoa*

Triệu Sư Tú

Có hện

*Trong mưa chín ửng mơ vàng
Bờ đề xanh cỏ rộn ràng ễnh ương
Đợi người hện đã nửa đêm
Đánh cờ đợi khách tìm đèn lại rơi*

*Quỳnh Chi phóng dịch
(2/5/2007)*



Điền viên lạc

*Đào hồng phục hàm túc vũ
Liễu lục cánh đối xuân yên
Hoa lạc gia đồng vị tảo
Oanh đề sơn khách do miên*

Vương Duy

Thú điền viên

*Hồng đào còn ngậm mưa đêm
Sương mai lóng lánh trên rèm liễu xanh
Cánh hoa rơi trải trước thềm
Chim oanh hót gọi ngủ quên có người*

*Quỳnh Chi phóng dịch
(4/5/2007)*



Du Sơn Tây Thôn

***Mạc tiểu nông gia lập tửu hồn
Phong niên lưu khách túc kê đồn
San trọng thủy phúc nghi vô lộ
Liều ám hoa minh hựu nhất thôn
Tiêu cổ truy tùy xuân xã cận
Y quan giản phác cổ phong tồn
Tùng kim nhược hứa nhân thù nguyệt
Quải trượng vô thời dạ khẩu môn***

Lục Du

Du Sơn Tây Thôn

***Đừng chê rượu đế nhà nông
Lợn gà đủ đãi khách (năm được mùa)
Núi sông ngõ chẳng đường vô
Qua hàng liễu thấy ruộng hoa, có làng
Hội xuân chiêm trống rộn ràng
Nếp xưa cốt giữ, áo khăn xá gì
Đêm trăng rảnh rồi có khi
Thăm nhau chống gậy rảo đi khắp làng***

*Quỳnh Chi phóng dịch
(15/5/2008)*

Nhìn lại cuộc khởi nghĩa của Anh hùng dân tộc

Nguyễn Trung Trực

Bùi Thụy Đào Nguyên



tượng Nguyễn Trung Trực tại Rạch Giá, Kiên Giang

Nguyễn Trung Trực (阮忠直)(1839 -1868)(1) là vị thủ lĩnh phong trào khởi nghĩa chống Pháp ở Tân An (nay thuộc Long An) và Rạch Giá (nay thuộc Kiên Giang), cuối thế kỷ 19 tại Nam Kỳ.

I. Cuộc đời

Sinh ra dưới thời Minh Mạng, thuở nhỏ ông có tên là Chơn, từ năm Kỷ Mùi 1859 đổi là "Lịch" (Nguyễn Văn Lịch), và cũng từ tên Chơn ấy cộng với tính tình ngay thật, nên thầy dạy học của ông đặt tên hiệu cho ông là Trung Trực(2)

Nguyên quán gốc Nguyễn Trung Trực ở xã Vĩnh Hội, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Ông nội là Nguyễn Văn Đạo, cha là Nguyễn Văn Phụng tức Thăng, mẹ là bà Lê Kim Hồng.

Sau khi hải quân Pháp nhiều lần bắn phá duyên hải Trung Bộ, gia đình ông phải phiêu bạt vào Nam, định cư ở xóm Nghè (một xóm trước đây chuyên nghề chài lưới), làng Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, Phủ Tân An (nay thuộc ngoại ô thị xã Tân An, tỉnh Long An) và

sinh sống bằng nghề chài lưới vùng hạ lưu sông Vàm Cỏ. Không rõ năm nào, lại dời lần nữa xuống làng Tân Thuận, tổng An Xuyên.(nay là xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau)

Lúc nhỏ, ông rất hiếu động, thích học võ nên khi lớn lên ông là người có thể lực khoẻ mạnh, giỏi võ nghệ và là người có nhiều can đảm, mưu lược.

Tháng 2 năm 1859, Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định. Vốn xuất thân là dân chài, nằm trong hệ thống lính đồn điền của kinh lược Nguyễn Tri Phương, nên ông sốt sắng theo và còn chiêu mộ được một số nông dân hưởng ứng để giữ đại đồn Chí Hòa, dưới quyền chỉ huy của Trương Định.

Năm 1861, nhờ lập được công lao, nên ông được triều đình phong chức Quyền sung Quản đạo" (3) nên còn được gọi là Quản Chơn hay Quản Lịch

Nghĩa quân dưới quyền lãnh đạo của ông gồm một số nhà yêu nước: Nguyễn Hiền Điều (tức Phó Cơ Điều), Nguyễn Học, hương thân Hồ Quang v.v...

II. Chiến công

Huỳnh Mẫn Đạt đã tóm gọn hai chiến công nổi bật của Nguyễn Trung Trực bằng hai câu thơ:

*Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạc Kiên Giang khắp quỷ thần*

1. Hỏa hồng Nhựt Tảo

Sau khi đại đồn Chí Hòa thất thủ(25 tháng 2 năm 1861), Nguyễn Trung Trực về Tân An. Lúc này, Pháp đã chiếm Mỹ Tho (tức thành Định Tường thất thủ vào ngày 12 tháng 4 năm 1861) nên thường cho những tàu chiến vừa chạy tuần tra vừa làm đồn nổi di động

Một trong số đó là chiếc tiểu hạm Espérance (Hy Vọng), án ngữ nơi vàm Nhựt Tảo, thuộc xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Tiểu hạm Espérance là một tàu gỗ có chỗ được bọc đồng chạy bằng hơi nước, có thể ra vào những luồng lạch cạn, được trang bị đại bác cùng nhiều vũ khí đa năng. Đây là một trong những tàu thuộc hàng bậc nhất của hải quân Pháp lúc bấy giờ.

Và vào trưa ngày 10 tháng 12 năm 1861, Nguyễn Trung Trực cùng phó quản binh Huỳnh Khắc Nhượng và Võ Văn Quang (theo Hồi đáp lịch sử, còn Phan Thành Tài ghi: Nguyễn Văn Quang) tổ chức cuộc phục kích đốt cháy tàu này. Nguyễn Phan Quang cho biết: "Theo tài liệu của Pháp thì trong trận đốt cháy tàu Espérance, Nguyễn Trung Trực đã được sự hướng dẫn, hỗ trợ của Trương Định"(Việt Nam thế kỷ 19, NXB TP. HCM, 2002, tr. 289)

Trận Nhựt Tảo có 2 ý kiến khác nhau: thứ nhất ông Trực cho giả làm thuyền đám cưới qua sông, thừa lúc áp sát tàu Espérance rồi đánh úp; thứ hai là ông Trực cho giả làm thuyền buôn lúa, để đánh chìm tàu. YU kiến sau được nhiều người chấp nhận, trong đó có sự đồng thuận của một số người tác giả người Pháp như Paulin Vial, Alfred Schreiner...

Trận này quân của Nguyễn Trung Trực đã diệt 17 lính và 20 cộng sự người Việt, chỉ có 5 người trốn thoát (2 lính Pháp và 3 lính Tagal, tức lính đánh thuê philippines, cũng còn gọi là lính Ma Ní)

Lúc đó, viên sĩ quan chỉ huy tàu là trung úy hải quân Parfait không có mặt, nên sau khi hay tin dữ, Parfait đã ra lệnh đốt cháy nhiều nhà cửa trong thôn Nhật Tảo.

Chiến thắng này được triều Nguyễn cho ban thưởng và ghi chép lại trong sử.

Còn với Pháp, viên thanh tra bản xứ tại Nam Kỳ tên Paulin Vial gọi đây là: "*một sự kiện đau đớn" làm người An Nam phẫn chấn và gây xúc động, đau lòng sâu sắc trong lòng người Pháp*"(4)

Và Alfred Schreiner gọi chiến thắng Nhật Tảo:

"Đây là khúc nhạc mở đầu cho một cuộc tổng công kích hầu như toàn bộ các đồn lũy của người Pháp"(5)

Ở một trang khác, tác giả nhận định:

"Cuộc đốt cháy tàu Espérance la"" một biến cố bi thảm đã gây nên một nỗi xúc động sâu sắc nơi người Pháp và kích thích một cách lạ lùng trí tưởng tượng của người Annam"(sách đã dẫn, tr.223)"

Thật vậy, từ sau chiến thắng trên, hàng loạt cuộc tấn công trên sông liên tiếp diễn ra, như: nghĩa quân Nguyễn Trung Trực tấn công tàu tuần tiễu Pháp trên vàm sông Bến Lức (tháng 12 năm 1862) và trên Sông Tra (nay thuộc xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An) vào ngày 16 tháng 12 năm 1862, có sách ghi ngày 17) gây nhiều thiệt hại cho đối phương.

Paul Vial kể:

"Ba chiếc tiểu hạm (Iorcha) đậu trên sông Vaico Đông(tức Vàm Cỏ Đông) nhằm kiểm soát sự lưu thông đường thủy, bị tấn công hết sức dữ dội bởi những nhóm người đông đảo, do họ được cổ vũ bởi trận đốt tàu Espérance...Một trong ba chiếc đó, chiếc tiểu hạm số 3. Viên sĩ quan chỉ huy tàu này đã bị thương."(sách đã dẫn, tr. 195)

Và Georfes Taboulet đã thú nhận:

"Cuộc nổi dậy bất ngờ bùng nổ vào ngày 16 tháng 12 năm 1862 (trận Sông Tra), và chẳng mấy chốc lan rộng ra. Ba chiếc tuần tra và nhiều đồn bót bị đánh chiếm, như đồn Rạch Tra, gần Sài Gòn; trong trận đó, viên đại úy Thouroude đã tử trận..."(6)

2. Kiểm bặt Kiên Giang

Sau khi 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ mất (hòa ước Nhâm Tuất năm 1862), Nguyễn Trung Trực rút về hoạt động ở ba tỉnh miền Tây. Đầu năm 1867, ông ra Huế nhậm chức Lãnh binh, đến giữa năm 1867, lại về Hà Tiên giữ chức Hà Tiên thành thủ úy để trấn giữ đất này.(Theo biên bản hỏi cung tại khám lớn sài Gòn. Có tài liệu nói Nguyễn Trung Trực nhận chức khi ở Tân An, có tài liệu nói ông ra Bình Định nhận chức)

khi thành Hà Tiên thất thủ ngày 23 tháng 6 năm 1867, ông theo lệnh triều đình rút quân về Bình Thuận mà đưa quân về lập căn cứ ở Hòn Chông (nay thuộc xã Bình An, huyện Hòn Chông, tỉnh Kiên Giang) (7)

Rồi vào đêm 16 tháng 6 năm 1868, nghĩa quân cùng nhiều người dân yêu nước (có cả hương chức và người Hoa, người Khơme) do Nguyễn Trung Trực chỉ huy đã bí mật, bất ngờ đánh úp đồn Kiên Giang (nay là TP. Rạch Giá) tiêu diệt đối phương, trong số đó có 5 viên sĩ quan Pháp, thu được nhiều súng ống, đạn dược và làm chủ tình hình được 5 ngày liền.

Đây là lần đầu tiên, lực lượng nghĩa quân đánh đối phương ngay tại trung tâm đầu não của tỉnh. Nhận tin chủ tỉnh Rạch Giá cùng viên trung úy Gamard bị giết ngay tại trận, George Diirrwel gọi đây là "*một sự kiện bi thảm*"(*un événement tragique*)(8)

Hai ngày sau (ngày 18 tháng năm 1868), trung tá hải quân A. Leelionard Ansart, Trần Bá Lộc, Đỗ Hữu Phương (9) mang binh từ Vĩnh Long sang tiếp cứu. Ngày 21 tháng 6 năm 1868, Pháp phản công, ông phải lui quân về Hòn Chông rồi ra đảo Phú Quốc, lập chiến khu tại Cửa Cạn nhằm chống đối phương lâu dài.

Tháng 9 năm 1868, chiếc tàu Groeland chở Huỳnh Văn Tấn (còn được gọi Huỳnh Công Tấn hay lãnh binh Tấn, trước có quen biết ông Trực vì cùng theo Trương Định kháng Pháp. Sau này, Tấn trở thành cộng sự cho Pháp), cùng 150 lính ở Gò Công đến đảo Phú Quốc để bao vây và truy đuổi ông Trực

Phạm Văn Sơn thuật chuyện:

"Hương chức và dân trên đảo bị đội Tấn dọa phải theo và phụ lực với hắn để bao vây bọn ông Trực. Sau hai trận ghê gớm, bọn ông Trực phải trốn vào trong núi. Đội Tấn rượt theo, nghĩa quân bị kẹt trong một khe núi nhỏ hẹp. Cùng đường, bọn ông Trực phải ra hàng..."(Việt sử tân biên, quyển 5, tập thượng, Sài Gòn, 1962, tr.198)

Có người cho rằng để bảo toàn lực lượng nghĩa quân và nhân dân trên đảo, và lòng hiếu với mẹ (Pháp đã bắt mẹ của ông để uy hiếp), Nguyễn Trung Trực tự ra nộp mình cho người Pháp và đã bị đưa về giam ở khám Lớn Sài Gòn Sài Gòn.

Pau Vial lại cho rằng:

"Nguyễn Trung Trực chịu nộp mạng, chỉ vì thiếu lương thực và vì mạng sống của bao nghĩa quân đang bị bao vây hàng tháng trời ròn rã tại Phú Quốc"(Paul Vial, sách đã dẫn)

Rất tiếc bản cáo của lãnh binh Tấn gửi cho thống đốc Nam kỳ về "*việc bắt Nguyễn Trung trực và Tổng binh Căn*" đã bị thất lạc từ ngày 23 tháng 5 năm 1950, vì thế sự việc chưa được tường tận (Nguyễn Nghị, "Nguyễn Trung Trực qua một số tư liệu của Pháp" cho biết: "Nhiều hồ sơ tương đối quan trọng trong những năm 1860 đến đầu thập niên 1870, đã được ghi là phát hiện mất.

Theo một số nhà chuyên môn thì người Pháp khi trở lại Việt Nam đã lấy đi...(9)

III. Thọ tử

Pháp phủ dụ Nguyễn Trung Trực qui thuận không được nên vào ngày 27 tháng 10 năm 1868, đô đốc Ohier cho đưa ông về lại Rạch Giá và đã sai một người khome trên Tura (người dân thường gọi ông là Bòn Tura) đưa ông ra hành hình tại chợ Rạch Giá

Địa điểm hành quyết ngay tại miếng đất đối diện "chợ nhà lồng" Rạch Giá, lúc bấy giờ còn cây da cổ thụ.

Trên miếng đất thấm máu Nguyễn Trung Trực, người Pháp cho xây lên Nhà Giây Thép, về sau là Ty Bưu Điện tỉnh lỵ. Riêng cây da cổ thụ đã bị đốn vào năm 1947

Ông hưởng dương khoảng 30 tuổi

Người ta kể rằng:

Vào buổi sáng ngày 27-10-1868, nhân dân Tà Niên (Theo "Lược sử Đình Vĩnh Hòa Hiệp" do Ban Bảo vệ di tích tổ chức biên soạn và ấn hành vào tháng 1 năm 2008: "Từ đầu tháng 6 năm 1867 đến ngày 16 tháng 6 năm 1868, dân làng Tà Niên (nay là xã Vĩnh Hòa Hiệp) đã đùm bọc, chở che nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, để họ chuẩn bị tấn công đồn Kiên Giang.) nơi nổi tiếng về nghề dệt chiếu, và nhiều nơi khác đổ xô ra chợ Rạch Giá, vì Pháp đem Nguyễn Trung Trực ra hành quyết. Ông Trực yêu cầu Pháp mở trói, không bịt mắt để ông nhìn đồng bào và quê hương trước phút "ra đi". Bô lão làng Tà Niên đến vĩnh biệt ông, đã trải xuống đất một chiếc chiếu hoa có chữ "thọ"(chữ Hán) màu đỏ tươi thật đẹp cho ông bước đứng giữa. Ông hiên ngang, dong dạc trước pháp trường, nhìn bầu trời, nhìn đất nước và từ giã đồng bào... ..(10)

Tương truyền trước khi bị hành quyết Nguyễn Trung Trực đã sang sảng ngâm bài thơ tuyệt mệnh:

Thư kiếm từng nhưng tự thiếu niên,
Yêu gian đàm khí hữu long tuyên,
Anh hùng nhược ngộ vô dung địa.
Bảo hện thâm cừ bắt đái thiên.

Thi sĩ Đông Hồ dịch:

*Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai,
Phong trần hăng hái tuốt gươm mài.
Anh hùng gặp phải hồi không đất,
Thù hận chang chang chẳng đội trời.*

IV. Câu nói lưu danh

Khi ông bị người Pháp giải về Sài Gòn, viên thống soái Nam Kỳ lúc đó vừa dụ hàng vừa hăm dọa, ông trả lời:

"Thưa Pháp soái, chúng tôi chắc rằng chừng nào ngài trừ cho hết cỏ trên mặt đất thì chúng tôi ngài mới may ra trừ tiệt được những người ái quốc của xứ sở này".

Và trước khi hy sinh, Nguyễn Trung Trực còn khẳng khái nhắc lại:

"Bao giờ Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây"

V. Khen ngợi

Sĩ phu yêu nước Nguyễn Thông (1827-1884) viết:

"Nguyễn Văn Lịch tính thâm trầm, nghiêm nghị và can đảm..." ("truyện Hồ Huân Nghiệp" trong Kỳ Xuyên văn sao)"

Paul Vial kể: *"Trong khi đại úy hải quân Piquet, thanh tra bốn quốc sự vụ chất vấn ông Trực, ông Trực tỏ ra rất cương quyết và rất đàng hoàng chính đáng. Các câu trả lời của ông đã cho thấy một cách chính xác phẩm chất của con người đó, người đã đóng một vai trò đáng kể"*

Và ông Trực đã bình tĩnh nói với Piquet:

"Số tôi hết rồi, tôi đã không cứu được quê hương tôi thì nay tôi chỉ xin một điều là được chết sớm chừng nào hay chừng đây"

Ở những đoạn văn khác, Paul Vial còn khen ngợi:

"Nguyễn Trung Trực là "người rất tự trọng, có tư cách đáng quý và đầy nghị lực", là "người có gương mặt thông minh và dễ có thiện cảm" là "một người chỉ huy trẻ tuổi, rất can đảm, chống nhau với ta ngót mười năm trời" (sách đã dẫn, quyển 2, tr. 241)

Alfred Schreiner cho biết:

"Trong suốt thời kỳ bị giam cầm, ông Trực không có lúc nào tỏ ra yếu đuối cả, một cách thẳng thắn và đàng hoàng, ông công nhận các chiến công của ông và cũng nhận là đã khinh thường sức mạnh của Pháp. Ngoài ra, ông chỉ yêu cầu ban cho ông một ân huệ, ấy là được xử tử ông ngay tức khắc (sách đã dẫn, tr. 300)"

Trong một bài thơ điếu, Huỳnh Mẫn Đạt đã viết:

Điếu Nguyễn Trung Trực

Thắng phụ nhưng trường bất túc luân
Đôi ba chỉ trụ ức ngư dân
Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạc Kiên Giang khắp quỷ thần
Nhất đán phi thường tiêu tiết nghĩa
Lưỡng toàn vô úy báo quân thân
Anh hùng cường cảnh phương danh thọ
Tu sát đề đầu vị tử nhân.

Bản dịch của Thái Bạch:

*Thắng bại chi bàn việc tướng quân
Người chài trụ đá khúc gian truân
Lửa bùng Nhật Tảo rêm trời đất
Kiếm tuốt Kiên Giang rợn quỷ thần
Một sớm nhẹ mình nêu tiết nghĩa
Đôi đường trọn chữ báo quân thân
Anh hùng cứng cổ danh thơm mãi
Lũ sống khom lưng chết thẹn dần*

Được tin ông thọ tử, vua Tự Đức sai hoàng giáp Lê Khắc Cẩn làm lễ truy điệu, đọc bài điệu với chính bút ngự(12) rằng:

Ký bi ngư nhân

Hùng tại quốc sĩ
Hỏa Nhật Tảo thuyền
Đò Kiên Giang lũy
Địch khái đồng cừ
Thân tiên tự thi
Hiệu khí cổ kim
Thử nhân nam tư
Xích huyết hoàng sa
Ô hô dĩ hi
Huyết thực thiên thu
Chương nhữ trung nghĩa.

Thái Bạch dịch:

*Giỏi thay người chài
Mạnh thay quốc sĩ
Đốt thuyền Nhật Tảo,
Phá lũy Kiên Giang.
Thù nước chưa xong
Thân sao đã mất
Hiệu khí xưa nay
Người nam tử ấy
Máu đỏ, cát vàng
Hỡi ơi thôi vậy
Ngàn năm hương khói,
Trung nghĩa còn đây.*

Vua Tự Đức đã sắc phong ông làm "Thượng Đẳng Linh Thần" thờ tại làng Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá nơi ông đã hiên ngang thà chịu chết chứ không chịu đầu hàng Pháp.

Đã rất nhiều năm qua, dân làng Vĩnh Thanh Vân, nhất là những ngư dân, luôn tôn kính và tự hào về Nguyễn Trung Trực, một người xuất thân từ giới dân chài áo vải, vậy mà đã trở thành một vị anh hùng, thật xứng đáng với: "Sống làm Tướng và chết làm Thần!" và "anh khí như hồng", nghĩa là khí tiết của người anh hùng rực rỡ như cầu vồng bảy sắc

VI. Tưởng nhớ

Sau khi ông bị hành hình, dân chúng cảm thương vô cùng nên đã bí mật thờ ông như một vị anh hùng trong đền thờ Nam Hải đại vương (cá Ông hay cá Voi), chính là đền thờ Nguyễn Trung Trực tại TP Rạch Giá hiện nay.

Sau khi ông bị hành hình, dân chúng cảm thương vô cùng nên đã bí mật thờ ông như một vị anh hùng trong đền thờ Nam Hải đại vương (cá Ông hay cá Voi), chính là ngôi đền chánh thờ Nguyễn Trung Trực tại TP. Rạch Giá hiện nay.

Và khi người Pháp không còn cai trị Việt Nam, vào năm 1970, nhân dân địa phương đã lập tượng Nguyễn Trung Trực bằng đồng, màu đen đặt trước "chợ nhà lồng" Rạch Giá (cũ).

Hiện nay, phần mộ của ông và tượng thờ (được sơn lại màu nâu đỏ) vừa kể đều đã được di dời vào trong khuôn viên khu đền thờ của ông tại TP Rạch Giá (ảnh), và người ta đã cho làm một tượng mới bằng cũng bằng đồng lớn hơn, màu xám, để thay thế (năm 2000). Khu "chợ nhà lồng" mà sau này còn có tên là "Khu thương mại", cũng đã di dời nơi khác để nơi đó trở thành thành công viên.

Nhiều tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long...nhân dân đã lập đền thờ ông và hằng năm đều có tổ chức lễ tưởng niệm trọng thể. (Đình Nguyễn Trung Trực tại Rạch Giá tổ chức lễ giỗ vào các ngày từ 27 đến 29 tháng 8 âm lịch. Đình và mộ nơi này đã được công nhận là di tích Lịch - Văn hóa cấp quốc gia vào ngày 06 tháng 12 năm 1989).

Bùi Thụy Đào Nguyên, soạn

Chú thích

1. Ghi theo sách "Hỏi đáp lịch sử Việt Nam" tập 4, NXB Trẻ, năm 2007. Căn cứ biên bản hỏi cung ông Nguyễn Trung Trực tại khám đường Sài Gòn vào tháng 10 năm 1868, ông Trực "mới được 30 tuổi"(age de 30 ans), thì rất có thể ông sinh năm 1838. Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế, "Tư liệu nhân vật Việt Nam" cho rằng ông sinh năm 1837
2. Theo "Hỏi đáp lịch sử Việt Nam", sách đã dẫn, tr.46
3. Theo Hỏi đáp lịch sử tập 4 , sách đã dẫn, tr.46. Phan Thành Tài trong Nam Bộ - đất và người ghi là "quyền sung quân binh đạo"(Hội Khoa học lịch sử TP. HCM, NXB Trẻ tr. 159)
4. Paul Vial: " Les premières années de la Cochinchine, Colonie Francaise", 2 quyển, Challamet Ainé, Libraire Editeru, Paris, 1874, tr.124
5. Alfred Schreiner: " Abrégé de l'histoire D'An nam", 2è Éd. Sài Gòn, 1906, tr.224
6. Georfes Taboulet: " La geste Francais en Indochine", Paris, 1956, tr. 481
7. Phan Thành Tài cho biết lúc đó ông mới đổi tên thành Nguyễn Trung Trực(sách đã dẫn, tr. 167)

8. Bulletin de la Société des Etudes Indochine de Saigon", Sài Gòn, tr.40

9. Theo bản hồ sơ cá nhân của Huỳnh Công Tấn và Trần Bá Lộc còn cất giữ tại kho lưu trữ Trung ương II tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có bản quyết định khen thưởng Bắc đầu bội tinh và phong chức lãnh binh cho Tấn(S.L 2754. Dossier individuel le Huynh Van Tan, lãnh binh à Go Công) và quyết định số 803, ký ngày 15 tháng 8 năm 1868 của đô đốc toàn quyền Nam kỳ G. Ohier, thăng chức đốc phủ sứ cho Trần Bá Lộc, và bản thông báo số 532 cũng do đô đốc này ký để báo cho Lộc biết quyết định của Bộ trưởng hải quân Pháp tặng thưởng cho Lộc huy chương danh dự hạng I.(S.L 311. Dossier individuel le M. Loc (Tran Ba)) Hai người này được Pháp khen thưởng vì đã có công trong việc "tiểu trừ bọn phản loạn ở Rạch Giá".(ám chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực)

Theo Nguyễn Nghị: hồ sơ ông Đỗ Hữu Phương cũng tại kho lưu trữ trên, kể về dài dòng công việc ông có tham gia cuộc hành quân tái chiếm Rạch Giá (sách đã dẫn, tr.252)

10. Nam Bộ, xưa và nay, NXB TP. HCM và tạp chí Xưa và Nay, năm 2005, tr.255

11. theo web:

http://vannghecongcuulong.org/vietnamese/tulieu_tacpham.asp?TPID=892&LOAIID=17&TGID=223

12. Bài thơ của vua Tự Đức điệu Nguyễn Trung Trực, theo ý kiến của Nguyễn Thị Thanh Xuân trong cuộc "hội thảo khoa học về thân thế và sự nghiệp Nguyễn Trung Trực" trong hai ngày 7 và 8 tháng 10 năm 1988 tại Rạch Giá, thì bài thơ này của nhà thơ Trương Gia Mô.

Điều này rất có thể, vì Nguyễn Nghị căn cứ "Cơ mật viện trích tư sự," đề ngày 6 tháng 2 năm Tự Đức 24, tức 1872 cho biết: "Mãi bốn năm sau khi Nguyễn Trung Trực mất, triều đình Huế mới có văn thư yêu cầu "cứu xét rõ nguyên ủy, sự trạng của hai tên này (Nguyễn Trung Trực và Hồ Huân Nghiệp) xuất thân như thế nào, đã từng làm quan hay chưa, theo ai làm việc gì, chết ngày nào" để xem có nên hay không nên tặng thưởng...(Tài liệu cơ mật mang ký hiệu R. 73/199 tại Lưu trữ Trung ương 2. Dẫn theo "Nguyễn Trung Trực qua một số tư liệu Pháp", sách đã nêu, tr.254)



Ảnh và tượng đồng Nguyễn Trung Trực tại Long Kiến, Chợ Mới, An Giang

Sử Việt Anh Hùng Ca

2. Đức Quốc Tổ Hùng Vương 10 tháng 3 Âm Lịch Lê Ngọc Hồ

Rằng khi dòng sử về nguồn
Công lao dựng nước sự muôn khởi đầu
Bốn ngàn năm lẻ dài lâu
Ngàn sau mãi mãi đẹp câu trường tồn.

Cây cành thương nhớ cội
Uống nước nhớ nguồn, người dân quen thói
Lệ hằng năm mồng mười đúng tháng ba,
Nhớ lấy ngày vườn Việt tộc nở hoa
Ngày kỷ niệm bốn ngàn năm dựng nước.
Công chói sáng của Tổ tiên thuở trước.

Rằng xưa tổ chức quy mô
Có nền hành chính sừng sờ ngàn sau
Lập nên nước mạnh dân giàu
Giống nòi văn hiến đẹp màu Rồng Tiên

Vua Hùng Vương cai trị nước Văn Lang.
Mười tám đời thịnh trị, một thời vàng,
Dòng Âu Lạc cương cường trong bách Việt
Không bị đồng hóa giữ nòi cương quyết
Cố giữ nguyên đặc tính giống Tiên Rồng
Mực họa tài xâm mình vẽ Hoa Long.
Tổ chức giỏi, điều quân: quan lạc tướng
Triết lý dịch làm văn minh định hướng
Đứng đầu quan văn là một lạc hầu
Văn minh phù sa, nông nghiệp rất giàu
Biển sông cá, nhiều đất đây sữa mật
Bình, thịnh trị, cửa rơi đường không mất
Thời vàng son, dòng Viêm tộc văn minh
Người dân hiền, cuộc sống biết bao tình
Mười lăm bộ phận chia vùng cai trị(1):
Tài giỏi nghệ thuật điều hành hoàn bị
Văn trí và đức trị thật cao siêu
Các địa phương đều tuân lệnh Quốc triều
Dùng đức độ và dùng uy lãnh đạo..

*Đê ngăn nước dùng kỹ thuật độc đáo
Đất phì nhiêu mật mỡ ngọt phù sa
Nếp văn chương dòng văn thơ nở hoa
Về kinh tế quên đi đời du mục
Theo chài lưới và canh nông tập tục...*

*Văn minh ngàn trước chói lòa
Ngọc ngà di tích lời ca bìa truyền
Văn Lang một thuở màu duyên
Thăng trầm vận nước còn nguyên một dòng.*

*Đúng trống đồng để truyền lệnh điều quân
Dùng nỏ thiêng liên tiễn biết bao lần (2)
Thời đồ sắt và đúc thành khí giới,
Đời Hùng rực nền văn minh chói lọi.
Dùng la bàn, nét kiến trúc tài ba,
Lông gián điệp trong hôn nhân Trọng Thủy
Ào lông ngỗng đưa đường là nguyên ủy
Máu My Nương chất óng ánh ngọc trai
Quá bi thương một tình sử không hai.*

*Truyện xưa tích cũ đẹp xinh,
Kho tàng văn hóa những tình non sông
Gia tài phong phú Lạc Hồng
Cháu con thừa hưởng hoa lòng dân hương*

*Tướng lãnh giỏi, một thiên tài Phù Đổng
(Mồng tám tháng tư: ngày hội thần Thánh Gióng)
Một giai nhan làm điên đảo hai thần
Đem bạc vàng tìm mai mối cầu thân
Cưới công chúa, lệnh phụ hoàng hẹn ước:
Ta sẽ gả con cho ai đến trước...
Sơn Tinh rước dâu lên núi Tản Viên
Lỡ đến sau, Thủy Tinh giận như điên!
Hô sóng gió tràn cao dâng lên núi
Sơn Tinh hét, thiên lôi đánh túi bụi
Truyện trâu cau tình nghĩa vợ, anh em..
Tắm lòng son trong hiệp nhất vững bền
Không giai cấp Tiên Long Sĩ đồng tử *
Lấy vợ Công Chúa của dân nghèo lê thứ
Hoàng tử Liêu trong sử tích bánh chưng
Một hình vuông cho trái đất tượng trưng
Trời tròn, ý trong bánh dày dai dẻo
Chiếc rìu vuông của dân nước Văn Lang
Xem thiên văn để cấy, gặt mùa màng
Văn hóa hợp nhất tinh thần vật chất
Của Tiên Tổ truyền đời đời không mất*

***Kim chỉ nam rằng ai đã dạy ai?
Sử sách ghi Việt Tộc những người tài...***

***Ngàn năm đô hộ người Tàu
Đẻo dai chịu đựng giữ màu dân ta
Qua đông gia! Bừng nở hoa
Vì theo truyền thống ngọc ngà tổ tiên***

***Quân cướp nước đốt tiêu tan sách vở
Còn văn hiến vì công đầu Quốc tổ
Đã khai nguyên một vương quốc thái hòa
Mãi mãi còn dòng giống Việt tinh hoa***

***Ngày khai quốc
Ngày sinh nhật nước ta
Đúng ngày tốt, tháng lành
Hội tụ tinh anh
Ngày Tiên, tháng Rồng
Thời gian vàng ngọc
Con cháu Lạc Long
Mồng mười tháng ba
Trăm cây Bách Việt
Chỉ còn một hoa
Tuyệt vời Việt Tộc
Mãi mãi thơm và mãi mãi còn duyên
Trăm vạn Mùa Xuân để hương sắc còn truyền... (3)***

***Về ILâm Thao, Phú Thọ
Đi trải hội đền Hùng
Viếng nơi thánh địa con Rồng cháu Tiên
Xa quê khăn nguyện tổ tiên
Hùng cường đất nước, dân lành yên vui***

*Nước được chia làm 15 vùng hành chính, gọi là 15 bộ.
Kho tên đồng gần Loa Thành đã được tìm thấy, bắt nhiều phát
liên gọi là liên tiền.
Vạn Xuân, tên nước từ năm 554 đời Lý Nam Đế
Có bản chép chữ.*

Sử Việt Anh Hùng Ca

3. Gia Tài Đất Tổ

Lê Ngọc Hồ

*Đông Nam Á! Đông Nam Á!
Một nền Hòa Bình văn hóa.(1)
Rạng ngời trên sóng Thái Bình (Dương)
Vút cao lưng trời Hi Mã
Chân ngai bệ đảo Hải Nam
Văn minh rực rỡ sóng lan
Tụ anh từ trường rất lạ
Bình phong đảo Phi Luật Tân
Hong Bàng thừa hưởng tất cả.*

*Sông Hồng, sông Cửu đưa tình,
Sử trang tối cổ văn minh hòa bình
Hùng Vương thừa tự nhiều tình,
Huy hoàng tô đậm nét xinh tuyệt vời.
Hòa bình văn hóa sáng ngời,
Ngự nôi rực chói mặt trời văn minh.
Tặng yêu tia sáng diệu tình:
Từ mười lăm ngàn năm trước (2)
Thời gian Tây lịch kỷ nguyên.
Trồng cây đầu tiên trái đất,
Hòa bình văn hóa lưu truyền.*

*Đồ gốm Nhật (3)
10 ngàn năm
Trước Tây lịch
Đi tìm căn
Sợi vải dệt
Từ Hòa Bình
Và có lẽ
Họ sáng chế*

*Rằng đây tia sáng văn minh
Dịu êm chiếu tỏa nét xinh với đời.*

*Ngưỡng thiều phía Bắc Trung Hoa, *
Một phần thơm tỏa hương hoa Hòa Bình.
Khoảng từ sáu bảy ngàn năm,
Trước công nguyên lịch êm lan đậm ngoài □*

Một nền văn hóa Long sơn, (4)
Bắc Trung hoa đỏ cũng hồn văn minh,
Danh gia giống đôi Hòa Bình □
Thuyền độc mộc! Thuyền độc mộc!(5)
Như tên lao, cao vận tốc,
Cân bằng cây phao hai bên,
Từ bốn, năm ngàn năm trước
Của giòng Tây lịch kỷ nguyên
Phát xuất từ Đông Nam Á
Tạo nên bất ngờ du hành
Đi về Đài Loan Nhật bản
Mang tới việc trồng khoai môn
Cùng với các hoa màu khác □*

*Thuyền tên vượt sóng Thái bình,
Đem hoa trái lạ trao tình đất xa.
Văn minh sáng đẹp nở hoa,
Nôi Hòa bình đỏ bài ca điệu kỳ.*

Hòa bình có em Đông Sơn, (6)
Cũng văn minh đẹp nét son hài hòa.
Mang đến cho Indonesia,
Cả Phi Luật Tân nữa
Những hình đẹp nét kỷ hà,
Chữ nhật và xoay tròn ốc,
Nét xinh đồ gốm, xâm mình,
Các đồa vải dệt, vải bằng vỏ cây.*

*Hòa bình văn hóa lan xa *
Tây tiến Madagascar
Viện trợ trồng cây kỹ thuật
Khoảng hai ngàn năm qua*

*Phát triển thành công thương mại *
Việt Nam và Địa Trung Hải
Phương tiện liên lạc hai nơi
Có lẽ bằng đường hàng hải*

*Mặt trời văn hóa Hòa Bình
Chiếu ngàn tia sáng tận tình bao phương
Cháu con thừa hưởng hoa hương,
Gia tài Đất Tổ một chương chữ vàng.*

*Tiếng trống đồng! Sấm trống đồng
Âm vang sáng Thái bình dương
Rung rinh tầng mây ngũ sắc
Nơi nơi giải đất Văn Lang
Tiếng trống vang lừng bốn cõi □*

Con cò bay lả bay la,
Bay qua Ba Thục, bay về Hồ tôn
Động đình phía Bắc bay đồn,
Bay ra Nam Hải vẫn hồn Văn Lang(7)
Văn Lang thời đại đồ đồng,
Hùng Vương dựng nước, Lạc Long thuở nào.l
Văn minh rực rỡ độ cao,
Hòa bình ánh sáng ra vào Đông Sơn
Bao nhiêu mưa nắng soi mòn,
25 thế kỷ nét son còn truyền (8a)
Giật quyết phá, vẫn giữ nguyên (8b)
Trải bao hưng phế còn duyên với đời.
Ba trăm chiếc trống nơi nơi,
Hà Nam, Yên Bái, Lào Cai, Hòa Bình (9)
Sông Đà, Hà Nội còn tình
Hà Đông, Nam Định bóng hình chưa phai

Con cò bay lả bay la,
Bay qua Ngọc Lũ (10) bay về Hữu chung
Bay đi Hoàng Hạ, Hà Đông
Mật Sơn, Núi nấp, Đông Sơn, Sông Đà
Trống đồng Hà Nội Ngọc Hà
Thiệu Dương còn dấu Việt Khe â(Hải phòng)
Vinh quang văn hóa đồ đồng
Cổ loa liêu tiển rực hồng bốn phương (11)
Thập đồng Đào Thịnh dễ thương □
Cháu con rất đôi ngạc nhiên,
Gia tài cao quý tổ tiên sang giàu
Văn Lang văn hóa một màu,
Năm ngàn năm vẫn đẹp câu tuyệt vời
Nghẹn ngào không nói lên lời,
Văn minh nhân loại chiếc nôi Hòa Bình.
Nét son giòng sử nhiệm tình,
Rành rành thánh tích bóng hình chưa phai.
Trải bao hưng phế dặm dài,
Trống đồng ngọc phả còn hoài ngàn sau.

Một gia tài mẹ Việt
Chau con luôn tha thiết
Hưng khởi trở về nguồn
Tìm học hỏi đã quyết

Rằng dạy cả một gia tài,
Vô cùng quý giá, lễ đài suy tôn.
Việt Nam miếu duệ còn hồn,
Uống nguồn văn hiến Lạc Hồng tổ tiên.

Lê Ngọc Hồ
26 tháng 2/1991

1,2,3,4,5,6 * Theo Tiến sĩ Wilhelm G. Solheim II, *New light on a Forgotten Past*, National Geographic, vol 139, No 3, Washington D.C, tháng 3, năm 1971, trang 330-339.

(7) Theo Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu: □Đời Hùng Vương đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu, cương giới, Đông giáp biển (Thái Bình Dương), Tây đến nước Ba Thục(nay là tỉnh Tứ Xuyên, Quý Châu của Trung Hoa), phía Bắc tới Hồ Động Đình (tỉnh Hồ Nam, Trung Hoa), phía Nam giáp Hồ Tôn (Chiêm Thành).

(8a) Các nhà khảo cổ và học giả như Wales, Karlgren, Đào Duy Anh cho rằng thời gian khởi đầu cho nền văn hóa Đông Sơn thời đại Đồng Thau vào thế kỷ IV hay thứ III trước Tây lịch.

(8b) Mã Viện có trâu hết trống đồng đem đúc ngựa đồng dâng vua Hán.

(9) Tên các tỉnh tìm thấy trống đồng

(10) Ngọc Lũ, Hoàng Hạ - Tên các nơi tìm thấy trống đồng

(11) Ngày 17 tháng 7 năm 1959 người ta đào thấy khoảng 10 ngàn tên đồng ở các làng Cổ Loa, Thu Cựu, Lương Quân, Gia Lộc, Huyện Đông Anh, tỉnh Vĩnh Phúc Cổ Loa cách Hà Nội chừng 17 Km

(12)Thạp Đào Thịnh giống như 1 cái chum bằng đồng, có nắp giống hình nón, cao 0.81cm, đường kính đáy 0.60cm tìm thấy ngày 14 tháng 9 năm 1960 ở Xã Đào Thịnh, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Sử Việt Anh Hùng Ca

4. Má hồng dựng nước

Lê Ngọc Hồ

Ngày xưa má phấn phát cờ.
Tay ngà kiếm bạc cơ đồ dựng xây
Giang san gánh vác vai gầy,
Ngàn sau tướng sĩ cũng ngậy anh hùng.

Gót sen ngọc từng chiến khu kích thích
Chí ba quân quyết giải phóng quê hương
Trắng khăn tang hồng bụi phủ đường trường.

Đôi mày liễu cau lên màu căm giận,
Trả nghĩa nước báo thù chồng phục hận.
Thon tay ngà bóp méo chuôi long đao.
Ngựa thần phi lá cuốn đổ ào ào

Sâu rừng rậm từng chiến khu luyện tập,
Người thanh sát những đoàn quân thành lập.
Gái như trai, tập đoãn kiếm, trường thương.
Huấn luyện voi làm quen với chiến trường

Trăng soi đầu ngựa trắng
Hai liệt nữ họ Trưng
Lóe tia mắt anh hùng
Rừng khom lưng im lặng

Con cò bay lả bay la
Châu phong bay tới, bay về Mê Linh(1)

Tình tang có biết dân mình?
Một phường xâm lược coi khinh giống nòi!
Thét lên thề với Đất Trời!
Lũ quân Tô Định tời bời một phen!

Lửa rừng đêm! Lửa rừng đêm!
Lấp loáng sà mâu, mã tấu,
Nhưng vì sao thẹn đi êm,
Khép nép run mình ngưi đầu!

Linh thiêng giây phút gươm thề,
Khí thiêng sông núi đi về quân ta.

Cờ vàng đậm nét máu hoa,
"Diệt tan xâm lược" thét loa lời nguyện

Muôn giọt máu viết nên lời quyết thắng,
Lá cờ Nam lồng lộng nét hồng tươi.
Nét máu hòa quyết chiến của muôn người
Tiếng sấm nổ vang lời hô cứu nước.

Lửa bập bùng! Lửa bập bùng!
Cương quyết máu trào sôi réo,
Nữ quân nét mặt sáng rùng,
Đường gươm rồng bay múa dẻo!

Ô kìa rừng hát quân ca!
Đôi thông gió réo như loa lệnh truyền.
Nẻo hoa bờ suối lâm tuyền,
Tìm dâng hương ướp lời nguyện non sông.

Sấm trống đồng! Sấm trống đồng!
Vang vang lời ca quyết chiến,
Dưới ánh hồng! Dưới ánh hồng!
Hần lên căm thù thể hiện.

Uy nghi hùng nữ tướng
Mây ngũ sắc lọng che
Giáp rồng lưng bạch tượng
Hồn sông núi đi về □

Mặt trời mọc trên ánh vàng đoǎn kiếm,
Quá oai phong đội xung kích tiền phương,
Lộng máu thể cờ giải phóng quê hương.

Ngực vươn tới cánh tay trần ngạo nghệ
Chí kiêu dũng vào lòng bao thế hệ.
Đoàn ngựa câu đội kỵ mã cung tên,
Quân trường thương đen thuần sát đứng bên

Bầy nữ tướng đoǎn đao hầu cần vệ

Cờ nương tử hồng phai cánh nắng!
Dòng thời gian yên lặng nghe tin.
Không gian tìm nữ đi tìm,
Hào quang chiến thắng tôn vinh nữ hoàng.

Quân ta sóng lớp hàng hàng,
Vỡ bờ tràn ngập tan hoang giặc nhà
Tay ngà trở thẳng kiếm hoa,
Sóng quân ào ạt xông pha trận tiền.

*Sáu lăm(65) thành võ liền liền
Đông, Tây hai Quảng toàn miền Lĩnh Nam(2)
Cờ vàng lẫn bóng Rồng Nam,
Uy hùng Bách Việt vẹn toàn như xưa.*

*Thơm danh biết mấy cho vừa!
Hai trang liệt nữ hái mùa vinh quang!*

*Đấu tranh đầu chiến sử vàng
Giang san thu lại Văn Lang nước mình
Tuyệt vời cầm kiếm tay xinh,
Má hồng dựng nước nhiệt tình non sông.*

*Gót sen phát phối quân hồng,
Hoàng bào, giáp tía xung phong chiến trường.
Anh thư, liệt nữ, Trưng Vương,
Giai nhân nước Việt phi thường ngàn sau!
Quê hương giải phóng công đầu!*

*Giang san! Đây vẫn giang san,
Gia tài tiên tổ dăm ngàn gấm hoa.
Đất màu đẹp tựa bài ca,
Đồng bằng vẽ đẹp phù sa sông hồng*

*Quảng Tây cho chí Quảng Đông
Văn minh núi Đọ, một Đông Sơn tình (3)
Lạc trường tô điểm Bắc Ninh!*

*Con cò bay lả bay la,
Bay qua khắp trấn, bay xa khắp vùng
Bay đi báo mãi tin mừng,
Vẻ vang thẳng trận tung bừa. duyệt binh
Trên trời có đám mây vàng
Ành trời lộng tía nữ hoàng uy nghi.
Tay ngai dựa núi Ba Vì,
Con voi núi phục chân quì tung hô.*

*Ngày nào đẹp tựa bài thơ,
Mây trời ngũ sắc, gió mơn ước lời.
Hải Nam sóng đẹp chơi vơi,
Trưng vương lộng lẫy sáng ngời dung nhan
Ngọc trai lấp lánh bàu vàng,
Kim cương chuỗi kiếm hào quang muôn màu*

*Duyệt binh Trưng Nhị đi đầu,
Giám hồng, kiếm bạc, ngựa câu đen tuyền.
Phù dung nửa mái tóc huyền*

Hàng hàng sóng đỏ
Đoàn quân nữ binh
Những đóa hoa xinh
Ào xanh, lưng đỏ

Đoàn bách thắng tiền phương xung kích
Kiếm ngang lưng, thuẫn, mâu sắc cầm tay.
Đoàn kỵ binh uy dũng đã bao ngày

Quân tác chiến cao trường thương sáng loáng,
Voi trăm thốt luyện công phu năm, tháng.
Đoàn dân quân mã tấu với dao găm
Thắng địch rồi quên hết nét hờn căm

Quân sơn cước lưng đeo đầy cung nỏ,
Nắng nạm sáng nhưng phục màu đen đỏ.
Đoàn quân ca đủ nhạc khí bát âm,
Hồi trống đồng vang vọng mãi tiếng ngân.

Con cò bay lả bay la,
Bay qua Thanh hóa, bay về Đông sơn.(4)
Nữ hoàng kinh lý thăm dân,
Toàn dân nghinh đón trăm phần kính yêu.

Biết bao hương án, lọng điều,
"Trung Vương vạn tuế" cánh điều viết hoa.
Cổng chào nghênh đón từ xa,
Trống đồng ngàn chiếc chói lòa ánh dương.
Văn minh rực rỡ phi thường!

Đầy mâm vàng lễ vật
Quì dâng lên nữ vương
Gói ghém tình mến thương
Lòng dân hiền chân thật.

Đoản đao chuôi ngọc nạm vàng
Khắc ghi chiến thắng huy hoàng năm qua.
Nào chuôi kiếm báu ngọc ngà,
Đây đồ trang sức nét hoa tuyệt vời
Đây là "thần tượng Mặt Trời."

Ngài luôn nụ cười xinh
Hỏi dân biết sự tình
Đây khắc hình trên mã não
Này đây rồng bay thêu áo

Nét vẽ hình học khắc trạm trên ngà,
Đồ gốm xinh bao đường nét gốm hoa.
Quá rực rỡ nền văn minh sáng lạn!

*Thế nước nhỏ nhà vua dăm chiêu lo lắng!
Một nước Tàu đông, lớn quá tham lam
Bao nhiêu phen cướp nước của phương Nam.*

*Một Tô Định chạy dài thân bại Tướng
Cả Hán triều náo động đã bao phen,
Đại cường đâu có phải một nước hèn.
Lo trả hận bị gái Nam làm nhục!*

*Sửa soạn mãi ba năm vừa kịp lúc,
Chọn tướng tài giỏi nhất của Trung hoa,
Kinh nghiệm nhiều: Mã Viện tự Phục Ba,
Tuyển thiện chiến, cấp tối tân vũ khí,
Như kiến cỏ biển người quân đánh thí.*

*Giặc Tàu ỷ thế đông người
Xua quân cướp nước gấp mấy mươi lần quân ta
Dù cho danh tướng Phục Ba,
Vẫn còn e sợ đàn bà nước Nam.
Đủ mưu, dư bạc hấn làm,
Từ vàng mua chuộc, từ hăm dọa nhiều
Đê hèn, dơ bẩn đến điều!
Cho quân lính giặc làm liều khỏa thân.
Cốt gây e then nữ quân,
Đoàn ta đâu phải nữ nhân thường tình!
Càng hăng chiến đấu quyết tình,
Ngựa hồng máu vẽ trung trinh ngàn đời!*

*Dẫu cho thế mạnh xâm lăng,
Hai Bà đã quyết không hàng Trung hoa.
Anh thư viết bản hùng ca,
Lòng son tận hiến nước nhà xả thân!*

*Cầm Khê hề Cầm Khê
Hai Bà quyết gươm thề
Còn một giờ vẫn đánh
Dẫu giặc già thế mạnh*

*Nữ hoàng làm lễ tế trời,
Tế hồn Quốc Tổ, dâng lời Non Sông,
Nước nguy dẫu mãnh quân hồng,
Cầm gương lãnh đạo tắc lòng trung trinh.
Phát cờ nương tử chí tình,
Máu, gan, tim, não hết mình tiến dâng.
Giờ đây thế giặc hàng hàng,
Dâng hồn Tổ Quốc, thân tan ngọc chìm!*

*Con cò bay lả bay la,
Bay qua sông hát, bay về Đồng nhân (5)*

**Tượng Đá ngàn năm!
Muôn năm tượng đá hai Bà,
Tìm người dân Việt khắc hoa dân tình**

**Giỗ hàng năm! Giỗ hàng năm!
Hai mươi ngày kị tháng hai,
Còn non, còn nước, nhớ dài ngàn sau.
Vòng hao gái Việt công đầu!**

**Tham, gian giặc đến Đông sơn,
Chúng mau cướp bóc sạch trơn, tiêu điều.(6)
(Văn minh rực rỡ còn nhiều
Trống đồng chôn chặt, nhiều điều dấu đi)
Àu thay lũ giặc! Một khi
Giết người ghê tởm! Đua thi đốt nhà,
Tướng Tàu cố gắng tìm ra,
Bao nhiêu báu vật Trung Hoa lạ lùng! (7)**

**Dòng hồn người dân Việt
Vẫn hằng năm tha thiết
Nhớ công đức Hai Bà
Dệt những trang gấm hoa
Vàng son dòng quốc sử!**

**Vua qua sông Hát bảy giờ (8)
Hương vương sóng nước sương mờ trời chiều.
Áo xanh, mũ đẹp, lưng điều,
Dong cương ngựa sắt gió vèo lướt qua.
Uy nghi nhị nữ mặt hoa.**

**Ai qua sóng nước trường giang ấy
Có thấy Hai Bà bóng nước gương?
Ai xem chiến tích vàng son ấy,
Có ghen ngào dâng nổi kính thương!
Hương thơm sông Hát ngàn thu ấy
Ngây ngất trời Nam quá dị thường.**

(1) - Huyện Mê linh, đất Phong Châu (nay thuộc huyện An Lão, tỉnh Phúc yên) Phan Kế Bính, Nam Hải Dị Nhân, trang 5.

(2) - Xứ Lĩnh Nam (thuộc hạt Quảng Đông, Quảng Tây Trung Hoa bảy giờ) P.K. Bính, N.H.D.N trg 6. Thời Hai Bà Trưng thuộc nước ta.

(3) - Núi Đọ, Đông Sơn (Thanh Hoá), Lạch Trường (Bắc Ninh) nơi các nhà khảo cổ phát hiện ra thời Đồ Đá cũ tiền sử xưa cả trăm ngàn năm và dấu tích nền văn minh VN.

(4) - Vào khoảng 500 trước J.C. Dân cư Đông sơn lúc bấy giờ đã học được cách dùng kim khí, cách làm đồ nữ trang và bùa bằng thứ đá quý giống loại bích ngọc. Bấy giờ đồ gốm đã tốt hơn và có trang trí với những mẫu theo hình học. Đồng thời cũng đã xuất hiện những kiểu trống lớn bằng đồng đỏ có những mẫu trang trí tượng trưng loại hình học, hoặc phỏng theo hình người, hình thú hay nhắc lại những buổi lễ tôn giáo. Những hình trang trí trên các mẫu trống ấy chứng tỏ những quan niệm tôn giáo đã khá phát triển gồm có sự tôn thờ mặt trời và Trời. Olov R.T.JANSÉ (giáo sư Harvard), nguồn gốc văn minh VN, xuất bản đại học, Huế, Cao Hữu Hoàng dịch, trg 7.

(5) - Hai Bà liều mình xuống sông, rồi hóa ra hai người bằng đá, các làng bên sông tranh nhau ra vớt, nhưng chỉ có làng Đồng nhân, huyện Thanh Trì (Hà Đông) vớt được lập đền thờ. P.K.Bính, NHDN trg 7.

(6) - "Một trong những đạo quân của Mã Viện xuống Đông sơn, cuộc chém giết rất ghê tởm, Đông sơn bị cướp bóc và tiêu diệt. Biến cố này đánh một đòn rất nặng vào văn minh Đông sơn. Nhưng một vài thủ lĩnh trốn thoát , có nhiều chỗ chôn dấu những chiếc trống đã được tìm thấy từ khoảng 50 năm nay." Janse,trg 7

(7) - "Nhiều cổ vật ở Đông sơn có những hình thức và kiểu trang trí không phải ở Trung Hoa, và có khi ở Trung Hoa hoàn toàn không có" Jansé, trg 7.

(8) - Vũ Quỳnh - Kiều Phú, Lĩnh Nam chích quái, tr 63. Vua đây là vua Lý Anh Tôn.

Sử Việt Anh Hùng Ca

5. Anh Thù Họ Triệu

Lê Ngọc Hồ

Con cò bay lả bay la,
Bay qua giao chỉ, bay về Cửu chân.
Ác nhân thứ sử Lục Dân,
Gái Nam họ Triệu mộ quân đuổi thù.
Một ngàn tráng sĩ chiến khu,
Ngựa phi múa kiếm gió vù thoảng qua
Thước gươm nắm chặt tay ngà,
Quyền uy lãnh đạo mặt hoa nghiêm mày.

Giô ta, lẩn đá ven rừng,
Lập đồn phòng ngự chập chùng núi cao.
Giô ta, kéo gổ, đào hào,
Ngăn ngơ vách đá, xông xao cây rừng.

Con cò bay lả bay la,
Bay từ đỉnh núi bay qua mây ngàn
Dù anh không biết can ngăn,
Muốn rằng nhi nữ khác phàm xin thừa.
Con cò bay sớm bay trưa,
Sấm ran Nam hải ! Tiếng mưa sơn hà.
Hùng thay chí khí đàn bà,
"Cuối cơn gió mạnh Hằng nga giết mình. (1)
Khác thay nhi nữ thường tình ,
Đạp đường sóng dữ, chém kinh biển đông.
Dù sinh làm kiếp má hồng,
Ngựa, gươm chiến trận quét xong giặc ngoài.
Chứ không bắt chước những ai
Lưng cong, đầu cúi đời dài thê noa."

Con cò bay lả bay la
Làng trên, xóm dưới bay qua núi đồi.
Nhắc đi, nhắc lại từng lời,
Bay đi, bay lại từng nơi kêu mời ...
Trèo lên đỉnh núi mà coi,
Thấy trang nữ tướng cỡi voi, giáp vàng
Hàng hàng dũng sĩ bên đàng
Gươm trần loé sáng, cờ vàng tung mây.
Đỉnh cao vách đá đứng ngậy,
Lũng cây khép nép, gió mây thâm thì.

Phong lan chào đón bước đi,
Thác ngàn kính sợ cũng si anh hùng.
Giăng cấn lều gấm ven rừng,
Đôn quân, đốc tướng, luyện cung giáo dài.
Bình thư đêm đọc miệt mài,
Ngựa phi giám sát trưa, mai, tối, chiều.
Gió bay khăn chít lựa điều,
Anh thư nước tiếng Nhụy Kiều tướng quân.

Gió đưa bụi trúc bên sông,
Cứu dân, yêu nước tấm lòng mênh mông.
Tướng quân má đỏ môi hồng,
Không thiết lấy chồng, chỉ quyết đấu tranh.
Hai mươi hoa nở xuân xanh,
Trăng tà mài kiếm, quân hành vui tại
Đôi gò bông đảo cao dài,
Quần hồng nai nịt, gót hài lưng câu.

Con cò bay lả bay la,
Đây tin mới lạ bay về chiến khu.
Dân ta nổi dậy chống thù,
Viết trang sử đẹp ngàn thu lưu truyền.
Anh thư vâng giữ lời nguyên,
Giúp anh Triệu quốc Đạt nguyên binh hùng.
Thầy tài lãnh đạo phi thường,
Quân anh tôn nữ anh hùng Tướng quân.
Núi rung, rừng chuyển, mây vần,
Thấy loa dậy đất ầm ầm tiếng hô.
Hùng thay khí thế dựng cờ,
Té thân sông núi, tay giờ máu thề.
Đây hồn tổ quốc đi về,
Linh thiêng chứng giám lời thề non sông.

Giô ta kéo đá giô ta !
Sẵn sàng chiến đấu tiếng loa lệnh truyền.
Để cho quân giặc rời thuyền,
Tiến sâu khu chiến bắt nguyên chuyển này.
Ngõ ngang lạ nước, lạ mây,
Quân Tàu hốt hoảng thấy ngay tướng mình.
Đỉnh cao một tướng xinh xinh,
Bành vằng bạch tượng thành linh tuốt gươm.
Ầm ầm bão đá ngập đường,
Sấm rung tiếng thét, giáo trường phi lao.
Mưa tên mọc đổ ào ào,
Hán quân bia đạn chỗ nào còn nguyên.
Tàn binh mong rút xuống thuyền,
Chặn lui binh bại đốt thuyền cháy veo.
Thua cơ đúng lúc hiểm nghèo,
Tù binh trối hết bắt theo về ngàn.

*Quân ca đẹp khúc khải hoàn,
Ngã trâu, xôi, rượu dân thương thưởng hoài.
Vang lừng chiến trống dậm ngoài.*

*Con cò bay lả bay la,
Bay qua Giao chỉ bay về Cửu chân.
Đưa tin thứ sử Lục Dân,
Xin tăng viện ngàn lần vây ta.
Bắt dân chúng phải rời xa,
Triệt đường lương thực quâ ta đến cùng.
Kiên trì nhi nữ anh hùng,
Cạn lương sáu tháng cũng đành tấn công.
Máu thù hoen áo bào hồng,
Ít quân, đói khát, tấm lòng trung trinh
Thân ngà tự vẫn gương thiêng,
Vì sao mai rụng về riêng đất trời.
Tin toàn dân Việt chơi vui !
Nghênh mình ! hương lạc hoa đời hăm ba !
Tử hùng mặc niệm lời ca,
Rừng Thanh mờ mịt, Hồng hà lệ rơi !
Từ đây muôn nẻo dòng đời
Anh hùng Triệu thị Chinh ngời nét son
Phi thường chí khí Việt hồn,
Giục trang nữ kiệt vẫn còn hùng anh.
Lý Nam đế tấm lòng thành
Truy phong “Trinh nhất liệt anh hùng tài”
Trải bao hưng phế dài dài,
Dân con Đất Việt vẫn hoài suy tôn.*

*Con cò bay lả bay la,
Bay từ nước Việt bay qua nước ngoài.
Anh hùng liệt nữ còn hoài
Tìm người xa xứ thương dài ngàn năm.*

13 tháng 10/1983

(1) Ý của Bà Triệu trả lời anh.

Sử Việt Anh Hùng Ca

6. Ngô Quyền

Lê Ngọc Hồ

*Hồ khoan nhịp lái hồ khoan,
Bạch Đằng sóng nước gió ngoan wớm lời.
Đây vùng thánh tích một thời,
Thay dòng lịch sử sáng ngời chiến công.*

*Giô ta ... Kéo gổ thả bè,
Xuôi dòng cuộn cuộn mang về trên sông.
Đoàn quân hăng hái nức lòng,
Thi đua đóng cọc khắp lòng trường giang.
Vươn lên tua tủa hàng hàng,
Cọc dài bịt sắt giang ngang mặt dòng
Ngô vương thị sát thuyền rồng,
Tì chuôi kiếm bạc, bào hồng hào quang ...
Trên trời có đám mây vàng,
Thủy quân nước Việt đang hăng đợi thù.
Viết trang lịch sử ngàn thu ...
Khiên đồng lấp lánh trên mu chiến thuyền.
Anh hùng thao lược Ngô Quyền,
Cao lời nghiêm lệnh loan truyền sóng xa.
Rừng rừng gươm giáo chói lòa,
Cùng vung cao nhịp tiếng loa hô thê.
Ầm vang sấm động "xin thê",
Hồn thiêng sông núi đi về Nam quân.
Tiếng hô làm bạt gió ngàn,
Cá sông chết lặng, mây tan lưng trời.
Thủy triều sông nước chơi vơi,
Rừng xôn xao lá, lũng vơi sương mù ...*

*Con cò bay lả bay la,
Bay qua sông Nhị, bay về Quảng yên.
Cớ sao một nước dân hiền?
Hán sai thái tử binh thuyền xâm lăng.
Tiền phong Hoàng Tháo hung hăng,
Hậu quân Hán chủ thêm tăng viện nhiều.
Tham lam nhà Hán đã liều ...
Thủy triều sóng nước mênh mông,
Chập chờn quân thủy Lạc Hồng lướt qua.
Vời trông vút bóng như ma,
Hán quân vừa đuổi, vừa la thắng rồi.*

Đến hồi triều xuống, nước vui,
Thuyền Nam tràn ngập khắp nơi sông
Rừng. *
Tiếng hô "sát" ! sấm vang lừng !
Trường thương loé sáng anh hùng ra tay.
Hán quân bị vướng cọc đầy,
Thuyền tan, thịt nát, trôi thây lấp dòng !
Quân Tàu quá nửa trôi sông,
Mặt sông đỏ thắm máu hồng nước loang.
Tịch thu chiến lợi hàng hàng,
Bắt liên Hoàng Tháo ngay đang trận tiền.
Giải tù tướng đến Ngô Quyền,
Lệnh trên truyền chém uy quyền nước ta.
Được tin Hán chủ khóc oà,
Thu binh, bại tướng được tha, rút về.

Quân ta đã vẹn lời thề,
Giành quyền độc lập trên quê hương mình.
Rằng đây đất nước ta xinh,
Dài dài ác mộng bóng hình đã qua.
Ngàn năm không đủ xóa nhòa,
Tinh thần độc lập dân ta vẫn còn.
Còn trời, còn đất, còn non,
Ngàn năm đô hộ còn hồn Lạc Long.
Lật qua trang sử màu hồng,

Thời kỳ tự chủ non sông huy hoàng.
Bạch Đằng một chiến thắng vàng
Khởi đầu nguyên kỷ vẻ vang giống nòi.

Thủy triều sóng nước đầy vui,
Đèn in đáy nước một trời sao sa.
Chiến thuyền rực sáng đuốc hoa,
Vùng trời đêm tưởng chói lòe ánh dương.
Khao quân chiến thắng phi thường,
Rượu tăm nghiêng ngả cả trường giang say.
Một vùng địa sử ngất ngây,
Giang san còn đó đẹp câu hoà bình.
Rằng đây đất nước thêm tình,
Năm tay xây dựng thêm xinh quê nhà.

Con cò bay lả bay la,
Bay qua chiến trận bay về Cổ loa.
Từ sau chiến trận ngọc ngà,
Ngô vương dựng nghiệp nước ta lâu dài.
Ngàn xưa cho đến ngàn sau,
Một trang sử đẹp dài lâu cảm hoài.
Canh trường có lúc đêm ngoài,
Tưởng như vang vọng bên tay trống đồng.

*Sóng thần sôi réo dòng sông,
Quân reo hò giống Lạc Hồng muôn năm.*

*Ngược dòng lịch sử nạm vàng,
Dâng Dâng cảm phục, ngỡ ngàn ý mơ.
Nao nao cảm xúc bài thơ,
Nhịp tim máu sử tiếng hò xôn xao.*

*Hò lơ ...
Sông Bạch Đằng sóng cao sóng thấp,
Thủy quân ta tràn ngập Hán quân.
Ta hô tiếng "sát" sóng gầm !
Chiến đoàn xâm lấn xác tan, lạc hồn.*

*Sóng triều nhuộm thắm máu hồng,
Xác quân Nam Hán bênh bồng sóng xô ...
Hò lơ ...*

12 tháng 10/1983

Sử Việt Anh Hùng Ca

16. Hải chiến Việt - Hòa Lan (1644)

Lê Ngọc Hồ

Từ ba căn cứ hải quân (2)
Chiến thuyền vào khoảng hai trăm trương cờ.
Triều ban nghiêm lệnh quân cơ
Tiếng hô uy dũng sòng mớ đáp lời!...

Một hỏa lực của miền Nam hung hãn
Giữ non sông, đánh bại thủy quân Chiêm,
Thắng Hòa Lan, phá hạm đội chiến thuyền
Trận hải chiến đã lừng danh Nam Hải...

Đúng ngày Chúa Nguyễn duyệt binh,
Hoa - Lan hạm đội cố tình cứ qua..
Tham mưu Chúa hỏi gần xa,
Có nên truy kích hay tha quân này?

Bị bão giạt người Hòa Lan đi lính
Cho hải quân Việt đã mấy năm nay.
Quá tự kiêu nên hấn trả lời ngay
Hạm đội họ chỉ có Trời mới sợ!
Không thêm đáp, Chúa lệnh truyền phần nộ

“Hạm đội kia phải đánh bại chúng liền
Tổng chỉ huy trao thể tử cầm quyền...”
Phăng phăng nuốt sóng trùng dương,
Hải quân nước Việt phi thường tiến quân.
Trên boong đại pháo đã dàn,
Thêm cung tên lửa sẵn sàng bay đi.
Lệnh truyền thể tử ra uy.
Toàn quân vâng lệnh nghiêm quỳ hô vang.
Hải quân nước Việt hàng hàng,
Tấn công vũ bão Hòa Lan ngỗ ngược
Chiến thuyền Việt bỗng dàn ngay,
Chẻ ba hạm đội Hòa Lan bất ngờ.

Một tàu địch hải quân ta săn đuổi,
Lửa sáng tên cùng đại pháo mưa theo
Khí thế hăng dòn địch chỗ hiểm nghèo.
Toan chạy trốn tàu họ thường loạng hoạng.
Đụng đá ngầm, tàu chiến vỡ tan tành,

Khấp đó đây mảnh gỗ cháy lửa loang.

*Tiếng hô chiến thắng ầm vang,
Quân ta đã thắng! Hòa Lan chìm tàu!..
Đo đây sông máu đỏ ngầu,
Hải quân sử chiến thắng đầu quân Nam,
Quân ta chiến đấu quyết tâm,
Nuốt trôi tàu địch, lính cầm tù súng thu.*

*Lửa cháy lớn, cuồng phong càng hung dữ,
Khói mịt mù vùng biển tưởng màu đêm,
Chớp thời cơ tàu địch nhỏ chuồn êm.
Hải quân Việt truy đuổi phương rất gắt,
Hạm đội địch duy chiếc tàu nhỏ nhất.
Con cà còn lọt lưới hải quân ta,
Chúng sợ run khi quát tháo tiếng loa.*

*Đôi phương khi đã biết uy,
Đành lòng trốn chạy một khi tranh hùng.*

*Việt Nam nghĩa hiệp anh hùng,
Đánh người ngã ngựa đau lòng quân ta.
Hải quân qua chiến sử ca,
Sóng triều dâng chiến thắng hoa đầu mùa.*

*Tham mưu địch trong chiếc tàu lớn nhất,
Thay thế nhụy nổ đại pháo như mưa,
Hải quân ta dòng khí thế có thừa!..
Gọi mưa pháo tỏa bao vây, bám riết,
Bão tên lửa trận thắng thua quyết liệt.
Ôâm bó rơm tàu địch chạy thành hàng.
Quân đổ bộ xung phong lên tàu địch,
Quyết chiến thắng làm men say kích thích.
Quân lương tràn túm được áo giết phăng!
Lệnh tập trung toán người nhái rất hăng.
Sườn tàu địch quyết phá toang đục lỗ,
Sàn ngập nước không có còn một chỗ...
Bánh lái tàu bị gãy bởi quân ta.
Chặt cột buồm, hầm lửa cháy lan ra
Thuyền trưởng địch, bộ tham mưu tuyệt vọng,
Hết cứu vãn chờ nổ kho thuốc súng!..
Hơn hai trăm thủy thủ địch hỏa thiêu,
Tàu Hòa Lan cháy từ sáng đến chiều...
Chỉ còn có bảy người liều nhảy xuống,
Hải quân Việt lệnh vớt lên bắt sống.
Mang tù binh nộp Chúa Nguyễn lập công...*

*Nguyễn Vương thì sát thuyền rồng,
Hai hàng hạm đội song song theo hầu.
Thưởng ban ai lập công đầu!
Hải quân chiến sĩ cùng màu tuyên dương.*

*Bảy tù binh nạp trước vương.
Tay đốc kiếm, mắt nhìn tù binh địch
-Lính nước nào? Chúa hỏi kẻ tự kiêu?*

*Người Hòa Lan quá run sợ trả lời.
-Tâu chúa thượng! Đây những người thoát nạn
Trận Hải chiến Hòa Lan vừa bại trận!...
Đâu cần chi nhờ quân đội của Trời!
Chiến thuyền ta đủ phá địch như chơi!
Mau trối lại tên Hòa Lan phạm thượng!...*

*Điều quân một Nguyễn Phúc Tần,
Là Hiền Vương đó một lần nối ngôi.
Sóng thần cũng thấy chơi vơi,
Triều dâng chen lấn nối lời suy tôn.
Hải quân Việt quyết một lòng!
Một trang chiến sử thơm hương!
Ngàn sau, ngàn trước một phương giống nòi!
Giương buồm uống gió căng rỗi,
Àm vang loa réo! Chơi với sóng dài!
Trùng dương loan báo độ dài sóng âm.
Trận này hải chiến quân Nam,
Hòa Lan hạm đội bị tan chạy dài!
Việt quân chiến thuật quá tài,
Bao vây, xé lẻ, giặc ngoài lâm nguy!
Hải triều nói với trăng thì,
Phi lao gọi gió cùng suy tôn hoài.
Mây chiều biểu ngừ nắng cài,
Hoan hô chiến thắng vượt ngoài ước mong,
Vàng trắng vừa ló biển đông,
Cũng thơ chúc tụng! Cũng lòng kính yêu!
Quân ta can đảm đã nhiều,
Hòa Lan đề đốc chết thiêu lửa hồng!
Pierre Breck! Cũng anh hùng!
Chết cùng với lính trên boong tàu mình...*

*Hải chiến đầu tiên địch với ta,
Một trang quân sự nét son hoa.
Ngàn sau con cháu yêu tình nước,
Loa gió dâng triều, đợt sóng ca...*

*Lê Ngọc Hồ
(Ngày 13 tháng 6 năm 1985)*

(2) - Căn cứ 1 Nguyên Hải, chỗ sông Hương đổ ra biển nay gọi là Thuận An; Căn cứ 2 lớn mạnh hơn dinh Chiêm nay gọi là Thành Chiêm cách Hội An 9 km trên sông Thu Bồn ngày nay; Căn cứ 3 trại Thủy trên bờ sông làng Hội Phú, xã An Ninh, quận Tuy An, Phú Yên.
(Phạm Đình Khiêm, xã hội V.N thế kỷ XVI I dưới mắt giáo sĩ Đắc Lộ, V.N khảo cổ tập san, tr.49, 50, Sài gòn tháng 6/1961.)

Sử Việt Anh Hùng Ca

10. Bình Mông Hùng Ca (1)

Lê Ngọc Hồ

I. Non sông Việt Thanh Bình trước Mông cổ xâm lăng.

Thái bình hát khúc Âu ca
Tinh anh nếp sống văn hoa tính tình

Tiếng tiêu nhẹ, chèo lan trên sóng nước
Đại Việt trời Nam vui cảnh thái hòa,
Tầm dâu đẹp, vườn trái, lúa đơm hoa.
Vẳng tiếng sáo diều đêm thôn im vắng,
Tiếng hát ví mùa trăng con ngõ vắng.
Giọt đàn bầu ve vuốt gái thôn trang,
Hội trăng rằm nao nức tuổi trai làng.
Vườn học sĩ, hoa thơ cười trắng sáng,
Biển văn tự, sóng thi lai láng.
Lê văn Hưu trang quốc sử khởi đầu,
Lập trang điển, một quốc sách dân giàu.
Câu gấm vóc thêu Hàn thuyên văn tế,
Một chính sách kết hiệu hòa giao tế.
Thái Thượng hoàng một học giả uyên thâm,
Rời Thiên trường đi khắp nước viếng thăm.
Những cảnh đẹp non sông sao gấm vóc,
Đất nước mộng lũng đồng bằng vừa thóc.
Trăng Hạ long, hồ Ba bể hoàng hôn,
Động chùa Hương, "nàng Tô thị" Lạng sơn:

" Cô tự thê lương thu ái ngoại,
Ngự thuyền tiêu sắc mộ chung sơ.
Thủy minh sơn tĩnh bạch điều quá,
Phong định vân nhàn hồng thu sơ."

Trần Nhân Tôn (Lạng sơn văn cảnh)

古寺淒涼秋後外
魚龍消色暮鐘初
水明幽惜白鳥過
風定雲閒倦林初

(Nét chữ cụ Trần Dương)

"Lạnh lẽo chùa quê bóng mịt mờ,
Thuyền ngư lẻo đẽo, tiếng chuông đưa.
Nước quang, non tĩnh con cò liệng,
Gió tạnh, mây im, lá đỏ thừa."

(Ngô Tất Tố phiên dịch)

Tịch Dương

Thôn hậu, thôn tiền đạm tự yên,
Bán vô bán hữu tịch dương biên.
Mục đồng nghịch lý ngư qui tận,
Bạch lộ song song phi hạ điền.

Trần Nhân Tông

夕陽
村後村前淡自安
半無半有夕陽邊
牧童笛里牛歸盡
白鷺雙雙飛下田

(Nét chữ cụ Trần Dương)

Chiều

Thôn sau, xóm trước khói mờ,
Nửa không nửa có bóng mơ chiều tà.
Chăn trâu tiếng địch về xa,
Sóng đôi cò trắng bay qua cánh đồng.

(Lê Ngọc Hồ dịch)

Thơ một túi, thừa một bầu rượu cúc,
Một rương sách, một đàn tranh, sáo trúc.
Đẹp giang san, vượng khí đất mạch lành,

Non khí thiêng, đất hội tụ tinh anh.
Từ trường đồ, từ cao nguyên Tây tạng,
Thế đất đẹp, mạch nước nguồn lai láng.
Lòng chân thành, Ngài cảm tạ tổ tiên,
Bao công lao dựng nước những quốc hiền.
Nước quá đẹp... nhưng cũng đầy sóng gió!
Một báu vật bao kẻ thù nhòm ngó.
Ngài thở dài: một đế quốc đang lên,
Quân kỵ Mông vượt vạn dặm như tên...

II. Sẵn sàng chiến đấu

Hùng thay! một thuở bình Mông,
Lừng danh nòi giống Lạc Hồng oai
phong.

Toàn dân nghe chẳng:
Đoàn gió ngựa quân Mông ngoài biên ải,
Loa vang vang báo động khắp sơn hà:
Loài hung thần ! quân xâm lấn đang qua!
Sông Hồng réo mặt đỏ bừng tức giận,
Nước Nam hải, triều dâng tình căm phẫn.
Hoàng liên sơn, cao chát ngất khí thù, (3)

Sóng Bạch đằng, sôi uất ánh trăng lu.
Rừng tre nửa nghiêng răng thê quyết chiến,
Cỏ, cây, lá, ý chống thù thể hiện.
Khắp xóm làng trai trẻ nguyện xung phong,
Từ thôn trang đến thành thị một lòng.
Các cô lão, vót tre làm tên nỏ,
Các phụ nữ áo may xong trần thủ.
Các trẻ em làm liên lạc đưa tin,
Các bà già đi tòng xóm quyên tiền.
Toàn dân ý quyết hy sinh chiến đấu,
Thề bảo vệ toàn San Hà yêu dấu.

Hung tàn kỵ mã quân Mông
Cỏ không dám mọc, chó gà không dám kêu

Quân Mông cô đoàn kỵ binh bách thắng.
Từ Trung Á đến Âu châu im lặng.
Vó ngựa Mông, cỏ không mọc đồng hoang,
Vắng tiếng gà, chó không sủa bàng hoàng.
Hùng chiến mã, hàng hàng giờ cao vó.
Loài ngựa rừng cao cẳng, hí vang lừng,
Gió dựng bàn phi nước đại thật hung.

Lính kỵ mã, thân đồng đen bóng loáng,
Ánh đoản kiếm chói ngời loe nắng sáng.
Mặt xạm chì khắc khổ nét hung tàn,
Tiến không lùi lưng bảo vệ không cần.
Trên chiến mã đêm ngày áo da mốc thối,
Không biết mệt, chân cột đồng, mắt xéch.
Ít dục tình, không hưởng thụ, hành quân,
Không tình thương như loài quỷ phi nhân. (4)
Lính nửa triệu, do Thoát Hoan thế tử,
Làm nguyên soái chỉ huy toàn quân lữ.

Ô mã Nhi cùng với tướng Toa Đô,
Được tướng phong giúp thế tử khuông phò.
Đi hùng hổ mạnh tiến vào biên giới,
Quân, dân Việt đã sủng chờ, gom đội...

III. Danh tướng đời Trần

Trần Hưng Đạo

Xưa nay chôn sử hoàn cầu,
Một danh Tướng quá đẹp câu khái hoàn.
Dọc ngang Âu Á dặm ngàn,
Ngựa Mông run vó đất Nam kiên cường.
Còn tươi cỏ Việt biên cương,
Đại vương Hưng Đạo tấm gương ngàn đời.
Lung linh ngọn nến chơi vơi,
Nửa đêm đọc sử bồi hồi dòng xưa.
Đất người nắng xóm chiều mưa,
Dầu thân vất vả tim thừa niềm tin.
Quật cường truyền thống giữ gìn,
Máu anh hùng đã vào tim những ngày.
Dòng tình lại chợt ngất ngây,
Nghe Bình Mông hịch rằng đây sử vàng.
Khí thiêng sông núi tinh hoa,
Võ, văn hội tụ, lược thao, anh hùng.
Lược thao tam lược gồm tài,
Dưới tướng bao nhiêu hào kiệt.
Một thiên tài, hê dũng liệt!
Một văn tài hê lừng danh,
Thơm thơm hê giống Việt.
Quốc phụ hê quân sư,
Từng lời vàng để lại.

Tinh Vạn Kiếp ngàn sau trắng dãi,
Sóng Bạch Đằng vọng mãi gươm thề.
Trần Hưng Đạo con An Vương Trần Liễu,
Quên thù nhà, đền ân nước, trung thành

Bé: tài thơ, bày bát trận tinh anh. (5)
Soạn Binh pháp, một thiên tài chiến lược,
Văn rục rờ, một hịch vàng thưở trước.
Rất linh uy, giặc không dám gọi tên,
Lục-đầu sông nơi trí sĩ đại hiền...
(20 tháng 8 ngày hội đèn Vạn kiếp,
Dân ghi nhớ đại anh hùng trung liệt.
Đêm hoa đăng, sông Vạn kiếp hàng năm,
Khách tứ phương vui hơn hội trăng rằm.)
Tôn Thượng phụ, các vua Trần trọng kính
Trên bảy mươi Ngải lia đời thọ bịnh...
Dưới trướng Ngải các tướng giỏi theo phò,
Võ kiêm văn: Phạm ngũ Lão khôi ngô
Ngồi đan sọt, giáo đâm vào không biết!
Thơ khẩu khí, ngâm dài trang anh kiệt...
Một tướng tài Trần quang Khải lòng danh,
Thắng, khao quân thơ "Đoạt sáo" lời vàng...
Trần quốc Toàn trái cam cầm bóp vỡ,
Vì quá tức giận xâm lăng Mông cổ.
Trần khánh Dư, một võ tướng văn tài,
Đời nhà Trần tướng có một không hai.
Thái bình hát những bài thơ lộng lẫy
Thời chinh chiến điều quân hô sấm dậy

Thế giới danh vang, phục tướng tài,
Vũ công, văn nghiệp có không hai.
Ngàn xưa sông núi thiêng hùng khí
Gương sáng ngàn sau một chí trai.
Hàng năm hoa đuốc cánh hồng,

Đền thuyền sóng nước khúc sông thưở nào.
Đền thờ Vạn kiếp vươn cao,
Khách hành hương mau ra vào hương yêu.
Đại vương nghĩa cả, chí siêu,
Cứu dân, cứu nước đến điều kiên trinh.
Còn non, còn nước, còn tình,
Lục - đầu bến cũ bóng hình chưa phai
Sông Hồng triều sóng dậm dài,
Hai mươi tháng tám nhớ hoài muôn sau.
Bình Mông một thưở công đầu,
Hương lòng mãi thấp dâng màu suy tôn.

IV. Quyết chiến

Ba quân quyết thế cờ hồng
Đồng lòng chiến đấu, Diên Hồng ý dân

Giặc Mông cô từng bao phen bách thắng,
Trước chiến tranh, cần suy nghĩ minh quân.
Vì nước nhà, vì sách lược, thương dân
Tìm mưu trí, những nhân tài trong nước,
"Tâu bệ hạ! Nếu đầu thần chưa rút!
Xin đừng lo, ta quyết chống giặc Tàu"
Chỉ cương cường Trần thủ Độ lời tâu,
Trần hưng Đạo: "xin chém đầu thần trước!
Tâu thánh thượng nếu muốn hàng lui bước".
Khấp kinh kỳ rộn rịp hội Diên Hồng
Chiến hay hòa rung động khắp Thăng Long
Chỉ bắt khuất bùng lên sôi mạch máu,
Không lưỡng lự chỉ một đường chiến đấu.
Khấp xóm làng cả nước vang tiếng loa,
Lệnh trung cầu dân ý được ban ra.
Già đến trẻ về hội đình tấp nập,
Vang tiếng mõ mau mau về họp gấp.

Các cụ già, chòm râu trắng phát phơ,
Các trai làng gân bắp thịt dựng cờ.
Ba hồi trống đáng vang rền khai mạc,
Cụ tiên chỉ rung rung hàm râu bạc.
Giọng vang vang đọc chiếu chỉ Thượng
hoàng,
Hỏi ý dân quyết chiến đấu hay hàng.
Vua đọc hết các cụ già đứng dậy,
Cụ già nhất yếu chân run lấy bầy
Cũng pheù phào "Đánh" nhất định không hòa,
Toàn hội trường hô "Đánh" lớn hơn loa.
Một ý chí, một lời thề cắt máu,
Quyết đánh mãi! còn một người cũng đấu!

V. Sát Đát

Sông thao ngoài bên Việt trì,
Anh hùng "Sát Đát" tiếc gì núi sông.

Cậy sức mạnh! Quân nhà Nguyên xâm lấn,
Ta động binh quyết chống giặc dài lâu,
Trần thái Tông chiến thắng Đông bộ đầu.
Thua, mỗi một quân Mông thành giặc Phạt,
Non nước Việt trong khí hùng cao ngất.
Giặc trả thù ta cả nước đề phòng.
Nước anh hùng của muôn thưở Bình Mông.
Quân tài bạo sai Sài Thung hống hách
Nước Văn học, ta hiếu hoà, dám trách!...

Sông Bình Ô than hạp tất cả vua quan,
Hung đạo Vương Tổng thống lãnh đầu quân.
Trước cường địch, ta sẵn sàng nghênh chiến,
Lòng yêu nước, tình thương nòi thể hiện.
Lệnh Đại Vương hạp tất cả vương hầu.

Tổng duyệt binh, tại bến Đông bộ đầu.
Trần quốc Tuấn uy hùng trong giáp sắt,
Hồng bảo kiếm, chói ngời loe nắng gắt.
Đại chiến thuyền đỏ rực mắt giao long,
Làn gió thần, mở khép áo bào hồng.
Ngàn chiến hạm! cuời hung hăng sóng bạc,
Quân hò réo ầm ầm hơn nước thác!
Ngọn trường thương lấp lánh cả vòm trời,
Sáu ngọn sông sợ sệt nước chơi vơi.
Đoàn hồ tướng vòng tay ra đón lệnh:
"Đền ân nước, toàn quân hết sức đánh!
Tiếng "xin thề" bùng nổ sấm âm vang.
Lệnh điểm binh hai chục vạn hàng hàng.
Hô "Sát Đát" núi kề sông đá lở! (7)
Thích "Sát Đát" cánh tay trần rực rỡ
Cả rừng tay, bỗng chốc vụt giờ cao,
Làm cuồng phong, làm mây chuyển, sóng
gào.
Từng quân chiến đã sẵn sàng sức mạnh. (8)
Từng người lính lòng xông xáo quyết đánh,
Cồng chiêng vang lễ hùng tế dâng cờ
Hội trống đồng ban nghiêm lệnh quân cơ.

VI. Trận Biên ải

Vó ngựa hề cất cao,
Lấp lánh hề ngọn giáo
Bảo tên đỏ ào ào
Cánh tay hề thô bạo
Bờm ngựa hề dựng đứng,
Ngựa thở hề mây mờ.
Tráng sĩ hề đứng sững,
Lưỡi sắc hề đao to.

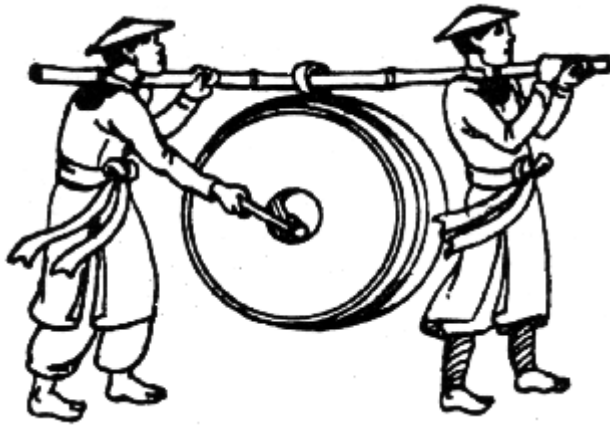
Dù cho bách thắng nơi nao,
Non sông Việt chớ đụng vào mà thua.

Nắm chặt kiếm, ghi trường thương nghênh
chiến,
Quân Việt nam hăng khí thể diệt thù,

Ài Nam quan ghi chiến tích ngàn thu.
Loa trống trận vang hùng trên trận địa,
Bao mãnh thú chạy dài bay mất vía.
Tay cầm khiên gân guốc nổi như thùng,
Hô xung phong hô gầm tiếng vang lừng.
Nắng cháy đỏ trên vai bờ áo giáp,
Tay ghi chặt giây cương, thân cúi rạp.
Hàng nổi hàng biển ngựa ngập cánh đồng,
Sắc đen nâu loài chiến mã quân Mông
Rừng gươm ánh trong nắng trời nháng lửa,
Bay hùng dũng rực cò vàng một nữa.
Thấp mây bay giáo chọc thủng vút cao,
Khí thế hùng dâng lượng biển sóng trào.
Loé áo giáp gồ lên mu ngực thép,
Luôn chân giậm ngựa câu sùi bọt mép.
Ráng mây hồng máu thấm đỏ mặt trời,
Mây vội bay sợ chiến trận chơi voi.
Tiếng ngựa hí, tiếng tù và, tiếng thét,
Hú man rợ, tiếng kêu la, tiếng hét...
Nửa sắc dài, xé nát vó ngựa Mông,
Ngọn trường thương tẩm đẫm máu giặc hồng.
Thế nước mạnh, giặc luôn luôn tăng phái,
Núi Kỳ cấp nơi bất phân thắng bại.
Ý thế đông giặc chiến thuật biến người,
Để bảo toàn ta rút giữ miền xuôi.
Giật đột phá, cướp, giết người tàn bạo,
Ta nhất trí, dân thương quân chiến đấu.

VII. Xôn xao tiếng hịch

Hịch vàng hê kích thích,
Hai mươi vạn quân Nam.
Quyết tâm hê chống địch
Bảo vệ hê giang san
Hịch vàng muôn cánh tay thê,
Quyết tâm chiến đấu giữ quê, diệt thù.



...

Ta đây,
Ngày thì quên ăn,
Đêm thì quên ngủ.
Ruột đau như cắt,
Nước mắt đầm đìa.
Chỉ cảm tức rằng chưa được xả thịt, lột da của
quân giặc.
Dầu thân này phơi ngoài nội cỏ,
Xác này gói trong da ngựa thì cũng đành lòng
(Lời Hịch của Đức Trần Hưng Đạo,
dịch Trần trọng Kim)

Im phăng phắc sóng hàng quân biên lính,
Từng lời uống xoáy vào hồn tiếng hịch.

Gân xôn xao mà gan óc nao nao,
Thớ thịt rung tim dồn dập máu ra vào.
Hơi thở lẹ, nổi da gà xúc động,
Nghĩen răng lại: Thù không còn một mống.

VIII. Rút khỏi Thăng Long

Quân địch hễ giày xéo,
Lên gắm vóc giang san.
Lo bão toàn dân Nam,
Điều binh hễ khéo léo.
Thủ đô hễ mây mờ,
Địch tràn vô xông xáo!
Thăng long vắng bóng cờ,
Quân thù hễ thô bạo.
Thăng long mờ mịt thức mây
Giặc tràn cướp phá, thành gầy tang thương.

Giặc Mông cổ đồn quân: Thăng long mất,
Chúng giết hết những cánh tay "Sát Đát".
Ta hộ vệ xa giá xuống Thiên - trường, (Nam
định)
Nghị binh, rồi quay trở lại Hải dương.
Đánh bọc hậu chiến mưu loài Mông cổ,

IX. Chiến thắng Hàm tử

Con cò bay lả bay la,
Bay qua Hàm tử bay về Thăng long.
Xôn xao sóng nước sông Hồng,
Tin mừng thắng trận muôn lòng tung hô
Quân quân oai dũng tể cò,
Nghiêng bầu rượu thắng, lời thơ trầm hùng.

Hàm tử quan!
Hàm tử quan
Thắng trận đầu
Cứu giang san
Ngựa Mông sút vó
"Cầm hồ Hàm tử quan"
Nước Việt còn đó
Lạc Hồng muôn năm!
Đẹp thay một thưở dâng cờ,
Tin đưa thắng trận còn ngời chiêm bao.

Tiếng ngựa hí, tiếng thét vang xung kích,
Một trường kiếm suốt qua người tướng địch
Máu đỏ dòng như kích thích say men,
Biển quân ta tràn sóng ngập phủ lên.
Thuyền của giặc không có còn lính giặc,
Bến Hàm Tử Giặc lên bèn trôi xác.
Lá cờ vàng tung tóe máu quân Mông,
Chiêu văn Vương chuôi kiếm bạc thành hồng
Chiến thuật giỏi quân xung phong phục kích
Trần nhật Duật phá tan tành quân địch.

X. Giải phóng Thăng Long

Ta gan hề cướp giáo!
Lũ giặc hề xâm lăng,
Giết loài quân tàn bạo!
Phát phối lá cờ vàng
Thăng long hề yêu dấu

Thăng long một thưở rồng vàng
Chôn thiêng nước Việt thành vàng dân Nam.

Thừa thắng lên ta giải thoát Thăng long,
Chiến thuyền ta vang réo sóng sông Hồng.

Chương dương độ tướng Trần quang Khải,
Chiến thuyền giặc tan tành lui tháo chạy.
Bỏ cả thành Thoát Hoan phải chạy dài,
Việt cờ vàng ngạo nghễ nắng ban mai.
Thành xưa đó, uy linh hùng xưa đó,
Mây thiêng phủ, sóng cờ vàng lộng gió.
Muôn quân reo hùng khí lễ dâng cờ,
Ngàn sao trời nghiêng nghiêng xuống thành
đô.
Trần quang Khải ngâm bài thơ cảm khái:

"Đoạt sáo Chương -dương độ,
Cầm hồ Hàm tử quan.
Thái bình nghi nỗ lực,
Vạn cổ thử giang san."
(Nét chữ cụ Trần Dương)

Chương - dương cướp giáo giặc,
Hàm - tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy nghìn thu
(Trần trọng Kim dịch)

Thăng long quý, thành vàng nay lấy lại.
Vang vọng tiếng quân ca:
Thăng long nay lại về ta,
Ngoại ô năm cánh đóa hoa mai vàng.

Quân hò chiến thắng vang vang,
Tình kỳ rợp đất hàng hàng tiến quân.

XI. Chiến thắng Tây kết

Tây kết hề Tây kết,
Quân thù lui chối chết.
Một nước Việt vàng son
Muôn thế hệ vẫn còn.

Về Tây kết Toa đô sai thám thính,
Bỏ Thiên trường vì lo sợ quân ta,
Khi biết tin Thoát hoan đã chạy xa.
Lo sợ quá thành án binh bất động,
Trần hưng Đạo muốn dụng tâm bắt sống.
Chặn các đường không cho giặc thông tin,

Dẫn đại quân quá phần khởi tiến binh.
Ta đóng trại chặn các nơi hiểm yếu,
Giặc quá sợ nên giặc đành phải liệu.
Bỏ chiến thuyền chúng chạy bộ tháo lui,
Ta quyết tâm bắt phá giặc từng người.
Quân cung mã quyết chặn đường phục kích,
Rừng tên độc mưa liên miên phía địch.
Vọng tiếng loa vào vách đá vang vang,
Các đỉnh non toàn lộng gió cờ vàng.
Thân bách chiến Toa đô đầy tên độc,
Đội xung kích quân ta ào đồ dốc.
Cả chiến trường đầm máu lá, cỏ, cây
Óc, tủy văng tung toé cả cảnh gầy.
Toa Đô chết, Ô mã Nhi chạy thoát,
Thương dừng liệt, lấy áo bào phủ xác.
Đề nêu gương, vua mến đức trung trinh
Thu chiến thuyền, bắt ba vạn tù binh.

XII. Đại thắng Vạn kiếp

Đại thắng hề Vạn Kiếp
Lạc Hồng hề anh liệt
Hùng cứ hề trời Nam
Quả cảm nòi giống Việt
Chiến trường Vạn Kiếp ra tay
Loài quân bách thắng có ngày tan hoang.

Toa Đô chết, Ô mã Nhi tháo chạy,
Những tin dữ làm Thoát Hoan lạnh gáy.
Hưng đạo Vương sai phục kích chặn đường,
Sai hai con đường đi đến Hải-dương.
Ngăn chặn địch về châu Tư minh lối rút,
Dò động tĩnh địch từng giây, từng phút.
Thoát Hoan lui đến Vạn Kiếp đại binh,
Thắng trong tay, ta biết hết địch tình.
Phá một trận, giặc chết còn phân nửa,
Quân Nguyễn Khoái tiến nhanh hơn gió lửa.
Chui ống đồng Thoát Hoan thoát cho nhanh.
Năm triệu quân trong sáu tháng tan tành
Đại Vinh thắng chói ngời trang chiến sử,
Khắp cả nước từ vua, quan, lê thứ.
Khải hoàn ca vang chiến thắng vàng son,
Việt giang san ngàn thế hệ trường tồn.

Quá rạng rỡ quốc hồn,
Quá linh thiêng quốc sách.
Dòng sông chảy réo sôi vui chiến thắng,
Nghiêng kính cần núi Ba Vì im lặng.
Nước sông Thao, réo rất nhạc hòa âm,

Tiếng hoan hô âm sấm động sông Gầm.
Trường sơn gió bay tin mừng cả thể,
Nước Nam Hải triều dâng lên cửa lễ.
Đêm hoa đăng thấp sáng vạn tinh cầu,

Rượu tràn thơ ngâm sảng khoái từng câu.
Người tráng sĩ trong tiếng cười ngạo nghễ.
Vỗ đốc kiếm, hò khúc ca thể hệ
Một mùa hè mà hoa nở mùa xuân,
Xông hương trầm thơm ngọn giáo bao lần.
Đua mở hội một ngày hè đại thắng,
Dân phấn khởi rượu khao quân suốt tháng
Nước non thiêng khởi sắc giống Tiên rồng,
Sen ngạt ngào từng thớ đất Thăng long.
Mây ngũ sắc phủ màu cờ thắng trận
Vó Mông cổ chỉ chùn chân một bận
Quá bàng hoàng thế giới kính nghiêng mình.

XIII. Chiến thắng Vân Đồn

Đánh lăm hè thua dữ,
Còn đánh hè còn thua.
Lê thứ, quân, quan, vua,
Kết đoán hè có đủ.

Đình đánh Nhật, quân Nguyên sang phục hận,
Thêm ba trăm chiến hạm đề tăng cường,
Ba trăm ngàn lính chiến đủ quân lương.
A bát Xích, Ô mã Nhi, Lỗ Xích,
Trương văn Hổ lại cộng thêm Phàn Tiếp.
Phù thủy cao tay tên tiến sĩ Nguyễn Nhan, (9)
Mượn chiêu bài Trần ích Tắc Việt gian... (10)
Sôi ánh thép quân ta còn đợi lệnh,
Tướng, sĩ tốt, quyết lo tròn sứ mệnh

Vân đồn hè quân ta,
Chuyển bại hè thành thắng

Loa quân Mông câm lặng.
Giáo ta hè nở hoa.
Hùng thay một trận Vân Đồn,
Quân lương Mông cổ không còn một cân.
Máu thù ướm giáo kiếm đầu,
Quân ta chiến thắng khởi đầu đợt hai
Quân ta đánh bậc giặc ngoài.

Lương sắp cạn, Ô mã Nhi đi lấy,
Trần khánh Dư đi đón đánh chặn đường,
Ta bị thua, giặc vận tải quân lương.
Tướng quyết đánh để đái công chuộc tội,
Cho đi trước, ta cướp lương đoạn hậu...
Lửa cháy bùng trên những cánh buồm nâu,
Khói mịt mù đen hắc ín một màu.
Dòng sông lửa chảy dài nung mảy dăm,
Những mảng lửa lênh bênh loang máu đậm.
Những thuyền lương cháy lửa gạo ra tro,
Cá, tép, tôm, chết trong lò nướng khổng lồ.
Mùi khét lẹt, bay tung trời tro bụi,
Đầy thuyền đắm ngẹt sông đầu mũi chúi.

XIV. Chiến thắng Bạch Đằng

Trường giang sóng nước đi về,
Nước xuôi Nam hải gươm thề vang vang.
Bạch đằng hề sóng dữ,
Một thuở hề Nam quân.
Sông vàng hề lịch sử,
Đại thắng hề giặc tan.
Tiếng ca hề nhấn nhủ:
Giặc ngoài ghi khắc lời ta,
Xâm lăng cướp nước đừng qua Bạch Đằng.

Sóng Bạch Đằng lô xô tràn lớp lớp,
Ngày thiêng liêng hùng dũng tiếng quân reo,
Chiến thuyền Nam một sớm thả buồm neo.
Trần nguyên soái duyệt hải quân nước Việt,
Trời xanh biếc, nước trường giang xanh biếc.
Vạn quân reo sóng thức dậy nhấp nhô,
Lá rung mình nhựa kích động vùng hô.

Hàng hàng quân phăng phắc,
Hàng hàng giáo, đao, cung.
Từng tay đồng chữ khắc,
Ánh loé mu khiên đồng.
Sấm âm vang "Sát Đát"

Chiến thuyền Nam rừng giáo xếp dài hàng.
Nét oai phong lưng gió uốn cờ vàng.
Đoàn thủy quái của hải quân Đại Việt,
Những thủy mã, bày kinh ngư bạc thép.
Những chiến thuyền dữ tợn nét giao long,
Cựa, chân vàng, thân xanh biếc, mắt hồng

Mũi nhọn hoắt những chiếc thuyền xung kích,
Mạnh, nhanh, gọn một đoàn thuyền dụ địch
Đoàn thủy long uốn khúc giải sông vòng,
Thuyền chỉ huy súng lớn mũi bọc đồng.
Rừng cờ phướn réo lời qua tiếng gió,
Nét lớn đỏ một chữ NAM rực rỡ.
Mũi đại thuyền Trần nguyên soái uy nghi
Mây nín khe sóng gió nói thầm thì
Thanh trường kiếm chỉ dòng sông lịch sử
" Ta gươm thề không phá xong Mông cổ
Quyết không về trên bến nước Sông Rừng"(II)
Tiếng xin thề như sấm núi vang lừng.
Ngàn đoàn kiếm vọt sát trên sóng nước,
Đoàn quân hổ quyết không hề lui bước.

Tướng điều quân xong nhiệm vụ thì hành,
Ngọn cọc dài bịt sắt cấm cho nhanh
Xuống sông trước lúc thủy triều như biển cả,
Quân mai phục đã sẵn sàng tất cả.
Tướng nhà Trần khiêu chiến với quân Mông,
Ô mã Nhi tức giận hét xung phong.
Xua thuyền chiến quyết quyết đuổi theo bắt sống.
Bỗng hô "sát" tiếng bùng vang sấm động.
Đại hải quân Trần hưng Đạo tăng cường,
Đại giang thuyền, đoàn xung kích trường thương.
Giặc quay chạy, nước thủy triều rút xuống,
Thuyền địch vương rừng cọc dài luống cuống.
Vỡ tan tành, địch thất bại ê chề,
Những chiến thuyền trôi tan tác lá tre.
Sông máu địch tràn dòng loang sóng biếc.
Bị bắt hết Ô mã Nhi, Phàn Tiếp
Bốn trăm thuyền lớn ta bắt tịch thu,
Tích Lệ, cơ ngục bao nhiêu quân bị cầm tù.
Cùng khí giới, quân nhu vô số kể,
Đại chiến thắng, lưu truyền muôn thế hệ.
Dòng sóng thần sôi réo khúc ca vang
Khúc khải hoàn âm nhịp sóng Bạch Đằng.
Thiên hôn nước thêm một lần oanh liệt.
Núi Con Voi phủ phục bái nghiêng mình,
Sông Chảy suy tôn đại thắng hùng binh.
Vui nhảy nhót nước lao dòng sông Mã,
Chậm lưu lượng vì vui mừng sông Cả.
Lòng nao nao tin chiến thắng Hồng Hà,
Vừa hoan ca, vừa ngây ngất sông Đà.
Thác sông nước mau hội về sông Đuống,
Cùng vạn kiếp suy tôn VƯƠNG thần tượng.

Đại Lược Về Quan Chế

Nguyễn Thị Chân Quỳnh

*Tuổi mới 12 vào Thái học,
Đến năm 16 dự thi Đình,
24 tuổi làm quan Gián,
26 tuổi sang sứ Yên-kinh.
Nguyễn Trung Ngạn (1)*

Trước nhà Lý, sử sách chỉ chép rất sơ lược về quan chế Việt Nam : Thời Hùng Vương nước ta có các Quan Lang, Lạc hầu, Lạc tướng... ; thời Ngô Quyền đặt đủ trăm quan, dựng nghi lễ triều đình và định sắc áo mặc...

Kể từ nhà Tiền Lê, quan chế nước ta bắt đầu rập theo khuôn mẫu Trung quốc : "Năm 1006 Lê Long Đĩnh sửa quan chế theo nhà Tống". Tuy nhiên, *An-Nam Chí Lược* ghi rõ : "Nước ta từ nhà Đinh mới chịu tước phong vương của nhà Tống nhưng ở trong nước tự đặt danh hiệu, đặt quan có chức *Chánh* và *Tiếp*, tựa như phẩm, tòng".

I - QUAN CHẾ Ở TRUNG QUỐC

Ban đầu xã hội Trung quốc không phân biệt giai cấp. Từ vua Phục Hy (4486-4365) về trước nước gồm các bộ lạc gọi là chư hầu, người cầm đầu gọi là Hậu, đứng đầu các Hậu là Nguyên hầu hay Đế.

Hoàng đế (2698-2597) đem đất đai phong cho những chư hầu nào từng phục mình, được chư hầu tôn làm Cộng chủ, tức Thiên tử. Từ đó bắt đầu chế độ phong kiến (2), mới chia thành hai giai cấp : quý tộc và thứ dân, quý tộc nắm chính quyền.

Sang đến thời Chiến quốc (479-221) chế độ phong kiến sa sút, thứ dân thay quý tộc cầm quyền chính, có bốn giai cấp : sĩ, nông, công, thương (sĩ đứng đầu).

1 - Thời Đường, Ngu (3)

Tuy Thiên tử là chúa tể mà tuyển dụng quan chức phải hỏi ý kiến mọi người và đặt chức quan chỉ có 100 người.

Trung ương có Bách quỹ (Tể tướng), Tứ nhạc (bốn Chúa chư hầu đứng đầu bốn phương). Dưới quyền Bách quỹ có 9 chức quan :

Hậu tặc coi việc nông ;
Trầm ngu coi sản vật tự nhiên ;
Cung công coi việc công ;
Sĩ coi về hình pháp ;
Tư đồ coi về giáo dục ;

Trật tông coi về lễ ;
Điền nhạc coi về nhạc ;
Tư không phụ trách địa lợi, thiên thời ;
Nạp ngôn coi việc tấu đối (4).

Vua Thuần chia nước làm 12 châu, mỗi châu cất một Chúa chư hầu làm kẻ chặn dân có quyền coi các chúa chư hầu nhỏ khác. Thập nhị Mục thuộc quyền Tư nhạc, Hầu Bá nhỏ hơn một bậc (5).

Vua Nghiêu, vua Thuần truyền ngôi cho người hiền năng, không truyền cho con.

2- Thời Hạ, Thương (6)

- Số quan nhiều gấp đôi.

Nhà Hạ đặt Tam Công (Thái sư, Thái bảo, Thái phó (= thầy, nuôi dưỡng, dạy dỗ) là ba chức lớn nhất ; Cửu khanh ; 27 Đại phu ; 81 Nguyên sĩ (7).

Nhà Ân (trước gọi là nhà Thương) đặt 6 quan Thái (Thái tể, Thái tông, Thái sử, Thái chúc, Thái sĩ, Thái bộc) ; 5 quan Tư (Tư đồ, Tư mã, Tư không, Tư sĩ, Tư khấu)...

Vua Hạ Vũ truyền ngôi cho con, bắt đầu chế độ thế tập, cha truyền con nối.

3- Nhà Chu (1134-247/221) :

Đánh xong nhà Ân, Chu Công Đán cải sửa cơ cấu quan liêu đời Thương/Ân khiến chế độ phong kiến thành hệ thống minh bạch, đặt lục quan, lục điển chia nhau làm việc, đứng đầu xã hội là Thiên tử. Vũ vương phong cho trên 70 người làm vua chư hầu, chia ra 5 bậc (Công, Hầu, Bá, Tử, Nam). Đất phong 100 dặm gọi là Đại quốc, 70 dặm là Trung quốc, 50 dặm trở lên là Tiểu quốc, dưới 50 dặm gọi là Phụ dung.

* *Chu Lễ* là bộ sách sưu tập quan chế đời Chu. Toàn bộ có 6 thiên :

- *Lục điển* (Trị điển, Giáo điển, Lễ điển, Chính điển, Hình điển, Sự điển) để dựng nước, do quan Thái tể giữ.

- *Lục quan* là :

Thiên quan Trùng tể đứng đầu, thống suất trăm quan, coi việc chính trị ;

Địa quan Đại Tư đồ giữ việc nông thương, cảnh sát, giáo dục, rèn đúc dân ;

Xuân quan Đại Tông bá giữ lễ của nước (tể tự, triều sinh...) ;

Hạ quan Đại Tư mã thống sáu quân, dẹp yên trong nước ;

Thu quan Đại Tư khấu coi về hình phạt, kiện tụng... ;

Đông quan Đại Tư không khuyến công, nông, việc thổ mộc, xét địa lợi, thiên thời.

Mỗi quan có 60 thuộc hạ (8).

* Ở trung ương, người thống trị cao nhất là Thiên tử, phù trợ có :

Tam Công = Thái sư, Thái phó, Thái bảo. Bất tất phải đủ ba người, chỉ cần người xứng đáng, bàn đạo trị nước (thời Thành Vương thì Chu công làm Thái sư).

Tam Cô / Thiếu = Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo, giúp các Công.

Lục khanh : 6 quan Thái nhà Ân giúp vua xử lý chính vụ, đứng hai bên tả hữu vua.

Lại có Ngũ quan Tư là : Tư đồ dạy học, Tư mã coi binh bị, Tư khấu coi hình phạt, Tư không quản lý nghề nghiệp, Tư thổ quản lý bản tịch, tước lộc.

Dưới Ngũ quan Tư có rất nhiều liêu thuộc.

Cứ 6 năm một lần Thiên tử đi tuần các nơi, xét chế độ ở Tứ nhạc ; 6 năm các Chúa chư hầu một lần về chầu Thiên tử.

- Ở ngoài thì chia ra các Châu, dưới Châu là Quận, dưới nữa là Lý (làng), giao cho các Đại phu hoặc kẻ Sĩ cai trị (9).

4- Nhà Tần (246-209)

- Cuối Chu, chư hầu tranh nhau xưng hùng, xưng bá. Tần Thủy Hoàng thống nhất đất nước, bỏ chế độ phong kiến, chia nước làm 36 quận, mỗi quận có :

1 Thái thú coi việc dân chính

1 Thái úy coi việc quân sự

1 Giám giám đốc, giám sát.

- Ở trung ương chính quyền trong tay Thiên tử, với ba chức độc lập là :

Thừa tướng coi tất cả chính sự

Thái úy coi binh quyền

Ngự sử đại phu can gián, kiểm soát các quan (10).

5- Nhà Hán (206 tr.TL - 220)

Nhà Tần tàn bạo, thất nhân tâm, bị mất về tay Hán Cao Tổ. Lúc đầu Hán theo chế độ quận quốc, sau thấy các vương hầu làm loạn bèn chia nước ra thành 13 châu mỗi châu gồm nhiều quận và đặt một Thứ sử coi việc hành chính các quận quốc.

Mỗi quận đặt một Thái thú và chia ra nhiều huyện. Cứ một vạn nhà trở lên thì đặt quan lệnh, dưới một vạn nhà thì đặt quan trưởng.

- Trung ương có :

Thừa tướng

Thái úy

Ngự sử đại phu

9 quan khanh, chưa chia ra từng, phẩm (11).

6- Nam Bắc triều - Nhà Tùy

Nhà Đông Tấn (265-420) - Nhà Hán suy, gây ra loạn Tam quốc, Hán mất về tay nhà Ngụy.

Nhà Tấn lên thay Ngụy, thấy nhà Ngụy vì thế cô mà mất, bèn phong họ hàng ra trấn các nơi làm vây cánh, các Thân vương tranh giành nhau gây nội loạn, ngôi vua suy.

Nam, Bắc triều (420-588)

- Phương Nam có các nhà : Tống, Tề, Lương, Trần ; phương Bắc có : Ngụy, Tề, Chu.

Nhà Tùy (581-618)

thu gồm cả Nam, Bắc triều.

7- Nhà Đường (618-907)

- Nhà Tùy chỉ được hai đời vua đã sụp đổ, chưa kịp tổ chức xã hội, nhà Đường mới thực sự thống nhất Trung quốc.

- Ở Trung ương :

Các chức Tam Công, Tam Cô là Cố vấn tối cao nhưng chỉ là hư hàm, không có thực quyền, Đứng đầu có 3 cơ quan là :

Môn hạ tỉnh chuyển mệnh lệnh vua hay báo cáo của các quan lên vua

Trung thư tỉnh giúp việc triều chính, đứng đầu là Trung thư lệnh

Thượng thư tỉnh / Nội các, đứng đầu là Đồng bình chương sự (Tể tướng) và Tả Hữu Bộc xạ.

Phụ giúp có :

Khu mật sứ

Nhất đài tức Ngự sử đài

Lục bộ

Cử tự (Thái thường tự, Quan lộc, Hồng lô, Đại lý tự...).

- Ở ngoài : Chia nước ra 10 đạo, mỗi đạo có Tuần sát sứ hỏi việc thiện ác, không trực tiếp hành chính.

Phủ có Mục doãn

Châu có Thứ sử

Huyện có Huyện lệnh.

Đô hộ phủ thì coi phiên quốc, sau cải là Tiết độ sứ (12).

8- Nhà Tống(916-1234/79)

- Nhà Đường suy, tới thời Ngũ đại, Thập quốc... Tống Thái Tổ thu về một mối, chia nước ra các lộ, phủ, châu, huyện, không đặt chính quan mà phái các quan trong triều ra cai trị bên ngoài.

Ở trung ương, chính quyền chia ba :

Đồng bình chương sự

Tam Ty

Khu mật sứ và Binh chính (13).

Nhà Tống không ban Nhất phẩm, Tô Đông Pha giữ chức Hàn lâm là Tam phẩm nhưng coi như Nhị phẩm (14).

- Định liệt hàm :

Hành là cấp bậc cao mà chức quan thấp

Thự cấp thấp mà chức quan cao (15).

9- Nhà Nguyên(1234-1368)

- Nhà Tống bị Mông cổ đô hộ, lập ra nhà Nguyên, phép cai trị tựa như nhà Tống.

Ở ngoài chia ra các lộ, phủ, huyện. Vì là dị tộc, trên còn đặt Hành tỉnh (khu vực hành chánh) cho tiện sự trấn áp. Các chức Trưởng quan đều người Mông cổ, người Hán chỉ làm Phó.

Trung ương có :

Trung thư tỉnh giữ chính quyền

Khu mật viện giữ binh quyền

Ngự sử đài giữ việc đàn hặc

Lục bộ (16).

10- Nhà Minh (1368-1660)

- Minh Thái Tổ đánh đuổi quân Mông cổ, giành lại chủ quyền, chia nước ra các đạo, phủ, châu, huyện.

- Ở ngoài có :

Ty Bô chính coi dân chính, bỏ Hành tỉnh

Ty Án sát coi hình chính.

- Ở trung ương, ban đầu theo nhà Nguyên, đặt Trung thư tỉnh và Tả, Hữu Thừa tướng, sau sợ chuyên quyền, bỏ Trung thư tỉnh, chia việc cho 6 Bộ. Lại có :

Điện các Học sĩ làm cố vấn

Đô sát viện đàn hặc, tựa như thời phong kiến.

Không có đại thần. Bắt đầu dùng hoạn quan, cho dự triều chính vì vua Thành Tổ nhờ hoạn quan mà cướp được ngôi.

11- Nhà Thanh(1616-1911)

- Trung hoa lại bị đô hộ lần nữa, dưới chế độ nhà Mãn Thanh.

- Ở ngoài, trừ phủ Phụng-thiên, đặt Phủ doãn, mỗi tỉnh đặt Tuần vũ coi việc cai trị, quân chính, trên có Tổng đốc, dưới có Bô chánh, Án sát.

- Ở trung ương, tựa như nhà Minh, không có Tể tướng, chỉ đặt Nội các Đại Học sĩ cầm quyền chính trị, quân sự, do các tước vương đại thần người Mãn nghị tâu.

Lục Bộ trưởng quan gồm một nửa người Mãn, một nửa người Hán (17).

- 1911 Nhà Thanh bị lật đổ, sang thời dân chủ, quan chế đổi.

- NGHI THỨC TRIỀU YẾT

Đời cổ, khi các quan vào triều yết không phân biệt quan văn, quan võ, chỉ hạ lệnh cho tước Công, tước Hầu chia ban thứ mà đứng.

Lễ Ký chép :

Tước Công hướng mặt về Đông (hướng Đông dành cho những người được quý trọng), tước Hầu hướng về Tây.

Lúc vua đứng yên vị ở cửa điện, chư hầu theo thứ tự tiến vào thì :

Tước Công đứng phía Tây vì địa đạo lấy phía hữu tôn hơn

Tước Hầu đứng phía Đông (18).

Thời Hán Cao Đế thì Công hầu, Liệt hầu, Tướng quân... theo thứ tự đứng ở phía Tây, ngoảnh về Đông, các quan văn đứng phía Đông, ngoảnh về Tây (19).

II - QUAN CHẾ Ở VIỆT NAM

A - QUAN CHẾ TRƯỚC THỜI NGUYỄN

1- TRƯỚC THỜI BẮC THUỘC

Thời hồng bàng - Sử chép : Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ đẻ ra một lần một trăm cái trứng, nở ra một trăm người con trai, năm mươi người theo mẹ lên núi, năm mươi người theo cha về miền Nam (có chỗ nói là Nam hải), phong con trưởng làm vua nước Văn-Lang, xưng là Hùng Vương, cha truyền con nối gọi là Phụ đạo. Con trai vua gọi là Quan Lang, tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ là Lạc tướng, các quan nhỏ gọi là Bô chính.

Nước Văn-Lang chia làm 15 bộ (Giao-chi, Cửu-chân, Chu-diên, Việt-thường...). Bộ Văn-lang là đô của vua, mỗi bộ có Trưởng tá, thế tập truyền đời giữ chức.

Lê Quý Đôn ngờ những tên này do hậu nho góp nhặt chép ra vì thời ấy ta chưa có chữ, tên 15 bộ (Giao-chỉ, Cửu-chân...) gọi lẫn lộn với tên những quận huyện do nhà Hán, nhà Ngô đặt ra.

Nhà thực (258 tr.TL) Họ Hồng Bàng mất về tay nhà Thục. An Dương Vương xây Loa thành.

Nhà Triệu (208 tr.TL) Triệu Đà lập kế kết thân với nhà Thục, cướp lấy nước Âu Lạc.

2- THỜI BẮC THUỘC

a- Bắc thuộc lần thứ nhất (111 tr TL-39 sau TL) - Hán Vũ Đế đánh nhà Triệu, lấy nước Nam-Việt cải là Giao-chỉ bộ, chia làm 9 quận, mỗi quận có một quan Thái thú cai trị. Đặt một Thứ sử để giám sát các quận.

Trong quận Giao-chỉ các Lạc hầu, Lạc tướng vẫn giữ quyền cai trị các bộ lạc (như các quan Lang miên thượng du Bắc Việt sau này).

Trung Vương (40-43) đánh đuổi xong Tô Định, ban thưởng chức tước cho các công thần như nữ tướng Lê Chân được phong làm Thánh Chân Công chúa, giao cho trọng trách Chương quản binh quyền Nội bộ (như Tổng Tư lệnh quân đội) đóng đại bản doanh ở Giao-chỉ ; Trưởng Nội các Đông phương, Tả cung Thị nội Xuân nương Phùng thị Chính... những chức tước này nếu đúng là thật thì cho thấy Trung vương chưa kịp sửa quan chế, còn chịu ảnh hưởng Trung quốc (20).

b- Bắc thuộc lần thứ hai (43-544) - Mã Viện đánh Trung Vương, đem Giao-chỉ thuộc nhà Đông Hán như cũ, biến cải cách cai trị các châu quận.

Nhà Tiền Lý (544-602) Năm 541 Lý Bôn chiếm lại Giao-châu, xưng là Nam Việt Đế, đặt trăm quan văn võ, dùng điện Vạn-thọ làm nơi triều hội, Tinh Thiều làm tướng văn, Phạm Tu làm tướng võ, Triệu Túc làm Thái phó.

Triệu Việt Vương (549-571) - Lý Nam Đế thua quân Lương, binh quyền giao cho Tả tướng quân Triệu Quang Phục. Triệu Quang Phục xưng là Việt Vương.

Lý Phật Tử chống lại Triệu Việt Vương, đánh lấy Long-biên, xưng đế hiệu, sau bị nhà Tùy đem quân sang đánh phải xin hàng.

c - Bắc thuộc lần thứ ba (603-939) - Giao-châu bị nội thuộc nhà Tùy, rồi nhà Đường. Nhà Đường chia Giao-châu thành 12 châu, đặt An-nam Đô hộ phủ.

Mai Hắc Đế - Mai Thúc Loan chống quan nhà Đường, chiếm vùng Hoan-châu, xưng đế, sau thua quân Đường rồi mất.

Bố Cái Đại Vương- Năm 791 Phùng Hưng chiếm Đô hộ phủ, được mấy tháng thì mất, dân tôn là Bố Cái Đại Vương. Con là Phùng An xin hàng nhà Đường.

3 - NHÀ NGÔ

- Năm 938 Ngô Quyền thắng quân Nam Hán ở Bạch đằng giang. 939 xưng vương, đặt quan chế, dựng nghi lễ triều đình, định sắc áo mặc.

4 - NHÀ ĐÌNH

- Năm 968 Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 Sứ quân, lên ngôi, tức là Đinh Tiên Hoàng

Năm 971 Đinh Tiên Hoàng bắt đầu định giai phẩm các quan văn võ và tăng đạo :

Nguyễn Bặc làm Định quốc công

Giang Cự Vọng làm Nha hiệu

Lưu Cơ làm Phó Đô hộ phủ Sĩ sư (*Sĩ sư* là chức quan coi việc hình án ở kinh sư, đứng đầu tư pháp trong nước)

Lê Hoàn làm Thập đạo tướng quân (đứng đầu quân đội)

Ngô Châu Lưu (tức Khuông Việt Đại sư) làm Tăng thống (đứng đầu các tăng đạo)

Trưởng Ma Ní làm Tăng lục đạo sĩ (Tăng lục là chức thứ hai coi các tăng đạo)

Đặng Huyền Quang làm Sùng chân uy nghi (quan coi về đạo giáo).

Lại có các chức Thái úy, Nha nội chỉ huy sứ, Chi hậu nội nhân... (21).

974 Nước chia làm 10 đạo quân, mỗi đạo 10 quân (1 quân gồm 10 lữ, 1 lữ = 10 tốt, 1 tốt = 10 ngũ, 1 ngũ = 10 người) (22), đứng đầu là Thập đạo Tướng quân.

Theo *An Nam Chí Lược* thì tứ nhà Đinh mới chịu vương tước của nhà Tống gia phong nhưng ở trong nước vẫn tự đặt danh hiệu : quan có chức "chánh" và "tiếp" tựa như "phẩm" và "tùng".

5 - NHÀ TIỀN LÊ

- Cuối nhà Đinh, quyền chính trong tay Lê Hoàn. Khi quân Tống đem quân sang đánh, Lê Hoàn được tôn làm vua, tức Lê Đại Hành.

980 Lê Đại Hành đặt các chức :

Thái sư : Hồng Kính (người Trung quốc)

Thái úy : Phạm Cự Lượng

Đại Tổng quản trị quân dân sự : Từ Mục, như Tể tướng

Nha nội Đô Chỉ huy sứ : Đinh Thừa Chính, thống lĩnh toàn bộ binh quyền.

1006 Lê Long Đĩnh sửa quan chế theo nhà Tống.

6 - NHÀ LÝ

- Năm 1010, Lý Thái Tổ phong quan chức cho các người thân thuộc và công thần có các danh hiệu : Thái Sư, Thái phó, Thái bảo, Tổng quản (đứng đầu quân đội), Tướng công (đứng đầu quan văn trong triều, sau mới đặt Tể tướng), Khu mật sứ (giữ việc cơ mật trong triều), Viên ngoại lang (sứ bộ đi cống, dự chính sự ở Thượng thư sảnh), Tả Hữu Kim ngô (giữ quân cấm vệ, bảo vệ cung cấm), Hóa đầu (như đội trưởng), Cấm quân, Tả Hữu Võ vệ (đi hộ tống khi vua ra ngoài). Các chức khác theo nhà Tiền Lê.

1042 Bấy giờ việc kiện tụng bề bộn, nhiều người bị oan uổng, vua sai quan Trung thư soạn bộ *Hình Thư* là bộ sách đầu tiên định rõ pháp luật minh bạch : định lại luật lệnh, phân ra từng loại, từng khoản (cách tra hỏi, hình phạt...), tham bác, châm chước cho thích hợp thời thế, rất tiện lợi.

1089 Định quan chế văn võ đều có 9 phẩm, nhiệm kỳ 9 năm.

A- Quan trong, ở trung ương

- Các đại thần :

Tam Thái / Tam Công (Thái sư, Thái phó, Thái bảo),

Tam Thiếu (Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo)

(Phụ quốc) Thái úy (nắm binh quyền), Thiếu úy (coi cấm binh),

Nội ngoại Hành điện Đô Tri sự.

Kiểm hiệu Bình chương sự.

a- Văn ban :

Thượng thư sảnh (có các chức Thượng thư, tả hữu Bộc xạ, tả hữu Thị lang, Viên ngoại lang...)

Trung thư sảnh chuyên nghĩ mọi việc để tâu vua, định luật lệnh, vâng truyền mệnh lệnh, tuyển bổ các quan (các chức Trung thư Thị lang, Xá nhân...).

Tham tri chính sự bàn về chính sự.

Ngự sử đài giữ việc đàn hặc các quan (Ngự sử đại phu, Giám nghị đại phu...)

Hàn lâm viện Học sĩ soạn chế cáo của vua.

Văn minh điện Học sĩ, chức quan của Nội thị sảnh.

Nội thị sảnh hầu cận vua (Tri nội ngoại sự, Hành điện nội ngoại Đô tri sự, Nội thị nội thường thị...)

Hành khiển là Trung quan tức Hoạn quan, gia thêm danh hiệu Nhập nội Hành khiển Đồng Trung thư môn hạ Bình chương sự chức hàm rất trọng, giữ then chốt chính sự (như Tể tướng).

Đình úy giữ việc hình án.

Đô hộ phủ Sĩ sự xét các án còn ngờ.

Phò mã lang.

10 Thư gia.

b- Võ ban :

Viên chỉ huy tối cao là Đô thống, rồi tới Nguyên suý, Tổng quản Khu mật sứ (nắm quyền binh, đối lập với Trung thư sảnh).

Đặt ra 10 quân Cấm Vệ để bảo vệ vua và kinh thành, trại quân đóng quanh cả trong Cấm thành. Có các chức : Tả Hữu Kim ngô Vệ Thượng tướng, Kim ngô Đô lãnh binh sứ, Tả Hữu Vũ Vệ Tướng quân, hàm Vệ, Thượng tướng quân, Đại tướng quân, Tướng quân... (23).

Điện tiền Đô chỉ huy sứ coi các ban trực ở trước điện.

Kinh sư lưu thủ thì chọn một thân vương đại thần giao cho ở lại giữ kinh thành khi vua ra ngoài.

B - Quan ở ngoài (các lộ, trấn) :

a- Văn ban :

Châu mục coi các châu ở biên giới (các chức Tri châu, Thông phán, Tổng quản...)

Quan ở phủ có Tri phủ, Phán phủ sự...

b- Võ ban :

Đô thống tướng quân, Chư lộ trấn trại quan...

Ngoài ra còn các chức : Tứ sương quân (quân đóng bốn mặt thành), Đô thống thượng tướng quân (coi việc binh, quan ngoài), Hữu nhai Tăng thống quan (đứng đầu tăng quan), Chi hậu quan (hầu bên vua, giữ việc truyền lệnh, đưa người ra vào), Nội nhân quan (để sai bảo trong cung), Thị nội quan (chầu hầu trong cung), Học sĩ các điện, Hàn lâm viện Lang trung, chức trọng, dùng Hành khiển... Chức Thượng thư bắt đầu có nhưng chưa rõ chia việc như thế nào (24).

- Năm 1034, vua Thái Tông hạ lệnh cho các quan khi đứng trước mặt vua thì gọi vua là "Triều đình".

Vua Nhân Tông cho các công thần 80 tuổi được chống gậy và ngồi ghế trong triều đình, đặt chức Thái úy phụ quốc kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự.

- **Tư cách để làm quan** thì dùng tuyển cử rồi tới dùng các con quan, sau mới tới người nộp tiền để vào ngạch. Con cháu thợ thuyền và kỹ nữ đều không được bổ dụng. Họ ngoại về Hoàng hậu không có công gì cũng được phong danh hiệu An quốc, Khuông quốc v.v... (25).

- **Khảo xét công trạng**: siêng năng, tài cán mà thông thạo chữ nghĩa xếp một loại, có chữ nghĩa, tài cán làm một loại, tuổi cao, hạnh thuần, biết rõ việc xưa nay làm một loại. Theo thứ tự mà trao chức vụ để tránh lạm những (26).

7- NHÀ TRẦN

Quan chế đời Trần đại khái như nhà Tống, về danh hiệu các quan có phần hay hơn đời Lý nhưng về chức sự đại lược theo đời trước mà châm chước ít nhiều.

-**Tôn phái**: Hoàng trưởng tử phong tước Đại vương, con thứ phong Vương, thứ nữa là Thượng vị hầu, con trưởng của Vương được phong Vương, con thứ phong Thượng vị hầu.

Từ trên xuống dưới : Vương, Thượng hầu, Tiếp hầu, Minh tự (các quan hầu cận thêm chữ "nội"), Tiếp Minh tự, Đại liêu ban, Thân vương ban, Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Tể tướng hoặc Tư đồ Tả Hữu Tướng quốc.

Theo Ngô Thì Sĩ thì Vương hầu ở nhà riêng ở làng, khi làm Tể tướng mới giữ việc nước nhưng chỉ cầm đại cương, quyền hành ở Hành khiển, để bảo toàn danh dự cho tôn thất. Lệ cũ người cầm quyền đều là tôn thất, đến vua Anh Tông mới không kể thân sơ, dùng người ngoài (27).

Ngoài các đại thần văn ban, võ ban còn có Tăng quan (Quốc sư, Tăng thống...), Đạo quan (Đạo lục, Uy nghi...). Công việc chia cho các Quán, Các, Sảnh, Cục, Đài, Viện. (28).

* Đại yếu quan chế đời Trần :

A- Quan trong, ở trung ương :

a- Văn ban :

3 chức Thái, 3 chức Thiếu (sư, phó, bảo) coi cả việc quân việc dân, không phải như xưa chỉ có trách nhiệm bàn về trị đạo.

Tam Tư : Tư đồ, Tư mã, Tư không (thời Lý chưa có).

Thượng tể, Thái tể (Tể tướng) thì thêm danh hiệu tả hữu Tể tướng quốc Bình chương sự dành cho Thân vương thôi.

Đại hành khiển (trước chỉ dùng hoạn quan, từ 1267 dùng người có văn học).

Thứ tướng thêm danh hiệu Tham tri chính sự, Nhập nội Hành khiển hoặc thêm tả phù hữu bật, tham dự triều chính.

Trung thư sảnh (Trung thư lệnh, Thị lang, Giám nghị đại phu, Tham nghị...) giữ việc đề nghị lên vua, vâng truyền mệnh lệnh).

Khu mật viện (Tham tri chính sự, Đại sứ, Phó sứ...).

Môn hạ sảnh (Hành khiển, Lang trung, Viên ngoại lang...) giữ việc vâng theo lệnh chỉ của vua.

Thượng thư sảnh (Hành khiển, Bộc xạ, bộ Thượng thư, Lang trung, Viên ngoại...) vâng lệnh chỉ của *Thượng hoàng*.

Tuyên huy viện (Đại sứ, Phó sứ...) giữ sổ sách các Ty, các ban trong cung, việc tế tự triều hội).

Thẩm hình viện (Đại lý chính) định tội khi tụng án đã thành.

Bí thư sảnh (Bí thư giám, Hiệu thư...) giữ việc kinh tích đồ thư, quốc sử thực lục, thiên văn nhật lịch).

Quốc sử viện (Đề điệu, Giám tu quốc sử...).

Tập hiền viện (Học sĩ...), giảng sách, bàn đạo trị nước với vua.

Thái sử cục vốn là Tư thiên giám (Thái sử lệnh, Thị hậu nghị lang...).

Tam quán học sinh : Thái học sinh, Thị thần học sinh, Tướng phủ học sinh.

Nội thị sảnh (Nội thị, Thiên chương các Học sĩ...) hầu vua tuyên chế lệnh.

Hàn lâm viện (Học sĩ, Thừa chỉ...) phụng ngự.

Sáu cục chi hậu (lấy vương hầu, tôn thất).

Mười thư gia (Nội hỏa thư gia, Ngự khổ thư gia, Chi hạ thư gia, Lệnh thư gia...) là quan trong nội điện.

Ngự sử đài (Ngự sử đại phu, Ngự sử trung tán, Trung thừa, Trung tướng...).

Tam Ty viện (trước là Đô vệ phủ) xét các án ngờ.

Đình úy viện (vốn là Đăng văn viện) tra xét hình án.

Thái y ty chữa bệnh trong cung.

Thái chúc ty coi lễ nhạc.

Tôn chính phủ giữ công việc họ hàng vua.

Quốc tử giám (Tư nghiệp dậy Hoàng tử).

b- Võ ban

Thái úy, Thiếu úy.

Phiêu kỵ Thượng Tướng quân (dành cho Hoàng tử hoặc thân vương), chỉ huy tối cao của quân đội.

Điện súy đô áp nha Thống chế coi các quân ngự tiền, Đại doãn, Tổng quản, Đại An phủ sứ...

Cấm vệ Thượng Tướng quân, Kim ngô vệ Đại Tướng quân (cấm quân, mỗi vệ có Đại tướng quân, Tướng quân, Giám quân, Đại đội trưởng), Đô Thống chế...

B- Quan ngoài (ở các lộ, trấn) :

Văn : Kinh lược sứ, Quan sát sứ, Đô hộ phủ, An phủ sứ, Phó sứ, Tri phủ, Trấn phủ sứ, Tri châu, Lệnh, Thông phán, Tào vận sứ, Chuyển vận sứ, Đề hình ty, Khuyến nông ty...

Võ : Mỗi lộ có một bộ quân, đứng đầu là Lộ Tướng quân. Dọc biên giới đặt Phòng ngự sứ. Vùng biển có Binh Hải quân.

*** Luật lệ :**

1246 Định cứ 15 năm một lần duyệt bậc, 10 năm một lần thăng tước, 15 tháng thăng chức một bậc.

1288 Lệ cũ phạm có tuyền lời vua thì viện Hàn lâm đưa bản thảo tờ chiếu cho Ty Hành khiển học tập trước để khi tuyên đọc giảng nghĩa cho dân dễ hiểu, vì chức Hành khiển chỉ dùng hoạn quan ít chữ (29).

8- NHÀ HỒ

- Nhà Hồ theo chế độ nhà Trần, chỉ thêm chức Đăng văn triều chính và đặt thêm các tạp chức : Phong quốc giám, Đại lý tự, Hương đình quan...

9-THUỘC MINH

- Đặt quan ba Ty ở Giao-chỉ : Ty Tổng binh, Ty Bố chính, Ty Án sát. Các phủ, châu, huyện thì đặt Tri phủ, Đồng Tri, Tri huyện... dùng cả người Trung quốc.

Các quan địa phương hàng năm phải lần lượt vào châu ở Yên-kinh, song năm Bính Ngọ, Tuyên đức 1, ba Ty lấy có địa phương chưa yên, xin miễn vào châu.

10 - NHÀ HẬU LÊ

- Quan chế lúc đầu tựa như nhà Trần, nhà Hồ, phỏng theo nhà Tống.

Lê Thái Tổ trao cho các đại thần văn võ là thân thuộc của nhà vua hoặc những bầy tôi có công các trọng chức : tả hữu Tướng quốc, Kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự, Tư đồ, Tư mã, Tư không (sau mới thêm chữ "Đại" như Đại Tư đồ)... Người thân tín thì thêm "Nhập nội".

1460 Thánh Tông đặt thêm bốn bộ Hộ, Binh, Hình, Công và đặt 6 khoa : Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Tây khoa, Nam khoa, Bắc khoa.

1465 đổi 6 Bộ làm 6 Viện, mỗi Viện đặt chức Thượng thư đứng đầu rồi đến tả hữu Thị lang, dưới có Lang trung, Viên ngoại...

Đổi Trung thư khoa thành Lại khoa
Hải khoa Hộ khoa

Đông khoa Lễ khoa
Nam khoa Binh khoa
Tây khoa Hình khoa
Bắc khoa Công khoa.

Đặt chức Đô cấp sự trung đứng đầu mỗi Khoa (bãi chức Hành khiển ở các đạo), đặt Tuyên chính sứ đứng đầu ty Tuyên chính, thứ nhì đến Tham chính, Tham nghị, dưới là Chủ sự (30).

1476 đổi 6 Viện ra 6 Tự (Hồng lô, Quang lộc, Đại lý, Thái thường...), đổi các lộ ra phủ.

- **Lưu lệ** : 1486 Các quan ở ngoài không được lấy đàn bà con gái trong hạt mình.

Các quan và thuộc lại lấy đàn bà con gái hát xướng làm vợ phạt 70 trượng, biếm 3 tư, con cháu lấy thì chỉ phạt 60 trượng. Đều phải ly dị.

* 1471 Quan chế thời Hồng Đức :

Năm Hồng-đức thứ 2 đời Lê Thánh Tông (1471) Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận... soạn *Thiên Nam Dư Hạ Tập*, sửa định Hoàng triều quan chế, bãi chức Tướng quốc, Bình chương, Bộc xạ... Các viên chức lớn nhỏ, trong, ngoài lên tới 5398 viên (31).

1- **Tôn phái** : Đứng đầu quan chế là nhà vua.

Hoàng tử được phong là *Thân vương* thì dùng tên một phủ làm tên hiệu và chỉ dùng một chữ (phủ Kiến-hung thì gọi là Kiến vương), con cả của Thân vương là *Tự thân vương* thì dùng nguyên tên một huyện, dùng cả hai chữ làm tên hiệu, con thứ của Thái tử và của Thân vương phong tước *Công*, dùng chữ đẹp làm hiệu (như Triệu Khang Công).

Con trưởng Tự thân vương và Tự thân công phong tước *Hầu*, dùng chữ đẹp làm hiệu.

Các con Tự thân vương, Hoàng thái tôn, tước Quốc Công, Quận công phong tước *Bá*. Quốc công lấy tên một phủ làm hiệu, chỉ dùng một chữ (Tuyên-quang là Tuyên Quốc Công) ; Quận Công lấy tên một huyện, chỉ dùng một chữ ; con trưởng của Thân công chúa phong tước *Hầu*, *Bá*, lấy tên một xã làm hiệu, dùng cả hai chữ.

Các con thứ của Thân công chúa, con trưởng của tước Hầu, Bá phong tước *Tử*, tựa như Chánh nhất phẩm.

Các con thứ của Hầu, Bá phong tước *Nam*, tựa như Tùng nhất phẩm.

2- Công thân - Sau tôn thất mới đến các công thân. Bầy tôi có công thì văn huân (quan có hàm mà không có chức), võ huân đều có 5 bậc (phẩm) ; văn giai có 9 bậc (phẩm), chánh và tòng ; Tản quan (có hàm mà không có thực chức) thì văn có 9 phẩm, võ có 6 phẩm, chánh và tòng.

Tên hiệu: Phong tước Quốc công, lấy tên 1 phủ làm hiệu, chỉ dùng một chữ (*Tuyên Quốc công*, *Tuyên-quang*), Quận công lấy tên 1 huyện làm tên hiệu, chỉ dùng một chữ, các tước Hầu, Bá lấy tên 1 xã làm hiệu, dùng cả hai chữ (*Hải-lăng Hầu*, *Diên-hà Bá*).

* **Ở trung ương**, các chức trọng yếu là Tam Thái, Tam Thiếu, Lục bộ, Lục khoa, Lục tự, Ngự sử đài, Hàn lâm viện, Quốc tử giám...

a- Văn Giai

có 9 bậc, chánh và tòng :

Chánh nhất phẩm : Ba chức Thái (sư, phó, bảo).

Tòng nhất phẩm : Ba chức Thái tử Thái sư, Thái tử Thái phó, Thái tử Thái bảo.

Chánh nhị phẩm : Ba chức Thiếu (sư, phó, bảo).

Tòng nhị phẩm : Thượng thư 6 bộ, ba chức Thái tử Thiếu (sư, phó, bảo).

Chánh tam phẩm : Đô ngự sử...

Tòng tam phẩm : tả hữu Thị lang, Tôn nhân phủ tả hữu Tôn chính, tả hữu Xuân phường , tả hữu Dụ đức (hai chức quan ở cung Thái tử, hầu cận), Thừa tuyên sứ...

Chánh tứ phẩm : Hàn lâm viện Thừa chỉ, Phó Đô ngự sử, tả hữu Trung doãn...

Tòng tứ phẩm : Đông các Đại Học sĩ, Quốc tử giám Tế tửu, Thông chính sứ, Tham chính...

Chánh ngũ phẩm : Hàn lâm viện Thị độc, Thiêm đô Ngự sử, Tự khanh 6 Bộ, Tự, Phụng thiên Phủ doãn...

Tòng ngũ phẩm : Hàn lâm viện Thị giảng, Đông các Học sĩ, Quốc tử giám Tư nghiệp, Tham nghị...

Chánh lục phẩm : Hàn lâm viện Thị thư, Đông các Hiệu thư, Lang trung 6 Bộ, Thiếu khanh 6 Tự

Tòng lục phẩm : Hàn lâm viện Đãi chế, Viên ngoại lang 6 Bộ, Tri phủ...

Chánh thất phẩm : Hàn lâm viện Hiệu lý, Đề hình Giám sát Ngự sử, Đô cấp sự trung 6 khoa, Tự thừa 6 tự, Phụng thiên Huyện úy...

Tòng thất phẩm : Hàn lâm viện Kiểm thảo, Thông phán, Tri huyện, Tri châu...

Chánh bát phẩm : Tư huấn ở Nho lâm quán, Tú lâm cục, Hàn lâm viện Tu soạn, Quốc tử giám Giáo thụ, Cấp sự trung 6 Khoa...

Tòng bát phẩm : Lục bộ Tư vụ, Sử quan biên lục Chủ sự, Huyện thừa, Ngũ kinh Học chính...

Chánh cửu phẩm : Hồng lô Tự ban, Huân đạo, Tăng thống, Đạo thống...

Tòng cửu phẩm : Huân khoa ở y học, Trưởng Thị các chợ, các vụ sứ, Tăng đạo chánh...

b- Võ giai :

Chánh nhất phẩm : 3 chức Thái (sư, phó, bảo) và Thái úy.

Tòng nhất phẩm : 3 chức Thiếu và tả hữu Đô đốc.

Chánh nhị phẩm : Thiếu úy, Đô Kiểm điểm, Đề đốc, Đô đốc Đồng tri...

Tòng nhị phẩm : Đô đốc Thiêm sự, tả hữu Kiểm điểm, Tham đốc...

Chánh tam phẩm : Đô Chỉ huy sứ, Đô Tổng binh sứ...

Tòng tam phẩm : Đô Chỉ huy Đồng tri...

Chánh tứ phẩm : Đô Chỉ huy Thiêm sự, Chỉ huy sứ, Tổng binh Thiêm sự...

Tòng tứ phẩm : Chỉ huy sứ Đồng tri, Tổng binh Đồng tri, Đô tri...

Chánh ngũ phẩm : Chỉ huy Thiêm sự, Lục sĩ Hiệu úy, Tổng lĩnh, Quân lĩnh Phó Đô tri, Thiên hộ...

Tòng ngũ phẩm : Phó Thiên hộ, Phó quân lĩnh, Trung úy...

Chánh lục phẩm : Phó Trung úy, Chánh võ úy, Bách hộ, Chánh Đề hạt...

Tòng lục phẩm : Đề hạt, Kinh lược Đồng tri, Hiệu úy các nha...

Chánh thất phẩm : Phó Võ úy, Phó Đề hạt...

Tòng thất phẩm : Vệ úy, Phó Vệ úy... (32).

*** Triều nghi**

- *Ban thứ* : 1472 Các tướng sĩ hàng ngày vào triều đứng sắp hàng hai bên Đông Tây cửa Đoan-môn, những ngày sóc vọng (ngày rằm, mồng một) ở ngoài cửa Văn-minh Sùng-vũ, đợi

hồi trống thứ ba tiến vào đàn trì để dàn bày nghi trượng, ban thứ chinh tề. Nếu hết ba hồi trống mà chưa chỉnh tề thì các vệ Cẩm y, Kim ngô bắt giữ, xin trị tội.

- *Vào châu* - 1473 Định từ nay các quan văn võ vào châu không được nhờ cột trầu, ném bã trầu ở cửa hay sân đàn trì.

1485 Vào châu : Đến ngoài cửa Đại-hung phải xuống kiệu hay ngựa. Nếu là Công, Hầu, Bá, Phò mã được hai tiểu đồng theo hầu, quan nhất phẩm được một. Khi vào đến ngoài cầu Ngoạn-thiền thì đứng lại, làm trái thì quan giữ cửa ngăn lại, tâu hặc để xét hỏi.

Ngày phiên châu : Hồi trống thứ nhất, quân hộ vệ theo thứ tự tiến vào đàn trì, hồi trống thứ hai, các quan tiến vào đàn trì theo thứ tự, không được tranh nhau đi trước. Sau hồi trống thứ ba mà các quan còn ở ngoài cửa Chu-tước và sau khi chuông đánh quá 50 tiếng mà còn ở bên tả, hữu cửa Đoan-môn thì quan coi cửa ngăn lại hết, ty xá nhân vệ Cẩm y tâu hặc, giao xuống trừng trị (33).

1489 : Vào châu thì chấp tay vào dưới chỗ cổ áo tròn, nếu đứng hộ vệ thì chấp tay dưới ức.

1493 Định thứ tự triều ban các quan văn võ theo chức tước mà đứng : Cùng một phẩm thì quan cũ, hay nhiều tuổi đứng trước. Người phẩm thấp nhưng chức cao hay người phẩm cao nhưng chức thấp đều theo chức mà đứng vào phẩm ban của chức mình.

- *Bàn tâu* - *Quan Chức Chí* chép năm 1487 (SKTT I I I chép 1474) định thứ tự khi triều thần bàn việc : Khi có chỉ xuống, trước hết từ Khoa đài, thứ đến Bộ, Tự, rồi đến Công, Hầu, Bá, Đô đốc 5 phủ lần lượt bàn, không được hòa theo hay nín lặng không nói. Ai không tuân thì Giám sát Ngự sử hặc bẻ rồi tâu lên.

Dâng chế cáo - Năm 1488 định : Từ nay bung tờ chế, cáo, sắc mệnh cùng ấn của vua và sắc chỉ đều phải hai tay bung cao ngang đầu, bung các bản tâu, thiếp tâu đều cao ngang mặt.

11- NHÀ LÊ TRUNG HƯNG

- Chúa Trịnh cầm quyền, buổi đầu đại lược theo quan chế cũ.

1606 mới đặt các chức *Tham tụng*, *Bồi tụng* ở phủ đường. (1787 Chiêu Thống bãi chức Tham tụng đặt lại là Bình chương sự, bãi Bồi tụng, đặt lại Tham tri chính sự).

1631 đặt Đốc đồng ở các trấn.

1685 : Trước đây mỗi năm một lần khảo xét các quan rồi lập tức thăng hay truất, thời hạn quá gấp. Nay định lại mỗi năm khảo xét một lần, ba lần mới truất hay thăng trật (34).

1718 : Đặt quan 6 *phiên* (Lại, Lễ, Binh, Hình, Hộ, Công) chuyên hết việc 6 Bộ. Sai quan văn làm Tri phiên, mỗi phiên 60 thuộc lại. Chế độ cũ chỉ có 3 phiên : Binh, Hộ, Thủy sự, chỉ có 100 thuộc lại. (1787 Chiêu-Thống bãi 6 phiên, đổi gọi là 6 Bộ).

1721 định quan chế : về giai phẩm theo đời Hồng-đức, về danh hiệu đặt thêm nhiều tên : *Chương* : chức cao coi việc nha thấp ;

Tri : quan bản nha coi việc thuộc quyền mình ;
Kiêm : chức này nhận thêm chức khác ;
Thự : phẩm thấp mà tạm làm việc bản nha ;
Hành : phẩm cao làm việc phẩm thấp ;
Quyền : phẩm thấp mà tạm coi việc chức cao (35).

1723 Giáo thụ thăng Tri huyện, đủ niên hạn thăng Tự thừa, Tự thừa đủ niên hạn thăng Tri phủ.

1739 đổi Trần thủ, Lưu thủ ra Đốc phủ, Nghệ-an gọi là Đốc suất.

1772 : Thời Cồ Lê, các quan hàng Đô ngự sử, Tả Thị lang tại chức lâu thì thăng Thượng thư ba Bộ Binh, Hình, Công rồi chuyển lên ba Bộ Lại, Hộ, Lễ. Phẩm trật 6 Bộ đều tòng hai phẩm nhưng bổng lộc thì Thượng thư Bộ Công kém một bậc, theo trật chánh tam phẩm, cả năm được 56 quan (tòng nhị phẩm 62 quan). Vì thế từ Bộ Lại chuyển sang Bộ Công gọi là giáng chức (36).

- Triều nghi :

1732 Trịnh Giang muốn làm lễ nhạc sáng tỏ để tô điểm thời thái bình, định : Ngày Chúa coi châu, phường nhạc sắp hàng ở phủ đường, cửa phủ đường bên tả và bên hữu mở thì bắt đầu cử nhạc, các quan văn võ lạy xong thì ngừng nhạc.

Khi Chúa tuần du, bắn ba tiếng súng ; buổi trưa đi nghỉ, ban đêm đi nằm cũng theo quy tắc ấy. Khi ra đi thì có cờ lệnh, phường nhạc đi trước dẫn đường (37).

1773 - Đầu triều Lê, ngày mồng một và ngày rằm cử hành lễ thường triều, trăm quan theo ban thứ vào châu bái yết. Từ khi Trịnh Sâm chuyên quyền, hạ lệnh cho Phủ liêu và Ngự sử đài ngày mồng một hàng tháng vào phủ chúa bàn định công việc, gọi là "nhập các".

Đến lúc Lê Quý Đôn giữ chính quyền trong phủ Chúa, đến ngày mồng một, ngày rằm, các quan thường thoái thác có bệnh, cáo nghỉ không ai đến cả nên lễ thường triều chỉ có Hoàng tử (Thế tử ?) bày tô nội điện vào châu, bái yết mà thôi (38).

Hội lớn thì Văn ban đứng phía Tây, Võ ban phía Đông, là trọng văn hơn võ (39).

12- NHÀ TÂY SƠN

- Phan Huy Chú bình : "Xét rằng tước ấp đời Lê rất là quan trọng, từ đời Hồng-đức về sau chưa từng cho lạm bao giờ. Người có tước ở triều đình phải là người làm quan lâu mới được cất nhắc... Gần đây Tây Sơn phong tước quá lạm, đến cả phu quét chợ, lính đẩy xe cũng đều trao cho tước hầu, tước bá !".

Phan Trần Chúc thì viết Tây Sơn đặt quan chế mới với những chức Đại Tổng quản, Đại Tư mã là muốn xóa nhòa quan chế cũ của hai họ Lê, Trịnh, song chỉ là bắt chước cổ nhân bề ngoài, sự thực không có ảnh hưởng gì đến chính trị (40).

B - NHÀ NGUYỄN

* THỜI GIA-LONG

1804 Gia-Long định :

a- Văn giai:

Trên cùng là Tôn nhân lệnh Tôn nhân phủ và Tam Công.

Chánh nhất phẩm : Tam Thiếu, tả hữu Tôn chính Tôn nhân phủ.

Tùng nhất phẩm : Tham chính, Tham nghị, Thị trung Đại học sĩ.

Chánh nhị phẩm : Thượng thư 6 Bộ, tả hữu Đô ngự sử Đô sát viện...

Tùng nhị phẩm : Tham tri 6 Bộ, Phó Đô ngự sử Đô sát viện...

Chánh tam phẩm : Chánh Thiêm sự, Thị trung Trục Học sĩ, Học sĩ các điện, Hiệp trấn Cai bạ, Ký lục...

Chánh tứ phẩm : Đốc học Quốc tử giám, Thiêm sự 6 Bộ, Đông các Học sĩ, Tham hiệp...

Chánh ngũ phẩm : Hàn lâm Thừa chỉ, Thị giảng, Thị độc, Tu soạn, Đốc học...

Chánh lục phẩm : Tri phủ...

Chánh thất phẩm : Tri huyện, Tri châu...

Chánh bát phẩm : Trợ giáo, Huấn đạo...

Chánh cửu phẩm : Lễ sinh...

Từ chánh ngũ phẩm trở lên là Bá tước, chánh lục phẩm trở xuống là Nam tước.

b- Võ giai :

Chánh nhất phẩm : Tôn nhân chính Tôn nhân phủ, Tam Thiếu, Đô Thống chế thị trung...

Chánh nhị phẩm : Phó tướng, Thống chế Thị trung, Thị nội, Thủy dinh...

Chánh tam phẩm : Vệ úy Thị nội, Phó vệ úy Thị trung, Cai cơ...

Chánh tứ phẩm : Phó vệ úy các dinh quân...

Chánh ngũ phẩm : Cai đội...

Chánh lục phẩm : Phó đội các dinh quân, Phó Thủ hiệu...

Tùng cửu phẩm : Cai tổng, Cai huyện...

Từ tùng lục phẩm trở xuống là Bá tước, Tán giai tùng cửu phẩm trở xuống là Tử tước ; Vệ nhập lưu tùng cửu phẩm trở xuống là Nam tước (41).

* THỜI MINH-MỆNH

1827 Minh-Mệnh định phẩm hàm mỗi giai :

a- Văn giai :

Chánh nhất phẩm : Cần chánh điện Đại Học sĩ, Văn Minh, Võ hiền, Đông các điện Đại học sĩ... cáo thụ (của triều đình cho tước hiệu) Đặc tiến vinh lộc đại phu.

Tùng nhất phẩm : Hiệp biện Đại Học sĩ... cáo thụ Vinh lộc đại phu.

Chánh nhị phẩm : Lục bộ Thượng thư, Đô sát viện tả hữu Đô ngự sử... cáo thụ Tư thiện đại phu.

Tùng nhị phẩm : Lục Bộ tả hữu Tham tri, Đô sát viện tả hữu Phó Đô ngự sử... cáo thụ Trung phụng đại phu.

Chánh tam phẩm : Tả hữu Thị lang 6 Bộ, Hàn lâm viện Chương viện Học sĩ, Hàn lâm viện

Trực Học sĩ, Đại lý tự khanh, Nội vụ phủ Thị lang, Thừa-thiên phủ Phủ doãn, các trấn Hiệp trấn... cáo thụ Gia nghị đại phu.

Tùng tam phẩm : Thượng bảo khanh, Quang lộc tự khanh, Thái bộc tự khanh... cáo thụ Trung nghị đại phu.

Chánh tứ phẩm : Hồng lô tự khanh, Đại lý tự Thiếu khanh, Quốc tử giám Tế tửu, lục Bộ Lang trung, Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ, Thương bạc ty Thương bạc sứ, Tôn nhân phủ Phủ thừa, các trấn Tham hiệp... cáo thụ Trung thuận Đại phu.

Tùng tứ phẩm : Thượng bảo Thiếu khanh, Quang lộc tự Thiếu khanh, Quốc tử giám Tư nghiệp, Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ... cáo thụ Triều liệt đại phu.

Chánh ngũ phẩm : Hồng lô tự Thiếu khanh, Hàn lâm viện Thị độc, các đạo Giám sát Ngự sử, các trấn Đốc học, Đại lý tự Viên ngoại lang, Thái y viện Ngự y, Khâm thiên giám giám chính... cáo thụ Phụng nghị đại phu.

Tùng ngũ phẩm : Hàn lâm viện Thừa chỉ, Hàn lâm viện Thị giảng, các phủ Tri phủ, Cẩm y Tri bạ..., cáo thụ Phụng thành đại phu.

Chánh lục phẩm : Đại lý tự Chủ sự, Thương bạc ty Chủ sự, Đồng tri phủ, Kinh huyện Tri huyện, Thị nội Tri bạ... sắc thụ (của triều đình cho tước hiệu) Thừa vụ lang.

Tùng lục phẩm : Hàn lâm viện Tu soạn, Tri huyện, Quốc tử giám Học chính, Giám thành tri bạ, Chư quân Tri bạ, Thừa-thiên phủ tả hữu Thông phán... sắc thụ Văn lâm lang.

Chánh thất phẩm : Hàn lâm viện Biên tu, Đô sát viện Lục sự, Đại lý tự Tư vụ, Quốc tử giám Giám thừa, các phủ Giáo thụ... sắc thụ Trung sĩ lang.

Tùng thất phẩm : Hàn lâm viện Kiểm thảo, Thái y viện Y chính, Thổ Tri châu, Tri huyện... sắc thụ Trung sĩ tá lang.

Chánh bát phẩm : Huân đạo, thư lại lục bộ Thanh lại ty, thư lại Đại lý tự, Hồng lô tự, Khâm thiên giám, Thừa-thiên phủ, Tri sự các phủ... sắc thụ Tu chức lang.

Tùng bát phẩm : Hàn lâm viện Điển bạ, Văn miếu Tự thừa, Quốc tử giám Điển bạ, Thái y viện Y phó, thư lại Cẩm y, Thị trung, Tri sự các huyện... sắc thụ Tu chức tá lang.

Chánh cử phẩm : Thư lại lục bộ Thanh lại ty, thư lại Đại lý tự, Hồng lô tự, Thương bạc ty, Thị nội, Kiêu kỵ, Thừa-thiên phủ,... sắc thụ Đăng sĩ lang.

Tùng cử phẩm : Hàn lâm viện Đãi chiếu, Quốc tử giám Điển bạ, Thái y viện ngoại khoa Y sinh, thư lại Hộ thành binh mã ty, Nam Bắc tào, thổ lại mục... sắc thụ Đăng sĩ tá lang.

b- Võ giai :

Chánh nhất phẩm : Chư quân Đô thống phủ, Chưởng phủ sự... cáo thụ Đặc tiến Tráng võ tướng quân.

Tùng nhất phẩm : Thị nội Thần cơ dinh Đô thống, Thị nội Hồ oai dinh Đô thống, Thần sách ngũ dinh Đô thống... cáo thụ Tráng võ tướng quân.

Chánh nhị phẩm : Thị trung tả / Hữu dực Thống chế, Thị nội Thần cơ dinh Thống chế, Thần sách ngũ quân Thống chế, Chư quân Thống chế... cáo thụ Nghiêm uy Tướng quân.

Tùng nhị phẩm : Cẩm y Đô Chỉ huy sứ ty Đô Chỉ huy sứ, Cẩm y Chưởng vệ sứ, Kinh thành Đề đốc, Thị trung tả hữu dực Vệ úy, Kinh xa Đô úy tập ấm... cáo thụ Hùng uy Tướng quân.

Chánh tam phẩm : Nhất đẳng Thị vệ, Thị nội Tiền phong vệ úy, Thị nội nội hầu vệ úy, Thị nội thị tượng vệ úy, Thượng tứ viện viện sứ, Hộ lăng vệ úy, Thị trung tả hữu dực phó vệ úy, Trấn thủ các thành trấn... cáo thụ Anh dũng tướng quân.

Tùng tam phẩm : Giám thành vệ úy, vệ úy các quân, Thị nội thần cơ phó vệ úy, Kinh thương giám đốc, Kiêu kỵ đô úy tập ấm... cáo thụ Phấn dũng tướng quân.

Chánh tứ phẩm : Nhị đẳng Thị vệ, Giám thành Phó Vệ úy, Chư quân Phó Vệ úy, Kinh thương Phó Giám đốc... cáo thụ Minh nghĩa đô úy.

Tùng tứ phẩm : Thành thủ úy, Phó Quản cơ, Trung hầu Cai đội, Nội hầu Cai đội, Giám đốc các cục bảo hóa, Tào tác, Trưởng chi các chi Thổ binh... cáo thụ Tín nghĩa đô úy.

Chánh ngũ phẩm : Tam đẳng Thị vệ, Cẩm y Hiệu úy, Thần cơ Thị nội Cai đội, Chánh đội trưởng suất đội Trung hầu, quản lĩnh Nam Bắc tào... cáo thụ Võ công đô úy.

Tùng ngũ phẩm : Tứ đẳng Thị vệ, Giám thành Cai đội, Chư quân Cai đội, Phó lĩnh Nam Bắc tào, Phi kỵ úy tập ẩm, Tuyên úy Phó sứ, Phòng ngự sứ... cáo thụ Kiến công Đô úy.

Chánh lục phẩm : Ngũ đẳng Thị vệ, Cai đội các thành trấn đạo, Giám thành Chánh đội trưởng suất đội, Chư quân Cai đội trưởng... sắc thụ Tráng tiết Kỵ úy.

Tùng lục phẩm : Chánh đội trưởng suất đội các thành trấn đạo, Từ tể Cai đội trưởng, Ân kỵ úy tập ẩm, Tuyên úy Đồng tri, Cai đội thổ binh... sắc thụ Tráng tiết tá Kỵ úy.

Chánh thất phẩm : Giám thành Chánh đội trưởng suất thập, Chư quân Chánh đội trưởng suất thập, Cẩm y đội trưởng suất thập, Thiên hộ... sắc thụ Hiệu trung Kỵ úy.

Tùng thất phẩm : Chánh đội trưởng suất thập các thành trấn đạo, Giám thành đội trưởng suất thập, Phó Thiên hộ, Phụng ân úy tập ẩm... sắc thụ Hiệu trung tá kỵ úy.

Chánh bát phẩm : Đội trưởng suất thập các thành trấn đạo, Chánh bát phẩm Bá hộ, Dịch trạm thứ đội trưởng... sắc thụ Trung tín hiệu úy.

Tùng bát phẩm : Bá hộ, các cục tượng Phó Tri sự thừa ân úy tập ẩm... sắc thụ Trung tín tá Hiệu úy.

Chánh cửu phẩm : Chánh cửu phẩm Bá hộ, các Cục tượng Chánh cửu phẩm tượng mục... sắc thụ Hiệu lực Hiệu úy.

Tùng cửu phẩm : Tùng cửu phẩm Bá hộ, Hộ trưởng các hộ, thợ các cục, huyện lệ mục... sắc thụ Hiệu lực tá Hiệu úy (42).

* 1829 bắt đầu đặt *Nội các* và *Bốn Tào*. Minh-Mệnh phán : "Nhà Minh sợ Tể tướng chuyên quyền mà đặt Nội các, quyền hành không khác. Hoàng khảo Thế tổ Cao Hoàng Đế đặt ra Thị Thư Viện, Trẫm đổi là Văn Thư Phòng, nay đổi ra Nội các. Đặt bốn người quản lĩnh và 28 thuộc viên.

1831 bắt đầu đặt nha *Đại lý tự* xét lại những án nặng. Đặt 1 chức Tự khanh, 1 Thiếu khanh, 1 Viên ngoại lang, 2 Chủ sự, 2 Tư vụ, 4 thư lại bát, cửu phẩm, 10 thư lại vị nhập lưu. Mỗi năm cấp tiền công 115 quan.

Định lại điều lệ cho các quan văn võ trực ban, các bộ và Nội các kiểm xét lẫn nhau.

1832 bắt đầu đặt *Đô sát viện*, chức Tả hữu Đô Ngự sử, ngang Thượng thư lục bộ, chức Phó Đô ngự sử ngang Tham tri, Giám sát ngự sử ngang chánh ngũ phẩm, thư lại hàng bát, cửu phẩm.

Đặt *Viện Cơ mật*, chọn các đại thần mỗi ngày thay phiên túc trực. Phàm những việc sáu Bộ làm chưa đúng thì Nội các hạch, Nội các chưa đúng thì Viện Cơ mật hạch, khiến cho ràng rịt lẫn nhau mới mong thịnh trị.

Đặt *Tam Pháp Ty* (Hình bộ, Đô sát viện, Đại lý tự) : Ngày 6, 16, 26 các đường quan ngồi nhận đơn ai oan khuất, những ngày khác có 1 thuộc viên thường trực. Việc cần kíp cho đánh trống Đăng văn bất kỳ lúc nào để nộp đơn. Vu cáo cần bày xử nghiêm, không cần mà đánh trống, gong 10 ngày, măn hạn đánh 100 trượng.

1833 *Hội Điển Toát yếu* gồm 14 quyển, chép chế độ, chức trách trăm quan.

Quan chế thời Nguyễn tựa như thời Lê nhưng bỏ chức Tế tướng, mọi việc đều do lục Bộ đảm nhiệm. Ngoài lục Bộ có Đô sát viện giữ việc can gián vua và đàn hặc các quan.

A- Chính quyền trung ương

a- Văn ban:

Tứ trụ triều đình (hàng chánh nhất phẩm) : Cần chánh điện Đại Học sĩ, Văn minh điện Đại Học sĩ, Võ hiền điện Đại Học sĩ, Đông các điện Đại Học sĩ.

Cửu phẩm chánh và tòng.

b- Võ ban :

Đứng đầu, hàng Chánh nhất phẩm là Ngũ quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự, hàng tòng nhất phẩm là Ngũ quân Đô thống phủ, Đô thống ; hàng Chánh nhị phẩm có Thống chế, Đề đốc ; tòng nhị phẩm có Đô chỉ huy sứ, Phó Đề đốc ; chánh tam phẩm có Nhất đẳng Thị vệ, chánh lục phẩm là Ngũ đẳng Thị vệ... cùng các Thân binh, Cẩm binh...

B- Chính quyền địa phương

Thời Gia-Long chia đất nước ra các trấn thì có các Tổng trấn, Hiệp trấn coi cả hành chánh lẫn quân đội, quyền hành rất to. Minh-Mệnh bãi chức Tổng trấn, đặt Tổng đốc đứng đầu một tỉnh lớn, coi việc quân, việc dân, Tuần phủ đứng đầu một tỉnh nhỏ. Có các thuộc quan là Bố chánh sứ coi việc thuế má, đình điền, lính tráng, Án sát coi việc hình luật, Lãnh binh chỉ huy quân đội cấp tỉnh.

* Theo luật thì quan văn không có tước (Công, Hầu...) chỉ những người có quân công mới được.

Các Hiệp tá Đại Học sĩ, Phó Đại học sĩ có hàm, không có chức, để đãi quan có học hạnh, văn chương (43).

- TRIỀU NGHI

1806 Gia-Long chuẩn định triều ban : Văn đứng bên hữu, võ bên tả. Ngày mùng 1 và ngày rằm đặt Đại triều ở điện Thái-hòa, các quan từ lục phẩm trở lên mặc triều phục vào lạy chầu ; các thành, dinh, trấnbái vọng ở Hành cung. Những ngày mùng 5, 10, 20, 25 đặt thường triều ở điện Cần chính, các quan từ tứ phẩm trở lên mặc thường triều vào lạy chầu.

1832 Minh-Mệnh đổi văn sang bên tả, võ bên hữu (44).

1836 Thường triều ở điện Cần-chính : Lệ trước, ngày mùng một và ngày rằm đặt Đại triều, những ngày 5, 25, 11, 21 đặt Thường triều. Bộ Lễ làm thẻ bài đưa mời. Nay ra lệnh nếu không có việc cần thì miễn thiết triều. Hàng tháng ngày mùng một và ngày rằm bày lố bộ ở sân điện Cần-chính, Hoàng tử, các tước Công, quan văn từ Thự Viên ngoại lang đến Khoa đạo, võ từ Thự Phó Vệ úy, mặc áo có bờ tử, theo ban thứ đến chiêm bái. Lễ xong các nha theo thứ tự tâu việc. Việc quan trọng thì đường quan nha ấy đem bản chính chương sớ đã niêm phong tiến vào phía tả gian giữa, quay mặt về hướng Bắc quỳ tâu. Viên đường quan Nội các

tiếp lấy mở niêm phong đặt lên án ngự, mở rộng ra, khấu đầu đứng dậy, rảo bước sang bên, đến chỗ tâu việc cùng đường quan bản nha đều quỳ rồi tuyên đọc phó bản, vâng lĩnh chỉ dụ, đăng ký để tuân làm. Việc thường không cần diện tâu. Nếu vua đi tuần vào ngày mồng một hay rằm thì miễn đặt triều nghi (45).

*** 1916- Đại triều nghi** (ngày 22 tháng 11 Khải Định nguyên niên, tức ngày 16-12-1916) :

Ngày 21 các quan và Nội các ngủ ở cung điện, tâu xin được đóng ấn "Hoàng đế tôn thân chi bửu" chiếu vào tờ Ấn chiếu rồi cất vào ống Kim-phụng bằng đồng, vẽ hình kim phụng màu vàng. Đến trưa, các quan bộ Lễ chuẩn bị một án thư vàng giữa điện Thái-hòa để đặt ống Kim-phụng.

Ngày 22, sau hồi sùng (ống lệnh) buổi sáng, các quan có trách nhiệm treo lá cờ vàng và cờ ngũ sắc (ngày hội) lên kỳ đài. Các võ quan bày nghi trượng, gươm giáo, nhạc cụ ở sân điện, voi ngựa, cờ sùng trường ở hai bên cầu Kim-thủy-trì. Các hoàng thân, trăm quan mặc triều phục đứng đợi ở hai bên sân điện, một đường quan trong Nội các đặt ống Kim-phụng lên án thư.

7 giờ sáng, Thượng thư bộ Lễ và võ quan, đem trước ngủ trong điện, tâu mọi việc trong ngoài đều tốt đẹp. Vua đội mũ cửu long (9 con rồng), mặc áo đoạn vàng, tay cầm ngọc Trấn Khuê, ra khỏi điện Cần-chính, lên xe loan. Quân tùy tùng đã đặt loan giá ở giữa điện, các nghi trượng gươm giáo, quạt, nhạc cụ dàn hai bên. Một quân vệ xướng to : "Chuẩn bị ngự xa !" rồi quỳ tâu vua lên kiệu. Nhã nhạc nổi lên. Ở Ngọ-môn chiêng trống gióng hồi khi đoàn tùy tùng đưa vua đi. Đến Đại-cung-môn, bắn 7 phát súng đại bác. Khi tới thềm phía Nam điện Thái-hòa vua xuống kiệu, nhã nhạc ngừng, Đại nhạc nổi lên, các chiêng trống ở Ngọ-môn đều dừng. Vua bước lên ngự tọa. Sau khi thị vệ đốt trầm hương, đại nhạc cũng ngừng. Xướng : "Bằng ban, ban tề, quỳ !". Nhạc nổi lên, các quan lạy 5 lạy. Xướng : "Hưng !" các hoàng thân và trăm quan đứng lên, lui về chỗ. Một quan bộ Lễ bước ra khỏi hàng quỳ tâu : "Tấu lễ mừng đã hoàn tất" rồi đứng lên, lui ra. Một đường quan Nội các tiến ra giữa điện, hơi về bên trái, quỳ tâu : "Tấu xin hạ lệnh" rồi đứng lên, hướng về phía Bắc xướng : "Lệnh đã xin, các quan có trách nhiệm phân phát ấn chiếu ra kinh thành và các tỉnh" rồi lui ra đứng về phía Đông, gần tường.

Hoàng đế về cung, đến Đại-cung-môn bắn ba phát súng. Một đường quan bộ Lại một thuộc bộ Tài chính tiến ra, cầm ống Kim-phụng đặt lên án thư vàng cùng tùy tùng nghi trượng, cõng đưa đến Phu-văn-lâu yết ba ngày rồi gỡ ra đem về Nội các. Các quan bộ Lại, bộ Công có trách nhiệm truyền ấn chiếu đến các quan hàng tỉnh (46).

*** THỜI PHÁP THUỘC**

A- Đại lược bộ máy hành chính của chính phủ Bảo hộ :

1858 Pháp tấn công Đà-nẵng, khởi đầu cuộc xâm lược.

15/3/1879 Hòa ước Giáp Tuất nhường cho Pháp 6 tỉnh Nam kỳ và Hà-nội, đặt Trú sứ ở Huế.

6/6/1884 Hòa ước Giáp Thân (Patenôtre) Đặt nên Bảo hộ ở Bắc kỳ và Trung kỳ.

1887 Đặt phủ Toàn quyền điều khiển chính trị cả ba xứ và Cao-Mên. 15-11-1887 Constant, Toàn quyền đầu tiên, sang nhậm chức ở Saigon.

Từ đó Nam có Thống đốc ; Trung và Cao-Mên có Khâm sứ, Bắc và Lào có Thống sứ đứng đầu nhưng những việc quan trọng phải theo lệnh của Toàn quyền.

- **Nam kỳ** là thuộc địa, bộ máy hành chánh như của Pháp. Đứng đầu là Thống đốc (người Pháp), giúp việc có Soái phủ, Hội đồng Tư mật, Hội đồng Học chính...

Saigon đứng đầu là Đồng lý (người Pháp), giúp việc có Hội đồng thành phố... Các tỉnh có Tỉnh trưởng (người Pháp) và Hội đồng hàng tỉnh, Đốc phủ sứ, dưới là Tri phủ, Tri huyện, Chánh tổng, Xã trưởng và Hội đồng kỳ mục.

- **Trung kỳ** : ở Huế thì ngoài chính phủ Nam triều còn có tòa Khâm sứ, đứng đầu là Khâm sứ (người Pháp), giúp việc có Hội đồng Bảo hộ, Viện dân biểu...

Các tỉnh có Công sứ (Pháp) đứng đầu.

Đà Nẵng (Tourane) là nhượng địa thì có Đốc lý (người Pháp) cai trị.

- **Bắc kỳ** : Đứng đầu là Thống sứ (người Pháp). Kinh lược sứ (người Việt) thay mặt triều đình làm việc với Pháp (trên thực tế là nhận chỉ thị và thừa hành công việc mà Thống sứ giao cho).

Ở tỉnh có Công sứ (người Pháp) đứng đầu, dưới quyền là Tổng đốc, Tuần phủ, Tri phủ, Tri huyện, Chánh tổng, lý trưởng, giúp việc có Hội đồng kỳ mục...

Hà-nội, Hải-phòng là nhượng địa thì do Đốc lý đứng đầu.

B- Cải cách giáo dục :

Bỏ dần Hán học, thay Hán tự bằng quốc ngữ :

- **Nam kỳ** :

Từ 1879, chương trình học và thi ngoài chữ Hán gồm cả chữ quốc ngữ và chữ Pháp, do chính quyền Pháp tổ chức.

- **Bắc kỳ và Trung kỳ** :

* 1905 Cải cách giáo dục, chia ra ba trình độ :

a- Ấu học : học chữ Hán và quốc ngữ, ở các làng xã, thi đỗ Tuyển sinh.

b- Tiểu học học chữ Hán và quốc ngữ do các giáo, Huân dậy, chữ Pháp tình nguyện chứ không bắt buộc, thi đỗ Khoa sinh.

c- Trung học dậy Khoa sinh ở các tỉnh lỵ, do Đốc học điều khiển và dậy chữ Hán, các giáo viên trường Pháp Việt dậy quốc ngữ và chữ Pháp (bắt buộc). Thi đỗ Thí sinh, được dự thi Hương.

- Ở Huế có Quốc tử giám lại có trường *Quốc học* dạy tiếng Pháp, và *Trường Hậu bổ* (Ecole des Mandarins) đào tạo các Âm sinh, Cử nhân, Tú tài về hành chính, học chính để ra làm quan. Sau khi tốt nghiệp, tập sự tại các cơ quan hành chính tỉnh, vài tháng sau nếu chạy chọt tốt thì được trọng nhậm tại các huyện. Tập sự gọi là "ông Hậu, quan Hậu", tới huyện thành "quan huyện".

- Ở Hà-nội có *Trường Bảo hộ*, tựa như trường Quốc học, và *Trường Sĩ hoạn*, tức như trường Hậu bổ.

Các tỉnh thì có *Trường Tiểu học Pháp Việt*, không dạy chữ Hán. Thi bằng *Cơ thủy*, cũng gọi là "Ri-me" (Primaire), đỗ thì được vào trường Quốc học hay trường Bảo hộ.

1909 Thi Hương, thi Hội bắt buộc một phần viết chữ Hán, một phần chữ quốc ngữ, thi chữ Pháp thì tình nguyện chứ không bắt buộc.

1912 Thi Hương, thi Hội chữ Pháp thành bắt buộc.

* 21/12/1917 Nghị định phủ Toàn quyền bãi bỏ nghị định cải cách 1905. Học quy mới gồm ba bậc :

a- *Tiểu học* có 3 cấp : Sơ học (bằng Sơ học yếu lược) ; Tiểu học (bằng Cơ thủy tức Sơ học Pháp Việt) ; Cao đẳng tiểu học cho những người đỗ "Ri-me" học lấy bằng Thành chung, cũng gọi là bằng Cao đẳng tiểu học (Diplôme). Trường Quốc học cũng chuẩn bị để thi lấy bằng Thành chung. b- *Trung học* dạy những người có bằng Thành chung (thi bằng Tú tài bản xứ).

c- *Đại học* từ 1919 : Y khoa, Dược khoa, Luật khoa, trường Nông lâm, Công nghệ thực hành (Bách khoa), trường Cao đẳng Mỹ thuật... (47).

* 1919 Bãi khoa cử.

C- Quan chế mới - 26-12-1918 Hai đạo dụ định ngạch quan lại và quan hàm ở Bắc kỳ.

a - Dụ 498, điều 3 :

- *Bổ dùng*, thăng hay chuyển quan tỉnh, phủ, huyện hoặc nha lại do Thống sứ, bổ đường quan phải có Toàn quyền duyệt y.

- *Thăng trật* thì quan tỉnh ba năm, phủ, huyện hai năm tại chức.

Quan tỉnh có sáu hạng : Tổng đốc, Tuần phủ, Án sát, Bố chính hạng nhất, nhì. Chức vụ thứ nhất của quan tỉnh là giúp Công sứ đầu tỉnh trong việc cai trị.

Các quan phủ, huyện hay châu có năm hạng : Tri phủ hạng nhất hay nhì, Tri huyện hạng nhất, nhì hay ba, trực thuộc quyền Công sứ, bổ dùng do Thống sứ.

Chức Tri huyện bổ những người thi trúng, tốt nghiệp Cao đẳng Pháp chánh Đông dương hay Cử nhân luật một trường đại học Pháp. Phải qua ít ra ba năm làm Tham biện trong một sở hành chánh ở Đông-dương. Phải có giấy hạnh kiểm tốt.

Chức Tri phủ bổ những Tri huyện hạng nhất đã hai năm tại chức.

Nha lại có bảy hạng : hai hạng trên là Thông phán hạng nhất hay nhì, năm hạng dưới gọi là Thừa phái. Thừa phái hạng 5 tuyển bằng thi : thi Hương phải qua nhất, nhì trường hay có bằng Tiểu học Pháp-Việt, đã qua ba năm trong một trường Trung học.

b- Dự 492 :

- **Lương bổng** các quan lại ở Bắc sẽ tăng hơn trước nhiều, chủ ý là để trừ các tệ tham nhũng. Hiện một quan tứ phẩm lương mỗi tháng 40 đồng bạc thì khó lòng nuôi vợ con, đủ dùng sao được ? (48)

Những Hậu bổ ngạch cũ lương bổng cũng sáp nhập vào hàng Thừa phái hạng nhất (49).

c- Bãi các Giáo, Huấn : 1919 Theo quy thức của Toàn quyền A. Sarraut, bộ Học tư cho các tỉnh Trung kỳ bãi hết các viên Giáo, Huấn cũ chỉ biết chữ nho hay quốc ngữ, không đủ tư cách làm thầy giáo nữa. Mỗi người sẽ được thăng hai trật và sáu tháng lương. Ai tình nguyện đủ sức dạy học trò đỗ Tiểu học được thì cho ở lại, nếu sau xét ra không được thì bị triệt về, sẽ mất hết quyền lợi (tức là không được thăng trật và cấp bổng như trên) (50).

d- Quyền hạn các Thượng thư - Dự ban hành tháng 4- 1937 : "Các Thượng thư có quyền nghiên cứu hết thấy những vấn đề trong quyền hạn của mình nhưng cần phải hợp tác với viên có vấn người Pháp trong Bộ. Có quyền ban những phẩm hàm văn võ cho đến ngũ phẩm, còn những phẩm hàm cao hơn thì cũng có quyền sau khi thỏa hiệp với Viện Cơ Mật và ông Khâm sứ, đệ lên Đức Kim Thương một bản tâu xin cho những người xứng đáng. Lần này từ tòng ngũ phẩm trở xuống không cần phải hợp tác với ai, cứ việc tự do phân phát" (51).

e- Xin quan hàm : Nghị định 30/10/44 : Từ nay xin quan hàm phải có bằng cấp :

Cao đẳng cấp hàm đương

Trung học, Cao đẳng Tiểu học, chuyên nghiệp : hàm Hàn lâm

Sơ học, tốt nghiệp trường kỹ nghệ : hàm Văn giai.

Các làng từ nay chỉ những người có bằng cấp ít nhất ngang với Cao đẳng Tiểu học mới được chân chức sắc. Những người có hàm khác sẽ được liệt vào hàng "miễn sai" (52).

CHÚ THÍCH

1- Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370) - SKTT, I I, 117.

2- *Phong kiến* : chia cắt đất phong cho chư hầu lập nước. Thịnh hành thời Chu.

3- *Đường, Ngu* : vua Nghiêu nhà Đào Đường (2357-2257) và vua Thuấn nhà Hữu Ngu (2256-2208).

4- *Thượng thư*, tr 29.

5- KVTL, 122 - *Thượng thư* 25, 29, 173.

6- *Hạ, Thương* : Nhà Hạ (vua Hạ Vũ) (2205-1767) và Nhà Thương 1766-1401) sau gọi là nhà Ân (1401-1123).

7- *Việt-Nam Sử Lược*, I, 33 - TQSC, 36, 45, 81.

8- TQSC, 36 - *Thượng thư*, 173-4 - *100 tác phẩm* 164-7 - KVTL, 118 - *Việt-Nam Sử Lược*, I, 33 - QCC, 5.

9- Nguyễn Hiến Lê, *Sử Trung quốc*, 82.

10- TQSC, 139.

11- TQSC, 139-40.

12- TQSC, 140-1.

13- TQSC, 263.

14- *Tô Đông Pha*, 226.

15- VDLN, 227.

16- TQSC, 264.

17- TQSC, 444-6.

18- KVTL, 64-5.

19- Nguyễn Hiến Lê, *Tư Mã Thiên*, 591-2.

20- Phương Lan, *Anh thư nước Việt*, 18-9 - Văn Hạc, "Lai lịch và ý nghĩa Hội Vật làng Mai-động...", TBCN, số 100, 1-3-1942 - Nguyễn Khắc Xương, *Văn hóa dân gian vùng đất tổ*, 111-2.

21- SKTT, I, 155-8, 170, 331 - Ngô Thì Sĩ, 88 - QCC, 6.

22- Thời nhà Chu : 1 quân = 12 500 ; nhà Đinh (974) : 1 quân gồm 10 lữ, 1 lữ = 10 tốt, 1 tốt = 10 ngũ, 1 ngũ = 10 người ; nhà Lý : 1 quân là 200 người. Ba quân : 1 quân gồm tráng nam, 1 quân gồm tráng nữ, 1 quân gồm những người già yếu. SKTT, I, 156 - *Luận Ngữ*, 103 - *Hàn Phi*, 74.

23- SKTT, I, 338-9.

24- SKTT, I, 335- 353.

25- Ngô Thì Sĩ, 115-6.

26- SKTT, I, 293.

27- *An Nam Chí Lược*, 118-20 - Ngô Thì Sĩ, 184.

28- QCC, 8. _

29- SKTT, I I, 19, 256-7 (theo Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*).

30- CM, X, 85 - QCC, 13 lầm là 1475, đúng ra là 1465.

31- KVTL, 121 - CM, XIX, 14.

32- QCC, 12, chép đủ 9 phẩm Văn giai, về Võ giai chỉ chép hết Tùng thất phẩm.

CM, XI, tr. 74 chép Võ giai có 6 bậc ; tr. 80-1 chép lẫn lộn Văn giai và võ giai, nhưng Võ giai chỉ có đến Thất phẩm, từ Bát phẩm trở xuống toàn Văn giai.

33- SKTT, I I I, 247.

34- *Tục Biên*, 29.

35- QCC, 15.

36- CM, XIX, 31.

37- CM, XVI I, 20.

38- CM, XIX, 33.

39- KVTL, 64-5.

40- QCC, 65 - Phan Trần Chúc, *Triều Tây Sơn*, 32.

41- TL, I I I, 180-5.

42- TL, VI I I, 292-301.

43- Thân Trọng Huề, *Nam Phong*, số 50, 8-1921.

44- TL, XX, 130.

45- TL, XVI I I, 131-2.

46- BAVH, No 1, 1917.

47- *Học Chế Quan chế*, 31-6 - Bùi Nhung, *Thối nát*, không đề nhà xuất bản, không đề năm.

48- TL, X, 330 - 1831 Định lệ dưỡng liêm cho các phủ huyện : Bộ Hộ bàn ngoài số lương tháng lại cho tiền dưỡng liêm để khuyến khích tiết tháo trong sạch. Từ nay các viên Phủ, Huyện mới được thăng bổ nhận việc vào tháng mạnh thì cấp tiền dưỡng liêm cả quý ấy, vào tháng trọng thì cấp một nửa, vào tháng quý thì không cấp. Viên nào thăng điệu hay đến kinh hậu bổ thì phải trả lại.

49- *Nam Phong*, số 19, 1/1919, tr. 1-16.

50- *Nam Phong*, số 21, tr. 242.

51- *Thế Kỷ 21*, số 199, Nov.-Dec. 2005, trích Hoàng Đạo, "Người và việc", *Ngày Nay*, số 69, 25-7-1937.

52- Mai Hương, "Văn bằng và chức sắc", *Tri Tân*, số 168, 30/11/1944.

(còn tiếp)

Lê Đạt và *Bóng Chữ*

Đặng Tiến

J'ai reculé les limites du cri
Paul Eluard, 1940



Lê Đạt

Bóng Chữ tập thơ Lê Đạt từ ngày xuất bản, 1994, đến nay, đã gây nhiều dư vang và dư luận, một hiện tượng hiếm hoi trong lĩnh vực thơ, và đáng mừng vì chứng tỏ ngày nay còn có nhiều người lưu ý đến thi ca. Cuộc thảo luận, kéo dài non một năm nay, tuy chưa mở ra được những nẻo đường mới, chưa giải phóng những tiềm năng sáng tạo dồn nén trong thơ từ nhiều thập niên qua, trước một nền thi ca thế giới thường xuyên đổi mới, vẫn là một tiến bộ. Những giáo điều đang thay đổi, vẫn là giáo điều nhưng cũng có đổi thay.

Bóng Chữ là một tác phẩm quan trọng tâm huyết của một tác gia đã làm thơ non nửa thế kỷ.

Thế Giới Đây Là Của Chúng Ta tập thơ đầu tay của Lê Đạt đã xuất bản từ 1955, sau đó là *Bài Thơ Trên Ghế Đá*, 1957. Nhưng cùng với nhiều bạn thơ khác như Hoàng Cầm, Trần Dần, Văn Cao cùng in chung một tập thơ *Cửa Biển*, nhà thơ Lê Đạt dính vào phong trào **Nhân**

Văn Giai Phẩm nên bị trừ yểm suốt non ba mươi năm. Dư luận ít nhắc đến Lê Đạt, tư liệu về anh cũng không nhiều.

Theo kỷ yếu của Hội nhà văn, Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, sinh ngày 10.9.1929 tại làng Á Lữ, tỉnh Bắc Giang, bên bờ sông Thương, gần Yên Thế. "*Đất quê cha tôi / đất quê Đề Thám*" (*Bóng Chữ*, tr. 7), anh lớn lên tại "*một tỉnh thượng du bụi đỏ / Bến Áu Lâu sông Hồng*" (tr.14) và hiện sống tại Hà Nội, "*9 gác Lãn Ông / Lòng xanh xuân chờ*" (tr. 84).

Bóng Chữ còn mang đậm nhiều chi tiết khác trong đời sống thực sự của tác giả. Tập thơ không phải trò chơi chữ chập chờn như đã có người nói mà là ám ảnh của một đời dài gian lao, lận đận.



Tập thơ gồm 108 bài, phần nhiều thơ ngắn, hai câu, năm mươi câu ; dăm bài dài nhất chỉ độ trăm câu. Hai mươi bài thơ (ngắn) làm từ 1965 đã in chung với thơ Dương Tường trong tập *36 Bài Tình* (1989). Bài *Cha Tôi* làm từ 1956. Đoạn văn xuôi *Nhân Con Ngựa Gõ* là tuyên ngôn của trường phái thơ Lê Đạt, trích đoạn một bài báo đã đăng trên tạp chí Tác Phẩm Mới

số 3-1992 trong đó tác giả xác định quan điểm sáng tác : " *thơ phải cô đúc, đa nghĩa. Đa nghĩa vì câu thơ mang nặng lịch sử chữ, hoạt động ở nhiều tầng văn hoá, cả trong ý thức lẫn vô thức người viết (...)* Nói như Valéry chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về giá trị (...) Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở nghĩa " tiêu dùng " nghĩa tự vị của nó mà còn ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu thơ và bài thơ " (tr. 50). Điều này hiển nhiên và không mới, các nhà văn nhà thơ phương Tây đã nói cách đây hàng trăm năm, nhóm ***Xuân Thu Nhã Tập*** tại Việt Nam đã vang vọng từ 1942 (in lại tại Hà Nội 1992). Từ thời Kháng chiến chống Pháp gian nan (1949) Nguyễn Đình Thi đã viết : " *Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kỳ diệu của thơ là mỗi tiếng mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng tên của sự vật, bỗng tự phá tung ra, mở rộng ra, gọi đến chung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra chung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy* ". Nguyễn Đình Thi đã dùng một hình ảnh cụ thể, đúng và đẹp : " *Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng ánh sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả chung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc chung quanh. Người xưa nói : thi tại ngôn ngoại.* " (1)

Về địa hạt này, bản thân tôi cũng đã có đóng góp nhiều bài. Thơ là gì ? Thơ hay và văn hay.
(2)

I. Lăm răm nắng cúc

Bóng Chữ của Lê Đạt ghi lại lịch sử một đời người, qua buồn vui một cá nhân, giữa thăng trầm của dân tộc, và trần trở của một nghệ sĩ thường xuyên tra vấn ngôn ngữ. Ba yếu tố ấy quện vào nhau làm nền cho tập thơ, nhưng thành phần thứ ba, những thí nghiệm ngôn ngữ có phần khúc mắc, che lấp tình, ý của tác giả, dễ làm người đọc lạc hướng và lạc lõng. Sự thật Lê Đạt chỉ tạo rung cảm mới bằng một vài thủ pháp : đảo ngữ, ẩn ngữ, nhấn mạnh vào ngữ âm, khai thác tính đa nghĩa trong từ vựng, sử dụng điển cố văn học một cách rộng rãi, từ tục ngữ, ca dao đến thi pháp nước ngoài. Khai thác kinh nghiệm những người đi trước, từ Baudelaire, Maiakovski đến thơ siêu thực và hiện đại Pháp, tiếp cận những lý thuyết văn học, ngữ học và nhân học mới, Lê Đạt thực tâm muốn làm mới thơ mình. Nói theo ngôn ngữ phê bình hiện đại, thì Lê Đạt khai thác triệt để khả năng văn học của ngôn ngữ về hai mặt từ hệ (*paradigme*) và từ tổ (*syntagme*), lịch đại (*diachronie*) và đồng đại (*synchronie*). Thơ Lê Đạt, dù câu kỳ, cũng không thoát khỏi bốn cạnh của ô vuông đó.

Thử đọc một câu thơ Lê Đạt :

*Liều đầu càn
độc thoại đoạn trường xanh*

(Tỏ Tình, tr. 35)

Chữ nghĩa, mặc nhiên, nhắc tới cuộc chia ly trong Chinh Phụ Ngâm :
*Liều dương biết thiếp đoạn trường này chẳng
(Dương liễu na tri thiếp đoạn trường)*

Chữ độc thoại sâu sắc : con người hỏi cây liễu về nỗi lòng mình, còn cây liễu thì... hỏi ai ? Lê Đạt đã nói lên được niềm cô đơn câm nín của những cuộc đời không có tiếng nói, hay có tiếng nói mà không ai nghe, không ai hiểu.

Chữ xanh trong " *đoạn trường xanh* " rất hay vì nhắc lại ý " *đoạn trường tân thanh* ", và tạo cho hai chữ " *tân thanh* " một ý nghĩa khác với Nguyễn Du.

Vẫn một chữ liễu :

*Cầu nước chảy
bóng chiều xuân tha thướt
Xanh Thanh minh em thổi liễu vô hình*
(bài Nguyễn Du, tr.112)

Câu thơ nhắc đến Kiều, đoạn tả Thanh minh :

*Dưới dòng nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

và có lẽ cần nhớ thêm cầu thệ thủy với quán thu phong của Ôn Như Hầu. Trong Kiều, khi chàng Kim ngoái lại nhìn, còn thấy Thuý Kiều, dần dần hình ảnh cô gái nhòa đi trong dáng liễu, nhưng vẫn còn dáng liễu và ánh nắng. Trong Lê Đạt, hạnh phúc qua đi là mất hết.

Một chữ liễu khác :

*Cười tít ông già gốc liễu
Ở ẩn
còn trông bích đào*
(bài Đào Uyên Minh, tr.102)

Đào Tiềm, tự là Uyên Minh có bài ký kể *Chuyện Ông Già Năm Cây Liễu*, lánh đời, ẩn dật bên cạnh năm cây liễu. Câu thơ Lê Đạt tinh quái ở một chữ " còn " đối lập " ở ẩn " với " bích đào ", ý nói tránh tục lụy mà vẫn còn mê nhan sắc. Chữ *cười tít* thân mật, hài hước, ngụ ý : trông liễu, trông cúc hay bích đào, mê say cái này hay cái khác ở đời, cũng vậy thôi.

Người xưa có chuộng cánh chim chiều trên núi Nam San như Đào Tiềm hay yêu cô gái hái sen như Bạch Cư Dị :

*Cô gái trộm hái sen
về ủ tuổi
Lỏng khuy cài
gió thổi
một dòng hương*

(bài Bạch Cư Dị, tr.104)

Ngày nay thích cái quần *jìn xố dài* cũng vậy thôi.

Bài thơ về Hồ Xuân Hương vốn vẹn hai câu :

*Xuân chẳng buông hương,
Sao bướm vượt đường
Kìa hoa leo tường
là hoa dâm bụt*

(bài Hồ Xuân Hương, tr.112)

Câu sau câu trúc theo đồng dao lại dựa trên hình ảnh leo tường theo cổ vắn (Mạnh Tử, Tống Ngọc...) gọi cảnh trai gái vụng trộm, nhưng người đọc không cần hiểu đến ngành đến ngọn như thế, cũng đoán ra được ý. Và hay nhất là chữ " *dâm bụt* ", một loài hoa dại " *không trông mà mọc* " tươi thắm, lộ liễu, nở trên những hàng rào bờ giậu : đã bụt rồi mà vẫn còn... dâm. Ranh mãnh không kém Xuân Hương. Một lối đối lập như vậy nhưng đau thương hơn :

Ai xui em đẹp em xinh

Ba lần con thiến gáy

(Mới Tuổi, tr.25)

Đau đớn vì một chữ " *thiến* " : con gà, bộ phận sinh dục bị phế thải, mà vẫn còn tình yêu, vẫn còn thê thiết " *gáy* ". Tiếng gọi tình tuyệt vọng, " *nào nùng* " hơn tiếng gà trong thơ Lưu Trọng Lư. Ba lần là tiếng gọi hồn :

Hương thấp ba lần

không đáp lửa

Hồn có nhà

hay bát mộ đi xanh

(Thanh Minh, tr.134)

Thơ Lê Đạt thường đòi hỏi người đọc phải suy nghĩ về từ ngữ, ngay cả trong những đề tài thời sự :

Tuổi Việt Minh

thu bằm sáu bến cờ hồng

Áo bướm phố truyền đơn

Nắng rằm

má bông thơm mười chín

(Tuổi Việt Minh, tr.100)

Hai câu đầu dễ đoán : Hà Nội ba mươi sáu phố phường, vào những ngày cách mạng mùa thu tràn ngập cờ hồng. Và truyền đơn bướm bướm bay như những tà áo, Hàng Đào, Hồ Gươm đã một thời nổi tiếng. Nhưng còn " *má bông* " ? Ở đây phải biết câu tục ngữ : tháng tám nắng rằm trái...buổi, chị em với...bông ! Từ đó, lộ ra ý " *tháng tám* " và " *mười chín* " là ngày Hà Nội cướp chính quyền 19-8-1945. Dĩ nhiên ai hiểu *tuổi mười chín thơm đôi má hay má chín như trái bông*, cũng không sao.

Thu Nhà Em là một bài thơ hay và trong sáng :

Anh đến mùa thu nhà em

Nắng cúc lăm rằm vũng nhỏ

Mà cho đầy rửa lông mày

Nông nổi heo may từ đó

Mưa đêm tuổi nổi ao đầy

Đôi cốm đường thon ngõ cỏ

Bướm lượn bay hoa ngày

Tin phấn vàng hay thuở gió

Tóc hong mùi ca dao

Thu rất em

và xanh rất cao

(Thu Nhà Em, tr.26)

Âm điệu bay nhẹ trên những cánh thơ sáu chữ nhiều âm bằng, nhiều chữ em và vần m. Một câu thơ cô đúc :

Nắng cúc lăm rằm vũng nhỏ

Chữ " *lăm rằm* " không có trong từ điển, có lẽ do Tản Đà sáng tạo trong bài Gửi Chị Hàng Cau (1916) :

Ai đang độ ấy lăm rằm mắt

Tản Đà tạo ra từ " *lăm rằm* " trên nhiều cơ sở : tiếng Việt đã có những chữ na ná : " *lăm tấm* " và " *lâm râm* " : *mưa lâm râm ướt đầm lá hẹ* trong ca dao. Lại có :

- *Cô nào con mắt lá rằm*

Đôi mày lá liễu đáng trăm quan tiền

- *Cổ tay em trắng như ngà*

Đôi mắt em liếc như là dao cau

Bài thơ Tản Đà gửi cô hàng cau, và gợi hình ảnh đôi mắt tình tứ. Trong câu thơ Lê Đạt, chữ *lăm rằm* tả ánh nắng lăm tấm, lăm tằm trên vũng nước, mà đồng thời gợi tác dụng của đôi mắt : hình ảnh toàn bài thơ phản ánh ca dao :

Trên trời có đám mây xanh

(...)

Đừng rửa lông mày chết cá ao anh

Trong thơ Lê Đạt " *vũng nhỏ* " nhắc lại đôi mắt, vào một ngày thu biêng biếc : nước phải thật trong và trời phải thật xanh, như trong thơ Nguyễn Khuyến, lại có thêm nắng cúc vàng hanh ẩm áp.

Bình thường không ai nói " *nắng cúc* " mà chỉ nói trà cúc, rượu cúc : do đó màu nắng dậy lên chất men ngây ngất. Cảm giác ấy, ta có gặp trong văn xuôi : " *Buổi sáng mùa đông ngây ngất vào lối 10 giờ* " (Thanh Tâm Tuyền, ***Bếp Lửa***, tr.11) hay thơ Huy Cận : *Chỉ biết trời xanh là ta say*. Người xưa nói : *thu ẩm hoàng hoa tửu* là ám chỉ rượu cúc. Lê Đạt không nói gì về rượu, người đọc vẫn ngây ngất, cho đến câu cuối :

Tóc hong mùi ca dao

Thu rất em

và xanh rất cao

Câu thơ trước chỉ vồn vện năm chữ mà nói lên được năm cảm giác của ngũ quan. Câu dưới biến từ loại (*nature grammaticale*) thành từ tính (*qualificatif*). Chữ " *rất* " biến " *em* " thành tính từ, trong khi chữ " *xanh* " trở thành thể từ. Không gian từ hữu thể như tan biến, như thăng hoa thành vô thể, trong " *quãng trời hình như không có màu nữa, cao lên và rộng mông mênh* " (Nhất Linh, trong ***Đôi Bạn***, tr. 211).

Thu Nhà Em là một bài thơ hay và hàm súc. Bình luận sẽ không cùng khi đã biết rằng :

Nông nổi heo may từ đó...

- **Đặng Tiến**
- **(còn tiếp)**

(1) In lại trong Tác Phẩm Mới, Hà Nội, số 3-1992

(2) Giai Phẩm Văn, Sài Gòn, tháng 10 và 12 năm 1973

"Đại Nam Quốc Tự" trước nhu cầu văn hoá du lịch

*

Trần Kiêm Đoàn

Mở đầu, mong người đọc vui lòng chớ vội nhả mặt vì những danh từ đao to búa lớn đem làm đề tài cho một bài viết nhỏ như bài này. Thật ra, người viết chỉ nhắc lại nguyên chữ, nguyên dòng đã được đặt tên cho một công trình du lịch đang được xây dựng trên đất nước Việt Nam sắp đến ngày hoàn mãn, khai trương.

Chúng tôi về Bình Dương ngày 13 tháng 4 năm 2008 với mục đích đến thăm một trung tâm du lịch đã được bằng dân thiên hạ trong cũng như ngoài nước nói đến khá nhiều. Khi còn ở California, tôi được nghe người ta thông tin rằng: "Đại Nam Quốc Tự rộng hơn cả quảng trường Thiên An Môn của Trung Hoa..." Thật vậy, Thiên An Môn được xây dựng từ năm 1417 và trùng tu lại năm 1949 trên một diện tích 440.000 mét vuông.



Theo tin tức báo chí thì khu "Đại Nam Thế Giới Du Lịch" được khởi công xây dựng từ năm 2003. Công trình có tổng số vốn đầu tư là 3.000 tỷ đồng tiền Việt Nam (khoảng 200 triệu đô la Mỹ). Giai đoạn 1 thực hiện đến năm 2007 với 261.000 mét vuông và giai đoạn 2 dự trù hoàn tất vào năm 2010. Tổng thể công trình nghe đâu sẽ là 450.000 mét vuông - rộng hơn quảng trường Thiên An Môn 10 nghìn mét!

Với một quy mô có tầm vóc chiếm lĩnh đất đai nhiều như thế, hẳn nhiên mọi người không ai phủ nhận được rằng, đây là một công trình xây dựng "to" (big) thật. Nhưng giá trị của một công trình xây dựng có "lớn" (great) nổi hay không còn tùy thuộc vào 4 yếu tố: (1) Nội dung xây dựng, (2) đường nét kiến trúc, (3) màu sắc hoà điệu và (4) biểu tượng văn hoá. Chùa Một Cột, tháp Báo Thiên, chùa Thiên Mụ, cửa Ngọ Môn, nhà thờ Đức Bà... trở thành những biểu tượng văn hoá, mang "chỉ số vàng" trong nghệ thuật kiến trúc, chẳng phải vì có kích thước to nhỏ mà chính là vì có được vẻ đẹp truyền thống, hài hoà từ nội dung đến hình thức.

Đại Nam Thế Giới Du Lịch nhìn từ xa, khách viếng đã nhìn thấy bóng dáng những ngọn núi đá giả cao tới sáu, bảy chục mét. Có lẽ tại công trình còn quá mới, thời gian và rêu phong chưa đủ phủ lên màu cổ kính nên những mảnh núi lởm chởm trông còn rất... xi măng. Càng vào sâu, khách càng mở lớn mắt vì bị đánh động bởi những hình thù kiến trúc kỳ dị và màu sắc sặc sỡ của những khu thiết trí mang những tên gọi khác thường và khó hiểu.



"Đại Nam Quốc Tự" mới là một công trình xây dựng điển hình làm trái tim của Đại Nam Thế Giới Du Lịch này. Đây là một tòa nhà rất lớn, mang hình ảnh mái cong nền đá, cột trụ của ngôi chùa cổ. Bên ngoài, "gam" màu tổng quát là vàng chói, nhưng ở phía các góc điểm những hoa văn xanh đỏ lòe loẹt. Xung quanh nhà chùa là hồ cá, thác nước đầu tư nhiều công của. Mỗi phiên màu và mỗi mảng kiến trúc hầu như đều hăm hở tự phát vươn lên khoe sắc nên cái nhìn "bắt mắt" lúc đầu chuyển dần sang sự tò mò, rồi thắc mắc tự hỏi: "Ngôn ngữ hình thức của tổng thể công trình đang muốn nói

lên điều gì đây?" Câu hỏi còn quá mới hay quá sớm. Trong khi chưa có sự trả lời, người ta bỗng nhớ đến những ngôn ngữ hình thức "uy vũ thâm lặng" của Đại Nội Huế, "quyền lực ngự trị" của điện Birmingham, "quý phái huy hoàng" của điện Versailles, "uy nghi che chở" của toà thánh La Mã... Cả nghìn năm qua, người ta vẫn thường nhớ đến ý kiến của thiên tài điêu khắc Michelangelo khi nói đến những công trình xây dựng: "Cung điện tượng đài thiếu mất một ngôn ngữ tổng thể là một tuồng hát câm không hồi kết thúc!"

Có quá muộn màng chẳng hay còn quá sớm khi phải nói đến sự khập khiễng của tính văn hoá trong công trình xây dựng "Đại Nam Quốc Tự" này?

Trước hết là vấn đề về danh xưng. Với công trình xây dựng các trung tâm giải trí vui chơi như Disneyland, Six Flags, Đầm Sen, Suối Tiên... chẳng hạn, các nhà khai thác, tuy vẫn phải theo những quy cách cơ bản của văn hoá và xã hội quy định, nhưng vẫn có nhiều tự do khai tên, đặt họ cho cơ sở kinh doanh của họ. Thế nhưng, với một công trình xây dựng mang tính tôn giáo, truyền thống, lịch sử cụ thể và nhất định nào đó, cá nhân hay tập đoàn chủ quản có bản lĩnh và có lòng tự trọng lại không thể tùy tiện muốn đặt hiệu, xưng danh thế nào cũng được. "Đại Nam Quốc Tự" là một danh xưng hoàn toàn bất ổn về cả hai mặt tôn giáo và văn hoá. "Quốc Tự" là những ngôi chùa được triều đình sắc phong trong các triều đại mà đạo Phật được xem như là quốc giáo. Ngày nay, nước Việt Nam có đến 6 tôn giáo lớn (đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Hoà Hảo, đạo Thờ Cúng Tổ Tiên) lẽ nào lại có một sự lạm xưng "quốc tự" bất chấp đến như thế.

Trên cổng tam quan - cửa chính dẫn vào "Đại Nam Quốc Tự" (ĐNQT) - ngay trên biển chính, có ghi 4 câu bằng chữ quốc ngữ như sau:

*Dự kim khuyết hội Trời Tam Giáo
Hội tam thanh điểm đạo linh căn
Long đình bửu ngọc tứ ân
Hoa sen đua nở mừng căn thiện lành*

Xin tạm gác một bên sự nhận định về nội dung, nghĩa lý, văn phong và từ ngữ tối tăm, khó hiểu như mật chú của 3 câu đầu bằng chữ Hán-Việt. Câu thứ tư xuất hiện bằng chữ thuần Việt là điều xưa nay chưa từng thấy trong mẫu mã cấu trúc của những biển đại tự, thường được sử dụng để nói lên mục đích, ý nghĩa và tinh thần chủ đạo của một đền thờ hay tự viện. Sự nhất quán thuần Nôm hay thuần Hán-Việt đã trở thành một hình thức ngôn ngữ truyền thống quy ước. Có những sự "chưa từng thấy" đầy nghệ thuật vì tính sáng tạo và độc đáo. Ngược lại, có "sự chưa từng thấy" đầy lộn chồn vì tính đơn giản và vụng về!

Bên trong "Đại Nam Quốc Tự" là một thế giới đầy màu sắc chói lọi. Đặc tính kiến trúc ở đây là một sự kết hợp lạ mắt giữa kiểu cách chạm trổ cung đình và đường nét hoa văn tự viện. Nhìn tổng thể, sự cầu trúc công phu, tôn kém nhưng thiếu tinh xảo. Một người làm thơ có thể làm ra vạn bài thơ nhưng không phải là thi sĩ vì thiếu hồn thơ. Một tác giả có thể in nhiều sách chất cao quá đầu, nhưng chưa hẳn đã có được một tác phẩm hay vì thiếu mất tài hoa tinh túy. Một tự viện đồ sộ nhưng không là chốn thiền môn vì chân tâm bị khuất lấp nên Phật tánh khó tỏ bày.



Tiền đường của "Đại Nam Quốc Tự" thờ ba tượng đồng kích thước bằng nhau. Xếp thứ tự từ trước đến sau: Tầng thứ nhất là tượng cụ Hồ Chí Minh. Tầng thứ hai là tượng đức quốc tổ Hùng Vương. Tầng thứ ba là tượng đức Phật.

Hai bên tượng đức Phật có ghi hai câu thơ lục bát của cụ Nguyễn Du, chữ sắp theo hàng dọc và xếp từ trái sang phải theo hình thức câu đối. Hai hàng chữ lớn đó đập ngay vào mắt khách. Nguyên tác tuyệt vời của Tố Như:

*Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Đã bị sửa lại như sau:

*Thiện căn **hoạ phúc** ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Người đọc bỗng chạnh lòng thương Nguyễn Du. Thơ của thi hào dân tộc bị vật lộn, "trùng tu", bởi một nhân vật nào đó chẳng những đã không hiểu tư tưởng Nguyễn Du lại còn "ngoại đạo" với triết lý Phật giáo. Cái Thiện Căn - là chân tánh; là bản lai diện mục như như tự tại - trong triết lý trái tim của nhà Phật bị cột buộc vào phạm tướng Hoạ Phúc... là một nghịch lý dung tục khó tưởng tượng lại ngấm nhiên xuất hiện tại "Đại Nam Quốc Tự"!



Đã có một vài nhà báo gần đây cho rằng: "Tổng thể của khu du lịch (Đại Nam Thế Giới Du Lịch) dài 13 km là một công trình tôn vinh văn hoá Việt Nam từ xưa đến nay." Rất có thể có một thiện chí "tôn vinh văn hoá" nào đó. Thế nhưng một sự tôn vinh vung vãi của tiền tùy hứng, không căn cứ trên một căn bản hay tiêu chí văn hoá nào nghiêm túc thường mang lại một phản tác dụng phi văn hoá; nhất là trong lĩnh vực kiến trúc, thiết kế, tôn tạo những cảnh quan du lịch. Rick Kieffer, kẻ tự hào đã đi khắp cùng trái đất đã viết trong nhật ký du lịch của mình - Rick's Diary: "Một công trình du lịch nghèo tính chất văn hoá là một mỹ nhân ngư không có giọng hát mê hồn."

Những kỳ quan thế giới, những công trình du lịch còn sống mãi trong lòng thế giới có nhiều nét giống nhau và khác nhau

về nhiều mặt. Tuy nhiên, nét nổi bật chung nhất vẫn là yếu tố văn hoá trong mọi cảnh quan và hình thái.

Ngày nay, mở những tập hướng dẫn du lịch của thế giới, ngành du lịch Việt Nam đang có một chỗ đứng đầy cuốn hút đối với du khách toàn cầu. Đi du lịch là đi tìm và thưởng thức những nét đặc thù văn hoá của đất nước và con người. Nhân danh tổ quốc, truyền thống, lịch sử và xã hội nhân văn của đất nước mình để đầu tư xây dựng cơ sở, hình thành những đối tượng du lịch là một việc làm trọng đại. Nó đòi hỏi phải có sự kết hợp nghiêm túc giữa hai nguồn vốn không thể tách rời: Nguồn vốn vật chất và nguồn vốn văn hoá.

Huế, ngày mưa cuối tháng Tư, 2008
Trần Kiên Đoàn

Nhật ký Vesak 2008

*

Trần Kiêm Đoàn

Lần đầu tiên trong các chùa chiền tu viện Phật giáo Việt Nam, người ta bắt đầu nhắc đến một danh từ hơi lạ: Vesak - Phật đản Tam hợp. Nghĩa là một lễ kỷ niệm gồm cả 3 dấu mốc quan trọng trong đời đức Phật thời tại thế cùng hợp lại: ngày sinh, ngày thành đạo và ngày nhập diệt của đức Phật Thích ca Mâu ni.

Mùa hè năm ngoái, tháng 5-2007, trong lần gặp thầy Lê Mạnh Thát với anh em cựu sinh viên Vạn Hạnh tại trung tâm Quảng Đức, thầy cho biết là sau 4 lần liên tiếp tổ chức Vesak tại Thái Lan, Hội Phật giáo Thế giới muốn luân phiên tổ chức Vesak tại các nước châu Á như Việt Nam, Hồng Kông, Đại Hàn, Nhật Bản. Thầy Lê Mạnh Thát vui vui nói rằng, thầy lo nếu tổ chức tại các nước khác, phương tiện của họ quá dồi dào và hiện đại, sợ khi đến mình không kham nổi nên "vớt" ngay cơ hội có Trung tâm Hội nghị Quốc gia mới xây, thầy ngỏ ý mượn hội trường chính phủ và được chấp thuận.

Suốt một năm sau đó, việc tổ chức Vesak 2008 tại Việt Nam trở thành một đề tài nóng bỏng trong cũng như ngoài nước, nhất là trong hoàn cảnh chính trị, xã hội và tôn giáo Việt Nam đương đại. Thầy Thích Nhật Từ cũng có ngỏ ý mời tôi vào ban phiên dịch và đóng góp tham luận cho Vesak 2008. Nhưng vì thường muốn giữ tâm an nhiên, trí rỗng lặng cho những mùa Phật đản nên tôi không tham gia các sinh hoạt "phóng tâm và động não" từ ngày về hưu, nên đã xin phép thầy sẽ tham gia vào một dịp khác.

Vesak là tên gọi tháng Tư của năm theo lịch Ấn Độ. Người Ấn Độ theo Phật giáo xem tháng Vesak là một thời điểm thiêng liêng. Ngày trăng tròn tháng Tư là ngày đã diễn ra 3 sự kiện trùng hợp đặc biệt gắn liền với cuộc đời của đức Phật.

Tuy đại lễ Vesak đã được tổ chức tại các quốc gia theo đạo Phật Nam tông như Tích Lan, Miến Điện, Thái, Lào, Miên vào những thời kỳ rất xa xưa, nhưng mỗi nước chọn theo một thời điểm và cách thức riêng để đón mừng ngày đản sanh của đức Phật. Cho đến ngày 15 tháng 12 năm 1999, theo đề nghị của 34 quốc gia, Đại Hội đồng Liên hiệp quốc mới chính thức công nhận đại lễ Vesak là một lễ hội mang tính chất văn hoá, tôn giáo quốc tế của Liên hiệp quốc để tôn vinh giá trị đạo đức, văn hóa, tư tưởng và tinh thần bất bạo động của đức Phật.

Trong 4 năm qua, Vesak được tổ chức tại Bangkok, Thái Lan theo một thời điểm mang tính lễ hội "festival" hơn là lễ nghi tôn giáo như sau:

Năm 2004 (nhằm Phật lịch 2547): Từ 16 đến 20 tháng 7

Năm 2005: Từ 18 đến 20 tháng 5

Năm 2006: Từ 07 đến 10 tháng 5.

Năm 2007: Từ 26 đến 29 tháng 5.

Năm 2008: Từ 13 đến 17 tháng 5 tại Hà Nội, Việt Nam (đang tiến hành).

Hôm qua, từ xứ Huế với trời mưa ào ạt như ai "cầm chĩnh trút", tôi đi máy bay Vietnam Airlines ra Hà Nội. Phút chót, trước khi rời Huế, tôi gặp thầy Thích Tâm An và chừng vài mươi thanh niên trẻ tuổi đang làm khán đài trên bến sông Hương, cạnh Nghinh Lương Đình, đối diện với cột cờ và Phu Văn Lâu. Thầy cho biết là đang ráo riết chuẩn bị buổi lễ khai mạc "Bảy đóa sen mừng Phật đản" trên sông Hương. Đây là một công trình đầy tâm huyết và sáng tạo của tập thể tăng ni sinh và giới trẻ Huế. Đứng ở Nghinh Lương Đình, sau màn mưa tầm tã tháng Năm hơi bất thường của Huế, tôi có thể nhìn thấy rõ bảy đài sen hồng, mỗi đài lớn bằng nền ngôi tháp cổ, được đặt theo hàng dọc ngay giữa dòng sông Hương, phía Đông cột cờ. Không kèn, không trống, không lời...; nhưng một cảm giác an lạc, cao vợi và thăm thẳm lan toả trên sông và trong lòng người đối cảnh. Hơi khác với mọi năm, Huế - thường được mặc nhận là "thủ đô Phật giáo" trong cả nước - đang có vẻ như rộn ràng hâm nóng hậu cảnh cho một mùa "Phật đản Liên hiệp quốc". Thế nhưng những dòng sông tâm linh của Huế dường có trôi chảy tận đâu thì vẫn không muốn xa rời biển mẹ. Theo thầy Thích Hải Ấn cho biết, phái đoàn Phật giáo Huế được mời 140 vị nhưng chỉ có 32 vị ra Hà Nội dự Vesak. Trong khi đó, nghe nói đã có 19 nghìn người ghi tên, nhưng khả năng của Trung tâm Hội nghị Quốc gia (National Convention Center) tại Hà Nội chỉ đủ cho 3.500 người tham dự.

Chuyến bay Airbus Huế đi Hà Nội có trên vài trăm hành khách nhưng chỉ có vài chục là người Việt, còn lại hầu hết là khách nước ngoài da trắng.

Trên máy bay, tôi gặp "duyên" ngồi bên cạnh thầy Thích Chơn Phương, trụ trì chùa Thọ Đức. Thầy cho biết là đã được Hội đồng Phật giáo Thế giới trực tiếp mời tham dự Vesak 2008 tại Hà Nội. Suốt một giờ đàm đạo trên đường bay, tôi vừa hơi ngạc nhiên, vừa vui mừng khi thầy Chơn Phương nhắc đi nhắc lại một câu nói đầy ý nghĩa: "Thầy cùng tinh thần với các Phật tử như anh: Theo Phật chứ không theo bên nào cả. Đừng lôi hành chánh vào lĩnh vực thầy tu"!

Phi trường Nội Bài nắng nhẹ vàng mơ như trời cuối thu. Ra khỏi phòng kiểm soát hành lý ở phi trường, đã có sẵn hai ba nhóm đặt bàn, trưng bày nhân viên ban tổ chức "Vesak", ân cần hỏi han giúp đỡ và hướng dẫn phương tiện, khách sạn. Tôi và nhà tôi được hỏi là thuộc phái đoàn, tổ chức nào về dự Vesak. Tôi nói là chúng tôi đến Hà Nội với tư cách cá nhân của những người Phật tử thâm lặng về dự Phật đản chứ hoàn toàn không thuộc tổ chức hay phái đoàn nào cả. Thế nhưng chúng tôi vẫn được hướng dẫn một cách nhiệt tình về những tin tức liên quan đến hội nghị.

Hôm nay là ngày 13-5-2008, ngày mở đầu cho Vesak đầu tiên tại Việt Nam. Chúng tôi đến Trung tâm Hội nghị Quốc gia vào lúc 9 giờ sáng. Sau thủ tục kiểm tra an ninh ngoài cổng chính, khách đi vào trong khuôn viên của Trung tâm. Muốn được vào nhà Trung tâm, đòi hỏi phải có mang biển đăng ký do cơ quan công an cấp. Trong số những người đứng chờ bên ngoài để được vào hội trường, tôi là một trong dăm ba người "thoải mái" vì biết đương nhiên là mình sẽ không vào được bên trong nên chuyện trò để hiểu thêm tình hình mà chẳng chờ đợi một cái gì cả. Tôi đứng bên ngoài đến 11 giờ. Nghe thầy Thích Trung Hậu, bác sĩ Tôn Thất

Chiều từ trong hội trường ra cho biết là có quá nhiều người đang chờ nhận thẻ thông hành dự hội nghị, nhưng công an chưa gửi qua.

Một bà cụ ở Pháp về, trong số những người "chưa đăng ký", đứng ngoài trời nắng vừa lau mồ hôi vừa phân bua (với ai không rõ), rằng bà đã từng tham dự những cuộc hội họp quốc tế mang tính cách tôn giáo, xã hội, chính trị với sự tham dự của cả trăm nghìn người mà mọi việc vẫn diễn ra trôi tròn. Theo bà, thì danh nghĩa ngày "Đại lễ Phật đản Liên hiệp quốc" tổ chức theo kiểu nghị trường, quần chúng không được tự do tham dự như một ngày lễ hội tôn giáo thế này cần phải được đổi lại là "Hội nghị Phật giáo Quốc tế nhân dịp kỷ niệm Tam hợp" (International Buddhist Conference on Vesak) mới đúng nghĩa. Tôi rất tâm đắc với ý kiến này. Giáng sinh, Phật đản, Giỗ tổ Hùng vương... là ngày lễ của mọi người. Đặc biệt Vesak là dịp quy tụ những danh tăng quốc tế, những cư sĩ, trí thức, học giả có tiếng tăm của Phật giáo khắp thế giới; nhưng quần chúng không được tiếp cận, chiêm đón, lắng nghe, chia sẻ... là cả một sự thiệt thòi đáng tiếc cho cả đôi bên. Đành rằng vấn đề an ninh là ưu tiên hàng đầu cho mọi cuộc quy tụ, lễ hội quần chúng. Nhưng không thể vì thế mà biến một cuộc lễ hội đại chúng như ngày Phật đản trở thành một cuộc tham luận nghị trường! Mong Hội đồng Phật giáo Thế giới, mà Phật giáo Việt Nam là một thành viên, quan tâm đúng mức đến vấn đề này.

Nhân dịp mùa Phật đản đang về, thành tâm kính chúc chư tăng ni, quý đạo hữu và thân hữu Phật giáo thân an lành, tâm pháp lạc. Kính chúc Vesak 2008 tại Hà Nội Việt Nam đang tiến hành được thành công tốt đẹp.



Ngày 14 tháng 5 năm 2008

Khai mạc

Từ khách sạn Cửu Long trên đường Trần Duy Hưng, Lê và tôi lững thững đi bộ tới Trung tâm Hội nghị Quốc gia ở khu Mỹ Đình, Hà Nội. Trên đường đi, nhiều nhóm tu sĩ và Phật tử áo nâu, áo lam cũng cùng đi về phía hội trường. Hôm nay là ngày khai mạc chính thức của Lễ hội Phật đản Liên hiệp quốc Vesak 2008 tại Hà Nội.

Dẫu biết rằng mình chỉ là một Phật tử thâm lặng không có thẻ vào cửa Hội trường, nhưng chúng tôi vẫn đến khu Mỹ Đình như người "hành hương" trong chính tâm thức của mình. Tôi muốn có niềm an lạc được gần gũi và vái chào những bậc cao tăng, danh sĩ Phật giáo từ những vùng chùa tháp, tự viện xa xôi trên thế giới đổ về tụ hội nơi đây. Bản thân mình và bằng hữu đều có chung một kinh nghiệm thực chứng rằng, được ngồi gần những bậc tu hành

cao tăng tôn túc như đức Đạt Lai Lạt Ma... chẳng hạn, là được tiếp cận một vùng "phát sáng" đầy năng lượng tâm linh. Con người như chiếc máy thu thanh bắt được tần số của làn sóng điện đang phát thanh một chương trình tuyệt diệu nào đó. Đối thể được tiếp nhận nhờ đó mà thu nhận được một nội dung đầy hoan lạc vô hình.

Khi đến trước cổng vào số 2 của Trung tâm Hội nghị, đã có quá nhiều người đang lũ lượt đứng chờ kiểm tra an ninh vào cửa. Đọc trên thẻ tham dự to bằng bàn tay của các tham dự viên đeo lưng lẳng trước ngực, tôi nhận ra có 4 hạng khách tham dự khác nhau được ghi bằng tiếng Anh, chữ lớn, đứng xa cũng đọc được: (1) Organizer (ban tổ chức), (2) Staff (nhân viên), (3) Delegate (phái đoàn) và (4) Observer (người tới xem).

Số người đứng bên ngoài như chúng tôi lên tới hàng nghìn. Phía ngoài cổng chính, màu áo vàng tươi của phái quý thầy và sư cô phái tịnh độ; áo màu đất sậm và vàng nâu đỏ của quý sư phái thiền tông; áo màu đỏ tươi khoác bên ngoài áo vàng của các nhà sư miền Ấn Độ, Tích Lan; màu áo nâu và lam đơn giản của tăng thân làng Mai và Phật tử từ bốn phương kéo về... đã làm tươi mới những con đường vào cổng chính của Hội trường.

Được chiêm ngắm dáng vẻ thanh thản an nhiên, nhìn nụ cười sống thực và hòa ái; được xá tay đánh lễ và nhận đáp lễ giản đơn, an tịnh với các nhà sư - có vị mặt đẹp như Ca Diếp, có vị mặt dáng "sư tử hồng" mà lẳng thĩnh như Đạt Ma Tổ Sư... - chưa từng gặp, chưa từng quen từ những phương trời xa lạ về trên mảnh đất này, đối với chúng tôi, quả là một ân đức tâm linh. Dưới nắng vàng và trời cao lồng lộng, có hội trường nào đủ lớn để chứa hết lòng kính ngưỡng; để gói cho tròn cảm nhận thương yêu và giữ mãi được niềm tin trong chính nó! Có bài diễn văn, lời phát biểu, cuộc tham luận nào nói hết muôn triệu lời trong một lời và một lời chứa muôn triệu lời bằng sự im lặng như hải triều âm trong lúc này.

Trong biển áo vàng, nâu, lam... tôi tìm được an lạc ngay giữa dòng đời xao động. Người ta có thể đang hạnh phúc với một đối tượng tinh thần mà đâu cần phải dính mắc với hình thức hay tổ chức. Khi chúng tôi dọn mình cung kính đánh lễ chư tôn đức và các thiện hữu ngay ngoài cổng chính rồi thanh thản quay về lại phòng trọ không một chút băn khoăn vì không vào cổng được thì thực tế đời thường lại kéo về thực tại. Phan Duy Nhân ở đâu gọi tới. Tiếng anh có vẻ vui mừng như một đáp số vừa tìm ra cho một bài tính khó:

"A ha! Ta tìm được cách cho ông vào rồi..."

Tôi còn đang thắc mắc chưa biết cách nào - bằng môn tả đạo hay chánh đạo - thì Duy Nhân đã nói tướng trong phen:

"Cậu cứ chờ mình trước cổng số 2, nghe!"

Nhân đến, lục lọi ra được tám thẻ "Organizer" dành cho ban tổ chức vừa chìa ra cho tôi, vừa băn khoăn rút lại:

"Ồ, mà không được. Đeo 'ban tổ chức mượn tạm' sợ gặp nhiều lời thôi phiền não lắm."

Khi Duy Nhân nhường cái thẻ "Delegate" mà anh đang đeo cho tôi thì lại gặp thêm một trở ngại lớn. Dẫu có muốn đi tu chẳng nữa thì cũng phải phát huy truyền thống dân tộc "đói no có thiếp, có chàng..." chứ làm sao tôi nỡ vào hội trường một mình, để lại nhà tôi... vợ ngoài cửa thành Hà Nội được! Thế nhưng rồi, cái "duyên" ở đâu cũng đến! Duy Nhân cuối cùng

cũng xoay xở cho cả hai chúng tôi đều được vào dự. Tuy muộn màng nhưng còn hơn không vào được.

Hội thảo

Trung tâm Hội nghị Quốc gia ở khu Mỹ Đình, Hà Nội là một hội trường lớn, được xây dựng mỹ thuật và hiện đại theo tiêu chuẩn "convention center" thời tự động và điện tử hóa của thế giới. Phải vất vả đi hết ba vòng sáu trảo loanh quanh mới kiếm ra được hai ghế trống hàng sau cùng. Có vẻ như tu sĩ chiếm đại đa số. Màu áo vàng chiếm ngự phần lớn các dãy ghế trong hội trường.

Sau khi đã an định được chỗ ngồi, quan sát kỹ, tôi hơi ngạc nhiên pha một chút cảm khái vì trên sân khấu làm lễ đài và khắp nơi trong hội trường chỉ có hoa đèn và cờ Phật giáo. Tuyệt nhiên không có sự xen lẫn của một mảng chính trị nào. Hình ảnh, màu sắc và cung cách mà tôi đã bị dìm ứng nặng nề trong suốt đời mình là sự trộn lẫn chính trị vào tôn giáo. Đặc biệt, hình ảnh "khó nuốt" nhất là tượng đức Phật đem... phụ diễn bên cạnh tượng lãnh tụ; hay khẩu hiệu sáo mòn, rỗng tuếch đem đặt với lời kinh cao viễn. Biểu tượng tâm linh để quán niệm và chiêm bái nhất định không thể bị hạ thấp ngang tầm với biểu tượng hành động để cổ xúy đấu tranh và chiến đấu được. Đạo pháp và dân tộc là một cuộc đồng hành nhân bản. Không thể có một cái đuôi chủ nghĩa chính trị nào áp đặt vào mà vừa vặn cả.

Sau lễ chào cờ Phật giáo, thả chim bồ câu và bong bóng màu ngoài trời, phía trước hội trường, lễ khai mạc chính thức diễn ra trong hội trường.

Lễ khai mạc kéo dài suốt buổi sáng ngày 14-5-2008 với 15 tiểu mục và quy tụ trên 20 lượt các nhân vật quan trọng trực tiếp hay đại diện cho các vị nguyên thủ quốc gia lên diễn đàn phát biểu. Nội dung các bài phát biểu, nói chung, đều phản ánh ngôn ngữ lễ nghi, hình thức, ngoại giao rất hoàn chỉnh và tròn trịa. Tất cả đều mở đầu bằng thông điệp chào mừng, đến lời ngợi ca truyền thống từ bi, hỷ xả, vị tha, hiếu hòa và hiếu hạnh của đạo Phật trong dòng lịch sử nhân loại, lịch sử Việt Nam và giáo sử đạo Phật. Hầu như khía cạnh chính trị đã được gạt giữa và giảm thiểu tới đa nên đã tạo được một không khí tương đối đượm tính tôn giáo thuần túy trong suốt phần khai mạc, mặc dầu có sự tham dự của các nhân vật cao cấp Liên hiệp quốc, Phật giáo thế giới và ông Nguyễn Minh Triết, chủ tịch nhà nước Việt Nam đương quyền.

Buổi chiều, chương trình nghiêng về phần hội thảo, nhưng thực chất cũng chỉ quy tụ diễn thuyết của các nhân vật được cộng đồng quốc tế biết tới nhiều như:

- Hòa thượng tiến sĩ Dharmkosajaras, chủ tịch sáng lập IOC (Ủy ban Tổ chức Quốc tế) thuyết trình chủ đề: "Phật giáo với vấn đề xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- Thượng tọa Recard Mathieu - một tiến sĩ sinh vật học rất nổi tiếng với tác phẩm *Le moine et le philosophe* (Thiền sư và triết gia) - thuyết trình về chủ đề: "Chánh niệm và sự chuyển hóa Tâm thức" (Mindfulness and Transformation of mind). Có thể nói, đây là một bài thuyết trình minh triết, trí tuệ nhưng cũng thực dụng và khả thi nhất trong các bài thuyết trình cùng buổi chiều của phần hội thảo.

- Pháp sư Học Thành, phó Hội trưởng kiêm tổng thư ký Hiệp hội Phật giáo Trung Hoa. Bài nói bằng tiếng Tàu nên tôi không hiểu được nội dung mà chỉ "thấy" thân ngữ có vẻ hùng biện và âm ngữ lên bổng, xuống trầm rất chi là... đại hán Trung Quốc.

- Hòa thượng Thích Nhất Hạnh với bài thuyết trình nhan đề "Vai trò của Phật giáo trong việc ngăn ngừa chiến tranh". Bài nói hoàn toàn bằng tiếng Anh. Ngồi xung quanh thầy là 500 tăng thân và cư sĩ Làng Mai - (nghe nói) đến từ 40 nước - trình bày thiền ca 30 phút trước khi thuyết trình. Nội dung bài thuyết trình là một "tập đại thành" những bài có đề tài tương tự mà thầy đã thuyết trình trong và ngoài nước.

Tôi đến là một chương trình văn nghệ xuất sắc gồm ca, múa, nhạc, hoạt cảnh liên quan đến tinh thần Phật giáo, Phật đản và văn hóa dân tộc.

Nhìn lại trong ngày và nội dung chương trình, có thể nói đây là ngày tiêu biểu nhất cho Vesak 2008. Về mặt kỹ thuật, chương trình và sự sắp xếp thời gian, bố trí trình tự cho các tiểu mục rất vừa vặn và ăn khớp nhau. Về nội dung, tôi hơi ngạc nhiên và thất vọng vì sự vắng bóng của tuổi trẻ Phật tử Việt Nam và thế giới trên diễn đàn, cũng như trong nội dung thuyết trình và hội thảo. Mặc dầu đây là một lễ hội tôn giáo quốc tế, nhưng nước đăng cai cũng cần biểu tỏ quốc tính văn hóa và lễ nghi riêng của tôn giáo mình trong bối cảnh lịch sử và văn hóa riêng của mình. Trong phần nghi lễ, tôi chẳng thấy một chút "mày vẽ" Phật giáo Việt Nam nổi lên ở đâu cả.

Ngày khai mạc và những nghi thức hành lễ đã xác định rõ nét hơn tính chất hội nghị của Vesak mà tôi đã trình bày ở phần 1 của "Nhật Ký Vesak 2008".

Ngày 15-5-2008

Đây là một ngày dành trọn cho chương trình "Hội thảo theo chuyên đề". Chủ đề chính cho các nhóm hội thảo là "Phật giáo và xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Ngôn ngữ tiêu chuẩn là tiếng Anh. Năm chuyên ngữ chính là: Việt, Hoa, Đại Hàn, Thái. Có 7 phòng họp cho 7 nhóm hội thảo về 7 chủ đề khác nhau:

- Vai trò Phật giáo trong việc ngăn ngừa chiến tranh.
- Sự đóng góp của Phật giáo về công bằng xã hội.
- Phật giáo nhập thế và sự phát triển.
- Chăm sóc môi trường: Giải pháp của Phật giáo về sự thay đổi khí hậu.
- Vấn nạn gia đình và giải pháp của Phật giáo.
- Diễn đàn giáo dục Phật giáo: Sự kế thừa và phát triển.
- Phật giáo trong thời đại kỹ thuật số.

Để có thể theo dõi một cách khách quan và tổng quát cuộc hội thảo Phật giáo quốc tế về những đề tài quá ư là... trời biển này, tôi tự bố trí cho mình một kế hoạch "chạy xô" nhỏ, mang tích chất quan sát nhiều hơn là tham gia. Đó là nội trong ngày, phải đi cho hết cả 7 phòng họp. Không khí tham gia nô nức lúc ban sáng chỉ vài giờ sau là "rút nước" dần. Sau đợt giải lao buổi sáng lúc 10 giờ, tôi để ý là có quá đông hội thảo viên người Việt không trở lại vào phòng mà xuống lầu và ra sân... tiếp tục giải trí. Trong số người "lêu lổng" đó có tôi. Lý do đơn giản là vì "trình độ hội thảo cao quá, leo không tới, với không cùng...", như lời một cư sĩ miền Trung mà tôi gặp ngoài sân phát biểu. Thật thế, ngôn ngữ toàn bằng tiếng Anh, tuy có "headphone" chuyển ngữ, nhưng khi mang thử còn khó hiểu hơn là nghe trực tiếp bằng tiếng Anh! Các tham luận viên hướng dẫn diễn đàn phần lớn là các giáo sư, học giả từ các trường

đại học ở Úc, Pháp, Mỹ, Ấn Độ..., những vấn đề đưa ra thảo luận phần lớn ở trình độ đại học và nặng tính kỹ thuật, học thuật nên rất trừu tượng. Trong lúc đó, nhiều tham dự viên người Việt là các đạo hữu từ các vùng núi rừng, thôn dã xa xôi, ngữ pháp tiếng Việt còn chưa thông, nói chỉ đến tiếng Tây, tiếng Mỹ. Quả thật đây là một trở ngại đòi hỏi sự chọn lựa không đơn giản cho người tổ chức.

Buổi chiều, số người tham gia hội thảo trong các phòng họp càng giảm xuống. Có nhiều phòng, chỉ toàn người nước ngoài thảo luận với nhau như đang ở tại một "campus" của trường đại học Mỹ" không bằng.

Vì chỉ đóng vai trò của một quan sát viên hơn là một tham dự viên, nên tôi không hiểu được là cuối cuộc hội thảo, những thành viên tham dự nghiêm túc đã gặt hái được bao nhiêu lợi lạc về mặt kiến thức lẫn kinh nghiệm. Tuy nhiên, phải ghi nhận rằng, ban tổ chức đã tạo được một bầu không khí hội thảo hội đủ (hay có khi còn có vẻ trội hơn) những tiêu chuẩn cơ bản của một cuộc hội thảo quốc tế. Nếu các thành viên Việt Nam ta cảm thấy chưa đạt yêu cầu thì cũng chả sao vì "nhịn miệng đãi khách" vẫn là truyền thống khả ái nhất của dân ta mà!

Thành quả

Vesak 2008 hẳn nhiên có một ảnh hưởng và hệ quả lâu dài tại Việt Nam vì cái biển hiệu "quốc tế" hay "Liên hiệp quốc" của nó. Tuy biển hiệu tự nó chỉ giới hạn trong giá trị tượng trưng, thế nhưng trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay, đó là dấu chỉ đậm nét nói lên mối quan hệ giữa thế quyền và giáo quyền. Người "được tất cả" là nhà nước Việt Nam vì Vesak 2008 chỉ thêm chứ không bớt gì cả về mặt tiếng tăm, quyền lực và bộ mặt của chính quyền Việt Nam trước cộng đồng quốc tế.

Vesak 2008 sẽ có một tác động sâu sắc và rộng khắp về mặt tâm lý, tổ chức và tương tác đối với Phật giáo Việt Nam trong nước. Nếu hiện trạng phân hóa như hiện nay không được cải thiện thì tác động này sẽ nghiêng về mặt tiêu cực và có khi dẫn đến tai họa phân tranh nội bộ, biến đạo Phật Việt Nam thành một "tôn-giáo-chính-quyền". Và khi một tôn giáo lớn biến thành công cụ ngoan ngoãn dưới trướng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ban Tôn giáo Trung ương thì cả đạo Phật lẫn chính quyền đều bất lợi: Chính quyền mất một đạo Phật vốn dĩ là nguồn suối và chỗ dựa tâm linh phong phú, góp phần tích cực trong quá trình điều hòa, hóa giải, xây dựng đời sống tinh thần và un đúc những giá trị phi vật thể to lớn cho xã hội. Như mục sư Jerry Lancaster trong hệ phái Tin Lành Presbyterian của Mỹ đã phát biểu rằng, chính phủ Mỹ đã tiết kiệm được hàng trăm tỷ đô la mỗi năm cho nhà tù, bệnh viện, cơ quan giải quyết tệ nạn xã hội là nhờ hệ thống tôn giáo độc lập, lành mạnh và hữu hiệu trên toàn nước Mỹ. Ngược lại, một tôn giáo công cụ sẽ có tác dụng không hơn một "thằng Mõ" đối với chính quyền. Sức mạnh tôn giáo bấy giờ sẽ khó mà đi xa hơn là sự tập trung chấp nhận hình thức lễ nghi và sự chú mục vào việc phát triển rộn rã về mặt cơ sở vật chất trước mắt.

Tổ chức Vesak 2008 vừa qua có vẻ như càng tạo thêm cơ hội kết chặt thêm mối quan hệ giữa quý thầy trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam (thân chính quyền) với giới lãnh đạo chính quyền; đồng thời vắng bóng quý thầy trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (chống chính quyền). Trong dịp này, tôi có nhiều thời gian và cơ hội tìm hiểu và đàm đạo với quý Thầy, quý sư ni khắp nơi trong nước về tham dự. Thoạt đầu, tôi yên chí rằng chư tăng ni về Hà Nội dự Vesak 2008 đều đương nhiên là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thân nhà nước mới được mời về kinh phó hội như thế. Tuy nhiên, thực tế đã nói lên một hướng khác, hướng chánh đạo phá vô minh. Trong số hơn mấy chục quý thầy và sư cô mà tôi được

duyên lành tiếp xúc, tuyệt nhiên chưa có một vị nào tự nhận rằng mình là người thuộc về Giáo hội Phật giáo Việt Nam thân chính quyền hay thuộc về Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất chống chính quyền cả. Tất cả chỉ một lời mà khi nhớ lại trên đường bay về Mỹ, tôi đã âm thầm đưa tay chùi nước mắt; rằng, họ là Phật tử xuất gia, là trưởng tử của Như Lai, đã nguyện xả bỏ hết cuộc đời hạnh phúc thường tình để tu hành tìm phương giải thoát. Hạnh phúc đời thường đã không màng tới, thì sá gì những chức danh, lợi lộc, quyền thế hư ảo giữa đời thường mà phải chạy theo hay bị dính mắc. Quý thầy và sư cô mà tôi được gặp đã nói lên một lời nhất quán rằng, đã là con Phật thì họ ở với Phật, tuyệt nhiên không ở phía nào - bên này hay bên kia - cả.

Kết thúc Vesak 2008, người Phật tử chỉ mong rằng, qua lễ hội này, chính quyền Việt Nam đương nhiệm có cơ hội hiểu về đạo Phật hơn. Và hy vọng, người Phật tử có dịp gặp nhau, tiếp cận với giới tu sĩ, thiện tri thức Phật giáo từ nhiều nơi trên thế giới để giúp mình thông thoáng và dễ hài hòa hơn trong cuộc sống. Với đạo Phật thì tất cả đều chỉ là phương tiện. Sự cảm thụ và quyền biến phương tiện không ai giống ai. Cùng một cây roi nhưng đó là phương tiện tốt đối với ông thầy; mà lại là phương tiện xấu đối với đứa học trò bị phạt. Cùng một trận mưa nhưng hạt lúa nảy mầm mà cây nấm bị ung thối. Vesak là một phương tiện. Mong rằng, sẽ chẳng có ai được lên Niết bàn hay bị rơi xuống Địa ngục của tâm lý và tri lý chính mình vì một phương tiện phù du như thế cả.

Hà Nội, ngã tư Cầu Giấy mùa Phật đản 2008
Stockton, ngày Phật Đản 2552
Trần Kiêm Đoàn

Tìm Hiểu Sơ Vài Điều Căn Bản Của Phật Giáo

*

B.S. Nguyễn Lưu Viên

Lời nói đầu:

Đây là một bài rất thô sơ và khiêm tốn, viết theo nhãn quan đã bị méo mó vì nghề nghiệp của một y-sĩ, để cố gắng giúp phần nào, một số ít bạn đọc chưa biết gì về Phật Giáo, hiểu sơ sơ thôi, một vài điểm căn bản của tôn giáo ấy.

Vì vậy mà tôi sẽ trình bày theo thứ tự sau đây:

Phần I

1-Khám bệnh và chẩn đoán : Tứ Diệu Đế

2-Chữa bệnh: Bát Chánh Đạo

3-Cơ thể học: Ngũ Uẩn

4-Bệnh Lý học : Thập Nhị Nhân Duyên

Phần II

1-Vi-trùng học: Tham, Sân, Si

2 - Dược Lý học: Tù, Bi, Hỷ, Xả

3-Nguyên nhân bệnh học: Vô Ngã - Vô Tướng

Phần III

Phòng Bệnh : Thiền

Và ba Phụ Bản

Phụ Bản 1

Phụ Bản 2

Phụ Bản 3

Tìm Hiểu Sơ Vài Điều Căn Bản Của Phật Giáo

*

Phần Một

I - Khám bệnh và chẩn đoán : Nói Về Tứ Diệu Đế

Tứ Diệu Đế [Bốn Sự Thật Cao quý (Cattari Ariya Saccani)(The Four Noble Truths) (Les Quatre Nobles Vérités) gồm có :

1-**Khổ Đế** ; [Chân Lý Thâm Diệu về sự Đau Khổ (*Dukkha-ariya-sacca*)(*Noble vérité sur la Souffrance*)] ;

2- **Tập Đế** : [Chân Lý Thâm Diệu về Nguồn Gốc của Đau Khổ. (*Dukkha-samudaya-ariya-sacca*)(*Noble vérité sur l'Origine de la Souffrance*);

3- **Diệt Đế** ; [Chân Lý Thâm Diệu về Sự Diệt Khổ (*Dukkha-nirodha-ariya-sacca*)(*Noble Vérité sur la Cessation de la Souffrance*); và

4- **Đạo Đế** : [Chân Lý Thâm Diệu về Con Đường dẫn đến Sự Diệt Khổ.(*Dukkha-nirodha gamini-ariya-sacca*)(*Noble Vérité sur la Voie qui mène à la Cessation de la Souffrance*)

Để dễ hiểu hơn, thì tướng tượng Đức Phật là một bác-sĩ, Nhơn-loại là một bệnh-nhân.

Sau khi khám bệnh-nhân

1-Bác-sĩ chẩn đoán (**diagnosis**) là : bệnh nhân mắc **Bệnh Đau Khổ (*Khổ Đế*)** và nói bệnh này có nhiều hình thức, [nghĩa là có nhiều loại Khổ] : **Khổ Thân** [là Sinh, Lão, Bệnh, Tử], **Khổ Tâm** [là **Ái-biệt-ly-khổ** (xa lìa người, vật, hay cảnh mà ta yêu thích)/ **Óan-tắng-hội-khổ** (phải ở chung với người, vật, hay nơi mà ta thù ghét) **Cầu-bất-đắc-khổ** (mong cầu mà không được) / **Hoại khổ** (khổ vì biết rằng tất cả loại hạnh phúc sớm muộn gì rồi cũng sẽ hết) / **Hành khổ** (khổ vì sự việc di...n tiến theo điều kiện ngoài sự kiểm soát của ta).

2- Rồi bác-sĩ giải thích tại sao mắc bệnh này (**Tập Đế**) là vì bị nhiễm trùng bởi ba vi-trùng Tham, Sân, Si.

3- Rồi bác-sĩ nói có thể chữa được bệnh.(**Diệt Đế** :) bằng cách cho antibiotics để giết vi-trùng đã có trong người (antibiotics giết ba vi-trùng Tham, Sân, Si, là, Tù, Bi. Hỷ, Xả) và dùng cho vi-trùng mới ở ngoài xâm nhập vào mình (là bỏ cái Ngã).

4- Rồi Bác-sĩ biên cho bệnh-nhân một cái toa để coi theo đó mà chữa bệnh (**Đạo Đế**).

II - Chữa bệnh: Nói Về Bát Chánh Đạo

Bát Chánh Đạo [Tám Ngả Chánh [(pali) *Arya Atthangika Magga*; (skrt) *Ashtangika Marga*; (*La Noble Voie Octuple*) (*The Eight Fold Path*)] , **gồm có** :

1-**Chánh Kiến** : [Hiểu Biết cho Đúng [*Samma ditthi (Vision Juste) (Right View)*];

2-**Chánh Tư Duy** : [Suy Nghĩ cho Đúng [*Samma Samkappa (Réflexion Juste) (Right Thought)*]] ;

3- **Chánh Ngữ**: [Lời Nói cho Đúng [*Samma Vacca (Parole Juste) (Right Speech)*]] ;

4- **Chánh Nghiệp** : [Hành Động cho Đúng [*Samma Kammanta (Action Juste) (Right Action)*];

5-Chánh Mạng : [Nghề Sinh Sống cho Đúng [*Samma Ajiva (Vie Juste) (Right Livelihood)*]];

6- Chánh Tinh Tấn: [Cố Gắng cho Đúng [*Samma Vayama (Effort Juste) (Right Effort)*]];

7- Chánh Niệm : [Chú Tâm cho Đúng [*Samma Sati(Attention Juste ou Satition* Juste) (Right Mindfulness)*]]; và

8- Chánh Định : [Tập Trung cho Đúng. [*Samma Samadhi* (Concentration Juste)*]

Để dễ hiểu hơn, thì vẫn tưởng tượng Đức Phật như là một Bác-sĩ sau khi khám bệnh nhân (nhân loại) định bệnh là Bệnh Đau Khổ, giải thích cho bệnh nhân hiểu bệnh của mình, và chỉ cho cách chữa, thì đưa cho bệnh nhân một cái toa khuyên ăn uống kiêng cử cái gì sống làm sao, uống thuốc như thế nào để coi theo đó mà chữa bệnh.

Cái toa thuốc gồm có tám điều (là **Bát Chánh Đạo**):

Điều 1 khuyên nên hiểu biết rõ ràng (**Chánh Kiến**) bệnh tình của mình ;

Điều 2 khuyên nên nhận định rõ ràng (**Chánh Tư Duy**) tình trạng sức khỏe của mình;

Biết được rõ hai điều (1, 2) trên, bác sĩ gọi là có được **Huệ** (*Pannā**).

Điều 3 khuyên ăn nói cẩn thận, nói cho chính chắn (**Chánh Ngữ**), kiêng cử nói bậy, nói láo, nói hỗn, bịa chuyện, nói làm cho người khác nổi giận hay buồn phiền;

Điều 4 khuyên hành động (bằng chân tay hay trí óc) cho chân chính (**Chánh Nghiệp**) kiêng cử hành động quá mạnh gây đau đớn, thương tích hay chết chóc ;

Điều 5 khuyên phải sống lành mạnh, hành nghề sinh sống chân chính (**Chánh Mạng**) không làm đau hay giết chóc;

Làm được ba điều (3, 4, 5) trên bác sĩ gọi là giữ được **Giới** (*Sīla**)

Sau cùng bác sĩ khuyên: 1) phải chịu khó cố gắng (**Chánh Tinh Tấn** điều 6) chú tâm (**Chánh Niệm** điều 7) uống thuốc Thiền cho đều (**Chánh Định** điều 8).

Làm đủ hết ba điều 6,7, 8, trên, bác sĩ gọi là **Định** (*Samadhi**).

Theo đúng lời chỉ dẫn trong toa thuốc này sẽ chữa hết bệnh và sống vui vẻ hạnh phúc. Tức là có được đầy đủ **Huệ + Giới + Định** thì sẽ lên đường đi tới **Niết Bàn**.

Cước chú (Note) :

Satition* juste (do chữ *Sati*(pali): a)- Acte par lequel on surveille ses gestes, ses paroles, ses sensations, ses sentiments, ses pensées afin de reconnaître comment ils sont et comment ils se produisent. b)- acte par lequel on pense souvent au Bouddha Amitaba (là Phật A-Di-Đà) pour l'avoir toujours à l'esprit.

Huệ [*Pannā* (pali), *Prajñā* (skrt)]: "Conscience" ou "Sagesse" Concept central du Mahayana désignant une sagesse intuitive et immédiate, et non une sagesse abstraite et soumise à l'intellect. L'instant décisif est celui de la compréhension et de la prise de conscience de la vacuité (*Shūnyata*) qui est la vraie nature du monde. La réalisation de *Prajna* est fréquemment assimilée à l'obtention de l'Illumination et constitue l'une des caractéristiques essentielles de la bouddhité. *Prajna* est l'une des "perfections" (*Pāramitās*) réalisées par les bodhisattvas au cours de leur cheminement.]

Giới [*Sīla* (pali), *Shīla* (skrt)]: "Obligations, Commandements". L'une des règles éthiques qui régissent la vie des moines, des nonnes et des laïcs bouddhistes. C'est une des conditions de tout progrès sur la Voie de l'Éveil. Les dix shīlas (là **Thập Giới**) des moines, des nonnes, et des novices sont: 1) le respect de la vie; 2) le respect de la propriété; 3) le refus de toute activité sexuelle illicite; 4) le respect de la vérité; 5) le refus de toute boisson enivrante; 6) le refus de toute nourriture solide après le déjeuner de midi; 7) le refus de la musique, de la danse, des spectacles et de tout divertissement; 8) le refus des parfums et des bijoux; 9) le refus des hauts lits moelleux; 10) le refus de toucher à l'argent ou à tout autre objet de valeur. Les cinq premiers *Shīlas* (**Ngũ Giới**: Sát / Đạo / Dâm / Vọng / Tỉu) s'appliquent aux laïcs bouddhistes qui, certains jours, doivent également observer l'ensemble des huit premiers.]

Định [*Samādhi* (skrt)]: "Fixer, attacher". Concentration de l'esprit sur un objet unique grâce à une diminution progressive de l'activité mentale. *Samadhi* est un état de conscience non dualiste, caractérisé par l'union entre le "sujet" et l'"objet" de l'expérience. Cet état de conscience est souvent qualifié de " focalisation unique de l'esprit", expression qui peut induire en erreur car elle laisse supposer que la concentration serait volontairement orientée vers un point précis. Or *Samādhi* n'est pas concentration sur un point, et l'esprit n'est pas orienté d'un ici (sujet) vers un là-bas (objet), comme dans un schéma dualiste].

Theo sách: Pour comprendre le Bouddhisme par S.Bercholz & S.Chodzin Kohn. *Imprimé en France par la Société Nouvelle Firmin-Didot en Février 1999.*

III - Cơ Thể Học : Nói Về Ngũ Uẩn.

Ngũ Uẩn [*The Five Aggregates*]**gồm có:** 1-Sắc / 2- Thọ / 3- Tưởng / 4- Hành / 5- Thức.

Theo Phật pháp con người là kết quả của sự trộn lẫn 5 tập-hợp (5 agrégats) được gọi là Ngũ Uẩn.

Mà con người gồm có hai phần dính liền với nhau là thân và tâm.

Thân chỉ có một tập-hợp là **Sắc Uẩn**: **Sắc** (*Form*) là phần vật chất bao gồm cơ thể con người và tất cả vật chất, hình tướng xung quanh mà các giác quan có thể cảm nhận được. **Sắc** gồm có 4 Đại, 6 Căn, và 6 Trần. **Sắc** là do bốn nhân-tổ tạo thành gọi là **Tứ Đại** (les 4 éléments) [là Đất, Nước, Lửa, và Gió]. **Sắc** cũng bao gồm sáu giác quan (les 6 senses) gọi là **Lục Căn** (trong con người) [là mắt, tai, mũi lưỡi, da thịt, và ý]. **Sắc** còn dựa vào **Lục Trần** [là **Sắc form** (hình tướng thấy được), **Thanh**, sound (âm thanh nghe được), **Hương**, smells (mùi ngửi được), **Vị**, tastes (vị lưỡi nếm được), **Xúc**, tangible things (vật, thân, sờ chạm được) và **Pháp**, dharmas (ý tưởng, tính chất mà tâm suy nghĩ được).

Tâm gồm có bốn tập-hợp còn lại là : *Thọ, Tưởng, Hành, và Thức* .

1-Thọ (Thụ) Uẩn : Thọ (Thụ) (*Feeling, /sensation*) là phản ứng của tâm khi có sự xúc chạm với đối tượng. Chỉ có ba phản-ứng là: dễ chịu, khó chịu, hay trung bình. [Lưu ý: *Thọ* chỉ là ba cảm-giác đơn thuần chứ không phải là các thứ tình-cảm như vui, buồn,v.v.].

2-Tưởng Uẩn : Tưởng (*Perception/ identification*). Khi có đối tượng [sắc, thanh, hương, vị, xúc..] *Tưởng* có nhiệm vụ tìm lục trong hồ-sơ của ký-ức để biết về những chi tiết [như tên, hình dáng, tính chất, v.v.] của đối tượng. Nếu là một đối-tượng mới, thì

Tưởng ghi nhận đối-tượng vào hồ-sơ (để ghi nhớ) của ký-ức, để còn nhận biết nếu lần tới gặp phải.

3-Hành Uẩn : Hành [*Action/ Mental Activities*]. Có nhiều nghĩa: hành động, tạo tác, khuynh hướng, tập quán, cấu thành, xây dựng.... Nó là những tác-ý , hành động, mang tánh chất Tham-Sân-Si nên dù có là thiện hay bất thiện, chúng vẫn sẽ được lưu lại trong giòng tâm thức / tàng thức những dấu vết, những nhân, có tiềm năng sẽ trở quả trong tương lai. Bởi vậy *Hành* mang ý nghĩa tương đương với Nghiệp (*Karma*).

4- Thức Uẩn : Thức [*Consciousness*]. Công việc của *Thức* là hướng dẫn đến đối tượng. Khi các giác quan (lục căn) tiếp xúc với đối tượng (lục trần) nếu không có sự hiện diện của các *Thức* tương ứng thì sẽ không có sự nhận biết đối tượng. Cũng có sáu thức tương ứng với sáu căn và sáu trần :

Căn	Trần	Thức
Nhãn (mắt)	Sắc	<i>Nhãn Thức</i>
Nhĩ (tai)	Thanh	<i>Nhĩ Thức</i>
Tỵ (mũi)	Hương	<i>Tỵ Thức</i>
Thiệt (lưỡi)	Vị	<i>Thiệt Thức</i>
Thân (thân)	Xúc	<i>Thân Thức</i>
Ý (ý)	Pháp	<i>Ý Thức</i>

Ngoài sáu thức kể trên, còn có *Tàng Thức*.. Khi nhận được tạo-tác thì nó được chứa ở đâu ? *Tàng Thức* là cái nhà kho tích chứa tất cả các loại nhân đã từng được tạo tác trong tất cả các tiền kiếp và đang được tạo tác trong hiện kiếp, bất kể thiện hay ác.

IV- Bệnh Lý Học : Nói Về Thập-Nhị Nhân-Duyên.

Thập-Nhị Nhân-Duyên [(*Patichccha- Samuppâda (The Ring of Causality)*)] gồm có:

1-Vô-minh. 2- Hành / 3- Thức / 4- Danh-sắc / 5- Lục-nhập / 6- Xúc / 7-Thụ / 8-Ái / 9- Thủ / 10-Hữu / 11- Sanh / 12- Lão,Tử.

Để cho dễ hiểu, thì nên trở lại việc coi Đức Phật như là một bác-sĩ. Trong ngành Y , môn Bệnh-lý học (Pathology) được dùng để giải thích việc xảy ra và diễn tiến của bệnh tật. Thí dụ như :

- 1)- *Bởi vì không biết, nên mới ăn bậy;*
- 2)- *Bởi vì ăn bậy, nên mới bị nhiễm trùng Hépatis B;*
- 3)- *Bởi vì bị nhiễm trùng Hépatis B, nên mới bị đau gan;*
- 4)- *Bởi vì đau gan với trùng Hépatis B, nên mới bị Cancer gan;*
- 5)- *Bởi vì bị Cancer gan, nên mới chết.* Cái chết là kết quả của 5 cái "**bởi vì-nên mới**".

Thì trong Phật pháp, cái Bệnh **Đau Khổ** (Lão, Tử) là kết quả của 12 cái "**bởi vì-nên mới**" [tức là **Thập-Nhị Nhân-Duyên**] như sau:

- 1) *Bởi vì **Vô-Minh** (ngu muội) nên mới Hành động;*
- 2) *Bởi vì có **Hành** nên mới có Thức;*
- 3) *Bởi vì có **Thức** nên mới có Danh Sắc;*
- 4) *Bởi vì có **Danh Sắc** nên mới có Lục Nhập;*
- 5) *Bởi vì có **Lục Nhập** nên mới có Xúc;*
- 6) *Bởi vì có **Xúc** nên mới có Thọ (Thụ);*
- 7) *Bởi vì có **Thọ (Thụ)** nên mới có Ái;*
- 8) *Bởi vì có **Ái** nên mới có Thủ;*
- 9) *Bởi vì có **Thủ** nên mới có Hữu;*
- 10) *Bởi vì có **Hữu** nên mới có Sinh;*
- 11) *Bởi vì có **Sinh** nên mới có **Lão, Tử***
- 12) *Bởi vì có **Lão, Tử** nên mới có **Đau Khổ**.*

Nói Chi Tiết Hơn:

Thập Nhị Nhân Duyên [*Patichcha Samuppâda (The Ring of Causality)*].

1-**Vô Minh** [*Avijja (Ignorance)*] Là sự mê mờ không sáng suốt, nó được ví như một cái màn bao phủ tâm trí của ta không biết từ lúc nào, gây ra sự lầm lẫn và cái nhìn sai lạc về bản chất của vạn hữu.

2- **Hành** [*Samkhara (Action/ Mental Formations)*] Có nhiều nghĩa : hành động, tạo tác, xây dựng. *Hành* là những hành động tùy thuộc nơi *Vô-Minh* mà phát sinh, nên nó mang tánh chất Tham-Sân-Si thì sẽ được lưu lại trong giòng tâm thức mà dính với Nghiệp.

3- **Thức** [*Vinnana (Consciousness)*]. Vì *Hành* được tích lũy trong giòng tâm thức cho nên *Thức* tùy thuộc nơi *Hành* mà phát sinh. Đến khi chết, khi đơn-vị *Thức* cuối cùng của thân xác (cũ) chấm dứt, thì tiếp theo là đơn vị *Thức* đầu tiên xuất hiện trong một thân xác mới, nối tiếp ghi chép những *Hành* (động) thiện hay bất thiện, tạo thành Nghiệp. (*Karma*) [*Nên để ý; tuy cái Thức ghi lại tất cả Hành (thiện hay ác) của mình [như làm một hồ-sơ], rồi khi mình chết, chuyển "hồ sơ" đó cho cái Thức của cái thân mới (mới đầu thai) để cho cái thức mới (Thức Tái Sinh) tiếp tục ghi những Hành (thiện hay bất thiện) của người mới (mới đầu thai), nhưng Phật-giáo không gọi cái đó (Thức) là linh hồn, vì Phật-giáo không chấp nhận có linh-hồn, bởi linh hồn được quan niệm như là một thực thể độc lập bất biến, mà theo Phật-giáo thì không có cái gì bất diệt bất biến hết.*]

4- **Danh Sắc**. [*Nama-rupa (Name- Form)*] ; Con người được sanh ra, phần thân là nhờ tinh huyết của cha mẹ, còn phần tâm là do *Thức, Thọ, Tưởng và Hành* [*Thọ và Tưởng: xem đoạn Ngũ Uẩn // Thức và Hành: xem đoạn trên*] tạo ra.

5-**Lục Nhập** [*Salayatana (Six bases)*]; Khi thân tâm phát triển, thì sáu giác quan (là lục căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) cũng thành hình. Sáu giác quan này là nơi thu nhận những dữ kiện về thế gian (là lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

6-**Xúc** [*Phassa (Contact)*]; Là sự giao thông giữa ba cả thể là: cá nhân (thức) nội giới (căn) và ngoại giới (trần). [xem đoạn Ngũ Uẩn].

7-**Thọ (Thụ)** [*Vedana (Feeling)*]; Là phản ứng của tâm khi có sự va chạm (xúc) với tượng, thì chỉ có ba phản-ứng là d... chịu, khó chịu, hay trung bình [chớ không phải vui, buồn, giận, v.v. là tình cảm] .

8-**Ái** [*Tanha, là khát (Cravings)*]. Là Ái-Dục. Chúng sinh được tạo dựng trên cơ cấu Tham-Sân-Si nên tất cả đều có khuynh hướng ngó về những gì mang lại cảm giác "sướng". Từ sự thèm muốn những thứ sắc-thanh-hương-vị--xúc-pháp (lục trần) mà sẽ mang lại cảm giác "sướng", khát-ái (*tanha*) phát sinh.

9- **Thủ** [*Upadana (Clinging)*]; Thủ nghĩa là bám chặt vào vật ham muốn. Có bốn loại Thủ :

- 1-*Thủ Nhục dục* : ham mê hưởng thụ các thú vui xác thịt ;
- 2-*Thủ Tà kiến*: bám vào các lý thuyết, tín điều (dogme) ;
- 3-*Thủ Giới cấm* : bám vào các nghi lễ, giới luật ;
- 4-*Thủ Thân kiến* : tin tưởng có một cái tôi độc lập và trường cửu đứng sau ngũ uẩn,

10- **Hữu** [*Bhava (Becoming)*]; Có nghĩa là sự trở-thành. Những *Hành* được lưu lại trong giòng tâm thức để thành Nghiệp sẽ được soạn lại thành bản sơ-đồ (blue print) dùng để tạo dựng kiếp sống kế tiếp (trở-thành) chỉ định nơi chốn tái-sinh trong sáu cõi [sáu cõi là: 1- Địa-ngục, 2-Nga-quỷ, 3-Súc-sinh, 4-Atula, 5-Người, và 6-Thiên]

11- **Sinh** [*Jati (Birth)*]; Đã có bản sơ-đồ để tạo dựng kiếp sống kế tiếp (*Hữu*) thì có Sanh.

12-**Lão, Tử** [*Jaramarana (Aging, Death)*]; Có sinh thì phải có Già và Chết. Và đi cùng với đời sống là **Sầu-Bi- Khổ- Nỗi**.

Cước chú (Note)

1- Hiện tượng "**bởi vì-nên mới**" đưa tới "**Thập-Nhị Nhân-Duyên**" nói trên, trong sách Phật-học bằng tiếng Việt hay ghi là "**tùy thuộc---phát sinh**" [như : Tùy thuộc ở Vô minh , Hành phát sinh], v.v... đưa tới "**Luật Nhân-Quả**" .

Trong sách Phật-học bằng tiếng Pháp, thì gọi là "**Production conditionnée**" và ghi như "**L'Ignorance conditionne l'Action**" v.v...đưa tới "**La Loi de Causalité**"

2-**Thập-Nhị Nhân-Duyên** là *Pratitya-Samutpâda* (skrt) , *Patichcha-Samuppâda* (pali) : "Production conditionnée" ou "Production dans la dépendance". La doctrine de la production conditionnée considère que tous les phénomènes physiques et psychiques qui constituent la vie individuelle entretiennent entre eux certaines relations d'imterdépendance et de conditionnement mutuel. Cette expression désigne donc ce qui enchaîne les êtres vivants au *Samsâra* (là Vòng Luân hồi) . La chaine de la production conditionnée constitue avec la doctrine de l'*Anâtman* (là Vô-ngã) le coeur de la doctrine de toutes les écoles

bouddhistes. L'obtention de l'Illumination, la réalisation de la bouddhité sont dépendantes de la compréhension de ce principe.

3- Nghiệp [skrt: *Karma* ; pali: *Kamma*): "Mort". Selon la loi de causalité, notre expérience actuelle est le produit de nos actes et intentions passés, et les conditions futures dépendent de ce que nous faisons aujourd'hui. Les actes se répartissent en trois catégories : 1) sains, tendant vers une condition de renaissance plus élevée du *Samsāra* ou, dans le cas d'une attitude éveillée, vers la libération; 2) malsaines, tendant à perpétuer la confusion et la douleur; 3) neutres. Le Karma découle de la croyance fautive dans le Moi, croyance qui provoque une réaction en chaîne au cours de laquelle on cherche à protéger son territoire et à assurer sa sécurité. Des actes vertueux peuvent conduire à de meilleurs états, mais le processus de la réaction en chaîne ne peut être brisé et transcendé que par la compréhension et la moralité. Le Karma s'applique avec précision jusqu'aux moindres détails du corps, de l'esprit et de l'environnement. Au delà du Karma individuel existe un " Karma de groupe" des familles, et des pays.

4- Luân-hồi [*Samsāra* (skrt.)] : "Migration". "Cycle des existences", succession des renaissances au sein des différentes conditions d'existence, auxquelles un individu ne peut se dérober tant qu'il n'a pas atteint la libération. L'enchaînement au *Samsāra* est la conséquence des trois Racines du Malaise: haine, désir et ignorance. La condition de renaissance est déterminée par le *Karma* de chacun. Dans le Mahâyāna, le terme *Samsāra* désigne le monde des phénomènes et est considéré comme identique de nature avec le Nirvāna.

Theo sách ; Pour Comprendre le Bouddhisme par S.Bercholz & Chodzin Kohn, *Imprimé en France par la Société Nouvelle Firmin-Didot en Février 1999.*

Khai bút đầu xuân ...

*ngước mặt nhìn trời, mùa xuân vượt tóc
từ chốn thình không, rụng xuống dòng thơ
ẩn hiện đâu đây vài chữ hững hờ
buồn đọng lại bờ sông con nước đục*

*nghe trong gió vang tiếng cười xanh lục
đôi mắt liêu trai tù ngục cuồng si
một vẫy tay, một lời nói thâm thì
góc tối nhỏ, cạn ly, đời trăm mối*

*về đếm bước bao nhiêu lần mòn mỏi
nét tiêu hao đọng lại chốn phồn hoa
chợt thu mình nói lên tiếng thật thà
trong mưa bụi, hoàng hôn chiều thay lá*

*giữa yên lặng bỗng thấy mình xa lạ
nhớ quê hương, buồn tượng đá đầu non
tiếng ‘Việt Nam’ nghe sao thật vuông tròn
từng nhưng nhớ vẽ lên trời kỷ niệm*

*đời trăm nẻo, chim bay về ước nguyện
ngắm vô thường trên mấy ngón bàn tay
lặng lẽ bước đi, hoa rụng đâu ngày
lời kinh giảng, thiền sư bao ái ngại*

*tim viễn xứ vẫn ngàn năm máu chảy
trôi về đây đỏ cả một trời hoang
những dòng sông mang tình nghĩa ngút ngàn
chiều nhớ nước, chim hót lên nhớ bạn*

*nghe thật rõ tiếng quê hương dĩ vãng
triệu tấm lòng không lẽ mãi lang thang
ly rượu viễn phương, uống cạn nồng nàn
gom bút mực, khai xuân ... ngàn nỗi nhớ ...*

*thy an
đầu Mậu Tý 2008*

thơ Phan Khâm

Điểm nghiêng

Hai ba lần lỗi hẹn
Chưa về tới điểm nghiêng
Con tàu nào rời bến
Nhỏ neo bờ nhân duyên
Hai ba lần lỗi hẹn
Bóng chiều về điểm nghiêng
Tiếng chim nào ghen ghen
Bay đôi cánh tạt nguyên
Hai ba lần lỗi hẹn
Con dã tràng đi nghiêng
Điểm nào còn nguyên vẹn
Sóng tràn chưa xóa tên
Xin lần này đi tới
Vo tròn lại điểm nghiêng
Đem từ tâm duyên khởi
Hóa thân những lời nguyện
Xin lần này cùng đến
Mắt nhìn thẳng điểm nghiêng
Như sao trời thấp nển
Từ một cõi vô biên
Xin lần này tao ngộ
Xâu thành chuỗi điểm nghiêng
Nguyện cho thành điểm đứng
Giữa thanh âm diệu huyền

Phan Khâm

SOMEBODY'S MOTHER

*The woman was old and ragged and gray
And bent with the chill of the Winter's day.*

*The street was wet with a recent snow
And the woman's feet were aged and slow.*

*She stood at the crossing and waited long,
Alone, uncared for, amid the throng*

*Of human beings who passed her by
Nor heeded the glance of her anxious eye.*

*Down the street, with laughter and shout,
Glad in the freedom of "school let out,"*

*Came the boys like a flock of sheep,
Hailing the snow piled white and deep.*

*Past the woman so old and gray
Hastened the children on their way.*

*Nor offered a helping hand to her –
So meek, so timid, afraid to stir*

*Lest the carriage wheels or the horses' feet
Should crowd her down in the slippery street.*

*At last came one of the merry troop,
The gayest laddie of all the group;*

*He paused beside her and whispered low,
"I'll help you cross, if you wish to go."*

*Her aged hand on his strong young arm
She placed, and so, without hurt or harm,*

*He guided the trembling feet along,
Proud that his own were firm and strong.*

*Then back again to his friends he went,
His young heart happy and well content.*

*"She's somebody's mother, boys, you know,
For all she's aged and poor and slow,*

*"And I hope some fellow will lend a hand
To help my mother, you understand,*

*"If ever she's poor and old and gray,
When her own dear boy is far away."*

*And "somebody's mother" bowed low her head
In her home that night, and the prayer she said*

*Was, "God be kind to the noble boy,
Who is somebody's son, and pride and joy!"*

MARY DOW BRINE

MẸ NGƯỜI NÀO ĐÓ

*Bà già buồn bã, tả tơi
Thân còng chịu lạnh dưới trời ngày Đông.
Đường trơn ướt, tuyết vừa xong
Chân bà già yếu lần từng bước thôi
Ngã tư bà đứng chờ hoài
Cô đơn lẻ bóng không ai ngó ngang,
Dòng người qua lại rộn ràng
Đâu nhìn ánh mắt bà đang ngại ngần.*

*Cười đùa, giỡn giữa phố phường
Vui vì tan học trong trường vừa ra
Như bầy cừu, trẻ hét la
Tuyết vung trắng xóa nhật nhòa tung bay
Đi ngang bà lão buồn này
Lũ trai dần bước mong quay về nhà
Không hề giúp đỡ bà già,
Hiền lành, nhát sợ nên bà đứng yên
Xe qua, ngựa lại liên miên
Bà e bị đụng té trên mặt đường.*

*Cuối cùng một toán trẻ trung
Tới đây vui vẻ nên ngừng lại ngay
Chàng trai vui nhất đám này
Tới bên bà khẽ nói đầy thân thương:
"Thưa bà nếu muốn qua đường
Thời con xin giúp, bà đừng ngại chi!"
Chàng trai tay khoé dìu đi
Tay già níu lấy, sợ gì nữa đâu.
Chàng trai chân khoẻ tự hào
Dìu bà chân yếu từ bao lâu rồi.*

*Giúp bà mọi chuyện xong xuôi
Chàng bèn quay trở lại nơi bạn mình*

*Cõi lòng trai trẻ nhiệt tình
Sướng vui, thoả mãn, tâm lành thẳng hoa.
"Bạn ơi có ngẫm được ra
'Mẹ người nào đó' cũng là Mẹ thôi
Yếu già, nghèo khổ, chậm rồi.
Tôi mong có kẻ giúp tôi sau này
Gặp Mẹ tôi giúp một tay
Khi bà nghèo khổ lại đầy gian truân
Tuổi già sầu úa tẩm thân
Mà con yêu quý chẳng gần một bên."*

*Trong nhà bà lão ban đêm
"Mẹ người nào đó" lặng yên cúi đầu
Thành tâm bà khế nguyện cầu:
"Xin Trời phù hộ trước sau cho chàng
Thanh niên có tấm lòng vàng
'Con người nào đó' đàng hoàng, thanh cao!"*

*TÂM MINH NGÔ TẮNG GIAO
(chuyển ngữ)*

TWO TEMPLES

*A Builder builded a temple,
He wrought it with grace and skill;
Pillars and groins and arches
All fashioned to work his will.
Men said, as they saw its beauty,
"It shall never know decay;
Great is thy skill, O Builder!
Thy fame shall endure for aye."*

*A Mother builded a temple
With loving and infinite care,
Planning each arch with patience,
Laying each stone with prayer.
None praised her unceasing efforts,
None knew of her wondrous plan,
For the temple the Mother builded
Was unseen by the eyes of man.*

*Gone is the Builder's temple,
Crumpled into the dust;
Low lies each stately pillar,
Food for consuming rust.
But the temple the Mother builded
Will last while the ages roll,*

*For that beautiful unseen temple
Was a child's immortal soul.*

HATTIE VOSE HALL

HAI NGÔI ĐỀN

*Một nhà kiến trúc xây đền
Đã vừa tráng lệ lại thêm tài tình
Cột, kèo, vòm cửa hoàn thành
Đúng theo dự kiến tốt lành đề ra
Mọi người nhìn ngắm ngợi ca:
"Khó mà đồ nát, thật là đẹp thay
Người xây khéo léo nhất đây!
Tiếng tăm mãi mãi sau này còn khen."*

*Một bà Mẹ xây ngôi đền
Bằng tình yêu với tay hiền chăm nom
Lấy lòng kiên nhẫn làm vòm
Lấy lời cầu nguyện làm hòn đá hoa.
Nào ai ca ngợi công bà
Công trình tuyệt diệu ai mà biết đâu
Vì đền Mẹ dựng từ lâu
Người thường mắt chẳng khi nào nhìn ra.*

*Đền nhà kiến trúc tiêu ma
Tan thành cát bụi thật là thảm thương
Cột kèo gãy đổ ngổn ngang
Làm mỗi rỉ xết tan hoang sau này.
Nhưng ngôi đền Mẹ dựng xây
Mãi tồn tại với tháng ngày dần trôi,
Đền vô hình chính là nơi
Linh hồn bất tử của người con thơ.*

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO
(chuyển ngữ)

Chiều vu vợ

như vẫn chưa...
một chiều hiển khánh
mưa đã kao wốt mộng trời buồn
ly chè xanh ngọt môi mười sáu
nghĩ mãi
không ra có giận hờn

ôm sách lang thang
chiều thứ bảy
một mình không đoán nỗi linh tinh
xoay hoài ly thạch vòng mơ uẩn
nhớ mãi chưa ra
ẩn số tình

có những hôm buồn vợ...
trốn học
làm gì cũng cứ thấy phân vân
nhìn trang vở viết xong rồi xóa
mà mãi sao chưa
đến cuối tuần

lờ lững như...
còn trong ký ức
lời vu vợ
một nửa vô tình
nửa như câu nhẩn hờ e ngại
rồi cứ khoanh tay
ghét tạt mình

hôm ấy
không nhưng giờ học cuối
mỗi đời từ đó
chia không gian
chia thời khóa biểu không buồn nói
lặng lẽ
xa như kẻ nợ nần

một khoác bao lô vào lửa đạn
một về thao thức viết tư riêng
hai mươi năm ấy

*còn hay mất
ánh mắt trầm mi thuở lắg giếng*

Lê Xuân Bích

Lục bát đêm ngo

giao vắn lục bát
nhớ em
thieu đêm trắng
mỗi cơn thềm mộng du

mắt em
khung cửa ngục tù
môi em thơm nẻo ra từ trái tim

gom vắn lục bát mùa chim
bay tìm nắng
lịm màu sim môi người

ven chiều cổ tích đôi mươi
những người yêu cũ mượn lời ca dao

một thời tuổi khế
xôn xao
mây trời lục bát
mưa rào tương tư
bài thơ hôm ấy là thư
niêm trong đáy vở
đưa như vô tình

thư đi gian dối lộ trình
giờ mang thân phận tội tình con tin

viết hờ lục bát
van xin
đường tình
sao lắm chông mìn phủ hoa

tặng nhau bài lục bát ma
thay tờ hôn thú trên phà thế gian

cho nhau mật đắng môi trần
con tim lục bát ôm vắn khát khao

những năm trong kẽm gai rào
thương thân lục bát gai cại cào máu rơi

*để rồi
số mệnh buông trôi
ôm hôn lục bát mà khơi tro đời*

Lê Xuân Bích

Sóng điều tàn

hôm xưa
mở mắt chào đời
hôm nao
mắt mở trông vời vợi xa
bao giờ chấp nhận làm ma
ôm thi hải nhớ
mà ca một mình

sáng nay
luộc chín bình minh
trong cơn ngủ cháy đốt hình thời gian
mắt rưng gợn sóng điều tàn
trầm xô thao thức lên hàn nỗi đau

mười lăm năm
trắng tình đầu
mười lăm năm
tím tình sau đôi bờ
ba mươi năm chết mơ hồ
trong mờ thẳng thốt cơn hờ hững điên

chín năm
làm ngựa không yên
ghìm cương hỏa tuyến
đêm nguyên vó câu
nhớ ời thành phố địa đầu
đêm mưa giới tuyến xanh màu hỏa châu
pleiku những gió mưa sâu
rừng căng mắt thức
nghe nhau nguyện cầu

chín năm
trừng hận bể dâu
đời mang áo số tìm câu trả lời
mắt khô xác nhớ ru hời
heo may nứt rạn môi đời oan khiên
nương đời soi bóng trần điên
những con đường tối
người chiêm xác người

*đêm thien
ngồi gõ đơn côi
nghe trong ký ức tiếng cười bội duyên
thơ gieo trên lúm đồng tiền
hong lời trên suối tóc huyền huyền mơ
đêm xưa
áo trắng học trò
bay hoang loạn thả vãn ngư hện hò
công viên buồn
ngổ ơ hờ
cho hồn thơ ấy...
bây giờ tím đêm*

Lê Xuân Bích

Vùng đất lặng

buổi ấy ta về nắng chết oan
hoàng hôn giăng tím phố hoang tàn
thời gian chưa hết mùa trang trải
còn gá từng phiên tuổi thể gian
chờ mãi khuya rồi đâu có hay
bên hàng xóm ấy lá rơi đầy
vu vơ tiếng gió cười khô lạnh
chẳng lẽ giao mùa vũ trụ say
mai một có chăng thời khóa biểu
ghi thêm vài khoảng trống không lời
cho đêm ngơ ngẩn tìm dư ảnh
để chọn người yêu dấu lạ đời
thôi hãy ngừng đi cơn gió ngơ
cho hồn lá úa đọng vào thơ
cho không gian vốn hay hờn giận
ôm lấy cảnh khô khốc xác xơ
những tiếng rơi khuya vùng đất lặng
giọt buồn cuối lá nhỏ vào đêm
những vu vơ ấy mềm nhưng đắng
lại oái oăm thay một chất thềm.

Lê Xuân Bích

Lục Huyền Cầm



The Old Guitarist (Picasso 1903)

*Trăng treo trên sáu dây thần
Mỗi âm là mỗi pháp thân em về
Bạc cung sáu khúc điệu đề
Bồng, trầm, say, tỉnh, thực, mê cõi nào
Em cho tôi khúc phượng cầu
Âm giai bồng mở ngàn câu thẹn thùng
Em mang điệp khúc chín tầng
Làm hành trang nặng suốt đường em đi
Vuốt tay từng nốt hoa đầy
Yêu em cũng được trăm bài tình ca
Nghiêu Minh*

Tháng Tư Dương Đào

Này em, con bồ câu Đà Lạt
Gù trên nóc chợ giữa mù sương
Cành lan trắng cũng vừa thơm ngát
Theo cùng em lên dốc đến trường

Ngày bình minh má hồng nắng nhạt
Cành thông non vừa lớn bên hồ
Em chân suối tung tăng tiếng hát
Hồn tôi sôi vụn cũng soi mòn

Tôi đồng bằng đem trâu lên núi
Hát nghêu ngao giữa lối hoa đào
Lúc đó em và trăng cùng tuổi
Mình yêu trắng và mình yêu nhau

Nhớ hôm qua suối còn trên núi
Cùng sim rừng lớn giữa mùa trăng
Em chạy nhẹ quanh đồi mưa bụi
Suối giờ đây chảy xuống hồ xanh

Này em, hạt cà phê Đà Lạt
Chín trên đồi mời gọi bầy chim
Tôi và trâu lần theo ngọn thác
Thèm giọt đắng cho vỡ mạch tim

Đường khuya lạnh quán đêm lưng dốc
Khói thuốc trùm như những núi sương
Em và tôi khuấy hồn trong cốc
Giọt đen tuyền mình uống yêu đương

Căn gác sâu thấy núi sau nhà
Vườn cải xanh búp non còn ngủ
Tôi và trâu bắt đầu ủ rũ
Nhớ ruộng xanh và nhớ vườn cau

Rồi một ngày mang theo thác đổ
Cả rừng thông và những hồ sương
Em làm quen mùi thơm lúa trở
Giếng nước trong tràn xuống đầy nương

Này em, áo bà ba thôn nữ

*Khói cơm chiều un trắng mái đưng
Cánh áo len nằm sâu đáy tủ
Còn hương đầu khi mới yêu đưng*

*Năm tháng rộng trên đường xuôi ngược
Tình nương nhau tình ngã tình nâng
Để những mùa tuyết bay giá buốt
Em còn mang chiếc áo hương nồng*

*Em nơi đây rực rỡ dương đào
Con bờ câu trên cành gù gọi
Giọt cà phê hồn tôi tiếp nối
Màu dương đào tím cả hồn nhau.
Nghieu Minh*

Mùa Giả Ngôn



*Tôi sợ những mặt trời
Sắp đi vào hoàng hôn
Tôi sợ những con người
Mặc cả giữa đời buông*

*Tôi sợ tình cầu gù
Khuất tầm nhìn vô minh
Tôi sợ lương tri mù
Gây hồng thủy tâm linh*

*Tôi sợ những lời gai
Gieo chóc dữ cổ tình
Tôi sợ nắng quanh đây
Châm lửa nhục thân mình*

*Tôi sợ cả vui mừng
Để tự hỏi thực hư
Tôi sợ bóng tôi dừng
Khi thân này lãng du !*

*Tôi không sợ một điều
Thật tình một trái tim
Tôi không sợ điều nữa
Khi em ra mũi tên !*

Nghiêu Minh

thơ nghiêu minh

Thiền Niệm Trong Phục Sinh



*Mang trái tim chết đứng
Giữa đá và đồi cao
Bồng lờn nguyên lờn lững
Nếu không ba ngày sau?*

*Mang trái tim chết nằm
Dưới cội cây bờ hằg
Bồng nghe trong tịch diệt
Hóa sanh được ba ngàn?*

*Mang trái tim chết ngồi
Tám phương dựng đàn cơ
Con đường lớn ba ngã
Ngả nào về bến mơ ?*

*Mang trái tim chết giữa
Theo cỏi tục phàm nhân
Trong nẻo cùng đất hứa
Có còn nghiệp hóa thân?*

*Mang trái tim chết lững
Cửa ngã chấp vô biên
Tôi còn tôi tục lụy
Được yêu trăm năm thêm?*

Nghiêu Minh

thơ nghiêu minh

Thiền Ngã Mạn



***Ngồi sắp những viên sỏi
Thành những hình tượng người
Người đứng lên đòi hỏi
Muốn bình đẳng đất trời***

***Ngồi sắp những con số
Thành định mệnh đổi dời
Mệnh xuống đường chiếm chỗ
Muốn sống mãi muôn đời***

***Ngồi sắp những bình vôi
Thành thần tượng con người
Tượng rở tai nói nhỏ
Đòi muôn năm tôn thờ***

***Ngồi sắp những viên đạn
Thành chiến tranh nhân gian
Đạn rao cho không bán
Vì nhân danh "thiên đàng"***

***Ngồi sắp tờ giấy bạc
Thành biên giới tình người
Tình đứng lên dọa nạt
Đòi bậc thang cao vời***

***Ngồi sắp sẵn giấy mực
Viết bài di chúc buồn
Ta chào người trái đất
Có trái tim vô thường***

Nghiêu Minh

thơ nghiêu minh

Mười Hai Tiểu Khúc Quanh Thư Phòng

ngư

dòng sông qua chiều cô thôn
đàn cá bơi quanh non bộ
ta ngồi buông câu chờ ngộ
phao động: hồn ta xuyên sơn

tiều

khu rừng nằm giữa thạch nham
tưởng tượng mây đùn gò núi
ta tiều phu già nhíp búa
hát khúc nhàn hề tâm thanh

canh

cánh đồng cò bay mỗi cánh
ta đánh giấc bên đường cày
hàng trăm thiu thiu vững nắng
chợt hồn lộng dậy, cò bay

mục

chân núi hình tròn lưỡng nghi
tỏa sáng bên bờ trúc đen
mục tử nón rơm che mặt
mơ thấy đàn chim hoành phi

mai

cội mai trên thành đất cổ
cùng nắng đang rộ hoàng kim
xuân về đây năm cánh nở
hồn ta bảy nổi ba chìm

lan

đôi thiết hài màu rượu mận
nhìn qua những cao ốc trơn
bầy quạ tung mình kêu rộn
nam phòng nắng tối cô đơn

cúc

đóa lớn trắng về mưa tạnh
giọt sương ai sưỡi khô nhanh
gối đầu hai người khổ hạnh
chào nhẹ cúc hương trên cành

trúc

những lông tay đen teo tóc
tuổi hơn ta hàng trăm năm

*chúc mừng nhân gian ô trọc
vì trúc đêm qua hóa thân*

cầm

*đàn treo trên vách giấy bồi
chờ ai gieo cung tâm sự
hơn ba mươi năm viễn xứ
khúc tình tang nghe hết vui!*

kỳ

*mấy mươi năm xa đường về
thân còn trôi nổi thuyền ghe
mỗi lần xuân về lập trận
ta thấy ta chột bất khứ hề!*

thi

*thiền ta là tục thiền
nên thơ ngộ là giả ngộ
như có chút bột bèo giông tổ
trong chén thánh nhân duyên!*

tửu

*à, đây thú dưỡng sinh
vui bạn dữ bạn hiền
rượu bao nhiêu chẳng đủ
bạn bè càng đông thêm!*
Nghieu Minh

thơ nghiêu minh

Dòng Thơ Cuối Đường

***Làm thơ cầu cạnh chỗ ngồi
Gió trăng mời mọc lời thôi ăn mừng
Trang thơ đề giữa chập chùng
Thi nhân ngồi lại màn buông tự cười
Ngàn câu cúi mặt hổ ngroi
Điều vẫn thất thổ bất ngờ lên men***

***Mai này dẫu biệt đàn, chiêng
Thơ ta ẩn hiện giữa nền trời xưa
Dao quang bơi ảnh đăng thừa
Còn em bên cạnh tuổi vừa rưng rưng
Câu thơ gió lộng ruột tằm
Em khua nhịp đất nghĩa trang cùng về***

Nghiêu Minh

Phượng Tím

Phượng nào đỏ nẻo đường xưa
Phượng nào tím giữa lối vừa đi qua
Ngày xưa phượng đỏ quê nhà
Bây giờ phượng tím lối qua xưa người
Phượng nào đỏ góc sân chơi
Phượng nào tím ngắt một đời ly hương
Ngày xưa phượng đỏ hiên trường
Bây giờ phượng tím ngã đường Cali
Ngày xưa phượng đỏ mùa thi
Bây giờ phượng tím lối đi ngõ về

Hẹn Hò

Thoảng nghe tiếng khóc vào đời
Thoảng nghe nhịp võng lòng nôi xưa
nằm
Thoảng nghe câu hát mưa râm
Uớt đầm lá hẹ ...mẹ từng âu ơ
Thoảng nghe vụng dại tuổi thơ
Gối đầu tập vở ngu ngơ đánh vần
Thoảng nghe cánh phượng cuối sân
Rụng trên trang sách tàn ngần mắt ai
Thoảng nghe đôi vạt áo dài
hắt hiu triều dốc chiều phai em về
bay giờ nắng lụn chiều quê
nửa vầng trăng úa lòng tê tái sầu
Bao giờ vàng lại mùa ngâu
Đỏ nhành phượng cũ - xanh mầu tóc
xưa
Ta về đợi giữa phố trưa
Bên hàng gạch vỡ đón đưa hẹn hò

chia nửa

Bởi cách chia nửa vòng trái đất
Cho nên òng cứ nửa nhớ - nửa quên
Nửa muốn vui - nửa lại cứ ưu phiền
Như ngày nắng rộ bỗng triền miên mưa
Nửa đã buông theo bóng xế âm thừa
Nửa còn đọng vọng ngày xưa với người
Một nửa khóc rồi một nửa lại cười

*Nửa lãg du xứ lạ - nửa ngậm ngùi cố hương
Đứng giữa đời
trăng mọc trong sương
Chừng nghe tiếng sóng nửa còn cát xa
Nửa trưa chợt nhớ mấy tiếng gà
Nửa khuya chạnh tưởng
Chuông chùa xa vọng về
Đã nửa đời còn xa xứ xa quê
Hỏi đâu nữa mảnh trăng thề đầu non*

màu sim tím

*Ta yêu nhau một thời
Để xa nhau một đời
Xưa bên nhau mặn nồng
Nay chia tay nghìn trùng
bàn chân còn bối rối
Đuổi cuộc tình đi quanh
Về lưng đeo sim cũ
Quên nhau quên chẳng đành
màu sim tím tím đại
Như tình xưa thơ ngây
Thời nào ta hò hẹn
Nay chỉ còn mưa bay
Bên em ngày đã hết
Trong em mùa đã tàn
một màu sim tím ngắt
Chia nửa hồn ly tan*

tình tang

*Gọi thuyền - thuyền đã sang sông
Gọi em - em sắp theo chồng đất xa
Gọi trăng - xế bóng trăng tà
Gọi sao - sao lặn đêm sa mịch mùng
Gọi mưa - sợi rối sợi chùng
Gọi nắng - nắng lóa rung rung cuối
ngày
Gọi người - vượt khỏi tầm tay
Gọi - tình đâu thừa cuồng say đại khờ
Gọi năm - năm hết bao giờ
Gọi tháng - tháng cũng hững hờ ngó
xuôi
Gọi Chúa - Chúa đứng ngậm ngùi
Gọi Phật - Phật cứ mỉm cười lặng thinh
Đành thôi mình gọi bóng mình
Khuê sên, gõ phách hát tình
..,tính.tang*

muộn màng

*người là trăng đầu núi
Em sương khói đêm sâu
Dây đũa mãi đời nhau
Trăm năm tình thơ cũ
Người về nơi mây tụ
Em cuối ghềnh mưa tan
Cách biệt nhau từ ấy
Yêu nhau đã muộn màng
lòng em khi nắng trái
Lòng em khi mưa tuôn
Nhưng tình em vẫn mãi
Nhánh sông chảy từ nguồn*

công thành thân thoái

xưa phamlãi công thành thân thoái
thương cho người án lại rơi đầu
kẻ thành người bại khác chi nhau?
ngũ tử tư vãn chũng bó tay chết ráo
túy ngọa sát trường quân mạc tiểu [*]
cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi
thế thái nhân tình bạc trắng hơn vôi
canh ba chữ công hầu danh tướng
còn quân địch còn xe còn tượng
còn thốt voi thốt mã cò bay
chiến thắng xong đâu khác lũ ăn mày
kẻ trốn chạy kẻ mai danh ẩn tích
kẻ miệt cố đi tu miệt mài chửa địch
kẻ chung nam sơn tu đạo vô vi
tài hô phong hoán vũ tích sự gì?
chẳng qua chỉ diễn trò tào côi quỉ [**]
quân bất kiến hoàng hà chi thủy [***]
thiên thượng lai tôn lưu đảo hải bất phục hồi
làm con bài xào tới xạc lui
lúc đại thắng lúc thua ráo náo
em ơi lửa tắt bình khô rượu [**]**
đời vắng em rồi say với ai?
gác xép nhìn lên toàn rạt sao trời
chòm này nam tào chòm kia bắc đẩu
bấy nhiêu năm ăn nhờ ở đậu
biết nguyên nào? ta mới trở về ngôi
chớp mắt xong mở ra đời đã đổi rồi?

[*]thơ vương hàn
chớ cười người say nằm bãi cát
xưa nay chinh chiến mấy ai về

[**] là dào cháo quây

[***] thơ lý bạch

[****] thơ vũ hoàng chươg

thinhân vốn không tuổi
giantrun theo lạcdà
nắng khua trên đạimạc
1 đời dài cát khô
aoảnh bao vũngnước
những cãnh xanh chàlà
nắng nung trên dathị
biển cát vàng mắt hoa
hànhtrình thơ khốkhổ
đâu khác kiếp tănggià
toàn oankhiên nghiệp chương
đau thương hơn rữ tù
vợ bỏ theo người khác
hồn sóng nổi phong 3
kèo nốt đời bị gậy
ôi danh hã [tàihoa]

tình

tình mới vừa trắng đỏ
giờ đen thăm đen ngòm
bầy bôcâu vừa đến
thành quạ đen hồi hôm
giữa 2 màu đen trắng
chungthủy và thủychung

thướtttha

-
kiếp sau xin chớ làm người [nct]
làm con rùa nước bơi xuôi mấy vòng
bơi rồi ngưng lại thungdung
y con thuyền nhỏ minhông sóng vờn
hạ làn gió thổi từng cơn
phận con rùa dạt bao miền thướtttha

-
lúc đi em hên em hò
lúc về trơ có con bò trắng lông
té ra tham đó bỏ đặng
tham voi bỏ chó tham đặng bỏ đèn
nhìn thêm má lúm đồng tiền

thiên trời địa đấ

lúc ở trường học thiên trời địa đấ
lúc ra đời học địa đấ thiên trời
cũng quá may [được làm kiếp con người]
đi 2 chân mặt ngửa lên sáng rõ
từng lá me nguễđu ngày lá đổ [*]
lắm tấm áo ai nhuộm kín hoa vàng
trên vĩa hè bày 3 bản cờ tàn
kẻ đứng ngó bàn suông rồi đi mất
người ngồi xuống đầy vại nước thua vại chực
nhìn lắt đầu 1 lúc rảo bước chân
nhìn chung quanh hiên hạ kẻ vấy quần
kẻ mặc áo thun người chơi quần soọc
bao nhiêu năm vẫn chuyện cơm chuyện nước
trên nhật trình tivi toàn chuyện nước chuyện cơm
trời sinh ra có 1 cái mồm
mà tứ khoái cái ăn là số 1
dục cùng thiên lý mục[**]
cánh thương nhất tầng lầu
nhà chệt nhà lững nhà lắm tầng lầu
để chim đậu đỡ mỗi chân mỗi cánh
những loài thiendi bay biết bao nhiêu dặm
mà ngày ngày vẫn đàn lũ bay đi
từ đông qua tây theo 1 chukỳ
rồi trở cánh bay từ nam lên bắc
làm 1 kiếp chim cả đời phiêu bạt
làm kiếp người ôm mãi lũy tre xanh
ngày ngày cơm gạo hẩm húp canh
dầm trái cà nuốt trôi cuống hòng
ngậm bao nỗi vừa cay vừa đắng
từ thực dân phong kiến cách mạng chân tay
cúi gò lưng trên mãi luống cày
làm lam lũ quanh năm nhin đói
kiếp làm người có mồm sao quá đời

[*]thơ phan thị ngôn ngữ

[**] thơ vương chi hoàn
trông vờn nghìn dặm mắt
liên tiếp một tầng lầu

chುವ್ರಂಗಮೀನ

1 bát muối

1 soong nước ốc
muối mặn
nước ốc nhạt
tình yêu em cho anh
thiếu chút muối
tình yêu anh cho em
1 nồi nước ốc
chả nói gì thêm
2 phía
2 chiếc thuyền độc mộc
chuwongmiện

đợi dài dài

cáo chết nửa năm quay đầu về núi
em đứng nơi đây ? đợi mãi đợi dài dài
con thỏ ngổ đâm gốc cây chết lãng nhách
chả lẽ em ở không đợi dài dài
con thỏ ngu chân tình mà thác
chết thật vội vàng chết thật là thơ
em cứ tưởng đợi gốc cây có thỏ
giữa ban ngày mà em cứ nằm mơ
thôi mặc kệ thuyền ta không neo lại
cũng đành trôi theo lũ vạc qua bờ
tình chúng mình toàn lá môn rực nắng
thì ra ngày cũng đã giữa mùa thu

chuwongmiện

Thơ Vũ Quyên

Đêm nghe tiếng Thạch Sùng tắc lưỡi



***Đêm nghe tiếng Thạch Sùng tắc lưỡi
Nuôi tiếc hoài một gia sản điều linh
Vùng nhiệt đới vẫn âm ỉ tiếng thở
Âm ba đều ru vọng tiếng kệ kinh***

***Ngọn đèn vàng lung linh gian nhà tổ
Quá khứ ngồn ngang trong kho báu tuổi thơ
Con nằm đếm những thoi vàng hương hỏa
Canh bạc tàn đêm trăng tráo trơ vơ***

***Ba nằm đó thâm thì tiếng kể
Đưa con xa yên ắng ngóng chuyện xưa
Đời vá vúi từ trăm năm tích cũ
Tiếng Thạch Sùng tắc lưỡi giữa đêm mưa***

***Mụn ung bướu, ba con đau đến vội
Cầm tay nhau được đến bao giờ ?
Trời sắp sáng, chuyến không hành đã đợi
Mắt nhìn nhau được đến bao giờ ?***



***Mai con đi trời lại đổ mưa
Hạt rơi rớt theo đường bay viễn xứ
Ba ở lại giữa vùng đen quá khứ
Miệng đôi gian con hứa hẹn một điểm về***

*Tiếng Thạch Sùng tắc lưỡi giữa đêm mưa
Vùng khí quyển oi ả đêm vân vũ
Tàn hương xưa nụ Quỳnh gục đầu ủ rũ
Đời áo cơm chờ đợi bước thiên di*

*Mai con đi có đôi mắt nhìn theo
Lời vĩnh biệt nhẹ rung làn môi nhợt
Cuộc tử sinh sẽ rẽ ngang đời bất chợt
Ba lạy này , nếu không kịp tiễn đưa nhau*

Vũ Quyên

Thu vàng đổ lá che nghiêng dấu hờ

*Bước xưa xao động sơn hà
Rừng phong xào xạc cong tà lụa bay
Gió mềm rối lộn tóc mây
Tà huy con nắng đổ say tứ bề
Lối mòn níu bước sơn khê
Trăm năm giọt nhớ rót mê khúc tình
Đường quanh co dấu bóng hình
Đổ ta con dốc điêu linh một thời*

*Em che vành nón bờ hời
Dư dòng lệ chảy ngược đời chia hai ?
Đường em thu lá vàng bay
Đường ta thu cũng gọi đầy oan khiên*

*Oi em trái cảm muộn phiền
Thu vàng đổ lá che nghiêng dấu hờ
Bước xưa xào xạc đôi bờ
Ru tình lỡ giấc mơ hoa mướt mà*

*Thương em bước nhỏ chiều tà
Nhánh thu gầy động bao la đất trời*

Vũ Quyên

Đôi mắt xưa

*Con nắng chiều rót trên mái hiên phố cũ
tình cò gặp lại đôi mắt xưa
tóc thề lấm bụi trần ai buông rũ
hàng liễu tình tự gió đong đưa
Đôi mắt nào u uẩn*

vẫn nhói trái tim tôi
đôi mắt nào đuổi theo
em bước chân trốn chạy
Giọt mưa vào xuân rơi hệt hằng
trên màu tóc nhuộm
mộng thời gian cắt ngõ thiên đường
hoa bướm một thời dăng lữ
chảy tràn dòng sông ký ức ngùi hương
Đôi mắt xưa giữa chiều pháo nổ?
giọt mừng hay giọt vẫn vương
đôi mắt tôi vấp ngã khúc "mười thương"
chai rượu cưới ngã nghiêng dốc lòng giọt cạn
Chiều rơi trên phố cũ
lúng liếng đôi mắt xưa
khơi vết thương đóng vảy
hoa nắng cành đông đưa

Vũ Quyên

THĂM NUÔI

*Thời-gian sống trong môi-trường "cải-tạo"
Có gì vui bằng lúc được thăm nuôi?
Lòng nhớ+lo canh-cánh mãi nung sôi,
Gặp mặt được mới thoả tình mong ngóng.*

*Các bạn hỡi! Hôm nay ngày "giải-phóng"
Khởi đoạ-đày, hành-hạ -- kiếp lao-sai!
Cởi bộ áo-quần rách-nát, dơ, khai,
Mặc bộ khác để dành từ đây xách;
Mượn gương lược chải đường ngôi thẳng vách;
Nhoẻn môi cười xem thử có còn... tươi?
Cả tâm-hồn đều tháo mở, buông lời...
Và bè-bạn chúc mừng, thăm hỏi chuyện...*

*Người thăm nuôi, đủ thành-phần hiện-diện:
Những mẹ già, vợ đại, với con thơ;
Những anh trông, chị nhớ, với em chờ;
Những nghĩa trọng, tình thâm, duyên nợ nặng;
Những bức-xúc không làm sao nén dặng:
Khóc hay cười, nước mắt cũng trào tuôn...*

*Người nói thao-thao như sóng bể, mưa nguồn;
Kẻ lặng-lặng nhìn nhau quên hết ý...*

*Thất-thểu những lão-bà
thương bạn già lẻ-loi trong lao-ly;
Bơ-vơ những thiếu-phụ
thiếu đàn-ông trụ cột của gia-đình;
Những vị-hôn-thê bé-bồng xinh-xinh:
Vắng bóng "trâm", "ái-khanh" buồn biết mấy!
Những đứa con mới lần đầu trông thấy
(Khi sinh ra, cha nó đã vô tù!);
Những đứa con như gió thổi, lớn nhanh vù:
Lâu, gặp lại, tưởng con người kế-cận!
Những đứa con đã thành-thân, thành-phận,
Đưa vợ hay chồng đến ra mắt ông gia;
Những đứa con đã làm mẹ, làm cha,
Ấm cháu nhỏ đến diện-trình ông nội/ngoại;*

*Và những đứa con đợi hoài không thấy lại,
(Ngờ ốm đau, bận việc, hoặc đi xa)
Nay tình-cờ hàng-xóm hé môi ra:
Cũng "học-tập", hoặc là... đã chết!*

*Những đứa con vợ sinh chồng chẳng biết,
(Chín tháng, mười ngày, đâu có bao lâu!)*

*Nay vô-tình tin-tức tới tai nhau:
Giọt máu ấy của người nào khác giống!*

*Có một nữ du-kích
mặc áo-quần "quân giải-phóng"
Đội mũ tai-bèo, mang súng ngắn bên hông,
Tới trại giam xin đồng-chí cho thăm chồng!*

*Có một nữ phú-gia lái xe-hơi lộng-lẫy,
Áo dài hoa thướt-tha bên ruộng rẫy,
Tới trại giam xin "cách-mạng" cho thăm chồng!*

*Có một nàng, con cán-bộ kiên-trung,
Giai-đoạn trước yêu nhầm người phía địch,
(Chính-trị thì tương-xung,
mà ái-tình thì không đối-ngịch)
Đến thăm chàng: "em vẫn... đợi-chờ anh!"*

*Có một ông, sao khéo giấu xung quanh,
(Từ lâu nay ai cũng tưởng "hiền-lành", Nay mới lộ:)
hai bà... cùng xuất-hiện!
Ngày thăm nuôi trở thành ngày lớn chuyện!*

*Ở tù càng lâu, càng nhớ người thương;
Bụng càng đói rạc, xác càng giờ xương;
Trái tim nín được, mà dạ-dày ngổ-ngược:
Chất béo, chất đường... ước gì có được!
Mong ngóng quà hơn cả ngóng thân-nhân!*

*Có dăm người "học-tập" thật-sự bình chân,
Không bởi chính-sách mà do gia-đình mới phát.
Trái lại, nhiều người vợ+con lây-lắt,
Đành âm-thầm cam thân-phận "mồ-côi"!
Có kẻ quá thèm, đành mặt lấm, danh hôi:
Đã trộm ngoài đồng, mà về phòng cũng trộm!*

*Có một anh cần-cù -- tre chau, gỗ chạm,
Suốt tháng trời ráp được cái lồng chim;
Bụi cỏ, lùm cây, lũng sục kiếm tìm,
Bắt châu-chấu về nuôi con chít-chít.
Khi nó lớn, biết hót, kêu... ríu rít,
Nhắn vợ nhà đưa đám nhỏ lên theo,
Hy-vọng có quà của bố biểu con yêu;
Nhưng lúc được kêu tên ra cổng trại,
Bị cán-bộ... kiểm-tra ngăn chặn lại,
Ngắm lồng chim, tuyên-bố cấm... và thâu!
Ngày thăm nuôi: buồn biết đổ đi đâu!*

*Có một chị, từ miền xa... lặn-lội
Suốt mấy ngày đêm, sương dầm, gió gội,
Tới thăm chồng... thì chồng đã... ra ma!
Ngày thăm nuôi: ngày uất-hận bao-la!*

*Ôi, những giọt lệ! Những dòng nước mắt!
Chỉ có các người là thành-thật nhất,
Còn, ngoài ra, tất cả phải tô son:
Trong không muốn làm buồn vợ, phiền con;
Ngoài chẳng muốn làm đau chồng, khổ bố;
Và, trước mắt thì nội-quy cáo tố;
Và, bên tai thì cán-bộ rình nghe;
Nên miệng nói yên mà dạ vẫn e:
Môi nở nụ cười mà lòng đau nhói,
Không nói được những gì mong được nói!
Để khỏi vô cùm... và bị cấm thăm nuôi!*

*Có một người hí-hửng mãi không thôi,
Khoe vợ đảm, con ngoan, làm ăn phát-đạt,
Tối, họp Đội, xung-phong ra múa hát
Và góp vui bằng những chuyện... tiểu-lâm...
Nhưng, đêm nằm, nước mắt chảy âm-thầm,
Bị... phát-hiện, đành phơi bày tim óc:
"Con tôi chết mà tôi không dám khóc
"Vì sợ bị phê-bình là... thiếu an-tâm;
"Nhưng, tự đáy lòng, máu mủ tình thâm...
"Xin nhận khuyết-điểm, lần sau khắc-phục!"*

*Ôi, thăm nuôi: thiên-đường trong địa-ngục;
Lòng rộn-ràng, náo-nức như... đi thi.
Chưa ra bài, biết có bằng vàng ghi?
Xong: đậu? hỏng? -- tự tùy mình chấm lấy!*

THANH-THANH



*Harusame ya
Kurenan to shite
Kyo mo ari*

Yosa Buson

Mưa xuân

*Mưa xuân mưa bụi mưa bay
Cuối ngày xuân muộn chiều rơi ngập ngừng*

Quỳnh Chi phỏng dịch (12/3/2008)



*Harukaze ya
Tsutsumi nagoshite
Ie tooshi
Yosa Buson*

Gió xuân

***Gió xuân lồng lộng trên đê
Quê nhà nơi cuối đường về còn xa***

Quỳnh Chi phóng dịch (12/3/2008)



***Osoki hi no
Tsumorite tooki
Mukashi ka na
Yosa Buson***

Ngày xuân

***Ngày xuân chậm chậm dần trôi
Để ngày xuân cũ ngậm ngùi dần xa***

Quỳnh Chi phóng dịch (12/3/2008)



*Shoku no hi wo
Shoku ni utsusu ya
Haru no yuu
Yosa Buson*

Đêm xuân

*Thắp lên từng ngọn nến hồng
Lung linh hoa chúc đêm xuân mơ màng*

Quỳnh Chi phóng dịch (12/3/2008)



Tình lá

*Mùa xuân người ngóng đợi hoa
Tưng bừng yến tiệc đàn ca đón chào
Hoa rơi muôn cánh anh đào
Ngậm ngùi đưa tiễn hoa vào hư không*

*Hoa tàn lá mới nảy mầm
Chồi non xanh biếc muôn phần đẹp xinh
Hững hờ ánh mắt vô tình
Thở than cùng gió lá xanh rì rào*

*Hứng mưa đội nắng trên cao
Mong sao tóc mãi xanh mầu tuổi xuân
Trọn đời lá biếc thủy chung
Che người bóng mát thanh bình giấc trưa*

*Thu sang hiu hắt gió đưa
Heo may giục già đến mùa chia ly
Ngậm ngùi thương tiếc mà chi
Thương sao thương muộn lúc ni ...Lá vàng*

*Tiếc thương thôi cũng muộn màng
Xót xa lá úa vố vàng lá khô
Lá rơi rơi nhẹ hững hờ
Dưới chân cát bụi về mô cuối trời*

Quỳnh Chi (20/4/2008)



Gửi nắng

*Gửi sang đây chút nắng vàng
Cho cành khô héo nảy mầm lá xanh
Gửi sang bên đó nắng lành
Cho chìm làm tổ trên cành sum xuê*

*Khăn choàng buổi sáng tình mơ
Gửi làn nắng nhẹ như tơ lụa mềm
Nắng trưa toan gửi qua màn
Ngập ngừng nắng đậu bên thềm chờ nhau*

*Nắng chiều vương vấn nhạt màu
Đổ dài giọt nắng theo nhau trở về
Chiều rơi nán lại trên đê
Sau mây lưu luyến gửi tia nắng hồng*

*Gửi trên đôi nắng thông dong
Bầy nai trên cỏ mắt nhung dịu dàng
Gửi qua biển lặng thái bình
Muôn làn nắng ấm nắng hiền nắng tươi*

Quỳnh Chi (19/4/2008)

Đợi nắng

*Đợi từ khuya lúc trăng trong
Chập chờn bên núi trắng vắng vặc soi
Lo khi trăng lặn xuống đồi
Nắng lên chẳng kịp mỉm cười chào nhau*

*Biển xa xanh thắm một màu
Hồn mang trời đất thuở nao giao hòa*

*Sao mờ trắng nhạt dần xa
Biển chờ nắng ấm sóng xô rạt rào*

*Tuyết pha sắc ửng hồng đào
Thẹn thùng núi tuyết đón chào Thái Dương
Trong mây đỏ rực lửa hồng
Nắng lên sưởi ấm tuyết băng lạnh lùng*

Quỳnh Chi (Izu, 6/1/2007)



Nắng xưa

*Bên song rón rén nắng tây
Xuyên rèm mi biếc nhẹ lay nắng tìm
Tìm trong đáy cửa hồn linh
Trong vùng ảo giác có thêm nắng xưa*

*Nắng xưa tắt tự bao giờ
Sao còn rực rỡ trong mơ lại về
Dịu dàng hôn nhẹ bờ mi
Bên thêm một cánh đã quỳ nhẹ rơi*

Quỳnh Chi (15/11/2006)

Tìm đâu màu nắng huy hoàng

*Vườn xuân cửa khóa then cài
Thần thờ bóng nắng soi ngoài giậu thưa
Gió thì thầm chuyện nhỏ to
Mưa xuân nhẹ thấm ướt bờ mi nhưng*

*Hè sang nắng hạ cháy lòng
Buông mảnh thưa đuổi nắng hờn ngoài hiên
Ẩn vào đom đóm bay lên
Sau màn đêm mắt nắng nhìn ngàn sao*

*Thu sang nắng ấm ngọt ngào
Ai gây giông bão cho màu nắng phai
Vườn xưa hoa cúc hao gầy
Màu hoa kỷ niệm những ngày nắng tươi*

*Trời đông nắng lịm cuối trời
Còn đâu nắng ấm tìm hoài uổng công
Nhớ thương thôi cũng muộn màng
Tìm đâu màu nắng huy hoàng ngày xuân*

Quỳnh Chi (13/12/2006)



Đêm xuân

***Kindachi ni
kitsune baketari
Yoi no haru
Yosa Buson***

***Người đâu gặp gỡ đêm xuân
Phải hồ ly hóa khuê nhân bốn mình ?
Quỳnh Chi phóng dịch (28/4/2008)***



Mưa xuân

***Harusame ni
nuretsutsu no
temari kana
Yosa Buson***

***Mưa xuân thấm ướt quả cầu
Rơi trên mái bếp vườn sau thuở nào
Quỳnh Chi phóng dịch (28/4/2008)***



Trong sương

*Komabune no
yorade sugiyuku
kasumi kana
Yosa Buson*

*Thuyền đi
Thấp thoáng trong sương
Chẳng vào bến đợi
Mơ màng thuyền trôi*

Quỳnh Chi phóng dịch (28/4/2008)



Cánh bướm mùa xuân

***Tsurigane ni
tomarite nemuru
kochou kana
Yosa Buson***

***Có con bướm nhỏ mơ màng
Ngủ quên trên chiếc chuông đồng chùa bên
Quỳnh Chi phóng dịch (28/4/2008)***



Đồng xuân

***Hata utsuya
ugokanu kumo mo
nakunarinu
Yosa Buson***

***Ngừng tay cuộc
Ngừng nhìn mây
Nầy còn ở đó
Giờ bay đâu rồi !
Quỳnh Chi phóng dịch (28/4/2008)***



Cuối xuân

*Yuku haru ya
shunjun to shite
osozaakura
Yosa Buson*

*Anh đào nở muộn cuối xuân
Luyến lưu nuôi tiếc tuổi hồng ngày qua
Quỳnh Chi phóng dịch (28/4/2008)*



Xuân muộn

*Yuku haru ya
omotaki biwa no
daki gokoro
Yosa Buson*

*Trên tay nặng trĩu cây đàn
Bỏ quên lâu lắm
Muộn màng chiều xuân
Quỳnh Chi phóng dịch (28/4/2008)*